

PHẬT GIÁO HÒA HẢO

---oOo---

**SĂM GIẢNG
THI VĂN TOÀN BỘ
CHÚ GIẢI**

QUYỂN HẠ
Phần Thi Văn Giáo Lý

Tập 1/2
Chú Giải Các Bài Thơ Nôm

CHÁNH VĂN : ĐỨC HUỖNH GIÁO CHỦ
CHÚ GIẢI : THIỆN TÂM

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

Lời Đức Huỳnh Giáo Chủ:

***“Từ sách kinh cho đến thi thơ,
Trong chốn ấy nhiều nơi trọng yếu”.***

*

* *

***“Sớm tỉnh kệ kinh tìm hiểu lý,
Một ngày hiệp hội hết mờ lu”.***

MỤC LỤC
SÁM GIẢNG THI VĂN TOÀN BỘ CHÚ GIẢI

QUYỂN HẠ
Tập 1/2

Chú Giải Các Bài Thơ Nôm

	Trang:
Thay Lời Tựa	5
Lời Nói Đầu Của Soạn Giả	7
Bài 1. Lộ Chút Cơ Huyền	8
Bài 2. Cho Ông Cả Mắt Ghe	30
Bài 3. Mặc Tình Ai	32
Bài 4. Bánh Mì	37
Bài 5. Ông Lương Văn Tốt hỏi	40
Bài 6. Thiên Lý Ca	51
Bài 7. Luận Việc Tu Hành.....	112
Bài 8. Viếng Làng Mỹ Hội Đông.....	120
Bài 9. Cho Ô. Tham Tá Ngà	154
Bài 10. Tỉnh Bạn Trần Gian	178
Bài 11. Khuyên Người Giàu Lòng Phước Thiện	211
Bài 12. Dặn Dò Bồn Đạo	235
Bài 13. Diệu Pháp Quang Minh	265
Bài 14. Sa Đéc.....	336
Bài 15. Nang Thơ Cẩm Tú.....	377
Chỉ Dẫn Tra Cứu	440
Linh tinh	445

THAY LỜI TỰA (Tái Bản tại Hoa Kỳ Lần 1, Năm 2010)

Sám Giảng Thi Văn của Đức Huỳnh Giáo Chủ là bộ pháp bảo, hàm chứa giáo thuyết căn bản, giúp người tín đồ PGHH hiểu biết tông chỉ và phương thức hành đạo.

Đức Giáo Chủ Phật Giáo Hòa Hảo khẳng định Ngài không lập một tôn giáo mới lạ. Ngài chỉ là vị thánh tăng vưng lịnh Đức Thế Tôn hạ giới xuống trần hưng truyền chánh pháp. Cho nên Ngài đã *“nói theo chí Thích Ca ngày trước”* và *“rút trong các Luật các Kinh”* để thành lập một giáo thuyết khế cơ, giản dị, dễ học, dễ tu cho căn cơ thấp kém của phần lớn chúng sanh trong thời Mạt pháp.

Tuy nhiên, dù cố giản dị đến đâu, một bộ **Sám Kinh** chỉ vồn vện khoảng 500 trang mà tóm lược cả *“rừng kinh kệ”* của chư Phật Thánh thì nội dung tất phải hàm súc cô đọng. Hơn nữa, về hình thức, lời lẽ có bình dị cũng không tránh khỏi việc cần sử dụng điển tích, điển văn, Hán ngữ, dụng ngữ Phật pháp, phương ngữ, ... để diễn đạt tư tưởng. Đó là các lý do khiến người tu học đôi khi không dễ hiểu nếu thiếu phương tiện sưu tầm tra cứu.

Cố soạn giả Thiện Tâm là một tín đồ PGHH, một tu sĩ cả đời xả thân tu học, một giảng viên trong Ban Hoằng Pháp chùa Tây An Cổ Tự và Ban Phổ Thông Giáo Lý Giáo Hội Trung Ương Phật Giáo Hòa Hảo trước năm 1975. Ông nhận thức sự cần thiết của một bộ **Chú Giải Sám Giảng Thi Văn** để giúp chư tín hữu khắc phục các trở ngại nói trên nên đã tự nguyện đứng ra làm công tác khó khăn này.

Văn-Tu-Tu là phương châm của người tu học Phật pháp: đọc nghe, suy nghiệm rõ ràng rồi hạ công tu tập thì mới thành tựu được Đạo Giải Thoát.

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng nhắc nhở:

“Coi rồi phải nhận cho rõ lý.”

Và: **“Nghe cạn lời chớ có mờ hồ,
Tìm hiểu nghĩa làm theo đức đạo.”**

Cố Soạn Giả tự nhận việc làm để thể hiện mục tiêu trên không thể hoàn hảo ngay từ bước đầu. Công tác sưu khảo biên soạn này cần có nhiều người góp sức, cần có sự tiếp tục và tiếp tục chinh đốn bổ sung mãi mãi,...

Tái bản và phát không bộ sách này, chúng tôi muốn nối vòng tay thể hiện hoài bão của cố Soạn Giả hầu giúp lợi ích trên đường tu học cho chư đồng đạo và tín hữu Phật giáo gần xa trong tinh thần khiêm tốn đó.

Chúng tôi chân thành cảm tạ quý bạn đạo, hữu danh cũng như ẩn danh, đã và sẽ yểm trợ tích cực về tịnh tài cũng như công sức để thực hiện hoàn thành Phật sự này.

Hoa Kỳ, Mùa Xuân Năm Canh Dần, 2010, P.L. 2554

BAN HIỆU ĐÍNH

Phụ chú: *Phần Chánh Văn và các câu giảng trích trong các mục Chú Giải của Soạn giả được hiệu đính theo Sám Giảng Thi Văn Toàn Bộ, ấn bản năm 2004 (SGTVTĐ 2004) của Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo tại Hải Ngoại và được in chữ đậm (bold) nghiêng (italic).*

LỜI NÓI ĐẦU

Lẽ ra phần Chú Giải Thi Văn Quyển Hạ đã tới tay quý vị khá lâu. Nhưng vì hoàn cảnh và thời gian trắc trở nên cho đến hôm nay tập sách này mới ra mắt quý vị. Soạn giả xin cáo lỗi, mong chư đồng đạo thông cảm cho.

Như quý vị đã biết qua các lời giới thiệu tại Quyển Thượng Tập 1/3 trang 8, bộ Chú Giải Thi Văn Quyển Hạ là gồm các bài Thi Văn Giáo Lý do Đức Huỳnh Giáo Chủ sáng tác từ khoảng tháng năm năm Kỷ Mão (1939) tới tháng 2 nhuận năm Đinh Hợi (1947). Đức Huỳnh Giáo Chủ tùy cảnh tùy duyên mà sáng tác chớ chẳng phải nhất loạt. Sau này, những người có trách nhiệm sưu tập sắp xếp lại theo đề mục cho có thứ tự.

Trong quá trình chú giải, chúng tôi cũng không theo thứ tự đề mục trong Sám Giảng Thi Văn Toàn Bộ (Chánh Văn), mà tùy vào sự nhu cầu học hỏi của các đồng đạo khóa sinh nhiều hơn. Song đến phút cuối cùng chúng tôi cũng phải cố biên soạn mong hoàn tất Quyển Hạ này. Công việc chưa viên thành, vẫn còn đang tiếp tục...

Chúng tôi không quên chân thành cảm tạ quý vị điểm xuyết và góp ý cho những chỗ còn thiếu sót.

Soạn Giả
THIỆN TÂM

Bài1. LỘ CHÚT CƠ HUYỀN

(SGTVTB 2004, tr. 221-223)

XUẤT XỨ - VĂN THỂ - NỘI DUNG :

Sau ngày 18/5 năm Kỷ Mão (1939), Đức Giáo Chủ bắt đầu sáng tác loạt bài Thi Văn Giáo Lý và họa đáp các thi thơ do bá tánh thập phương đến chất vấn.

Bài thi văn thứ nhứt mang tựa đề “**Lộ Chút Cơ Huyền**” trong đây gồm có 10 đoạn thi ngắn, điệu văn vần, thể thi tứ cú hoặc bát cú, loại thuyết giáo.

Phần nội dung, Ngài nhận thấy cõi đời Hạ ngươn sắp đến ngày tàn hoại, nhân sanh phải trải qua cuộc tang thương biến đổi để lập lại Thượng Ngươn. Bởi đây lòng từ bi nên Ngài và chư vị Phật Tiên không thể lặng nhìn trước cảnh nhân loại đang gánh quả đau thương tang tóc, do loài người tham ác tạo ra.

Cho nên các Ngài, “*Ai liễu đạo nơi quốc độ nào thì cũng phải trở về quốc độ ấy mà trợ tế nhân dân*”. Vì thế, khoảng trung tuần tháng 6 năm Kỷ Mão (1939) Ngài hạ bút viết bài thi trên.

Chủ yếu là Ngài nói rõ định luật “*Thành, trụ, hoại, không*” và *lý vô thường* của vạn vật. Để rồi Ngài kêu gọi bá tánh tỉnh cơn mộng huyền, giác ngộ tu hành hầu sau này được toại hưởng cõi đời an lạc:

“Đạo đức hiền lành kiến Tiên bang”.

Sau đây, chúng tôi xin chú giải từng đoạn:

CHÁNH VĂN

- I. **1. Trần-thế lợi danh giấc mộng tràng,
Đời cùng Tiên Phật hạ phàm gian.
Hỡi ai tâm trí mau tầm Đạo,
Tâm đấng hiền-từ cứu thế-gian.**

**Khấp trong bá-tánh kê cảnh khổ,
6. Đạo-đức hiền lành kiến Tiên-bang.**

LƯỢC GIẢI :

Nhận thấy cuộc đời sắp đến ngày cuối cùng, chư Phật Tiên lâm phạm cứu khổ nhân sanh. Hiện nay dù ta có đeo níu lợi danh quyền tước cho nhiều, khi rốt cuộc cũng nắm tay không, mà cảnh khổ lại kề một bên. Vậy ai là người hữu tâm hữu trí, sớm thức tỉnh tâm bậc chơn sư có đủ hạnh đức hiền từ mà nương theo tu hành để sau này được hưởng cảnh thái bình an lạc của đời Thượng Ngươn thánh đức (đời TNTĐ là cảnh Tiên Dục-giới như Đạo Lợi Thiên, mỗi tiên nhơn đều sống đến hàng vạn năm) .

CHÚ THÍCH :

CƠ HUYỀN: Cũng đọc là huyền cơ. *Cơ* là máy, *huyền* là sâu kín màu nhiệm. Hiểu chung là máy trời màu diệu sâu kín, thông thường khó mà hiểu đặng. Đức Giáo Chủ từng nói: “*Huyền cơ máy tạo xoay vần*”(Bóng Hồng).

TRẦN THỂ: Cũng gọi là *thể trần*. *Trần* là bụi, *thể* là cõi đời. Ý chỉ cõi đời chúng sanh đang sống đầy khổ đau khắc nghiệt mà ai cũng phải gánh chịu. Đức Giáo Chủ từng nói: “*Cuộc trần ôi quá khổ !*” (Thức Tỉnh một Nữ Tín Đồ). Hay là: “*Cuộc thể trần nhiều đoạn khó khăn*”. (Gởi Bác Sĩ Cao Triều Lợi).

LỢI DANH: Cũng gọi là *danh lợi*, hai điều trong trong sáu điều ham muốn). Có nghĩa tiền của và danh vị tước quyền, ai ham mến nó tuy được lợi lộc và danh vọng trước mắt nhưng có hại về sau. Vì nó như miếng mồi tất có lưỡi câu và thuốc độc trong đó (bả vinh hoa mồi phú quý).

“*Cái vòng danh lợi cong cong,*

Kẻ hồng ra khỏi người mong bước vào”.(Ca dao)

Đức Giáo Chủ từng cảnh tỉnh:

“Lợi danh hai chữ mắt lờ trông”. (Bà Năm Cò)
Nên Ngài khuyên nhắc môn đồ:

**“Xin đừng đeo đấm lợi danh,
Bỏ trôi đạo đức hư danh dạy truyền”.**

(bài Từ Già Làng Nhơn Nghĩa).

GIÁC MÔNG TRÀNG: *Mộng* là chiêm bao. *Tràng* hay *trường*, nghĩa là dài. Hiểu chung là giấc mộng dài. Ý chỉ cuộc đời quá ngắn ngủi, mau lẹ. Chiêm bao trong đêm là giấc mộng ngắn. Còn kiếp người như giấc mộng dài; dù ta có gây tạo lợi danh quyền tước nhiều cỡ nào đi nữa, rốt cuộc cũng nắm tay không.

Đức Giáo Chủ hằng đánh thức ;

**“Dương gian mau tỉnh trong tràng mộng,
Tầm kiếm nơi nào đạo siêu cao”.**

(bài Hai Mươi Chín Tháng Chạp)

ĐỜI CÙNG: Cuộc đời sắp hết. Ý chỉ thời Hạ Ngươn sắp tàn cõi, đổi sang đời Thượng Ngươn an lạc tới đây:

**“Hạ Ngươn nay đã hết đời,
Phong ba biến chuyển đổi đời gia cang”.**(Q.1)

Hoặc là:

**“Khấp lê thứ biến di thương hải,
Dùng phép mâu lập lại Thượng Ngươn”.**(Q.2)

Nên Ngài thức tỉnh:

**“Đời cùng tu gấp kịp thi,
Đặng xem báu ngọc ly kỳ năm non”.**(Q.3)

TIÊN PHẬT: *Tiên* là bậc tu hành được trọn lành trọn sáng, không còn phạm mười điều ác và đã thoát tục, về cõi Thiên đường. *Phật* là các đấng đã hoàn toàn giác ngộ, tự giác giác tha và giác hạnh viên mãn.

HA PHÀM GIAN: Xuống cõi trần. Các vị Tiên Phật từ cõi siêu thoát chuyển kiếp hoặc hóa thân vào cõi trần gian độ rỗi chúng dân, nên gọi là lâm phàm.

“Ông Phật” ở đây là chỉ cho Đức Phật Thầy Tây An chuyển kiếp lại Đức Huỳnh Giáo Chủ. Còn “ông Tiên” là

ám chỉ ông Cử Đa, đạo hiệu Ngọc Thanh, lúc còn tu Tiên tại núi Tà Lon đã được chứng Đạo và được cả quần Tiên đều xưng tụng Ngài là Tiên Trưởng, thời gian sau đó được Đức Phật Thầy truyền pháp...

Cả thầy trò đầy lòng từ bi và có bản nguyện cứu khổ chúng sanh, nên gọi chung là “Tiên Phật hạ phàm gian”.

Đức Huỳnh Giáo Chủ có câu:

**“Thầy Khùng trò lại hóa Diên,
Khùng Diên mấy tháng tình riêng ai ngờ”.**

(Dặn Dò Bồn Đạo)

TÂM TRÍ: Tâm có hai thứ : vật chất và tinh thần.

Về vật chất thì tâm tức là *trái tim* (nhục đoàn tâm).

Về tinh thần thì có *duyên lực tâm* và *chơn như tâm*.

- *Duyên lực tâm* là lòng suy biết, lo lắng, duyên theo thất tình lục dục.

- *Chơn như tâm* là cái tâm thường còn không biến đổi, không hoại diệt, cũng gọi là *chơn tâm* hay *Phật tánh*.

Trí cũng có hai thứ:

a)-**Thê trí:** Tức là phần khôn biết trong tinh thần của con người ở thế gian. Trí này có giới hạn, nếu ai học hỏi nhiều thì sáng biết nhiều, học hỏi ít thì sáng biết ít.

b)-**Trí huệ:** Tức là cái trí sáng biết thông suốt vô cùng tận, không vật gì ngăn ngại được; do công đức tu hành khi diệt hết vô minh mà đặng trí này.

Tâm và Trí đồng một thể, tâm là thể của trí, trí là dụng của tâm, ví như ngọn đèn và ánh sáng. Khi tâm muốn rõ việc chi thì dùng trí mà phán xét tìm hiểu rồi đưa cho tâm quyết định. Đức Giáo Chủ dạy:

“Lấy tâm làm chủ trì mọi việc, lấy trí mà phán xét mọi việc trước khi ta sắp đưa cho tâm chủ trì...”

(Trong Việc Tu Thân Xứ Kỳ)

Nói chung, *tâm trí* là chủ tể của xác thịt, là nguồn gốc của vũ trụ vạn hữu: “*Nhất thiết duy tâm tạo*”.

Trong Lăng Nghiêm Kinh, Phật có nói:

“Nhất pháp sở sanh, tùy tâm sở hiện,

Nhất thiết nhân quả, thế giới vi trần nhân tâm thành thể”(Các pháp có sanh ra là do nơi tâm biến hiện, mà tất cả các pháp, như: Nhân quả, phàm thánh, quyền thiết...cho đến lớn như thế giới, nhỏ như bụi trần đã do nơi tâm mà hiện ra thì cũng do nơi tâm mà thành thể).

TÂM ĐẠO: Dùng tâm trí tìm hiểu *nền đạo* nào chơn chánh đúng chân lý, có mục đích tôn chỉ hẳn hoi và *ông thầy* hướng dẫn phải là bậc minh sư, tài đức gồm đủ để nương theo hầu tránh sự tu hành bị mê lầm lệch lạc:

“Tu hành tâm đạo một mai cứu đời”. (Q.3)

ĐẮNG HIỀN TỬ: Bậc đại hiền, hạnh đức viên dung, từ bi hi xả, bình đẳng khoan dung và có bản nguyện cứu khổ chúng sanh.

BÁ TÁNH: Trăm họ. Ý chỉ chung tất cả mọi người (thành ngữ: *vạn dân bá tánh*).

“Tổ ít câu cầu chúc cho đời,

Mong bá tánh vạn dân giải thoát”. (Q.4)

ĐẠO ĐỨC: Đạo có nhiều nghĩa: con đường, môn phận, chơn lý (bản thể) tuyệt đối và cũng gọi là *chánh pháp* hay *chơn tánh*. Đức là tâm lành, là thể hiện của nhân lành. Việc *đạo đức* là công việc hiền lành đạo nghĩa đúng theo con đường chánh pháp và chơn lý: *“On nhà đạo đức quyết đền ân”*. (bài Tĩnh Bạ Trần Gian).

KIẾN TIÊN BANG: Thấy được nước Tiên, tức sống được cảnh đời Thượng Ngươn Thánh Đức tới đây. Trong Sấm Giảng Bửu Sơn Kỳ Hương và Phật Giáo hòa Hảo đều có cho biết và xác định như vậy.

“Lập Thượng Ngươn tuổi cả dư muôn”.

(Kim Cổ Kỳ Quan của Ô. Ba Thới)

“Theo ta đến chốn Tiên bang,

Đặng coi các nước hội hàng năm non”.

(Thiên Lý Ca)

CHÁNH VĂN

- II. 7. *Thiên địa u-minh dĩ đạo tràng,
Thập bát chư hầu lục há khan.
Đạo-lý tâm sâu, sâu chẳng cạn,
10. Đồi cùng ly-loạn khắp chư bang.*

LƯỢC GIẢI :

Xưa nay sự đổi thay của Nhơn sanh và vũ trụ không ngoài cuộc vận xoay của ý Đạo. Đức Giáo Chủ còn cho biết trận đệ nhị thế chiến xảy ra, khiến nhân loại cả thế giới chung chịu bao nỗi đau thương khổ lụy. Chỉ có những người biết nương theo con đường Đạo lý mới mong cứu vãn, song mỗi hành giả phải gắng công đào sâu vào tâm não mới thấu đạt.

CHÚ THÍCH :

THIÊN ĐỊA: Trời đất

U MINH: Tối tăm, mờ mịt, mênh mông sâu thẳm không có ranh giới.

DĨ ĐẠO TRÀNG: *Dĩ* là lấy hay dùng; *Đạo tràng* hay *đạo trường* là trường dạy đạo hoặc chỉ nơi Phật thành đạo (Bồ Đề Đạo Tràng), *Đạo tràng* còn chỉ *Chơn tâm*, *Phật tánh*. *Dĩ Đạo Tràng*: chỉ nhà tu khi trực nhận Chơn tâm tức đắc đạo (ví dụ: Chúc ông mau đắc đạo tràng). Toàn câu "*Thiên địa u minh dĩ đạo tràng*" có nghĩa tuy trời đất mênh mông mù mịt, thường Nhơn khó mà thấu đáo nhưng không lọt ngoài cái lý của Đạo (do Đạo mà thành). "*Thiên ý không riêng mỗi đạo mâu*". (Thiên Lý Ca).

Bởi nhà tu khi đắc đạo thì *chơn tâm* bao trùm cả vũ trụ vạn hữu, không sự vật nào mà chẳng thấu đạt. Cũng như cả vũ trụ vạn hữu đều do tâm mà thành.

THẬP BÁT CHƯ HẦU: Mười tám nước nhỏ chung quanh phục tùng một nước lớn. Nghĩa bóng là chỉ khắp thế giới. Cũng như vạn quốc hay chư bang, chỉ hết thấy các nước đã có trên thế giới (hoàn cầu). Giảng xưa có câu: “*Mười tám nước lai giảng hàng đầu*”. (Kim Cổ Kỳ Quan).

Đức Giáo Chủ PGHH thường nhắc đến:

***“Các nơi liệt quốc chư bang,
Chúc cầu bình trị trướng loan sum vầy”.***

LUY: Cũng đọc là lệ, nghĩa là nước mắt.

HÁ KHAN: Chẳng khô ráo. Nghĩa bóng: chỉ trận thế chiến thứ II (1939-1945) xảy ra khiến cho hơn loại khắp thế giới đều gánh chịu tai nạn: giết hại lẫn nhau, thiên tai, địa ách, đói đau chết khổ xảy ra liên tiếp từ đợt này đến đợt khác, hiện giờ cũng chưa dứt, khiến dòng lệ của dân chúng chưa dừng được. Đức Giáo Chủ PGHH diễn tả cảnh ấy:

***“Cha nọ bỗng con vợ khóc òa,
Tan nát xóm-diềng khổ dữ a !
Nhà không kẻ ở, ôi ! nói trước.
Nếu chẳng tin lời gặp thiết-tha”.***

(bài Đề Chơn Đất Bắc)

ĐẠO LÝ: Lý lẽ của Đạo. Cái lý đương nhiên hợp với lẽ phải mà ai cũng công nhận.

Riêng chữ Đạo có 3 ý nghĩa: a) Con đường của tâm hồn, b) Bồn phận, c) Bản thể tuyệt đối.

Chữ Đạo ở đây là chỉ cho nghĩa thứ ba (bản thể tuyệt đối). Bởi nó sâu mâu khó tả, không thể dùng văn từ ngôn ngữ hay hình tượng mà hiểu đặng ***“Đạo lý tầm sâu, sâu chẳng cạn”***.

LÝ: Là giáo lý, lời lẽ luận giải các kinh luật và pháp môn tu hành của Thầy Tổ và chư Phật Thánh đã dạy. Hành giả cứ nương theo đó mà học hỏi tu tiến đến chỗ thâm nhập chơn lý tuyệt đối và thành đạo quả.

Đức Thầy có câu:

**“Hạ giải dạy khuyên truyền Đạo lý,
Giả dạng Điên Khùng mượn thi ca”.**

ĐÔI CÙNG: Chỉ đời Hạ Nguơn sắp mãn để lập lại Thượng Nguơn. Cũng như quả địa cầu này sắp rụng để thay quả địa cầu khác. Vì nghiệp duyên của mỗi chúng sanh ở đây đã kết, rồi tùy theo nghiệp quả của mỗi chúng sanh mà chuyển sang cảnh giới khác để hưởng thụ cảnh vui khổ sang hèn nữa.

LY LOẠN KHẮP CHƯ BANG: Cảnh chiến tranh giặc loạn, đói đau khổ não khắp thế giới, không nước nào mà chẳng có.

CHÁNH VĂN

- III. 11. *Thương hải tang điền ất chảng yên,
Thiên địa diệt gian dĩ thiện riêng.
Cơ thâm họa diệt từ đây có,
Bộ máy thiê- cơ ất đảo huyền,
Tuất-Hội nhị niên giai tiền định,*
16. *Huòn lai Thượng-cổ mới bình-yên.*

LƯỢC GIẢI :

Cảnh thương hải tang điền xưa nay là qui luật của nhân sanh, vũ trụ lúc nào cũng chuyển biến luôn. Đó là sự trả vay giữa nhân và quả. Cơ thâm họa diệt (muru sâu ất họa cũng sâu), hiền còn dữ mất.

Đức Thầy cũng đã tiên tri đến hai năm Tuất Hợi nào đó, chúng dân sẽ được hưởng cảnh thái bình an lạc. Bởi định nghiệp của trời đất sẵn bày hễ hết Hạ Nguơn thì trở lại Thượng Nguơn thánh đức.

CHÚ THÍCH :

THƯƠNG HẢI TANG ĐIỀN: Do câu sách: “*Thương hải biến vi tang điền*” hay “*tang điền biến vi thương hải*” (Biển xanh hóa ra ruộng dâu hoặc ruộng dâu trở thành biển xanh). Theo Phật học đây là luật vô thường, không một sự vật nào nằm y nguyên một chỗ.

Xưa có Ma Cô Tiên nữ, chính mắt bà chứng kiến ba lần ruộng dâu hóa ra biển xanh. Ý chỉ cuộc đời và vạn vật luôn thay đổi, không chi là bền chắc lâu dài. Các thi nhân Việt Nam thường viết:

“*Trăm năm một cuộc bể dâu,
Người cùng cây cỏ khác nhau chút nào*”.
(Nguyễn Trãi)

“*Thoảng bên tai một tiếng chày kình,
Khách tang hải giạt mình trong giấc mộng*”.
(Chu Mạnh Trinh)

Đức Giáo Chủ PGHH luôn nhắc nhở:

“***Cuộc tang thương dâu bể cảnh trần***”. (Q.5)

THIÊN ĐỊA DIỆT GIAN DĨ THIÊN RIÊNG:

Thiên địa là trời đất; *Diệt gian* là tiêu diệt phần gian ác; *Dĩ* là lấy dùng; *Thiên riêng* là dành lại người hiền. Nghĩa rộng cả câu: Theo định luật nhân quả của trời đất thì ngày chung cuộc những kẻ gian tà hung ác sẽ bị luật đào thải diệt vong, chỉ còn dành lại số hiền lương đức hạnh sống đời Thượng Ngươn thánh đức:

“***Kẻ tà gian sau bị lửa thiêu,
Người tu niệm sống đời Thượng cổ***”. (Q.2)

CƠ THÂM HOA DIỆC: Cũng viết là “*Cơ thâm thì họa diệt thâm*”, nghĩa là nếu người mưu tính mẹo sâu kẻ độc để hại kẻ khác thì sau đó cũng sẽ bị kẻ khác dùng mưu kẻ sâu độc hại lại mình (nhân quả nghiêm minh).

Đức Giáo Chủ từng nhắc lại:

“***Cơ thâm thì họa diệt thâm,
Nào trong sách sử có làm ở đâu***”. (Q.1)

THIÊN CƠ: Máy trời, cuộc vận chuyển của trời đất như một guồng máy không ngừng nghỉ, nhưng âm thầm kín đáo, thường nhơn khó mà biết được. Đức Giáo Chủ có câu:

“Máy thiên cơ mỗi phát mỗi thay”.(Q.2)

ĐẢO HUYỀN: Treo ngược xuống. Nghĩa bóng sự khổ sở đến cực điểm.

“Khấp trong thiên hạ đảo huyền từ nay”.(ĐT)

TUẤT HỢI NHI NIÊN: Hai năm Tuất và Hợi. Đây là lời Đức Thầy tiên tri nhưng chỉ nói *chi* mà không nói *can* nên chưa đoán được năm Tuất Hợi nào. (Thiên cơ bất khả lậu !).

HUỒN LAI THƯỢNG CỔ: *Huồn lai* là trở lại. *Thượng cổ* là thời xưa. Ý chỉ đời Thượng Ngươn thánh đức. Theo sự vận chuyển của lý tam ngươn, hể hết thượng thì tới trung rồi tới hạ. Thượng Ngươn thì con người hiền lương thánh đức nên thế giới thái bình an lạc. Qua Trung Ngươn, đức tánh con người kém dần, đến Hạ Ngươn thì lòng người hung ác gian xảo, giành giựt sát hại lẫn nhau nên phải chịu quả khổ sâu, tiêu diệt như đã thấy. Tới đây sắp đến chu kỳ lập lại Thượng ngươn (Thượng cổ) từ vô thì tới giờ chẳng biết bao nhiêu lần như vậy.

Đức Giáo Chủ PGHH cho biết:

*“Việc đời nhiều nổi sâu bi,
Hạ Ngươn đã đến loạn ly cơ đồ”*. Và:
*“Chừng nào Thượng cổ hồi qui,
Thế trần mới hết khinh khi Phật Trời”*.

CHÁNH VĂN

- IV. 17. *Điên này vốn thiệt ở núi Vàng,
Thương đời nói rõ việc lâm than.
Khuyên trong lê-thứ mau mau tỉnh,*
20. *Yên trí nghĩ suy biết đá vàng.*

LƯỢC GIẢI :

Bốn câu thi trên Đức Giáo Chủ cho biết danh hiệu và nơi cư trú của Ngài, vì lòng từ bi thương xót sanh linh nên nói rõ những tai nạn thống khổ sắp tới để khuyến hóa mọi người sớm thức tỉnh tu hành hay rõ biết lòng tốt xấu mà lọc lừa:

***“Lọc lừa rõ đặng vàng thau
Đem thân mua lấy mận đào thiên nhiên”.***
(Bài Viếng Làng Mỹ Hội Đông)

CHÚ THÍCH :

ĐIÊN: Trong Sám Thi của Đức Giáo Chủ có đề hai bút hiệu: Ông Diên và ông Khùng. “Ông Khùng” là Thầy, “ông Diên” là vị đệ tử thứ nhất:

***“Thầy Khùng trò lại hóa Diên,
Khùng Diên mấy tháng tình riêng ai ngờ”.***
(Dặn Dò Bồn Đạo)

NÚI VÀNG: Nghĩa của chữ Kim Sơn. Đây chỉ nơi cư ngụ và cũng là Phật danh của Đức Giáo Chủ. Năm 1939 có một dị nhân đến xưng tụng Ngài: ***“Kim Sơn Phật ấy giáng sanh đành rành”.*** *Bán lộ giang hồ kính tặng Kim Sơn Phật (Thơ Ông Bán Chiêu).*

Thời gian sau, Ngài có xác định trong một bài thi khoán thủ “Kim Sơn Thượng Đẳng”.

LÀM THAN: vất vả, cơ cực, khổ sở lắm.
“Khiến dân phải chịu làm than muôn phần”.
(Thơ Lục Vân Tiên)

Đức Giáo Chủ từng nói:

***“Làm than khói lửa với bình đao,
Áu Á lung tung nhuộm máu đào”.***
(Ai Người Tri Kỷ)

YÊN TRÍ: Giữ tâm trí cho được yên lặng bình tĩnh mà suy nghĩ.

ĐÁ VÀNG: Cũng gọi là *vàng đá*. *Đá* là một thứ khoáng vật cứng chắc, thường dùng xây nhà hay lót đường. Nghĩa bóng chỉ cho lòng cứng rắn, chung thủy không ai lay chuyển được. *Vàng* là một thứ kim loại quý, giá trị cao, màu vàng, thường làm đồ trang sức. Nghĩa bóng chỉ cái gì quý giá đáng trân trọng, ghi nhớ hơn hết. Hai chữ *đá và vàng* ghép chung lại thành một từ ngữ để chỉ cho những sự chắc thật, trung thành giữa bạn bè, thầy trò, hay vợ chồng; tình nghĩa đối với nhau lúc nào cũng mặn nồng, chung thủy, không hề thay đổi phai lợt. Cổ văn thường nói: “*Kim thạch chi ngôn khắc vu ngũ nội*”(lời vàng đá khắc ghi vào ngũ phủ).

Vậy *vàng đá* còn tượng trưng cho lời nói và lòng chân thật, đối với *chì thau* để chỉ sự giả dối, không giá trị. Đức Giáo Chủ đã bảo:

***“Vàng đá bao phen cơn nước lửa,
Chì thau lắm chuyện lúc non hài”.***

CHÁNH VĂN

- V. 21. *Ý gì Tiên-Trưởng muốn khuyên đời,
Mà đời làm-lạc lắm đời ôi !
Đạo-đức nhuốc-nhơ mà sao dựng,
24. Tỉnh giấc mau mau mới kịp thời.*

LƯỢC GIẢI :

Đại lược đoạn thứ 5 Đức Thầy cho biết lý do Ngài lâm phạm độ thế là vì thấy chúng sanh đang lặn ngụp trong vô minh dục vọng, đã theo đạo mà chẳng lo tu thân hành đạo. Ngược lại còn hành động các điều xấu ác thì mong gì kết quả. Tuy người tu hiện giờ hay bị người đời chê bai cười nhạo, nhưng sau này sẽ được cao quý. Thế nên Đức Thầy kêu gọi mọi người hãy sớm thức tỉnh tu hành cho kịp với thời gian:

***“Tu kíp kíp nếu không quá trễ,
Chừng đối đầu khó kiếm Diên Khùng.
Cứu lương hiền chẳng cứu người hung,
Kẻ gian ác đến sau tiêu diệt”. (Q.2)***

CHÚ THÍCH :

TIÊN TRƯỞNG: Bậc Tiên gia, đứng đầu chư Tiên. Lúc ông Diên (biệt danh của Đức Giáo Chủ) còn tu tại núi Tà Lon có dự cuộc thi và đã được trong hội quần Tiên tuyển chọn Ngài là bậc Tiên Trưởng.(Xin xem Giảng Tà Lon sẽ hiểu thêm đầy đủ).

ĐẠO ĐỨC: Chữ Đạo có nhiều nghĩa: *Đạo* là con đường, là bản phận, là chân lý (bản thể tuyệt đối). Đạo cũng chỉ Chánh pháp hay Chơn tánh. *Đức* là tâm lành là thể hiện của nhân lành. Việc đạo đức là công việc hiền lành đạo nghĩa, đúng theo con đường của chánh pháp và chơn lý. Đức Giáo Chủ từng nhắc nhở:

“On nhà đạo đức quyết đền ân”. (Tĩnh Bạ Trần Gian)

NHUỐC NHỒ: Xấu xa, nhục nhã, bị người chê bai.

TỈNH GIÁC: Thức giấc. Ý nói chúng sanh trong cõi hồng trần cứ đắm say các vật chất: danh, lợi, tình như kẻ đang ngủ mê trong giấc mộng nên Đức Giáo Chủ đánh thức mọi người sớm “tỉnh giấc” để lo tìm đạo tu hành.

CHÁNH VĂN

- VI. 25. ***Bi-động từ tâm gọi mây lời,
Chúng sanh Nam Bắc lụy tuôn rơi.
Kim-Sơn xem thấy lòng tha-thiết,
28. Mà còn nhiều lắm, chúng sanh ôi !***

LƯỢC GIẢI :

Đại ý bốn câu trên Đức Thầy cho biết: Vì thấy chúng sanh khắp thế giới đang gánh chịu những nỗi đau khổ, chẳng những trong hiện tình mà thời gian tới đây sẽ còn nhiều hơn nữa nên Ngài động lòng từ bi, lâm phạm mở cơ phổ hóa.

CHÚ THÍCH :

BI ĐỘNG: Kích động tâm từ bi.

TỪ TÂM: Lòng hiền lành hay thương người mến vật và lo tìm phương cứu độ.

CHÚNG SANH: Chúng hữu tình, tức chỉ cho những loài có tri giác, có mạng sống. Gồm cả bốn loài: loài sanh bằng trứng, loài sanh bằng bào thai, loài sanh nơi ẩm thấp và các loại hóa sanh.

NAM BẮC: Hướng Nam và hướng Bắc. Nghĩa bóng là chỉ chung khắp thế giới (Đông, Tây, Nam, Bắc; Đông nam, Tây nam, Đông bắc, Tây bắc, Thượng phương và Hạ phương). Bởi cuộc thế chiến xảy ra thì không một nước nào mà dân chúng chẳng khổ sầu rơi lệ.

KIM SON: Núi vàng, nhưng chữ Kim Sơn ở đây là chỉ Phật danh của Đức Thầy (Kim Sơn Phật), và còn có nghĩa là nơi chư Bồ Tát Đăng giác an trụ. Trong Thi Văn Ngài có viết:

“Trì địa Kim Sơn đến cõi Bông”.

THA THIẾT: Cũng gọi là *thiết tha*. *Thiết* là cắt; *Tha* là mài giũa. Nghĩa bóng là quá ân cần hoặc đậm đà tha thiết. Chữ tha thiết còn chỉ cho cảnh thảm khổ rất mực. Trong Quan Âm Tế Độ có câu:

“*Liếc xem bên mái tả cung,*

Từ nhân than khóc vô cùng thiết tha”.

Chữ *thiết tha* được Đức Giáo Chủ đặt ở đây, vì Ngài thấy cả chúng sanh đang gánh chịu cảnh thảm khổ mà động mối từ tâm thương xót.

CHÁNH VĂN

- VII. 29. *Nam-Việt cúi lòn dài dậm-dặc,
Nhưng ấy chẳng qua tại lẽ trời.
Đạo-hạnh huyền cơ khuyên đó kiếm,
32. Chẳng vậy sau này khó thành-thời”.*

LƯỢC GIẢI :

Dân tộc Việt Nam bị người Pháp đô hộ thời gian dài gần 80 năm. (Ý nói VN ta trước kia thôn tính nước Chiêm Thành và Chân Lạp nên bây giờ bị người Pháp đô hộ lại). Đây cũng là định luật của tạo công (nhân quả) bởi dân chúng quốc gia này lấn chiếm quốc gia khác, sau đó sẽ bị quốc gia khác chiếm lại, cứ vay trả trả vay với nhau không dứt. Đức Giáo Chủ hằng bảo:

*“Nợ nần Tiên tổ đã gây nên,
Con cháu ngày nay phải báo đền”.*

(Rút Cái Ngu Đản)

CHÚ THÍCH :

NAM VIỆT CÚI LÒN: Người dân Việt Nam chịu ách thống trị của thực dân Pháp, họ áp bức và bóc lột dân ta đủ cách.

LỄ TRỜI: Lễ tạo hóa, tức định luật nhân quả.

ĐẠO HẠNH: Đạo lý và hạnh đức tốt đẹp. Ví dụ: Người biết ăn ở đối xử từ trong gia đình đến ngoài xã hội đều đúng theo lẽ phải toàn hảo toàn hòa. Chữ đạo hạnh ở đây chỉ cho nên Đạo:

*“Ngôn từ đạo hạnh ý Thầy khuyên,
Hạnh Đức ân cần răn tập khuyên”.* (Q.5)

HUYỀN CƠ: Hay cơ huyền(Xem lại CT tại tr. 9).

CHÁNH VĂN

- VIII. 33. *Cổ-ngữ hàng ghi thậm khổ đa,
Tận diệt nhơn-gian trực tiên khoa.
Lão giả hậu qui nhơn ấu giả,*
36. *Ly kỳ thiên định dĩ thiên la .*

LƯỢC GIẢI :

Đức Giáo Chủ cho biết chư Phật Thánh trước kia đã tiên tri đến ngày tận diệt buổi hạ ngươn, dân chúng chịu cảnh vô cùng khổ não. Vì phải trải qua cuộc chọn lọc hiền còn dữ mất, bởi luật trời căn cứ vào nhân quả mà quyết định, không một nước nào hay người nào thoát lọt được và đến lúc đó sẽ xảy ra nhiều cuộc lạ lùng chưa từng thấy: Nào cảnh thương hải tang điền, nào người già hóa trẻ.

CHÚ THÍCH

CỔ NGŨ: Lời xưa. Những lời hay ý đẹp của người xưa nói ra để răn đời đã trở thành danh ngôn hoặc sấm ký. Như lời của cụ Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm và Đức Phật Thầy Tây An... Đức Giáo Chủ PGHH thường nhắc nhở:

“Lời xưa người cổ còn ghi...”.(Q.1)

Hoặc là: *“Lấy lời xưa kết lại ít tở”*.(Q.5)

HÀNG GHI: Thường ghi chép lưu lại trên Kinh sách.

THÂM KHỔ ĐA: *Thậm* là rất; *Khổ* là khổ sở đau đớn; *Đa* là nhiều, rất nhiều. Ý nói sắp tới đây cuộc khổ não sẽ xảy ra cho dân chúng rất nhiều, không kể xiết.

TẬN DIỆT NHƠN GIAN: *Tận* là dứt hết; *Diệt* là chẳng còn; *Nhơn* là người; *Gian* là không gian và thời gian, tức cõi trần gian chúng sanh đang ở. Ý nói theo chu kỳ của luật tuần hoàn và lý tam ngươn thì con người và cõi trần gian này, chỉ sống một thời gian nào đó rồi phải bị tận diệt để lập lại cuộc đời khác:

“Bấy lâu nay nuôi dưỡng chắc chiu,

***Nay tận diệt lập đời trở lại,
Khấp lê thứ biến di thương hải,
Dùng phép mầu lập lại Thượng Ngươn***". (Q.2)

TRỰC TIÊN KHOA: *Trực* là ngay thẳng; *Tiên* là trước; *Khoa* là thứ bực hoặc màn lớp. Ý nói khởi đầu cuộc đời từ Hạ ngươn sang Thượng ngươn thì màn chọn lọc hiền còn dữ mất, tốt còn xấu mất, là trước hết.

LÃO GIÀ HẬU QUI NHƠN ẬU GIÀ: Sau cuộc lập đời những người già sẽ trở lại trẻ. Đức Giáo Chủ PGHH từng cho biết:

***"Chừng bầy núi lều son lộ vẻ,
Thì người già hóa trẻ dân ôi !"***

(Đáp họa Ô. Lương Văn Tốt)

Hoặc: ***"Chừng lập hội thì già hóa trẻ,
Khấp hoàn cầu đổi xác thay hồn***". (Q.2)

LY KỶ: Việc lạ lùng, khác thường khó suy đoán được, nhưng lại có xảy ra đúng như vậy:

***"Sau đây nhiều chuyện ly kỳ,
Kể sao cho xiết vậy thì dân ôi !"*** (Q.3)

THIÊN ĐỊNH: Trời đất đã định sẵn, không sai chạy được. Cũng hiểu như chữ luật trời, tức luật nhân quả. Trong bài "Thiên Lý Ca", Đức Giáo Chủ đã cho biết:

***"Muôn thu Thiên định nhứt kỳ,
Hạ ngươn sắc lệnh khai kỳ Long Hoa***".

DĨ THIÊN LA: *Dĩ* là dùng lậy; *Thiên la* là lưới trời, do chữ "*thiên la địa võng*". Đức Lão Tử nói: "*Thiên võng khôi khôi sơ nhi bất lậu*" (lưới trời lồng lộng thưa mà chẳng lọt). Ý nói người có tội ác giấu người được chớ không giấu được luật trời đất. Đức Giáo Chủ cũng xác định:

"Trốn người khỏi trốn trời sao khỏi !" (Q.5)

Và: ***"Cả trời nam lưới bủa thiên la***". (Nang Thơ Cẩm Tú)

CHÁNH VĂN

- IX. 37. *Tây-phương trở gót quá xa đàng,
Thương xót Nam-kỳ lại An Giang.
Đoái thấy xóm làng thêm bất chán,*
40. *Yêu đời mê-muội luống bầm gan.*

LƯỢC GIẢI :

Đại ý bốn câu trên Đức Giáo Chủ nói rõ tiền kiếp của Ngài đã tu hành chứng đạo và đã có ngôi vị bên Tây Phương Cực Lạc. Nhưng vì lòng thương xót chúng sanh nên Ngài trở lại khai hóa đạo mầu tại Thánh Địa Hòa Hảo, thuộc tỉnh An Giang. Ngài cũng nhận xét nhân sanh còn mãi mê say cảnh đời ảo mộng, chưa chịu thức tỉnh tu hành, khiến Ngài đau xót cả tim gan.

CHÚ THÍCH :

TÂY PHƯƠNG: Hướng Tây. Đây chỉ cho cõi Cực Lạc. Trong Kinh A Di Đà, Đức Phật Thích Ca có giới thiệu: *Cách đây mười muôn ức cõi Phật về hướng Tây, có một quốc độ tên là Cực lạc, do Đức Phật A Di Đà làm Giáo chủ, cõi này hoàn toàn thanh tịnh an vui, không còn khổ não như cõi Ta bà chúng sanh đang ở. Nên gọi đó là Cực lạc và cũng có tên là Tịnh độ (tịnh thổ)*. Đức Giáo Chủ có viết:

“Tây phương Cực lạc Khùng ngồi tòa sen”.

(Dặn Dò Bôn Đạo)

Hoặc là:

***“Cõi Tịnh độ lắm điều thanh nhã,
Khổ buồn rầu lo sợ chẳng còn”.*** (Q.5)

NAM KỶ: Miền Nam nước Việt Nam. Khi người Pháp thống trị nước Việt Nam họ phân chia nước ta làm ba miền: Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ. Thời tự chủ (nhà Nguyễn) “Nam kỳ” gồm có sáu tỉnh: Biên Hòa, Gia Định,

Định Tường, Long Hồ, An Giang và Hà Tiên. Thời Pháp thuộc Nam kỳ chia nhỏ ra 20 tỉnh.

AN GIANG: Nguyên khởi thời nhà Nguyễn là tỉnh An Giang, qua thời Pháp thuộc chia làm hai: Long Xuyên và Châu Đốc. Đến 1956 sát nhập lại thành một (tỉnh An Giang), tới năm 1964 lại tách ra làm tỉnh Châu Đốc, còn lại phân nửa giữ tên An Giang như trước, cho đến bây giờ cũng sát nhập, lấy tên y như cũ (An Giang). An Giang được xem là “Thánh địa PGHH”, nơi Đức Huỳnh Giáo Chủ khai sáng nền Đạo.

Sấm thi Bửu Sơn Kỳ Hương có hai câu tiên tri:

*“Sài Gòn mất, Gia Định còn,
Châu Đốc mất trước tiếng còn An Giang”.*

(Kim Cổ Kỳ Quan của Ô. Ba Thới)

MÊ MUỘI: Không sáng suốt, chỉ cho số người còn sống theo vô minh dục vọng. Đức Giáo Chủ có nhận xét:

*“Thấy đời mê muội lắm than,
Ăn bạ nói càn tội lỗi chửi ghê”.* (Q.1)

CHÁNH VĂN

- X. 41. *Thiên-Trước tòa sen có chỗ ngồi,
Xuống trần chẳng dụng chôn cao ngôi.
Khấp trong Sáu-Tĩnh toàn giả dối,
Xá phước tăng-sư tạo việc tội.
Thiên-cơ thế giới đà biến chuyển,
Từ rày trần hạ lợi danh trôi,
Tu hành giả dối khuyên khá đổi,*
48. *Cúng kiếng trai đàn cũng nên thôi”.*

(Hòa Hảo, tháng 6 năm Kỷ-Mão)

LƯỢC GIẢI :

Đoạn kết của bài “Lộ Chút Cơ Huyền”, Đức Thầy cho biết lúc chưa lâm phạm độ thế, Ngài đã có sẵn ngôi vị bên cõi Cực Lạc chẳng màng đến quyền tước vị danh nơi

trần tục. Song vì lòng từ bi thấy số người tu chẳng đúng theo chánh pháp vô vi của đạo Phật, mãi chạy theo hình tướng dị đoan gây tạo danh lợi ảo huyền.

Cơ trời đã biến chuyển những gì hình thức hư dối điều tan biến theo định luật thành, trụ, hoại, không. Ngài khuyên khắp các giới tu hành hãy sớm bãi bỏ những hình tướng hư dối ấy. Trong sách (?) *Tĩnh Thế Ngô Chơn* có câu:

*“Sắc tướng tinh âm chư ngoại giáo,
Chân truyền cụ thất Đạo nan thành”.*

(Nếu hành giả còn dùng sắc tướng tinh âm là người còn ngoại đạo, vì đã thất chân truyền nên đạo quả ắt khó thành).

CHÚ THÍCH :

THIÊN TRƯỚC: Cũng đọc là *Thiên Trúc* hay gọi là *Tây Thiên Trước*. Bởi nơi ấy có Phật giáng sanh và phát xuất đạo Phật, từ đó người tu Phật cũng gọi như vậy. Nhưng chữ *Thiên Trước* còn có nghĩa rộng là chỉ cõi Tây Phương Cực Lạc (An Dưỡng Quốc) của Đức Phật A Di Đà. Trong *Kệ Dân* (Q.2) Đức Thầy có cho biết”

*“Cảnh Thiên trước thom tho nồng nặc,
Chẳng ở yên còn xuống phàm trần”.*

Và:

*“Cảnh Tây thiên báu ngọc đầy lầu,
Rán tu tỉnh tìm nơi an dưỡng”.* (Q.2)

TÒA SEN: Nghĩa của chữ Liên Hoa, dành cho người tu khi chứng quả được an tọa trên đó. Vì hoa sen tượng trưng cho sự trong sạch (cư trần bất nhiễm, lẩn tục đừng mê) ở Thánh không thêm, ở phàm không bớt, lúc nào cũng tự tại vô ngại. Các Ngài tâm đức đã viên mãn giờ trở lại trần gian cứu độ chúng sanh mà tâm không hề ô nhiễm trong lưới mê trần trược.

Ở đây chỉ cho Đức Giáo Chủ PGHH đã thành Đạo trong nhiều tiền kiếp, nay vì lòng từ bi và có bản nguyện độ tận chúng sanh nên Ngài mới nhập thế cứu đời như Ngài từng thốt:

***“Lòng từ bi chẳng quản nắng mưa,
Xông thuyền giặc rước đưa sanh chúng”.*** (Q.5)

SÁU TỈNH: Do chữ “Nam kỳ lục tỉnh”. Nước Việt Nam vào thời cự trào nhà Nguyễn, miền Nam có sáu tỉnh: Biên Hoà, Gia Định, Định Tường, Long Hồ, An Giang và Hà Tiên qua thời Pháp thuộc mới chia thành 20 tỉnh.

XÁ PHƯỚC: Viết cho đủ là *xá phước lầu kho, giấy tiền vàng bạc, giấy quần áo*. Những vật này do các thầy nhưn bông làm ra để khi có các cuộc tang ma, làm tuần, cầu siêu, đem đốt cho người chết xuống cõi âm phủ xài được và xá hạc xá ngựa đó sẽ mang phước số ấy đến Trời Phật được. Đứng là việc lạ lùng mê tín dị đoan nên Đức Giáo Chủ giác tỉnh họ:

***“Xá với phước là trò kỳ quái,
Làm trai đàn che miệng thế gian,
Kể vinh hoa phú quý giàu sang,
Mướn tăng chúng dựng làm chữ hiểu,
Thương bá tánh vì không rõ hiểu,
Tưởng vậy là hơn nghĩa vẹn toàn.
Thấy lạc lầm đây động lòng son,
Khuyên bốn đạo hãy nên tỉnh ngộ”.*** (Q.2)

TẶNG SƯ: Các thầy tu theo đạo Phật mang hình thức xuất gia cư trú các nơi: Chùa am, thiền viện đạo tràng... Song tặng sư có hai hạng:

1.-Hạng do tu học giáo lý, nghiên cứu kinh điển, tu hành đúng theo chơn lý và giáo hóa chúng sanh, đó là *hạng tặng sư chơn chánh*.

2.-Số tăng sư chuyên đi làm đám, bày các vật lễ cúng tế, như xá phước lầu kho giấy tiền vàng bạc cầu cúng

khiến cho chư thiện tín lạc vào mê tín và u tối thêm. Đó là *hạng tăng sư hành động sai chơn lý* của đạo Phật.

TAO VIỆC TÔI: Làm những việc mê tín dị đoan, không đúng chơn lý và qui điều của Phật Tổ đã dạy khiến kẻ ngoại đạo chê bai làm mất phẩm giá của tăng đồ.

TRAI ĐÀN: Do Phạm ngữ Dânna (Scr.), phiên âm *Đàn-na*, có nghĩa cúng dường Tam Bảo và bố thí. Thuở xưa, các Phật tử hay môn đồ nhà Phật thường tổ chức *trai-đàn*; vua quan, trưởng giả, những nhà hảo tâm hùn của tiền, lúa gạo, thuốc men, y thực để cúng dường Đức Phật và chúng tăng cũng như bố thí cho dân nghèo cơm áo, vật dụng, thuốc men, nhà ở, v.v... Đồng thời thỉnh các tăng sư, trí thức thuyết pháp cho đại chúng nghe để họ sớm thoát cảnh khổ đau sanh tử. Đó là đúng ý nghĩa của cuộc trai đàn, nên làm.

Về sau, các cuộc trai đàn bị lệch lạc rất nhiều. Họ bày ra lễ vật cầu cúng đượm mùi mê tín như đã giải trên...Trai tăng thì có, nhưng phần bố thí chỉ tượng trưng chiếu lệ. Ban tổ chức làm ít cỗ bánh và một số tiền kẽm xỏ vào cây hương, tới giờ cúng các cô hồn (xô giàng) phóng ra cho các trẻ em giành giật, còn bao nhiêu thì dành lại làm của riêng.

Theo Đức Giáo Chủ PGHH thời này, chẳng phải muốn phá lệ mà chỉ khuyên các tăng sư nên sửa đổi cải bỏ cách cầu cúng làm chay không đúng ý nghĩa hai chữ *trai đàn* trong giáo lý nhà Phật.

Bài 2. CHO ĐỨC ÔNG MẮT GHE (SGTVTB 2004, tr. 223)

CHÁNH VĂN

1. *Thoàn nhỏ ly gia vị tất nan,
Bửu sanh du lịch lục châu giang.
Kim Sơn thương mãi toàn lê thứ,*
4. *Thức tỉnh bá gia giấc mộng tràng.*
(Hòa Hảo, tháng 7 năm Kỷ-Mão)

XUẤT XỨ: Bảy giờ khoảng đầu tháng 7 năm Kỷ Mão (1939), trong gia đình Đức Ông bị mất một chiếc ghe nhỏ mình lườn, hai chèo. (Thời đó người ta dùng cây súc lớn bằng sao hoặc sến, cắt vừa tầm thước rồi đục khoét trong ruột để chèo đi. Nhỏ thì kêu ghe lườn, đóng cặp thêm đôi be gọi là ghe cà-vom). Đức Ông cho người nhà theo dò kiếm mấy ngày vẫn chưa được. Thấy Đức Ông lo lắng, Đức Thầy liền viết bài thi tứ cú nói trên, đọc cho Đức Ông nghe và bảo: “*Ông Cả tìm mấy ông lão thông chữ Nho bàn thử*”.

LƯỢC GIẢI :

Đại ý bốn câu thi trên Đức Giáo Chủ cho Đức Ông, thân sinh của Ngài biết lý do chiếc ghe nhỏ của Đức Ông bị mất, khó mà tìm ra mau được. Vì Ngài cùng một đệ tử đã mượn đi ngao du khắp sáu tỉnh miền Nam. Khi thì giả ra người mua bán, lúc lại giả kẻ chèo đò, ăn xin v.v...khắp đó đây để thức tỉnh bá gia sớm giác ngộ tu hành:

*“Lục châu ta dạo bằng nay,
Khuyên trong lê thứ ngày rày tỉnh tâm”.*(Q.1)

CHÚ THÍCH :

ĐỨC ÔNG: Thân phụ của Đức Thầy, tên thật là Huỳnh Công Bộ, lúc đó đang làm chức Hương Cả trong Ban Hội Tề làng Hòa Hảo.

LY GIA: Lìa khỏi nhà. Ý chỉ chiếc ghe Đức Ông đang cặm bên bồng nhiên bị mất.

VI TẮT NAN: Khó mà biết hoặc chưa giải bày cho biết và cũng chưa tìm bày giờ được.

BỮU SANH: *Bửu* là báu quý. *Sanh* là sống trở lại. Riêng chữ *Bửu* là danh hiệu của vị Giáo Tổ Bửu Sơn Kỳ Hương, tức là Đức Phật Thầy Tây An và cũng là tiền thân của Đức Huỳnh Giáo Chủ. Gọi tắt là Đức Thầy Bửu Sơn.

Trong Sám Giảng quyển Nhứt, Đức Giáo Chủ có tường thuật lúc Ngài hành đạo nơi vùng núi báu, được gặp Đức Thầy Bửu Sơn truyền cho pháp diệu;

*“Nhờ trời may mắn một khi,
Thần thơ lại gặp Đức Thầy Bửu Sơn.
Cúi đầu Diên tỏ nguồn cơn,
Động lòng bác ái ra ơn dạy truyền.
Thấy Diên tâm tánh quá thiêng,
Nội trong sáu khắc biết liền thiên cơ”*.

DU LỊCH: Đi ngao du đó đây để xem phong cảnh và nhơn tình dân chúng.

LỤC CHÂU: Cũng như từ *Lục tỉnh*, tức sáu tỉnh Nam phần Việt Nam. Vào thời nhà Nguyễn, vua Gia Long chia làm 6 trấn: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Long Hồ, An Giang, Hà Tiên. Đến năm Tân Mão (1831), vua Minh Mạng đổi *sáu trấn* ra *sáu tỉnh*, tức là *sáu châu*. Đến thời Pháp thuộc, *sáu châu* được chia làm 20 tỉnh, rồi 21 tỉnh, tức thêm tỉnh Vũng Tàu, trước đó thuộc Bà Rịa. Danh từ “*dạo lục châu*” được Đức Giáo Chủ đề cập nhiều lần trong Sám Giảng Thi Văn của Ngài:

“Khấp sáu châu nức tiếng người đồn”.(Sa Đéc)

Hay là:

“Lục châu chưa giáp mà lòng ủ ê”.(Q.1)

KIM SƠN: (Xem lại CT tại tr. 21).

THƯỜNG MÃI: Mua bán. Lúc Đức Thầy đi *dạo lục châu*, Ngài thường giả ra kẻ mua bán, ăn xin chèo đò...

LÊ THỨ: *Lê* là đen; *thứ* là đông, nhiều. Cũng có nghĩa như chữ *lê dân* (dân đen). Chỉ cho tất cả nhân dân. Ví dụ: Khấp lê thứ hay trong lê thứ.

THỨC TỈNH: Tỉnh thức kẻ còn mê để họ sớm biết tu hành theo lẽ phải:

“Mau thức tỉnh tu thân kéo trễ”. (Q.5)

GIÁC MÔNG TRĂNG: (Xem lại CT tại tr. 10)

Bài 3. MẶC TÌNH AI

(SGTVTB 2004, tr. 223-224)

XUẤT XỨ: Khoảng hạ tuần tháng 5 năm Kỷ Mão (1939) Đức Giáo Chủ mới khai Đạo độ đời; bây giờ có nhiều người ở chung quanh thấy Ngài còn nhỏ tuổi mà đứng ra làm công việc lớn lao, vừa thuyết giảng viết kinh, vừa trị bệnh độ đời, nên họ đâm ra ghét ghen đố kỵ, tìm đủ lời chê bai châm chích.

Bao tiếng thị phi ấy lúc nào Đức Giáo Chủ cũng gác để ngoài tai, ung dung tự tại chỉ một lòng lo độ tận nhơn sanh.

Hôm ấy Ngài vừa sáng tác vừa ngâm lên bài thi gồm 3 đoạn với nhan đề “Mặc Tình Ai”.

CHỦ ĐÍCH: Ngài khuyên bá tánh vạn dân hãy kiên nhẫn tu hành và lo rèn chí lập thân. Vì chỉ có thời gian độc nhất này rất thuận lợi cho chúng ta tu thân hành đạo để sau này được toại hưởng điều quý báu.

CHÁNH VĂN

- I. *1. Bá-gia mận lạt mặc tình ai,
Đạo-lý tâm đâu chẳng thấy rày.
Chỉ thấy hình trơ thân xác trọi,
Ai người tâm đạo nghĩ càng hay;
5. Ai người thích đạo thấy chàng rày.*

LƯỢC GIẢI :

Lúc Đức Thầy mở cơ phổ hóa có nhiều người bàn ra tán vào, nhạo chê đủ cách, nhưng lòng Ngài không màng kể. Bởi họ chỉ đứng xa bên ngoài nhìn vào sự tướng nên thấy Ngài chỉ là một thanh niên ít học như bao nhiêu thường dân khác. Chỉ có những người tâm đạo mới nhận ra Ngài đã đầy lòng từ bi độ chúng và càng nghĩ càng thấy cái đạo rất cao thâm mầu diệu. Còn những kẻ không thích Đạo (bỏ đạo) họ xem cái đạo như là một chướng ngại vật (chàng-ray) cản trở bước tiến của họ, thảo nào họ chẳng bình phẩm phiến diện.

CHÚ THÍCH :

BÁ GIA: Trăm nhà, ý chỉ chung tất cả dân chúng.
“*Nhứt gia hữu sự, bá gia ưu*”. (Tục ngữ)

MẶN LẠT: Vị mận và vị lạt. Nghĩa bóng là chê khen, thương ghét, kẻ nói vậy người nói khác. Đức Thầy có câu:

*“Mặc tình ai nói thiệt hơn,
Thấp cao tai tiếng làm ơn cho đời”*.

(Bài Đề Chơn Đất Bắc)

MẶC TÌNH: Mặc kệ, tùy ý ai nói sao thì nói, chê khen gì cũng mặc:

*“Kể chi miệng mồi lưỡi lằn,
Mặc tình thế sự kêu thằng hay ông”*.

(Bài Cây Đuốc Huệ)

TÂM ĐẠO: Trong lòng hàm chứa những điều đạo đức tốt lành, hợp với đạo lý. Ví dụ: Người có tâm đạo:

“Ai người tâm đạo đừng toan phụ Thầy”.

(Từ Già Bỏ Đạo Khấp Nỗi)

THÍCH ĐẠO: Bỏ đạo, không ưa đạo. Do câu: “*Chánh kỹ dĩ giáo nhơn giả thuận, thích kỹ dĩ giáo nhơn giả nghịch*”(Có nghĩa: Biết tu sửa cho mình được chánh đúng với đạo rồi đem dạy đời, ấy là thuận vậy. Bằng bỏ mình không lo tu hành, đi dạy đời là lẽ nghịch vậy).

CHANG RAY: Chàng ràng cản trở như vật chướng ngại. Ý nói người “thích đạo” (bỏ đạo) thì họ coi cái đạo là một chướng ngại vật đối với họ.

CHÁNH VĂN

- II. 6. *Thâm thâm tối tối gẫm ai hay,
Mặc sức dương-trần chữ đặng cay.
Có báu thì ta dành của báu,
9. Ai tầm cho giỏi mới được hay.*

LƯỢC GIẢI :

Trong thời Pháp thuộc, chánh sách người Pháp quá gắt gao đối với các Đạo giáo nên Đức Giáo Chủ dạy các môn đồ phương cách tu hành là phải âm thầm kín đáo, không nên phô trương hình thức và dù cho người đời có chê bai gièm siểm cũng mặc:

*“Mặc tình ai nói thiệt hơn,
Thấp cao tai tiếng làm ơn cho đời”.*

(Bài Đề Chơn Đất Bấc)

Mỗi hành giả phải xét biết cái đạo quý giá vô cùng, vàng ngọc cũng không sánh được. Cũng như chỉ có chơn tâm mới là thật, là trường tồn vĩnh cửu. Vậy mỗi người phải nên theo dõi mà gìn giữ tu sửa tâm tánh tất tương lai sẽ đạt thành đạo quả (thấy được chơn tâm).

CHÚ THÍCH :

THÂM THÂM TỐI TỐI: *Thâm* là ngầm; *tối* là kín đáo, không phô trương cổ võ bằng hình thức bên ngoài. Giảng xưa có câu:

*“Niệm Phật thì niệm âm thâm,
Niệm lớn nhiều kẻ giận bầm lá gan”.*

(Kim Cổ Kỳ Quan)

Còn Đức Thầy thì cho biết:

*“Dân tình xài xể dập bầm,
Nào hay ta đã thương ngầm sanh linh.*

Xác trần ta mở oai thịnh,

Đạo mầu truyền pháp thành linh không hay”.

DUYANG TRẦN: *Dương* là cõi đời. Ý chỉ mọi người trong thế gian.

CHỮ ĐẮNG CAY: Lời lẽ chê bai châm chích. Trong thời gian Đức Giáo Chủ mới khai Đạo, có nhiều người dùng đủ lời đấng cay nặng nhẹ, gièm siểm chê bai, nhưng Ngài vẫn nhẫn nhịn, miễn sao giúp được số người giác tỉnh tu hành là Ngài an lòng:

*“Cay đắng siểm gièm thân lão chịu,
Miễn đời thanh trị hết cuồng nông”.*

Hoặc là:

“Thấy ta lại nói cay nói đắng,

Đắng với cay ta cũng chẳng màng”. (Q.4)

CỬA BÁU: Trong đời có hai vật quý báu: Một, ở thế gian là vàng bạc ngọc ngà châu báu tiền của, hai, xuất thế gian thì có đạo tâm và Phật tánh...

Cửa báu ở đây Đức Thầy ám chỉ đạo tâm và Phật tánh của mỗi người. Hành giả phải dùng trí đạo mà gìn giữ không để mất. Bởi lẽ vàng bạc của cải bị mất, ta có thể tạo ra được, còn tâm tánh bị mất đi rồi muôn kiếp khó tìm, vì phải luân hồi sanh tử.

“Luân hồi sáu nẻo khôn lần bước ra”.

(Cho Ô. Cò Tàu Hảo)

CHÁNH VĂN

- III. 10. *Lo lo liệu liệu chịu tiếng trần,
Có một hội này rón lập thân.
Chớ để trễ chầy rền chẳng kịp,
13. Khuyên ai khuya sớm rón chuyên cần.*

LƯỢC GIẢI :

Lòng Đức Giáo Chủ lúc nào cũng lo tìm cách giác tỉnh người đời sớm tỉnh ngộ quay đầu hướng thiện, dù ai có chê bai gièm siểm cũng mặc. Ngài kêu gọi khắp vạn dân hãy lo lập thân hành đạo, vì chỉ có cơ hội này là duy nhất. Nếu ta không tinh tấn tu hành ắt phải huốt đi cơ hội may mắn, Đức Thầy thường thúc giục:

***“Tu kịp kịp nếu không quá trễ,
Chùng đối đầu khó kiếm Diên Khùng”.*** (Q.2)

CHÚ THÍCH :

LẬP THÂN: Tự lập thân mình. Đã mang thân con người thì phải lo tu tập cho nên danh phận với đời. Sách Thánh có câu: *“Lập thân hành đạo dương danh u hậu thế dĩ hiển kỳ phụ mẫu hiếu chi chung giả”*. Đức Thầy luôn nhắc nhở môn đồ:

***“Bạch trình giữ lấy nghĩa nhân,
Muốn về cõi Phật lập thân cõi trần”.***

TRỄ CHẬY: Chậm muộn chần chờ giải đãi, không kịp với thời gian cơ hội, Đức Thầy luôn kêu gọi:

***“Mau thức tỉnh tu thân kéo trễ,
Đến tội rồi mới hối muộn màng”.***

KHUYA SỚM: Cũng gọi là sớm khuya. *Khuya* là từ 3 giờ đêm tới 6 giờ sáng, *sớm* là từ 6 giờ sáng tới 8 hay 9 giờ tối. Cũng có nghĩa là sáng và chiều, hoặc ngày và đêm. Chữ sớm khuya ở đây là chỉ cho hai thời lễ bái và niệm Phật của mỗi tín đồ PGHH. Đức Giáo Chủ từng dạy:

“Gắng công trì niệm sớm khuya”(Q.5). Hoặc:

*“Sớm với chiều gắng chí nguyện cầu,
Thì sẽ được tòa chương dựa kể”.* (Q.4)

CẦN CHUYÊN: *Cần* là siêng năng không biếng trễ hay trù trù lằn lưa; *Chuyên* là chuyên nhứt làm một việc. Ví dụ: Chuyên nghiên cứu kinh sách, chuyên làm việc xã hội, chuyên tâm hành đạo. Vậy *cần chuyên* là siêng năng và nhứt tâm thi hành một việc mà lòng mình đã quyết định. Đức Thầy từng dạy”

*“Sớm khuya bá tánh cần chuyên,
Nghe lời dạy bảo cảnh Tiên dựa kể”.*

(Bài Đề Chơn Đất Bức)

Bài 3.- BÁNH MÌ

(SGTVTB 2004, tr.224)

XUẤT XỨ: Khoảng thượng tuần tháng 6 năm Kỷ Mão (1939), một sáng sớm, Đức Thầy đến thăm gia đình ông Nguyễn Duy Hinh, cách phía dưới Tổ Đình độ 300m. Gia đình ông Hinh có bà con với Ngài. Bấy giờ phía ngoài đường lộ có tiếng người rao bán bánh mì đi ngang. Tiếng rao nghe thanh thót lọt vào tai mọi người. Đức Thầy liền tức cảnh viết hai bài thi: Một bài bát cú và một bài tứ cú.

Chủ đích là Ngài nói lên tinh thần thương yêu nước non nòi giống.

NỘI DUNG : Đại ý Đức Thầy mượn đề tài bánh mì để phê bình nền văn minh vật chất của Âu Tây. Họ chỉ tô vẽ cái nét đẹp hào nhoáng bên ngoài, chớ thực chất là thống trị dân tộc ta, khiến phải mất quyền tự chủ trên 70 năm qua.

CHÁNH VĂN

- I. *Mì kia gốc phải nước mình không ?
Nghe thấy rao mì thốt động lòng.
Chiếc bánh nảo-nùng mùi khách lạ,
Bát cơm đau đớn máu cha ông.
Văn-minh những vỏ trung ba mặt,
Thấm-thía tìm gan ứa mấy giòng.
Nhớ lại bảy mươi năm trở ngược,
Say mì lắm kẻ bán non sông.*

LƯỢC GIẢI :

Đại ý tám câu thi trên, khi Đức Thầy nghe tiếng người rao bánh mì mà kích động từ tâm: Đau xót cho dân tộc ta vì ham thích những gì mới lạ của ngoại bang mà vội quên đi tinh thần đạo đức cổ truyền.

Bấy lâu vì quá mê nhiễm nền văn minh vật chất mà nhiều người cam tâm làm tay sai cho giặc Pháp, khiến dân tộc ta bị họ thống trị gần thế kỷ nay.

CHÚ THÍCH :

MÌ: Tức là bánh mì, một thứ bánh làm bằng bột mì, do lúa mì xay ra, gốc từ Âu Tây sản xuất. Nghĩa bóng: Chỉ cho các vật liệu văn minh của người Pháp.

NẢO NÙNG: Cũng gọi là *nảo nông*, hay *nảo nề* buồn bã *áo nảo* lắm: “*Áo nảo tâm can cảnh mộng sầu*”. Và : “*Thấy bá gia gặp lúc nảo nùng*”.(Q.4)

VĂN MINH: *Văn* là văn vẻ; *minh* là sáng sủa. Tức là cái văn vẻ sắc thái sáng sủa. Lối sinh hoạt của loài người khi đã tiến xa khỏi thời kỳ dã man và khi đã khai hóa đến chỗ sáng sủa. Nhưng chữ *văn minh* ở đây là chỉ cho số người học đòi theo nếp sống mới của Âu Tây:

“*Văn minh sửa mặt sửa mày,
Áo quần láng mượt ngày rày ăn chơi*”. (Q.3)

Hoặc là:

**“Đời văn minh vật chất bỏ gương xưa.
Nghệ thuật tiên con cháu cứ vầy bừa,
Học thói mới lãng loàn theo sở dục”.**

(Trao Lời Cùng Ô. Táo)

TRUNG BA MẶT: Nền văn minh của Âu Tây quá chú trọng về vật chất, họ chỉ trưng bày ba mặt bên ngoài là: khoa học, kinh tế và cơ khí; nhưng còn mặt bên trong là tinh thần đạo đức. Bởi thiếu mặt đạo đức làm nòng cốt nên họ dễ đưa nhơn loại đi đến họa diệt vong.

BẢY MƯƠI NĂM TRỞ NGƯỢC: Tính từ Hiệp ước 1862 là năm quân đội Pháp chiếm ba tỉnh miền đông Nam Việt, rồi lấy luôn Nam kỳ lục tỉnh, tới năm 1939 là 77 năm.

SAY MÌ: Mê thích bánh mì. Ý chỉ sự mê đắm, say nghiện nền văn minh vật chất của Pháp.

NON SÔNG: Cũng gọi là *núi sông*. Nghĩa của chữ *giang sơn*. Bán non sông là bán nước.

CHÁNH VĂN

- II. ***Khải hoàn dân chúng mới nhàn an,
Dân mẫn còn mê giấc mộng tràng.
Thâm-thê thế sự mùi cay đắng,
Ta hồi đau lòng khách ngoại bang.***

LƯỢC GIẢI :

Một quốc gia khi bị mất quyền tự chủ, dân chúng phải chịu cảnh điêu linh, đói đau giặc loạn, thật là thảm khố vô ngần. Cho đến khi nào đất nước được phục hồi, dân chúng mới toại hưởng cảnh thái bình an lạc.

Muốn được vậy, Đức Thầy kêu gọi mọi người sớm tỉnh con mộng huyện, hướng thiện tu hành để thoát ly cảnh khổ. Bấy giờ, Ngài rất đau lòng khi thấy dân chúng nước ta còn bị người Pháp đô hộ.

Bài 5. Ông LƯƠNG VĂN TỐT hỏi ĐỨC THẦY họa

(SGTVTB 2004, tr. 225-226)

Ông Lương Văn Tốt là một cụ đồ ở kinh Đồng Tân, xã Mỹ Hội Đông (Long Xuyên). Tuy là một nho gia nhưng ông rất hâm mộ Phật pháp, nên có làm bài thi tứ cú đến chất vấn Đức Huỳnh Giáo Chủ. Hôm ấy khoảng cuối tháng 6 năm Kỷ Mão (1939).

Đây là bài thi ông Tốt hỏi:

CHÁNH VĂN

*Mộ đạo ơn trên chưa hiểu danh,
Xin ông phân cặn chúng nghe rành.
Ba ngàn thế-giới ai là chủ ?
Mở lòng từ-bi dạy chúng sanh .*

LƯỢC Ý: Đại lược bài thi trên, ông Tốt muốn tỏ ý rằng ông là người rất hâm mộ đạo đức, nhưng chưa biết danh hiệu của Đức Thầy. Ông muốn hỏi khắp “ba ngàn thế giới” ai là chủ và xin Đức Thầy mở lòng từ bi giải bày cho ông và bá tánh được rõ.

Đức Giáo Chủ liền rút viết họa đáp bài thi trên và hỏi lại một bài tứ cú. Còn tặng thêm ông Tốt một đoạn giảng song thất lục bát biến thể, dài 26 câu.

Đây là bài thi Đức Thầy đáp họa:

CHÁNH VĂN

*Vưng lịnh Phật Tôn chưa hiểu danh,
Ngặt vì pháp-luật khó phân rành.
Cần-khôn muốn biết ai là chủ,
Tu hành theo dõi đến mây xanh.*

LUỢC GIẢI :

Nội dung bốn câu thi trên, Đức Giáo Chủ cho ông Tốt biết: Ngài vưng lịnh Đức Thế Tôn, tức Đức Phật Thích Ca khai hóa đạo mâu, song chưa nói rõ danh hiệu, vì trong thời Pháp thuộc, người Pháp dùng chánh sách bạo tàn đàn áp các tôn giáo nên Ngài chưa thể nói rõ danh tánh. Vậy ông muốn biết ai là chủ trong trời đất, hãy rán tu hành cho thấu đạt *lý chơn không*, tức là cái *chơn tâm diệu minh* (không mà chẳng không của mình). Bởi nếu người còn đứng ngoài ngưỡng cửa của đạo thì dù có được giải bày thế nào, cũng không thấu hiểu được.

Bài thi Đức Thầy hỏi lại ông Tốt:

CHÁNH VĂN

*Vì sao thế-giới lại ba ngàn ?
Học đã rành chưa đến hỏi han ?
Đã lắm nho văn thì phải đối,
Đáp lời cho vẹn kiến Tiên-bang.*

LUỢC GIẢI :

Bài thi trước Đức Thầy chỉ giải đáp ần ý. Bài thi này Ngài hỏi vặn lại: “*Vì sao gọi thế giới lại ba ngàn?*” Nếu ông là người thông suốt nho văn, hãy đáp thử xem. Nếu ông Tốt giải bày đúng đắn hoàn toàn, tất được thấy cảnh Phật Tiên trước mắt.

CHÚ THÍCH :

BA NGÀN THẾ GIỚI: Theo Phật học, đây là nghĩa của câu “*Tam thiên đại thiên thế giới*” tức là một *Thế giới lớn*, như thế giới Ta bà .

- Một *Tiểu thiên thế giới* gồm 1.000 thế giới nhỏ;
- Một *ngàn Tiểu thiên thế giới* hiệp lại là một *Trung thiên thế giới* (gồm 1.000.000 nhỏ);

- Một ngàn Trung thiên thế giới hiệp lại là một Đại thiên thế giới (1.000.000.000 thế giới nhỏ).

Thế thì một “Tam thiên đại thiên thế giới”, hay là một “Đại thiên thế giới” gồm có 1 tỷ thế giới nhỏ.

Để rõ hơn khái niệm này, xin ghi chép tóm lược như sau:

Một thế giới gồm có: 1 núi Tu Di, 1 mặt trời, 1 mặt trăng, 1 tứ châu thiên hạ ở chung quanh núi Tu Di (Đông Thắng Thần Châu, Tây Nguu Hóa Châu, Nam Thiên Bộ Châu, Bắc Cu Lu Châu) và nhiều cõi trời. Trái đất chúng ta ở thuộc Nam Thiên Bộ Châu. Trái đất gồm có 5 châu nhỏ là: Á Châu, Âu Châu, Mỹ Châu, Phi Châu, Úc Châu. Nước Việt Nam thuộc Á Châu.

Bên trên chúng ta còn có các cõi trời thuộc tam giới: Dục Giới (Kâmvacara), Sắc Giới (Rupâvacara) và Vô Sắc Giới (Arupâvacara). Tạm ghi như sau:

A.- DỤC GIỚI: Dục giới nói chung là cảnh giới của các chúng sanh còn ưa thích ngũ dục: sắc, thanh, hương, vị, xúc. Cảnh giới này bao gồm cả lục đạo: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Nhơn, A-tu-la, Thiên. Riêng về Dục-giới thiên (còn có tên là *Lục-dục thiên*) thì gồm có 6 tầng trời. Chư thiên (tiên) trong 6 tầng trời này vừa hưởng phước lạc về ngũ dục vừa trông nom các chúng sanh trong các cõi A-tu-la, Nhơn và địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Các ngài ủng hộ nền đạo lý, xem xét thế gian, che chở người hiền đức tu hành khỏi bị bọn hung thân phá hại. Đặc biệt, tại cung Trời Đâu Suất có Đức Di-Lặc Bồ-Tát thường giáo hóa chư tiên. Sáu tầng Trời Dục giới gồm có:

1&2. *Tứ-thiên vương và Đạo-lợi thiên*: chúng sanh ở cõi này hành dâm như con người trên trái đất.

3. *Dạ-ma thiên*: hành dâm qua sự bông bế nhau.

4. *Đâu-suất thiên*: hành dâm qua sự nắm tay nhau.

5. *Hóa-lạc thiên*: hành dâm bằng quây mặt nhìn nhau cười.

6. *Tha-hóa Tự-tại thiên*: hành dâm bằng cách ngó liếc nhau.

B.-SẮC GIỚI: Ở cõi Trời này chúng sanh (chư thiên) không còn ham muốn ngũ dục nhưng còn hình thể. Đây là cõi của chư Tiên chư Thánh tu hành đắc quả từ Sơ thiên đến Tứ thiên. Các ngài có thân chánh báo tốt đẹp, có cung điện nguy nga tráng lệ. Cõi Trời Sắc giới có 20 tầng do Đức Phạm Thiên Vương cai quản. Hai mươi tầng Trời Sắc giới gồm 5 lãnh vực sau đây:

Sơ thiên thiên: Có 4 tầng: 1. Phạm-thân thiên, 2. Phạm-chúng thiên, 3. Phạm-phụ thiên, 4. Đại-phạm thiên

Nhi thiên thiên: Có 3 tầng: 1. Thiêu-quang thiên, 2. Vô-lượng-quang thiên, 3. Quang-âm thiên.

Tam thiên thiên: Có 3 tầng: 1. Thiêu-tịnh thiên, 2. Vô-lượng-tịnh thiên, 3. Biến-tịnh thiên.

Tứ thiên thiên: Có 3 tầng: 1. Vô-vân thiên, 2. Phước-sanh thiên, 3. Quảng-quả thiên.

Tịnh phạm địa thiên: Có 7 tầng: 1. Vô-tướng thiên, 2. Vô-phiền thiên, 3. Vô-nhiệt thiên, 4. Thiện-kiến thiên, 5. Sắc cứu-cánh thiên, 6. Hòa-âm thiên, 7. Đại tự-tại thiên.

C.-VÔ SẮC GIỚI : Đây là cõi Trời cao hơn hết. Các đại tiên ở cõi này không còn giữ sắc tướng, không có vật chất, thân thể, quốc độ. Các ngài chỉ còn giữ cái tâm thức (thọ, tưởng, hành, thức) mà thôi. Các ngài trụ trong sự thiên định thâm diệu. Do đó, cõi này còn có tên là *Tứ-Không thiên*. Cõi trời Vô-sắc giới có 4 tầng: 1. Không Vô-biên xứ, 2. Thức Vô-biên xứ, 3. Vô Sở-hữu xứ, 4. Phi-tướng Phi phi-tướng xứ.

PHẬT THỂ TÔN: Tức là Đức Thế Tôn. Ý chỉ bậc tu hành đã hoàn toàn giác ngộ, được mọi người trong thế gian và cả tam giới đều kính trọng tôn quý nên tôn xưng Ngài là Đức Thế Tôn hay Phật Thế Tôn. Đây là chỉ Đức Thích Ca Mâu Ni, do công năng hạnh đức tu hành và cứu

độ vạn loại chúng sanh mà cả thế gian tôn xưng Ngài có đủ 10 danh hiệu như sau :

1. Như Lai.
2. Ứng Cúng.
3. Chánh Biến Tri.
4. Minh Hạnh Túc.
5. ThiệThệ.
6. Thế Gian Giải.
7. Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu.
- 8.. Thiên Nhơn Sư
- 9.. Phật
10. Thế Tôn.

Ở đây Đức Giáo Chủ Phật Giáo Hòa Hảo trả lời cho ông Tốt biết, Ngài đã vưng lịnh Đức Thế Tôn lâm phạm khai hóa chúng sanh, chưa nói rõ danh hiệu:

***“Lão đây vưng lịnh Phật Tôn,
Lãnh cân thưởng phạt chur môn dữ lành”.***

(Thiên Lý Ca)

TỪ BI: (Xem lại chú thích tại Q. Thượng Tập 1/3, tr. 40 và 198).

CÀN KHÔN: *Càn* là trời, *khôn* là đất. Đó là hai quẻ trong bát quái (càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài). *Càn khôn* ở đây chỉ cho cả thế giới, hay cả vũ trụ vạn hữu. Đức Thầy từng nói:

***“Cũng biết càn khôn vẫn một bầu,
Tây phương yêu chúng chẳng ngôi lâu”.***

(Đáp Họa lời Ông Tùng)

ĐẾN MÂY XANH: Tận chân trời hay tận da trời. Khi gặp trời quang mây tạnh, ta nhìn xa thẳm tận chân trời, chỉ thấy da trời một màu xanh biếc; nhưng dù ai đi mãi cũng không bao giờ tới hay rờ nắm được, vì nó vô hình. Nghĩa bóng là chỉ cái *chơn tâm* của mình, nó không có hình tướng sắc màu (nên gọi là *chơn không*) nhưng nó vẫn có và thông suốt vô cùng tận (nên gọi là *diệu hữu*).

Nếu ai tu hành thấu đạt *chơn tâm hoặc lý sắc* không mới biết được ai là chủ tể của càn khôn vũ trụ (vạn vật duy tâm tạo). Nên Đức Thầy mới khuyên ông Tốt:

***“Càn khôn muốn biết ai là chủ,
Tu hành theo dõi đến mây xanh”.***

NHO VĂN: Cũng gọi là *văn nho*, tức là văn chương chữ nghĩa của Nho Giáo:

“Văn nho bàn luận nhiều ông lắc đầu”.

(Đề Chơn Đất Bắc)

TƯỜNG LÂM: Xem biết rõ mọi việc, từng trải qua, từng hiểu qua, không thiếu sót.

***“Chí tâm tường lãm thấp cao,
Dạy cho rõ biết Thiên Tào nơi đâu”.***

(Thiên Lý Ca)

TIÊN BANG: Nước Tiên, cõi Tiên. Ý chỉ cõi đời Thượng ngươn thánh đức tới đây. Đức Thầy nói:

“Cửa Tiên Bang hồi còn khóa cổng”.

(Nang Thơ Cẩm Tú)

***“Theo ta đến chốn Tiên bang,
Đặng coi các nước hội hàng năm non”.***

(Thiên Lý Ca)

Tiếp đây là đoạn giảng Đức Thầy tặng thêm cho ông Tốt, gồm 26 câu chia làm 5 đoạn, biến thể từ song thất lục bát.

CHÁNH VĂN

- “Đời văn-vật say mê khổ thảm,
Người nào đà tường lãm nho văn;
Xưa nay mè-mã lung lằng,
4. Làm cho quên mất Đạo hằng thánh nhơn”.***

LƯỢC GIẢI:

Đoạn này Đức Thầy nói rõ tâm lý người đời, vì mê say theo nền văn minh vật chất của Âu Tây mà phải đắm

nhiệm trụ lạc, vội quên mất nền luân thường đạo lý của thánh hiền chỉ dạy từ xưa, rồi phải chuốc lấy sự thảm khổ về sau.

CHÚ THÍCH :

Văn minh vật chất, trái với văn minh tinh thần. Từ ngày luồng văn minh vật chất của Âu Tây tràn vào xứ ta, họ bày những thói ăn chơi, xa hoa, trụ lạc làm cho dân ta mê say, rồi bỏ hết nề nếp tốt đẹp của ông cha ta từ trước:

“Đời văn minh vật chất bỏ gương xưa.

Nghiep tổ tiên con cháu giày bừa,

Học thói mới lừng loàn theo sở dục”.

(Trao Lời Cùng Ông Táo)

MÈO MÃ: Xem CT tại Q. Thượng Tập 2/3, tr.209.

ĐẠO HẰNG: Xem lại CT tại Q. Thượng Tập 1/3, tr.230 &280.

THÁNH NHƠN: Cũng gọi là Thánh nhân. Đây chỉ cho Đức Không Tử và Mạnh Tử. Những người sáng lập nền Thánh Giáo (Nho).

CHÁNH VĂN

5. ***“Nay gặp kẻ có cơn thức-tỉnh,
Phận làm người thủng-thỉnh sửa sang.
Tay xuống bút nói lang chuyện thế,
Bày Đạo màu cứu-tế nhơn sanh;
Kìa kìa các bực công khanh,
10. Miếu son tạc để dành rành chẵn sai”.***

LƯỢC GIẢI :

Thời nay chúng ta rất may mắn được gặp Đức Giáo Chủ khai Đạo phổ độ nhân sanh. Vậy mỗi người cũng nên sớm thức tỉnh lo tu tròn đạo làm người là điều trước nhất.

Xưa nay các bực Công Hầu Khanh Tướng đều nhờ hành tròn bốn phận, trung hiếu xong đền mà được miếu son tạc để, sách sử nêu ghi.

CHÚ THÍCH :

KẺ CÓ CON: Người không bình thường, khi vậy khi khác. Ở đây Đức Thầy tự xưng hay giả dạng để đánh lạc hướng người Pháp:

*“Ta Khùng mà chẳng có con,
Cũng không có tánh giận hờn bá gia”.*

Mà là: *“Có con giả dạng dất đời Hạ Ngươn”.*

CÔNG KHANH: Các quan chức cao cấp phò trong trào vua thời trước (phong kiến), chia ra có nhiều bực: Công, Hầu, Bá, Tước, Tử, Nam. Văn chương thường dùng công hầu khanh tướng, hay tam công cửu khanh. Nhưng đời nhà Chu (Trung Quốc) dùng chữ Tam công là Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo. Còn cửu khanh là chín bực: Thiếu Sư, Thiếu Phó, Thiếu Bảo, Trung Tể, Tư Đồ, Tôn Bá, Tư Mã, Tư Khẩu và Tư Không. Cung Oán Ngâm Khúc có câu: *“Bả công danh lừa giả Công Khanh”*. Trong bài *“Đề Chơn Đất Bắc”*, Đức Thầy cũng viết:

*“Kìa kìa các bực công khanh,
Miếu son tạc để dành rành chẳng sai”.*

CHÁNH VĂN

11. *“Hỡi ai kẻ học hay lo liệu,
Rút bụi trần bận bận làm chi.
Làm cho rồi phận tu-mi,
14. Sau này sẽ thấy ly-kỳ Năm-Non”.*

LƯỢC GIẢI :

Đức Thầy kêu gọi hàng Nho gia trí thức hãy sớm liệu xét, buông bỏ những gì trần tục, nhuốc nhơ để gìn tròn

bổn phận nam nhi quân tử, tức sau này sẽ được kiến diện cảnh kỳ diệu tại vùng Năm Non Bảy Núi.

CHÚ THÍCH :

BẢN BIU: Vương vú, lòng muốn rút bỏ nhưng khó xa rời được.

TU MI: Râu mày hay mày râu. Đây chỉ cho hàng nam nhi quân tử:

***“Ai là người quân tử tu mi,
Phải sớm sửa thân mình cho vẹn”.***

(Kệ Dân, Q.2)

NĂM NON: Xem CT tại Q.Thượng Tập 2/3, tr.80.

CHÁNH VĂN

15. ***“Chùng Bảy-Núi lâu son lộ vẻ,
Thì người già hóa trẻ dân ôi !
Tu hành ắt được thanh-thời,
Lại xem được Phật được Trời báu thay!
Thân hành đạo đấng cay phải chịu,
Phận làm người phải liệu cho xong.
Cần chi gạn hỏi viển-vông,
22. Làm người chưa vẹn khó hòng thanh-thời”.***

LƯỢC GIẢI :

Đoạn này Đức Thầy cho biết trước, chùng nào miền Bảy Núi có đài lâu điện ngọc hiện ra thì người già trở lại trẻ. Hiện giờ nếu ai giác ngộ tu hành, sau này sẽ được thông thả an vui và còn kiên diện được Phật Trời trong ngày lập hội

Trên đường tu tiến dầu có gặp cảnh gian nan khổ khó hay bị người đời gièm pha cay đắng mình cũng cố gắng chịu đựng vượt qua, miễn làm sao cho xong cái đạo làm người là tốt. Ngài cũng nói với ông Tốt khỏi cần phải

thắc mắc xa vời, nếu đạo người chưa vẹn thì sau này ắt khó gặp ngày an vui thư thả.

CHÚ THÍCH :

BẢY NÚI: Xem CT tại Q. Thượng Tập 1/3, tr.106

GIÀ HÓA TRẺ: Theo cơ sấm của Đức Phật Thầy Tây An (Bửu Sơn Kỳ Hương) và của Đức Huỳnh Giáo Chủ (PGHH) thì đến ngày cuối cùng, thời Hạ Nguyên sẽ chuyển thành thời Thượng Nguyên thánh đức. Bảy giờ có cuộc hội của Trời Phật mở cơ chọn lọc, hiền còn dữ mất, người già hóa trẻ. Như Ngài từng cho biết:

***“Sau lập hội thì già hóa trẻ,
Khấp hoàn câu đối xác thay hồn”.***
(Kệ Dân, Q.2)

Và: ***“Lão giả hậu qui như ấu giả”.***

(Lộ Chút Cơ Huyền)

THÂN HÀNH ĐẠO: Nói cho đủ là “Lập thân hành đạo”.

ĐẮNG CAY: Cũng gọi là *cay đắng*. Hai mùi vị trong ngũ vị tân (đắng, cay, chua, mặn, ngọt). Nghĩa bóng là chỉ cho lời nói gắt gỏng, nặng nề, chê bai gièm siểm, làm cho người khó chịu chua xót. Ví dụ: Lời nói cay đắng lắm.

Đức Thầy từng khuyên:

***“Chịu cay đắng tu hành mới giỏi,
Ta thương đời lên lỗi xuống trần”.*** (Q.4)

Và: ***“Cay đắng siểm gièm thân lão chịu,
Miễn đời thạnh trị hết cuồng ngông”.***

(Phòng Vắng Đêm Khuya)

VIỄN VÒNG: Xa xôi, lòng vòng. Ví dụ: Nói xa xôi lòng vòng khó nghe.

CHÁNH VĂN

23. ***“Nói nhiều lắm xe lời tình nghĩa,
Chữ hiền lành trau-trĩa cho xong.
Thấy đời trần hạ long-đong,
26. Chẳng lo khó thấy Mây-Rông hội kia”.***
(Hoà Hảo, tháng 6 năm Kỷ Mão)

LƯỢC GIẢI :

Đây là đoạn kết, Đức Thầy tặng ông Lương Văn Tót. Ngài khuyên ông ít lời vắn tắt để tình nghĩa thầy trò giữ được bền chặt. Điều quan trọng là ráng lo trau sửa cho thân tâm được hiền lành là cao quý. Sống trong đời chẳng lúc nào yên. Nếu không lo tu hành tinh tấn thì ngày Hội Long Vân tới ắt không dễ gì có mặt.

CHÚ THÍCH :

TÌNH NGHĨA: Cũng gọi là *nghĩa tình*. Có nghĩa tình cảm và ân nghĩa. Ý chỉ việc cư xử với nhau có ân nghĩa tốt đẹp và đúng đắn.

***“Xử cho vẹn chữ nghĩa tình,
Vui lòng cha mẹ mà gìn gia cang”.***
(Sám Giảng, Q.3)

LONG ĐONG: Vất vả, nay đây mai đó, nhiều rủi ro và số phận long đong.

TRAU TRIÃ: Cũng gọi là *trau tria*. Trau là giới mài chải chuốt, đánh bóng. Triã là tĩa xén bớt. Chữ trau triã ở đây có nghĩa như chữ tu sửa.

MÂY RÔNG: Nghĩa của chữ *Long vân*. Ý chỉ sự thi cử đỗ đạt, hay chúa tôi, Thầy Tớ đồng sum họp, Sám Giảng Q.1, Đức Thầy có câu:

***“Chùng sau đến Hội rông mây,
Người đời mới biết Diên nầy là ai”.***

Bài 6. THIÊN LÝ CA

(SGTVTB 2004, tr. 235-246)

XUẤT XỨ: Vào thượng tuần tháng bảy năm Kỷ Mão (1939), có ông Cả Châu, tức Phan Ngọc Châu ở Cù lao Tây, xã Tân Long, Châu Đốc, đến Thánh Địa Hòa Hảo gặp Đức Thầy. Ông trình ra một bài thơ và bạch với Ngài: Trước đây ông có gặp một cụ lão, xưng là ông đồ chuyên đưa người về Bồng Lai Tiên Cảnh. (Ông đồ vừa chèo ghe vừa rao: “Đò tôi đưa người về Bồng lai Tiên cảnh ai, có rảnh thì đi, còn mắc nợ thì ở lại dương gian”). Cụ có cho ông một bài thơ và một chén muối cục dặn rằng ông hãy rán tu hành, về sau nếu khi gặp ai có bệnh thì lấy nửa muống muối này lóng nước trong cho uống là hết. Nói rồi ông bèn bỏ đi mất tới giờ; ông chưa lần nào gặp lại cụ lão đưa đò ấy nữa.

Đức Thầy liền nhận bài thơ cầm lên xem lướt qua, rồi cầm bút viết xen vào một ít đoạn. Viết xong, Ngài đưa lại bảo ông Châu, ông xem thử coi có hợp không ? Đọc xong, ông Châu rất thán phục rồi xin qui y với Đức Thầy.

VĂN THỂ: Thiên Lý Ca là một bài văn vận biến thể, có nhiều giọng điệu khác nhau: Nào tứ cú, bát cú Đường luật, khoán thủ, thuận nghịch đọc, nào thất ngôn trường thiên, thượng lục hạ bát...Dài 312 câu.

Khởi đầu bằng bài thơ có ba chữ khoán thủ Phan Ngọc Châu:

***“PHAN lòng chữ dạ chớ hoài lo,
NGOC ẩn non Côn tợ lửa lò”.***

Và chấm dứt bởi câu:

***“Không làm thì ắt mang eo,
Làm xong vượt khỏi qua đèo chông gai”.***

NỘI DUNG: Trước nhất, Đức Giáo Chủ khuyên nhắc ông Châu hãy ghi nhớ lời giáo huấn của Ngài vào thâm tâm và mạnh tin ngọc báu-quí còn tàng ẩn trong non Tiên miền Nam nước Việt. *Ý nói nơi tâm của mỗi người đều có Phật tánh*. Từ trước, ông Châu cũng như mọi người bị mê mờ lạc ngõ, nay may mắn được Đức Thầy trở lại khai đường dẫn lối. Vậy mỗi người hãy sớm thức tỉnh quày đầu.

Bài pháp giáo này hàm chứa biết bao giáo nghĩa cao thâm và cơ huyền diệu lý. Mỗi hành giả khi xem đến hãy rón suy tầm cho thấu đáo như Ngài nói:

“Ít câu mà ý nhiệm sâu,

Nghĩ suy cho cạn mới hầu khôn ngoan”.

Ngoài ra, Đức Thầy còn tiết lộ cơ huyền và định luật thăng trầm của tạo hóa cho người đời được rõ hầu sớm biết ăn năn cải dữ về lành.

CHÁNH VĂN

1. ***“PHAN lòng chữ dạ chớ hoài lo,
NGỌC ẩn non Côn tợ lửa lò.
CHẤU lạc đường dê nương bước ngựa,***
4. ***Núi trướng qua đặng rón lân dò”.***

CHÚ THÍCH :

CHỮ DA: *Chữ* là ghi đẽ, chạm khắc, *dạ* là tấm lòng. Nghĩa chung là ghi nhớ mãi trong lòng, không nên xa rời.

NGỌC ẨN NON CÔN: Do câu tục ngữ xuất phát từ văn chương Trung Hoa: “*Ngọc ẩn non Côn, vàng rơi sông Lệ*”(có nghĩa ai muốn ngọc quý phải lên núi Côn Lôn đập từ khối đá, lâu ngày mới tìm ra được. Còn muốn có vàng tất phải xuống sông Lệ mà đãi từ rỏ bùn mới được). Nghĩa bóng là chỉ cho sự tu phải dày công cực nhọc mới kết quả.

Còn ở Việt Nam ta, tại xã Thị Nại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương (Bắc phần), cũng có hòn núi “Côn Sơn”, là nơi có hai vị khai quốc công thần: Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Đán trí sĩ. Đặc biệt trên đỉnh Côn Sơn có ngôi chùa của Huyền Quang Tôn Sư (Tổ thứ ba của phái Trúc Lâm, một Thiền phái lớn xuất phát từ lòng dân tộc Việt Nam). Nghĩa bóng : Về sự là nơi chỉ cho các danh nhân: Phật, Tiên, Thánh cư trú; về lý thì nói nơi tâm của mỗi người đều có Phật tánh (ngọc quý).

Giảng “Giác Mê” của Phật Thầy có đoạn:

*“Đi đâu cho khó nhiều đàng,
Kìa non Bửu tự, nọ ngàn Ma ha.
Kiếng nào kiếng chẳng có hoa,
Non nào non chẳng có toà thiên thai*”.*

**(Thiên thai là cảnh chư Tiên ở)*

TỔ LỬA LÒ: Như lửa có sẵn trong lò, khói lên là cháy. Đây thuộc về điển tích xuất phát từ câu chuyện thầy trò Tổ Bách Trượng như sau:

Qui Sơn vốn là học trò của Tổ Bách Trượng (Hoài Hải). Một hôm Qui Sơn đang đứng hầu Thầy.

Thầy kêu hỏi:

- Qui Sơn ứng tiếng.

- Dạ ! Con là Linh Hựu đây (Qui Sơn).

Tổ Bách Trượng bảo:

- Ngươi hãy vào trong, khươi bếp lấy cho ta cục lửa.

Qui Sơn, vâng lời Thầy, vào nhà bếp khươi tìm mãi không thấy lửa, trở ra thưa:

- Dạ ! Trong lò không có lửa.

Tổ Bách Trượng liền rời chỗ ngồi đi vào bếp, cầm đôi đũa khươi sâu, gắp lên được cục than còn đỏ rực đưa lên cho Qui Sơn thấy và hỏi:

- Đây không phải là cục lửa sao ?

Tổ Qui Sơn nghe tiếng Thầy hỏi và thấy cục lửa, hoát nhiên tỏ ngộ...

Câu chuyện trên ngụ ý: Tâm của mỗi hành giả đều có tánh Phật, cũng như lửa có sẵn trong lò. Ở đây, Đức Giáo Chủ muốn cho ông Châu và mọi người biết tâm của mỗi hành giả đều sẵn có tánh Phật. Sở dĩ chúng ta còn phải nhọc tâm tìm kiếm bên ngoài là vì chưa chịu quay về nội tâm để trực nhận cái “Bản lai thanh tịnh của chính mình”:

“*Chẳng nói vắn dài Phật ngộ tức tâm*”. (Q.1)

ĐƯỜNG DÊ: Con đường của dê đi. Trong một cánh rừng rộng lớn, có đủ các loài thú hung dữ như: cọp, beo, sư tử, lang, sói...và hiền từ như: dê, thỏ, hươu, nai...Mỗi loài đều đi theo đường riêng của nó. Người bị lạc trong rừng nên tìm con đường của dê thỏ mà đi thì không bị nguy hiểm. Nghĩa bóng là người sống trong đời phải nương con đường hiền lành đạo đức mới được bình yên. Đức Thầy nhắc nhở trong bài Sa Đéc:

**“*Nay rừng bụi có người mở ngõ,
Thì noi theo dấu thỏ đàng dê*”.**

BƯỚC NGỰA: Dấu chân của ngựa đi. Xưa người ta săn bắn hay đánh giặc bị lạc trong rừng. Nếu muốn ra khỏi rừng đến vị trí của mình thì tìm theo dấu chân của ngựa. Bởi ngựa vốn từ ngoài đi vào rừng, cho nên người bị lạc cứ đi theo dấu chân ngựa mà trở ra, tất sớm muộn gì cũng ra khỏi rừng.

Hai từ ngữ: *Đường dê* và *bước ngựa* có ngụ ý chúng sanh từ trước tới giờ bị vô minh vọng nghiệp dẫn lạc vào rừng mê khổ, chưa thoát ly ra được. Nay may mắn gặp Đức Thầy vạch ra con đường đạo đức. Nếu chúng sanh nào biết nương theo đó tu hành tất được ra khỏi vòng sanh tử.

NÚI TRUÔNG: *Núi* là nhiều đá vun lại cao lên mà thành. *Truông* là khu đất bỏ hoang cây cỏ um tùm khó đi qua như truông mây, nghĩa bóng là chỉ đường đi rất khó

khăn trở ngại. Ví dụ : *Qua truông, qua núi, qua suối, qua đèo*. Đây cũng chỉ sự tu hành bị lắm điều khó khăn cản trở.

LƯỢC GIẢI:

Đại ý bốn câu thi trên, Đức Thầy khuyên ông Châu nên ghi tạc lời nhắc nhở của Ngài vào tâm, đừng để dạ lo lắng, bởi ông đã có căn tu từ trước. Nhưng vì mấy lúc nay bị lệch lạc hay thối thất sao đó mà chưa ra khỏi vòng trần khổ mặc dù Ngài đã có nhắc nhở ông nhiều lần.

Nay may mắn gặp Đức Thầy ra đời khai vạch con đường đạo đức. Vậy ông hãy nương theo đó mà hành trì và cố gắng lướt qua các chặng đường khó khăn, ắt có ngày sẽ vượt khỏi bánh xe luân hồi sanh tử.

CHÁNH VĂN

5. *“Vườn hoa ngó khỉ giọng chiu-chít,
Cảnh nguyệt coi gà tiếng ó-o,
Tường-tận đã nghe xê công lú,
8. Hương thôn bỏ xê xự xang hò”.*

Đọc ngược lại bốn câu chót (từ tuyệt thuận nghịch đọc).

9. *“Hò xang xự xê bỏ thôn lương,
Lú công xê nghe đã tận-tường,
O-ó tiếng gà coi nguyệt cảnh,
12. Chít-chiu giọng khỉ ngó hoa vườn”.*

(Hai bài thi tứ cú thuận nghịch đọc trên đây xin miễn luận giải, vì có ẩn ý thiên cơ, việc chưa tới).

13. *“Quỉ ma hay phá rối người tu,
Đạo-đức chừ nhu rán chí hành.
Chớ bỏ lời thề nơi Phật cảnh,
16. Chớ quên tiếng nguyện chốn non xanh”.*

CHÚ THÍCH:

QUI MA: Cũng gọi là *ma quỉ*. Có hai loại ma quỉ:

1/- Những kẻ lúc còn sống tạo ác nghiệp, khi chết bị đọa vào A tu la, Ngạ quỷ, sống chung lộn với cảnh giới loài người. Có số ủng hộ người hiền, cũng có số quậy phá dân chúng đòi ăn đồ cúng kiếng (mê tín dị đoan).

2/- Ám chỉ những kẻ còn sống tại thế gian, hay trêu chọc khuấy phá kẻ khác, gây rối trật tự, xóm làng xã hội: “*Nhứt quỷ, nhì ma, thứ ba là học trò*”(Tục ngữ).

Còn thứ ma quỷ khác là những kẻ hung hăng bạo ác hay phá hại người tu và các Đạo giáo. Họ là tay sai của Thiên-ma Ba-Tuần (tức Ma vương, ở tầng trời thứ 6: Tha Hóa Tự Tại, cao nhất của cõi Trời Dục Giới) xuống trần quậy phá, làm chướng ngại Đạo Phật.

Các thứ ma quỷ kể trên gọi là *ngoại ma*. Song người tu còn đương đầu với loại *nội ma* nữa: ma thất tình lục dục, ma phiền não (tham, sân, si) hay ma Ngũ uẩn. Đức Thầy từng cho biết:

**“*Làm gian ác là quỷ là ma,
Làm chơn chánh là Tiên là Phật*” (Q.2)**

Nên Ngài hằng khuyên trong Quyển 5:

**“*Giữ đàng cho Ma Vương dẫn dắt,
Thường nhớ câu đại lực đại hùng.
Thẳng thất tình giữ vẹn đạo trung,
Trừ lục dục chớ cho ô nhiễm.
Thập tam ma diệt bằng trí kiếm,
Dứt xong rồi vô sự thanh thời*”.**

CHƯ NHU: *Chư* là các, là nhiều người; *Nhu* là nho. *Chư nhu* là chỉ các Nho sĩ, cũng gọi là học trò. Đây chỉ hầu hết tín đồ PGHH.

LỜI THỀ NƠI PHẬT CẢNH: *Lời thề* là lời thệ nguyện; tại tư gia của mỗi tín đồ PGHH đều có thờ ngôi Tam Bảo, có đủ Phật, Pháp, Tăng nên đó là biểu tượng cho nơi *Phật cảnh*.

TIẾNG NGUYỆN CHÔN NON XANH: Lời hứa nguyện trước chư vị Sơn thần, Năm Non Bảy Núi để chứng minh cho mình quyết chí tu hành.

Nghĩa chung là ý nói hầu hết tín đồ PGHH mỗi ngày hai thời cúng: Sáng và chiều đều có qui nguyện trước Ngũ Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng) và chư quan Cựu Thần, cùng chư vị Sơn Thần Năm Non Bảy Núi chứng minh cho lời nguyện hứa của mình là **“Cải hối ăn năn làm lành lánh dữ qui y theo mấy Ngài tu hiền theo Phật đạo”**. Không một ai dám quên lãng lời nguyện ấy.

LƯỢC GIẢI:

Bốn câu thi vừa qua, đại lược Đức Thầy cho biết thời nay các ma tà quỷ quái hay khuấy rối người tu. Vậy các môn đồ hãy tu chí thành chí thật mới thu phục được chúng ma quỷ. Nhất là phải nhớ rằng mỗi ngày hai thời lễ bái, sáng và chiều, chúng ta đã sám hối và hứa nguyện trước 10 phương chư Phật, Pháp, Tăng cũng như các Quan Cựu Thần và chư vị Sơn Thần Năm Non Bảy Núi chứng minh cho sự phát thệ qui y của mình.

CHÁNH VĂN

17. **“Đêm thanh vắng tiếng đờn khoan-nhật,
Nghe cho tường giọng Bắc hòa Nam.
Thích Ca còn phở tức hăm,
Đài cao cửa rộng mà ham tu hành.
Hiền đệ Châu muốn nghe lời ngọc,**
22. **Lão tổ bày hình vóc nhiệm-sâu”**.

CHÚ THÍCH:

KHOAN NHẬT: *Khoan* là chậm, *nhật* là nhanh (mau). Một bản đờn khảy lên nghe tiếng khi mau, khi chậm, có lúc trầm, lúc bổng...Ở đây Đức Thầy muốn nói lời Kệ Giảng của Ngài ví như một bản đờn, phải có những

lúc trầm, bổng, nhịp, khoan. Người nghe tâm hồn mới rung cảm được. Trong bài Nang Thơ Cẩm Tú, Ngài viết:

**“Đờn những câu tử-mĩ rung hồn,
Cho người lành dạ ái bất nôn,
Cúi đầu trước quy-y Phật pháp”.**

GIONG BẮC HÒA NAM: Đây là một thể văn vần viết lối song thất lục bát, 4 câu một đoạn, hai câu đầu 7 chữ, câu thứ 3 sáu chữ, câu thứ tư 8 chữ. Viết bao nhiêu đoạn cũng được. Hai câu 7 chữ đọc nhanh và nhịp (bổng), đến câu thứ 3 và 4 đọc giọng khoan (trầm) chậm và lời ra.

Lúc Đức Thầy còn ở Tổ Đình (Hòa Hảo) mỗi tối Ngài hay nói: “*Để tôi ca Tiên cho các ông nghe nhen!*”. Rồi Ngài liền đọc đoạn giảng theo điệu “Giọng Bắc hòa Nam” như đoạn nói trên.

THÍCH CA: Phiên âm Phạn ngữ *Cakyas*, Tàu dịch là Năng nhơn, tức người có năng lực từ bi rộng lớn. Thích Ca cũng là họ của Phật Tổ, tên là Sĩ Đạt Ta hay Tất Đạt Đa. Đức Thầy có câu:

**“Họ Thích Ca từ đây cũng ngõ,
Sẽ có người nối nghiệp hoàng gia”.** (Q.5)

TƯỚC HÀM: *Tước* là chức vị; *hàm* là cấp bậc phẩm trật của nhà vua ban cho các quan chức. *Tước hàm* của Sĩ Đạt Ta được vua Tịnh Phạn ban cho là Đông Cung Thái Tử. Đức Thầy từng nhắc trong bài Luận Việc Tu Hành:

**“Minh vàng Thái tử ngôi còn bỏ,
Vóc ngọc Đông cung tước phé liền”.**

LỜI NGỌC: Nói cho đủ là *lời vàng tiếng ngọc*. Giáo pháp của chư Phật Thánh giáo hóa nhân sanh quý báu hơn vàng ngọc bởi toàn là lời hay ý đẹp, giúp người học hành theo đó trở thành Phật Thánh như các Ngài, có thể nói ngàn vàng cũng khó sánh. Người xưa từng nói: Nghe được một lời nói tốt lành, quý báu hơn được ngàn vàng. (*Nhứt nhơn thắng ngữ đắc thiên kim*).

NHIỆM SÂU: Huyền diệu sâu kín và nhiệm nhặt.
***“Ít câu mà ý nhiệm sâu,
Nghĩ suy cho cạn mới hầu khôn ngoan”.***

LƯỢC GIẢI:

Sáu câu giảng vừa qua, ý nói: Lời pháp giáo của Đức Thầy ví như một bản đàn, có đủ giọng điệu trầm, bổng nhặt khoan, khiến cho người nghe dễ cảm thông và thức tỉnh. Ngài kêu gọi ông Châu cũng như mọi người hãy nhìn gương hạnh của Đức Phật khi xưa, đang sống trong cung vàng điện ngọc, tước vị Thái Tử Đông Cung mà Ngài còn gác bỏ, lên đường tầm ra chánh đạo cứu khổ nhân sanh.

Bài giảng Ngài viết ra đây sẽ luận giải tường tận những giáo lý cao siêu màu diệu. Vậy ông Châu và mọi người nên lắng nghe cho thấu đạt.

CHÁNH VĂN

23. ***“Thiên ý không riêng mỗi đạo màu,
Rằng truyền yếu-lý nhiệm cao sâu.
Chuyển miền Nam-Địa càng thâm-diệu,***
26. ***Lạc lẽ tà tâm sự đứng đầu”.***

CHÚ THÍCH:

THIÊN LÝ: Ý trời, nhưng ý Trời không ngoài ý đạo: ***“Thiên địa u minh dĩ đạo tràng”***(Lộ Chút Cơ Huyền).

YẾU LÝ: Lý lẽ cốt yếu.

NHIỆM CAO SÂU: Màu diệu, sâu kín, cao xa lắm:
“Đạo lý tâm sâu, sâu chẳng cạn”.

NAM ĐỊA: Đất nước Việt Nam:

“Cõi Trung ương nhằm đất nước Việt Nam”.
(Trao Lời Cùng Ông Táo)

THÂM DIỆU: Sâu kín, màu nhiệm, khéo léo. Do câu: “*Vô lượng thâm thâm vi diệu pháp*”. Đức Thầy từng bảo: “*Huyền pháp thâm trầm thơm bất tuyệt*”.

(Cho Ông Tham Tá Ngà)

*“Xả thân tâm đạo vô vi,
Nhiệm màu thâm diệu nan tri lão bày”.*

(Từ Giã Làng Nhơn Nghĩa)

TÀ TÂM: Lòng tà vạy gian ác, ngược lại với tâm chơn chánh thiện lương. Đức Thầy hằng dạy: “*Sự đầu tiên của người hành đạo là cốt sửa những tư tưởng, tìm cách đánh đuổi tư tưởng xấu xa, thay vào những tư tưởng ôn hòa đạo đức*”. Và:

*“Gìn giới cấm sửa tâm ô tạp,
Niệm Phật thì phải dẹp lòng tà”* (GMTK, Q.4).

LƯỢC GIẢI:

Đại ý bốn câu trên, Đức Thầy cho biết ý Trời không ngoài ý đạo. Ngài đã thuận theo ý Trời mà khai truyền Thánh Đạo. Dem nguồn giáo lý thâm sâu màu diệu giác tỉnh nhơn sanh sớm tu thân hành đạo hầu xây dựng đất nước Việt Nam trở thành một quốc gia an lạc. Ngài cũng kêu gọi mọi hành giả, trước nhứt là phải lọc sạch vọng tâm tà vạy trở thành chơn chánh thiện lương là kết quả.

CHÁNH VĂN

27. *“Nguồn bạch thủy trong veo thấy dạng,
Lẽ nhiệm-màu chưa hẳn trò ôi !
Đêm ngày buồn-bã vô hồi,*
30. *Kìa trên Tiên cảnh vị ngôi sẵn dành.
Đạo rải khắp năm canh tỏa bút,
Dạy tận-tường chẳng chút nào sai.
Cổ nhơn tích để phân bày,*
34. *Đường chơn nẻo chánh âu ai rón tầm.
Thuyền bát-nhã chí tâm trực thẳng,*

- Thả ra khơi cứu dân khách trần,
Phù-sanh lắm cuộc lao thân,*
38. *Ngày đêm ta-thán muôn phần đớn-dau,
Trông đợi người tài cao đức trọng,
Hầu rõ thông thiên-võng lẽ nao,
Chỉ tâm tường-lãm thấp cao,*
42. *Dạy cho rõ biết Thiên-Tào nơi đâu”.*

CHÚ THÍCH:

NGUỒN BẠCH THỦY: Nguồn:cội gốc. *Bạch thủy*: Nước trắng trong. Nước từ nguồn chảy ra rất trong sạch không lộn chút cặn nhơ. Ý nói lời pháp giáo của Đức Giáo Chủ từ trí bát nhã ban ra, có diệu năng làm tan hết lòng trần tục và tưới mát muôn loài được thấm nhuần phát triển: **“Nước Ma Ha tưới tắt lòng phàm”**.

(Diệu Pháp Quang Minh)

CHƯA HẠN: Chưa hiểu tường tận, chắc chắn.

TIÊN CẢNH: Cũng gọi là cảnh Tiên, tức là con đường thoát tục, chỉ cõi Trời Sắc giới và Vô Sắc giới do người tu 10 điều lành mà được. Cảnh Tiên đây còn chỉ cõi đời Thượng nguyên thánh đức, trong bài giảng này Đức Thầy có nói:

**“Theo ta đến chốn Tiên bang,
Đặng coi các nước hội hàng năm non”**.

NĂM CANH: Cách tính thời gian thuở xưa: một đêm có 5 canh, mỗi canh có 2 giờ, canh một là 7 giờ đêm tới 9 giờ đêm. Cứ thế mà tính tới.

TỎA BÚT: *Tỏa* tức là tỏa ra, bủa ra. *Bút* là cây viết. Nghĩa chung, Đức Thầy dùng viết mực sáng tác Sấm kinh ban rải khắp nơi.

CỔ NHÂN: Người xưa. Những bậc có công ích cho đời, đã mãn phần; sách sử thường ca ngợi và ghi chép lại.

“Lời xưa người cổ còn ghi”(Q.1).

ĐƯỜNG CHƠN NÈO CHÁNH: Con đường chơn chánh. Nghĩa của Bát Chánh Đạo tức 8 nẻo đưa con người ra khỏi sanh tử; có diệu năng đối trị Bát tà. Đức Giáo Chủ cho biết: Bát Chánh Đạo là: ***“Quyển kinh nhật tụng của những ai muốn thoát chốn mê đồ tấn triển trên đường giải thoát”***.

BÁT NHÃ: Phiên âm của Phạn ngữ *Prajna*. Có nghĩa là trí huệ sáng suốt. Bát nhã có ba bậc: 1. *Văn tự bát nhã* (Sự sáng suốt, thông hiểu qua sách vở, thầy dạy, thuộc thể trí biện thông), 2. *Quán chiếu bát nhã* (Cái trí thấu suốt, phân biệt các pháp do tịnh lự, tư duy mà có), 3. *Thật tướng bát nhã* (Cái linh trí sáng suốt của Phật tánh sẵn có nơi mỗi chúng sanh, còn gọi là *vô sư trí* hoặc *trí tuệ bên kia bờ* do tu chứng mà có). Bát nhã ví như con thuyền (bát nhã hoàn), có diệu năng đưa mọi người vượt sông mê sang qua bờ giác, thoát khỏi mọi khổ ách.

KHÁCH TRẦN: Tất cả chúng sanh sống trong cõi đời đều gọi chung là khách trần.

PHÙ SINH: Phù là nổi, sinh là sống. Nghĩa bong: Kiếp sống con người và vạn vật rất ngắn ngủi, như đám mây, như bọt nước tan biến nhanh chóng.

LAO THÂN: Thân cực nhọc khổ sở.

TA THÁN: *Ta* là than thở, *thán* là hờn trách. Tiếng than thở hờn trách.

THIÊN VÔNG: Nói cho đủ là *Thiên la địa võng*. Ý chỉ luật Trời đất hay luật Nhân quả.

TƯỜNG LÃM: *Tường* là hiểu rõ ràng. *Lãm* là xem biết hết. Nghĩa chung là người đã hiểu thông mọi vật, mọi lẽ trong trời đất một cách rõ ràng. Hiểu như chữ *bác lãm*. Trong bài “Không Buồn Ngủ”, Đức Thầy viết:

“Nào ai biết tâm ta đời bác lãm,

Kiếp người dường chùm gởi bám vào cây”.

THIÊN TÀO: Cũng như chữ Thiên Đình. Chỗ Trời ở, cung đình, triều đình trên Trời.

LUỢC GIẢI:

- Đức Thầy dùng trí sáng suốt thuyết ra giáo lý thâm sâu mầu diệu khuyến hóa nhân sanh, nhưng ít có người thấu đạt. Ngài cũng cho ông Châu và tín đồ hiểu rằng: Ai có căn tu thì ngôi vị Phật Tiên đã dành sẵn.

- Hằng đêm Ngài luôn dùng bút mực giải bày giáo lý ban bủa khắp bàng nhân bá tánh. Bao nhiêu gương hạnh, tốt lành của người xưa đã ghi trong sách sử, vậy mọi người hãy noi theo mà tìm ra con đường chánh đạo để thực hành.

- Cảnh trần khổ mênh mông như bể cả, thế mà chúng sanh mãi lặn ngụp. Nay may mắn gặp Đức Thầy xông thuyền Bát Nhã cứu vớt, kêu gọi chúng ta hãy bước lên để sớm giải thoát cảnh sầu đau giả tạm.

Đức Giáo Chủ cũng rất mong đợi người có tài trí đức hạnh, thành tâm thật ý tìm hiểu rõ luật trừng phạt của Trời đất, để sớm thi hành đạo nghĩa, hầu trở về con đường siêu thoát của Phật Tiên.

CHÁNH VĂN

43. *“Ngôi nghĩ cạn thêm sâu cho thế,
Bởi ít ai cải chế đường tà.
Sợ e nhiễm trước đọa sa,*
46. *Sợ cho lắm kẻ chan-hòa lụy tuôn.
Sợ nhiều kẻ dạ buồn đổi chí,
Quên những câu chánh kỷ hóa nhờn.
Mãng lo tìm kiếm tước quyền,*
50. *Thất kỳ vọng tưởng lánh chơn đường lành.
Trong buổi khổ mau mau tránh khổ,
Rán tâm vào đến chỗ an cư.
Học câu hỉ-xả đại từ,*
54. *Nêu gương nghĩa sĩ dạ tư chớ gần.
Câu bát-chánh rán mài chạm dạ,*

*Tứ mục-điều người khá hành y.
Muôn thu Thiên định nhứt kỳ,
58. Hạ gương sắc lệnh khai kỳ Long-Hoa”.*

CHÚ THÍCH:

CẢI CHẾ ĐƯỜNG TÀ: *Cải chế* là sửa đổi để sắp đặt lại. *Đường tà* là con đường tà vạy xấu ác. Nghĩa chung là cõi bỏ con đường tà vạy tội lỗi để trở lại con đường chơn chánh thiện lương. Như bỏ 8 điều tà, làm theo 8 điều chánh (bát chánh) xa bỏ tà đạo trở về với chánh đạo.

NHIỆM TRƯỚC: Cũng gọi là *trước nhiệm*, có nghĩa là ô nhiễm những điều trần trước, xấu ác ở thế gian. Đức Giáo Chủ dạy: *“Nên niệm Phật là niệm cái bản lai thanh tịnh của Phật cho lòng của mình nương theo đó mà được thanh tịnh và chẳng còn trước nhiễm trần ai”.*

ĐOẠ SA: Cũng viết là *sa đọa*. Có nghĩa rơi rụng vào chỗ thấp hèn. Đây có ý chỉ người còn sống bị sa đọa vào con đường trụ lạc (tứ đồ tường), hoặc lúc sanh tiền tạo nhiều nghiệp ác, khi chết bị đọa vào ba đường ác: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh:

*“Phước nhiều Tiên cảnh lên rày,
Tội nhiều sa đọa nhiều ngày thăm thê”.*

CHÁNH KỶ HÓA NHƠN: Câu sách: *“Chánh kỷ dĩ giáo nhân giả thuận, thích kỷ dĩ giáo nhân giả nghịch”*(Người lo tu thân xử kỷ cho đúng rồi mới dạy đời là lẽ thuận; còn kẻ bỏ mình không lo tu sửa lại đi dạy đời là lẽ nghịch vậy).

TƯỚC QUỖN: Cũng gọi là *quyền tước*, có nghĩa quyền oai và chức phận, nghĩa của chữ danh vị (một trong ngũ dục).

*“Ưu đẹp mắt mến điều mới lạ,
Sang oai quyền hối lộ gần xa”.* (Q.5)

THẬT KỶ VONG TƯỚNG: Những vọng tưởng mong cầu mà không thành đạt. Trong đời có hai hạng người:

1. *Hạng ngoài đời* thì lúc nào cũng nuôi hy vọng được giàu sang vinh hiển hơn người, những việc chẳng thành thì đâm ra chán nản làm điều xằng bậy.

2. *Hạng tu hành*, song chưa nắm được chân lý nên có nhiều cao vọng ước mơ mau đạt đạo quả hay sớm có nhiều pháp linh kỳ diệu, nhưng chưa đạt thành như ý thì đâm ra thối chuyển bỏ đạo thôi tu.

TRONG BUỒI KHỔ: Chúng sanh đang sống trong hiện cảnh đang gánh chịu vô vàn đau khổ. Thân tâm đã gánh chịu 8 nỗi khổ, còn thêm các nỗi khổ bên ngoài dồn dập đến: nào thiên tai địa ách, nào chiến tranh giặc loạn, đói đau, bệnh tật. Đức Giáo Chủ cảnh tỉnh:

***“Cảnh thảm khổ chiều mai sẽ đến,
Sao dân còn triệu mền trần mê.
Mắt nhìn ngoại quốc thảm thê,
Nam bang cảnh khổ cũng kề bên tai”.***

(Đề Chơn Đất Bắc)

CHỖ AN CƯ: Nơi sống an ổn bình yên. Đây là nghĩa thông thường. Chữ an cư Đức Thầy đặt trong câu giảng này là cái tâm an tịnh của mỗi hành giả, tức chỉ cảnh Niết Bàn (bất sanh bất diệt).

Năm 1939, có lần Đức Thầy đứng trước sân Tổ Đình giải thích về cảnh khổ sau này. Một ông lão hỏi Ngài:

- Cảnh khổ như vậy có chỗ nào trốn khỏi không Thầy? Ngài đáp:

- Chơn dưới bàn Thông Thiên thì khỏi.

Ý Ngài muốn nói có tu thân hành đạo mới chứng Niết Bàn Cực lạc hoặc sống đời Thượng ngươn thánh đức mới là dứt khổ.

HỈ XẢ ĐẠI TỪ: Cũng gọi là Từ Bi Hỉ Xả, tức bốn đại đức (bốn tâm vô lượng) của chư Phật (Xem lại chú thích tại Q. Thượng Tập 1/3, tr. 40).

CÂU BÁT CHÁNH: chỉ Bát Chánh Đạo, 8 con đường chơn chánh dẫn đến quả giải thoát viên mãn: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh nghiệp, Chánh tinh tấn, Chánh mạng, Chánh ngữ, Chánh niệm, Chánh định.

TỨ MỤC ĐIỀU: Cũng gọi là Tứ Diệu Đề hay Tứ Diệu Đế. Sở dĩ gọi Tứ Mục Điều là Tứ Diệu Đề, vì Bát Chánh Đạo và Tứ Diệu Đề luôn đi cặp với nhau. Bát Chánh Đạo (Đạo Đề) là một trong Tứ Diệu Đề.

MUÔN THU: Thu là một trong bốn mùa của một năm (Xuân, Hạ, Thu, Đông) nên một mùa Thu là chỉ cho một năm; muôn thu là 10 ngàn năm (biểu tượng cho thời gian lâu dài): *“Ngàn năm mới có một thời”*.

THIÊN ĐỊNH: Trời đã định sẵn.

NHÚT KỶ: Có một kỳ (một lần)

HA NGUỒN: Nguồn cuối cùng. Căn cứ vào luật tuần hoàn của lý tam nguồn được phân định và diễn tiến như sau:

1. Thượng nguồn: gồm có Thượng nguồn thượng, Thượng nguồn trung, Thượng nguồn hạ.

2. Trung nguồn: gồm có Trung nguồn thượng, Trung nguồn trung, Trung nguồn hạ.

3. Hạ nguồn: gồm có Hạ nguồn thượng, Hạ nguồn trung, Hạ nguồn hạ.

Cứ thế mà luân chuyển mãi, hễ hết Hạ nguồn hạ thì chuyển sang Thượng nguồn thượng, Thượng nguồn trung dần dần xuống... Hiện nay, nhằm vào Hạ nguồn hạ, sau đó sẽ chuyển sang Thượng nguồn thượng. Trong Giảng ông Sư Vãi Bán Khoai có nói:

“Hạ nguồn nay đã hết đời,

Minh Hoàng cầu Phật lập đời Thượng Nguồn”.

Đức Thầy cũng bảo trong bài *“Đề Chơn Đất Bắc”*:

*Việc đòi nhiều nổi sâu bi,
Hạ Nguơn đã hết loạn ly cơ đồ.*

LONG HOA: Tức hội “Long Hoa”. *Hội* là tụ họp lại đông đảo, *Long* là rồng (chỉ cho vị Thánh Vương), *Hoa* là các loại bông tốt đẹp. Người ta thường nói “đẹp như hoa“, để chỉ cho người hiền lương đức hạnh. Hội Long Hoa do Tiên Phật lập ra, để chọn bậc hiền tài và đức hạnh tốt đẹp họp lại chào mừng vị Thánh vương của đời Thượng nguơn thánh đức tới đây. Đức Thầy từng bảo:

*“Hội Long-Hoa chọn kẻ tu mi,
Người hiền đức đặng phò chơn chúa”(Q. 2).*

Theo tài liệu của Vương Kim, tác giả quyển “Đời Thượng Nguơn”, đây là một cuộc thi cử chọn lọc hiền còn dữ mất:

*“Long-Hoa Tiên-Phật đáo ta-bà,
Lừa-lọc con lành diệt quỷ ma”.*
(Thức Tỉnh một Nữ Tín Đồ)

Và: *“Lập rồi cái Hội Long-Hoa,
Đặng coi hiền đức đợc là bao nhiêu.*

*Gian tà hồn xác cũng tiêu
Thảm thương bá tánh chín chiều ruột đau”(Q.3)*

Cho nên ở đây, Ngài giục thúc:

*“Trở chơn cho kịp Long-Hoa,
Long-Hoa có mặt ấy là hiền hơn”.*

Đức Huệ Lự (Sư Vải Bán Khoai) bảo:

*“Bồi trần lỗi quá muôn phần,
Cho nên lập hội Long-Hoa chọn nguời.*

Hiền từ thì đặng thành thơ

Nghinh ngang khó trốn lưới trời bớ dân”.

Nghiên cứu bài Thiên Lý Ca này thì cứ khoảng trên dưới mười ngàn năm là có một lần lập Hội như vậy để chọn lọc hiền còn dữ mất, lập lại đời Thượng nguơn Thánh đức:

“Muôn thu thiên định nhứt kỳ,

Hạ ngươn sắc lệnh khai kỳ Long-Hoa”. Hoặç:
“Chớ mong yển thử ẩm hà,
Mười ngàn năm lẻ cửa nhà đâu con ?
Ta nhắc lại héo von cho trẻ,
Cứ đâu lưng đừng rẽ đừng chia.
Cả kêu lớn nhỏ quày vìa,
Trên hoà dưới thuận chớ lia chớ phân.
Long-Hoa hội ân cần lo lập
Lập cho rồi tam-thập-lục nhơn”.
Vì thế, Đức Thầy cũng từng kêu gọi:
“Mau chơn bước đến Long-Hoa hội,
Châu Phật hòa vui cõi Đại-Đồng”.
(Bài Cho Bà Năm Cò)

LƯỢC GIẢI:

Xét việc thế gian, Đức Giáo Chủ u buồn khi thấy nhiều người tu hành mà không cải sửa những điều tà ác xấu xa, mãi để trực nhiệm dục trần rồi phải chuốc lấy sự sầu khổ sau này.

Rủi gặp nghịch cảnh đưa đến thì buồn lòng thôi chuyển đường tu. Lại có số người chẳng lo trau thân gìn đạo, mãi đua đòi danh vọng bạc tiền rồi khi gặp việc khó khăn thử thách cũng bỏ đạo thôi tu.

Chúng sanh sống trong cõi ta-bà đều chung chịu cảnh khổ đau sầu hận, nên Đức Giáo Chủ khuyến giáo mỗi người hãy sớm tìm cách thoát ly. Song cả thế gian chẳng nơi nào không có khổ, chỉ có quay về nội tâm chuyển hóa lòng vị tự, nhân ngã để trở thành “Hi Xả Từ Bi”, dứt nghiệp sanh tử luân hồi mới hết khổ.

Đồng thời hành giả hãy nương theo pháp Tứ Diệu Đề và Bát Chánh Đạo mà hành trì. Chính đó là con đường đưa nhà tu đến chỗ an cư thật sự, bởi chỉ có: *Niết bàn tịch tịnh là đường vô sanh*” hay *“Về Cực-lạc mới là hết khổ”.*

Đức Giáo Chủ còn cho biết theo chu kỳ của lý tam
nguồn, hễ hết Thượng nguồn, Trung nguồn, Hạ nguồn thì
lại quay về Thượng nguồn. Tiến trình ấy trên dưới mười
ngàn năm xảy ra một lần qua việc lập Hội Long-Hoa, chọn
lọc “hiền còn dữ mất”.

CHÁNH VĂN

59. *“Rán vệt phá sương mù trước mắt,
Chớ để cho quỷ dắt linh hồn.
Lão đây vung lệnh Phật-Tôn,*
62. *Lãnh cân thưởng phạt chur môn dữ lành.
Khá chí tâm họ- hành kinh sám,
Thoát nơi miền hắc-ám phong ba.
Trở chơn cho kịp Long-Hoa,*
66. *Long-Hoa có mặt ấy là hiền hơn.
Đền nợ thế nghĩa-ơn trọn vẹn,
Lấy tinh-thần hiệp vén nút mây.
Chớ nên bắt-bể Phật Thầy,*
70. *Ngày sau phải chịu đọa- đày chớ than”.*

CHÚ THÍCH:

SƯƠNG MÙ: Cũng gọi là *mù sương*, tức hơi nước
trong lớp khói mỏng án trước mặt. Đây chỉ cho vô minh
(mê si che mờ tâm trí mình khiến không nhận được đâu là
chân, thật).

LINH HỒN: Phân thiêng liêng vô hình trong con
người, còn được gọi là *thần thức* (đối với *thể xác* hay *thân
tứ đại* là phần hữu hình).

HỌC HÀNH KINH SÁM: *Học hành* là học hiểu và
trì hành. *Kinh sám* là lời kinh kệ Sám Giảng của Đức Thầy
đã sáng tác, để cho môn đồ nương theo đó mà học hiểu và
giữ gìn, tu sửa. Như Ngài từng cho biết:

*“Ta yêu chúng viết ra giảng kệ,
Khuyên tăng đồ cùng các tín đồ.*

*Nghe cạn lời chớ có mờ hồ,
Tìm hiểu nghĩa làm theo đức đạo”.*(Q.4)

HẮC ÁM: Cảnh tối tăm mờ ám. Ý chỉ cõi đời ác thế ngũ trược, hoặc Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, do nghiệp tham, sân, si chôn nhốt trong đó.

PHONG BA: Gió sóng. Nghĩa bóng: thảm cảnh do thiên nhiên gây nên hay làn sóng văn minh vật chất không tốt của Tây phương tràn vào Việt Nam.

HIỀN NHƠN: Người hiền lành, trọn lành, trọn sáng, không vi phạm tam nghiệp, thập ác, tám điều răn cấm. Đức Thầy luôn nhắc nhở:

*“Hiền nhơn bốn phận tu mi,
Hãy mau thức tỉnh kiếm thì huyên cơ”.* (Q.3)

NỢ THẾ: Nợ đời, gồm có: 1. *Án nợ* tức nợ Tứ Đại Trọng Ân (nợ cộng đồng) mà mọi người trên đời đều thọ nhận nên cần đền trả, 2. *Nghiệp nợ* là nợ cá nhân do Tam nghiệp (thân, khẩu, ý) gây ra, trói buộc chúng sanh phải chịu luân hồi khổ não nên muốn giải thoát là nhứt thiết phải đền trả nợ này qua công phu tu tập.

TINH THẦN: Phần sáng suốt trong tâm hồn để hiểu biết, phân biệt lẽ phải trái. Thí dụ: Vật chất ảnh hưởng đến tinh thần.

NGÚT MÂY: Sự mê mờ tăm tối, tức là vô minh hay mê si che mờ trí huệ của mình. Đức Thầy có viết:

“Tinh thần hiệp vén ngút mây”.

PHẬT THẦY: Tức là Đức Phật Thầy Tây An. Ngài quê ở làng Tòng Sơn, thuộc Cái Tàu Thượng, nay là xã Mỹ An Hưng, tỉnh Đồng Tháp (Nam phần Việt Nam). Ngài sanh vào giờ Ngọ, ngày rằm tháng 10 năm Đinh Mão (1807) niên hiệu Gia Long thứ VIII. Ngài khai đạo vào đầu xuân Kỷ Mão (1849). Chánh danh của Ngài là Đoàn Minh Huyền, đạo hiệu Giác Linh, người trong Đạo cũng như người đời đều xưng tụng Ngài là Đức Phật Thầy Tây An. Ngài khai sáng Tông phái Phật giáo Bửu Sơn Kỳ

Hương và là tiền thân của Đức Huỳnh Giáo Chủ. (Xem lại Chú thích tại Q. Thượng Tập 1/3, tr.84-86).

LƯỢC GIẢI:

Đại lược Đức Thầy khuyên nhà tu, hãy phá tan màn vô minh cho trí huệ sáng tỏ hầu soi tan hay thuyết phục đám tà ma quỷ quái, để chúng không còn ám ảnh xúi giục tâm trí ta làm điều xằng bậy.

Đức Giáo Chủ lâm phạm khai Đạo là có sắc lệnh của Phật Thế Tôn, để đến ngày kết cuộc:

“Non thần vang chuyển Khùng ngồi xử phân”.

Và: ***“Xử những kẻ hung hăng tội tệ,***

Thưởng những người trung nghĩa vẹn toàn”(Q.4).

Ngài cũng khuyên mọi người phải lo học hiểu và hành trì lời Sám Kinh, để sau này được thoát cảnh chiến tranh biến đổi, hoặc sa đọa vào chỗ thấp hèn đen tối.

Và Hội Long Hoa sắp mở để chọn lọc hiền còn dữ mất, nên Ngài kêu gọi khắp nhân sanh sớm quay đầu hướng thiện cho kịp thời kỳ Long Hoa đại hội.

Đã đặt chân vào cửa Đạo, mỗi người phải đền xong nợ thế, tức vừa đền đáp Tứ ân, vừa ngăn chừa 10 điều ác, vẹn tròn ân nghĩa. Đức Phật và Đức Thầy đầy lòng từ bi độ chúng, thế mà có nhiều người nhạt chề bác bẻ, e ngày kết cuộc phải chuốc lấy sự sầu đau hận tủi.

CHÁNH VĂN

71. ***“Cuối năm Thìn sẽ lo vận chuyển,***

Xứ “Hà-tiên” linh-hiển cơ quan.

Nhơn sanh sẽ hiệp một đàn,

74. ***Hết Thìn rồi lập Nhơn-Hoàng hội ra.***

Khuyên sanh-chúng gần xa phân cận,

Dựng Nhơn-Hoàng cho rạng Á-Đông.

Chúng-sanh phải tưởng giống-dòng,

78. *Hiệp tâm hiệp trí cột đồng nhà Nam.
Phật chỉ dạy qui tam lập hội,
Dựng cho rồi một cội thành ba.
Chớ mong yển thử âm hà,*
82. *Mười ngàn năm lẻ cửa nhà dâu con ?
Ta nhắc lại héo von cho trẻ,
Cứ dâu lưng đờng rẽ đờng chia.
Cả kêu lớn nhỏ quày vìa,*
86. *Trên hòa dưới thuận chớ lia chớ phân.
Long-Hoa hội ân-cần lo lập,
Lập cho rồi tam-thậ-lục nhơn”.*

CHÚ THÍCH:

HÀ TIÊN: Chữ *Hà* có nhiều nghĩa: *Hà* là sông, là chữ dùng để hỏi: Làm sao? Cái gì ? Ở đâu ? ; *Tiên* là trước, là đầu mối, là địa danh. Hiểu chung hai chữ *Hà Tiên* có ba nghĩa:

- *Hà tiên* là tiếng dùng để hỏi “Ông là vị Tiên nào? Ở đâu? Như ông Chín Diệm (Nguyễn Kỳ Trân) hỏi Đức Thầy: “*Vị tri đại đức giáng hà tiên*”.

- *Hà Tiên* là địa danh, tức tỉnh Hà Tiên.

- *Hà tiên* là sông trước, tức sông Tiền Giang.

Năm 1939, nước lớn lúa ngoài đồng bị ngập lụt. Con đường trước cửa Tổ Đình nước ngập tràn qua lộ. Ông Mười (một đông y sĩ) từ nhà ở chợ Mỹ Lương đi xuống Tổ Đình ; khi ông Mười gần tới cửa Tổ Đình, Đức Thầy đã đứng sẵn tại đó đợi ông, chấp tay vái chào rồi hỏi:

- Nghe ông Mười thông suốt chữ Hán, hôm nay xin phép ông cho tôi hỏi một vài chữ được chăng ?

Ông Mười cười đáp:

- Muốn hỏi gì thì cứ hỏi, chớ xin phép xin tắc gì cậu! (Lúc đó ông Mười chưa qui y, nên mới xưng hô với Ngài như vậy).

Đức Thầy hỏi tiếp:

- Hà Tiên là gì ông Mười ?
- Việc đó dễ ợt, có gì khó đâu mà cũng hỏi. Hà Tiên là một trong 20 tỉnh Nam Kỳ của mình, nằm phía trên tỉnh Rạch Giá, giáp biên giới Miên-Việt. Nơi ấy có lăng Mạc Cửu và nhiều cảnh đẹp như Thạch Động, Đá Dựng, Mũi Nai.

Đức Thầy vừa cười vừa nói:

- Ông giải nghĩa không đúng rồi ông Mười ơi !
- Cậu nói sao ? Theo cậu, Hà Tiên có nghĩa như thế nào ?

- Ông chịu thua đi tôi sẽ giải nghĩa cho nghe !
- Thì chịu thua đó, cậu giải đi, nếu giải không đúng lý thì không được với tôi nghe !

Bấy giờ nước ngập sát mé đường, Đức Thầy liền ngồi xuống vừa lấy tay khoát nước vừa nói:

- Hà là sông, Tiên là trước. Nói chung hai chữ Hà Tiên là sông trước, tức là sông Tiền Giang trước mặt mình đây. Còn sông bên kia (sau lưng) là sông Hậu Giang. Có thể mà ông không hiểu lại trả lời là tỉnh Hà Tiên làm sao đúng với câu hỏi của tôi.

Đức Thầy giải xong, ông Mười và mọi người nghe từ đầu tới giờ đều thì thâm bàn tán:

- Ý phàm sao bằng ý Phật !

Tóm lại chữ Hà Tiên mà Đức Thầy dùng trong câu giảng “*Xứ Hà Tiên linh hiển cơ quan*”, có nghĩa là Sông Trước (Tiền Giang).

NHƠN HOÀNG: Vị vua cõi người. Đây chỉ cho vị Chuyển Luân Thánh Vương của cõi đời Thượng ngươn Thánh đức tới đây. Trong Sám Giảng (Q.3), Đức Thầy viết:

***“Nhơn Hoàng cũng lấy lẽ công,
Cũng đồng trừng trị kẻ lòng tà gian.
Ấy là đến lúc xuê xang,
Tam Hoàng trở lại là đời Thượng Ngươn”.***

Á ĐÔNG: Á là Châu Á . Thế giới có năm châu: Á, Âu, Mỹ, Phi, Úc. Nước Việt Nam ở phía Đông Nam châu Á tức thuộc vùng Á Đông nói chung.

GIÓNG DÒNG: Cũng nói *dòng giống* hay *nòi giống*. Ví dụ: Dòng giống Rồng Tiên hay dòng giống Lạc Long. Đức Thầy từng nói:

***“Thiệt chẳng hổ giống dòng Nam Việt,
Tùng nêu cao khí tiết Lạc Hồng”.***

(Té Chiến Sĩ Trận Vong Vườn Thơm)

CỘT ĐỒNG NHÀ NAM: Thành ngữ này do câu: “*Đồng trụ chiết, Giao chỉ diệt*”, xuất phát từ thời Bắc thuộc lần thứ hai.

Sau khi Mã Viện, tướng nhà Đông Hán, đánh thắng Hai Bà Trưng , liền sát nhập đất Giao Chỉ thuộc về nhà Hán. Mã Viện cho chinh đốn binh lương, đem quân đánh dẹp các nơi, đi đến đâu cho xây thành đắp lũy đến đó, cải cách chính trị trong các quận. Mã Viện đem phủ trị về Mê Linh và dựng cây cột đồng ở chỗ phân chia địa giới, có khắc sáu chữ: “**ĐỒNG TRỤ CHIẾT, GIAO CHỈ DIỆT**” (Chùng nào cây đồng trụ này đổ thì người Giao Chỉ phải mất nòi). Bấy giờ người Giao Chỉ chúng ta vì sợ mất nòi giống nên mỗi người đi ngang qua chỗ đó đều liệng vào gốc đồng trụ một hòn đá, cốt ý làm cho cột đồng đứng vững để dân Giao Chỉ trường tồn. Lâu ngày như vậy đá chồng chất lên cao như ngọn núi, cột đồng trụ không thể ngã được.

Dùng thành ngữ “**Cột đồng nhà Nam**”, Đức Thầy có ý biểu dương tinh thần đoàn kết của quốc dân ta thời ấy và muốn khuyến khích người sau noi dấu.

YẾN THỦ ẨM HÀ: *Yến thủ* (con vật giống như loài trâu nước) uống nước sông Hà. Do câu trong sách “**Áu học Huỳnh Lâm**”: “*Tiêu-liêu sào lâm bất quá nhưt chi, yến-thủ ẩm hà bất quá mãn phúc*”(Chim tiêu-liêu thân hình nhỏ xíu, làm ổ trên rừng, bất quá nó chỉ làm một cây

thôi, chớ đâu làm hết rừng cây cho đượ. Còn con yến-thử thân lớn như con trâu, bụng to, uống nước thật nhiều nhưng nó chỉ uống đầy bụng thôi, chớ không thể nào uống hết nước sông Hà đượ). Điển này có hai dụng ý: *Ý thứ nhất* nói người có tâm trí nhỏ hẹp mà muốn làm việc lớn bao hàm thể gian thì không thể đượ. *Ý thứ hai* nói người có lòng tham lam bao gồm tiền của thật nhiều đi nữa, cũng chỉ hưởng đượ một đời thôi, chớ chẳng thể sống hưởng hoài đượ. Ở đây Đức Thầy muốn nói đến ý thứ hai.

MƯỜI NGÀN NĂM LẼ CỬA NHÀ ĐẬU CON:

Câu này có ý nói tất cả chúng sanh đã có từ vô thi, què quán đều ở cõi Niết Bàn hay Cực Lạc, cùng gốc một bản thể với chư Phật Thánh Tiên. Nói gần hơn, gốc mỗi chúng ta đều có mặt trong đời trước đây trên mười ngàn năm (tức từ thời Thượng nguồn Thánh đứ), nhưng vì lòng còn tham nhiễm của tiên vật chất trong cõi hồng trần mà nay lại nỡ quên đi quê hương nhà cửa, chạy theo cảnh giả tạm, rồi phải luân hồi sanh tử cho đến giờ mà chưa chịu quay về quê xưa cảnh cũ của mình.

TAM THẬP LỤC NHƠN: tức 36 vị Thánh Tiên. Vào năm 1939, lúc Đức Thầy còn ở Tổ Đình Hòa Hảo bấy giờ ông Nguyễn Chi Diệp có hỏi Ngài:

-Nhờ Đức Thầy cho biết ý nghĩa bài thi, Ngài đáp họa cho ông Huỳnh Hiệp Hòa:

***“Tam thiên lục bá giáng lâm trần,
Khóc tử lang tâm biến họa dân.
Tà quái hạ nguơn khai ác chiến,
Ất niên bình thụ kiến quân thân”.***

(SGTVTB2004, tr. 281)

Đức Thầy nói:

- Các ông rần tu rồi sau thì biết !

Ông Diệp và mọi người cứ nài nỉ mãi Ngài mới nói:

- Tôi chỉ cho các ông biết một phần thôi còn bao nhiêu thì tự suy luận ! Vào khoảng cuối thời kỳ Hạ nguơn,

có 3.600 manh mỗi tà đạo ra đời dùng đủ phương tiện, có khi tà pháp tàn hại sanh linh: **“Tam thiên lục bá khắp tràng hại dân”**. Bấy giờ cũng có 36 vị Phật Thánh **“Tam thập lục nhơn”** ra đời trừ dẹp số ấy, lập hội Long Hoa, kiến tạo đời Thượng nguơn Thánh đức, đem lại sự thái bình an lạc cho dân chúng.

LƯỢC GIẢI:

Đoạn giảng trên ý nói năm Thìn nào đó, tại sông Tiền Giang sẽ hiển rõ cơ quan của trời đất cho dân chúng biết. Đến đó khắp bá tánh đều hiệp nhau trên con đường hiền lành đạo đức để lập hội Nhơn Hoàng.

Vì lòng từ bi, Đức Giáo Chủ giải bày cho nhơn sanh rõ, khi nào có Thánh vương xuất hiện thì cả vùng Đông Nam Á sẽ rạng rỡ khắp năm châu. Có điều là mỗi người phải tưởng nhớ đến nòi giống Lạc Hồng đã trải năm ngàn năm và đã từng thương yêu đoàn kết xây dựng cột trụ vững chắc cho nước nhà đến ngày hôm nay.

Ngài còn cho biết theo lời truyền dạy của Tổ Thầy thì cả tam giáo Phật Thánh Tiên cần hiệp nhứt để lo độ dân cứu nước. Chẳng nên say đắm những vật chất tạm giả hiện tiền, vì những thứ đó đã làm cho chúng ta phải lìa quê hương bản xứ và chuyền luân trong sáu nẻo luân hồi trên mười ngàn năm rồi.

Mỗi khi nhắc đến chuyện đó, Đức Giáo Chủ quá thương xót chúng sanh, nên Ngài kêu gọi toàn dân hãy thương yêu đoàn kết lẫn nhau. Nhứt là phải quay về con đường đạo đức để được có mặt dự Hội Long Hoa, gặp Phật gặp Thầy. Bởi ngày ấy Phật Trời sẽ phân định hiền còn dữ mất, và **“Phật Tiên Thánh an bang cùng định quốc”**.

CHÁNH VĂN

89. **“Lôi-Âm giục khởi tiếng đờn,**

90. *Thất-Sơn dấy loạn là cơn hiểm-nghèo.
Nơi phía trước cheo leo tiếng khóc,
Đứng sau lưng hình-vóc dầy chun.
Nước kia lửa nọ tung-bùng,*
94. *Thảm cho thế-sự lầy-lùng nạn tai.
Thời cũng tại không ai tu niệm,
Cứ lẳng-lơ ngạo biếm khoe-khoang.
Đến nay là buổi tai-nàn,*
98. *Tam thiên lục bá khắp tràn hại dân.
Đến Thân-Dậu Thánh-Thần náo động,
Thảm cho trần nhà trống ruộng hoang.
Tiếng than lụy ngọc nhỏ tràn,*
102. *Nạn-tai dồn-dập xóm làng còn chi.
Khuyên sanh-chúng rán ghi mỗi Đạo ,
Lòng hằng lo ngay thảo nghe con.
Tương đưa giữ phận cho tròn,*
106. *Cuối niên Thân-Dậu mắt còn sẽ phân”.*

CHÚ THÍCH:

LÔI ÂM GIUC KHỎI TIẾNG ĐÒN: Lôi Âm nói cho đủ là Lôi Âm Tự ở Tây Thiên Trước, tức chùa Lôi Âm (Án Độ) nơi Đức Thích Ca thường cư ngụ thuyết pháp. Tiếng đờn là chỉ cho lời thuyết giáo của Phật. Ý nghĩa nguyên câu là Đức Thầy nói về giáo pháp của Đức Phật Thích Ca giáo hoá chúng sanh:

“Đờn lôi âm khởi điệu êm tai”(D. P. Quang Minh).

THẤT SƠN: Bảy Núi (Xem lại CT tại Q. Thượng Tập 1/3, tr. 106-108).

DẤY LOAN: Cuộc loạn lạc nổi lên.

LẪNG LƠ: Tánh cợt nhả, lả lơi, chỉ người đàn bà không có hạnh nết *“Gái lẳng lơ tiếng quỵển lời đờn”* (Q.5)

BAO BIẾM: Kiêu căng tự đắc và hay chê bai, biếm nhẽ người.

“Mặc ai biếm nhẽ gần xa,

Nói quỷ nói tà đây cũng cam tâm”. (Q.1)

TAM THIÊN LỤC BẢ: Ba ngàn sáu trăm (3.600) manh mỗi tà đạo. Đức Thầy từng viết:

*“Tam thiên lục bá giảng lâm trần,
Khóc tử lan tâm biến họa dân”.*

(Họa Thơ Ô.Huỳnh Hiệp Hòa)

THÂN DẬU: Chỉ hai năm Giáp Thân và Ất Dậu (1944&1945), cuối thế chiến thứ hai.

NÁO ĐỘNG: Không an ổn

NHÀ TRỐNG RUỘNG HOANG: Cảnh chạy giặc: nhà dỡ vách bỏ trống vì sợ giặc đốt, đồng ruộng bỏ hoang.

LƯỢC GIẢI:

Đại lược các câu giảng trên Đức Thầy nói Sám Kinh của Ngài lấy gốc từ Đức Phật Thích Ca thuyết giáo; nó ví như tiếng đờn dễ rung cảm các căn lành sớm thức tỉnh tu hành. Ngài còn cho biết chùng nào tại vùng Bảy Núi miền Nam nước Việt có giặc loạn xảy ra, cảnh hiểm nguy sẽ đến với dân chúng như: nước dâng, lửa cháy, thân thi nằm chật đất, đầy tiếng kêu than thảm thiết.

Cảnh trạng đó là do từ trước tới giờ rất ít người tạo nhân lành, chỉ lo chê bai nhạo báng người tu, khinh khi Trời Phật, gây việc hung ác, nên phải trả quả. Ngài còn nói rõ đến ngày kết cuộc sẽ có ba ngàn sáu trăm (chỉ số nhiều) manh mỗi tà đạo xuất hiện; họ bày đủ mưu mô xảo quyệt, khí giới tối tân để tàn hại sanh linh.

Đoạn tiếp, Đức Giáo Chủ tiên tri đến hai năm Thân và Dậu, dân chúng phải chịu nạn tai dồn khiến Thân Thánh cũng không yên; nào cảnh nhà trống ruộng hoang xóm làng tan tác, tiếng than khóc khắp nơi, lệ tràn khô ráo.

Do đó, Đức Thầy khuyên dạy khắp chúng dân sớm quày đầu hướng thiện, ghi nhớ lời giáo huấn của Phật của Thầy để thiết thi cho tròn vẹn hai điều trung và hiếu, đó là then chốt của đạo làm người. Đồng thời phải chừa nghiệp

sát sanh bằng cách vện gìn trai giới, kiên nhẫn tu hành chờ đến hai năm Thân Dậu, Phật Trời sẽ phân định việc hư nên còn mất cho cả nhân loại.

CHÁNH VĂN

107. *“Trong một giáp ân-cần suy tính,
Muốn làm hiền rán nhịn đừng than.
Đến nay gần buổi khoa tràng,*
110. *Minh-Quân xuất thế khắp tràng thanh-thoi.
Đến Thân-Dậu cơ trời thấy lộ,
Hết đa- binh qui cổ diệt kim.
Gia vô bế hộ im-lìm,*
114. *Lập thành mỗi Đạo rõ điềm xưa kia.
Thì dân-chúng danh bia hậu thế,
Phật, Thánh, Tiên kèm chế lập thành.
Diệt tà lập chánh đành-rành,*
118. *Ba màu nắm chặt Nam-thành xử phân.
Trong tam giáo ân-cần mở Đạo,
Trường ngoại bang phục đáo như xưa.
Phật Tiên vận-chuyển lọc-lừa,*
122. *Chúng sanh rán nhớ muối dưa hội này”.*

CHÚ THÍCH:

MỘT GIÁP: Giáp là chữ thứ nhứt trong thập can; mỗi can chỉ một năm: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý. Một giáp nhỏ là 10 năm, một giáp lớn là 60 năm.

KHOA TRÀNG: Cũng gọi là *khoa trường thi cử*. Học văn chương tới kỳ hạn phải vào trường thi để biết đậu rớt cao thấp. Còn kẻ học Đạo hay hành Đạo cũng có cuộc thi. Giảng xưa Bửu Sơn Kỳ Hương có câu:

*“Phật thi đức, trào quốc thi văn,
Nhon từng thi chánh nhơn tặng thi lòng”.*

Theo Sám thi PGHH thì việc thi cử có nhiều cách: thi cả đức lẫn tài trí, trong lúc đang tu đã có thi rồi. Thi cử trải qua thời gian dài đặt, coi ai có bèn lòng hay không. ***“Ít ai giữ đặng chí bền, Tu theo nước lớn ròng bèn thả trôi”***. Thi với *vật chất* tức đối đầu trước Danh Lợi Tình câu nỡ; thi với *tà đạo* thì thánh linh lôi kéo; cuối cùng thi tại trường thi Đại Hội Long Hoa thì hiền còn dữ mất. Đức Giáo Chủ từng khuyên tấn: ***“Nếu chân chờ e trễ kỳ thi”***. Và:

***“Đến kỳ thi danh thầy chạm bằng,
Trên đài cao gọi các linh hồn”*** (Nang Thơ Cẩm Tú)

MINH QUÂN: Ông vua sáng suốt minh chánh. Đây chỉ cho vị thánh vương đời Thượng nguyên Thánh đức.

CƠ TRỜI THẤY LÔ: Sắp tới đây, bộ luật tuần hoàn của tạo hóa sẽ hiển lộ xoay chuyển cho dân chúng thấy rõ trước mắt.

QUI CỐ DIỆT KIM: Tiêu diệt thời nay để xây chuyển lại thời xưa. Bởi người xưa thật thà chơn chất, con người nay thì xảo quyệt gian tà:

*“Tận kim bởi quả kim điêu xảo,
Thế cổ vì nhân cổ thật thà”*.(Thanh Sĩ)

Đức Thầy từng nói:

***“Người xưa tuy ít chữ nôm na,
Chớ chơn chất người ta ngay thẳng”***.

GIA VÔ BẾ HỘ: Nhà không đóng cửa, chỉ cho đời thái bình an lạc, như thời Nghiêu Thuấn thuở trước. Nhà dân chúng khỏi lo đóng cửa, ngoài đường của rơi không người lượm. Đây chỉ cho đời Thượng nguyên Thánh đức.

NAM THÀNH: Thành trì nước Việt Nam.

TRONG TAM GIÁO: Ba nền đạo lớn mà dân tộc Việt Nam ta đã tôn thờ từ trước: Phật Giáo, Lão Giáo và Thánh Giáo.

PHỤC ĐÁO NHƯ XƯA: Được hưng phục trở lại như thời xưa. Vào thời nước nhà có quyền tự chủ (Đình,

Lê, Lý Trần, Lê tức thời Đinh Tiên Hoàng, Lê Hoàn, Lý Công Uẩn, các vua nhà Trần, các vua nhà Hậu Lê), người Việt ta rất tôn sùng Tam Giáo. Các nhà vua thường mở khoa thi chọn người dung thông tam giáo ra giúp nước, nên cả nước đều xem Tam Giáo là Quốc Đạo. Sự đoàn kết của toàn dân rất chặt chẽ và đủ tinh thần nghị lực đuổi giặc xâm lăng phương Bắc.

LƯỢC GIẢI:

Bốn câu giảng trên Đức Thầy cho biết PGHH ra đời một năm sau là lâm vào vòng pháp nạn: nhưng Ngài khuyên môn đồ đã dốc chí tu hiền thì phải rán nhẫn nại và kiên tâm bền chí cho qua một cơn giập lớn (60 năm) mới hết khó khăn. Và phải đợi khi nào có vị Thánh vương xuất hiện, người tu sẽ hoàn toàn tự do thông thả.

Đức Giáo Chủ còn nói: Đến hai năm Thân Dậu nào đó, cơ huyền tạo hóa sẽ lộ rõ, chiến tranh chấm dứt; đời Hạ nguon sẽ chuyển lại thời Thượng nguon Thánh đức như xưa. Khi ấy toàn dân chung hưởng cảnh thái bình an lạc (*Gia vô bế hộ*), ai ai cũng đều biết lo tu hành đạo đức.

Bấy giờ cả dân chúng đều thống nhứt qui ngưỡng theo tinh thần Tam Giáo, khi ấy chư Phật Thánh Tiên (Tam Giáo) căn cứ nghiệp quả của mỗi chúng sanh mà mở cơ chọn lọc “Diệt tà lập chánh”.

Hiện giờ chư Phật Thánh Tiên đều lâm phạm khai Đạo, khuyên nhủ nhân sanh sớm thức tỉnh qui về nẻo đạo, trai giới vẹn gìn, đó là nguyên nhân hưởng sự thái bình sắp tới. Bằng ai không hồi tỉnh, mãi gây nghiệp sát hại, hành động gian tà hung ác tất đành chịu cuộc chọn lọc “hiền còn dữ mất”.

CHÁNH VĂN

113. *“Trên cùng dưới sum vầy một buổi,
Dựng mười hai may rủi mới hay.*

- Làm cho rõ mặt râu mày,*
126. *Thượng-nguồn hồi-phục là ngày an-cư.
Cuối Thân Dậu y như Thượng-cổ,
Thời non-sanh hết khổ đến may.
Đế-Vương xuất thế là ngày,*
130. *Dậu, Thân bình-trị trong ngoài âu ca.
Phân chỉ rành gần xa để dạ,
Chớ đảo điên phải đọa phải sa.
Nghĩ suy cho thấu mới là,*
134. *Một bầy Hồng-Lạc nay đà thanh-thời.
Khuyên sanh chúng nhớ lời ta tỏ,
Trước sau cùng chỉ rõ mối ràng.
Non-sanh giữ phận chớ than,*
138. *Minh-Vương xuất thế mới an dân lành”.*

CHÚ THÍCH:

DỤNG MƯỜI HAI: Tức mười hai bến nước. Sở dĩ hiểu các chữ này do thành ngữ “*Mười hai bến nước*”, là vì Đức Thầy viết câu này có kèm hai chữ rủi may. Có nghĩa sống trong xã hội loài người có nhiều hạng khác nhau do hai từ may và rủi. Như may thì đặng giàu sang vinh hiển, sung sướng an vui. Rủi thì gặp nghèo hèn, gian lao cực khổ.

Mười hai bến nước gồm có: Sĩ (học trò), Nông (làm ruộng), Công (thợ thuyền), Thương (buôn bán), Ngư (chài lưới), Tiều (đốn củi), Canh (trồng tía), Mục (chăn nuôi), Công (tức Công trong hàng quan lại), Hầu (tức Hầu...), Bá (tức Bá...), Tước (tức Tước....). Trong văn chương người ta thường dùng thành ngữ *12 bến nước* để chỉ cho duyên phận của người phụ nữ, khi đi lấy chồng; được may thì nhờ, gặp rủi thì đành phải chịu:

*“Linh đình một chiếc thuyền tình,
Mười hai bến nước gọi mình vào đâu? (Ca Dao)*

Ở đây, Đức Thầy dùng thành ngữ “*dụng mười hai*” tức 12 bến nước trong câu giảng này là ý chỉ khuyên người tu hành trước khi tu phải chọn nền Đạo mà qui theo. Nếu được chánh đạo là may, còn lâm vào tà đạo là rủi. Như Ngài đã xác định và dặn dò môn đồ:

**“*Chọn bến nước rủi may trong đục,
Nếu chần chờ lục đục trễ chơn*”.**

(Vọng Bắc Hòa Nam)

ĐẾ VƯƠNG: *Đế* nghĩa là *vua* mà *Vương* cũng là *vua*, nhưng ở đây hai chữ đi cặp là muốn nói tới Đức Minh Vương tức ông vua minh chánh sáng suốt:

**“*Thương Minh Vương bắt chước Thuần Nghiêu,
Lòng hiền đức nào ai có biết*”.** (Kệ Dân, Q.2)

HỒNG LẠC: Cũng gọi là Lạc Hồng ý chỉ cho vua Lạc Hồng họ Hồng Bàng. Nhà vua có công lập quốc và gây dựng nòi giống Việt Nam ta. Do đó, người Việt Nam từ trước đến nay đều cho mình là *con Rồng cháu Tiên*, hay *con cháu Lạc Hồng*:

**“*Hồng Lạc giống xưa rất tuyệt vời,
Và: “Bay mùi thơm cả Tây Đông,
Bắc Nam hơn vật Lạc Hồng thanh thoi”*”.**

LƯỢC GIẢI:

Đoạn Giảng trên ý cho biết hiện giờ đất nước Việt Nam đang bị mất quyền tự chủ, như trong một gia đình thiếu người cha cai quản. Nền Đạo gặp hồi pháp nạn nhưng tín đồ hãy tin tưởng sẽ có một ngày chúa tể thầy trò sum hiệp. Người tu hành đang sống trong *cảnh rủi*, đây gian lao khổ nạn, song nếu biết nhẫn nại lo tu thân sửa tánh cho đến ngày lập lại Thượng Nguyên tất được thông thả an vui.

Đức Giáo Chủ cũng cho bá tánh hiểu thêm đến hai năm Thân Dậu, nước ta chẳng còn khổ như đã thấy. Vì đến

đó “**Phật Tiên Thánh an bang cùng định quốc**”, lập lại đời Thượng nguồn an lạc.

Do đó, hiện giờ Ngài kêu gọi vạn dân và môn đồ hãy ghi nhớ lời phân chỉ hầu lo trau thân hành đạo, không nên làm ngược lại mà sau này phải chịu đọa sa khổ não. Đồng thời hãy dùng trí tuệ xét suy cho thấu đạt chơn lý của Đạo để làm định hướng trên đường tu tiến hầu sau này cả nòi giống đều được thành thoi an hưởng.

CHÁNH VĂN

139. ***“Gọi ơn Trời độ khỏi sai lầm,
Xin giúp chí bền, chí dục tâm.
Hộ mạng thần Quan-Âm trợ lực,
Nguyện thân ý nhiệm xứng công thần.***

*

* *

143. ***Từ bi Trời Phật độ quần sanh,
Cứu khổ tai ương vạn sự lành,
Đệ-tử gọi nhuần ân đức cả***
146. ***Chung thân quyết chí dốc tu hành”.***

CHÚ THÍCH:

GỌI ƠN: Nhờ các bậc bề trên ban ân huệ xuống.
Ví dụ: Nhờ Trời Phật, vua, quan hay nhờ cha mẹ giúp đỡ.

CHÍ BỀN: Cũng gọi là *bền chí*. Ý nói đã quyết chí tu hành, dù gặp sự gian lao trở ngại cũng bền dẻo, kiên tâm trì chí cho đến khi thành công. Đức Thầy từng dạy: **“Đạo Phật là đạo từ bi bác ái, dĩ đức háo sanh, khoan hồng đại độ”** bền bỉ dẻo dai, dung hòa nhẫn nại.

QUAN ÂM: Xem lại CT tại Q.Thượng Tập 2/3, tr. 196-197.

Ý NHIỆM: Sự mầu nhiệm trong tâm ý con người.

TỪ BI: Xem lại CT tại Q. Thượng Tập 1/3, tr 40.

QUẦN SANH: Cũng gọi là *quần sinh*. *Quần* là bầy, đông nhiều, chỉ cho số người đông; *Sanh* là các giới chúng sanh trong xã hội loài người. Đức Thầy từng nói: ***“Với quần sanh họ mang cái ơn rất nặng, cho nên họ phải đi đút sanh linh đi tìm chân lý đặng đáp tạ tấm lòng chiếu cố của thiện tín”***.

GÔI NHUẬN ÂN ĐỨC CẢ: Nhờ ơn Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng) giác tỉnh và ban phúc huệ cho chúng sanh thấm nhuần lý diệu màu Phật pháp giác ngộ tu hành:

“Nhuận gội ơn trên rải đạo mầu”. (Tối Mừng Một)

LƯỢC GIẢI:

Đoạn này gồm hai bài thi *tứ cú*. Ý nói chúng sanh đang sống trong thời Hạ nguồn mạt pháp mà được giác tỉnh tu hành theo chánh đạo là nhờ ơn Trời Phật ban bố. Vậy mỗi người hãy nuôi chí bền lòng tu tiến cho đạt đạo. Đồng thời hãy cầu nguyện Đức Quan Âm Bồ Tát dùng thần lực hộ trì thêm cho chúng ta sớm thấu đạt lý mầu nhiệm nơi tâm ý mình.

Chư Phật luôn có lòng từ bi bác ái, lúc nào cũng muốn cứu vớt nhơn sanh, nên các Ngài truyền dạy mỗi người hãy rán làm lành lánh dữ, để thoát khỏi tai nạn trong thời biến hoại tới đây. Chúng ta đã gội nhuận ân đức của các Ngài thì hãy quyết tâm dốc chí tu hành hầu đền đáp những đặc ân mà mình đã thọ nhận.

CHÁNH VĂN

147. ***“Buồn vui mượn bút tay đề,
Đã rời trần-thế dựa kê Tiên-bang.
Tay chèo miệng nói lang-mang,***
150. ***Chúng-sanh cách trở nghèo-nàn hỡi ai.
Lục-châu ta dạo bằng nay,
Thấy trong lê-thứ quá dài gian-nan.***

154. *Động tình tá quốc an bang,
Nước nhà vững đặt Nam-đàng hiển-vinh.
Bây giờ ta mượn kệ kinh,
Khuyên ai mau kíp sửa mình cho an.
Bữa xưa giảng-kệ một nang,*
158. *Bởi vì ta mắc đời thoàn cảnh xa.
Ngày nay ta cũng nô-m-na,
Gẫm trong lê-thứ hằng-hà lụy rơi.
Chừng nào mới đặng thanh-thời,*
162. *Qua năm Tuất-Hợi Phật Trời định phân”.*

CHÚ THÍCH:

BUỒN VOI: Hoi buồn (từ thường dùng để mở đầu câu văn có tánh cách buồn than).

LANG MANG: Cũng viết là *lan man*. Có nghĩa nói chuyện này kế tiếp sang chuyện khác, không dứt. Ở đây Đức Thầy nhắc lại lúc đi dạo lục châu, tay Ngài vừa chèo miệng vừa kể chuyện khuyên tu không dứt.

LÊ THỨ: *Lê* là đen; *Thứ* là đông, nhiều. Có cùng nghĩa như chữ *lê dân* (dân đen) để chỉ tất cả dân chúng.

TÁ QUỐC AN BANG: Bảo vệ giang san tổ quốc và giúp cuộc trị an cho quốc gia dân tộc.

BỮA XƯA GIẢNG KỆ MỘT NANG: *Bữa xưa* chỉ thời thời của Đức Phật Thầy, trên 100 năm trước. *Giảng kệ* là lời Sám Giảng khuyên tu của Đức Phật Thầy. *Một nang* có hai nghĩa:

1/- *Một nang thơ* hay *cái cẩm nang* do người trước (bậc thầy hay cha mẹ) lưu chiếu lại để dẫn dò người sau hoặc kẻ dưới tay y theo đó mà thi hành công việc.

2/- *Một nang* là cái mo nang gói những kỷ vật lưu để đời sau, bảo vệ được lâu ngày không bị chuột, gián gặm rách. Ở đây chỉ cho cái mo nang do Đức Phật Thầy gói các kỷ vật và quyển Sám Truyền lưu để từ trên 100 năm trước, người sau tìm ra được ở Tòng Sơn. (Loại cau ăn trâu, mỗi

buồng có vỏ bao bọc bên ngoài gọi là *mo nang*. Thời xưa người ta dùng *mo nang* để cất làm quạt, hoặc để gói cơm, gói trầu cau với thuốc đem theo đường, không bị hư ướt).

Khi xưa, Đức Phật Thầy Tây An rời khỏi làng Tòng Sơn đi vân du các nơi rồi sau đó dừng chân tại Trà Bư, gần mộ Phật Mẫu ở Rạch Cái Nai, xã Hội An ngày nay. Bấy giờ bệnh ôn dịch lan tràn khắp nơi, bệnh nhơn đến nhờ Ngài điều trị rất đông. Ở làng Tòng Sơn cũng thế, dân làng nhờ ông Đoàn Văn Viên và Đoàn Văn Điều (Bà con chú bác với Ngài) đến Trà Bư nài nỉ yêu cầu Ngài trở về làng độ bệnh cho dân chúng. Ngài không nhận lời vì nơi đây bệnh nhơn còn rất đông. Ngài bảo các ông ấy trở về Đình, vào chỗ Ngài nghỉ lúc trước, tìm lấy cái nang bằng *mo cau*, dùng làm đầy đựng vật dụng mà Ngài đã để lại đó. Trong đây có *cây thẻ năm ông*, ai có bệnh hãy vạt một miếng, khấn vái Trời Phật rồi về nấu nước uống thì bệnh chi cũng tiêu trừ.

Thật vậy, trong cái *mo nang* còn lại, người ta thấy có một quyển Sâm Giảng, một tấm trần đỏ và một cây cờ ngũ sắc (thẻ năm ông). Tấm trần đỏ thì được thượng lên thờ tại Đình, quyển Sâm Giảng được truyền tay nhau đọc, còn cây cờ ngũ sắc thì chỉ trong ít ngày người ta thỉnh về uống sạch chẳng những lá cờ mà còn cả cán cờ, chun nhang và tro nhang trên bàn cũng không còn. Bằng phương pháp đơn sơ như vậy, Đức Phật Thầy đã chặn đứng được luồng bệnh ôn dịch tại làng Tòng Sơn.

DỜI THOÀN: Cũng đọc là *dời thuyền*. Ý chỉ lúc Đức Phật Thầy rời đình Tòng Sơn ra đi bằng chiếc xuồng bần.

NÔM NA: Tiếng nói thông thường của người dân Việt. Chữ Nôm là một thứ chữ đặc biệt của người Việt, dùng từ thời chúa Nguyễn trở về trước. Chữ viết hình thể giống chữ Hán vì mượn nét chữ Hán nhưng không phải chữ Hán, song đọc ra âm Việt Nam nên ai cũng nghe hiểu.

Sau đó, theo trào lưu tiến hóa của nước nhà mà Đức Thầy viết Sám Giảng bằng chữ quốc ngữ như ngày nay.

TUẤT HỢI: Hai năm Tuất và Hợi. Đức Giáo Chủ tiên tri đến hai năm đó, Phật Trời sẽ phân định đâu ra đấy. Đây là Thiên cơ, chúng tôi không dám quyết định là năm nào mà chỉ dẫn vài chỗ Ngài đã nói trùng hợp như sau:

***“Tuất Hợi nhị niên giai tiền định,
Huần lai thượng cổ mới bình yên”***. Và:

***“Sáng ngày con chó sủa tru,
Chùng heo cắn ổ hiềm thù mới yên”***. Hay là:
“Đinh Hợi đáo niên tạo thiện nhân”.

LƯỢC GIẢI :

-Đoạn này Đức Thầy cho biết tiền thân của Ngài đã an tâm tu dưỡng nơi cảnh Tiên, nay vì quá thương xót chúng dân nên lâm phạm dùng bút mực viết ra Kệ Giảng, khuyên bá tánh thức tỉnh tu hành. Ngài chèo ghe khắp đó đây, miệng không ngớt khuyên nhủ bá tánh tỉnh tâm tu niệm.

-Lúc mới ra đời, Ngài có mượn chiếc ghe của Đức Ông đi dạo qua sáu tỉnh miền Nam. Nhân thấy khắp chúng sanh đang trong cảnh nước mất nhà tan, đói đau nghèo khổ, khiến Ngài kích động mối tình yêu dân mến nước, nên quyết tâm bảo vệ quốc dân Việt Nam cho đến ngày quang vinh tươi sáng.

-Trước nhất, Ngài mượn lời Kinh Giảng kêu gọi mọi người hãy sớm trau sửa thân mình cho tròn vẹn. Đức Giáo Chủ cũng nhắc lại tiền thân của Ngài (tức Đức Phật Thầy Tây An) cách đây trên 100 năm, khi Ngài rời khỏi làng Tòng Sơn, Ngài có lưu lại cho đời một quyển Sám Truyền để trong cái mo nang mà sau đó tén đồ đã tìm gặp.

-Ngày nay, Ngài trở lại cũng dùng Kệ kinh khuyên lon trần thế hãy sớm thức tỉnh tu hành hầu khỏi nạn khổ sầu sắp tới. Điều cần nhất là mỗi người hãy rán kiên nhẫn

tu hành chờ tới hai năm Tuất Hợi, Phật Trời sẽ định ngôi phân thứ, toàn dân đến đó sẽ hưởng cảnh vui tươi thông thả.

CHÁNH VĂN

163. *“Chim Ô đà dựa cầu Ngân,
Người xưa trở gót cho gần người nay.
Người nay rồi vẹn thảo ngay,
Thì là thấy tận mặt mày người xưa.
Nguyện cầu gắng chí sớm trưa,*
168. *Cầu cho bá-tánh sớm wa tu hành.
Đầu đuôi ta tỏ ngọn ngành,
Mau mau trau tría chữ lành cho xong.
Đến chùng lập hội mới mong,*
172. *Trở về chúa cũ mới hòng xuê-xang.
Người hiền như thể cỏ lan.
Người hung chết rất chậ đảng thắm thay.
Cả kêu kìa hồi là ai,*
176. *Quan trường rời dứt mặt mày chùi lau.
Lui chơn ra khỏi cho mau,
Tìm trong lán đục tẩu-đào mới ngoan.
Theo ta đến chốn Tiên-bang,*
180. *Đặng coi các nước hội hàng Năm-Non”.*

CHÚ THÍCH :

CHIM Ô ĐÀ DỪA CẦU NGÂN: Chim ô nói cho đủ là chim ô thước, tức là chim quạ và chim khách. Hai loại chim này đều có sắc lông đen nhánh nên gọi là ô; chim khách có đặc tính là báo tin có khách đến. Theo truyền thuyết, chim quạ thì đội đá bắc cầu cho Nguru Lang và Chức Nữ gặp nhau tại sông Ngân Hà. Ý nói những người có duyên lành với nhau thì sớm muộn gì cũng hội hiệp.

Hai người vốn là hai ngôi sao trên nền trời (sao Ngưu Lang và sao Chức Nữ), chữ Ngâu là do chữ Ngưu đọc trại. Chàng Ngưu Lang thì lo việc chăn nuôi, cày cấy, còn Chức Nữ thì lo thêu dệt vá may. Cả hai rất siêng năng, Thượng Đế thấy thương nên cho hai người kết duyên tơ tóc, nhưng khi thành đôi bạn thì lại sanh lười biếng. Thượng Đế bắt tội đày mỗi người một nơi ngăn cách bởi sông Ngân Hà. Hằng năm cứ tới ngày *mùng bảy tháng bảy* hai người mới được gặp nhau một lần tại bên sông này.

Tương truyền lúc Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau, có chim *ô thước* đến đội đá bắc cầu cho đôi chàng hiệp mặt.

Tóm lại, Đức Thầy dùng điển tích này trong đoạn giảng nói trên là ý nói chúng ta (môn đồ) cùng Ngài đã có duyên thầy trò với nhau từ lũy kiếp. Nay Ngài mới trở lại điu dắt chúng ta tiến lên con đường Đạo:

“Bấy lâu chạnh cảm ô ngân,

Ngày nay hiệp mặt phân trần sạ duon”.

Giờ đây tuy thầy tớ còn xa cách, song môn đồ nào biết xử sự thảo ngay cho tròn vẹn ắt một ngày kia chúa tôi, thầy tớ sẽ trùng phùng.

NGƯỜI XƯA: Là nghĩa của người cô, tức người đã có mặt độ đời trên 100 năm về trước. Ở đây chỉ cho Đức Phật Thầy Tây An, vì Ngài đã nhiều lần chuyển kiếp giáo độ chúng sanh.

THẢO NGAY: Cũng gọi là *ngay thảo*. *Thảo* là tôn kính và vâng lời dạy bảo của ông bà cha mẹ. *Ngay* là trung thành ngay chánh với tổ quốc. *Thảo* và *ngay* là hai vấn đề then chốt của đạo làm người:

“Thế gian ngay thảo đáp đền,

Ngày sau sẽ được chẵn mền thơm tho”.

TRAU TRIA: Cũng viết là *trau tria*. Có nghĩa là trau chuốt giỏi mài cho trơn láng tốt đẹp, nghĩa của sự tu.

CHÚA CŨ: Ông vua rất minh chánh đã có nhiều lần cai quản đất nước Việt Nam, giờ đây sắp trở lại trị vì.

XUÊ XANG: Sung sướng tốt đẹp.

CỎ LAN: Cũng gọi là *hoa lan*, loại cỏ phụ sinh, sống gá rễ trên các loại cây khác, rễ bám vào da cây hoặc lan tua ngoài không khí; có giống bám trên đá, có giống được trồng trong chậu, dưới đất. *Hoa lan* có mùi thơm và đẹp. Có rất nhiều loài lan: chi lan, phong lan, thạch lan, xuân lan,... Lan lại còn biểu trưng cho tư chất trang nhã, phong lưu và đẹp đẽ:

***“Hiệp chung một cuộc chi lan,
Rồng đà lổ bóng đá vàng biết nhau”.***

(Bài Viếng Làng Mỹ Hội Đông)

QUAN TRƯỞNG: Trưởng quan lại. Chỉ cho các quan chức thời Pháp thuộc:

***“Quan trường miệng nói vang rân,
Mà tâm dính chặt hồng trần bụi nhơ”.*** (SG, Q.1)

TIÊN BANG: Nước Tiên. Chỉ cho cảnh siêu thoát hay đòi Thượng nguồn Thánh đức tới đây.

NĂM NON: Xem lại CT tại Q. Thượng Tập 2/3, tr. 80-81.

LƯỢC GIẢI :

Đoạn giảng trên Đức Giáo Chủ cho biết Ngài và hầu hết tín đồ đều có duyên lành với nhau từ lũy kiếp và Ngài cũng đã có nhiều lần mở cơ phổ hóa; thế mà chúng sanh ít ai thấu hiểu. Nay là thời cùng cuối của buổi Hạ nguồn, Ngài có trách nhiệm độ chúng sanh sớm trau giồi thân tâm cho trọn trung trọn hiếu để ngày lập hội gặp lại Ngài.

Trên đường tu hành, Ngài cũng khuyên mọi người hãy chuyên cần hai thời công phu lễ bái và siêng xem Kệ Giảng, vì Ngài đã kể hết mọi việc trong đó. Vậy mọi

người hãy nên trau sửa cho thân tâm mình sớm được trọn lành trọn sáng.

Có được như vậy, đến ngày Hội Long Hoa tới đây thầy tớ chúa tôi đồng sum hiệp. Khi đó, người hiền quý báu như cỏ lan, ai trông nhìn cũng yêu kính. Còn kẻ hung ác sẽ bị luật nhân quả đào thải diệt vong.

-Đức Giáo Chủ cũng kêu gọi những giới quan chức thời Pháp thuộc hãy tháo ra cho khỏi kiếp cúi lòn để trở về với con đường thanh bai cao khiết hơn. Nhứt là hiệp mặt chúa tôi thầy tớ trong ngày đại hội tại vùng Năm Non Bảy Núi.

CHÁNH VĂN

181. *“Đạo Phật vốn ngàn xưa rạng tỏ,
Nay lu-lờ bị mỗ cùng chuông.
Thấy chúng-sanh đắp Phật bán buôn,
Mà tội lỗi ngàn muôn lao-ly.
Cho đó hiểu nhiều câu huyền-bí,
Rán nghĩ suy bền chí mới mau.
Dẹp lợi-danh dẹp hết mộng sâu,
Đặng trở lợi với cha cùng chúa.
Nếu chẳng lo cũng như lá úa,
Lá úa vàng nó rụng người ôi !
Ngàn năm mới có một đời,*
192. *Tới chùng lập hội Phật-Trời xử phân.
Ai muốn gần bệ ngọc các lân,
Thì phải rán lập thân nuôi chí.
Ta cho đó ít câu hữu lý,
Diệt tâm trần lập chí hiền-nhơn.
Đục trong đà tổ nguồn cơn,
Lời ta khuyên đó như đờn Bá-Nha”.*
- 198.

CHÚ THÍCH :

ĐẠO PHẬT: Xem lại CT tại Q. Trung , tr. 16.

LAO LÝ: Lao lung, tù tội, lo lắng sầu khổ.

HUYỀN BÍ: Sâu kín mầu diệu vô cùng.

LỢI DANH: Cũng nói *đanh lợi*: tiếng tăm và lợi lộc. (Xem lại CT tại tr. 9 Tập này).

MÔNG SẦU: Giác chiêm bao sầu khổ. Ý chỉ cõi đời là giả tạm, lại còn là việc khổ đau sầu hận. Giống như người mơ tưởng việc không đâu rồi chuốc lấy sự buồn khổ.

“Lâm sầu mộng ở trong trần thế”. (Thiên Lý ca).

NGÀN NĂM: Mười lần của 100 năm, đây chỉ cho số nhiều. Ví dụ: Việc đó cả ngàn đếm không xuể đâu.

“Cả ngàn năm như tâm sao xuyên,

Sao tu hoài chẳng thấy ai thành”. (GMTK, Q.4)

PHẬT TRỜI XỬ PHÂN: Đến ngày lập Hội, Trời Phật căn cứ vào luật nhân quả mà phân định, thưởng phạt công minh, chẳng sai chạy ly nào. Bài Bồng Hồng có câu:

“Có ngày mở rộng qui khôi,

Non thần vang chuyển Khùng ngồi xử phân”.

BỀ NGỌC CÁC LÂN: *Bệ ngọc* là bực thềm trước cung vua, được làm bằng ngọc ngà châu báu. *Các lân*: các là lầu gác, lân là chất phi kim loại, có ánh sáng tự phát. Nếu để nó vào bóng tối thì tự nó sẽ phát ra ánh sáng. Hiểu chung, *bệ ngọc các lân* là chỉ cho nội điện của bậc vua chúa ngự, người ta xây đắp toàn bằng ngọc ngà châu báu, tự nó chiếu ra ánh sáng. Nghĩa bóng: nơi cao quý. Đức Thầy từng cho biết:

“Mấy người còn được xác thân,

Thì là đài ngọc các lân dựa kê”. (SG, Q.3)

LẬP THÂN: Gây dựng sự nghiệp cho mình.

NUÔI CHÍ: Gây, theo đuổi một chí hướng.

DIỆT TÂM TRẦN: Trừ diệt lòng như xâu tà ác của trần tục bằng cách giữ tâm không khởi các tà niệm chúng sanh. Đức Thầy hằng khuyên:

“Gìn giới cấm sửa tâm ô tạp,

Niệm Phật thì phải dẹp lòng tà”.(GMTK, Q. 4)

NGUỒN CỐN: Đầu đuôi, duyên cớ.

ĐÒN BÁ NHA: Bá Nha làm quan Thượng Đại Phu đời Tống, thời Chiến quốc (Trung Hoa), vốn là một tay chơi đàn cự phách. Trong chuyến đi nước Sở trở về, nhân một đêm trăng sáng, ông cao hứng đem đàn ra dạo tại bên Hàm Dương. Trong lúc tiếng đàn du dương, bỗng nhiên dây đứt. Ông lấy làm lạ nên sai quân lên bờ thì tìm thấy một người đốn củi, tên Chung Tử Kỳ, rình nghe. Không tin Tử Kỳ, chỉ là một hàn sĩ sống nơi hoang vắng mà thường thức được ngón đàn của mình, Bá Nha liền gạn hỏi Tử Kỳ: “Vừa rồi ta đã đàn bản gì?”. Tử Kỳ liền thưa: “*Đó là bản Khổng Tử than khóc Nhan Hôi*.” Bá Nha rất đỗi ngạc nhiên, liền mời Tử Kỳ lên thuyền uống rượu và nghe đàn. Lên dây nắn phím xong, Bá Nha đàn tiếp với ý nghĩ mình đang ở chốn non cao. Nghe qua, Tử Kỳ khen hay bảo: “*Tiếng đàn của Ngài vời vọi ở chốn non cao*” (Nga nga hồ chí tại cao sơn). Bá Nha dạo tiếp một bản khác. Tử Kỳ nói: “*Ý Ngài cuộn cuộn như dòng nước chảy*” (Dương dương hồ chí tại lưu thủy). Bá Nha liền kết bạn tri âm với Tử Kỳ và mời Tử Kỳ về Tống để chung hưởng cảnh nhàn hạ. Tử Kỳ cảm ơn mà từ chối vì còn cha mẹ già phải phụng dưỡng. Năm sau đó, Bá Nha tìm lại cảnh cũ để cùng Tử Kỳ uống rượu thưởng đàn thì than ôi người bạn tri âm năm trước đã hóa ra người thiên cổ. Bá Nha vô cùng thương tiếc, đem đàn ra tận mộ phần bạn gảy một bản ai bi thống thiết cuối cùng, rồi đập vỡ đàn không chơi nữa, vì biết rằng không còn ai trên đời thưởng thức được tiếng đàn của mình. Điển tích “Đòn Bá Nha” nhằm chỉ ít có ai hiểu, thông cảm được mình. Cụ Phan Bội Châu cũng từng than:

“Đàn Bá Nha mấy kẻ thưởng âm’.

Bống nghe qua khóc trộm thương thâm,

Chung Kỳ chết ném cầm không gảy nữa.”

(Do Ban H.Đ. sưu tầm)

LƯỢC GIẢI :

Trong đoạn giảng trên đây, Đức Giáo Chủ muốn nhắc lại thời Đinh, Lê, Lý, Trần... tinh thần Đạo Phật luôn sáng tỏ. Vì cách tu hành của các Tăng Ni, Phật tử theo sát với nếp sống vô vi của Đạo Phật. Song từ khi lối tu hữu vi của Thần Tú từ Trung Hoa truyền đến xứ ta thì Đạo Phật cơ hồ như bị mờ lu xuống dốc. Bởi việc hành Đạo và truyền Đạo chỉ chú trọng dính mắc vào âm thanh sắc tướng bên ngoài.

- Vì lòng từ bi và bản nguyện chấn hưng Phật giáo, Đức Giáo Chủ lâm phạm mở cơ phổ hóa, giải rõ sự sâu kín màu diệu trong đạo pháp để khuyên mọi người hãy suy xét cho thấu đạt chơn lý.

- Đồng thời phải bỏ lợi danh, tài sắc, vì những thứ đó là ảo ảnh gạt lường dắt chúng ta vào giấc mộng triền miên sâu khổ! Ngài khuyên mỗi người nên quay về chánh pháp vô vi chơn thực của ông cha ta từ trước. Bằng không được vậy khác nào như những chiếc lá vàng trên thân cây, sớm muộn gì cũng rơi rụng.

- Theo luật tuần hoàn, cả bao ngàn năm mới có cơ hội may mắn, Phật Trời ân xá bớt tội căn và lập hội để phân xử, chọn lọc hiền còn dữ mất. Vậy ai muốn gần được đài mây Chúa Thánh thì hiện giờ phải lập thân hành đạo bền chí tu hành, diệt lòng tham nhiễm tài sắc lợi danh thì sẽ được toại nguyện.

- Và vì lòng quá thương xót sanh linh, Đức Thầy mới kể hết sự tình: hư, nên, tốt, xấu cho mọi người cùng nghe thấy. Lời lẽ của Ngài ví như tiếng đàn của Bá Nha, những người xem nghe hiện giờ phải có tâm hồn Tử Kỳ mới mong lãnh hội.

CHÁNH VĂN

199. *“Mặc ai biếm nhẽ gần xa,*

Lòng ta ta biết ai mà mặc ai.
 Đây khuyên đó đắng cay rán chịu,
 Mặc người trên bận-bịu chẳng phê.
 Muốn cho thân vượt khỏi lẽ,
 Cấm sào trì chí một bề lo tu.
 Kim ngọc nan tri tường đông hải,
 Phật tà phàm tục tất nan tri.
 Ẩn xác phàm phu gìn Thích-đạo,
 Mặc tình thế sự chúng khinh-khi.
 Mấy kẻ tu mi tròn hơn đạo,
 Hiền hơn thức tỉnh kiến huyền-vi.
 Ngay thẳng hiếu trung trang hiền thảo,
 Kim thời bá-tánh gọi ngu-si.
 Nợ thế đền xong mong giai lão,
 214. Hiền thần hiếu nghĩa đáng nên ghi”.

CHÚ THÍCH :

BIẾM NHỀ: Chê bai nhạo báng, nói xa nói gần:

“*Dương trần biếm nhẽ gần xa,
 Nói quỷ nói tà đây cũng cam tâm*”. (Q. 1)

CHẲNG PHÊ: Không đồng ý, chẳng chấp thuận.

VƯỢT KHỎI LỀ: *Lề* là bờ lẽ của một con lộ, ở đây chỉ con đường luân hồi sanh tử, chúng sanh cứ đi quanh quẩn trong đó mà khó vượt ra được. Nên Đức Giáo Chủ khuyên chúng ta phải tu hành cho thoát khỏi cái lẽ sanh tử để được giải thoát an vui.

TRÌ CHÍ: Giữ chí bền lo tu niệm, không lý do gì chùn chơn thối bước.

KIM NGOC NAN TRI TƯỜNG ĐÔNG HẢI: *Kim ngọc* là vàng ngọc châu báu. *Nan tri* là khó biết. *Tường Đông hải:* ai muốn có ngọc đều phải xuống biển Đông mà bòn. Nghĩa bóng là nói cái Đạo không ngoài bản tâm, ai muốn thấu đạt Đạo phải quay về nơi tâm và cố gắng tu hành mới kết quả. Bởi cái Đạo không có hình tướng sắc

màu hay ngữ ngôn đối đãi. Người đứng ngoài cửa nhìn qua loa khó mà thấu đạt. Cho nên hành giả nào muốn thấu đạt, tất phải quay về nội tâm và cố gắng tu học giáo lý mới mong kết quả. Kinh Phật đã bảo:

*“Đạo giả vô chung thủy, minh minh hà xứ tâm.
Thanh tịnh vô vi pháp, chánh đạo hiện chơn tâm”.*

Tạm dịch:

*“Đạo vốn chẳng đầu đuôi sau trước,
Khắp muôn phương khó bước tìm ra.
Nếu tâm buông hết vọng tà,
Tự nhiên tánh đạo lộ ra nơi lòng.”*

PHẬT TÀ PHẠM TUC TẮT NAN TRI: Trong tâm của mỗi người đều có Phật ma hay Tiên phạm lẫn lộn. Nếu chúng ta chỉ nhìn hình tướng bên ngoài khó mà phân biệt được mà cần phải xét toàn diện từ hành động ngôn ngữ cả đến tư tưởng của họ mới hiểu được và đánh giá được.

THÍCH ĐẠO: Đạo Phật cũng gọi là *đạo Giác ngộ* do Đức Thích Ca khai mở và Ngài là Giáo Chủ:

*“Đạo Thích Ca nhiều nẻo cao sâu,
Hãy tìm kiếm cái không mới có”.*

KIẾN HUYỀN VI: Thấy được lẽ sâu kín màu nhiệm của Đạo. Đây chỉ cho người tu thấu đạt chơn lý.

HIỀN THẦN: Người tôi hiền.

HIẾU NGHĨA: Thích làm việc nghĩa, việc phải, giúp đời, nhưng chữ *hiếu nghĩa* ở đây có nghĩa là tu tròn nhân đạo. Đức Thầy hằng khuyên: *“Nhơn sanh hiếu nghĩa dĩ vi tiên”* và : *“Thiên kinh vạn điển hiếu nghĩa vi tiên”*.

LƯỢC GIẢI :

Người đã quyết tâm hành thiện thì dù cho đời có nhạo chê phỉ báng cũng không màng kể. Họ chỉ tự xét lòng mình có thật sự nhân từ ngay chánh hay không, khỏi cần thanh minh biện lẽ với ai.

Đức Giáo Chủ khuyên khắp môn đồ trên đường tu dù gặp kẻ cường quyền chưa chấp nhận hay người đời có đối xử cay đắng cỡ nào ta cũng vẫn nhẫn chịu. Nhứt là mình đã dốc chí tu cho ra khỏi lẽ sanh tử thì hãy trì chí cho đến ngày thành quả, đừng bận tâm đến việc trở ngại hay nghịch cảnh chung quanh.

Vàng ngọc là thứ quý giá trong đời nên khó tìm được; ai muốn được nó phải lặn xuống biển mới bòn ra. Cũng như chúng sanh sống trong đời, trong tâm của mỗi người, Phật ma tà chánh lộn xộn. Nếu chỉ nhìn qua loa bên ngoài tất khó hiểu, phải dùng cặp mắt trí huệ mới xét rõ đặng. Đức Thầy cũng nói chư Phật Thánh lâm phạm độ thế còn tiềm ẩn trong sắc thân tứ đại như nhau nên khách trần khó thấu hiểu.

Người đời thường hiểu ngược lẽ chơn, những bực biết hiểu trung ngay thảo thì họ lại cho là kẻ ngu si. Song nhà tu chơn chánh không vì thế mà nản lòng thối chí, cứ lo cho mình vẹn tròn câu trung hiếu và trả xong nợ thế mới là quý báu, sách sử cần ghi.

CHÁNH VĂN

215. *“Lâm sâu mộng ở trong trần-thế,
Việc tu hành như ế chợ đông.
Mảng lo danh lợi nã-nông,*
218. *Chữ tu để dạ chó hòng lột-phai.
Mặc tình ai gièm-pha tai tiếng,
Sửa tâm lành như miếng hoa thơm.
Đến chùng hoa nở nhụy đơm,*
222. *Thì là trần-thế mới hờn bẻ hoa.
Câu đạo-lý thiệt tường thiệt tận,
Khuyên dương-trần bớt giận đùng gậy.
Kìa kìa sủng nổ trời Tây,*
226. *Đến năm Thân-Dậu tai đầy sấm vang.
Hung-đồ với lũ dọc-ngang,*

- Đến sau rơi máu khắp tràng mới tu.
Thấy đạo-lý còn lu chưa tỏ,**
230. **Dân ganh hiên ghét ngỗ làm chi ?
Buồn đời xuống bút làm thi,
Thương dân chịu chữ cổ lý dạy dân.
Nào nào dân có biết ân,**
234. **Mạnh rồi tưởng Phật vái Thần làm chi”.**

CHÚ THÍCH :

LÂM SÀU MÔNG: *Lâm* là lâm vào, mắc vào. *Sầu mông* là giấc chiêm bao sầu khổ. Ý nói kiếp sống của con người trong cõi trần gian quá ngắn ngủi, lại gặp nhiều khổ đau sầu hận, thế mà chúng sanh cứ mãi lầm lũi vào:

**“Phù sanh nhược mộng đời lao khổ,
Tĩnh trí tu thân khỏi lạc lầm”.**(Q.5)

TRẦN THẾ: Xem lại CT tại tr. 9 Tập này.

NÃO NÒNG: Cũng gọi *nã nùng*. Có nghĩa: não nề buồn bã lắm. Ví dụ: Tiếng than khóc nghe não nùng lắm:

**“Xuống dương thế đạo trong lê thứ,
Thấy bá gia gặp lúc nã nùng”.**(GMTK, Q.4)

ĐẠO LÝ: Xem lại CT tại tr. 14 Tập này.

SÚNG NỔ TRỜI TÂY: Tiếng súng nổ bên Âu Tây. Chỉ trận thế chiến thứ nhì, Tây Âu bị Đức-Ý đánh trước.

THÂN DẬU TẠI ĐÂY SẮM VANG: Vào hai năm Thân Dậu (1944-1945), quân Đồng Minh dội bom quân Nhật tại Sài Gòn, Việt Nam.

HUNG ĐỒ: Cũng gọi là *hung đảng*, tức lũ hung đồ, đảng dữ dọc ngang chuyên đánh lộn quậy phá. Đức Thầy có câu:

**“Phồn hoa đô hội lưu giang huyết,
Dư đảng dọc ngang cấp Ma Ha”.**

GANH HIÊN GHÉT NGỖ: Cũng viết là *ghét ngỗ ganh hiên*. Có nghĩa hay ghét ghen đố kỵ những người có tài đức phẩm hạnh hay giàu sang hạnh phúc hơn mình. Đây

là một tánh xấu (đố kỵ), không thể chấp nhận. Đức Thầy cảnh giác:

***“Thấy chúng sanh ghét ngõ ganh hiên,
Lo chế nhạo những người tu tỉnh”***.(GMTK, Q.4).

CỔ LÝ: Dạy hoài, dạy mãi người ta không nghe mà vẫn nói. Đây là vì lòng Đại Từ Đại Bi mà Đức Thầy phải cố gắng dạy hoài chớ không phải cố lý như người thường.

LƯỢC GIẢI :

-Chúng sanh sống trong cõi trần như trong giấc mộng, vừa ngán ngủi, vừa gánh chịu sầu khổ. Lời giác tỉnh tu hành của Đức Thầy chẳng khác nào hàng hóa ở chợ bị ế. Vì nghiệp chướng khiến người đua chen theo danh lợi rồi phải khổ vì nó, nên Đức Giáo Chủ khuyên môn đồ hãy ghi nhớ đường tu đừng để phai lợt.

-Trên bước tu hành dầu gặp lắm tiếng đời gièm siểm cũng mặc, cứ lo trau sửa thân tâm mình cho tốt đẹp thơm quý là được. Tâm lý người đời hễ thấy việc trồng hoa thì sợ khó, nhưng khi hoa trở bông thì khởi lòng tham muốn.

-Đức Giáo Chủ đem giáo lý giải bày cặn kẽ và khuyên mỗi người rán dẹp lòng mê si, hờn giận, để lo hành đạo cho kịp thời kỳ. Hiện giờ đây cũng thấy cuộc chiến tranh đã khởi dậy bên trời Âu, rồi đến các năm Thân Dậu sẽ tới đất Việt Nam mình. Đến chừng thấy cảnh máu đổ thịt rơi, người ngang tàng hung dữ mới chịu quày đầu hướng thiện thì đã muộn.

-Bởi nền đạo Đức Thầy mới khai mở, như ngọn đèn mới đốt chưa sáng tỏ, nên có lắm người ghét ghen đố kỵ, đón ngõ ngăn đường. Ngài cũng buồn khi thấy chúng sanh còn mê tối nên động lòng từ bi mà sáng tác Sám Thi thức tỉnh; dù ai không tin nghe Ngài cũng khuyên đời mãi mãi. Thế mà bá tánh đâu xem đó là ân nghĩa, khi có bệnh thì tới nhờ điều trị, lúc bệnh lành thì lui đi sự kính tin Trời Phật.

CHÁNH VĂN

235. *“Lời châu ngọc khuyên ai để dạ,
Nay gặp người quái lạ tỏ phân.
Hãy mau khuya sớm chuyên cần,*
238. *Đặng xem chư-quốc non Tàn giành chia.
Nay nhằm lúc đêm khuya lặng-lẽ,
Nhấn ít lời cho kẻ đàng xa.
Phật-nhi tâm tánh thật-thà,*
242. *Ông còn phân biệt chánh tà nữa thôi ?
Dương-trần thường bạc như vôi,
Gặp cơn bát loạn mới hồi tâm hung.
Lúc áo-nã cội thung lo liệu,
Gắng bền lòng bận-bịu vì ai.
Thất-Sơn lộ về dài lâu,*
248. *Chừng ni mới thấy nhiệm màu của ta”.*

CHÚ THÍCH :

LỜI CHÂU NGỌC: Lời của chư Phật Thánh, hay các danh nhân nói ra để dạy đời có lợi ích nên ai cũng tôn trọng như châu ngọc báu quý. Ví dụ: Lời vàng tiếng ngọc.

NGƯỜI QUÁI LẠ: Người khác thường. Lúc Đức Giáo Chủ mới khai sáng nền đạo mỗi cử chỉ hành động đến cách trị bịnh đều có khác hơn người thường; người thường thì tỏ ra mình là Phật Thánh còn Ngài thì tự xưng là “Điên Khùng”, khờ dại. Lúc tiếp chuyện với mọi người, có khi Ngài tỏ ra nửa hư nửa thật, nếu ai chịu khó xét kỹ mới thấy tài đức, tâm hạnh và trí thông minh của Ngài vượt hơn kẻ tầm thường. Ngài cũng từng thố lộ:

*“Ta bây giờ tu niệm tầm thường,
Sau danh thể sạ hương khắp chốn”.*

NON TÀN: Chỉ cho vùng Bảy Núi; theo Sám Giảng của Đức Phật Thầy Tây An (BSKH) và Giáo lý PGHH thì vùng Bảy Núi (Thất Sơn) được gọi là Non Tàn. Đức Giáo Chủ đã xác định:

**“Ở đây một buổi ghe lui,
Về trên Bảy Núi ngùi ngùi thương dân.
Thầy trò chẳng ngại tấm thân,
Rảo khắp Non Tần bận nữa thử coi”.**(SG, Q.1)

PHẬT NHI: Phật nhỏ, cũng gọi là Phật tử (con Phật, Phật chưa thành).

CỘI THUNG: Cây *thung* là một loại cây thân lớn, cao có thể trên 20 mét. Vỏ nứt nẻ, màu xám nhạt, lá hình bầu dục, trái có răng ngắn, hoa hợp thành hình tháp, có thể làm thuốc trị bệnh nhuận trường và thanh huyết. Nghĩa bóng: chỉ người cha cai quản trong gia đình, do thành ngữ “*Thung cội huyền già*” (*Thung* chỉ người cha, *huyền* chỉ người mẹ). Đức Thầy thường dùng:

**“Gẫm xác trần còn cách cội thung,
Đâu có được giữ mừng quạt gió”. Và:
“Lo bề cục dục cội thung,
Nghe lời thầy dạy việc chung của đời”.**

THẤT SON LỘ VÊ ĐÀI LẬU: Theo Cơ Sám của BSKH và Sám giảng của PGHH cho biết kết cuộc tại vùng Bảy Núi (Thất Sơn) sẽ có đèn đài điện ngọc lộ ra. Đến đó người đời mới thấy rõ sự mâu nhiệm của Tiên Phật:

**“Lâu đài núi Cẩm lộ nay mai.
Thức tỉnh chúng sanh mới tỏ bày”. Và:
“Chùng Bảy Núi lâu son lộ về,
Thì người già hóa trẻ dân ôi !”.**

NHIỆM MẬU: Sự sâu kín mâu diệu trong Đạo Phật.

LƯỢC GIẢI :

-Lời Sám Kinh của Đức Thầy là chiếu theo lời của chư Phật Thánh truyền dạy; nó quý báu như vàng ngọc, nên Ngài khuyên môn đồ hãy ghi nhớ vào lòng để thực hành vì đời sống dưới thời Pháp thuộc, nên sự độ đời của Ngài có khác hơn các ông Đạo thường tình. Do thế, có lắm người cho là kỳ quái, khó mà tin được. Ngài hằng khuyên mọi

người và môn đồ, đã qui y theo Đạo thì đối với hai thời lễ bái phải chuyên cần để sau này được xem các lân quốc tranh giành châu báu tại vùng Bảy Núi.

-Đoạn này Đức Thầy cho biết nhân một đêm trời trong thanh lặng, Ngài tỏ lời khiêm nhượng với ông Châu và môn đồ rõ rằng Ngài chỉ là một Phật tử như bao nhiêu người khác, nhưng đã quyết nói chí chư Phật dùng lời chân thật khuyên dạy nhân sanh. Vậy ông và mọi người còn phân vân tà chánh nữa chi.

-Ở đời ít ai theo đạo được chung thủy đến cùng, nhưng khi gặp tai nạn mới chịu hồi tỉnh lòng hung ác của mình. Cho nên Đức Thầy khuyên mỗi người khi tỉnh thức hãy sớm lo tròn nhân đạo. Nhứt là ân Tổ Tiên Cha Mẹ cần phải báo đền và hãy tinh tấn bền lòng tu tỉnh, chẳng nên bám víu theo cảnh giả tạm sàu đau của thế gian này nữa.

CHÁNH VĂN

249. *“Khuyên bổn-đạo gần xa nuôi chí,
Lẽ nhiệm-mầu huyền-bí nơi đây.
Bây giờ nương bóng cờ tây,
252. Mượn phần xác thịt tỏ bày thiệt hơn.
Thương sanh-chúng đòi cơn dạ ngọc,
Ta quyết gìn chủng-tộc giang-sơn.
Ta khùng mà chẳng có cơn,
256. Cũng không có tánh giận hờn bá gia.
Cười rồi khóc thiết-tha lựu-điều,
Vợ xa chồng bận-bịu thê lương.
Chẳng cần trà, quả, nồng hương,
260. Miễn cho bá-tánh biết đường chơn tu.
Nghe kệ sám như ru giấc mộng,
Lo chê cười hầu họng reo vang.
Y mình nhiều của giàu sang,
264. Phụ khinh tông-tổ chẳng màng người xưa”.*

CHÚ THÍCH :

BÓNG CỜ TÂY: Bóng cờ tam sắc của người Pháp ở Tây Âu nên gọi cờ Tây. Lúc Đức Thầy mới khai Đạo (1939) dân ta sống dưới thời Pháp thuộc.

ĐÒI CƠN: Lắm khi, lắm lúc, nhiều lần, từ hồi, từ lúc. Truyện Kiều có câu: “*Nghĩ nhiều cơn lại sut sùi đời cơn*”.

DA NGỌC: Lòng trong trắng quý báu như ngọc ngà. Nghĩa bóng là chỉ cho tâm hồn thanh tịnh của chư vị Phật Tiên. Đức Giáo Chủ từng nói:

**“Nhắc ra thì dạ ngọc đón đau,
Không nhắc đến biết đâu dân sữ”.**(GMTK, Q.4)

CHUNG TỘC: Nòi giống dòng họ của mình.

GIANG SƠN: Sông và núi. Ý chỉ đất nước, dân tộc. Ví dụ: Giang sơn tổ quốc Việt Nam. Đức Thầy có câu:

**“Mao Việt giang sơn bờ cõi vững,
Đuổi loài Phiên tặc lợi về không”.**
(Phòng Đá Trà Lòi)

ĐƯỜNG CHƠN TU: Nghĩa của chữ Bát Chánh Đạo. Là con đường chơn chánh đúng với chơn lý, có diệu năng đưa được người giải thoát khỏi sanh tử luân hồi.

TÔNG TỘC: Ông cha tổ tiên dòng họ của mình.

LƯỢC GIẢI :

-Đoạn giảng trên Đức Giáo Chủ khuyên môn đồ phải nuôi chí bền lòng để chịu đựng qua thời gian khó khăn dài dặc. Bao nhiêu cơ mưu và giáo lý huyền diệu thâm sâu Ngài đã bày tỏ trong bài giảng này. Hiện giờ, Ngài phải nương thời Pháp thuộc và tạm mượn thân phàm tục nói hết mọi việc hư nên tốt xấu.

-Vì lòng quá yêu sanh chúng lâm cơn đồ thán, nên lòng Ngài xót xa nhiều đoạn và lúc nào cũng quyết tâm dốc chí bảo trì giống nòi và giang sơn tổ quốc.

-Ngài thấy cảnh đau thương tang tóc của chúng sanh: nào là chiến tranh loạn lạc, nào vợ xa chồng, con lìa cha như đàn gà chiu chít, thật là cảnh nửa khóc nửa cười. Ngài giác đời chẳng cầu hương đăng trà quả, miễn sao mọi người đều biết trở về với con đường đạo đức là quý.

Vì mãi say mê trong giấc mộng trần gian, bá tánh không màng nghe đến lời Kệ kinh Sấm giảng, mải lo chế nhạo người tu. Và ý mình nhiều tiền lắm của, rồi phụ bạc lời giáo huấn của ông cha mình từ trước.

CHÁNH VĂN

265. *“Mặc ý ai ghét wa wa ghét,
Lấy tâm thần xem xét thế nào ?
Sấm vang thì lộ bằng vàng,*
268. *Chư nhu thế giới khắp tràng tới thi.
Chữ thi gần chữ sấu-bi,
Bị ham của báu ly-kỳ máu rơi.*
271. *Chùng đó mới trời ời đất hồi,
Mang khổ hình vì bởi chẳng tu.
Ham vui quyền quý đại ngu,*
274. *Chữ sang danh vọng như mù đi đêm.
Ta nào có nói thêm cho chúng,
Quá yêu đời viết túng ít câu.
Ít câu mà ý nhiệm sâu,*
278. *Nghĩ suy cho cạn mới hầu khôn-ngoan.
Đây sắp đến làm than khắp chốn,
Việc tu hành đâu tổn tiền chi.
Nầy nầy lời lẽ rán ghi,*
282. *Sau đây sẽ thấy việc gì trên mây”.*

CHÚ THÍCH :

TÂM THẦN: Phần khôn biết của con người, gồm có tâm và trí. *Tâm* chủ trì, tâm là chủ thể quyết định; *Thần* là trí quán xét sáng suốt, biết rõ không lầm. Đức Thầy bảo:

“Lấy tâm thần làm chủ mới mau”.(GMTK, Q.4)

Và: **“Lấy tâm lấy trí xét soi”**.(Dặn Dò Bôn Đạo) .

THẾ NAO: Ý hỏi :Thế nào, việc ấy ra sao ?

BẢNG VÀNG: Tấm bảng ghi tên những người ứng thi được đậu.

“Đến kỳ thi danh Thầy chạm bảng,

Trên đài cao gọi các linh hồn”.(Nang Thơ Cẩm Tú)

CHU NHU: *Chur* là nhiều, *Nhu* là Nho. *Chur nhu* là chỉ cho một số thí sinh hay học trò đến trường thi cử.

SÀU BI: Buồn rầu áo nã. Bởi có đi thi tất có đậu rớt, người được đậu tất vui mừng, người bị rớt thì đau khổ.

LY KỶ MÁU RƠI: Cảnh chiến tranh giặc loạn làm cho người chết máu chảy thịt rơi rất lạ lùng. Cảnh ấy Đức Giáo Chủ đã diễn tả:

“Tình riêng tham báu,

Đổ máu tuôn rơi.

Khùng mới nói chơi,

Chur bang hàng phọc”. (Hồ Hò Khoan)

CỬA BÁU: Vàng bạc và ngọc ngà châu báu.

QUYỀN QUÍ: Chức tước và quyền quý cao sang.

MÙ ĐI ĐÊM: Đã mù mà lại đi trong đêm tối. Nghĩa bóng là chỉ những người từ trước tối giờ chưa gặp nền đạo chánh mà theo, giờ đây được may mắn gặp Đức Thầy khai Đạo mà họ vẫn chưa tỉnh ngộ, lại khinh chê nên chẳng khác kẻ mù đi đêm. Đức Thầy có câu:

“Buồn cho lê thứ hết mù tới đui”.(SG, Q.1)

VIẾT TÚNG: Đây là lời khiêm nhượng của Đức Thầy. Tuy Ngài đã bác lãm văn chương giáo lý, nhưng lúc nào Ngài cũng tỏ mình còn nghèo văn chương chữ nghĩa lắm. Hôm nay vì lòng từ bi mà Ngài viết ít lời vậy thôi.

Ý NHIỆM SÂU: Đức Giáo Chủ PGHH sáng tác Sấm Giảng, tuy Ngài dùng văn chương bình dân, giản dị nhưng lý nghĩa rất thâm sâu màu diệu, như Ngài đã nhiều lần lưu ý tín đồ:

**“Coi rồi phải nhận cho hiểu lý,
Câu huyền sâu của kẻ Khùng này”.** (GMTK, Q.4)

LÀM THAN: Cơ cực, khổ sở. Ví dụ: Dân ở đây đời sống rất cơ cực làm than.

VIỆC GÌ TRÊN MÂY: Hiện tượng mâu nhiệm xảy ra trong bầu trời, thường được Đức Thầy nhắc đến trong Sám Giảng Thi Văn của Ngài. Thí dụ:

**“Ôi! khổ thảm bốn bề sóng dậy
Dòm lưng trời lửa cháy liên miên”**

(Đền Làng Nh. Nghĩa)

Hoặc: **“Khuyên dân lòng chó có sồn
Rán tu thì được xem đờn trên mây.”**

LƯỢC GIẢI :

-Đức Giáo Chủ mới khai Đạo PGHH có nhiều người kính tin, nhưng cũng có lắm kẻ không ưa, chỉ trích. Ngài không màng kể, còn khuyên mọi người hãy dùng tâm trí mà nhận xét coi thật hư, đúng sai thế nào. Và Ngài nói rõ chừng nào điện ngọc lầu đài tại Núi Cấm hiện ra thì chư nhu khắp bốn phương đều đến tranh giành thi cử.

-Hễ có thi tất có kẻ đậu người rớt. Đậu thì vui mừng, bằng rớt thì sầu bi đau khổ, bởi đây là cuộc chọn lọc hiền còn dữ mất. Đến đó, những kẻ không lo tu hành hiền đức dù có than trời trách đất cũng vô hiệu, vì họ từ trước không gieo nhân lành thì giờ đây đâu có quả thiện để hưởng.

-Còn những kẻ mãi chạy theo danh vọng, cao sang quyền tước, rồi làm điều xấu xa tội ác, chẳng chịu hối cải thì ngày kết cuộc như người mù mà lại đi đêm (đã tối lại càng tối thêm). Đức Thầy vì quá yêu sanh chúng nên đem giáo pháp chơn chánh hiền từ giáo hóa khắp nơi. Tuy Ngài thường thốt lời khiêm nhượng, nhưng trong đây hàm súc rất nhiều ý nghĩa cao sâu, mâu diệu. Vậy ai là người trí hãy để tâm suy xét.

-Ngài còn cho biết từ đây bá tánh khắp hoàn cầu phải chịu lầm than đói khổ, để khuyên mọi người, mọi nơi đều sớm tỉnh ngộ tu thân hành thiện. Việc tu hành chẳng những không tốn tiền bạc mà sau này còn được xem các điều kỳ diệu diễn ra trên nền trời:

**“Ôi ! Khổ lắm bốn bề sóng dậy,
Dòm lưng trời lửa cháy liên miên.
Tiêu điều sản vật điền viên,
Thần thông biến hóa dưới miền trung ương”**
(Đền Làng Nhon Nghĩa)

CHÁNH VĂN

283. **“Ta mắc lánh tà-tây đa sự,
Làm Điền-Khùng cũng tự lẽ ni.
Ai là đáng bực tu-mi,**
286. **Thương đời ta mới làm thi khuyên đời.
Còn ả-nhẫn đợi thời đưa đến,
Nên phải làm kẻ mền người khinh.
Người hiền tâm trí thông-minh,**
290. **Người hung cứ mãi chống kinh với ta.
Theo học cổ nô-m-na ít tiếng,
Làm nhiều điều xao-xuyến hơn tâm.
Chữ nhu ta học âm thầm,**
294. **Ai là người trí rán tâm cho ra.
Để đến lúc phong-ba biến-chuyển,
Cảnh hồng-trần tự biển mênh-mông.
Mới là sợ chết ước-mong,**
298. **Mà không ai cứu bởi lòng ác-gian”.**

CHÚ THÍCH :

LỄ NI: Lễ này, việc đó, lễ vừa qua.

TU MI: Râu mày, chỉ cho hàng nam tử. Ví dụ: Bực tu mi nam tử hay làm được việc lớn.

HOC CỔ: Cũng gọi là *học xưa*, nền học cũ của Thánh Hiền dạy, chú trọng về luân thường đạo lý xử sự cho tròn đạo làm người. Nam có *Tam cương, ngũ thường*. Nữ có *Tam tòng Tứ đức*. Đức Thầy từng dạy:

***“Theo tài học cũ nôm na,
Hỏi ai trí thức tâm mà cạn sâu”***. (Dẫn Dò Bồn Đạo)
***“Ngũ luân lễ nghĩa năm hằng,
Tam cương trung trực người rằng ngu si”***.
(Đề Chơn Đất Bắc)

XAO XUYẾN NHƠN TÂM: Náo động lòng người.

CHỮ NHU: Cũng gọi là chữ Nho. Gồm cả chữ Tàu của Trung Quốc và chữ Nôm của Việt Nam.

PHONG BA: Sóng gió, chỉ thảm cảnh do thiên nhiên gây ra như động đất, sóng thần, bão táp hoặc làn sóng vật chất từ phương tây tràn vào.

LƯỢC GIẢI :

Bởi người Pháp dùng chánh sách gắt gao đối với các tôn giáo Việt Nam, nên Đức Thầy xưng hiệu là Diên Khùng và giả vờ nửa hư nửa thực để đánh lạc hướng họ. Vậy ai là người tu mi nam tử hãy sớm đọc Kinh Giảng của Ngài, vì Ngài thương xót chúng sanh mới viết ra.

-Lại thêm cơ trời vận chuyển lúc này chưa thuận tiện nên Ngài phải ẩn nhẫn để đợi cơ may vận phước đưa đến. Do đó, công cuộc dạy đời của Ngài phải có kẻ khinh người mến. Song chỉ có những kẻ hung dữ mê mờ mới chống kình với Ngài, còn người có tâm trí sáng suốt thì lúc nào cũng tìm học để tu sửa thân tâm.

-Ngài đem học thuyết đạo đức của ông cha từ xưa khuyến dạy nhân sanh, làm cho mọi người phải ngạc nhiên vì họ thấy lúc bình thường không thấy Đức Thầy có học Nho hay nghiên cứu kinh văn Phạn ngữ, mà nay Ngài họa đáp các thể thơ đủ loại đều thông suốt. Theo Ngài cho biết đó là do Ngài đã âm thầm tu học từ nhiều kiếp trước.

-Ngài cũng tiên tri cho dân chúng hiểu, chừng cuối đời Hạ Nguon sẽ có các cuộc phong ba biển chuyển (Thương hải tang điền) trước khi lập lại Thượng Nguon. Đến đó, những kẻ hung dữ dù có hối cải lo tu cũng không kịp.

CHÁNH VĂN

299. *“Tiếng đờn hò liú cồng-xang,
Đêm khuya khuyên-nhủ khắp tràng chúng-sanh.
Chốn Phật-cảnh vắng tanh kẻ tới,
Ta ra đời nên mới đời thay.
Bởi vì lời lẽ thẳng ngay,*
304. *Cho nên chúng nó ghét bài phú thi.
Thấy tăng-chúng sâu bì dạ mỡ,
Kệ khuyên tràn nước đổ lá môn.
Khắp cùng làng xóm hương thôn,*
308. *Vì khôn quá thế nên tồn lại ngu.
Dạy đạo-đức người tu rạn lý,
Mong cho người hữu chí làm theo.
Không làm thì ắt mang eo,*
312. *Làm xong vượt khỏi qua đèo chông-gai”.*
(Hòa Hảo, tháng 7 năm Kỷ-Mão, 1939)

CHÚ THÍCH :

TIẾNG ĐỜN: Cũng gọi *tiếng đàn*. *Hò liêu cồng xang* là những phiếm bực trong phiếm đờn. Nghĩa bóng chỉ cho lời Sấm Giảng của Đức Thầy. Ngài viết có đủ nhạc điệu nhật khoan trầm bổng, người nghe dễ rung cảm . Đức Thầy từng thốt:

*“Đờn những câu tử mỉ rung hồn.
Cho người lành dạ ái bắt nôn,
Cúi đầu trước qui y Phật pháp”.*
(Nang Thơ Cẩm Tú)

PHẬT CẢNH: Cũng gọi là cảnh Phật. Có hai nghĩa: Hiểu rộng là cảnh *Tây phương Cực lạc* của Đức Phật A Di Đà; hiểu hẹp là cảnh Phật tại gia, tức ngôi Tam Bảo:

“*Chớ bỏ lời thề nơi Phật cảnh*”. (Thiên Lý Ca)

NƯỚC ĐỔ LÁ MÔN: Lá môn không bao giờ dính nước, nên đổ bao nhiêu nước nó cũng chảy trôi hết. Nghĩa bóng là chỉ cho lời khuyên dạy của Đức Thầy đã nhiều lần mà người ta chưa chịu nghe nhận.

RANG LÝ: Sáng tỏ chơn lý của Đạo hay đạt được Đạo quả.

ĐÈO CHÔNG GAI: Đèo là con đường leo qua núi, rất khó đi, lại gặp nhiều *chông gai* cản trở. Nghĩa bóng là chỉ cho đường tu rất khó khăn trở ngại; tuy nhiên, nếu hành giả vẹn giữ Đạo, tất sẽ vượt qua dễ dàng.

LƯỢC GIẢI :

-Lời khuyên nhủ của Đức Thầy êm ả như bản đàn, thế mà ít người thức tỉnh qui đầu Phật pháp. Bởi từ trước có số người tu Phật sai lạc chơn lý, khiến lòng người giảm lòng tin đối với Đạo Phật vốn không dời đổi. Song vì muốn hạp cơ duyên của mỗi chúng sanh và hoàn cảnh xã hội hiện đại mà Đức Giáo Chủ PGHH có thay đổi đôi phần về nghi thức và phương tiện hành đạo.

-Cô ngữ hằng bảo: “*Lời thật mất lòng*” và “*thăng nét mực tàu tất phải đau lòng gỗ*”. Thật vậy, Đức Giáo Chủ đã làm cuộc cách mạng trong Đạo Phật, từ bỏ lối tu *hữu vi, lìa đời yếm thế* đổi ra *vô vi nhập thế*, thi hành Bồ Tát hạnh, tất nhiên phải có số người ghét ghen đố kỵ.

-Ngài cũng buồn lòng khi thấy số đông dân chúng chẳng quan tâm suy xét lời cảnh giác của Ngài để lo cải sửa, họ xem tiếng khuyên ấy như nước đổ lá môn. Dù vậy, nhưng vì lòng từ bi mà Ngài vẫn khuyên hoài khuyên mãi.

Đoạn kết của bài Thiên Lý Ca, Đức Thầy cũng nói rõ cho ông Châu và hầu hết môn đồ được biết lời trần tình của

Ngài là quyết làm sao cho ngọn đèn chơn lý của Đạo Phật được tỏ rạng khắp nơi, để mỗi hành giả đều thấu đạt. Nếu ai không tin và chẳng làm theo ắt khó tránh khỏi tai nạn hiểm nghèo sắp đến; bằng ai thi hành theo, ắt đặng vượt qua các chặng đường chông gai hiểm trở và sớm được trở về với quê xưa cảnh cũ của mình:

**“Cảnh Niết bàn là nơi cứu cánh,
Về chốn ni xa lánh hồng trần”.**(GMTK, Q.4)

BÀI 7. - LUẬN VIỆC TU HÀNH

(SGTVTB 2004, tr. 246-247)

XUẤT XỨ: Khoảng đầu mùa Thu năm Kỷ Mão (1939), Đức Giáo Chủ có sáng tác bốn bài thi Đường luật. Ngài không ghi ngày giờ và tựa bài, chỉ biết Ngài viết sau bài “Thiên Lý Ca” và trước bài “Tam Hùng Trổ Mặt”. Sau này, Ban Suru Tập căn cứ vào ý nghĩa của bài mà tạm đặt cho tựa là **“Luận Việc Tu Hành”**.

VĂN THỂ: Bốn bài thi này thuộc thể *thất ngôn bát cú*, loại văn nghị luận và thuyết giáo. Khởi đầu bằng câu: **“Tu hành dương thế cậy đồng tiền”** và chấm dứt bởi câu: **“Muôn kiếp danh hiển sách vẫn biên”**.

NỘI DUNG: Hiện tình trong thế gian, người thiệt tu thì ít, kẻ giả đạo lại nhiều. Xưa nay có số người tu hành vì ham tiền bạc, danh vị mà làm cho nền đạo phải đảo điên xáo trộn.

Đức Giáo Chủ cho biết: Thuyền từ bi và bát nhã chỉ đưa rước người chơn tu chớ chẳng bao giờ chở kẻ giả tu được. Vì kẻ giả tu đã nhận sai chơn lý và luôn luôn gây tạo nghiệp ác.

Vì thế nên khiến các bậc chơn tu thêm buồn chán; nhưng vì lòng từ bi, quá thương xót nhân sanh nên các Ngài cũng cảm kích mà tìm phương cứu độ.

CHỦ ĐÍCH: Đức Giáo Chủ cảnh tỉnh những người tu giả dối và khuyến tất cả nên thật tâm noi gương Đức Thích Ca và chư Phật Thánh lo tu hành chân chánh, đứng theo chân lý của Đạo Phật để sau này được trở về với ngôi vị Phật Tiên.

CHÁNH VĂN (Bài 1)

1. *“Tu hành dương-thế cậy đồng tiền,
Phật-giáo vì tiền phải ngửa-nghiêng.
Bát-nhã chẳng đưa người tội ác,
Thuyền-từ nào rước lại Tây-Thiên.
Trần-gian đầy-dẫy người làm dối,
Đạo cả nào trông đến cảnh thiền.
Đoái thấy người đời lòng bắt chán,
8. Dương-trần làm lạc đáng ưu-phiền”.*

LƯỢC GIẢI :

Bài “Luận Việc Tu Hành 1” có thể phân làm bốn cặp. Cặp 1 (gồm 2 câu mở đề) cho biết trong hiện tình có số người tu chỉ nặng vì tiền bạc hơn là lo tu thân hành đạo nên khiến cho đạo Phật bị lu mờ, xuống dốc, tín đồ giảm lòng tin, người đời biếm nhẽ.

Cặp trạng (câu 3 và 4) nói chư Phật lúc nào cũng đầy lòng bác-ái, quyết dùng thuyền từ bi và trí huệ cứu vớt chúng sanh ra khỏi vòng trầm luân khổ hải. Song vì luật công bằng bình đẳng của đạo Phật mà thuyền từ và bát nhã ấy chỉ đưa rước những người thật tâm tu niệm chớ không thể nào rước những người giả tu hay còn gây tội ác cho được.

Cặp luận (câu 5 và 6) chỉ hiện tình trong cảnh trần, biết bao người hành đạo giả dối, tu đã sai lạc chơn lý thì làm sao đạt được cái lý sắc không của đạo.

Cặp kết (câu 7 và 8) nói bởi nhận biết số người tu sai lạc như vậy nên các bậc cứu đời phải chán ngán. Nhưng vì từ bi mà các Ngài lúc nào cũng thương cảm họ - vì quá mê nên họ phải lầm lũi mãi trong sáu đường luân hồi sanh tử.

CHÚ THÍCH :

TU HÀNH: *Tu*: sửa; *hành*: làm theo. Làm theo lời dạy của đạo để trau sửa thân tâm.

DƯƠNG THẾ: Cõi đời. Cõi có ánh thái dương, khác với cõi âm (cõi tối tăm, thiếu ánh sáng).

PHẬT GIÁO: Xem CT tại Q. Thượng Tập 2/3, tr.57.

BÁT NHÃ: Xem CT tr. 61 Tập này.

THUYỀN TỪ: Thuyền từ bi của chư Phật. Bởi lòng từ bi của Phật có diệu năng đưa chúng sanh sang bờ giác, cũng như thuyền Bát nhã. Đức Thầy từng nói:

***“Thuyền từ-bi thẳng cánh lướt sang,
Qua Đông-độ vớt người hữu đức”***

(Diệu Pháp Quang Minh)

TÂY THIÊN: Tức Tây Thiên Trước, nơi Phật giáng sinh và lập ra đạo Phật. Nghĩa bóng chỉ cõi Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

ĐẠO CẢ: Do chữ *đại đạo* (đạo lớn), chỉ đạo Phật.

CỬA THIÊN: Do chữ *thiên môn*, chỉ cửa chùa hay cửa Phật. Đức Thầy viết:

“Cửa thiên môn còn hỡi khóa then”

CHÁNH VĂN (Bài2)

9. ***“Muốn đặng về Thần với Thánh-Tiên,***

- Kỹ xem cõi thế thấy kia liền.
Cư trần bất nhiễm là người Thánh,
Lẫn tục đừng mê chứng bực hiền.
Phú quý tạo đời thêm một xác
Tham danh phé đạo chỉ đầu yên.
Sao bằng cửa Phật vui thanh-tịnh,
16. Lánh cõi trần mê giải nghiệp duyên”.*

LUỢC GIẢI :

Hai câu mở đề (1 và 2) cho biết người đời muốn hiểu rõ ai là bực Phật-Tiên Thần-Thánh, hãy xem kỹ người đó sống trong cõi đời là hiểu ngay.

Cặp trạng (câu 3 và 4) nói người sống giữa cõi trần mà không bị trần cảnh trói buộc, sai sử nhiễm ô, đó là chính bậc Thánh. Còn người sống giữa cõi tục mà không bị các điều tục lụy làm mê nhiễm, chính đó là bậc Hiền.

Cặp luận (câu 5 và 6) bảo rằng sự giàu sang vinh hiển, danh vị, bạc tiền mà không đạo hạnh chỉ làm lao thân mệt trí, chẳng ích chi.

Hai câu kết (7 và 8) đại ý Ngài dạy: Chi bằng ta nương theo cửa Phật mà tu hành giải thoát khỏi nghiệp trần mê, ra khỏi luân hồi sanh tử, tiến tới Niết bàn Cực lạc để vui trong thanh tịnh vĩnh hằng.

CHÚ THÍCH :

THẦN: Là bậc khác hơn người thế tục, lượng xét không cùng tốt, linh diệu, oai mãnh, thông suốt không bị chướng ngại. Đó là bậc bá tánh thường tôn trọng kính thờ. *Hiền thần* có 4 bực: *Phật thần, tiên thần, thánh thần, quý thần*. Song, chữ *Thần* ở đây là chỉ cho bực Phật thần, tức là bậc tu hành đã siêu thoát sanh tử, chứng được lục thông trở lên. Đức Thầy có câu:

*“Tâm linh mắt thánh xem ba cõi,
Tánh hiển tai thần lắng bốn phang”.*

(T. B. Trần Gian)

PHẬT TIÊN: Bậc tu hành đã hoàn toàn giác ngộ, giải thoát sanh tử, tiêu diêu tự tại. Vì chữ *Tiên* ở đây đứng chung với chữ *Phật*, nên không thể hiểu như chữ *Tiên thân* - bậc còn luân hồi trong tam giới. Đức Giáo Chủ từng viết: **“Đời cùng *Tiên Phật* hạ phàm gian”**. Và:

**“*Phật Tiên vận chuyên lọc lừa,
Kiếm con hữu phước mà đưa trở về”***.

(Đến Làng Nhon Nghĩa)

CÔI THẾ: Cõi đời chúng ta đang sống.

CU' TRẦN: Ở trong cõi trần gian.

BẮT NHIỄM: Chẳng còn ô nhiễm mọi vật chất trong cõi trần, như: tữu, sắc, tài, khí và danh, lợi, tình v.v.. Đức Thầy từng bảo:

“*Rút trần bắt nhiễm mới là yên*”. (T. B. Trần Gian)

NGƯỜI THÁNH: Bực đã siêu phàm thoát tục, hoàn toàn giác ngộ như Phật-Thánh. Thơ ông Bán Chiếu tặng Đức Thầy có câu:

**“*Đại Thánh là Phật Thích Ca,
Người còn khinh báng hướng ta phàm trần*”**.

LÀN TỤC ĐỪNG MÊ: Ở chung với người thế tục mà không mê đắm mùi tục lụy trong trần.

BẬC HIỀN: Bậc *đại hiền*, ngang hàng với chư Phật, vì đã trong sạch như hoa sen **“*Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*”**. (Ca dao) Xưa người ta xưng tụng Đức Thích Ca là bậc *Đại hiền*.

PHÚ QUÍ: Giàu sang quyền quý.

THAM DANH: Ham muốn danh vị tước quyền.

PHỄ ĐẠO: Bỏ đạo, không nương theo nữa.

CỬA PHẬT: Cửa đạo, nơi đưa người tu đến chỗ giải thoát sanh tử.

THANH TỊNH: Trong sạch.

NGHIỆP DUYÊN: Những gì do mình gây tạo trước kia, nay phải nhận lấy quả báo.

CHÁNH VĂN (Bài 3)

17. *“Tiếc vì không đức, tiếc chi tiền,
Phật Thánh xưa kia sách vẫn biên.
Bác ái xả thân tầm Đạo chánh,
Độ người lao khổ dạ không phiền.
Minh vàng Thái-Tử ngôi còn bỏ,
Vóc ngọc Đông-cung trước phé liền.
Xem đó hồi người mau lập chí,
24. Tu hành khá nhớ giữ cho nguyên”.*

LƯỢC GIẢI :

- Hai câu mở đề: Đức Giáo Chủ khuyên người hành đạo hãy lo mình không có đủ đức hạnh, chớ đừng lo thiếu tiền. Bởi tiền của là thứ tạm giả, tiêu xài một thời rồi cũng hết, chỉ có đức hạnh mới đưa mình đến chỗ thành công trên đường đạo. Việc này xưa nay kinh sách đều có chép biên chỉ dạy.

- Cặp trạng (câu 3 và 4): Ngài cho biết Đức Phật xưa vì đầy lòng bác ái nên xả thân tìm ra chánh đạo để cứu rỗi chúng sanh khỏi vòng mê khổ, dù gian lao vất vả Ngài cũng chẳng phiền lòng.

- Cặp luận (câu 5 và 6): Ngài dạy thêm Thái tử Sĩ Đạt Ta khi xưa lên đường xuất gia tầm đạo Ngài sẵn sàng lìa bỏ ngôi báu, vợ đẹp, con ngoan, để đổi lấy trí huệ siêu màu ban bố khắp trần thế.

- Hai câu kết (7 và 8): Ngài khuyên mọi người hãy noi gương Đức Phật sớm lập chí tu hành; trên đường hành đạo nên rán gìn cho tròn đầy giới hạnh, mới mau kết quả.

CHÚ THÍCH :

ĐỨC: Có lòng nhân đạo, ưa ban ơn cứu giúp người.

PHẬT THÁNH: Đức Phật và Thánh nhân, nhưng chữ *Phật Thánh* ở đây chỉ Đức Phật Thích Ca. Vì thời đó người ta xưng tụng Ngài là bậc Đại Thánh:

“Đại Thánh là Phật Thích Ca”.

BÁC ÁI: Lòng thương yêu chúng sanh rộng lớn không ngần mé. Đức Thầy có câu:

“Lòng bác ái động tình rơi nước mắt”. Hay:

“Lòng quảng ái xót thương nhân chúng”.

XẢ THÂN: Liều bỏ xác thân để đánh đổi cái quý hơn, hoặc dồn hết tâm tư trí não để cứu độ chúng sanh:

“Xả thân tìm kiếm ma ha,

Chẳng nài viễn vọng đẹp tà nơi tâm”.

(Cho Ông Tham Tá Ngà)

MÌNH VÀNG THÁI TỬ: Xác thân của con cháu các nhà quý phái được xem quý như vàng ngọc. Đây là chỉ cho Thái tử Sĩ Đạt Ta.

VÓC NGỌC ĐÔNG CUNG: Con của vua được phong là Đông Cung Thái Tử, để sau này nối ngôi; thế mà Sĩ Đạt Ta vẫn giữ bỏ để ra đi tìm đạo.

CHÁNH VĂN (Bài 4)

25. ***“Muôn dựng thành Thân với Phật Tiên,
Rán tu ân đức chớ tu tiền.
Lợi danh chớp nhoáng như luồng gió,
Thấy đó rồi đâu bỗng mất liền.
Sớm thức tỉnh tâm tâm đạo chánh,
Sau này về Phật với ngôi Tiên.
Lập thân giúp thế nên công-quả,***
32. ***Muôn kiếp danh hiền sách vẫn biên”.***

LƯỢC GIẢI :

- Hai câu mở đề (1 và 2): Đức Giáo Chủ dạy người tu hành muốn sau này chúng được Thần Thánh hay Tiên

Phật thì hãy thi ân đức cho vạn loại chúng sanh, chớ nên bám víu tiền bạc.

- Cặp trạng (câu 3 và 4): Ý dạy rằng dù ta có tạo ra tài lợi và danh vị tước quyền cũng không hưởng đặng lâu dài, bởi kiếp sống của con người quá ngắn ngủi, mới thấy đó rồi mất đó.

- Hai câu luận (5 và 6): Đức Giáo Chủ khuyên mọi người sớm giác tỉnh nương theo Đạo Phật tu hành để sau này chứng đạt ngôi vị Phật Tiên, giải thoát sanh tử luân hồi.

- Hai câu kết (7 và 8): Ngài dạy hành giả đã quyết chí lập thân hành đạo phải có lòng vị tha, giúp thế độ đời. Công quả ấy dù trải qua muôn kiếp sách sử vẫn còn ghi chép.

CHÚ THÍCH :

ÂN ĐỨC: Lòng tốt cao qui, thích cứu giúp người.

ĐẠO CHÁNH: Con đường ngay thẳng, đúng với chơn lý nhà Phật.

GIÚP THẾ: Giúp đời, ban bố các phương tiện cho mọi người được hạnh phúc an vui mà lòng bất vụ lợi. Đức Thầy từng khuyên:

“Lánh thế chẳng bày danh Lão Sĩ,

Ngày nay các chỗ ngộ công ca”.

(Cho Ông Tham Tá Ngà)

Bài 8. VIẾNG LÀNG MỸ HỘI ĐÔNG

(SGTVTB 2004, tr. 286-289)

XUẤT XỨ : Vào mùa Xuân năm Canh Thìn (1940) thỉnh thoảng Đức Giáo Chủ có đi viếng thăm và thuyết giảng các xã lân cận. Như vào đêm 22 tháng giêng năm Canh Thìn, Ngài đến viếng làng Mỹ Hội Đông. Hôm ấy, Ngài vừa ứng khẩu thuyết giảng, vừa sáng tác bài giảng này tại nhà ông Cả Mười trước mặt các nho gia và đa số thính chúng dự nghe.

(Theo bản lưu bút của ông Hương thân Ưống, tức là Nguyễn Thanh Tân để lại. Ông Năm Ấu người cháu còn lưu giữ, trước hết Đức Thầy có ngâm 4 câu thi:

*Buông màn thả lá cạn dòng châu,
Áo nào tâm can cảnh mộng sầu.
Môi hở sợ e răng phải lạnh,
Đáy lòng cạn tổ máy huyền sâu.)*

VĂN THỂ: Ngài thuyết giảng bằng điệu vận văn, thể lục bát, dài 108 câu, lối thuyết giáo, khởi đầu bằng những câu:

*“Canh niên trời bước thừa nhàn,
Để chơn đến viếng xóm làng Hội Đông”.*

Và chấm dứt bởi các câu:

*“Bút nghiên tạm gác đợi thời,
Chúc cho bá tánh xét đời biết ta”.*

CHỦ ĐÍCH : Bài giảng này có hai câu đặc biệt chứng tỏ rằng những người được kiến diện và qui y thọ giáo với Đức Thầy là đã có gieo sâu duyên lành với Ngài trong nhiều tiền kiếp:

*“Duyên lành rõ được Khùng Diên,
Chẳng qua kiếp trước thiện duyên hữu phần”.*

NỘI DUNG: Đại ý Ngài cho biết những vật chất tiền tài hay danh vọng tước quyền ở thế gian, chẳng khác

nào cành hoa sớm nở chiều tàn, dù có giữ được thời gian rồi cuối mùa cũng tàn rụi, chỉ có con đường Phật Đạo mới đưa ta đến quả vị trường cửu. Vậy mỗi hành giả hãy quay về nội tâm để hành trì cho thấu đạt tâm linh trí tuệ của mình mới quý báu:

***“Thích Ca đạo vị huyền sâu,
Rạch tìm xem được một bầu linh quang”.***

Và chỉ có phương Tịnh độ dạy ta trì niệm Lục tự Di Đà, nếu ai trì niệm đến chỗ nhứt tâm bất loạn, chẳng những được bình an hạnh phúc trong hiện tại mà tương lai còn được Phật hóa tánh tình hay vãng sanh Cực lạc:

***“Biết khôn tìm kiếm ma ha,
Một câu Lục tự nhà nhà bình an”.***

CHÁNH VĂN

1. ***“Canh niên trời bước thừa nhân,
Để chơn đến viếng xóm làng Hội Đông.
Về non dạ luống ước mong,***
4. ***Cám tình lê-thứ tuôn ròng lụy châu”.***

LƯỢC GIẢI :

Vào chiều ngày 22 tháng giêng năm Canh Thìn (1940) Đức Thầy và số người tùy tùng đến viếng làng Mỹ Hội Đông. Hôm ấy Ngài vừa thuyết giảng vừa sáng tác bài giảng này và nghỉ đêm tại nhà ông Cả Mười. Một gánh họ được xem là có trí thức và văn nho, đã qui y với Đức Phật Thầy Tây An từ 90 năm về trước.

(Tu Phật là học theo hạnh Phật, tu Tiên là nghe theo lời dạy bảo của Lão Trang, tu Hiền là làm theo hạnh của Khổng Mạnh).

Trong mấy câu khai đề, Đức Giáo Chủ cho biết: Sau khi chúng Đạo, Ngài trở về miền Tà Lon và Thất Sơn an nghỉ. Nay vì nhìn thấy dân chúng sắp vuron hồi tai khổ

do thể chiến thứ hai gây ra, khiến Ngài động lòng từ bi rơi lệ.

CHÚ THÍCH :

CANH NIÊN: Tức năm Canh Thìn (1940).

TRÔI BƯỚC: Đứng dậy và bước đi.

THỪA NHÀN: Nhân lúc rảnh rang.

MỸ HỘI ĐÔNG: Làng Mỹ Hội Đông là một xã nằm trọn trên Cù Lao Ông Chường giáp mặt với sông Hậu và Nam Ngạn sông Vàm Nao.

CẢM TÌNH: Cảm xúc và động tình, sự đối đãi với nhau do ngoại cảnh kích thích mà sanh ra tình cảm bên trong.

LÊ THỨ: Lê là đen, thứ là dân. Cũng có nghĩa như chữ Lê dân (dân đen), chỉ cho tất cả nhân dân.

LUY CHÂU: Cũng gọi là lệ châu. Có nghĩa giọt nước mắt rơi xuống, trông nhìn giống như hột châu.

CHÁNH VĂN

5. *Lời thăm cùng khắp đâu đâu,
Hương thôn bốn đạo lo âu mỗi giềng.
Tu là tu Phật tu Tiên,
8. Tu cho rõ biết chữ Hiền ra sao”.*

LƯỢC GIẢI :

Đoạn này Đức Giáo Chủ cho biết, Ngài mượn tiếng Kệ Giảng để thăm hỏi chư môn đồng đạo khắp nơi và khuyên mọi người hãy lo tu rèn giềng mỗi của đạo làm người cho tròn vẹn và thực hành đúng theo lời của Tam Giáo (Phật Thánh Tiên) mà Ngài đã rút tĩa những tinh hoa dạy lại chúng ta.

CHÚ THÍCH:

HƯƠNG THÔN: Làng xóm, đây chỉ cho các xã ấp chung quanh mình.

BỔN ĐẠO: Bổn gốc đọc là *bản*. *Đạo* là một nền đạo hay một giáo phái riêng của các bậc Thầy hay Giáo chủ thường khuyến hóa hay kêu gọi các đệ tử:

“*Khuyến bốn đạo lập thân nuôi chí*”.

Hoặc: **“*Bổn đạo ơi hãy rán sửa mình*”.**

PHẬT TIÊN HIỀN: Ba nền đạo lớn và cũng là 3 bậc Phật Thánh Tiên thành lập 3 nền Đạo lớn ở Á châu chúng ta. Phật là Đức Thích Ca, Tiên là Lão Tử và Trang Tử, Hiền là hiền nhân thánh triết của Khổng Mạnh. Đức Giáo Chủ PGHH rút những tinh ba của ba nền đạo giáo lý Phật Thánh Tiên để giáo huấn môn đồ:

“*Phật Tiên Thánh lòng nhưn hà hải,*

Những ước ao thế giới hoà bình.

Nên khuyến đời truyền bá sử kinh,

Cho sanh chúng sửa mình trong sạch”.

(GMTK, Q.4)

CHÁNH VĂN

9. **“*Mùa Xuân chưa có mưa dào,*
Cũng như Đạo hạnh sắc màu chưa thanh.
*Sớm chiều phải sạch lợi danh,***
12. ***Tâm nơi chánh giác cõi thanh đặng về”.***

LƯỢC GIẢI :

-Hai câu 9 và 10 có ý nói thông thường 3 tháng mùa Xuân (suốt mùa Xuân) thì ít hay có mưa, cây cỏ thiếu nước, nên người ta rất trông có một đám mưa lớn. Đức Giáo Chủ mượn cảnh này để so sánh với nền đạo hạnh. Vì Ngài mới khai mở nửa năm, chưa được hanh thông sáng tỏ khắp nơi.

-Ngài khuyên mọi người đã tu hành thì phải rút bỏ lợi danh quyền tước để qui về tâm Phật của chính mình, tất sau này sẽ đạt đến tâm thanh tịnh như chư Phật.

CHÚ THÍCH :

MÙA XUÂN: Mỗi năm có 4 mùa; Xuân, Hạ, Thu, Đông; mà mùa Xuân là mùa đứng đầu năm, gồm có 3 tháng: 1, 2, 3 ít khi có mưa đầu mùa. *Mưa dào* cũng gọi là *mưa rào*, có nghĩa mưa lớn mà mau tạnh, nước chưa thấm bao nhiêu, nên người ta rất trông đợi: “*Nắng hạn gặp mưa dào*”.

CHƯA THANH: Chưa sáng tỏ lan rộng.

LỢI DANH: Tài lợi và danh vị tước quyền. Hai điều trong ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thù).

CHÁNH GIÁC: Nói cho đủ là Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là bậc hoàn toàn giác ngộ, tự giác giác tha và giác hạnh viên mãn. Cũng gọi là quả Bồ Đề (Niết bàn).

CÔI THANH: Cõi thanh tịnh, tinh khiết, nơi Phật Tiên ngự.

CHÁNH VĂN

13. *“Hỡi ôi ! Thấy chúng bớt mê,
Đạo mầu siêu việt tập đề là đây.
Tinh thần hiệp vén nút mây,
Vết cho rõ mặt tớ Thầy Hạ nguơn.
Lòng thương bá tánh đời cơn,
18. Dầu ai mua oán chác hồn mặc ai”.*

LƯỢC GIẢI :

Đức Giáo Chủ ngỏ lời kêu gọi bá tánh bớt mê đắm cõi hồng trần để quay về nẻo Đạo lo tu thân lập hạnh cho mình trở thành Phật Thánh dùng thần trí sáng suốt vết phá màn vô minh vọng hoặc hầu thầy tớ được rạng rỡ mặt mày trong thời hạ nguơn mặt pháp. Vì Ngài quá thương xót

chúng sanh nên dùng đủ phương thức tỉnh, dù ai có oán hận căm thù Ngài cũng cam tâm.

CHÚ THÍCH :

HỒI ÔI: Tiếng kêu than, xem như chữ “than ôi”

“Dân quê nghe nói hồi ôi !

Hung đồ cường nghịch một hồi cười reo”. Q.1)

ĐẠO MẪU: *Đạo* là tôn giáo, hợp lẽ phải; *mẫu* là sâu xa kín đáo.

TẬP ĐỀ: Tập sửa thân tâm mình cho đúng theo qui luật, pháp giới của Đạo, Đức Thầy từng dạy:

“Chữ Tập đề nay đà mở cửa,

Để đem vào khuôn khổ người hiền

Rán cực lòng một bước đầu tiên,

Sau mới được làm nên Phật Thánh”.

(GMTK, Q.4)

TINH THẦN: Thần trí khôn biết của con người có sức mạnh vạn năng, điều khiển cả châu thân dẹp hết cả nội ma ngoại cảnh. Trong bài “Thu Đã Cuối” có câu:

“Lấy tinh thần chống chỏi quỷ tà”.

NGÚT MÂY: Khối mây nằm xa trên nền trời, nhìn dáng dạng như khối hay sương mù có năng lực che khuất mặt trời lúc ban ngày. Nghĩa bóng là chỉ cho màn vô minh hay lòng mê si che khuất tâm trí của mỗi người khiến cho người mê muội không thấu rõ chơn lý. Đức Thầy từng nói:

“Màn vô minh che mờ căn trí,

Nên thường khi nhận ngụy làm chơn”.(Q.5)

Vì thế, Ngài dạy mỗi hành giả phải vệt phá vô minh để tâm trí được phát khai sáng tỏ.

HA NGUỒN: Nguồn cùng cuối của lý Tam nguyên trong trời đất. Khởi đầu từ Thượng nguyên (thượng, trung, hạ). Kế đến, Trung nguyên (thượng, trung, hạ) và Hạ nguyên (thượng, trung, hạ). Cứ thế mà xoay vòng mãi.

ĐÒI CÓN: Từng con, từng hồi, nhiều lần, lắm lúc:

“Nghĩ đời con lại sứt sùi đời con”.(Cổ thi)

MUA OÁN CHÁC HỜN: Cũng gọi là *mua hờn chuốc oán*, gây nhiều tội ác, tạo nên oán hận thù hằn với người khác. Ví dụ: Việc mình thì mình làm, góp ý mà làm gì người ta chẳng hiểu cho, lại mua thù chuốc oán vào thân.

CHÁNH VĂN

19. *“Chuông linh giục thúc bên tai,
Chúc cầu thanh trị thời lai xóm làng.
Hiệp nhau một cuộc chi lan,
22. Rong đà lổ bóng đá vàng biết nhau.
Lọc lừa rõ dặng vàng thau,
24. Đem thân mua lấy mận đào thiên nhiên”.*

LƯỢC GIẢI :

Đức Giáo Chủ đem giáo pháp của Đức Phật, như tiếng chuông từ Linh Khứu Sơn ngân lên, thúc giục mọi người sớm tỉnh tâm tu niệm. Ngài cũng cầu chúc cho bá tánh nơi nơi được thái bình an lạc và biết thương yêu đoàn kết trên con đường thiện mỹ.

Luật tạo hóa sẽ chọn lọc rất công minh, đâu vàng, đâu thau, chân giả để khuyên mỗi người nên xả thân hành đạo hầu đổi lấy quả vị quý báu của Tiên Phật sau này.

CHÚ THÍCH :

CHUÔNG LINH: Nói cho đủ là Chuông Linh Khứu. Bởi Đức Thầy đem chánh pháp vô vi của Đức Phật Thích Ca phát xuất từ đền Linh Khứu để giáo hóa chúng sanh:

*“Chuông Linh Khứu ba hồi giục thúc,
Đờn Lô Âm khởi điệu êm tai”.*

CHI LAN: *Cỏ chi* và *cỏ lan*, hai loại cỏ này có mùi thơm ngát. Nghĩa bóng là chỉ cho người hiền lương đức

hạnh. Người xưa từng nói: Được gần người hiền như được tựa vào cửa chi lan (*Thân hiền như tựa chi lan*). Lại có câu cở chi và cở lan là hai loại cở đã thơm mà nếu đem hiệp lại càng thơm hơn, nên ngụ ý chỉ cho anh em bạn tốt, người tốt mà gặp người tốt lại càng tốt thêm.

LOC LỬA: Chọn lựa ra coi thứ nào tốt và thứ nào xấu, đâu đó phân minh.

VÀNG THAU: Vàng là tốt, *thau* là xấu và giả. Vàng và *thau* để chung lại thì chưa biết tốt xấu ra sao ? Nhưng nếu ông thợ vàng đem hai thứ lọc ra thì vàng ra vàng, *thau* ra *thau* rất dễ hiểu.

MẬN ĐÀO: Hai loại trái cây có mùi vị chua chua, ngọt ngọt người ta thường thích dùng.

THIỆN NHIÊN: Định luật tự nhiên trong trời đất, mỗi thứ có bản chất riêng biệt của nó. Nhưng hai từ ngữ “*mận đào thiên nhiên*” ghép chung lại là chỉ cho sự tu hành được kết quả tốt đẹp, khác nghĩa với câu: “*Ham vui đào mận chẳng xong rồi*”.

CHÁNH VĂN

25. ***“Duyên lành rõ được Khùng Diên,
Chẳng qua kiếp trước thiện duyên hữu phần.
Làm sao khỏi chốn mê tân,***
28. ***Đào nguyên vạn lượng tổ phân kính sùng”.***

LƯỢC GIẢI :

Đức Giáo Chủ tụy trên con đường giáo hóa nhân sanh, Ngài thường xưng hiệu là Diên và Khùng, nhưng người nào biết được Ngài là bậc minh sư để qui y là đã có duyên lành với Ngài trong nhiều tiền kiếp. Vậy hiện giờ hãy rán tu thêm cho vượt khỏi bờ mê để sang bên giác hầu thụ hưởng cảnh muôn ngàn quý báu của Phật Tiên.

CHÚ THÍCH :

KHÙNG ĐIÊN: Đức Giáo Chủ PGHH ra đời tuy có tục danh là Huỳnh Phú Sổ. Nhưng trên đường giáo hóa, Ngài còn có nhiều biệt hiệu như *Hoàng Anh*, *Hồng Vân Cư Sĩ* và *Sĩ Cuồng*; cũng có khi Ngài ký tên *Hòa Hảo*. Ngoài ra, Ngài còn xưng hiệu là *Khùng* và *Điên*, như trong bài “*Diệu Pháp Quang Minh*” chính Ngài đề danh bút hiệu “*Khùng Điên tự cảm tác*”. Các chỗ khác thì Ngài tự xưng:

“*Ta Khùng Điên nói đại nói càng*”. Và:

“*Thầy Khùng trò lại quá Điên,*

***Khùng Điên mấy tháng tình riêng ai ngờ*”.**

Ngài còn thố lộ nơi cư trú hành đạo của Ngài trong tiền kiếp:

“*Khùng thời quê ngụ núi Sam,*

Còn Điên chẳng có chùa am dưới này,

Vua Nghiêu xưa mở đất cày,

***Ngày nay nhường lại cảnh này cho Điên*”.** Hoặc :

“*Bồng lai Điên đại có ngôi,*

***Tây phương Cực lạc Khùng ngồi tòa sen*”.**

Sở dĩ Ngài đề bút hiệu *Điên Khùng* là có hai lý do đặc biệt:

1/- Vì muốn đánh lạc hướng người Pháp, để họ thấy Ngài là một ông Đạo: điên điên, khùng khùng, có tánh cách nửa hư nửa thật, chữa bệnh hơi giống các phù thủy, nên lúc đầu Pháp coi thường Ngài, để Ngài yên tâm sáng tác *Sấm Giảng* hoàn thành công tác khai Đạo.

2/- Vì muốn đối nghịch lại với những người ra đời hay xưng mình là khôn lanh, nhưng cái khôn lanh ấy chỉ để lừa dân thủ lợi. Còn Ngài Điên mà biết thương dân mên nước, biết đem đạo mầu cứu vớt sanh linh. Và:

“*Khùng huyền cơ Khùng Đạo Thích Ca*”.

ĐÀO NGUYỄN: Có nghĩa *nguồn đào*. Đây là một thành ngữ xuất phát từ điển tích “*Ngư phủ nhập đào nguyên*”.

Ngày xưa ở Bắc phần Việt Nam, có ông Từ Thức làm quan huyện Tiên Du. Hôm nọ, ông đến vườn Thượng uyển của vua để xem hoa mẫu đơn, bỗng gặp một cô gái rất đẹp đang bị trời dắt đi. Ông hỏi ra mới biết cô gái ấy tên Giáng Hương, cũng đến xem hoa nhưng khi sờ đến cành mẫu đơn lại rụng đi nên phải tội. Nghe qua, Từ Thức động lòng từ ái liền đem áo quý của mình xin chuộc tội cho Giáng Hương. Nàng tạ ơn Từ Thức rồi đi mất.

Thời gian sau, Từ Thức từ quan về ẩn sĩ hưởng thú tiêu dao, thường ngao du các danh lam thắng cảnh. Một hôm, ông xuống thuyền nhỏ giả làm ngư ông chèo lần theo mé sông, cứ thong dong chèo mãi không muốn quay lại. Bữa nọ con thuyền đang tiến hành theo mé núi, ông thấy phong cảnh lịch xình, có cái hang vừa rộng vừa ăn sâu vào núi, ông theo hang ấy chèo mãi tới một nơi gọi là Động Bích Đào, Điện Huỳnh Hư, tình cờ ông gặp lại nàng Giáng Hương. Vì nhớ nghĩa xưa nên nàng kết duyên với Từ Thức, hai người sống cuộc đời an nhàn vui đẹp rất lâu nơi cõi Tiên ấy.

Nguyên Giáng Hương là một tiên nữ nên tới ngày lệ hằng năm phải về châu Diêu Trì Kim Mẫu. Kỳ này nàng căn dặn Từ Thức: Chàng hãy yên lòng ở lại đây, thiếp về châu Thánh Mẫu xong sẽ trở lại ngay, có điều quan trọng là chàng không nên mở cửa sau mà ngó ra biển, nguy hại lắm !

Vắng Giáng Hương, Từ Thức buồn bực quá, đi dạo khắp nơi cũng chưa khuây khỏa, chàng cãi lời dặn dò của vợ, mở đại cửa sau nhìn ra biển. Từ Thức thấy biển rộng mênh mông, sóng bủa muôn trùng, bên kia bờ dằng dặc quê hương mình, liền đâm ra nhớ nhà da diết.

Khi Giáng Hương đi châu về, Từ Thức xin từ giả nàng để về thăm quê hương. Nàng khuyên giải và cho biết, nếu chàng cãi ra về, khi muốn trở lại ắt khó tìm gặp lại

thiếp nữa; song Từ Thức nằng nặc quyết định, Giáng hương đành gạt lệ tiễn chàng ra đi !

Từ Thức theo đường cũ trở về xứ nhà, nhìn cảnh vật có phân đôi lạ, tìm gặp một cụ lão trên 70 tuổi hỏi thăm về nhà cửa và bà con của mình.

Cụ lão đứng hồi tưởng một lúc rồi đáp:

-Thuở nhỏ, tôi còn nghe ông bà kể lại, trước kia tôi có ông tổ cách đây bảy đời tên là Từ Thức. Sau khi từ quan ông xuống thuyền đi mất không về, thời gian nghe đâu ông đã thành tiên.

Nghe ông lão kể Từ Thức đứng suy nghĩ: Mình đi mới có mấy năm mà đã trải qua bảy đời con cháu, thật kiếp sống cõi hồng trần quá ngắn ngủi. Ông bèn xuống thuyền chèo trở lại Động Bích Đào, nhưng tìm mãi cũng không gặp, đành vào núi tu hành.

Sau đó, tại trái núi tỉnh Thanh Hóa có một cái động, người ta thường gọi là Động Từ Thức. Người sau khi nhắc đến chuyện trên có viết lên hai câu hát để tiếc uổng dùm cho ông:

“Trách chàng Từ Thức vụng suy,
Đã lên cõi thọ về chi cõi trần”.

Câu chuyện vừa qua có ngụ ý chỉ cho người tu mà lòng còn vọng nhiễm trần mê, quỵn luyến cảnh tục tò mò muốn tìm cảnh lạ. Từ Thức mở cửa sau nhìn về biển hồng trần nhớ đến quê hương tức chỉ cho sáu căn còn ô nhiễm sáu trần rồi phải huờn tục, bít đường lên tiên cảnh.

Diễn tích “Đào Nguyên Vạn Lượng” và hai câu giảng của Đức Thầy có ý cảnh tỉnh mọi người rằng *bến mê* là cõi trần tục, đầy sự khổ đau ràng buộc, còn cảnh thanh nhàn siêu thoát của Tiên Phật vô cùng quý báu, thật ngàn vàng khó sánh (đào nguyên vạn lượng). Ai muốn thụ hưởng cảnh thanh nhàn đó, hãy sớm thức tỉnh tu hành dứt lòng trần tục.

CHÁNH VĂN

29. *“Thánh như ghi sách Trung-Dung,
Hiền như thức tỉnh biết dùng người ngay.
Hội thanh hiệp mặt vui vầy,*
32. *Gắng công cố chí lòng này chẳng phai.
Vinh hoa đường thể cúc mai,
Cuối mùa tàn rụi lâu dài đặng dâu.
Thích Ca Đạo vị huyền sâu,*
35. *Rạch tim xem được một bầu linh quang”.*

LƯỢC GIẢI :

Lời dạy của Đức Thánh đã ghi rõ trong sách Đại Học Trung Dung, nếu ai biết thức tỉnh tu thân hành đạo, không thái quá hay bất cập, cứ bước thường theo đạo Trung Dung và giữ tròn hiếu trung ngay thảo, bền chí không phai lợt. Tất đến ngày Phật Tiên lập hội sẽ được sum vầy.

Còn những vật chất vinh hoa phú quý chẳng khác nào các loại hoa cúc, hoa mai, phải tàn cõi theo định luật vô thường. Chỉ có giáo pháp của Đức Phật cao sâu mâu diệu, nhà tu cần quy về tâm trí để xét xem tu sửa mới thành đạt mục đích minh tâm kiến tánh.

CHÚ THÍCH :

THÁNH NHƠN: Người thánh. Bậc được người đời xưng là Thánh triết hay Thánh hiền. Đây chỉ cho Đức Khổng Tử và Mạnh Tử. Hai ông đã khai mở nền Đạo Thánh (Nho giáo) từ thời Chiến quốc bên Tàu đến nay.

SÁCH TRUNG DUNG: Đọc cho đủ là “Đại Học Trung Dung”, một trong Tứ Thư của Đạo Thánh, chủ đích ở câu: “*Đại học chi đạo, tại minh minh đức tại tân dân, tại chỉ ư chí thiện*” (*Bậc đại học của Nho giáo là tu sửa làm sao cho cái đức mình được sáng và dân được tiến bộ để đạt đến chỗ trọn lành của bậc Quân tử.*)

HỘI THANH: Hội của Tiên Phật lập ra rất trong sạch cao khiết, người được dự hội này phải trong sạch, lòng không còn trược nhớ tội ác.

CỐ CHÍ: Bền chí và gắng sức tu hành.

CHẶNG PHAI: Chặng xao lãng lơ là hay thay lòng đổi dạ.

VINH HOA: Sự giàu sang vinh hiển

CÚC MAI: Hai loại hoa thường hay trở vào mùa Xuân và mùa Thu, hoa đẹp và thơm nhưng khi hết mùa rồi cũng tàn rụi.

THÍCH CA: Xem lại chú thích tại Q. Thượng Tập 2/3, tr. 113.

ĐẠO VI: Mùi vị của Đạo rất sâu kín thâm trầm thơm diệu, khó tả. Đức Thầy có câu:

“Mùi đạo diệu gỏi nem khó sánh”. Hoặc:

“Đạo mầu thâm diệu nan tri Lão bày”.

HUYỀN SÂU: Sâu kín mầu diệu.

RACH TIM: *Rach* cũng viết là *vạch*; *tim* là tâm. Đức Thầy từng dạy người tu Phật phải tìm kiếm xét nghiệm nơi tâm mình. Bởi ngoài tâm không có Phật:

“Chẳng nói vắn dài Phật nọ tức tâm”. Hoặc:

“Phật tại tâm chớ có đâu xa,

Mà tìm kiếm ở trên non núi”.(Q.2)

LINH QUANG: Sự sáng suốt tròn đầy nơi tâm linh tự tánh của chính mình:

“Tôi đây cũng dứt giảng kinh,

Nếu ai biết sửa tâm linh mới mầu”.(Q.3)

CHÁNH VĂN

37. *“Mãng còn tư lự tình tang,
Thuyền từ tới bến thanh nhàn bớ dân.*

40. *Hóa công chí thiện cầm cân,
Công bình thưởng phạt thứ dân nào tường.
Sum vầy chiếc nhạn Sâm Thương,*

- Nho văn cảm kính hiền lương của người.
Se sua nói nói cười cười,
44. Cao sâu lý diệu vàng mười khó mua”.*

LƯỢC GIẢI :

Thuyền từ bi của Đức Thầy đưa người khỏi sông mê bể khổ đến cảnh thanh nhàn an lạc. Thuyền ấy nay đã cặp bến. Thế mà chúng dân chẳng rõ cứ say mê cõi đời khổ đau tạm giả, mãi chạy theo quyền lợi riêng tư, chần chờ do dự.

Luật thưởng phạt của tạo công rất công bình chí thiện. Từ trước tứ thầy xa cách như hai ngôi sao Sâm và Thương nay đã sum hiệp là điều quý báu vô vàn. Điều khó gặp mà nay được gặp.

CHÚ THÍCH:

MÀNG: Nghĩa như chữ *mãi*, *mê mang*, *say đắm*:

*“Mảng mê danh lợi đạo lu bù,
Thấy chúng đời này lạc chữ tu”.*

TƯ LƯ: Lo lắng riêng tư.

TÌNH TANG: Tiếng của bản đờn (tình tang), đây chỉ cho sự chần chờ chậm lự, không sốt sắng tinh tấn.

HÓA CÔNG: Đấng/Luật tạo hóa thưởng phạt rất công minh sáng suốt, không thiên vị một ai và một mảy lông cũng không lọt.

THỨ DÂN: Nghĩa như chữ *lê dân*, chỉ cho tất cả dân chúng.

NÀO TƯỜNG: Không rõ biết, không thấu đáo tường tận.

SUM VẬY: Nghĩa của chữ *sum hiệp*. Ý nói từ trước bị cách xa, bây giờ được gặp gỡ lại.

SÂM THUỜNG: Sao Sâm và sao Thương. Sao Sâm là sao Hôm tối mọc về hướng Tây, sao Thương là sao Mai Sáng mọc về hướng Đông. Hai ngôi sao này

không bao giờ gặp hay mọc chung với nhau một lượt. Cổ thi có câu: “*Nhân sanh bất tương kiến động như Sâm dữ Thương*”(Người ta xa cách không gặp mặt được nhau như sao Sâm và sao Thương vậy).

Đây là một thành ngữ xuất phát từ điển tích Yên Bá và Thực Trâm. Hai người vốn là anh em ruột thịt với nhau, con của Cao Tân, thường tranh tụng cãi vã với nhau mãi. Một hôm, thấu tai Ngọc Hoàng, Ngài bèn đày Yên Bá ở phía Đông làm sao Mai (tức là sao Thương), còn Thực Trâm làm sao Hâm (tức sao Sâm) ở phía Tây. Từ đó mỗi người ở một phương không còn được gặp nhau nữa.

Do điển tích này các văn nhân thi sĩ thường dùng thành ngữ nói trên để diễn tả sự xa cách, không gặp mặt được nhau nữa. Cung Oán Ngâm Khúc có câu:

“*Bây giờ nở để cách với Sâm Thương*”.

Và Truyện Kiều cũng có câu:

“*Sâm Thương chẳng vẹn chữ tòng,
Tại ai há dám phụ lòng cố nhân*”.

Ở đây, Đức Thầy dùng điển tích Sâm Thương để chỉ Đức Phật Thầy Tây An với tín đồ đã xa cách từ khi Ngài tịch diệt, giờ có dịp chuyển kiếp trở lại, Thầy trò được sum hiệp nên Đức Thầy mới viết câu:

“*Sum vậy chiếc nhạn Sâm Thương*”.

NHO VẠN: Những người có học vấn thâm hiểu và ăn ở theo đạo Nho (Thánh hiền).

CẢM KÍNH: Lòng cảm mến và kính trọng.

CAO SÂU LÝ DIỆU: Lý lẽ luận giải rất cao sâu mâu diệu, khó nghĩ bàn được, chỉ cảm nhận trong tâm ý của mình thôi:

“*Vô thượng thậm thâm dĩ ý truyền*”(Q.5).

VÀNG MƯỜI: Vàng đủ chữ, tốt hơn hết. “*Vàng mười, bạc bảy, thau ba*”(Tục ngữ). Ý nói lời giáo pháp của Đức Thầy nói ra, người nghe cảm nhận mà làm theo được còn quý giá hơn vàng bạc. Đức Thầy có câu:

“*Hành y thì đáng vàng mười*”(Dặn Dò Bỏ Đạo).

CHÁNH VĂN

45. “*Trần gian thiếu trái chi chua,
Bây giờ trái ngọt không mua bởi mình.
Tới đây cạn lẽ phân minh,
Quyết đem chơn lý dựng gìn Phật gia.
Tài sơ trí siển nôm na,*
50. *Mặc tình chê ghét phận ta, ta tường”.*

LƯỢC GIẢI :

Đoạn trên ý nói từ trước đã có nhiều tà đạo ra đời dắt dẫn sai chơn lý (chua). Nay may mắn được Đức Thầy khai truyền chánh đạo đúng theo giáo pháp vô vi của Đức Phật (ngọt). Nếu chúng sanh nào chẳng giác tỉnh nương theo đó là tại mình chớ không đổ thừa cho ai được.

Đức Giáo Chủ đặt chơn đến xã Mỹ Hội Đông giải bày giáo pháp thật là phân minh cạn kẽ. Đó là Ngài muốn nêu cao ngọn đèn chơn lý để vun quén nền đạo Phật. Tuy nhiên, Ngài cũng rất khiêm nhượng đối với quần chúng là không thông thạo cho lắm mà chỉ nôm na ít lời thôi, tùy bá tánh có chê khen cũng mặc.

CHÚ THÍCH :

THIẾU CHI: Cũng như chữ *thiếu gì* . Có nghĩa là nhiều lắm, không kể xiết. Ý nói các môi tà đạo ra đời nhiều lắm, không kể xiết.

TRÁI NGỌT: Chỉ cho chánh đạo, đúng chơn lý của đạo Phật.

PHÂN MINH: Phân bày một cách sáng suốt rành rẽ cao sâu.

CHON LÝ: Lý lẽ chơn chánh, phản nghĩa với ngụ lý.

PHẬT GIA: Nhà Phật, đạo Phật. Trong Khuyển Thiện (Q.5), Đức Thầy có câu:

*“Nền đại đạo lưu thông khắp cả,
Bậc Tiên hiền đều trọng Phật gia”.*

TÀI SƠ TRÍ SIÊN: Cũng gọi là *trí siển tài sơ*. Có nghĩa tài đức còn non kém, trí năng còn cạn cợt. Đây là tiếng tỏ ý khiêm nhượng. Đức Thầy từng nói:

“Phận tài sơ xin hãy thứ tha”(Diệu Pháp Q/Minh)

CHÁNH VĂN

51. *“Thoảng qua mùi diệu phô trương,
Kêu dân mau tỉnh trong trường mộng xuân.
Keo sơn dâu cất liền lưng,
Thấy trong bá tánh nửa mừng nửa lo.
Mừng là mừng việc hay ho,
56. Lo là lo việc ố sò trải qua”.*

LƯỢC GIẢI :

-Lời pháp diệu của Đức Thầy vừa thốt ra rất sâu màu khó tả để khuyên mỗi người đang mê say trong ảo mộng hãy sớm hồi tâm thức tỉnh, lo thương yêu đoàn kết lẫn nhau.

Ngài cũng xét trong dân chúng hiện giờ đang gặp cảnh vui mừng, mà lắm lo âu là phải đương đầu với cảnh đau buồn sắp tới đây. Mừng là bấy lâu tở thầy xa cách mà nay sắp gặp lại. Còn buồn lo là trong Đạo cũng sắp gặp hồi pháp nạn và bao nhiêu sự khó khăn dồn dập tới. Tức là trên đường tiến tu từ đây tới ngày Tở Thầy sum hiệp, chúng ta còn phải gặp bao lần thử thách gai chông nữa.

CHÚ THÍCH

THOẢNG QUA: Bay phớt qua, cũng như mùi hương vừa phất qua.

MÙI DIỆU: Nói đủ là *mùi đạo diệu*. Ý nói mùi đạo tuy không có hình tướng, nhưng ai nếm vào nghe nó thâm trầm khó tả:

***“Mùi đạo diệu gỏi nem khó sánh,
Chón trà đình xa lánh vắng lai”.***

MAU TỈNH: Sớm tỉnh.

MỘNG XUÂN: Giác mộng ban đầu mới chớm phát, người ta xem nó đẹp lắm, nghĩ nó lâu dài không dè thời gian rồi cũng hết.

KEO SƠN: Chất keo và nước sơn, hai loại này có độ dính như nhau khó sút. Nghĩa bóng chỉ tinh thần đoàn kết rất mực giữa bạn bè anh em hay đoàn thể dân tộc.v.v..

***“Chữ bạn tác dù cho đến chết,
Cũng keo sơn gắn chặt mới là”.***

ĐÀU CẬT LIÊN LUNG: Cũng gọi là *xây lưng đầu cật*. Ý nói tinh thần đoàn kết chặt chẽ. Ví dụ: Mọi người đều biết một lòng một dạ xây lưng đầu cật lại thì không ai chen vào chia rẽ được: *“Đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết”*. Trong bài Tiếng Chuông Cảnh Tĩnh có câu:

***“Anh em lớn nhỏ quây về,
Hiệp nhau một khối chớ hề phân ly”.*** Hoặc là:

***“Chớ chia rẽ hãy đồng tâm lực,
Khuai giọng vàng đánh thức bốn phương.***

Chân hưng Phật giáo học đường,

Dưới trên hòa thuận chọn đường qui nguyên”.

MỪNG VIỆC HAY HO: Việc mừng này chẳng phải Đức Giáo Chủ nói riêng cho số tín đồ xã Mỹ Hội Đông mà nói chung cho tất cả. Từ khi chúng ta đã qui y với Ngài trong nhiều kiếp mà nay chưa thành quả nên Ngài phải chuyển hóa lại độ chúng ta, đó là điều vui mừng.

LO VIỆC ỐC SÒ TRÁI QUA: Là chỉ trên đường tiến tu tập hạnh từ đây tới ngày tới thầy sum hiệp, chúng ta

phải đương đầu lắm cuộc chông gai, bao lần pháp nạn mới đạt tới đích:

*“Trải qua một lúc sỏi sành,
Trung vọng hòa hiệp mới đành lòng đây”.*

CHÁNH VĂN

57. *“Tĩnh tâm mượn lấy thi ca,
Giác dân hướng thiện chánh tà phân minh.
Rèn lòng giữ dạ sắt đĩnh,
Đừng phai đừng lợt thân mình thanh thoi.
Biển trần lao lý diệu vui,*
62. *Khổ tâm chắt lưỡi chiều moi phải rồi”.*

LƯỢC GIẢI :

Đoạn trên, ý nói trước đây Đức Giáo Chủ đã tỉnh thức tu hành tâm ra chánh đạo, giờ đây chuyển kiếp lại giác tỉnh quần sanh sớm xa lánh điều tà gian hung ác để hướng theo con đường chánh chơn thiện mỹ. Và trên bước tu thân lập hạnh, chúng ta phải nhứt tâm bền chí giữ vững lập trường thủy chung duy nhứt, dầu vật chất câu như cũng không siêu, tà sư quyến rũ cũng không ngã. Được vậy sau này mới thông dong trên cõi Tiên Phật.

Đức Thầy cũng giác tỉnh mọi người hiểu rõ cõi hồng trần chúng ta đang sống, phải chịu bao cảnh khổ sâu mênh mông như bể cả, những vật chất phù hoa đều đi theo định luật vô thường mà tan biến: *“Tang điền thương hải”*. Đến đó ta có hối tiếc chỉ làm khổ thêm chớ cũng không giữ lại được.

CHÚ THÍCH :

TỈNH TÂM: Lòng thức tỉnh sáng suốt.

THI CA: Những bài văn thơ hát ca bằng vận văn, có nhạc điệu trầm bổng như các loại thi ca trong văn chương từ trước tới giờ:

“Tay chèo miệng lại hát ca,

Ca cho bá tánh biết đời loạn ly”.(Q.1)

GIÁC DÂN HƯỚNG THIÊN: Khuyến hóa dân chúng biết hướng về con đường lành, tránh xa điều hung ác. Đức Thầy từng dạy : ***“Vi lộ thiên oai bảo giác dân”.***

CHÁNH TÀ PHÂN MINH: Phân giải lẽ chánh nẻo tà một cách rành rẽ sáng suốt cho mọi người nghe mà chọn lọc.

DA SẮT ĐÌNH: Lòng cứng như sắt thép.

BIÊN TRẦN: Cũng nói *bể trần*: cõi đời được ví như biển cả mênh mông, nơi đó có biết bao đau khổ.

LAO LÝ: Lao lung, tù tội, mất tự do.

DIÊU VỢI: Cũng viết là *diệu vợi*. Có nghĩa xa thẳm, mênh mông không thể đo lường được.

CHẤT LƯỖI: Cũng viết là *tắc lười*, bặt lười thành tiếng kêu. Ở đây có nghĩa là tiếng kêu than vì hối tiếc một việc gì đã qua.

CHÁNH VĂN

63.

“Nhìn xem tâm não bồi hồi,

Sơ nhi đã lậu phá mỗi vinh vang.

Chùng nào kim phụng hòa loan,

66.

Đông Tây vô lự mới an sự đời”.

LƯỢC GIẢI :

Đến đây Đức Giáo Chủ xét thấy cảnh điều linh thông khổ khắp thế giới chúng sanh mà lòng Ngài rất bồi hồi cảm động. Vì cơ trời đã tiết lộ, vạn vật trong thế gian sắp đến kỳ biến đổi, những cái gì có hình tướng giả tạm hay xấu ác đều bị biến cải được an lành tốt đẹp hơn.

Ngài đã tiên tri, cũng là ước vọng chung đến một ngày nào đó, những người hiền lương đức hạnh sẽ được hòa hiệp vui tươi, không còn lo sợ. Chính ngày ấy dân

chúng khắp hoàn cầu đều chung hưởng cảnh thái bình an lạc.

CHÚ THÍCH :

SƠ NHI ĐÃ LẬU: Từ trước tới giờ việc thiên cơ biến động trong trời đất, khó ai biết được. “*Thiên võng khôi khôi sơ nhi bất lậu*”. Mà nay Đức Giáo Chủ lại tiết lộ cho mọi người được rõ:

**“Việc thiên cơ Khùng tỏ hết tron,
Cho trần hạ tường nơi lao lý”**.(Q.2)

VINH VANG: Thịnh vượng, vẻ vang, vinh dự.

“Quân thần phụ tử vinh vang”.

(Từ Giã Bỏ Đạo Khắp Nơi)

KIM PHỤNG HÒA LOAN: Phụng và Loan đồng một loại trong bốn con thú linh (Long, Lân, Qui, Phụng). Sở dĩ xưa nay văn chương thường dùng chung với nhau là vì con trống là *phụng*, con mái là *hoàng* hay *loan*. Hai chim này hòa hiệp với nhau là thành hạnh phúc vui tươi. Văn chương dùng từ này để chúc mừng cho đôi vợ chồng mới cưới nhau: “*Loan phụng hòa minh, sắc cầm hảo hiệp*”.

Ở đây, Đức Thầy dùng thành ngữ này để chỉ cho sự trùng phùng sum hiệp giữa thầy trò, tôi chúa, trong ngày Thương ngươn Thánh đức tới đây:

“Hiền lành chừng đó sum vầy,

Quân thần cộng lạc mấy ngày vui chơi” (Q.3)

Và: “**Phải ngóng chờ cho phụng gặp kê,**

Ấy thời đại Thánh Tiên trở mặt” (Nang Thơ C.Tú)

ĐÔNG TÂY: Hai hướng trong bốn hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc; nhưng chữ Đông Tây ở đây Đức Thầy chỉ cho khắp các hướng tức khắp thế giới.

VÔ LỰ: Không còn lo lắng khổ sở: “*Vô sự vô lự là tiểu Thần Tiên*” (Sách Thánh), cho nên chữ *Vô lự* ở đây

dùng chỉ cho cảnh Tiên của đời Thượng nguyên Thánh đức:
“*Thượng nguyên hồi phục là ngày an cư*”.

CHÁNH VĂN

67. *“Thừa vưng sắc lệnh của Trời,
Cùng ông Phật Tổ giáo đời khuyên dân.
Bây lâu chạnh cảm ô ngân,*
70. *Bây giờ hiệp mặt phân trần sạ duan.
Đập dồi gió kếp mưa đơn,
Đau thương vì bởi nghĩa ơn chẳng tròn.
Bày ra thiên lý héo von,*
74. *Giấu trong tim óc lòng son chẳng đành.
Trải qua một lúc sỏi sành,*
76. *Trung ương hòa hiệp mới đành lòng đây”.*

LƯỢC GIẢI :

Đoạn này Đức Thầy cho biết Ngài lâm phạm khai đạo giáo dân là vâng sắc lệnh của Đức Ngọc Đế và Đức Phật Tổ Thích Ca. Từ lâu tứ thầy xa cách như Ngưu Lang Chức Nữ cách nhau hai bên bờ sông Ngân, nay có dịp gặp lại để thầy trò phân trần lẽ đạo, hầu nói bước đường tu tiến.

Trên con đường hóa Đạo, Ngài phải đương đầu với bao lần pháp nạn, miệng thế đồ kỵ khinh chê, những nỗi khó khăn dồn dập. Bởi giữa Ngài và tín đồ cùng khắp nhân sanh trong đời mật pháp có niềm ân nghĩa rất sâu đậm từ nhiều tiền kiếp.

Căn cứ vào lý Thiên Đình, Ngài nhận xét trong khắp chúng sanh đến hồi tai họa để đền trả những tiền nghiệp. Ngài cũng rất đau lòng muốn bày tỏ cho mọi người được thấy, lại e họ không tin rồi kết thêm tội lỗi, nhưng dấu kín trong lòng thì không nỡ; buộc Ngài phải hé mở đôi chút cho mọi người được biết. Tới đây khắp chúng sanh phải trải qua bao lần thiên tai địa ách, giặc loạn chiến

tranh, cho đến khi nào chư Phật Thánh Tiên hòa hiệp tại trung ương, Ngài mới đành dạ như Ngài đã cho biết:

***“Biết chừng nào được qui nhứt thống,
Khấp hoàn cầu dân biết thương nhau.
Nhắc ra thì dạ ngọc đốn đau,
Không nhắc đến biết đâu dân sửa”.***

CHÚ THÍCH :

SẮC LỊNH CỦA TRỜI: Trời là chỉ vua Trời Đế Thích, vị vua ở cõi trời Đao Lợi (hay Đao Ly); cõi này đứng thứ nhì trong 6 cõi Trời Dục giới, cao hơn cõi Trời Tứ Thiên Vương và thấp hơn cõi Trời Dạ Ma. Đức Đế Thích rất gắn bó với đạo Phật, từng khuyên đức Thích Ca xuất gia, từng hiện thân nghe pháp sau ngày Phật Thích Ca thành đạo, có cùng bốn đại thiên vương hiện xuống tiễn Phật nhập Niết bàn; Ngài hằng hộ trợ Tam Bảo. Nho học và Lão học thì gọi vua Trời Đế Thích là Ngọc Hoàng Thượng Đế, cõi Trời Đao lợi là Thiên đường, Thiên đình. Đức Thầy từng nói:

***“Cúi đầu tâm trước cửu trùng,
Ngọc Hoàng ban chiếu Lão Khùng giáo dân”.***

(Dặn Dò Bốn Đạo)

“Được lệnh Thiên Hoàng nấy sai ta”.

Hoặc là :

***“Lời văn tao nhã hữu tình,
Bồi vâng sắc lệnh Thiên đình sai ta”.***

PHẬT TỔ: Là chỉ Đức Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài là Giáo Chủ đạo Phật toàn cõi Ta bà. Nay sắc lệnh cho Đức Huỳnh Giáo Chủ lâm phạm độ thế:

***“Ngọc tòa Phật Tổ ấy sai ta,
Xuống cứu thế gian nẻo vậy tà”***(Tối Mừng Một)

Và: ***“Ta thừa vưng sắc lệnh Thế Tôn,
Khấp hạ giải truyền khai đạo pháp”***
(Diệu Pháp Quang Minh)

Ô NGÂN: Cùng với các chữ cầu Ngân, sông Ngân hay mưa Ngâu. Tất cả đều xuất phát từ *điển tích Ngưu Lang Chức Nữ*. Hai người vốn là 2 ngôi sao trên trời (sao Ngưu và sao Chức). Ngâu là do chữ Ngưu đọc trại. Chàng Ngưu Lang thì lo việc chăn nuôi cày cấy, nàng Chức Nữ thì lo thêu dệt vá may, làm việc rất siêng năng. Thượng Đế thấy thương, cho hai người kết duyên tơ tóc, nhưng khi có đôi bạn, hai người lại sanh ra lười biếng. Thượng Đế bắt tội, đày mỗi người mỗi nơi, cách sông Ngân Hà, hằng năm cứ đến ngày mừng bẩy tháng bẩy mới cho hai người gặp mặt nhau một lần tại bến sông Ngân.

Vì cách nhau suốt năm trường, khi hai người gặp lại nửa mừng nửa tủi, nước mắt rơi xuống thành những đám mưa phùn. Cho nên từ trước tới nay người ta thường gọi mưa phùn vào lúc tháng bẩy là mưa Ngâu (mùng ra nước mắt).

Tương truyền lúc Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau có chim Ô Thước (chim quạ hoặc chim khách) đội đá bắc cầu cho đôi chàng hiệp mặt. Vì thế chung quanh điển tích này, các nhà văn còn dùng thêm các từ ngữ như: *Ô thước* hay *Cầu đá sông Ngân*.

Tóm lại, tất cả từ ngữ có liên quan đến điển tích nói trên đều có ngụ ý chỉ cho *sự trùng phùng*. Từ vua tôi, thầy trò hoặc chồng vợ có duyên lành liên hệ với nhau dù bị xa cách thế nào hay thời gian bao lâu đi nữa cũng có ngày trùng phùng hội hiệp. Truyện Quan Âm Thị Kính có câu: “*Thiệt công Ô Thước bắc cầu*”.

Và Đức Giáo Chủ PGHH cũng từng nói:

**“Mảng sợ sông Ngân cầu lỗi nhịp,
Lo chi Ô Thước chẳng xong cầu”**

(Nhẫn Đợi Thời Cơ)

PHÂN TRẦN: *Phân* là chia ra; *Trần* là bày tỏ.

Nghĩa chung, *phân trần* là bày tỏ hay lý giải một việc gì

đó có thứ lớp rõ ràng mạch lạc. Đức Thầy từng viết:

“Phân trần cụ lão chuyện người tu”.

SA DUƠN: Cũng viết là *sự duyên*. Có nghĩa là duyên do từ sự việc. (Phải chăng là cả vùng này, các cụ đồ xưa đều cử tên bá hộ Sự, nên chép thành chữ Sa).

GIÓ KÉP MƯA ĐƠN: *Đơn* là một, *kép* là hai. Ý nói mưa bão hết đám này tới đám khác kế tiếp không ngưng. Nghĩa bóng là chỉ cho tai nạn khổ sở dập dồn, hết nạn này tới nạn nọ. Đức Thầy xác định:

**“Dầu mắc phải mưa đơn gió kép,
Cũng chuyên trì mà dẹp gai chông”.**

(Cho ông Cò Tàu Hảo)

THIÊN LÝ: Lý lẽ của trời đất màu diệu khó tả nhưng không ngoài cái đạo. Đức Thầy cho biết:

**“Thiên ý không riêng mỗi đạo màu,
Rằng truyền yếu lý nhiệm cao sâu”.**

(Thiên Lý Ca)

HÉO VON: Cũng viết là *héo đơn* hay *héo hon*. Có nghĩa mất sự tươi tắn, mất hết sinh khí, mãi lo lắng nghĩ ngợi, *héo von* cả người. Ở đây, ý muốn nói Đức Thầy vì quá thương xót chúng sanh mà héo von ruột tằm, đau đớn, xót xa héo hắt thâm lặng trong lòng.

LÒNG SON: Do chữ *đan tâm*. Có nghĩa lòng trung thành tốt đẹp, cứng bền và trong sạch, không bợn nhơ tội lỗi, có thể ví như son đỏ. Đức Thầy bảo:

**“Côi Trung Ương luân chuyển phương Nam,
Mở hội Thánh chọn người trung hiếu”.**

Hoặc là:

**“Trung Ương tam côi đều hòa mặt,
Ta mới thanh thoi trở gót hài”.**

Ngài cũng không ngần ngại chỉ ngay vị trí:

**“Côi Trung Ương nhằm đất nước Việt Nam,
Chọn một chàng tuổi trẻ tục phàm,
Mượn tay gả tờ hoa thân hạ bút”.**

(Trao Lời Cùng Ông Táo)

CHÁNH VĂN

77. *“Hoàn cầu trái đất chuyển xoay,
Góm ghê cho chúng phơi thầy muôn ngàn.
Ngày nay đạo đức chẳng màng,
Rồi sau dầu có tiền ngàn khó mua.
Biển sông lặn lội hơn thua,
82. Tự thân tạo lấy mà mua cái sâu”.*

LƯỢC GIẢI :

Căn cứ theo luật tuần hoàn của trời đất thì quả địa cầu của chúng ta đang sống lúc nào cũng vận chuyển và biến đổi luôn. Nay đã sắp tới hồi tai khổ. Bởi bao nạn đao binh nước lửa của thế chiến thứ hai đang lan diễn khắp hoàn cầu làm cho nhân loại phải điêu linh thống khổ: *“Thiếu đạo đức sắt gan cũng chảy”* (TS). Hiện giờ, nếu chúng ta chẳng lo trau dồi tâm đức, tu thân lập hạnh thì sau này dầu có tiền ngàn bạc vạn cũng không mua chuộc được.

Đức Thầy cảnh giác những người mãi lặn ngụp trong sông mê bể khổ, tham lam giành giật tước quyền. Chính đó là cái nghiệp nhân do mình tạo, rồi cũng tự mình gặp quả đau sâu, không sao tránh khỏi.

CHÚ THÍCH:

TUẦN HUỒN: Định luật xoay vần của trời đất do câu: *“Thiên địa tuần hoàn châu nhi phục thủy”* (Luật trời đất hề xoay giáp vòng thì trở lại chỗ khởi đầu).

ĐẠO ĐỨC: Xem lại chú thích Q. Trung, tr. 10.

CHẲNG MÀNG: Chẳng bận tâm lo nghĩ đến.

CHÁNH VĂN

83. *“Phật nhờn, tạo hóa một bầu,*

*Kẻ thanh người trước mới hầu khác nhau.
Thân này sá quần cần lao,
Miễn cho bá tánh được mau an nhàn.
Ngũ niên viễn lự cơ hàn,
88. Đến chừnq quy phục Hón Đàng mới yên”.*

LƯỢC GIẢI :

Đoạn giảng trên Đức Thầy cho biết chư Phật với chúng sanh đều sống chung trong một bầu trời, cũng ăn cũng mặc và sự sinh hoạt giống nhau, chỉ khác ở chỗ người thì trong sạch hiền lương, kẻ thì ác hung như trước.

Trên đường truyền Đạo dù gặp cảnh gian lao khổ khó Ngài cũng chẳng nài hà, miễn làm sao cho khắp bá tánh đều được an nhàn hạnh phúc là Ngài vui lòng. Ngài còn cho biết sắp tới đây dân chúng đồng chung chịu cảnh cơ hàn đói khổ suốt năm năm dài, cho đến khi nào đất nước thống nhất về một mối thì bá tánh mới toại hưởng cảnh thái bình an lạc (xem điển tích trong mục chú thích chữ “Hón Đàng” bên dưới).

CHÚ THÍCH :

PHẬT: Phạn ngữ: *Boudha*, cũng đọc: *Bụt*, đọc đủ: *Phật-đà*. Trung Hoa dịch: *Giác giả* (người sáng suốt). Tiếng này dùng chỉ đấng viên giác (giác ngộ hoàn toàn), đấng đã tự giác còn giác ngộ cho chúng sinh; hai hạnh *tự giác* và *giác tha* Phật đều làm trọn vẹn nên được gọi: *Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn*.

NHON: Là người đã tu tròn như đạo và làm được 5 điều lành (ngũ giới) nhưng chưa thoát khỏi tam giới (dục giới, sắc giới, vô sắc giới), còn phải đọa lạc luân hồi.

TAO HÓA: Cũng viết là *tạo công* hay *lẽ trời*, ý chỉ hầu hết chúng sanh đều sống chung dưới một vòm trời và tin tưởng dưới sự cai quản của đấng tạo hóa.

THANH: Trong sạch chơn chánh.

TRƯỚC: Nơ ấu hung ác.

SÁ QUẢN: Không nệ thân cực nhọc, đem thân tâm làm lợi ích cho đời mà chẳng ngại sự gian lao khổ khó. **“Anh hùng đâu sá cảnh gian lao”**(Quyết Rút Cà Sa).

NGŨ NIÊN: Năm năm.

VIỄN LƯU CƠ HẠN: *Viễn lư* là lo xa (thời gian dài). *Cơ hàn* là đói lạnh (nghèo khổ). Nghĩa chung là năm năm dài dân ta chịu cảnh đói rách nghèo khổ. Có thể ám chỉ từ năm 1939 đến năm 1945 (từ khởi đầu thế chiến thứ nhì đến khi chấm dứt).

HÓN ĐÀNG: Cũng gọi là nhà Hán hay Hón bang, một triều đại ở Trung Quốc (202-220 TCN) chỉ cho thời Tần Thủy Hoàng và Hạng Võ: Khi nhà Tần gồm thâu lục quốc, dùng chính sách nghiêm ngặt đối với dân chúng. Tần ra lệnh gom hết sách vở của Khổng Giáo lại mà đốt và chôn sống các anh tài nho sĩ (phần thơ khanh nho); dân trong nước ai ai cũng oán hận.

Bấy giờ có Hán Lưu Bang và Sở Hạng Võ hiệp với vua Hiến Đế đứng lên diệt bạo Tần. Nhưng Sở Hạng Võ ác độc dùng chính sách bá đạo không thua bạo Tần ý mạnh phản lời bội ước (Ai diệt được bạo Tần trước thì được cầm đầu thiên hạ) chỉ phong cho Lưu Bang làm Hán Trung Vương và buộc vào trấn đất Ba Thục.

Ở đây 5 năm trường, Hán Vương tu chính binh mã, chọn Tiêu Hà trông coi việc chính, Trương Lương làm quân sư và Hàn Tín làm Đại tướng, rồi kéo binh trở ra diệt Hạng Võ thống nhất sơn hà. Hán Vương liền lên ngôi Hoàng Đế, tức vua Cao Tổ nhà Hán, chấm dứt được cuộc nắng Sở mưa Tần từ đó. Bá tánh nơi nơi đều ca khúc khải hoàn, an cư lạc nghiệp.

Dùng điển tích trên, Đức Thầy có dụng ý chỉ cho chánh sách ác độc của người Pháp đối với dân chúng Việt Nam thời đó cho đến khi an định, như Ngài từng nói:

“Còn một cuộc mưa Tần nắng Sở,

Trải qua rồi việc đỡ hóa hay”.(Thu Đã Cuối)

Và:

*“Chừng nào ta gặp Hồn Hoàng,
Chúng sanh mới hết phàn nàn số căn”.*

CHÁNH VĂN

89. *“Bao la cảnh Phật cõi Tiên,
Tùng mai liễu trúc hữu duyên khoe màu.
Ngũ vân năm sắc năm màu*,*
92. *Kìa qui nợ phụng lao xao vui mừng.
Vang vầy sấm nổ chuyển luân,
Kiêng tiên lộ vẻ vui mừng cha con.
Bấy lâu nghĩa nợ tiêu mòn,*
96. *Ngày nay hiệp mặt hết còn thờ than”.*

**(Có bản chép là: “Trường vân năm sắc năm màu”.*

Theo ông Lâm Thế Xương (một tín đồ kỳ cựu ở Mỹ Hội Đông) xác định, lúc đó ông chép: “Trường vân năm sắc năm màu” mới đúng văn. Bởi “vân mây lành năm sắc” có lý hơn “ngũ vân năm sắc năm màu”, điệp văn).

LƯỢC GIẢI :

Đến đây, Đức Giáo Chủ diễn tả cảnh Tiên Phật đủ loại kiêng vật: Tùng mai liễu trúc, đua nở vui tươi, nào là những vùng mây lành ngũ sắc, nào long lân qui phụng chào mừng ca múa. Bấy giờ có những tiếng sấm xoay chuyển cõi trần gian trở thành cảnh Tiên Thánh, tạo nên phong trào vui mừng tươi đẹp. Từ trước tới giờ những người có duyên lành với Đức Thầy cũng như Phật Thánh xa cách, cuộc đền đáp nghĩa ân còn rời rạt. Giờ đây nhân duyên hội đủ sum hiệp vui mừng, các môn đệ không còn thờ than trông đợi.

CHÚ THÍCH :

TÒNG MAI LIỄU TRÚC: Bốn loại kiếng này thường mọc ở cảnh Tiên, hoặc người ta hay trồng nơi các sân kiếng để xem vui tươi đẹp mắt.

TƯỜNG VÂN: Bức mây hay khóm mây lành, chư Phật Tiên hay nương các vùng mây này để đi đây đi đó hoặc cứu độ chúng sanh. Các khóm *tường vân* (mây lành) năm sắc bay đến đâu thì có chư Phật Tiên lâm phạm đến đó.

***“Mắt nhìn thấy thân thông biến hóa,
Đức Di Đà hiện chói hào quang...”***

(Xuân Hạ Tác Cuồng Thơ)

NĂM SẮC NĂM MÀU: Nghĩa của chữ *ngũ sắc* tức *xanh, đỏ, trắng, vàng, hồng*. Chư Phật hay dùng hào quang năm sắc để tiếp độ những người được chứng đạo hoặc gặp tai nạn:

***“A Di Đà nhìn xem khắp cõi,
Đặng trông chờ mong mỗi chúng sanh.
Hiện hào quang ngũ sắc hiển lành,
Đặng tìm kiếm ngưỡng người hiền đức”***. (Q.2)

KIẾNG TIÊN: Cảnh Tiên. Theo Cơ Sám của BSKH và PGHH cho biết thì cảnh đời Thượng ngươn Thánh đức tới đây giống như cảnh Tiên. Trong Kim Cô Kỳ Quan:

“Lập Thượng ngươn tuổi cả dư muôn”.

Bởi con người sống cõi ấy vẹn tròn nhân đạo và không ai vi phạm 8 điều răn cấm. Đức Thầy thường khuyến cáo:

***“Cả kêu kìa hồi là ai,
Quan trường rời rút mặt mày chùi lau.
Lui chơn ra khỏi cho mau,
Tầm trong lánh đục tẩu đào mới ngoan.
Theo ta đến chốn Tiên bang,
Đặng coi các nước hội hàng Năm Non”***.

(Thiên Lý Ca)

Và: **“Tiên cảnh kìa kìa gần lộ về,
Chờ người hữu phước đến Liên đài”.**

Hoặc:

**“Thi tả cảnh bỗng lai tại thế,
Nếu chần chờ e trễ kỳ thi”.**

(Xuân Hạ Tác Cuồng Thơ)

CHÁNH VĂN

97. **“Các nơi liệt quốc chư bang,
Chúc cầu bình trị trướng loan sum vầy.
Bây giờ làm việc tà tây,**
100. **Ngày sau bị khốn tội rày điêu ngoa.
Biết khôn tìm kiếm Ma ha,**
102. **Một câu Lục tự nhà nhà bình an”.**

LƯỢC GIẢI :

Đoạn này ý nói đến ngày kết cuộc, các quốc gia trên thế giới đều sum họp hát khúc khải hoàn và chúc mừng khắp nơi thái bình thịnh trị. Nếu bây giờ bá tánh chẳng lo tu thân lập hạnh mãi chạy theo làm việc tà tà, điêu ngoa xảo trá, ắt sau này phải bị nạn tai khốn khổ.

Đức Thầy cũng khuyến khích, mọi người nên dùng trí sáng của mình mà nhận xét để sớm nương theo chánh đạo, niệm Phật làm lành. Bởi trong giáo lý có dạy pháp niệm Phật, là một pháp tu thẳng tắt và tiện lợi nhất cho người hành đạo. Chỉ có sáu chữ NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT, nếu ai cố gắng trì hành sẽ có kết quả Huệ lẫn Phước. Và được nước thanh, nhà an, gia đình thuận thảo, đời sống an vui hạnh phúc. Bởi người biết lo niệm Phật làm lành thì luôn đền trả được tứ ân, đổi mười điều ác ra mười điều lành tinh thần sáng suốt, dứt sạch niệm trần. Chẳng những kết quả hiện tại mà tương lai còn đăng siêu sanh lạc cảnh.

Như cách đây khoảng 50 năm (1952) tại xã An Hòa, quận Chợ Mới, tỉnh An Giang, Nam phần Việt Nam, có bà Tư là thân mẫu ông Châu Văn Phổ. Bà đã qui y theo PGHH từ năm 1940 tu theo hình thức cư sĩ. Sự tu của bà rất tinh tấn và chí tâm làm lành niệm Phật.

Một hôm, bà Tư và các cháu của Bà lên nhang đèn lễ bái thời công phu tối. Lễ bái xong, bà đang qui niệm Phật trước ngôi Tam Bảo, các cháu của bà thì qui ở phía sau, bỗng có ánh tường quang ngũ sắc rọi sáng vào nhà. Thấy ánh sáng lạ thường, các cháu của bà liền chạy ra khỏi nhà la lên: Nhà cháy ! Nhà cháy !!!

Những gia đình xung quanh nghe đều nhìn về hướng nhà thấy trên nóc nhà của bà Tư có vàng hào quang đủ 5 sắc. Độ hai phút sau thì ánh hào quang tan đi, ai nấy đều chạy đến nhà thì thấy bà Tư từ trần trong lúc đang ngồi niệm Phật. Khi đưa đám tang bà, ai nấy đều thì thào tán thán về sự niệm Phật được *kết quả vãng sanh* của bà. (Ghi theo quyển “Đường về Phật” của Cư sĩ Trần Đức).

CHÚ THÍCH :

LIỆT QUỐC: Các nước trên thế giới.

CHƯ BANG: Nhiều nước hay chỉ tất cả các nước trên toàn cầu.

BÌNH TRI: Thái bình thịnh trị, tiếng cầu chúc cho nhau.

TRUỐNG LOAN: Bức màng có thêu hình chim loan. Nghĩa bóng là chỉ cho sự sum hiệp.

TÀ TÂY: Làm những việc riêng tư, tà vạy lén lút dối trá, có lợi cho mình mà hại cho người khác. Nghĩa bóng là chỉ những người chạy theo làm việc cho Pháp, có hại cho dân cho nước. Đức Thầy từng khuyên:

***“Cứ lo làm việc tà tây,
Bắt ngu bắt cầy dựng chúng làm ăn.
Chừng đau niệm Phật lãng xãng,***

Phật đâu cứu kịp lòng người ác gian”.

CHÁNH VĂN

103. *“Xa xuôi đường sá dặm tràng,
Khó bề lui tới rồi nhàn lao lung.
Lo bề cúc dục cội thung,
Nghe lời Thầy dạy việc chung của đời.
Bút nghiên tạm gác đợi thời,*
108. *Chúc cho bá tánh xét đời biết ta”.*
Mỹ Hội Đông, ngày 22-1 Canh Thìn (1940)

LƯỢC GIẢI :

Đây là đoạn kết bài Viếng Làng Mỹ Hội Đông. Đức Giáo Chủ muốn nói với môn đồ: Những ai ở xa xôi không tiện lui tới thăm viếng để Ngài khuyên dạy thêm lời đạo lý; thì lúc còn ở chung gia đình phải chăm lo báo đáp công ơn sanh thành dưỡng dục của ông bà cha mẹ, đồng thời phải lo làm hết các việc lành đối với cộng đồng xã hội để đáp ơn đồng bào chung tộc.

Chót hết, Ngài không quên nhắc nhở bá tánh hãy dùng trí tuệ mình mà xét biết mọi việc trong thế gian để hiểu Ngài như thế nào.

CHÚ THÍCH :

DẶM TRÀNG: Khoảng đường dài, ý chỉ đường đi xa xôi.

RỒI NHÀN: Cũng viết là *nhàn rồi*, có nghĩa là rảnh rang không có gì để bận.

LAO LUNG: Cái chuồng và cái lồng để nhốt các súc vật. Ý chỉ cho sự cực khổ lao nhọc, không rảnh rỗi như bị nhốt trong tù.

CÚC DỤC: Sanh đẻ và nuôi nấng. Hai trong 9 chữ cù lao: 1.Sanh (cha sanh), 2.Cúc (mẹ đẻ), 3.Phủ (vỏ vè), 4.Dục (nuôi dạy cho khôn), 5.Cô (trông nom), 6.Phục

(quần quít), 7.Phụ (nâng nhắc), 8.Súc (nuôi cho lớn), 9.Phúc (bồng bế). Đây là chỉ công ơn khó nhọc của cha mẹ đối với người con. Sách Hán học có câu:

“Phụ hệ sanh ngã, mẫu hệ súc ngã, ai ai phụ mẫu sanh ngã cù lao; dục báo thâm ân hạo nhiên vãng cực”.(Cha sanh ta, mẹ nuôi ta, thương thay ! Cha mẹ nuôi ta khó nhọc. Muốn đáp ơn sâu ấy, nhưng trời cao khôn cùng).

Kinh Phụ Mẫu Báo Hiếu có giải 10 điều ơn của những người con thọ nơi cha mẹ như sau:

1. Thập nguyệt hoài thai (mười tháng cưu mang).
2. Lâm sản thọ khổ (sinh đẻ chịu khổ).
3. Sinh tử vong ưu (sinh được con mừng mà quên lo rầu).
4. Yén khổ thổ cam (uống đắng nhổ ngọt)
5. Hồi can tỵ thấp (nhường chỗ khô, nằm chỗ ướt).
6. Nhũ bộ dưỡng dục (bú mớm và nuôi nấng).
7. Tẩy trạc bất tịnh (rửa ráy mọi điều dơ bẩn).
8. Viễn hành ức niệm (con đi xa thì cha mẹ nhớ tưởng).
9. Vị tạo ác nghiệp (vì con mà nhiều khi cha mẹ làm điều chẳng lành).
10. Cứu cánh lân mẫn (cha mẹ thương con không có cái thương nào bằng).

CÔI THUNG: Cũng gọi là cây *thung*, giống cây ở rừng sống rất lâu, giỏi chịu lạnh, nghĩa bóng là chỉ *người cha*: cụm thung, rừng thung, nhà thung. Truyện Kiều có câu: *“Xót thay huyền côi thung già”*.

Ca dao: *“ Ngùi ngùi nhớ lại thung ba,*

Ngai vua đốc báo thảo cha chưa đền”.

Chữ *thung* thường được dùng đi cặp với chữ *huyền*. Nghĩa chung chỉ cha và mẹ: *“Thung huyền tuổi hạc đã cao”*.(Truyện Kiều).

Vậy câu: “*Lo bề cức dục cội thung*”, là ý dạy người con phải lo đền đáp công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ cho tròn câu hiếu đạo.

VIỆC CHUNG CỦA ĐỜI: Công việc của quốc gia dân tộc hay việc của đồng bào nhân loại. Đó là việc chung của đời để đáp nghĩa Tứ Ân.

BÚT NGHIÊN: *Bút* là cây viết, *nghiên* là đồ dùng mài mực để viết đời xưa. Ý chỉ sự học hành hoặc sự nghiệp văn chương. Cổ thi có câu: “*Xếp bút nghiên lo việc kiếm cung*”.

TAM GÁC: Dừng lại.

ĐỜI THỜI: Chờ đúng thời kỳ, Đức Thầy có câu:

***“Đợi cơ thiên địa xoay vần đến,
Chờ cuộc phong lôi đổi vận lành”.***

(Muốn Lánh Phồn Hoa)

BÀI 9. CHO ÔNG THAM TÁ NGÀ

(SGTVTB 2004, tr. 313-316)

Đức Giáo Chủ sáng tác vào khoảng tháng 2 năm Canh Thìn (1940), lúc Ngài còn cư trú tại Tổ Đình, Thánh địa Hòa Hảo.

Đây là một bài vận văn biến thể, loại thuyết giáo. Đoạn đầu bằng thể lục bát và song thất lục bát; đoạn giữa bằng thể thất ngôn trường thiên; đoạn cuối là 5 bài thi tứ cú. Toàn bài dài 80 câu, khởi đầu bằng các câu:

***“Lòng buồn gập kẻ xa xôi,
Lân la đến chốn buôn môi vinh hoa”.***

Và chấm dứt bởi các câu:

***“Lánh thế chẳng bày danh Lão Sĩ,
Ngày nay các chỗ ngộ cuồng ca”.***

NỘI DUNG: Ông Tham tá Ngà là con của Đốc phủ sứ Lê Quang Liêm; như cha, ông là công chức cao cấp trong thời Pháp thuộc với ngạch tham tá (xem thêm CT bên dưới), nhưng vốn có lòng hiền từ và ham mộ đạo đức nên đến tham kiến Đức Thầy. Đức Thầy tiếp chuyện với ông Ngà lúc ban đêm, đến gần sáng Ngài mới viết tặng ông bài giảng này:

***“Rạng vừng mây bóng thỏ lạc nhàn,
Để chuyển khác cạn câu hoài vọng”.***

Đoạn mở đề, Ngài nói rõ tâm lý và cảnh tình người đối diện: ***“Lân la đến chốn buôn môi vinh hoa”***. Nay ông muốn tầm đạo thì đừng ngại đường xa khó nhọc, điều trước tiên là phải dẹp hết tà tâm. Đức Giáo Chủ cũng nhận được ông Ngà là hàng tri kỷ:

***“Xả thân tìm kiếm ma ha,
Chẳng nài viễn vọng dẹp tà nơi tâm.
Nay gặp bạn tri âm tri kỷ,
Cho những điều thiện mỹ cổ lai”.***

CHỦ ĐÍCH: Đức Giáo Chủ khuyên ông Ngà hãy tu tròn bổn phận của chính mình thì sau này sẽ hòa hiệp đệ huynh tại miền Năm Non Bảy Núi.

CHÁNH VĂN

- 1. “Lòng buồn gặp kẻ xa xôi,
Lân la đến chốn buôn môi vinh hoa.
Xả thân tìm kiếm ma ha,***
- 4. “Chẳng nài viễn vọng dẹp tà nơi tâm”.***

LƯỢC GIẢI :

Hôm ấy lòng Đức Thầy linh cảm biết sắp có một người quen mà Ngài cho là bạn tri âm tri kỷ đến thăm. Mấy lâu nay người này vì mền cảnh vinh hoa phú quý mà

làm việc cho Pháp, nay phát tâm ham mộ đạo, chẳng nài sự xa xôi đến gặp Đức Thầy.

CHÚ THÍCH :

THAM TÁ và ĐỐC PHỦ SỨ: Tham tá và Đốc phủ sứ là hai ngạch hành chánh (không phải là chức vụ tham chánh) trong thời Pháp thuộc. Để tránh hiểu lầm và cũng để giúp độc giả có một khái niệm tổng quát về tổ chức hành chánh trong thời Pháp thuộc vốn rất phức tạp, Ban HĐ xin có vài dòng chú thích sau đây:

Nhằm mục đích chia để trị của thực dân Pháp, tổ chức hành chánh tại Đông Dương (bao gồm 5 xứ: Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ, Miên và Lào – Nam kỳ là xứ thuộc địa, 4 xứ còn lại thuộc chế độ bảo hộ) hoàn toàn không giống nhau giữa các xứ. Về mặt nhân sự hành chánh, người Pháp chia ra *ngạch Âu* (như Tham biện,...) chỉ dành cho dân Pháp để giữ các chức vụ cao cấp trong guồng máy hành chánh (tỉnh trưởng, phó tỉnh trưởng, ...) và *ngạch Đông Dương* (Tham tá, Huyện-Phủ-Đốc phủ sứ,...). Trong số đó:

- THAM TÁ (commis): Tham tá (về sau có tên là Tham sự) là ngạch hành chánh cao cấp của các ngạch Đông Dương. Các Tham tá được tuyển qua một kỳ thi từ những người tốt nghiệp Trường Pháp Chánh (tiền thân của Đại học Luật khoa) Hà Nội, những người có bằng Tú tài hoặc các Thư ký Hành chánh Trung ương có ít nhất 6 năm thâm niên công vụ.

- ĐỐC PHỦ SỨ: Ngạch Đốc Phủ Sứ là ngạch hành chánh cao cấp chỉ riêng cho xứ thuộc địa Nam kỳ; ngạch này được thăng tiến từ ngạch Huyện rồi kế đó là Phủ. Khởi đầu là Huyện, được tuyển qua một kỳ thi từ các ứng viên có bằng Cử nhân, các Tham sự, các Thư ký Hành chánh có bằng Tú tài hoặc có ít nhất 6 năm thâm niên công vụ. Ngạch Huyện-Phủ-Đốc phủ sứ vẫn được duy trì sau ngày Pháp trao trả độc lập cho nước Việt Nam trong Liên Hiệp

Pháp và trong thời Việt Nam Cộng Hòa, sau đó bị bãi bỏ bởi một Sắc lệnh trong năm 1967 để thay thế bằng ngạch Đốc sự Hành chánh.

LÒNG BUỒN: Hơi buồn, ngùi ngùi man mác. Ở đây, Đức Thầy thoáng buồn vì đang trông một người có duyên lành với Ngài sắp đến gặp.

XA XÔI: Rất xa, xa lắm, như chưa gặp lần nào.

LẤN LA: Thường tới lui gần gũi.

BUỒN MỒI VINH HOA: Nghĩa như chữ *Mua quan bán tước*, hay *Mua danh chác lợi*. Chỉ cho cảnh giàu sang phú quý. Vì trong cảnh vinh hoa phú quý, có miếng mồi và lưỡi câu (bả vinh hoa mồi phú quý). Ai chạm nó như cá bị mắc câu hay gặp thuốc độc thấm vào, ắt phải chết:

***“Vinh hoa một bả làm mồi,
Để câu kẻ dại việc tối chất lên”.***

(Viếng Làng Phú An)

MA HA: Phạm ngữ *Mahâ*, nghĩa: rộng lớn. Sự rộng lớn của Ma ha ví như hư không, không giới hạn. Ma ha thường chỉ Đại đạo tức là cái căn gốc để hành giả tìm về để trực kiến chơn như, tự tánh.

VIỄN VONG: Trông ngóng việc xa xôi. Đây chỉ cho đường xa.

CHÁNH VĂN

5. ***“Nay gặp bạn tri âm tri kỷ,
Cho những điều thiện mỹ cổ lai.
Đừng nên sớm vội lột phai,
Xe dây cho chặt mà nài tánh linh”.***
- 8.

LƯỢC GIẢI :

Qua bốn câu giảng trên, Đức Thầy nhận ông Tham tá Ngà là bạn tri âm tri kỷ từ trước, nên Ngài dạy ông những lời lẽ tốt lành từ xưa đến nay. Vậy ông nay đã phát

tâm vào đạo tu hành tất phải bền lòng vững chí tu thân hành đạo cho đến ngày thấu đạt chân tánh của mình.

CHÚ THÍCH :

TRI ÂM: Tri âm là nghe tiếng người mà biết được ý chí lời lẽ. Ý chỉ cho tình bạn thâm giao, hiểu biết lòng nhau. Do điển tích *Bá Nha và Tử Kỳ*.

Bá Nha tộc danh là Du Thụy, làm quan Thượng Đại Phu nước Tống, thời Chiến quốc (Trung Hoa). Một hôm ông đi sứ nước Sở, trên đường về gặp đêm trăng thanh gió mát, cảnh vật nên thơ, ông cho dừng thuyền ở mé sông Hàm Dương, rồi lấy đàn ra khảy. Tiếng đàn du dương thanh thót, bỗng nhiên đàn bị đứt dây, ông kinh ngạc bèn sai tiểu đồng lên bờ tìm xem có ai nghe trộm không ?

Có tiếng người đáp lại:

- Xin đại nhân chớ ngại, tôi là một tiểu phu đi đôn củi về ngang, nghe tiếng đàn của đại nhân hay quá nên dừng lại nghe, chớ không phải là kẻ bất lương.

Bá Nha nửa tin nửa ngờ liền mời Tử Kỳ xuống thuyền. Ông sửa dây đàn khảy lên một bản rồi hỏi Tử Kỳ:

- Ông bạn nói biết nghe âm nhạc, vậy tôi đàn bản vừa rồi là bản gì ?

Tử Kỳ đáp:

- Đó là khúc nhạc *Khổng Tử khóc thầy Nhan Hôi*, tài cao mà đoản mệnh.

Bá Nha khen thâm, liền sửa dây đàn, thâm tưởng mình đang trên núi cao, khảy lên một bản khác.

Tử Kỳ tán thán: “*Nga nga hồ chí tại cao sơn*” (chí đại nhân vòi vọi như đỉnh núi cao).

Bá Nha thả hồn theo dòng nước, đàn một bản nữa.

Tử Kỳ cũng ca ngợi: “*Dương dương hồ chí tại lưu thủy*” (Chí của đại nhân cuộn cuộn như dòng nước chảy).

Bá Nha hết sức vui mừng, nhận Tử Kỳ làm *bạn tri âm* vì biết thương thức điệu dao cầm qua ý chí của mình,

rồi mời cùng nhau yến ả và kết bạn thâm giao (em kết nghĩa). Sáng lại, trước khi từ giã, hai người hẹn nhau sang năm cũng vào ngày này, tháng này sẽ tái ngộ nơi đây.

Một năm trôi qua đến ngày hẹn, Bá Nha trở lại bên cũ, trông mãi chẳng thấy Tử Kỳ, bèn lấy đàn ra khảy, tiếng đàn phát ra nghe ai oán não nùng !!! Lòng nghi ngại, Bá Nha tìm gặp được phụ thân của Tử Kỳ mới hay Tử Kỳ đã chết. Ông liền đến bên mộ Tử Kỳ bày nghi án cúng tế, rồi lấy đàn ra khảy bản “*Thiên thu trường hận*”. Bản dịch của người sau:

*“Năm qua nhớ một chiều thu,
Trên sông trong chiếc cò chu gặp người.
Năm nay trở lại thôi rồi,
Tri âm đâu vắng trăng trôi lạnh lùng.
Núi hoang một nắm mồ phong,
Trăm năm theo vết thương lòng nơi đây.
Lòng đau đầy đoạn tháng ngày,
Giọt sương hồ cạn lệ đầy tâm tư.
Sầu dâng lớp lớp trầm phù,
Đến vui đi những mịt mù khổ đau.
Tử Kỳ em hỡi nơi nao ?
Mấy vàng so được cao sâu nghĩa này.
Cung đàn ta khảy hôm nay,
Tơ đàn đã đứt từ đây phím lòng.
Đàn ơi năm sợi tơ đồng,
Thiên thu xin gửi theo cùng cò nhân”.*

Đàn xong, Bá Nha đập chiếc dao cầm bẻ nát, buồn bã trở về ngâm lên bốn câu thơ:

*“Dao cầm đập nát đau lòng phượng,
Đòn vắng Tử Kỳ đòn với ai ?
Gió xuân khắp mặt bao bè bạn,
Muốn kiếm tri âm, ôi khó thay !”.*

Đức Thầy dùng thành ngữ *Tri âm* qua 2 câu giảng nói trên, ý để kêu gọi ai là người thấu hiểu được lời giáo pháp của Ngài hầu thực hành theo:

**“*Điệu đờn trối khúc huyền thâm,
Nhà nghề chọn bản tri âm đâu nào*”.**

(Bài Thu Đã Cuối)

(Xem lại Chú thích “Đờn Bá Nha”, Q. Thượng, Tập 1/3, tr. 265-267).

TRI KỸ: Là người bạn thân tốt, biết rõ lòng nhau, những tâm tình trắc ẩn không thể nói với ai mà chỉ người bạn đó biết cho mình nên tình bạn tri kỹ thật hiếm có. Do điển tích *Bảo Thúc Nha và Quán Trọng*.

Hai người đều sống thời Chiến quốc kết bạn thân với nhau. Lúc chưa làm quan hai người hùn vốn đi buôn, Quán Trọng luôn tìm cách chia phần lời nhiều hơn, nhưng Thúc Nha không buồn lại nói rằng: Quán Trọng cần có tiền nhiều để nuôi mẹ. Khi mới ra làm quan, Quán Trọng làm nhiều việc không thành nên ai ai cũng chê, chỉ có Thúc Nha biết tài cho là Quán Trọng chưa gặp thời. Khi ra trận, Quán Trọng hay lùi lại phía sau, mọi người đều cười cho là hèn nhát, chỉ có Thúc Nha bảo Quán Trọng vì còn mẹ già cần phải giữ thân để nuôi mẹ. Khi nước Tề có loạn, mỗi người phò một công tử trốn sang nước khác và hẹn sau ai có chúa được làm vua phải tiên cử bạn cùng phò một người.

Sau công tử Bạch về nước làm vua, tức là Tề Hoàn Công, Thúc Nha tiến cử Quán Trọng làm Tể Tướng, Quán Trọng giúp Tề Hoàn Công làm nên sự nghiệp, bá chủ khắp chư hầu. Khi sắp chết, Trọng lại không tiến cử Thúc Nha thay mình, vua lấy làm lạ hỏi ? Quán Trọng nói:

- Bảo Thúc Nha là bậc quân tử, chớ không phải là nhà chính trị, ông ưa điều thiện ghét điều ác, lại ghét thái quá đến nỗi không ai chịu được. Người như thế mà nắm quyền chính ắt hư việc nước.

Có người mách việc ấy cho Bảo Thúc Nha nghe, ông cười và nói:

- Chính vì thế mà trước kia ta hết sức tiến cử Quản Thượng Phu cho chúa công. Thượng Phu trung với nước mà không vì bạn, đó là ông không phụ công ta tiến cử. Giả sử chúa công phong ta chức Tư Khấu trừ gian diệt nịnh thì ta nhận ngay. Nếu phong ta làm Tể Tướng thì nhà người và nội bọn còn đâu có chỗ dung thân.

Bởi thế, lúc sanh thời Quản Trọng thường nói: “*Sanh ra ta là cha mẹ ta, còn hiểu ta chỉ có Bảo Thúc Nha*”. Do đây người đời sau gọi hai người là *bạn tri kỷ*.

Đức Thầy dùng điển ngữ Tri kỷ để nói với ông Tham tá Ngà, nếu ông hiểu được thâm ý qua lời Sám Kinh của Ngài thì cố gắng tu hành, ắt sau này sẽ kết quả quý báu.

THIỆN MỸ: Tốt lành.

CỔ LAI: Từ xưa đến nay. Nghĩa chung thiện mỹ cổ lai là những điều tốt lành từ xưa đến nay.

SÓM VÔI LỐT PHAI: Tình bạn khi mới gặp nhau thì thân thiện, nhưng lâu rồi phai lợt, chỉ cho tình bạn thân nhau không bền. Ở đây Đức Thầy muốn nói với ông Ngà khi đã phát tâm cầu đạo thì phải thủy chung duy nhất, chặt dạ bền lòng cho đến ngày kết quả.

NÀI TÁNH LINH: Nài là gìn giữ chặt chĩa, như người nài tượng (người quản tượng phải gìn giữ con tượng cho đến khi nào nó già chết).

TÁNH LINH: Là chân tánh linh diệu sáng suốt của mình (tánh Phật). Người tu phải gìn giữ chín chắn đừng để mòn mẻ mất mát, bị vô minh che bít. Đức Thầy từng khuyên: “*Giữ đưng mòn linh tánh mới hay*”.

CHÁNH VĂN

9. “*Nền đạo đức sắc thinh chớ mến,
Có thuyền từ đưa đến non Tiên.*”

- Cứu người hữu phước thiện duyên,
Về nơi cõi Phật khỏi miền trần ai.*
12. *Kẻ ác đức hậu lai khổ thảm,
Mắt phàm trần tường lãm hồ binh.
Mấy lời dặn bảo đình ninh,*
16. *Gần ghi chạm dạ Long đình được xem”.*

LƯỢC GIẢI :

Đã đặt chân lên nền đạo thì các điều sắc đẹp và âm thanh sắc tướng, hành giả nên dứt khoát mới mong bước lên thuyền từ mà sang qua cõi Tiên Phật. Có thể mới vừa cứu mình, vừa độ chúng thoát cảnh trần ai sâu khổ.

Đức Giáo Chủ còn cho biết kẻ gian ác sau này sẽ vương nhiều cảnh khổ, nào chiến tranh giặc loạn từ trong đến ngoài nước tràn vào, không phút nào yên tịnh. Nếu nhà tu ghi nhớ các điều dặn bảo đó để lo tu trì ắt ngày kết cuộc sẽ có mặt tại hội Long Đình.

CHÚ THÍCH :

SẮC THINH: Sắc đẹp và tiếng hay, là 2 điều trong lục dục (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) nó hay làm cho con người đam mê trong luân hồi sanh tử, Đức Thầy thường khuyên người tu:

*“Chữ sắc thanh chớ có hậu gân,
Hương với vị xác trần nên lánh”.*

Và:

*“Sáu đường ấy ở trong tâm ý,
Ta mau mau dứt nó cho rồi.
Nếu tỉnh tâm nào có mấy hồi,
Mượn trí đạo đuổi ra khỏi xác.
Dứt được nó ấy là giải thoát,
Thì xác trần mới khỏi đọa đày”.*

(GMTK, Q.4)

THUYỀN TỬ: Nói cho đủ là *thuyền từ bi*, cũng gọi là là *thuyền trí huệ bát nhã*, có diệu năng đưa người khỏi trần gian về cảnh Tiên Phật.

HỮU PHƯỚC THIÊN DUYÊN: Có đủ nhân duyên phước báu thành quả Tiên Phật.

CÔI PHẬT: Cõi giác ngộ của chư Phật cũng gọi là bến giác, đối với *cảnh mê đồ* hay là *bờ mê* của chúng sanh đang sống; cõi này không còn luân hồi sanh tử.

TRẦN AI: *Trần* là bụi; *Ai* là buồn khổ. Ý nói chỗ gian lao cực khổ, nơi chẳng có giờ nào sung sướng an vui.

KẾ ÁC ĐỨC: Người làm những việc hung ác thiếu phước đức.

HẬU LAI: Sau này.

THÂM KHỔ: Nơi sâu đau, khổ não.

MẮT PHÀM TRẦN: Trước mắt mọi người, ai cũng thấy.

TƯỜNG LÃM: Thấy biết rõ ràng.

HỒ BINH: Binh tướng của giặc Hồ. Theo văn hóa Trung Hoa thời xưa, ở phía Bắc nước Tàu có số rợ Hồ gọi là Hồ binh. Họ rất tàn ác hung hăng, đi tới đâu giết hại tới đó (sớm đầu, tối đánh thường đem binh phá rối nước Trung Hoa). Ở đây, nghĩa bóng là chỉ cho giặc loạn ở nước ngoài tràn vào phá hoại dân nước ta. Người xưa thường gọi họ là hung đồ hay Hung nô (nước Phiên). Đức Thầy khuyên:

***“Gắng công tu xem nhiều phép lạ,
Của Thần Tiên trừ lũ hung đồ”***.(GMTK, Q.4)

CHAM DA: Ghi khắc vào trong lòng.

LONG ĐÌNH: Sân rộng. *Long* là rộng; *Đình* là sân, hiểu chung là sân rộng. Nghĩa bóng là thấy mặt rộng hay thấy mặt vua.

CHÁNH VĂN

17. ***“Mùi đạo diệu gói nem khó sánh,***

- Chôn trà đình xa lánh vắng lai.
Tu hành nào luận mận chay,*
20. *Miễn tâm thanh tịnh gặp ngày an cư.
Nền đạo đức vị tư bất nhã,
Ta đừng phân nhân ngã mới hay.
Nhìn đời thế thái đổi thay,*
24. *Hết vinh tới nhục lẽ này thường xưa”.*

LƯỢC GIẢI :

Đoạn giảng trên Đức Thầy nói rõ khi nhà tu thấu đạt mùi đạo diệu thì gỏi nem cũng không sánh bằng. Nên Ngài khuyên ông Ngà nên xa lánh những nơi trà đình tửu điểm. Còn sự chay lạt của người tu cũng chẳng nên phân biệt tranh luận cao thấp mà quan trọng ở chỗ tâm được thanh tịnh là thành đạo. Bởi còn ai câu chấp lạt chay bằng hình thức thì còn biệt phân tư vị, thế thì làm sao thoát khỏi luân hồi. Còn sự chê khen vinh nhục là còn câu chấp thường tình của thói đời chớ chưa ra khỏi vòng sanh tử.

CHÚ THÍCH :

ĐẠO DIỆU: Sự tu cầu tiến đạo, nếu ai thấu đạt mùi vị của nó, thật sâu mâu khó tả. Đức Thầy từng nói: **“Đạo mầu thâm diệu nan tri Lão bà”**. Cũng như gỏi nem là hai loại ngon nhứt trong các thức ăn của người đời, nhưng cũng không thể so sánh với mùi đạo được.

TRÀ ĐÌNH: Đọc cho đủ là *trà đình tửu điểm*, tức là nơi ăn chơi truy lạc có đủ rượu trà cờ bạc, đàn điểm. Đức Thầy từng cảnh giác:

**“Lo ăn xài trà rượu xình xoàng,
Chừng khổ não phàn nàn căn số”.**

VẮNG LAI: Qua và lại. Ý chỉ người tới lui nơi ăn chơi đàn điểm.

MẶN VÀ CHAY: *Ăn mận* là dùng thịt những sanh vật có tri giác, có mạng sống biết đau đớn biết tham sống

sợ chết, còn phải chịu luân hồi trả quả như biết bao nhiêu loài vật khác.

Còn *ăn chay* cũng gọi là *trai*, tức ăn những vật không có tri giác, mạng sống, như: Rau củ, tương chao, đậu hũ. *Ăn chay* là tôn trọng mạng sống của các loài hữu tình và cũng để tránh sát sanh luân hồi trả quả.

NÀO LUẬN: Không nên hay chẳng cần phân biệt tranh luận chê khen chay mặn nhiều ít cao thấp khác nhau, mà chỉ vì lòng từ bi thương xót các sanh vật khác như mình.

AN CU: Lòng được vào chỗ thanh tịnh, bất động như như, tức Niết bàn tịch tịnh. Tâm hồn luôn có bốn đức Từ, Bi, Hi, Xả:

“Học câu hỉ xả đại từ,

Nêu gương nghĩa sĩ dạ tư chớ gần”.(Thiên Lý Ca)

VỊ TỬ: Cũng viết là *tư vị*. Có nghĩa tâm vị kỷ riêng tư không ngay chánh.

BÁT NHÃ: Không thanh bai tao nhã mà thô tục thái quá.

NHÂN NGÃ: *Nhân* là người, *ngã* là ta. Chỉ sự phân biệt chỗ người chỗ ta, của người của ta trong việc tranh hơn thua, tốt xấu.

THẾ THÁI: Nói cho đủ là *thế thái nhơn tình hay nhơn tình thế thái*. Có nghĩa là thói đời và tình người. *Thói đời và tình người* thì hay thay đổi, nay vậy mai khác, vinh nhục khó lường.

CHÁNH VĂN

25. ***“Đời vật chất văn minh chiều chuộng,
Vì thời lai vận bĩ trải qua.
Lòng sắt son đây đó nỡn nà,***
28. ***Tâm não bít bê tha chậm trễ.
Tu với tỉnh bảo toàn thân thể,
Giữ đưng mòn linh tánh mới hay.***

32- *Nỗi bút nghiên phạt Lão cạn bày,
Câu điệu lý cơ huyền khó kiếm”.*

LƯỢC GIẢI :

Đoạn giảng trên Đức Thầy cho ông Tham tá Ngã biết: Thời nay do nền văn minh vật chất của Âu Tây cảm dỗ, chiều chuộng làm cho dân Việt Nam ta phải say mê chạy theo khiến cho tâm hồn mê tối. Do đó, Đức Giáo Chủ khuyến hành giả trên đường tu thân lập hạnh rán gìn giữ linh tánh của mình luôn sáng suốt, đừng để mê mòn, u tối. Nay Ngài mượn bút mực khuyến khích mỗi người rán rèn luyện cho thấu đạt cơ huyền điệu lý.

Tuy lời lẽ trong đây có khiêm nhượng, song nếu ai tìm ra ắt là thấu đạt.

CHÚ THÍCH :

VẬT CHẤT VĂN MINH: Cũng gọi là *văn minh vật chất*. Có nghĩa người ta lo tiến bộ về vật chất tiền tài, trái ngược với văn minh tinh thần đạo đức.

THỜI LAI: Thời vận tốt sắp đến.

VẬN BỈ: Thời vận xấu.

LÒNG SẮT SON: Cũng gọi là dạ sắc son. Do chữ *đan tâm*. Có nghĩa lòng tốt đẹp trung thành, cứng bền như sắt thép và trong sạch không chút bợn nhơ như son đỏ. Đức Phật Thầy Tây An có dạy:

“Sắt kia vào lửa mẽ mòn,

Gan vàng tiết tháo lòng son mấy người”.

NỖN NÀ: Mơn mớn, còn non tốt đẹp. Ví dụ: Hoa trái mới nở nồn nà làm sao !

TÂM NÃO BÍT: Ý chỉ tâm và trí bị phiền não che bít. Lòng sắt son là lòng tốt, đối với *tâm não bít (xấu)*.

TU VỚI TỈNH: Thức tỉnh tu hành. Đức Thầy nói:

“*Mau thức tỉnh tu thân kẻo trễ,*

Đến tội rồi mới hối muộn màng”.(Q.5)

BẢO TOÀN THÂN THỂ: Giữ gìn thân thể cho được chu toàn, đây là nghĩa của chữ *tu thân*. Sách Thánh có câu: “*Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*”. Đức Thầy cũng khuyên: “***Muốn cho giải thoát phải tu thân***”.

ĐỪNG MÒN: Không bị mòn phai mất mát.

LINH TÁNH: Tánh sáng suốt của mình đã có sẵn trong tâm trí của mỗi người: “***Xe dây cho chặt mà nài tánh linh***”.

PHẬN LÃO: Bỏ phận của Đức Thầy. Vì Ngài ra đời có trách nhiệm và bỏn phận sáng tác Sấm Kinh độ chúng.

DIÊU LÝ: Lý lẽ của Đạo rất cao sâu màu diệu.

CỖ HUYỀN: Máy trời rất kín đáo, khó hiểu. Hai điều : Thiên lý của đạo và bộ máy thiên cơ của trời đất khó mà thấu đạt. Song Đức Thầy khuyên người tu phải hành trì cho thấu đạt mới mong kết quả:

***“Chừng nào bốn đạo hiểu thông,
Thiên cơ đạo lý để lòng mới thôi”***.(Q.3)

CHÁNH VĂN

33. ***“Sá chi kẻ dùng lời bao biếm,
Chê Diên Khùng khó kiếm cho ra.
Nã tâm tròng sớm dứt ái hà,***
36. ***Nên phải vội lìa xa cõi tạm.
Quyết chỉ nẻo lánh vòng hắc ám,
Đạo và đời thăm thẳm sâu xa.
Diệm Hồng Liên thơ thới quần ca,***
40. ***Tạo duyên giả phàm gian thân giả.
Chớ lấy đó mà tâm buồn bã,
Hiệp hòa nhau chờ đợi năm non.
Kìa hỡi ai giữ phận cho tròn,***
44. ***Sau huynh đệ có ngày hòa hiệp”***.

LƯỢC GIẢI :

Đức Giáo Chủ khai sáng nền Đạo, có nhiều người khinh chê nhạo báng cho rằng khùng điên khờ khạo, nhưng Ngài cho biết ***“Tới chừng đến việc kiếm Thầy khó ra”***. Hiện giờ tâm Ngài nhưt quyết dứt lòng luyến ái cõi trần để tìm ra chánh đạo, hầu đưa người vượt khỏi vòng hắc ám. Tuy hai con đường giữa đạo và đời chung cảnh chung nơi, nhưng duyên nghiệp và tâm hồn mỗi người chẳng giống nhau. Nếu ai hướng về Tây phương Cực lạc thì tâm hồn thư thái nở nà hưởng cảnh quần ca vui đẹp. Bằng gây tạo nhân duyên tạm giả cõi trần gian thì sống trong cảnh bấp bênh sanh tử.

Đức Thầy còn cho ông Tham tá Ngà biết, tuy hiện giờ anh em , kẻ sống trong trần gian, người lạc cảnh khác nhau. Song nếu ông giữ cho tròn bổn phận của người tu hành, sau này sẽ được hòa hiệp trong an lạc.

CHÚ THÍCH :

BAO BIÊM: Khen và chê.

ĐIÊN KHÙNG: Danh hiệu của hai thầy trò Đức Thầy lúc đi dạo lục châu. Trong bài Dặn Dò Bổn Đạo:

***“Thầy Khùng trò lại hóa điên,
Khùng Điên mấy tháng tình riêng ai ngờ”***.

NÃO TÂM TRẮNG: Trí óc và tấm lòng.

ÁI HÀ: Lòng thương yêu luyến ái vật chất (danh, lợi, tình) của con người tràn ngập như sông biển. Người xưa từng khuyên:

*“Bể ái hà là dây oan nghiệt,
Danh lợi tình càng siết càng đau.
Muốn ra khỏi chốn đồ lao,
Dùng gươm trí huệ cắt mau lòng phàm”*.

Hoặc là:

*“Ái hà thiên xích lãng,
Khổ hải vạn trùng ba.
Dục thoát luân hồi khổ,*

Tảo cấp niệm Di Đà”.
(Ái tình sóng vỗ muôn nghìn,
Nhận chìm bao kẻ lợi tình còn vương.
Hướng tâm về cảnh Tây phương,
Di Đà luôn niệm là đường an vui).

HẮC ÁM: Đen tối, tức chỉ nơi tội lỗi luân hồi sanh tử.

ĐẠO VÀ ĐỜI THẨM THẨM SÂU XA: Hai con đường mê và giác, nhà tu hãy nhận xét cho thấu đáo để lánh mê về giác.

DIỆM HỒNG LIÊN: Hoa sen hồng ở cõi Cực lạc tốt đẹp sắc sỡ, biểu trưng như sự siêu thoát trong sạch, không còn bợn nhơ trần trược.

THO THỐI: Mơn mớn, nồn nà, nhẹ nhàng. Ý chỉ hoa sen mới chớm nở.

QUẦN CA: Cũng gọi là *hợp ca*. Đây chỉ cho cánh sen trong ao thất bảo cõi Cực Lạc gặp gió thổi ngân lên lời giáo pháp cho các thần thức trong hoa sen nghe để tinh tấn tu hành:

“Gió đưa tiếng pháp ngân vang,
Người nghe thơ thổi lòng càng tiến tin”.

(Bài Cõi Cực Lạc với Pháp Môn Niệm Phật)

NĂM NON: Xem lại Chú Thích tại Q. Thượng, Tập 2/3, tr. 80-81.

GIỮ PHẬN: Giữ đạo, bởi đạo là bản phận, nên các chữ **“giữ phận cho tròn”** tức là giữ cho tròn cái đạo.

CHÁNH VĂN

45. *“Chớ nản chí đường tu bỏ líp,*
Trỗi bước sang gặp Lão thế ngôn.
Trỗi hùng phong cốt cách duy tồn,
48. *Xác tuy mất hồn thiêng chẳng mất.*
Lão cũng tỏ đôi lời khờ khật,
Câu huyền sâu cho đó ngụ ngôn.

52. *Mã song phi viễn vọng tâm hồn,
Hành thế lữ đêm dài cạn tỏ”.*

LƯỢC GIẢI :

Đoạn giảng trên, Đức Thầy khuyên ông Tham tá Ngà đã quyết chí tu hành thì phải kiên tâm bền chí, giữ vững lập trường trước sau như một.

Hôm nay ông Ngà đến đây được Đức Thầy thế lời cho người anh để nói với ông như luồng gió mạnh. Tuy xác thân ông đã mất, chớ hồn thiêng vẫn còn mãi mãi...

Đây là lời chơn thật tự đáy lòng của Ngài thốt ra với ngụ ý cho ông Ngà hiểu được lòng Ngài. Bởi kiếp sống của mỗi người chúng ta chẳng khác nào ngựa bay qua song cửa, không thể dừng lại được. Lại cũng giống như đoàn lữ hành đi lỡ đường phải ở lại trong quán trọ một đêm, làm quen nhau rồi sáng ra đường ai nấy đi.

CHÚ THÍCH :

MÃ SONG PHI: Ngựa bay phớt qua song cửa rất mau lẹ, cũng như thân bằng quyến thuộc sống chung trong một gia đình, chỉ một thời gian rồi mạnh ai nấy đi theo duyên nghiệp của mình, chớ không sống chung mãi được. Như người xưa đã bảo:

“Phụ mẫu thâm ân chung hữu biệt,

Phu thê nghĩa nặng hữu phân ly.

Nhơn tình tợ điều đồng lâm túc,

Đại hạn lai thời cát tự phi”.

(Cha mẹ ơn sâu còn phải biệt,

Vợ chồng nghĩa nặng cũng phân ly.

Nào khác chim kia rừng chung ngủ,

Sáng lại chia đường ai nấy đi).

HÀNH THẾ LỮ: Khách lữ hành đi mãi ngày dừng lại, ngủ trong quán trọ một đêm, rồi làm quen chuyện trò với nhau, sáng lại ai về nhà nấy.

HUYỀN SÂU: Sâu kín màu diệp khó tả. Đức Thầy có câu:

***“Tịch tịch huyền sâu ai hiểu đặng,
Ất là thấu tịch sĩ cuồng ca”***. (Ai Người Tri Kỹ)

NGU NGÔN: Mượn một lời nói, một bài thơ hay, kể một câu chuyện mà có ngụ ý chỉ việc khác sâu xa hơn. Như chuyện “***Con Beo Đá***”, Đức Thầy viết: “***Gần cạp sao mi lại giống mèo***”. Hay “Chuyện Mất Đoàn Kết” của ba con bò trong Ca Dao:

*“Ba con bò ở chung chuồng,
Hiệp bầy hiệp bạn như tuồng anh em.
Bởi nghe tiếng siểm lời gièm,
Trâu đen trâu trắng anh em rả rời.
Sói rày vào dễ như chơi,
Bắt bò ăn hết rồi đòi cả ba.
Chữ rằng quý tại u hòa,
Ba bò giúp một ai mà dám đương”*.

Qua chuyện “mã song phi”, Đức Thầy có ngụ ý chỉ cho thời gian đi qua rất mau lẹ, kiếp sống của con người thật ngắn ngủi.

CHÁNH VĂN

53. ***“Giết cho sạch những loài sâu bọ,
Giống hại người lúc bỏ rẫy trồng.
Huệ tâm khai ngữ chuyển huyền thông,***
56. ***Sanh hồi thiện đôi câu thành thật.
Đêm vắng tắt vài lời để cất,
Gác ngòi nghiên tạm biệt phàm gian.
Rạng vừng mây bóng thả lạc nhàn,***
60. ***Để chuyển khác cạn câu hoài vọng”***.

LƯỢC GIẢI :

Đức Giáo Chủ mượn loài sâu bọ hay phá hoại hoa màu của người làm ruộng rẫy, để chỉ các món phiền não

thường quây phá đám ruộng tâm của người tu. Khi nào ta diệt được đám phiền não đó thì tâm mình được an định và trí huệ phát khai, rồi chuyển hóa ra ngôn ngữ, suốt thông giáo pháp. Bấy giờ tâm tư của ta được phục hồi tánh chí thiện từ trước.

Đức Thầy viết bài giảng đến đây tạm dừng bút để tạm biệt phàm gian, giờ này trời cũng sắp rạng đông và trăng cũng vừa lặn. Ngài xin hẹn lại với ông Ngà khi có dịp khác sẽ trút cạn tâm tư.

CHÚ THÍCH:

LOÀI SÂU BỌ: Sâu là các loại sâu bọ rầy mò; bọ hình nó giống như chuột, song nhỏ hơn thường phá hại mùa màng của nhà nông. Nhưng chữ *sâu bọ* ở đây Đức Thầy có dụng ý chỉ cho các món phiền não: Tham, sân, si hay thất tình lục dục.

HUỆ TÂM KHAI: Trí huệ được khai mở sáng suốt, khi người tu hành diệt trừ hết vô minh phiền não thì tuệ giác thường sáng. Đức Thầy từng nói:

*“Nếu ai mà biết chữ tu trì,
Tâm bình tịnh được thì phát huệ”.*

NGŨ CHUYỂN HUYỀN THÔNG: Từ lời nói thường chuyển ra ngôn ngữ thông minh đỉnh ngộ.

SANH HỒI THIÊN: Sống trở lại gốc lành vô thi từ trước (nhơn chi sơ tánh bản thiện)

GÁC NGÒI NGHIÊN: Ngưng bút lại không viết nữa.

RANG VÙNG MÂY: Trời vừa rạng đông, thường có vùng mây giăng ngang báo tin trời sắp sáng.

BÓNG THỎ: Do chữ ngọc thỏ hay bạch thỏ. Tức là con thỏ bằng ngọc trắng. Nghĩa bóng là chỉ cho mặt trăng. Tục truyền trên cung trăng có con thỏ bằng ngọc.

Trong kinh Phật cũng có kể lại sự tích:

Ngày xưa có con thỏ tánh rất hiền từ, biết thương xót đồng loại. Bấy giờ gặp thời hạn hán, không còn các loại cỏ nuôi sống các loài thú. Các nhà thỏ khác lần lượt chết đói rất nhiều. Con thỏ này động mỗi từ tâm, mới kêu đồng bọn nói:

“*Các anh hãy mau lại đây tôi sẽ biếu cho thức ăn đỡ lòng*”. Nói rồi, thỏ tự nhảy vào đống lửa thiêu mình để hiến xác nó cho đồng loại đỡ đói trong ngày, chỉ còn lại bộ xương.

Phật thấy vậy rất thương cảm tấm lòng hy sinh của thỏ nên dùng pháp diệu cứu thỏ sống lại và đem cho ở trên cung trăng. Từ đó về sau các văn nhân thường dùng *ngọc thỏ* hay *bóng thỏ* để chỉ cho mặt trăng.

Nguyễn Du có câu: “*Trái bao thỏ lặn ác tà*”.

Bài thơ văn nguyện của tác giả vô danh có nói:

“*Hỡi con Ngọc thỏ đã bao tuổi,
Chớ chị Hằng Nga đã mấy con*”.

Và bài phú Nguyễn Hằng có câu:

“*Nghiệm một chút điều bay cá nhảy, mới hay đạo lý huyền vi. Thấy đôi vầng thỏ lặn ác tà, biết thuở cơ thường biến đổi*”.

Câu: “***Rạng vầng mây bóng thỏ lặn nhân***” ở đây có ý nói: Trăng sắp lặn trời sắp sáng ra (chỉ cho thời gian hết đêm tới ngày).

LẠC NHÂN: (Mặt trăng) sắp lặn.

CAN CÂU HOÀI VONG: Tỏ hết tâm tình mong ước của mình.

CHÁNH VĂN

61. ***Dặm tràng đó mới chuyên sang chơi,
Tỏ ý Thần Tiên khá nhận lời.
Huyền pháp thâm trầm thơm bất tuyền,
Vô vi chánh đạo hỡi người ôi !***

65. *Người ôi ! Chơn lý khổ lâu đời,
Thâm cảnh diệu huyền hện một nơi.
Hoà mặt trung ương tam điệp khách,
Đợi chờ thiên luật mới về nơi.*
69. *Về nơi chốn ấy rõ như lời,
Nào Lão có bày chuyện khuấy chơi.
Vẽ việc Trời xanh cho đó biết,
Một lòng gắn chặt chẳng xa lời.*
73. *Xa lời đạo đức khổ tâm à !
Học cũ ít bài Lão thiết tha.
Bóng xế tà tây ôi ! lắm thể,
Dạ hiền cất bút mượn thi ca.*
77. *Thi ca nhiều nẻo thậm rồi đa,
Hỏi tị sứ thần dạy chuyện xa,
Lánh thể chẳng bày danh Lão Sĩ,
80. Ngày nay các chỗ ngộ cuồng ca”.*

*Hòa Hảo, lối tháng 2 Canh Thìn
(trong lúc ban đêm)*

LƯỢC GIẢI :

1.- Đức Thầy tỏ lời với ông Tham tá Ngà rằng đường xa ông mới sang thăm, những lời lẽ Ngài nói với ông toàn là của Thần Tiên. Vậy ông hãy thu nhận, lý lẽ trong đây chẳng những cao thâm huyền diệu mà có đúng theo chánh pháp vô vi của Phật.

2.- Chánh pháp vô vi là cái chơn lý tuyệt đối. Nó thâm sâu mầu diệu khó nghĩ bàn được. Nó vốn vô cùng mà cũng hữu cùng, không mà chẳng không (chơn không diệu hữu) chỉ cho khi nào hành giả thực hiện được cái chơn lý tuyệt đối đó và tam giáo Phật, Thánh, Tiên qui về một mối

thì bá tánh vạn dân đều hạnh phúc an vui. Xưa nay luật trời đã qui định như vậy.

3.-Phật Tiên Thánh bao giờ cũng dùng lời chơn thật ngữ để giáo hóa chúng sanh, chớ không bao giờ nói ngoa. Đức Thầy đã xác định rõ cơ luân chuyển của trời đất là một định luật bất di bất dịch, không thể nào sai chạy được.

4.-Trên đường tu tiến, nếu hành giả nào để xa lơï đạo đức ấít sau này phải chịu khốn khổ muôn đời. (*Một kiếp không tu muôn kiếp nhọc, Một giờ làm lỗi, muôn thuở luân hồi.*) Đức Giáo Chủ vì lòng từ bi đem thiên cơ và đạo lý thiết tha chỉ dạy và vì cơ trời đã biến đổi sát bên lưng, nên Ngài vâng lệnh Phật Trời chuyển hóa lại đây để cứu độ: **“Lòng yêu sanh chúng luân chuyển kiếp,
Dạ ái dương trần đổi xác thân”.**

5.-Phương cách cứu dân độ thế của Ngài không hề chung bày hay khoe khoang cổ võ mà chỉ tường thuật các lý do cứu thế và lời giáo hóa thôi để tự nhiên cho mọi người sau khi nghiệm xét lời kệ cơ của Ngài mà tự hiểu lấy.

CHÚ THÍCH :

TỔ Ý THẦN TIÊN: Lời lẽ trong 5 bài thi Đức Thầy cho ông Tham tá Ngà là ý pháp của Phật Thánh Tiên truyền xuống. Lúc Ngài mới khai Đạo, hằng đêm Ngài thường nói với tín đồ: **“Để tôi ca Tiên cho các ông các bà nghe nhen !”** Rồi Ngài cất tiếng đọc...

HUYỀN PHÁP THÂM TRÂM: Lời giáo pháp của Phật mỗi khi thốt ra thì tiếng nghe rất thâm sâu mâu diệu.

THƠM BÁT TUYẾT: Mùi vị của Kinh pháp thơm diệu, không có mùi vị nào so sánh được. Đức Thầy từng nói:

**“Xả thân tầm đạo vô vi,
Nhiệm mâu thâm diệu nan tri Lão bà”.**

(Từ Giã Bồn Đạo)

HÒA MẶT TRUNG ƯƠNG TAM ĐIỆP KHÁCH:

Hòa mặt là hợp mặt. *Trung ương* là trung tâm điểm cả thế giới. *Tam điệp khách* là ba vị Thiên Hoàng, Địa Hoàng và Nhơn Hoàng cùng nhau có một nhiệm vụ sắp đặt cuộc thái bình an lạc cho dân chúng được hưởng cảnh Tam Hoàng Thánh đức như thời xưa. Đức Thầy từng cho biết:

***“Hiền lành chừng đó sum vầy,
Quân thần cộng lạc mấy ngày vui chơi.
Đến đó ta mới mỉm cười,
Nhìn xem Ngọc Đế giữa trời định phân.
Thiên Hoàng mở cửa các lân,
Địa Hoàng cũng mở mấy tầng ngục môn.
Mười cửa xem thấy ghê hồn,
Cho trần coi thử có mà hay không.
Nhơn Hoàng cũng lấy lẽ công,
Cũng là trừng trị kẻ lòng tà gian.
Ấy là đến lúc xuê xang,
Tam Hoàng trở lại là đời Thượng Nguơn”.***(Q.3)

THIÊN LUẬT: Luật trời, đã sắp định sẵn.

VỀ VIỆC TRỜI XANH: Dùng giấy mực diễn tả cảnh trạng sanh diệt trong trời đất.

ĐẠO ĐỨC: Đạo là con đường hợp với lẽ phải; đức là tâm lành. Con đường hợp với kẻ có tâm lành. (Xem lại Chú thích tại Q. Trung, tr.10).

HỌC CŨ: Những bài học đạo đức, tốt đẹp của Phật Thánh Tiên thời xưa. Đức Thầy từng nói:

***“Theo tài học cũ nôm na,
Hỏi ai trí thức tâm mà cạn sâu”.***

(Dặn Dò Bồn Đạo)

BÓNG XÉ TÀ TÂY: *Bóng xé* là bóng mặt trời nghiêng hơn nửa ngày, tức từ khoảng sau 1 giờ chiều; *Tà tây* là mặt trời ngã nghiêng về phương tây. Đây chỉ cho hơn nửa ngày, sắp chiều tối.

THÂM ĐA: *Thâm* là rất; *đa* là nhiều. Ý chỉ cho thi ca của Đức Thầy có nhiều ý rất sâu xa màu diệu:

“Vô thượng thâm thâm dĩ ý truyền”.

HỒI TỊ: Rời ngôi vị trở lại trần gian. **Hồi tị sứ thần:** Vì có mệnh lệnh của Trời Phật, Đức Thầy tách rời cõi Tiên Phật trở lại cõi trần để giáo độ chúng sanh. Đức Thầy cho biết trong bài “Lộ Chút Cơ Huyền”:

“Đời cùng Tiên Phật hạ phàm gian”.

Và trong bài “Từ Giã Bỏ Đạo Khắp Nơi”:

“Từ ngày mượn xác hồng trần đáo lai.

Tháng năm Kỷ Mão đến nay,

Khắp trong bá tánh gặp bài Sấm Kinh.

Lời văn tao nhã hữu tình,

Bởi vung sắc lệnh thiên đình sai ra”.

LÃO SĨ: Người già, tu hành nhiều năm, có cao tuổi đạo, có hạnh đức hơn người thường, được nhiều người kính trọng, không luận xuất gia hay cư sĩ.

Hiệu theo Phật học thì đây là bậc *Trưởng lão*, tức gọi chung những bậc Tỳ kheo có đạo đức cao, tuổi hạ dài như các vị Trưởng lão Đại đệ tử của Phật: Trưởng lão Duy Ma Cật, Trưởng lão Xá Lợi Phất, Trưởng lão Tu Bồ Đề... Đây là chỉ các bậc tôn đức, đạo hạnh đầy đủ.

Trong kinh A Hàm, Tôn giả A Nan có bạch hỏi Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ Kheo hạnh đức ra sao và xưng hiệu như thế nào ?

Phật trả lời:

- Nếu là tiểu Tỳ Kheo thì nên xưng gọi đại Tỳ kheo là Trưởng lão, còn các Đại Tỳ kheo thì gọi các tiểu Tỳ kheo bằng tên cũng được.

Xưa nay các chức vị trong Thiên gia thì gọi các thầy Tăng trụ trì là Trưởng lão. (Trong “Sắc tu Thanh qui Trụ trì Chương”). Khi bắt đầu tôn thầy trụ trì thì kính xưng

là Trưởng lão. Còn “Tổ Đình Sứ Quyển” nay thì gọi người trụ trì của Thiền tông bằng Trưởng lão.

Từ *Lão Sĩ* trong bài giảng này thì Đức Giáo Chủ PGHH được xem là bậc Trưởng Lão hay là Lão Sĩ, và chỉ xưng danh hiệu nửa Tiên nửa tục thôi. Điều cần thiết là ý Ngài muốn đề cho bá tánh tự thâm ngộ được lời khuyên dạy của Ngài để lo hành đạo là tốt rồi.

Trong Giảng mười Một hồi có đoạn Ngài Huệ Lựu nói: “*Công ông Trưởng Lão giáo truyền*”.

Đức Thầy cũng cho biết trong bài “Thiên Lý Ca”:

***“Lão đây vưng lịnh Phật Tôn,
Lãnh cân thưởng phạt chư môn dữ lành”.***

NGÔ CUÔNG CA: Giác ngộ được ý nghĩa lời thi ca của Đức Thầy.

Đức Giáo Chủ viết Sám Giảng thường xưng biệt hiệu là Cuông Sĩ: “***Cuông Sĩ bao giờ cũng ngóng trông***”. Người đời thường hiểu lầm hai chữ “Cuông Sĩ” là một nhà tu hay nhà văn không thật tánh, nhưng ở đây Đức Thầy chỉ giả vờ để đánh lạc hướng người đời, chớ nó có ngụ ý đặc biệt hơn.

Bài 10. TỈNH BẠN TRẦN GIAN

(Chép theo bản chánh do Đức Ông giữ)

(SGTVTB 2004, tr. 405-408)

XUẤT XỨ :

Bài “Tỉnh Bạn Trần Gian” trích trong “Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ”. Đức Thầy sáng tác bài này khoảng tháng Chạp năm Canh Thìn (1940), lúc Ngài còn bị người Pháp an trí tại Nhà thương Chợ Quán, Sài Gòn.

VĂN THỂ :

Ngài viết 10 bài thi này theo lối vận văn, thể thất ngôn bát cú Đường luật, thập thủ liên hoàn thi, loại khuyến tu. Khởi đầu bằng câu:

“*Nghiệp chướng lãng loạn hại xác thân*”.

Và chấm dứt bởi câu:

“*Phàm trần vẹn kiếp kiến Bồng Lai*”.

CHỦ ĐÍCH :

Đức Thầy giác tỉnh khách trần sớm tinh tâm tu tròn Nhân đạo, vẹn đáp ơn nhà, nợ nước hầu thoát ly cuộc đời ảo mộng, để bước lên thuyền giác vượt khỏi luân hồi sanh tử.

CHÁNH VĂN (Bài 1)

“*Nghiệp chướng lãng-loan hại xác thân,*

Chuông lành buông tiếng vọng bon ngân.

Cương-thường gánh nặng trai gìn trọn,

Tơ-tóc vai quần gái vẹn phân.

Nợ nước vãn-chương toan báo đáp,

Ơn nhà đạo-đức quyết đền ân.

Khuyến người trí-sĩ mau mau tỉnh,

8. ***Giác mộng nam-kha chốn thế-trần*”.**

LƯỢC GIẢI :

- Qua 2 câu mở đề, Đức Thầy cho biết: Từ vô thi do phiền não chướng chi phối khiến chúng sanh gây tạo các nghiệp duyên, rồi phải luân chuyển trong cõi trần chịu muôn điều thống khổ.

Vì lòng từ bi Đức Thầy lâm phàm khai Đạo, ngân lên tiếng chuông Đạo pháp, giác tỉnh khách trần sớm hồi tâm hướng thiện:

“*Nghiệp chướng lãng loan hại xác thân,*

***Chuông lành buông tiếng giọng bon ngân*”.**

- Hai câu trạng (3&4) : Theo Tôn chỉ “Học Phật Tu Nhân” Đức Thầy đã đề vạch trước nhất mỗi tín đồ phải tu tròn Nhân Đạo.

Nam xử trọn Tam cương Ngũ thường, nữ giữ vẹn Tam tòng Tứ đức:

***“Cương thường gánh nặng trai gìn trọn,
Tơ tóc vai quần gái vẹn phân”.***

- Hai câu luận (5&6): Việc đáp ơn đất nước không chỉ dùng chiến lược, vũ khí suông, mà cần phải áp dụng cả văn chương và trí tuệ, như các Cụ Trạng: Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Hiền; và các nhà sư: Khuông Việt, Vạn Hạnh và Đỗ Pháp Thuận...các Ngài chỉ dùng một bài điệu, hoặc một văn thơ đối đáp cũng đủ làm cho lân bang kính nể giao hòa.

Còn về công ơn của Tổ tiên Cha mẹ, biết ơn nhà, hành giả phải trau dồi đạo đức cho đến khi thành công viên mãn mới mong đáp đền trọn vẹn:

***“Nợ nước văn chương toan báo đáp,
Ơn nhà đạo đức quyết đền ân”.***

- Hai câu kết (7&8): Đức Thầy kêu gọi các giới có oai quyền trí thức, sớm tỉnh xét cảnh vinh hoa phú quý trong đời, chẳng qua là tuồng mộng ảo, chỉ có con đường đạo đức mới đưa ta đến chỗ trường tồn bất diệt:

***“Khuyên người trí sĩ mau mau tỉnh,
Giác mộng nam-kha chốn thế trần”.***

Đại ý là bởi nghiệp chướng xéo vày khiến chúng sanh phải luân chuyển trong vòng khổ đau sanh tử. Vì lòng từ ái, Đức Thầy khuyên kiếp độ đời:

***“Đại đồng chuông Đạo bon ngân,
Cho người trong mộng tỉnh lần giác mê”.***

(Viếng Làng Mỹ Hội Đông)

Ngài khuyên mọi người sớm tỉnh cơn mộng huyền và đáp xong nợ thế, hầu bước lên thuyền giác (Phật Đạo) vượt khỏi lẽ sanh tử.

CHÚ THÍCH :

TỈNH BẠN TRẦN GIAN: Đức Thầy thức tỉnh mọi người đang sống chung trong cõi đời. Sở dĩ Ngài dùng 4 chữ “Tỉnh Bạn Trần Gian” đề tựa cho 10 bài thi liên hoàn này là có dụng ý nói lên tinh thần bình đẳng (Phật đối với chúng sanh đồng nhất thể bình đẳng như nhau). Đó là Ngài đặt mình vào một trong vạn loại chúng sanh, cùng sống chung trong cõi trần như nhau. Nhưng Ngài đã sớm giác ngộ, thấu đạt đạo mầu, nay có trách nhiệm đánh thức mọi người tỉnh giấc mê lầm, lánh xa tuồng mộng ảo để cùng tu, cùng tiến qua bờ giải thoát.

NGHIỆP CHƯỚNG: Cũng gọi là *chướng nghiệp*. *Nghiệp* là nhân, hột giống, là việc làm gây tạo. *Chướng* là các vật ngăn che trở ngại. Kinh Phật giải, mỗi chúng sanh đều có ba nghiệp chướng: Phiền não chướng, nhân chướng và báo chướng. Đức Thầy nay cho biết: **“Mỗi người đều có ba nghiệp: Thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Ba nghiệp chướng ấy khiến con người phạm 10 điều ác”**. Chính đó là nguyên nhân luân hồi sanh tử, không thông đường giải thoát.

LÃNG LOÀN: Lấn áp, quấy phá, làm xáo trộn, gây tác hại. Ý nói do nghiệp chướng sai khiến làm thân tâm con người phải chịu muôn ngàn khổ não và luân hồi mãi trong sáu nẻo, khó mà thoát ly ra được.

CƯƠNG THƯỜNG: Cũng viết là *Cang thường*: Giềng mối lớn của đạo làm người, gồm có *tam Cang*: (quân thân, phụ tử và phu phụ) và ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín).

TỒ TỐC: Bồn phận của nữ giới, gồm có: *tam tùng* (tùng phụ, tùng phu, tùng tử) và *tứ đức* (công, dung, ngôn, hạnh).

NỖ NƯỚC: Cũng gọi là *Ăn đất nước*, tức một trong bốn ân lớn, mỗi người dân trong nước đều phải thọ và đền đáp.

VĂN CHUÔNG: *Văn* là vẽ đẹp, văn hoa, các điều gì diễn thành bài, chứa đựng nhiều ý nghĩa. *Chuong* là vẽ sáng, bày tỏ. Văn chương là những điều diễn thành câu thành bài, ghi lại sự việc đã xảy ra hoặc do trí tưởng tượng mà diễn tả bằng lời hay ý đẹp.

ƠN NHÀ: Công ơn Tổ tiên Cha mẹ, một trong bốn ân lớn: “*Ơn nhà tạm gác sau này trả*”.

ĐẠO ĐỨC: Chữ Đạo có nhiều nghĩa: Đạo là con đường, là bốn phận, là chơn lý tuyệt đối. Đức là tâm lành, từ bi bình đẳng. Người có đạo đức là có lòng từ bi bình đẳng hay thương người mến vật, làm việc chân chánh hợp với lẽ phải và chơn lý.

TRÍ SĨ: Có 2 nghĩa: (1) kẻ làm quan, từ chức về ở ẩn, (2) người có tài ăn học giỏi về sự đời (thế trí biện thông). Đây chỉ cho nghĩa thứ 2. Đức Thầy từng kêu gọi:

***“Hỡi ai tâm trí mau tâm đạo,
Tâm đấng hiền từ cứu thế gian”.***

GIÁC MỘNG NAM KHA: Cũng gọi là *giác Hòe* (Hòe-an mộng). Do điển tích Lý Công Tá đời Đường làm bài “*Nam-Kha ký*” thuật truyện: Thuần Du Phần nằm ngủ dưới gốc cây hòe, mộng thấy mình đến nước Hòe-an thi đậu, được vua gả công chúa và phong làm quan thái-thứ, trấn tại quận Nam-Kha. Đến sau đi đánh giặc bị thua, công chúa lại chết, vua đem lòng nghi ngờ, cách chức đuổi về. Khi thức giấc thấy mình còn nằm dưới gốc cây hòe. Thuần Du Phần nghĩ ra cuộc đời vinh sang, phú quý chỉ như giấc mộng thôi ! Ý chỉ cõi đời là giả tạm.

Trong Cung Oán Ngâm Khúc có câu:

***“Giác Nam Kha khéo bất bình,
Bình con mắt dậy thấy mình tay không”.***

Đức Thầy thường cảnh tỉnh mọi người:

**“Bồi hồi chợt tỉnh Nam Kha,
Đường danh nẻo lợi xem ra ích gì”.**(Cảm Tác)

CHÁNH VĂN (Bài 2)

**“Thế-trần tạm giả gạt đời ta,
Lướt khỏi sông mê khỏi ái hà.
Nhân-ngã, ngã-nhân đừng cách biệt,
Sắc không, không sắc chớ lia xa.
Diệu-huyền chơn-lý nơi đường sáng,
Ảo-thuật tà-tâm kiếm nẻo ra.
Lóng-lánh gương xưa lời Phật dạy,
16. **Hồng-trần ái-dục giết tài-hoa”.****

LƯỢC GIẢI :

- Hai câu mở đề (1&2) ý nói sự vật trong đời đều là tạm giả, không chắc thật lâu bền, dù có vui đẹp cũng chỉ là phù hoa ảo ảnh. Thế mà chúng sanh chẳng nhận rõ để phải bị lầm lạc đáng tiếc. Như xưa có bốn người bạn tạo ra một thiếu nữ bằng gỗ, rồi cho là thật mà cãi vã tranh giành lẫn nhau (Xem chuyện “Bị Gạt” trong quyển Điển Triết chọn lọc). Đức Thầy kêu gọi nhân sinh sớm thức tỉnh quay về nẻo Đạo để vượt khỏi sông mê bể khổ:

**“Thế trần tạm giả gạt đời ta,
Lướt khỏi sông mê khỏi ái hà”.**

- Cặp trạng (3 và 4): Ngài khuyên nhà tu không nên phân chia, ngã chấp, nên xem bình đẳng như nhau. Vì còn phân biệt nhân ngã thì còn luân hồi sanh tử mà hết phân biệt ngã nhân thì tâm được bình đẳng như như, an vui giải thoát.

Cho đến lý Sắc Không cũng thế, hành giả chẳng nên chấp Sắc bỏ Không, hay chấp Không bỏ Sắc, bởi Sắc và Không vốn đồng nhất thể. Nhà tu trong khi hành đạo, lia cả hai bên đối đãi và phải nhận Sắc tức là Không và

Không tức là Sắc, có dung thông cả Sắc lẫn Không mới chứng được cái Chơn không diệu hữu:

**“Nhân ngã, ngã nhân đừng cách biệt,
Sắc không, không sắc chớ lìa xa”.**

- Hai câu luận (5 và 6): Chơn lý của Đạo rất cao sâu huyền diệu và sáng màu vô cùng tận, hành giả nên nương theo đó mà hành đạo cho đến ngày viên mãn.

Lòng tà vạy là huyền giả gạt lường, từ trước tới giờ vì chúng sanh chưa tỉnh giác, nên vẫn bước quanh quẩn theo sự khiến sai của nó. Nay đã thức tỉnh thì hãy: **“Tìm đèn trí tuệ lánh thân ra”**(Than đời), để thoát ly sanh tử:

**“Diệu huyền chơn lý nơi đường sáng,
Ảo thuật tà tâm kiếm nẻo ra”.**

- Hai câu kết (7 và 8): Đức Thầy kêu gọi khách trần nên xét lại từ xưa biết bao tấm gương xán lạn, bao lời lẽ của chư Phật đã giáo huấn và lưu truyền đến nay. Người sống trên đời có lắm kẻ tài ba xuất chúng, quyền chức cao sang, nhưng thường bị lòng ham muốn xúi giục đắm nhiễm danh lợi tình mà phải bị chôn vùi trong bể ái:

**“Lóng lánh gương xưa lời Phật dạy,
Hồng trần ái dục giết tài hoa”.**

Đại ý bài 2 nói trần gian là cõi tạm và cũng là nơi đầy chàm bẫy, câu như chúng sanh phải đắm chìm trong bể ái. Ai muốn thoát ra hãy sớm giác ngộ tu hành, diệt lòng phân biệt nhân ngã, hiểu lý sắc không, nương đèn chơn lý và noi gương Phật Thánh, dẹp lòng ái dục để thành đạt mục đích giải thoát an vui.

CHÚ THÍCH :

THẾ TRẦN: Cũng gọi là trần thế, tức cõi đời đầy bụi bặm nhớp như đau khổ mà tất cả chúng sanh đang sống.

SÔNG MÊ: Lòng mê nhiễm trần tục, mênh mang như sông biển. *Sông mê* đối lập với *giác ngạn* (bờ giải)

thoát của chư Phật). Chính vì sự si mê (vô minh) trần tục ấy mà chúng sanh phải luân hồi mãi trong ba cõi sáu đường. Đức Thầy từng bảo: **“Trong khi các trò còn ở trong biển mê sông khổ, ...”**.(Lời khuyên bốn đạo)

ÁI HÀ: Ái là yêu, Hà là sông. Ý nói sự luyện ái tình dục của chúng sanh trần ngập như nước sông biển (*Ái hà thiên xích lãng, khổ hải vạn trùng ba*). Chính vì nó mà chúng sanh chìm đắm trong biển mê sông khổ. Đức Thầy khuyên: **“Bể ái hà gươm linh sớm dứt”**. (Diệu Pháp QM).

NHÂN NGÃ, NGÃ NHÂN: *Nhân* là người, *ngã* là ta. Đây chỉ lòng còn phân biệt giữa người và ta, giữa của người và của ta rồi dẫn đến tranh hơn thua, tranh tốt xấu...nên phải mãi mãi sanh tử luân hồi:

**“Tâm trần tục còn phân nhân ngã,
Thì làm sao thoát khỏi luân hồi”**. (Q.2)

Kinh Kim Cang, Phật dạy: *“Nếu người tu không còn phân biệt nhân ngã, thì không còn câu chấp: tướng nhỏ, tướng ngã, tướng chúng sanh, tướng thọ giả; tức chứng được cái chơn tướng của Như lai”*.

Đức Thầy nay cũng từng dạy:

“Nhân ngã sân si cũng dẹp dành”.

SẮC KHÔNG, KHÔNG SẮC: *Sắc* là những cái gì có hình tướng, màu sắc, thấy và cầm nắm được. *Không* là những cái gì vô hình, vô tướng, chẳng thấy hay sờ mó được, nhưng nó vẫn có chớ chẳng phải không (chơn không mà diệu hữu).

Về lý sắc không, Bát Nhã Tâm Kinh dạy:

“Sắc tức thị không, không tức thị sắc,

Sắc bất dị không, không bất dị sắc”.

(Sắc tức là không, không tức là sắc.

Sắc chẳng khác gì không, không chẳng khác gì sắc).

Nhà tu khi rõ được lý sắc không, chẳng còn thiên chấp bên nào. Nếu còn thiên chấp là còn biên kiến, không

nắm được chơn lý (chánh kiến), như các người mù sờ voi, rồi tả không ai giống ai hình dáng con voi ...Chỉ có người sáng mắt (có trí tuệ) mới thấy hình dáng đúng của con voi.

CHON LÝ: Cũng đọc là chân lý, tức là lý lẽ chân chính, thật tế rõ ràng, là lẽ phải không chối cãi khác được (nghịch với *ngụy lý*). Thuở xưa, Đức Phật dạy chư đệ tử:

“Tất cả những sự thật, theo suy nghiệm riêng của các người và sau khi xác nhận rõ ràng, phù hợp lẽ phải, tạo thành hạnh phúc cho các người và tất cả mọi người thì đó chính là chơn lý. Các người nên cố gắng sống theo chơn lý ấy”.

Chơn lý lại có hai phần:

1/- *Chơn lý Tương đối (tục đế):* Là lý lẽ tương đối với nhau mà có, như nóng với lạnh, tốt với xấu, sống chết, có không... Có ba định luật giúp cho người nhận đúng chơn lý: Luật nhân quả, Luật hằng chuyển, Luật bình đẳng.

2/- *Chơn lý Tuyệt đối (chân đế):* Lý lẽ tự nhiên sẵn có từ vô thi không thay đổi, đồng nghĩa với chữ Đạo. Nghĩa này rất thâm sâu không thể dùng văn từ, ngôn ngữ mà giải bày hết được, chỉ có tu hành khi đạt được bản tâm mới trực nhận được chơn lý này. Kinh dạy: *“Lý viên ngôn thông, ngôn sanh lý tán”*. (Chơn lý viên dung thật tướng, nếu dùng lời nói mà cho chơn lý thì chắc là thiên lệch và làm mất chơn lý đi).

Đề dung hòa sự lý, Ngài Phụ Đà Mật Đa có thuyết

Kệ: *“Chơn lý vốn không tên,*

Nhơn tên rõ chơn lý.

Thọ được pháp chơn thật,

Chẳng chơn cũng chẳng ngụy”.

Vậy người tu hành nhớ nương theo chơn lý mà đạt đạo.

DIỆU HUYỀN: Sâu kín màu nhiệm, ngoài sức hiểu biết của thế gian. Chỉ có người nhưt tâm hành đạo mới thấu đạt.

ẢO THUẬT: Giả dối, có ra không, không ra có; giả thành thật, thật thành giả... Ví dụ: Trò ảo thuật, không thật thể lâu bền:

“Tuồng huyễn hóa ai bày ra đấy,

Kiếp phù sinh trông thấy mà đau.

Trăm năm còn có gì đâu ?

Chẳng qua một nắm cỏ khâu xanh rì”.(Cung Oán)

TÀ TÂM: Cũng gọi là tâm tà, tức lòng gian ác tà vạy không ngay chánh thành thật. Đức Thầy khuyên:

“Lọc lẽ tà tâm sự đứng đầu”.(Thiên Lý Ca)

LÓNG LÁNH: Cũng gọi là long lanh hay óng ánh. Có nghĩa phản chiếu sáng sủa. Ý chỉ lời nói và hạnh tướng của những người đã có tâm đức và hành động thiện lương chơn chánh đều được sử sách noi ghi, để cho người sau noi dấu.

HỒNG TRẦN: Bụi đỏ, ý chỉ cõi đời đầy bụi bặm nhớp nhơ đau khổ. Đức Thầy viết trong Q. Khuyên Thiện:

“Cả hồng trần đau thương thống thiết...”

Và:

“Biển hồng trần lao lý diệu vui”.

ÁI DỤC: Thương yêu luyện ái tình dục, hoặc tham muốn các điều dục lạc.

TÀI HOA: Tài giỏi và hào hoa phong nhã, đều được nhiều người chung quanh khen chuộng: *“Hồng nhan là bả của người tài hoa”*(Ca dao).

CHÁNH VĂN (Bài 3)

“Tài-hoa cho lắm, lắm nài-tài,

Truy-lạc phong-trần chốn gốc gai.

Nếu đã tỉnh tâm tâm lẽ thẳng,

- Cũng nên rèn tánh gặp dàng ngay.
Sân-si phỏng có điều thêm bận,
Nhẫn-nhịn ắt không chuyện kéo dài.
Tiếng gọi hồn mê hồn được giác,
24. Phải toan sắm-sửa rứt trần-ai”.***

LƯỢC GIẢI :

- Hai câu mở đề (1 và 2) cho biết xưa nay trong đời, dầu cho tài ba xuất chúng cũng không tránh được tai nạn: ***“Tài tai hai chữ cân phân”***(Đức Thầy). Song nếu người có đạo đức thì dù khó khổ gì rồi cuộc cũng vượt qua. Còn kẻ hữu tài mà thiếu hạnh đức, để tâm phóng dật theo con đường sa đọa (tửu, sắc, tài, khí) ắt gặp nhiều gian nan vất vả, và ngày chung cuộc phải đọa lạc trần mê, để tiếng đời sau chê trách:

***“Tài hoa cho lắm, lắm nản tai,
Trụy lạc phong trần chốn gốc gai”.***

- Đến cặp trạng (3 và 4), Đức Thầy kêu gọi những ai đã giác tỉnh tu hành, hãy tìm con đường ngay chánh (Đạo) mà nương theo. Sớm lo tu rèn tâm tánh cho được thuần lương cao khiết, ắt có ngày đạt được Đạo quả:

***“Thấy một dàng thẳng bằng mà mê,
Ôi chừng đó mới là mầu nhiệm”.*** (GMTK, Q.4)

Và: ***“Nếu đã tỉnh tâm tâm lẽ thẳng,
Cũng nên rèn tánh gặp dàng ngay”.***

- Cặp luận (5 và 6) có ý dạy: Sân hận và mê si là hai điều ác của ý nghiệp và nó cũng là hai món phiền não căn bản: ***“Giận mất khôn”***. Chính nó khiến con người hay gây thù kết oán, vay trả ràng buộc lưu truyền, khó thoát vòng sanh tử. Bằng ai biết nhẫn nhục, từ bi, buông xả hết oán hận phiền não, tức tâm trí luôn được an tịnh dứt nghiệp luân hồi, thông dong trên đường giải thoát:

***“Sân si phỏng có điều thêm bận,
Nhẫn nhịn ắt không chuyện kéo dài”.***

- Hai câu kết (7 và 8) : Đức Thầy kêu gọi những ai còn mê đắm trong bể hồng trần hãy sớm giác tỉnh quay về nẻo Đạo. Đồng thời lo trang bị cho mình có đủ phương tiện hầu thoát ly cảnh trần ai sâu khổ:

***“Tiếng gọi hồn mê hồn được giác,
Phải toan sắm sửa rút trần ai”.***

- Tóm lại, đại ý bài 3: ***“Chữ tài thường gặp chữ tai”*** là định luật trong đời, ít ai tránh khỏi. Đức Thầy kêu gọi khách trần sớm thức tỉnh nương về nẻo Đạo, tu rèn tâm trí diệt sạch lòng mê si thù hận, nhẫn nhục từ bi để dứt nghiệp trái oan hầu bước lên bờ giác, vượt khỏi vòng trần ai sâu khổ.

CHÚ THÍCH :

NÀN TAI: Gặp nhiều tai nạn, gian lao vất vả.

TRUY LẠC: Sa ngã vào chỗ thấp hèn, trà đĩnh tửu điếm, tiêm nhiễm tử, sắc, tài, khí:

“Gặp hồi truy lạc đạo càng xa”.

(Nghĩ Việc Huyền Ca)

PHONG TRẦN: Gió bụi. Ý chỉ cõi đời đầy nhớp nhơ, gian lao vất vả.

“Đã đầy vào kiếp phong trần”(Kiều).

Đức Thầy cũng từng bảo:

“Kéo kiếp phong trần vầy gió dạn sương”.

CHÓN GỐC GAI: Nơi có nhiều gian lao khổ sở, cạm bẫy chông gai, ai vướng vào khó gỡ ra:

“Đường gai gốc thiên sơn vạn hải”.

(Xuân Hạ Tác Cuồng Thơ)

TỈNH TÂM: Lòng thức tỉnh sáng suốt, hết mê lầm.

TÂM LỄ THĂNG: Tìm ra giáo pháp đúng chơn lý mà nương theo

RÈN TÁNH: Sửa đổi tâm tánh cho được sáng suốt thuần chánh không còn nghĩ tưởng việc quấy ác tà vạy. Đức Thầy từng khuyên:

***“Tu rèn tâm trí cho mình,
Tánh kia thành kiếng phỉ tình chùi lau”.***

GẤP ĐÀNG NGAY: Thấu đạt được con đường đạo
đức chơn chánh.

SÂN SI: Sân hận và mê si, hai điều ác trong ý
nghiệp, cũng là hai món phiền não trong ngũ độn sử. Sân
si còn có nghĩa tánh hay giận hờn cãi vã, cuu thù kết oán.

PHÔNG CÓ: Sẽ có, ắt có.

NHÃN NHỊN: Nhịn nhục trước sự khó khăn thử
thách, nín lặng khi đối cảnh hơn thua, cãi vã, chưởi mắng
để đem lại sự hoà khí an vui. Đây là phương cách trừ tính
nóng giận:

“Và nhẫn nhịn đừng ham tranh luận”(Q.5).

HỒN MÊ: Tinh thần mê muội, tối tăm lầm lạc. Chỉ
cho các giới chúng sanh.

GIÁC: Tỉnh ngộ sáng suốt, hết mê lầm. Giác đồng
nghĩa với trí tuệ và Phật: ***“Phật là giác giả, giác giả là
tỉnh giả”***(Đức Thầy). *Giác* là từ đối lập với *mê*. *Giác* là
Phật là giải thoát an vui, *mê* là chúng sanh, là luân hồi
sanh tử.

CHÁNH VĂN (Bài 4)

***“Trần-ai chỉ có thú phong-lưu,
Tranh-đấu thành ra mãi oán cừu.
Chung cuộc chỉ mang câu thất vọng,
Xong đời ghi chât mối sầu ưu.
Cổ kim máy tạo nhiều huyền-bí,
Lão ấu xây vẫn lắm mẹo mưu.
Cũng chẳng cướp xong quyền võ-tru,
32. Mà còn đeo đấm thú phong-lưu”.***

LƯỢC GIẢI :

- Hai câu mở đề (1 và 2), ý nói phần đông người
sống trong cõi trần chỉ xem sự cao sang sung sướng là hơn

hết, nên cứ lo đấu tranh giành giật lẫn nhau. Nhưng chính vì tranh đấu mà vương lấy hận thù, hết kiếp này sang kiếp khác:

***“Trần ai chỉ có thú phong lưu,
Tranh đấu thành ra mãi oán cừu”.***

- Hai câu trạng (3 và 4) nhận rằng sự đấu tranh trả thù kết oán ấy mấy ai được toại nguyện mà chỉ thấy thất vọng là nhiều. Mãi đến ngày già biệt cõi đời vẫn còn ôm theo một khối sầu lo hận tủi:

***“Chung cuộc chỉ mang câu thất vọng,
Xong đời ghi chất mối sầu ưu”.***

- Hai câu luận (5 và 6): Xưa nay luật xây vắn của tạo hóa rất sâu mầu khó tả. Còn sự tính toán, mưu xảo của con người cũng chẳng vừa. Họ dùng đủ kế sách gian ngoa để đạt được kỳ vọng, song ngày kết cuộc đâu chẳng ra đâu:

***“Cổ kim máy tạo nhiều huyền bí,
Lão ấu xây vắn lắm mẹo mưu”.***

- Hai câu kết (7 và 8): ý cho biết dù loài người có trăm mưu ngàn kế cũng không thể thay được thiên nhiên vũ trụ hay đi ngược lý vô thường :“Thành, Trụ, Hoại, Không”. Thế mà sao họ vẫn còn mê đắm trò phong lưu ảo ảnh làm ?

***“Cũng chẳng cướp xong quyền vô trụ,
Mà còn đeo đắm thú phong lưu”.***

- Đại ý bài 4 muốn nói nhân loại sống trên cõi đời vì muốn chiếm hữu sự cao sang quyền quý mà phải đấu tranh gây thù kết oán, để ngày chung cuộc cũng không một ai đạt được kỳ vọng, lại còn ôm mối hận sầu miên viễn. Luật tạo hoá tuy vô hình, nhưng rất công minh thực tế, không một chúng nhân nào làm ngược lại được. Thế sao người đời chẳng sớm thức tỉnh lánh xa tuồng huyền hóa ?

CHÚ THÍCH:

PHONG LƯU: Hào hoa phong nhã. Nghĩa bóng chỉ người hay chơi bời phóng túng. Thú phong lưu là thú ăn chơi trụy lạc: “*Bình Khang là xóm phong lưu*” (Cổ thi).

TRANH ĐẤU: Cũng gọi là *đấu tranh*, có nghĩa là giành giật tranh chiến với nhau, giữa hai người, hai phe nhóm hoặc hai nước để giành giật quyền lợi về mình.

OÁN CỪU: Cũng gọi là cừu oán. Có nghĩa giận ghét, thù hằn với nhau.

THẤT VỌNG: Điều mong muốn mơ ước không thành.

SÀU UÛU: Buồn rầu lo lắng.

CỔ KIM: Xưa và nay.

MÁY TẠO: Cơ trời, luật tạo hóa. Đức Thầy có câu: “*Huyền cơ máy tạo xây vắn*”. Hoặc là: “*Quyết xây máy tạo gánh gồng chưa yên*”(Tự Thán).

HUYỀN BÍ: Huyền diệu sâu kín:

“*Ta ra sức viết câu huyền bí*”.(GMTK, Q.4)

LÃO ẤU: Già trẻ, nam nữ.

VÕ TRỤ: Cũng viết là *vũ trụ*. Khắp cả không gian và suốt thời gian. Nói chung là chỉ trời đất, tinh tú và vạn vật. Đức Thầy có câu: “*Cả vũ trụ khắp cùng vạn vật*”.

CHÁNH VĂN (Bài 5)

“*Phong-lưu nào phải gọi người ngoan,
Sa ngã biển nên kẻ khốn nàn.
Ngày đến, đến đi đâu kéo ngược,
Năm về, về mãi chẳng ngừng ngang.
Tuổi già thân yếu đa sầu cảm,
Tóc bạc mình ve lấm rộn-ràng.
Biết được trần-gian là mộng huyễn,
Tử thần sửa soạn kéo vào quan*”.

40.

LƯỢC GIẢI

- Hai câu mở đề (1 và 2) ý cho biết con người ở đời, sống với nếp sống cao sang quyền quý cũng chưa phải là người khôn ngoan, vì bị sa ngã vào vòng trụy lạc, gây tạo nhiều tội lỗi, rồi sẽ phải vương lấy tai nạn thống khổ:

***“Phong lưu nào phải gọi người ngoan,
Sa ngã biến nên kẻ khốn nàn”.***

- Cặp trạng (3 và 4): Ngày giờ đến rồi đi, mãi mãi không bao giờ đảo ngược; năm tháng xoay chuyển cũng thế, tuy thấy rất chậm, song vẫn vận hành theo định luật chó không khi nào dừng lại:

***“Ngày đến, đến đi đâu kéo ngược,
Năm về, về mãi chẳng ngừng ngang”.***

- Hai câu luận (5 và 6) ý nói: Mỗi người sanh ra thì lớn lên rồi tất phải già. Cái thân già nua tất phải đau yếu và hay nóng nảy sanh sự hờn duyên tội phận, ít khi nào được yên vui thư thái. Lại thêm xác thể của người già thì tóc bạc, răng long, lưng cong gúi mồi, thân hình gầy ốm, thường hay gặp nhiều việc bận rộn, khó khăn:

***“Tuổi già thân yếu đa sầu cảm,
Tóc bạc mình ve lấm rộn ràng”.***

- Hai câu kết đề (7 và 8): Mỗi chúng sanh có mặt trong cõi trần là do nghiệp mê ràng buộc, rồi tham chấp xác thân này là thật, và chấp vạn vật còn mãi trong thế gian. Chẳng ngờ nó thay đổi từ sát na, hết tuổi xuân xanh tới già nua cần cỗi, kế bệnh rồi chết. Một khi ta nhận ra kiếp người là ảo mộng thì lưỡi hái tử thần kề bên, và chiếc quan tài cũng chờ trực đưa ta về cõi chết:

***“Biết được trần gian là mộng huyễn,
Tử thần sửa soạn kéo vào quan”.***

- Đại ý bài 5 nói con người vì ham sống lỗi phong lưu đài các, ăn chơi trác táng, rồi chịu vô vàn khổ nạn. Thời gian qua, qua mãi chẳng dừng và cái thân tứ đại của ta cũng biến đổi theo định luật sanh, già, bệnh, chết. Khi

chúng ta nhận ra được thì quá muộn, bởi tử thần đã trực sẵn một bên.

CHÚ THÍCH :

SA NGÃ: Roi rớt vào chỗ hư hỏng thấp hèn, ăn chơi trụy lạc.

KHỐN NÀN: Cũng gọi là *khốn nạn*. Có nghĩa gặp tai nạn, khó khăn, khốn khổ... Ví dụ: Nên thương những kẻ khốn nàn.

MÌNH VE: Thân gầy ốm, thon nhỏ lại.

RỘN RÀNG: Bận rộn nhiều việc.

MÔNG HUYỄN: Cũng gọi là mộng ảo. *Mộng* là giấc chiêm bao; *Huyễn* là giả dối không thật có. Ý nói kiếp sống con người, và mọi cảnh vật vinh sang phú quý đều là tạm giả, không bền chắc lâu dài. Ví như chiêm bao tối còn sáng mắt. Kinh Quán Vô Lượng Thọ có câu: “*Cả thấy sự vật trong đời, có rồi cũng mất, giống như giấc chiêm bao, không thật. Lại cũng như tiếng dội, vang lên rồi hết (Giác liễu nhất thiết pháp, du như mộng, như hưởng)*”.

Đức Thầy nay từng chỉ bảo (trong bài Cảm tác):

“Gãm cuộc thế chẳng qua tuồng mộng ảo”.

Nên Ngài từng kêu gọi (bài Hai Mươi Tháng Chạp):

“*Dương gian mau tỉnh trong tràng mộng,*

Tâm kiếm nơi nào Đạo siêu cao”.

TỬ THẦN: Thần chết. Vì cái chết làm cho con người mất mạng nên ai cũng ghê sợ, coi nó như vị thần đèn bắt hồn, khiến cho xác thể phải chết. (Tích “Trôn tử thần”)...

Theo giáo lý nhà Phật chỉ có người tu hành khi chứng Đạo vào Niết Bàn, Cực lạc thì:

**“*Tử thần kia đâu dám bắt hồn,*
Thoát luân chuyển khỏi đeo khổ tử”*(Q.5).*

KÉO VÀO QUAN: Liệm vào quan tài, tức là cái hòm đựng xác người đã chết đem đi chôn.

Thời xưa tại huyện Ngô, tỉnh Giang Tô (Trung Hoa), có một ngôi chùa hiệu là Tô Châu, sư trụ trì là Viên Thủ Trung, đã tu hành lâu năm và chứng đạo.

Bình nhật, Sư thường bày trên án thư một cái quan tài bằng gỗ bạch đàn, dài độ 3 tấc, có nắp đậy mở được. Hôm nọ, có ông khách đến viếng chùa, thấy vậy liền cười, hỏi:

- Sư chế ra cái này dùng để làm gì ?

Sư ôn tồn đáp:

- Con người có sống tức có chết, khi chết rồi phải vào ngay cái này. Tôi thật lấy làm lạ, người đời ai cũng chỉ biết lo sao cho mình chóng đạt phú quý, công danh, tài sắc...bao nhiêu thị hiếu lo buồn chi phối, thân tâm phải vất vả suốt đời, chẳng nghĩ đến cái chết là gì !

Như tôi đây mỗi khi có việc không được như ý, tôi liền cầm lấy cái này mà ngắm, tức khắc tâm được yên ổn và muôn nghìn tư lự, buồn phiền đều tan sạch như hư không.

Cái quan tài nhỏ này đủ thay cho lời giáo huấn và giới răn của bậc nghiêm sư. Chính nó là một tấm gương sáng, một bài học quý giá được đề ngay trước mặt, hai bên để nhắc nhở chúng ta vậy !

CHÁNH VĂN (Bài 6)

*“Kéo vào quan-quách biết bao người,
Cảnh sống sum-vầy phỏng mấy mươi ?
Lắm lúc đua chen vui lẫn giận,
Nhiều khi vùi-vỡ khóc pha cười.
Tuồng đời chuốt-ngót cho xong tiếng,
Cuộc thế trau-giồi mượn tác hơi.
Nín thở nằm ngay không cựa quậy,
Xót thương con trẻ khóc đôi lời”.*

48.

LƯỢC GIẢI :

- Hai câu khai đề (1 và 2), ý nói xưa nay nhân loại sống trong trần, sự an vui sum hiệp của mỗi gia đình chẳng được bao lâu rồi thì kẻ trước người sau, ai ai cũng phải đi vào cõi chết:

***“Kéo vào quan quách biết bao người,
Cảnh sống sum vầy phỏng mấy mươi ?”***

- Hai câu trạng (3 và 4), ý cho biết thời gian chung sống trong gia đình, giữa thân bằng quyến thuộc, cha con chồng vợ, bao cảnh vui buồn thương xót xảy ra, không một gia đình nào vượt khỏi:

***“Lắm lúc đua chen vui lẫn giận,
Nhiều khi vùi vũng vấy khóc pha cười”***

- Hai câu luận (5 và 6) nói kiếp sống của mỗi người chẳng khác nào một tuồng hát, luôn có sự tính toán lo nghĩ: Nào xoay trở làm sao cho mình có tiền của ruộng vườn, tước quyền danh vọng, nào trau giồi chung diện, ăn sang mặt đẹp, con cháu đầy nhà. Sự hưởng thụ ấy chẳng qua là ta còn trong hơi thở, song một khi hơi thở dứt đi thì mọi việc đều thôi:

***“Tuồng đời chuốt ngót cho xong tiếng,
Cuộc thế trau giồi mượn tác hơi”***

- Hai câu kết (7 và 8), ý nói lúc sống còn ai cũng lo tranh đấu mạnh được yếu thua, tham cầu bảo thủ những vật chất phù hoa. Một khi số vô thường gõ cửa thì mọi vật đều buông, chỉ còn nghe những tiếng nấc nghẹn của thân bằng quyến thuộc khóc than thương tiếc:

***“Nín thở nằm ngay không cựa quậy,
Xót thương con trẻ khóc đôi lời”***

- Đại ý bài 6 diễn tả kiếp sống của nhân sanh, có mấy ai được an vui mãi mãi, chỉ thấy bao sự đau buồn giận tức bao vây dồn dập. Cho dù ta có ngôn ngữ khéo khôn hay chen lấn cho cuộc sống còn, nhưng đến khi trút hơi

thở cuối cùng thì những cái gì có hình tướng đều tan biến, chỉ còn nghe những tiếng nấc than rên khóc của người thân.

CHÚ THÍCH :

QUAN QUÁCH: *Quan* là cái hòm lớn; *Quách* là cái hòm nhỏ. Nói chung, *quan* hay *quách* cũng là cái hòm để liệm xác chết vào đó rồi khiêng đi chôn.

CHUỐT NGÓT: Trau chuốt ngọt ngào. Đây chỉ lời nói khéo léo khiến người khác dễ cảm mến và tin tưởng.

MƯỜN TẮC HƠI: Hơi thở rất ngắn ngủi yếu ớt. Người ta nhờ hơi thở mà sống.

Xưa, có lần Đức Phật hỏi chư đệ tử:

- Kiếp sống của con người là bao lâu ?

Vị thứ nhất đứng lên bạch:

- Theo con nghĩ kiếp sống của con người rất ngắn ngủi, chừng một năm thôi.

Vị thứ nhì nói :

- Bạch Phật, kiếp sống của con người chỉ một ngày thôi !...

Phật đáp:

- Hiểu như vậy đều chưa đúng !

Tới vị đệ tử cuối cùng đứng lên nói:

- Bạch Đức Thế Tôn, theo con nghĩ kiếp sống của mỗi người chỉ qua một hơi thở thôi. Vì còn thở là sống mà hết thở là chết.

Phật gật đầu đồng ý và nói :

- Đúng thế, vậy các ông rán hành đạo kịp trước khi chết.

Cũng theo ý này, nay Đức Thầy khuyên các tín đồ:

“Phải rán tu đặng mà chết,

Chớ đờng để chết đến mà chẳng có tu”.

KHÔNG CỬA QUẬY: Nằm yên không động đậy, nhúc nhích. Đây chỉ cho người chết.

CHÁNH VĂN (Bài 7)

**“Đôi lời kể lại nỗi hàn-huyên,
Ma lớn chạy to phí lắm tiền.
Tưởng vậy xác-thân đa hạnh-phúc,
Nào hay hồn-phách lắm oan-khiên.
Thiên-đường siêu-thoát thời thông-thả,
Địa-ngục trầm-luân ắt đảo-điên.
Nên chọn một nơi thanh-tịnh ấy,
56. Rút trần bất nhiễm mới là yên”.**

LƯỢC GIẢI :

- Hai câu mở đề (1 và 2), ý nói thông thường trong gia đình nếu có một người chết thì thân quyến, con cháu khóc than kể lẻ thảm thiết. Việc tang ma được tổ chức tế lễ linh đình, sát sanh hại vật để cúng tế chỉ tốn tiền của, chớ không đem lại lợi ích gì:

**“Đôi lời kể lại nỗi hàn huyên,
Ma lớn chạy to phí lắm tiền”.**

- Đến 2 câu trạng (3 và 4): Người ta quan niệm việc tổ chức đám tang long trọng là được xóm làng khen ngợi, gia tộc vinh vang. Nào ngờ làm như thế, chẳng những tốn hao tiền của và mê tín dị đoan, lại còn khiến cho người chết mang nghiệp sát hại mà phải luân chuyển báo đền kiếp này sang kiếp khác:

**“Tưởng vậy xác thân đa hạnh phúc,
Nào hay hồn phách lắm oan khiên”.**

- Cặp luận (5 và 6) : Đức Thầy phân tách hai cảnh giới Thiên đường và Địa ngục, nếu ai biết giác ngộ tu hành thương người mến vật, bố thí phóng sanh, tránh nghiệp sát hại, khi chết được siêu thoát lên thiên đường hưởng sự tiêu diêu khoái lạc. Còn kẻ nào mãi mê tín, sát sanh hại vật cúng tế người quá vãng, tất bị nghiệp báo sa đọa vào cảnh giới địa ngục chịu hành phạt vô cùng khổ sở:

***“Thiên đường siêu thoát thời thông thả,
Địa ngục trầm luân ắt đảo điên”.***

- Hai câu kết (7 và 8): Đức Giáo Chủ khuyến tấn hành giả nên chọn con đường hành thiện, tránh ác để được siêu thoát về thiên đường hưởng cảnh trong sạch an vui. Đồng thời, khuyên tránh xa con đường địa ngục bằng cách chừa nghiệp ác và dứt lòng đắm nhiễm hồng trần:

***“Nên chọn một nơi thanh tịnh ấy,
Rút trần bất nhiễm mới là yên”.***

Và Ngài cũng nói:

***“Cư trần bất nhiễm là người Thánh,
Lấn tục đừng mê chứng bậc hiền”.***

- Đại ý bài 7 Đức Thầy khuyến khi gia đình có người từ trần, không nên than khóc kể lễ hay bày tiệc linh đình. Vì làm thế chẳng có ích chi, lại còn khiến cho người chết phải mang thêm nghiệp quả. Hãy nhận rõ địa ngục là nơi đầy khổ não, đen tối cần nên xa lánh. Còn Thiên đường là nơi siêu thoát thông dong, nhà tu nên chọn nơi cao khiết đó mà tiến thân.

CHÚ THÍCH :

HÀN HUYÊN: Âm và lạnh, tức lời hỏi thăm sức khỏe và sự làm ăn sanh sống khi gặp nhau. Câu “***Đôi lời kể lại nỗi hàn huyền***”, có nghĩa vừa khóc vừa kể việc người chết lúc còn sống đối với mình.

MA LÓN CHAY TỌ: Tổ chức cuộc tang ma long trọng. Từ xưa, khi trong nhà có người chết các nhà giàu thường tổ chức đám tang rất rình rang, như: giết bò heo đãi dâng cúng tế, trống kèn lễ nhạc, mời thỉnh các thầy như-bông tụng kinh cầu siêu, hát Phật hoặc đốt giấy tiền vàng bạc, xá phước lâu kho...Xét ra các tục lễ ấy không có ích chi và cũng chẳng đúng chơn lý của Đạo Phật.

HANH PHÚC: Được vận may phúc tốt, mọi việc đưa đến như ý. Chính hạnh phúc là cái tốt lành trong luân

lý và lý tưởng đạo đức. Cổ thi có câu: “*Tìm chơn hạnh phúc thoát đường trái oan*”. Đức Thầy nay cũng nói:

**“*Biết làm sao gieo đạo khắp đại đồng,
Đưa nhơn loại đi vào vòng hạnh phúc*”.**

(Không Buồn Ngủ)

HỒN PHÁCH: Phần khôn biết của con người. Lão Giáo và Khổng Giáo gọi là *hồn phách* hay là *hồn vía*. Phật Giáo gọi là *thần thức, hữu* hay *ám*. Người ta thường nói “*bay hồn khiếp vía*” hay “*hồn bay phách tán*”.

OAN KHIÊN: Mỗi thù từ kiếp trước kéo tới kiếp này, có khi phải tới kiếp sau nữa. Ý nói: nếu ta giết hại người hay sanh vật đều bị nghiệp quả báo đền. Đức Thầy bảo (bài Hoài Cổ):

**“*Ta bà thật cảnh ưu phiền,
Duyên trần cấu kết oan khiên báo đền*”.**

THIÊN ĐƯỜNG: Cõi Trời hay *cảnh Tiên*, đối lập với *trần gian* hay *địa ngục*. *Thiên đường* ở đây chỉ cảnh giới siêu thoát. Đức Thầy có câu:

**“*Lam kiền hữu lộ vắng hoe,
Ngục môn không cửa mà hè nhau đi*”.**

(Đề Chơn Đất Bấc)

ĐỊA NGỤC: Có rất nhiều nghĩa:

1. *Bất lạc, bất khả lạc.* Ấy là nơi chẳng vui, chẳng có thể vui được, vì có đủ mọi thứ khổ.

2. *Bất khả cứu tế:* Không thể cứu cho thoát khỏi, vì cảm ứng cái việc đã làm.

3. *Âm minh:* Nơi tối tăm, chúng sanh ở cảnh ấy không hề nghe biết đạo lý, chánh pháp.

4. *Địa ngục:* Cảnh ngục thất, cảnh hành hạ ở dưới đất.

Địa ngục là một trong sáu nẻo luân hồi, là một trong *lục thú*. Vị trí của nó hoặc ở dưới đất, hoặc ở kẹt núi, hoặc theo sông rạch, có khi ở biển cả hay đồng nội.

Người bị đọa vào địa ngục là lúc sống phạm các tội nặng như 10 điều ác hoặc ngũ nghịch.

TRÀM LUÂN: Chìm đắm trong sáu nẻo luân hồi.

RÚT TRẦN: Buông bỏ hết nghiệp duyên trần cấu trong cõi trần, như : lục trần, lục dục.

BÁT NHIỄM: Chẳng còn ô nhiễm (tử, sắc, tài, khí) hay các vật chất như danh, lợi, tình...

CHÁNH VĂN (Bài 8)

*“Mới là yên-ổn lánh trần-gian,
Chí nguyện tiêu-diêu cảnh Phật-đàng.
Diệu-pháp chuyển thân vô sự thế,
Huyền-thông hóa kiếp chẳng lo toan.
Tâm linh mắt thánh xem ba cõi,
Tánh hiển tai thần lóng bốn phang.
Phổ-tế chúng sanh qua bể khổ,
64. Di-Đà miệng niệm lánh trần-gian”.*

LƯỢC GIẢI :

- Hai câu mở đề (1 và 2) có liên quan với bài trước. Ý nói người tu được siêu thoát về cảnh Tiên Phật mới được yên vui tự tại. Song muốn thành đạt phải lập chí lập nguyện sâu dày, bền chắc mới mong kết quả:

*“Mới là yên ổn lánh trần gian,
Chí nguyện tiêu diêu cảnh Phật đàng”.*

- Cặp trạng (câu 3 và 4) : Đức Thầy kêu gọi hành giả cần nương theo giáo pháp cao sâu huyền diệu của Tổ Thầy đã dạy mà sửa đổi tâm chúng sanh trở thành tâm Phật Thánh, tức tâm trí chẳng còn vướng bận việc thế trần. Và chuyển hóa kiếp sống phàm phu trần tục thành pháp thân thường trụ, lòng dứt sạch phiền não tính toan, tức biến tâm sẽ thanh tịnh mà an trụ nơi tịch tịnh Niết bàn:

*“Diệu pháp chuyển thân vô sự thế,
Huyền thông hóa kiếp chẳng lo toan”.*

- Hai câu luận (5 và 6) ý dạy: Khi người tu chuyển hóa thân tâm phàm phu ra tâm Phật Thánh rồi sẽ đắc được 6 pháp thần thông, tức *mắt* thấy suốt ba cõi sáu đường không một vật nào ngăn che, *tai* nghe suốt các thứ tiếng của muôn loài khắp bốn phương thế giới, không sót một tiếng động nào:

***“Tâm linh mắt thánh xem ba cõi,
Tánh hiển tai thần lắng bốn phương”.***

- Hai câu kết đề (7 và 8): Đức Thầy dạy người tu phải trải qua ba giai đoạn: Tự giác, Giác tha và Giác hạnh viên mãn. Nên khi hành giả đạt thông huyền diệu thì có trách nhiệm phổ độ các giới chúng sanh giác ngộ tu hành. Vậy chúng sanh nào muốn vượt khỏi bể trần thống khổ, hãy sớm chuyên tâm niệm Phật làm lành tất được kết quả:

***“Phổ tế chúng sanh qua bể khổ,
Di Đà miệng niệm lánh trần gian”.***

- Đại ý bài 8: Đức Thầy kêu gọi hành giả nào muốn tiến đến cảnh an vui tịch tịnh của Tiên Phật, trước hết phải nương giáo pháp để chuyển hóa thân tâm từ phàm phu ra thân tâm Phật Thánh, chuyển phiền não thành bồ đề, chuyển mê ra giác,... tất được 6 pháp thần thông. Đó là phương pháp *tự lực cứu cánh* (Thiền tông). Đức Thầy còn dạy thêm pháp tu *tha lực cứu cánh*, tức là pháp làm lành niệm Phật để nhờ tha lực của Phật A Di Đà tiếp độ mình thoát khỏi luân hồi sanh tử một cách trọn vẹn.

CHÚ THÍCH :

CHÍ NGUYÊN: Ý muốn và chí quyết định làm một việc gì cho được kết quả. Đây là một trong ba đức tánh: Tín, Nguyện, Hành. Người tu phải có chí nguyện bền bỉ và cương quyết cho đến ngày thành công, chẳng để một trở ngại nào làm lay chuyển sự tu của mình, Đức Thầy hằng khuyên: ***“Trên dưới một lòng chí nguyện tu”.***

TIÊU DIÊU: Cũng viết là *tiêu dao*, có nghĩa thông thả tự tại, không gì ràng buộc được. Đức Thầy cho biết:

**“Tiêu diêu đạo đức luận bàn,
Vân du võ trụ thanh nhàn biết bao”**(Hoài Cổ).

CẢNH PHẬT ĐƯỜNG: Nhà Phật, cõi Phật hay xứ Phật. Đây chỉ cảnh Niết Bàn hay Cực Lạc.

DIÊU PHÁP: Pháp môn màu nhiệm, tối thắng, không thể suy xét bàn luận cùng tột được. Đây cũng là phù hợp với tên bộ kinh “Diệu pháp Liên Hoa”. Sự màu nhiệm ấy tạm chia làm hai phần:

1.*Diệu pháp thuyền*: Diệu pháp ví như chiếc thuyền, có diệu năng đưa chúng sanh ra khỏi biển khổ sanh tử.

2.*Diệu pháp đặng*: Diệu pháp ví như ánh đèn soi sáng thế gian khỏi bị hắc ám: **“Diệu huyền chơn lý nơi đường sáng”** (Bài 2 trên).

CHUYỂN THÂN: Tu tập chuyển xác thân giả tạm trở thành chơn thật. Pháp Bảo Đàn Kinh có dạy cách chuyển thân:

Chuyển bát thức thành tứ trí và chuyển tứ trí thành tam thân như sau: Năm thức đầu (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân) chuyển thành “Thành sở tác trí”; Ý thức (thức thứ 6) chuyển thành “Diệu quan sát trí”; Mạt na thức(thức thứ 7) chuyển thành “Bình đẳng tánh trí” và A lại da thức/Hàm tàng thức (thức thứ 8) chuyển thành “Đại viên cảnh trí”. Rồi lại dùng Thành sở tác trí và Diệu quan sát trí chuyển thành “Thiên bá ức hóa thân”, Bình đẳng tánh trí chuyển thành “Viên mãn báo thân”, Đại viên cảnh trí chuyển thành “Thanh tịnh pháp thân”.

Đức Thầy nay cũng dạy (bài Hoài Cổ:

**“Tính xong món nợ lần khôn,
Thoát vòng cương tỏa pháp thân nhẹ nhàng”**.

VÔ SỰ THỂ: Chẳng còn ô nhiễm chứa chấp việc thế tục. Đức Thầy từng dạy: Người niệm Phật muốn chứng

thành Phật quả thì: ***“Chẳng còn vương víu chi cuộc lợi danh tài sắc, nhìn cõi đời chẳng bao giờ sanh lòng luyến ái”***.

HUYỀN THÔNG: Sự thần thông huyền diệu. Chỉ cho 6 phép thần thông, như lời Đức Thầy:

***“Ngày nào đắc được lục thông,
Vớt hồn cha mẹ Tổ tông bảy đời”***.

HÓA KIẾP: Đồi kiếp sông phàm phu trở thành Phật Thánh, đúng theo lời Đức Thầy đã dạy: ***“Thiền định đặt làm thể, trí tuệ đặt làm mạng, linh hồn nhập liên hoa siêu sanh vào cõi Niết bàn”***.

Hoặc là:

***“Cư trần bất nhiễm là người Thánh,
Lấn tục đừng mê chứng bậc hiền”***.

(Luận Việc Tu Hành)

Cũng như Ngài Trần Huyền Trang khi sắp thâu đạt Tam Tạng Kinh điển tức phải bỏ thân phàm tục chỉ còn Phật thân...

HẾT LO TOAN: Không còn bị phiền não (tham, sân, si) làm bận rộn tâm trí.

TÂM LINH: Tâm trí linh diệu sáng suốt, tức chỉ cái chơn tâm diệu minh sẵn có của mỗi người. Đức Thầy có câu: ***“Nếu ai biết sửa tâm linh mới mau”***(Q.3).

MẮT THÁNH: Cặp mắt của người tu khi chứng từ Thánh quả A-la-hán trở lên, tức đắc lục thông, ở đây chỉ đề cập phần nhãn thông. Mắt thấu suốt mười phương, ba cõi, không vật nào ngăn che được. Đức Thầy cho biết:

***“Cặp mắt Thánh dòm xem tứ hải,
Thương hồng trần mượn xác tái sanh”***.

(Diệu Pháp Quang Minh)

BA CÔI: Nghĩa của chữ Tam giới: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

TÁNH HIỀN: Nghĩa của chữ *kiến tánh*; chỉ người tu khi kiến diện chơn tánh hay chứng quả Phật.

TAI THẦN: Nghĩa của chữ thiên nhĩ thông, tức tai nghe hết các tiếng muôn loài và khắp mười phương rất rõ ràng, không hề thiếu sót.

BỐN PHƯƠNG: Bốn phương hướng, ở đây chỉ cho khắp cả vũ trụ vạn hữu.

PHỔ TẾ: Phổ độ và cứu tế. Nghĩa của chữ *Bồ tát*, tức bậc có lòng từ bi đem mọi vật sở hữu cứu giúp và phổ độ khắp chúng sanh, khiến họ được lợi ích an vui và giác ngộ tu hành. Do câu: “*Bồ giả phổ giả, tát giả tế giả. Cứu hơn chi cấp, tế hơn chi nguy, nãi thị Bồ tát*”. Đức Thầy có câu (bài “Say”):

***“Say đạo huyền vi nước tịnh dương,
Say câu bồ tát rưới cho thường”.***

BỂ KHỔ: Sự khổ của chúng sanh sống trong cõi Ta bà rất nhiều, mệnh mông như bể cả. Câu “*qua bể khổ*” có nghĩa vượt khỏi cảnh trần khổ trong cõi Ta bà. Đức Thầy từng khuyên:

***“Trong biển khổ mau mau tránh khổ,
Rán tâm vào đến chỗ an cư”*** (Thiên Lý Ca).

DI ĐÀ MIỆNG NIỆM: Trì niệm sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật”(Tu theo pháp môn Tịnh độ).

CHÁNH VĂN (Bài 9)

***“Trần-gian khói lửa với đao binh,
Chư Phật sớm bày phép hiển-linh.
Cứu khổ nam-mô vô lượng phước,
Diệt nàn tu-rị hữu thiên kinh.
Sóng xao dương-thế nhiều cay đắng,
Gió cuốn trần-gian nổi bất bình.
Tín-nữ thiện-nam gìn mối đạo,
Dầu cho lẫn-lóc rán kiên-trinh”.***

72.

LƯỢC GIẢI :

- Hai câu mở đề (1 và 2): Đức Thầy cho biết hiện tình khắp cõi trần đang gặp khổ nạn đao binh nước lửa dồn dập. Ngài cũng như chư Phật vì lòng từ bi mới lâm phạm khai Đạo, dùng mọi phương tiện khéo mầu để giải khổ cho cả chúng sanh:

***“Trần gian khởi lửa với đao binh,
Chư Phật sớm bày phép hiển linh”.***

- Hai câu trạng (3 và 4): Với thời Hạ nguơn mặt pháp, pháp môn niệm Phật là mầu diệu hơn hết. Chỉ có sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật, nếu ai cố gắng trì hành tất được thoát khổ, tiêu tan mọi tai nạn và được vô lượng phước đức. Từ xưa, trong ngàn kinh muôn sách, cũng đều dạy như thế:

***“Cứu khổ Nam mô vô lượng phước,
Diệt nạn tu rị hữu thiên kinh”.***

- Cặp luận (câu 5 và 6): Ý cho biết từ nay diễn tiến đến ngày chung cuộc, chúng sanh phải đương đầu với bao điều đắng cay khổ nạn, bao việc lán áp bất bình, dù thiên tai hay nhân tạo đều do nghiệp quả của chúng sanh gieo rắc, giờ đây phải thụ hưởng;

***“Sóng xao dương thế nhiều cay đắng,
Gió cuốn trần gian nổi bất bình”.***

- Hai câu kết (7 và 8): Đức Thầy kêu gọi thiện nam tín nữ trên đường tu tiến phải nhất tâm gìn tròn mỗi Đạo. Dù gặp nhiều gian lao khổ khó, tai nạn dập dồn hay lăm chông gai thử thách, nhà tu cũng rán kiên tâm nhẫn nhục vượt qua để gìn tròn tiết tháo đối với đạo pháp và Thầy Tổ:

***“Tín nữ thiện nam gìn mỗi đạo,
Dù cho lãn lóc rán kiên trình”.***

- Đại ý bài 9, Đức Thầy cho biết: Bởi nghiệp tham sân, sát hại của chúng sanh gây tạo từ trước, giờ đây phải gặt lấy quả thiên tai địa ách, nước lửa đao binh. Vì lòng từ bi, thấy chúng sanh đang lâm vào cảnh khổ, Đức Thầy

chuyên thân độ thế. Ngài truyền dạy pháp tu niệm Phật, là pháp tu huyền diệu, tối thắng, nếu ai trì hành tất giải được nghiệp cũ, vừa tạo được vô lượng phước đức vừa bước sang bờ giải thoát.

Song từ đây đến ngày kết cuộc, nhà tu phải đương đầu với bao tai biến hãi hùng, chông gai thử thách. Hành giả cần kiên tâm nhẫn nại, vững chí vượt qua mới đạt thành ý nguyện:

*“Mang giày nhẵn nhục leo chong,
Mặc y tinh tẩn, đeo cung đại hùng”*(Thanh Sĩ).
Có thể hành giả mới hái lấy quả tốt lành của Đạo.

CHÚ THÍCH :

HIỂN LINH: Pháp hiển linh là pháp mâu diệu, linh hiển và dễ tu dễ chứng đắc.

NAM MÔ: Do Phạn ngữ *Namah*. Hán dịch là *qui mạng và cứu ngã*, tức lòng mình rất tôn kính nương theo Đức Phật và cầu Ngài cứu độ. Nên chữ Nam mô cũng có nghĩa như chữ *qui y*, Đức Thầy thường dạy:

*“Nam mô Thích Ca Như lai,
Ta Bà Giáo chủ xin Ngài chứng minh”* (Q.5).

VÔ LƯỢNG PHƯỚC: Phước đức không thể đếm lường được. Ý nói người chí tâm niệm Phật và hành thiện, tránh ác, bỏ thí giúp đời vô trụ tướng thì đặng gặp kết quả vô lượng phước đức:

*“Giúp đời đừng đợi trả ơn,
Miễn tròn bổn phận hay hơn bạc vàng”*(Q.3)

DIỆT NẠN: Dứt hết tai nạn thống khổ.

TU RI: Vốn rút từ một câu chú trong kinh Phật mà các nhà tu hằng niệm. Tụng cho đủ là “*tu tu rị*” hoặc “*tu đa rị*”. Chú này có hiệu lực làm tiêu tan mọi tai nạn thống khổ.

TÍN NỮ: Phạn ngữ là *Upâsikâ*, phiên âm là *Ưu-bà-di*, dịch là *Cận sự nữ*. Có nghĩa những người nữ thọ pháp

Tam qui ngũ giới, tu hạnh tại gia, thường thân cận các tự viện lễ Phật nghe Kinh và ủng hộ Tam Bảo.

THIỆN NAM: Phạn ngữ là *Upāsaka*, phiên âm là *Ưu-bà-tắc*, Hán dịch là *Cận sự nam, thiện túc nam, thanh tín sĩ, cư sĩ*. Có nghĩa người nam thọ Tam qui ngũ giới, thường thân cận các chùa lễ Phật, nghe Pháp và ủng hộ Tam Bảo.

KIÊN TRINH: *Kiên* là giữ vững; *Trinh* là trong sạch. Nghĩa chung là giữ vững lòng trong sạch trước sau như một.

CHÁNH VĂN (Bài 10)

***“Kiên-trinh mà chịu lúc nản tai,
Dầu có gian-nạn dạ chớ nài.
Vàng đá bao phen cơn nước lửa,
Chì thau lắm chuyện lúc non hài.
Bền gan chờ đợi ngày sum hiệp,
Gắng chí trông mong bữa tiệc khai.
Thiên địa tuần-huần gom một mối,
80. Phàm-trần vẹn kiếp kiến Bông-Lai”***

Nhà thương Chợ-Quán, tháng chạp năm Canh-Thìn.

LƯỢC GIẢI :

- Hai câu khai đề (1 và 2): Đức Thầy khuyến tấn trên đường tu tiến dù gặp lắm gian lao khổ nạn, hành giả chẳng nài hà nao núng, lúc nào cũng kiên chí vượt qua:

***“Kiên trinh mà chịu lúc nản tai,
Dầu có gian nan dạ chớ nài”***

- Hai câu trạng (3 và 4): Ý nói vàng và đá là hai vật cứng, tốt có giá trị cao, dầu đem ngâm nước hay để vào lửa đốt bao nhiêu lần cũng không phai màu, đổi chất. Dù cho người tu có lòng trung kiên tiết hạnh, dù gặp hoàn cảnh trái nghịch cũng chẳng thay lòng đổi ý.

Còn chì và thau là hai vật yếu mềm, dễ bị hỏng và hư móp, dụ cho hành giả trên đường tu còn non yếu nên dễ thay lòng đổi dạ hoặc thối chuyền:

***“Vàng đá bao phen cơn nước lửa,
Chì thau lắm chuyện lúc non hài”.***

- Cặp luận (câu 5 và 6) : Ý dạy nhà tu hãy mạnh tin nơi định luật bi hoan, ly hiệp, để kiên gan bền chí trên đường tu học cho đến ngày tới Thầy tôi chúa cùng sum hiệp:

***“Bền gan chờ đợi ngày sum hiệp,
Giữ chí trông mong bữa tiệc khai”.***

- Hai câu kết (7 và 8) : Ý dạy rằng vạn pháp trong thế gian đều diễn biến theo định luật *“Thiên địa tuần hoàn châu nhi phục thì”* và kiếp sống của nhân loại trong cõi hồng trần, nếu ai biết tu sửa cho tròn đạo nghĩa, tất đến ngày kết cuộc sẽ kiến diện cảnh Bồng lai tại thế:

***“Thiên địa tuần hoàn gom một mối,
Phàm trần vạn kiếp kiến Bồng lai”.***

- Nội dung bài thứ 10: Đức Thầy dạy môn đồ trên đường tu tiến, dù gặp nhiều gian lao thử thách cũng vẫn kiên tâm nhẫn nại vượt qua, rèn luyện cho mình có một tấm lòng vàng son sắt đá, một chí khí kiên cường để:

***“Ngóng trông chờ vận thời đưa đến,
Đặng chung cùng một tiệc quỳnh tương”.***

Vì chính đó là ngày:

“Bốn biển một nhà Cha, Phật, Thánh”.
(Nang Thơ Cẩm Tú)

Hoặc là:

“Khấp hết thế gian thoát chốn tù”.

Và cũng là ngày:

“Bồng lai tại thế non dường sánh”.

CHÚ THÍCH :

NÀN TAI: Cũng viết là tai nàn, tức gặp cảnh nguy hiểm khổ khó.

GIAN NAN: Khó khăn khốn khổ.

CHỖ NÀI: Cũng gọi là chảng nài hay không nài, đừng ngại. Ví dụ: Dù gặp khổ cũng chảng nài hà.

VÀNG ĐÁ: Hai vật cứng chắc lâu bền, dù đem ngâm nước bỏ vào lửa đốt bao lâu cũng không biến chất: vàng là vàng, đá là đá. Ý chỉ người tu có lòng bền chắc trước sau như một, không thay lòng đổi dạ.

BAO PHEN: Nhiều lần.

CHỈ THAU: Hai chất mềm yếu dễ chảy, dễ tan và dễ phai lợt. Đây chỉ cho người tu chưa kinh nghiệm già dặn, còn non kém, nên khi gặp thử thách vội thối chí nản lòng.

LÂM CHUYỆN: Nhiều việc xảy đến.

NON HÀI: Yếu đuối nhỏ bé. Chỉ cho người còn non lòng nhẹ dạ, nên khi gặp cảnh khó khăn dễ sang thuyền đổi hướng.

NGÀY SUM HIỆP: Buổi trùng phùng hội ngộ. Đây chỉ lúc người Pháp dời Đức Thầy đi khắp nơi, khiến tó thầy xa cách; nhưng tin vào định luật hợp tan thì sớm muộn gì thầy trò cũng có ngày trùng phùng tái ngộ.

BUỔI TIỆC KHAI: Ngày ca khúc khai hoàn, tức ngày mọi việc đều thành công kết quả, Đức Thầy có câu:

“Dân được vui nhờ lúc khai hoàn” (Q.4).

THIÊN ĐỊA TUẦN HUỒN: Do câu: *“Thiên địa tuần hoàn châu nhi phục thi”* (Luật trời đất, hễ xoay giáp vòng thì trở lại mỗi đầu).

“Chờ thiên địa châu nhi phục thi,

Như đời xưa có gả Tử Phòng.

Xem thời cơ người đã rõ thông,

Dùng tôi thiếu mà an bá tánh” (Q.4)

BÔNG LAI: Tên một hòn đảo ở biển Bột Hải. Các từ điển chép: Trong biển Bột Hải có ba hòn đảo: 1. Bông Lai, 2. Phương Trượng, 3. Doanh Châu. Nước ở biển này rất yếu, nhẹ (nhược thủy), cho đến lông chim rớt cũng chìm. Trong văn chương thường dùng “*Non Bông nước Nhược*” để chỉ cảnh Tiên (cảnh tiêu diêu thoát tục) đối với cõi trần đầy tục lụy:

*“Bầu trời man mác xa trông,
Đâu là nước nhược non bông là đâu”* (Cổ Thi).

Đức Thầy từng nói:

“Bông lai tại thế non dường sánh”.

Hoặc là:

***“Cảnh dương trần khó sánh Bông lai,
Về tiên cảnh say mùi rượu thánh”***.

(Diệu Pháp QM)

Ba chữ kiến Bông Lai ở đây có nghĩa thấy được cảnh Tiên. Ý chỉ cảnh Thượng nguyên thánh đức.

VEN KIẾP: Xử sự trọn vẹn trong kiếp sống. Cũng như chữ xong nợ thế.

***“Nợ thế âu toan tròn nợ thế,
Đường tu sớm liệu vẹn đường tu”***.

(Tĩnh Giác Mơ)

Bài 11. KHUYÊN NGƯỜI GIÀU LÒNG PHƯỚC THIỆN

(SGTVTB 2004, tr. 316-320)

XUẤT XỨ :

Mùa nước nổi trong năm Kỷ Mão (1939) khắp vùng châu thổ sông Cửu Long (Miền Tây Nam Phần Việt Nam) bị nước ngập lụt, lúa phải chết, dân chúng bị đói khổ kéo

dài mấy tháng. Sang qua năm Canh Thìn (1940), dân chúng phải chạy vay hỏi tiền nông, lúa giống để chuẩn bị xuống ruộng làm mùa khác. Lòng nao nao chẳng biết năm tới ruộng sẽ ra sao !

Hôm ấy vào ngày 25 tháng 2 năm Canh Thìn (1940) Đức Giáo Chủ hạ bút sáng tác bài **Khuyên Người Giàu Lòng Phước Thiện** để kích thích lòng bác ái của những nhà giàu có ở xa vừa mới đến viếng Ngài.

VĂN THỂ :

Đức Giáo Chủ viết bài giảng này bằng thể văn lục bát biến thể, khởi đầu là đoạn thơ lục bát, sau đó là 2 bài thi thất ngôn bát cú và cuối cùng là bài thi thất ngôn tứ tuyệt, dài 108 câu. Khởi đầu bằng câu:

*“Mắt nhìn Kỹ Mão vừa qua,
Gẫm trong thiên hạ nhiều nhà thiếu cơm”.*

Và chấm dứt bởi các câu:

*“Áo nào thương đời đa đói khổ,
U buồn trăm họ vẽ vài câu”.*

NỘI DUNG :

Đức Thầy diễn tả cảnh nghèo của dân chúng trong năm qua, đoạn Ngài khuyên bá tánh mở lòng bác ái giúp đỡ đùm bọc lẫn nhau. Nhứt là thi hành pháp bố thí để vượt qua bờ sanh tử và tiến lên đường giải thoát.

CHỦ ĐÍCH :

Ngài chủ trương dạy môn đồ thi hành pháp vô trụ tướng, xả thân tác phước. Vậy ai muốn thoát ly cõi Diêm phù đề (Ta bà thống khổ) tất phải biết xả thân tu hành. Cũng như loài rắn tu lâu năm, giờ muốn được hóa cù thì phải buông xả hạt ngọc quý bên trong của mình:

*“Muốn cho rắn đặng hóa cù,
Xả thân làm phước Diêm phù vượt qua”.*

CHÁNH VĂN

1. *“Mắt nhìn Kỹ-Mão vừa qua,*

Gẫm trong thiên hạ nhiều nhà thiếu cơm.

Ruộng đồng chẳng có rạ rơm,

4. ***Trâu bò ngóng cỏ nhà nông héo lòng”.***

LƯỢC GIẢI :

Năm Kỷ Mão 1939, mùa nước nổi suốt ba tháng (7, 8 và 9), ruộng lúa bị ngập lụt, dân chúng ở Miền Tây, Nam phần Việt Nam phải sống cảnh đói cơm thiếu mặc. Cho đến trâu bò cũng không đủ rơm cỏ để ăn.

CHÚ THÍCH :

KỶ MÃO: Là năm 1939, dân ta bị thất mùa đói khổ. Chính năm ấy, Đức Huỳnh Giáo Chủ khai sáng nền Đạo.

TRÂU BÒ NGÓNG CỎ: Vì bị nước ngập lụt, lúa cỏ chết hết, khiến người không đủ cơm gạo ăn, trâu bò thiếu rơm cỏ để dùng, nên trông chừng ông chủ đem cỏ đến.

CHÁNH VĂN

5. ***“Canh Thìn bước tới thiệt rông,
Trông cho mùa khác ruộng đồng ra sao.
Nhà nghèo dạ tợ như bào,
8. Vợ đau con yếu phương nào cho an”.***

LƯỢC GIẢI :

Sắp tới năm con rồng, ai cũng nơm nớp lo âu, chẳng biết sang năm, ruộng lúa còn ngập lụt nữa chăng .

Hồi tưởng năm qua, nhà nghèo lòng dạ xót xa như bào như cắt, nào cảnh đói cơm thiếu thuốc, nào lo vay tiền hỏi giống để canh tác mùa tới.

CHÚ THÍCH :

CANH THÌN: Năm thứ tư trong 12 con giáp, ở đây là chỉ năm 1940.

NHU BÀO: Trong lòng rất đau xót, như cào, như xé rất khó chịu vì quá lo âu.

PHƯƠNG NÀO: Phương pháp nào. Ý nói giữa cảnh nghèo túng này chẳng biết phải dùng phương cách nào xoay xở cho qua.

CHÁNH VĂN

9. *Cả kê cùng khắp xóm làng,
Mấy ông điền chủ cứu nàn mới qua.
Làng gần chí những tỉnh xa,
Lúc xưa thì cũng ruột-rà với nhau.
Ngày nay tốt phước sang giàu,*
14. *Xin thương kẻ khó giúp hào một khi.
Câu cô chú bác cùng đi,
Khắp nơi thầy chú một khi hảo lòng.
Việc nhà quý bạn đã xong,*
18. *Hiệp nhau làm phước rõ lòng hiền hơn.*

LƯỢC GIẢI :

Đức Thầy kêu gọi mọi người trong làng xóm tỉnh tâm thương xót dân nghèo. Nhứt là các ông điền chủ giàu có hãy nhớ lại đồng bào mình trước kia từng ruột thịt với nhau, từng cùng cam cộng khổ, trong một bào thai mà ra.

Giờ đây mình may mắn được giàu sang dư ăn dư để, nay cũng mở lòng thương xót giúp đỡ dân nghèo.

Ngài cũng động viên hết các giới đồng bào nhiều tiền của hãy mở lòng thương cảm mà chia cơm xẻ áo với bà con nghèo ở chung quanh ta.

CHÚ THÍCH :

ĐIỀN CHỦ: Những người giàu, có rất nhiều ruộng đất cho tá điền mướn để canh tác..

CỨU NẠN: Giúp nhau qua tai nạn.

RUỘT RÀ: Bà con anh chị em ruột từ một cha mẹ sinh ra. Đây ý chỉ dân tộc Việt Nam ta từ một nòi giống Lạc Long - Âu Cơ sanh ra: “**Hồng Lạc giống xưa cũng tuyệt vời**”. Hoặc là:

**“Giống Hồng Lạc kim chi ngọc diệp,
Nay đời nhiều sự thấp hèn”**(Diệu Pháp QM).

TỐT PHƯỚC SANG GIÀU: Căn cứ luật nhân quả: Người đời trước có tu phước thì giờ đây được giàu sang phú quý.

GIÚP HÀO: Giúp cho một cắc. Mười đồng xu kể là một cắc, tiền xài trong khoảng thế kỷ 20. Người Bắc kêu là một hào, người miền Nam kêu là một cắc.

CẬU, CÔ, CHÚ, BÁC, DÌ: Các chữ xưng hô trong dòng họ: anh hoặc em trai của cha gọi là bác hoặc chú, em hay chị gái của cha gọi là cô, chị em gái của mẹ gọi là dì, anh hay em trai của mẹ gọi là cậu.

THẦY CHÚ: Tiếng người dân Việt gọi những người làm việc cho Pháp thời đó, như “thầy cai, thầy thông, thầy ký, thầy giáo...” hoặc “chú đội, chú cai, chú lính...”. Giảng xưa của Đức Phật Thầy có câu:

*“Thâm thương mấy chú đội cai,
Canh giờ Thầy muốn ra ngoài như chơi”*.

HẢO LÒNG: tốt bụng, hay thương yêu giúp đỡ mọi người.

LÀM PHƯỚC: Làm những việc có phước lợi cho đời, như đem vật sở hữu của mình giúp cho tha nhân, xã hội hoặc như bác cầu, bồi lộ, tu sửa chùa miếu, mở những trường học và các nhà thuốc Nam từ thiện, bệnh viện miễn phí, nhà bảo sanh, v.v..

Theo Phật học, gọi “tu phước” là một phần nghĩa của pháp bố thí (tài thí).

HIỀN NHƠN: Người hiền lành.

CHÁNH VĂN

19. *Lão đây thân khó chẳng sờn,
Tỏ lời khuyên-khích tợ đờn Bá-Nha.
Ông nào lòng dạ hải-hà,
Động tình bác-ái ra mà làm đi.
Giúp người đói khó nhu-mì,*
24. *Dạy nó tâm trì niệm Phật làm ngay.
Bà nào goá bụa hữu tài,
Tiền nhiều đất rộng cò bay mút đồng.
Con nầy bố thí cho xong,*
28. *Để khi nhắm mắt bên chồng giành chia.*

LƯỢC GIẢI :

Trên đường khai hóa nhân sanh, Đức Thầy gặp rất nhiều sự khó khăn nhưng chẳng sờn lòng nao núng. Lời khuyên nhủ của Ngài như tiếng đờn Bá Nha. Vậy ai là bạn tri âm với Ngài và có lòng thương xót bá gia hãy nên xuất tiền gạo ra giúp đỡ đồng bào lúc nghèo đói. Vừa giúp đỡ người qua cơn túng ngặt, vừa khuyên nhắc họ biết giác ngộ tu hành, trau dồi tâm đức, niệm Phật làm lành đúng theo con đường ngay chánh.

Nhứt là những Bà goá bụa nhưng lại được giàu sang, tiền của dư ăn dư để, cũng nhân cơ hội nầy mang ra giúp đỡ xóm làng ắt được nhiều người kính yêu và còn gặt được vô vàn công phước sau nầy. Nếu không, đời số vô thường đến bất ngờ chẳng những không được công ích gì cho đời mà còn bị con cháu sau nầy giành giật xâu xé, tiếng đời mỉa mai chê trách.

CHÚ THÍCH :

ĐỜN BÁ NHA: Xem lại chú thích chữ Tri Âm, tr.156 ở trên hoặc Q. Thượng Tập 1/3, tr. 265-267.

HẢI HÀ: (lòng) rộng lớn như sông biển.

BÁC ÁI: Lòng thương yêu cứu giúp chúng sanh bao la vô bờ bến. Đức Thầy có câu:

*“Thấy nhờn sanh tuôn giọt máu đào,
Lòng bác ái động tình rơi nước mắt”.*

(Trao Lời cùng Ông Táo)

NHU MÌ: Mềm mỏng, chín chắn, đầm thắm. Chỉ người có đủ nét hạnh, đối xử trong gia đình và ngoài xã hội, ai cũng mến yêu kính vì:

“Tu là tâm trí nhu mì,

Tu hiền tu thảo vậy thì cho xong”.(Q.3)

TÂM TRÍ: Lòng và ý, ở đây chỉ tinh thần gìn giữ thân tâm đúng theo đạo nghĩa.

NIỆM PHẬT LÀM NGAY: Vừa niệm tưởng Phật vừa thực hành điều ngay chánh thiện lương.

GÓA BUA: Chỉ người đàn bà giàu có nhưng không có chồng con, hoặc chồng chết sớm hay đã ly dị.

HỮU TÀI: Có tiền của nhiều (giàu có).

CÒ BAY MÚT ĐỒNG: Những bà đại điền chủ, giàu to, của tiền đất cát thật nhiều, đất ruộng cò bay thẳng kiếng.

BỐ THÍ: Phạn ngữ *Dâna*, đem cái của mình trợ giúp cho kẻ khác. Có 3 cách bố thí: *tài thí* (giúp bằng của tiền), *pháp thí* (truyền bá chánh pháp nhằm gây lợi lạc cho người), *vô úy thí* (quên mình để cứu người vượt qua cơn sợ hãi, nguy khốn).

CHÁNH VĂN

29. *Ông bang các chợ, xâm hia,
Tiệm hàng thạnh-mậu nhờ dân ruộng vườn.
Ngày nay thất-bát khá thương,*
32. *Tiền-nong chẳng có cơm lường cho qua.
Mắt nhìn lòng ứa ruột-rà,
Cả kêu bỗn-đạo ai là thiệt tu.
Muốn cho rắn đặng hóa cù,*

36. *Xả thân làm phước Diêm-phù vượt qua.*

LƯỢC GIẢI :

Đức Thầy kêu gọi số người Hoa (Trung Quốc) đang cư trú và buôn bán ở xứ ta, đã được giàu có phát đạt là nhờ dân ở vườn ruộng, nên thương cảm cảnh thất mùa của họ mà ra tay giúp đỡ. Ngài cũng kêu gọi các bôn đạo chơn tu nhân cơ hội này mà xả thân làm phước để sớm giải thoát khỏi cảnh khổ của chốn ta bà.

CHÚ THÍCH :

ÔNG BANG: Một chức vụ do người Hoa đặt ra để lãnh đạo cộng đồng của họ. Tại mỗi thị xã hay một khu vực cấp huyện có đông người Hoa cư ngụ thường có một ông bang đại diện để giao tiếp với nhà cầm quyền nước ta, thường thường ông bang là người rất giàu có.

XÂM HIA: *Xâm* chỉ người đàn bà, *hia* chỉ người đàn ông Tàu, dân ta dùng các từ này thay cho chữ chị, cô, dì hoặc anh trong tiếng Việt. *Tua hia* là anh lớn.

THANH MẬU: Hưng thịnh, đẹp đẽ sáng sủa.

TIỀN NONG: *Tiền*: tiền bạc, *nong*: cái nia lớn. *Tiền nong* ám chỉ tiền bạc và lúa gạo. Đức Thầy có câu: “***Kể thiếu tiền nong nợ mắc đôn***”.

RẮN ĐĂNG HÓA CỤ: Thành ngữ này nói về truyền thuyết loài rắn hay sấu biết trằm sâu dưới nước lo tu hành lâu năm sẽ có hột ngọc quý trong miệng. Khi đúng ngày giờ chúng biết nhả ra thì sẽ được hóa thành rồng (cù). Đây ngụ ý dạy người tu biết đem tài lực trí tuệ mình bỏ thí, giúp đời mới thành tựu đạo giải thoát.

Trong kho tàng cổ tích Việt Nam có chép câu chuyện như sau:

Một anh nhà nghèo nợ, làm việc gì cũng bị hư thất lỗ lã, nhưng anh lại có đức tánh chơn chất hiền từ, không đời đời. Vì quá buồn tủi cho số phận, anh quyết tìm hỏi

Phật. Trên đường đi diệu vợ trải qua nhiều gian nan trắc trở, anh vẫn bền lòng đi mãi... Hôm nọ anh đang đi, bỗng tới một con sông lớn cản đường. Anh không biết cách gì để qua sông, thỉnh linh có một con sấu (tu lâu năm nên nói được tiếng người) nổi lên, kêu anh nói:

-Tôi xin tình nguyện đưa đùm anh sang sông !

Lúc đầu anh nhà nghèo còn ngờ vực, nhưng sau thấy sấu có vẻ chân tình, liền bước xuống ngồi trên lưng sấu. Sấu vừa lội vừa nói: Khi anh đến Tây phương gặp Phật anh hỏi đùm tôi một việc:

-Sao tôi tu hành lâu quá, gần hai ngàn năm rồi vẫn chưa thành chánh quả. Vậy nhờ Phật cho biết tôi tu tới chừng nào mới được hóa rồng !

Anh nhà nghèo hứa lời, phút chốc sấu lội tới bờ, anh giã từ sấu và bước lên nhắm hướng Tây Phương đi riết. Phật cảm thông tấm chân tình của anh nhà nghèo, nên xuất hiện cho anh được gặp. Anh quì lạy Phật và bạch rõ các duyên do mà anh muốn gặp Phật !

Nghe xong, Phật phán dạy:

-Nhà ngươi hãy trở về bảo con sấu ấy nên nhả hột ngọc quý trong bụng ra sẽ được hóa kiếp, bằng tiếc ngọc ngậm mãi ắt không thể hóa rồng được. Còn phần nhà ngươi thì từ đây đã qua cơn bỉ cực, sắp tới hồi thời lai...

Anh nhà nghèo vâng lời Phật, lạy tạ trở về theo đường cũ. Khi tới mé sông cũng được sấu đưa qua bờ. Anh thuật lại lời của Phật dạy, sấu liền nhả ngọc tặng cho anh tức thì nó đặng hóa rồng bay bổng lên hư không. Anh nhà nghèo vui mừng cất ngọc vào túi áo ra đi. Trên đường về anh được kết duyên với nàng Hà Như Ý, cùng hưởng sự vinh sang phú quý trọn đời.

Dùng thành ngữ “rắn đặng hóa cừ” Đức Thầy có ý chỉ dạy: Nếu ai quyết tâm tu thân hành thiện, trọn đời không thay lòng nản chí và mở tâm xả thí giúp đời từ tinh thần lẫn vật chất cho nhơn loại được an vui hạnh phúc, tất

nhiên đến phút chung qui mọi việc đều được thành quả như ý:

“Hữu thành Phật độ ắt qua truông”.

Và: ***“Hiệp mặt phân trần hết ám u”.***

Chính lúc bấy giờ hành giả sẽ chuyển hoá được từ chúng sanh trở thành Phật Thánh.

DIÊM PHÙ VƯỢT QUA: Cõi Diêm phù tức là cõi Ta bà chúng ta đang ở, đầy lao khổ vất vả. Nếu ai tu vượt qua khỏi tất được hạnh phúc vui tươi.

CHÁNH VĂN

37. ***Giữ bo đến lúc phong ba,
Gặp cơn bát-loạn khó mà yên thân.
Phong-trần ai cũng phong-trần,***
40. ***Được sang nhờ cửa người bần góp thân.
Thấy đời lao lý mà rầu,
Giúp cho chúng nó ngộ hầu làm ơn.
Xin quên mấy lúc giận hờn,***
44. ***Ra tay tế-độ nghe đờn Tây-qui.
Xây vắn trời đất tiết thì,
Hết cơn bĩ cực tới kỳ thời lai.
Cổ kim hiếm lúc nạn-tai,***
48. ***Hung vong suy thạnh bằng nay lẽ thường.***

LƯỢC GIẢI :

Đức Thầy kêu gọi những gia đình giàu sang nên thương giúp mọi người, chẳng nên bo bo giữ của, để rủi khi gặp giặc loạn chiến tranh xảy đến khó mà yên thân. Tuy nhân loại sống chung trong cõi trần, nhưng có kẻ thì giàu sang, người thì nghèo khổ chẳng đồng nhau. Phần đông số người giàu là nhờ số người nghèo làm thuê, đỡ đần mọi công việc. Nên Ngài kêu gọi những người giàu sang nên mở lòng thương xót đồng bào ta mà ra tay giúp đỡ và qui Phật tu hành.

CHÚ THÍCH :

PHONG BA: *Phong* là gió, *ba* là sóng. Ý chỉ cho sự chiến tranh tàn hại.

BÁT LOAN: Khắp bốn phương tám hướng giặc loạn cướp giết nổi lên lung tung, không chỗ nào yên được.

TÊ ĐỘ: Cứu giúp kẻ nguy nàn túng thiếu. Đức Thầy từng khuyên:

***“Tê độ dân nghèo trong lúc túng,
Giúp đùm kẻ rối buổi vừa qua”.***

ĐÒN TÂY QUI: Bản đờn chỉ đường về hướng Tây, tức cõi Phật. Ý chỉ lời Sấm Giảng của Đức Thầy ví như bản đờn giúp cho người nghe biết giác tỉnh qui đầu Phật Pháp tu hành để sau này được về cõi Phật Tây phương an nhàn.

TIẾT THIỆ: Cũng gọi là *thời tiết*. Đây chỉ luật xây vắn của trời đất luôn luôn vận chuyển không bao giờ dừng lại một chỗ.

HẾT CƠN BỈ CỰC TỚI HỒI THỐI LAI: *Bĩ*: xấu, *thối* (hay *thái*): tốt. Khi cái xấu đến cùng cực thì cái tốt quây trở lại. Nghĩa bóng chỉ cuộc đời không dừng một chỗ, cứ hết suy sẽ tới thịnh, hết thịnh lại trở về suy.

HUNG VONG SUY THANH: *Hung* là hồi phục, *Vong* là mất, *Suy* là yếu kém, *Thanh* là dồi dào thanh vượng.

CHÁNH VĂN

49. ***Lớn ròn nạn ách phải vương,
Muốn qua truông khổ tìm đường Bồng-Lai.
Ngày kia được trở gót hài,***
52. ***Về nơi Tiên cảnh ngàn ngày đẹp tươi.
Giàu sang nghèo khó cũng người,
Nên ta thương hết dầu cười hay khen.***
- 55 ***Lòng nhơn xin khá tập rèn,***

Thạch-Sùng Vương-Khải sách đèn ai ua.

Thánh hiền roi tích đời xưa,

58. *Nhờ tâm từ-thiện người ua kính thờ.*

LƯỢC GIẢI :

Nước ở dưới sông rạch còn có khi lớn khi ròng, con người sống trong cõi trần gian cũng có lúc an lúc nguy. Vậy ai muốn vượt qua rừng mê khổ tất phải tìm ra con đường hướng về cõi Tiên Phật mà lo tu hành, tất có một ngày kia chúng ta sẽ được về nơi ấy để cùng chung hưởng cảnh vui tươi vĩnh cửu.

Sống trong trần, chúng sanh có đủ hạng người: Giàu nghèo vui khổ, tật nguyên hay ngu si. Song lòng Đức Thầy vẫn thương yêu bình đẳng như nhau để tìm phương cứu độ, dầu ai có chê khen Ngài cũng không màng kể. Ngài hằng khuyên mọi người nên rèn tập lòng bác ái, thương người mến vật như nhau để tùy phương giúp đỡ.

Kìa gương của Thạch Sùng Vương Khải xưa kia tuy giàu sang vinh hiển, nhưng chẳng có tình thương xót mọi người, mọi giới nên về sau ai ai nghe nhắc đến tên tuổi của họ đều tỏ ra chê trách.

Còn người nào biết noi theo gương hạnh của các bậc Hiền Thánh, lo giúp đỡ nhân loại chúng sanh, tất được mọi người mến yêu thờ kính.

CHÚ THÍCH :

KHỔ: Khó nhọc vất vả. Ý nói mọi chúng sanh sống trong cõi Ta bà đều gánh chịu muôn ngàn sự khổ não, khó mà làm cho vui bớt được.

BÔNG LAI: Tên một trong ba hòn đảo ở biển Bột Hải: Bông Lai, Phương Trượng, Doanh Châu.

Nước ở biển Bột Hải có tiếng là nhược thủy (yếu nhẹ) cho đến lông chim rớt xuống cũng chìm. Trong văn chương thường dùng “*Non Bông nước nhược*” để chỉ cảnh

Tiên tiêu diêu thanh thoát đối với cảnh trần gian trước ác nặng nề:

“*Bầu trời man mát xa trông,
Biết đâu nước nhược, non Bồng là đâu*” (Cổ thi)

Đức Thầy từng nói:

“***Cảnh dương trần khó sánh Bồng Lai,
Về Tiên cảnh say mùi rượu Thánh***”.

(Diệu Pháp QM)

GIÀU SANG NGHÈO KHÓ CŨNG NGƯỜI: Câu này Đức Thầy nói lên cái lý bình đẳng trong vũ trụ vạn hữu. Từ một pháp cho đến muôn pháp, từ một chúng sanh cho đến vạn loại chúng sanh tuy sang hèn, già trẻ trí ngu khác nhau nhưng cũng đều có một Phật tánh như nhau (*Phật với chúng sanh cũng đồng nhất thể*). Cho nên lòng từ bi của Đức Thầy và chư Phật thương xót vạn loại chúng sanh đều bình đẳng như nhau.

LÒNG NHƠN: Tâm biết thương người mền vật như thương mình, không phân biệt giới hạn, lúc nào cũng tận tâm cứu hộ. Chính lòng nhơn là một trong ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín). *Lòng nhơn* là nghĩa của chữ Từ bi. Người hành đạo muốn đạt quả Bồ Đề, trước phải rèn tập *lòng nhơn*. Nhờ hột giống *lòng nhơn* đó mà quả Bồ Đề (Chánh đẳng Chánh giác) mới trở ra.

THẠCH SÙNG VƯƠNG KHẢI: Hai người đồng sanh đời nhà Tấn thời Đông Châu (Trung quốc). *Thạch Sùng* trước làm quan Thứ sử, tánh tham lam xảo trá, đầu góp của dân, hối lộ với thượng cấp, sau thăng chức Thái Bộ và trở thành giàu to. Còn *Vương Khải* là em của hoàng hậu, làm quan tới chức Hậu quận tướng quân, cũng là tay cự phú. Cả hai đều lấy sự xa xỉ khoe của, tranh hơn thua, không làm được việc gì ích nước lợi dân, ai khuyên can cũng chẳng nghe. Cả hai đấu phú với nhau, Thạch Sùng thua trí Vương Khải mà mất hết sự nghiệp nên chết biến thành con thần lằn tiếc của. Cả hai người là hai tấm gương

xấu khiến người đời sau biếm nhẽ, sách sử chê bai. Đức Thầy cảnh tỉnh: **“*Gương của Thạch Sùng Vương Khải há không để lại cho ta một bài học đích đáng lắm ru?*”**.

SÁCH ĐÈN: Kinh sách chuyện thư và văn chương chữ nghĩa.

TÂM TỪ THIÊN: Lòng hiền lành hay thương xót các giới chúng sanh và tùy phương tiện đem lại phúc lợi cho muôn loài.

KÍNH THỜ: Tôn kính thờ phượng.

CHÁNH VĂN

59. ***Chết rồi bỏ của bơ-vơ,
Chi bằng làm phải truyện thơ ghi đời.
Xác phàm có mấy lăm hơi,
Hỏi vay có một mà lời đôi ba.
Của dư cho mượn mới là,
Hảo tâm bố-thí ngọc-tòa được lên.
Chê nghèo, giàu nợ đầu bên,***
66. ***Chi bằng bố đức lập nền từ-bi.***

LƯỢC GIẢI :

Đoạn giảng trên Đức Thầy cho biết nếu con người cứ bo bo giữ của, đến khi chết chẳng đem theo được vật gì, từ vợ đẹp con ngoan hay của tiền vật liệu cũng đều bỏ lại hết. Thế nên, hiện giờ ta nên mở lòng bố thí cho người nghèo khổ thì chẳng những được phúc lợi hiện tiền, mà tương lai cònặng sách sử ghi biên ca ngợi muôn đời.

Nên xét lại thân xác của mỗi chúng ta có đây là do tứ đại hợp thành thì sớm muộn gì cũng trả về đất, nước, gió, lửa, huống chi là của cải gia tài. Vậy ta tham chấp làm chi mà cho vay vốn một lời tới ba, rồi sau này ta phải luân hồi để đền trả. Do đó, Đức Thầy khuyên chúng ta nếu có tiền dư nên cho người nghèo mượn, hoặc giả cho không, tất sau này sẽ được an vui nơi chốn ngọc tòa của Phật

Tiên. Đức Thầy còn dạy nếu chúng ta là kẻ giàu thì đừng ý tiền của nhiều mà chê bai kẻ nghèo, nên mở lòng hơn ban bố đức lành cho vạn loại chúng sanh để xây nền từ bi hậu sau này trở quả Bồ đề.

CHÚ THÍCH :

XÁC PHÀM: Xác thể của mỗi người ở thế gian.
Xác phàm đối với *hồn thiêng* hay *hồn linh* phần tinh thần.

CHO VAY: Lối cho vay tiền của người xưa, hễ cho vay một, tới mùa trả lại bằng hai hoặc ba, nếu sang năm không có tiền trả thì kê lên thêm.

CỬA DƯ: Cửa cải dư thừa.

HẢO TÂM: Lòng tốt.

BỐ THÍ: Phạm ngữ *Dâna*, phiên âm *Đàn na*, dịch là *Bố thí* *Bố thí* là một trong Lục độ (Sáu pháp Ba la mật) mà chư Bồ tát thường hành. *Bố* là bừa ra, rải ra, *Thí* là cấp cho. *Bố thí* là đem cái sở hữu của mình giúp cho kẻ khác. Đức Thầy từng kêu gọi:

***“Cấp Cô Độc là nhà bá hộ,
Còn đành lòng bố thí xả thân.
Chữ vinh hoa phú quý chẳng cần,
Miễn hiểu Đạo hơn là châu báu”.***

Có 3 loại *bố thí*:

1/-*Tài thí*: Đem những vật thực thuộc của mình như: tiền tài, vải vóc, lúa gạo, thuốc men ban cấp cho kẻ nghèo đói, bệnh tật, hoặc góp công của vào việc từ thiện khác...

2/-*Pháp thí*: Dùng lời lẽ trí tuệ giảng dạy đạo lý, hoặc ấn tống kinh giảng để người khác được xem nghe, tỉnh ngộ tu hành. Đức Thầy hằng dạy: ***“Đi các nơi giảng dạy đạo Phật”***. Về Kinh Giảng, Ngài dạy rõ:

“Hiệp cùng nhau truyền bá kinh lành”.(Q.5)

Và: ***“Ai lòng hơn hoặc chép hay in,***

Mà truyền bá đặng nhiều phước đức”.(Q.2)

3/-*Vô úy thí*: Những phương tiện giúp cho người khỏi cơn *sợ hãi*, như: Dùng lời lẽ an ủi hoặc đem tánh mạng đỡ gạt hay bảo vệ cho người được an ổn...

Bố thí còn chia làm hai phần:

a)-*Sự tương bố thí*: Cũng gọi là *Trụ tương bố thí*, tức là đem tài vật thí ra cho người mà lòng còn phân biệt người là kẻ thọ thí, ta là kẻ bố thí. Hoặc khởi tâm mong cầu tiếng khen và được phúc báo. Nhơn đó làm cho bản ngã càng tăng trưởng, sự tôn ti thêm nảy sanh, khiến cho sự bất bình đẳng một ngày một chất ngất, sẽ phải hưởng cái quả sai biệt nhỏ nhen.

b)-*Lý tánh bố thí*: Cũng gọi là *Vô trụ tương bố thí*, tức lúc làm việc bố thí, xét vì lòng từ bi, vì bản phận mà làm. Ngoài cảnh không chấp mắc, trong tâm chẳng nhiễm ô, không hề tham cầu phước báu, cũng không phân biệt nhơn ngã, tôn ti và chẳng trụ vào: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà bố thí. Trong Kinh Kim Cang, Phật bảo: “*Bố thí không trụ tương thì được phước đức chẳng thể so sánh nghĩ lường được*”(Bất trụ tương bố thí, kỳ phước đức bất khả tư nghị). Đức Thầy nay cũng dạy:

“Giúp đời đừng đợi trả ơn,

Miễn tròn bổn phận hơn bạc vàng”(Q.3)

NGỌC TÒA: Chỗ ngồi làm bằng ngọc, dùng cho các bậc Tiên Phật ngự trên đó:

“Ngọc tòa Phật Tổ nấy ai Ta,

Xuông cứu thế gian nẻo vậy tà”.

BỐ ĐỨC: Bùa đức. Người tu chẳng những bố thí tiền của mà thí cả tấm lòng đức hạnh. Đây thuộc về *vô trụ tương bố thí*.

NỀN TỪ BI: Lòng thương xót chúng sanh bền chắc cho đến kỳ cùng, cũng như cái nền móng được xây dựng bền chắc, không khi nào bị thổi thụt hay sạt lở để sau này trồng trên đó cây Bồ Đề (Chánh giác):

CHÁNH VĂN

67. *Con hiền khá sớm hồi-qui,
Nghe lời Thầy dạy kịp thì bớ dân.
Dòm xem kẻ khó tảo-tần,*
70. *Rộng tâm sang-sốt dất lẫn với nhau.
Nghèo thời cũng rán cháo rau,
Chớ đưng gian-xảo ngày sau thanh-nhàn.
Bần cùng cũng sớm liệu-toan,*
74. *Giữ tâm ngay thảo xóm làng mến yêu.
Mộ khan thần tỉnh cần triều,*
76. *Khỏi cơn hoạn-nạn Lam-kiều được lên.*

LƯỢC GIẢI :

Đức Thầy kêu gọi những người có căn hiền lương hãy sớm trở về với gốc lành cội cũ, nương theo lời giáo huấn của Ngài lo tu hành để kịp với thời kỳ hội Phật Tiên khai mở. Khi thấy kẻ chung quanh nghèo đói, làm ăn vất vả, nên rộng tâm chan sốt lúa gạo của tiền cho họ đỡ cơn túng thiếu.

Còn những hạng nghèo hèn cũng nên chịu đựng lẫn lóc cháo rau cho qua bữa chớ không nên học thói gian xảo, tất sau này sẽ được hưởng cảnh nhàn an, dù nghèo đến cỡ nào ta cũng lo liệu làm ăn chơn chất: trung nghĩa với Quốc dân, thảo hiếu với ông bà cha mẹ.

Đặng vậy, làng xóm chung quanh người người sẽ yêu quý kính nể. Bỏn phận làm con ở trong gia đình phải biết hiếu kính ông bà cha mẹ, tối thăm sớm viếng. Chẳng những đặng vượt qua các tai nạn mà còn ngày kết cuộc được lên Tiên đài.

CHÚ THÍCH :

HỒI QUI: Trở về nơi cũ.

KỊP THÌ: Kịp với thời gian hoặc cơ hội đưa đến.

TẢO TẦN: Rau tần và rau tảo (Thái tần thái tảo). *Tần* là bèo, *Tảo* là rong. Hai loại rau này thường mọc ở mé nước hay mé biển. Ý chỉ các gia đình nghèo khổ không đủ gạo tiền để dùng. Đức Thầy từng nói: **“Ta thương xót lo tần lo tảo”**. Hoặ là:

**“Tảo tần lo liệu năm ba,
Biết sao hiệp mặt lòng già mới nguôi”**.

(Từ Giã Bồn Đạo Khắp Nơi)

GIỮ TÂM NGAY THẢO: Trung thành ngay chánh đối với Tổ quốc, hiếu thảo với ông bà cha mẹ, do chữ “Trung quân vương, hiếu phụ mẫu”. Đức Thầy luôn nhắc nhở:

**“Hiếu trung lòng chó vợ quên,
Sống lo trọn đạo thác lên Tiên đài”**.(Q.5)

MỘ KHAN THẦN TỈNH: Thành ngữ này chỉ cho người con có hiếu thảo. Thường sớm viếng tối thăm, đắp lạnh quạt nóng cho cha mẹ, do điển tích Hoàng Hương, một trong Nhị thập tứ hiếu (24 gương hiếu hạnh):

Hoàng Hương, người thời Đông Hán (Trung Hoa). khi ông lên 9 tuổi thì mẹ mất, ông gào thét và kêu khóc thảm thiết. Nuôi cha rất mực cung kính, sớm khuya thăm viếng hầu hạ không hề xao lãng. Mùa Đông ông nằm ủ vào chăn (chiếu) của cha để truyền hơi nóng cho cha khỏi rét. Đến mùa Hè thì quạt mừng gỏi để cha được mát mẻ luôn. Nhờ đó mà cha ông được ăn ngon ngủ yên, quanh năm vui vẻ.

Quan Thái Thú sở tại biết được Hoàng Hương là người con chí hiếu liền làm sớ tâu với Vua Hán Đế ban cho Hoàng Hương tám biển vàng biểu dương bậc biết hiếu để. Người sau thường ca ngợi:

**“Cho hay tuổi trẻ mà khôn,
Nghìn thu biết Đạo làm con mấy người”**.

Dùng thành ngữ “*Mộ khan thần tỉnh*” qua hai câu giảng nêu trên, Đức Thầy muốn khuyên tấn người đời:

Bỏ phận làm con cháu phải lo tròn câu hiếu đạo hầu đền đáp công ơn sanh dưỡng của Tổ tiên cha mẹ thì sau này sẽ tiến lên cõi Tiên Phật:

***“Hiếu trung lòng chó vợ quên,
Sống cho trọn Đạo thác lên Tiên đài”.***

CẦN TRIỀU: *Cần* là siêng năng. *Triều* là buổi sáng sớm. Các từ này đi cặp với “*Mộ Khan Thần Tinh*”, là mỗi ngày người con có hiếu sáng sớm phải lo chăm sóc cha mẹ.

LAM KIỀU: Cũng gọi là *Cầu Lam*, tức cây cầu bắc qua sông Lam, thuộc huyện Lam Điền, Thiểm Tây (Trung Hoa). Nơi đây, Bùi Hàng gặp được Vân Anh và sau thành Tiên, nên thành ngữ này ngụ ý chỉ đường về cảnh Tiên. Truyện kể như sau:

Đời Đường, nước Trung Hoa có anh Bùi Hàng, trên đường đáp thuyền đi Tương Hán, bất ngờ được cùng đi chung chuyến thuyền với nàng Vân Kiều, người đẹp vào hàng quốc sắc. Hàng nhờ người hầu gái của Vân Kiều đưa thư hộ, nên được tiếp chuyện với Vân Kiều và được nàng tặng bài thơ:

*“Nhất ẩm huỳnh tương bách cảm sinh,
Huyền sương đảo tận kiến Vân Anh.
Lam kiều tiện thị Thần Tiên quật,
Hà tất khi khu thượng Ngọc Kinh”.*

(Uống rượu huỳnh tương trăm cảm sinh,
Huyền sương giã thuốc gặp Vân Anh.
Lam kiều vốn thật nơi Tiên ở,
Hà tất bằng mình đến Ngọc Kinh).

Sau, Bùi Hàng y lời dặn trong thơ đi đến Lam kiều. Hàng dừng chân nơi quán trọ bên đường của một bà lão để giải khát.

Cô con gái của bà lão bung nước ra. Hàng trông thấy xinh đẹp lạ thường liền hỏi tên họ. Rõ ràng là Vân

Anh, em ruột của Vân Kiều. Hàng liền hỏi bà lão xin được cưới nàng làm vợ.

Bà lão bảo Hàng hãy về tìm cho được cỏi chà bằng ngọc đem lại làm sính lễ, bà sẽ gả Vân Anh cho, khỏi cần vàng bạc chi hết. Nhờ lòng nhiệt thành, Hàng được Thần Tiên giúp cho cỏi chà và cưới được nàng Vân Anh.

Lão bà chỉ cho Hàng về cách công phu tu tập và dạy Hàng dùng cỏi chà đó tán thuốc Tiên trong ba tháng. Khi làm thuốc xong, cả ba người cùng uống và được thành Tiên.

Do điển tích trên đây mà các Kinh sách hay các nhà văn thường dùng từ ngữ Lam Kiều hay là Cầu Lam để chỉ con đường đưa đến cảnh Tiên.

Cổ thi có câu:

*“Trăm năm thề chẳng lòng phàm,
Sông Ngân đưa bạn, cầu Lam rước người”.*

Đức Thầy nay cũng than:

*Lam Kiều hữu lộ vắng hoe,
Ngục môn không cửa mà hè nhau đĩ”*(Q.3)

CHÁNH VĂN

77. *Ít ai giữ đặng chí bền,
Tu theo nước lớn, ròng bèn thả trôi.
Tuy xa mà tới mấy hồi,*
80. *Đất còn lở thét phải bồi tự-nhiên.
Thâm thương cho kẻ tá-điền,
Gặp cơn lúa ngập của tiền ráo tay.
No chiều rồi lại đói mai,*
84. *Gia bản trí đoản đấng cay nhiều bề.
Lo tròn cha mẹ nhi thê,
Nhằm năm lưng túc não-nề tâm trung.
Khá thương những kẻ bản cùng,*
88. *Tâm lành dư của hãy dùng vào đây.*

LƯỢC GIẢI :

Đoạn này Đức Thầy tiếc thương cho số người tu hành không bền chí, nay chằm mai lãng. Con đường tu hành tuy xa, nhưng nếu ai bền chí thì cũng gần một bên: “*Phàm Thánh cách nhau một ngoái đầu*”(Thanh Sĩ). Hoặc là: “*Cách nhau vì bởi ái hà bế mê*”(Đức Phật Thầy Tây An). Định luật xây vắn trong trời đất hễ hết lở phải tới bồi, đó là đương nhiên.

Đức Thầy luôn luôn nhắc nhở người giàu hãy thương xót kẻ nghèo khổ, đặc biệt nay lại gặp cơn lúa ngập, của tiền chẳng còn một mảy may, sống trong cảnh mai no chiều đói, nhà nghèo trí quẩn, bao nhiêu điều đáng cay dồn tấp đến, thêm gặp cảnh vợ con đau yếu. Cho nên Ngài khuyên những người dư ăn dư để nên mở lòng thương xót dân nghèo, nay đã đúng thời kỳ nên ra tay giúp đỡ vào công việc hiện tại này.

CHÚ THÍCH :

GIA BÀN TRÍ ĐOẢN: Nhà nghèo thì trí cũng quẩn (ngẩn).

LỪNG TÚC: Thiếu tiền hụt gạo.

NÃO NỀ TÂM TRUNG: Đau xót trong lòng.

CHÁNH VĂN (Thi)

89. *Sột-sột nhà sau mụ vết nổi,
Ông chồng quần áo rách lôi-thôi.
Bầy con ngư-ngác đòi xơi bữa,
Lũ nhỏ giành nhau lấn chỗ ngồi.
Khua đũa mè mun ngờ chủ thảo,
Muống rơi chó vện tưởng cho mồi.
Lầm-than đói khó vì tai-ách,
Hỡi kẻ sang giàu cứu nạn trôi.*
- 96.

LƯỢC GIẢI :

Cuối bài Khuyên Người Giàu Lòng Phước Thiện, Đức Thầy viết 3 bài thi, 2 bài bát cú và 1 bài tứ cú. Bài thứ nhất Ngài viết thể bát cú Đường luật. Nội dung Ngài diễn tả cảnh gia đình nghèo khổ, vì năm qua gặp cảnh ngập lụt thất mùa. Ông chồng thì áo quần rách rưới, bà vợ sửa soạn nấu cơm, tiếng vét nồi nghe sột sột, chứng tỏ mỗi bữa ăn đều thiếu gạo.

Đàn con thì neho nhóc kêu cơm, đưa lại lần dành chỗ ngồi tốt. Cho đến các loài gia súc, mèo chó cũng ngóng chờ chủ nhà liệng cho vài miếng xương thừa.

Tai ách nghèo túng này diễn lên cảnh làm than cơ cực, đầu đầu cũng có. Cho nên Đức Giáo chủ kêu gọi kẻ giàu sang nên ra tay tế độ nạn ngập lụt này.

CHÚ THÍCH :

SỘT SỘT: Tiếng cạo vét lớp cơm cháy còn dính dưới đáy nồi.

XÔI BỮA: Dùng cơm (ăn cơm).

LÀM THAN: Cơ cực vất vả. Nghĩa bóng là chỉ cho các thiên tai, địa ách hay chiến tranh đói khổ, khiến dân chúng phải sống cảnh gian nan cực khổ. Cụ Đồ Chiểu có câu:

“Thương dân phải chịu làm than muôn phần”.

Đức Thầy nay cũng đề cập:

“Làm than khói lửa với binh đao,

Áu Á lung tung nhuộm máu đào”.

TAI ÁCH: Tai nạn khôn khổ. Ý chỉ cuộc tai nạn khôn khổ dồn dập tới, hết nạn này tới nạn khác, không ngớt: *“tai Trời ách nước”.*

“Ách trời nạn nước thành linh,

Người hung cứ mãi chống kình với ta”.

CHÁNH VĂN (Thi)

97. *Nạn trôi lúa ngập đói còn xa,*

***Điền-chủ mau mau nghĩ tận mà !
Tế-độ dân nghèo trong lúc túng,
Giúp dùm kẻ rỗi buổi vừa qua.
Có ăn dư huệ nhờ thân nó,
Nghèo khổ bản-phụ khổ dữ a !
Nếu đã xả thân tâm đạo-đức,
Mở lòng bố thí ngộ thân ca.***

104.

LƯỢC GIẢI :

Đây là bài *thất ngôn bát cú* thứ nhì. Qua hai câu mở đề (1 và 2), Đức Thầy cho biết nạn lúa bị ngập lụt và dân tình đói khổ này còn kéo dài thời gian nữa.

Cặp trạng (câu 3 và 4): Ngài kêu gọi các ông điền chủ nên xét kỹ để tận tâm giúp đỡ những người nghèo đói cho qua trường khổ.

Cặp luận (5 và 6): Ngài giải thích rõ chúng ta làm ra của cải đây là cũng nhờ kẻ nghèo làm thuê làm mướn giúp đỡ công cán mới được tiền của dư dã như vậy.

Hai câu kết (7 và 8): Đức Thầy khuyên mọi người nếu đã giác ngộ xả thân tâm đạo tu hành thì hãy mở lòng bố thí, tất sau này sẽ thâm ngộ được lẽ cơ huyền trong trời đất.

CHÚ THÍCH :

ĐÓI CÒN XA: Nạn đói khổ còn kéo dài, từ năm 1939 tới năm 1945 mới chấm dứt thế chiến thứ II.

TẾ ĐỘ: Cứu giúp và đưa qua. Chư Phật cùng hàng Bồ Tát dùng Pháp Giáo và phương tiện tế độ chúng sanh rời bờ mê, sang bến giác, khỏi biển khổ sanh tử, đến Cực lạc Niết bàn. Đức Thầy từng cho biết:

“Chờ con đầy đủ nghĩa nhân,

Ra tay tế độ dắt lên về ngôi”(Hoài Cổ).

LÚC TÚNG: Lúc nghèo túng nguy ngập.

DƯ HUỆ: *Dư* là thừa; *Huệ* là ân huệ, ban ân. Ân của người trên ban xuống cho kẻ dưới. Ví dụ: “**Thừa ân của Phật đàng**” hoặc là: “**Cho con Hồng Lạc thọ ân thừa**”.

BẢN PHU: Người đàn ông lam lũ làm ăn cực khổ nghèo hèn chon chất.

XẢ THÂN: Còn gọi *Xả kỷ*. Liều thân, hy sinh.

NGỘ THẦN CA: Thâm ngộ lẽ cơ huyền sâu kín trong trời đất.

CHÁNH VĂN

105. *Tỏ lời nhắn-nhủ khắp đâu đâu,
Vạn-vật từ nay luống thăm-sầu.
Áo-nã thương đời đa đói khổ,
U-buồn trăm họ vẽ vài câu.*
- 108.

Hoà Hảo ngày 25 tháng 2 năm Canh Thìn

LƯỢC GIẢI :

Bốn câu kết thúc bài *Khuyên Người Giàu Lòng Phước Thiện*, Đức Thầy khuyên nhủ khắp bằng nhân bá tánh: Từ nay mọi vật trong thế gian đều chung chịu cảnh sầu thăm đưa đến, nên thương đời đói khổ mà sáng tác ít lời nhắn nhủ khuyên lon.

Bài 12. **DẶN DÒ BỔN ĐẠO** (SGTVTB 2004, tr. 320 - 325)

Bài *DẶN DÒ BỔN ĐẠO* do Đức Giáo Chủ sáng tác vào khoảng tháng 2 năm Canh Thìn 1940, lúc Ngài còn truyền Đạo ở Tổ Đình PGHH. Đây là một bài vận văn, thể lục bát, lối khuyên tu, dài 158 câu.

Khởi đầu bằng những câu:

***“Tháng năm mười tám rõ ràng,
Cùng xóm cuối làng ai cũng cười reo”.***

Và chấm dứt bởi câu:

***“Thôi thôi dân chớ hung hào,
Khùng từ BỔN ĐẠO tẩu đảo Bắc đẩu”.***

Đại ý của bài có ba phần chính:

1.- Thứ nhất, Đức Thầy cho biết Ngài vâng lệnh Đức Phật Tổ từ cõi Tây Phương Cực Lạc trở lại trần gian, giáo truyền Đại Đạo cứu dân. Từ ngày khai Đạo tới nay đã trên sáu tháng. Ngài cũng không ngại tiết lộ danh hiệu của hai Thầy trò là Khùng và Điên cũng như vị trí của Ngài cư ngụ:

***“Sáu trăng Thầy Tố dải dầu,
Quyết lòng truyền bá Đạo màu mà thôi.
Bông Lai Điên đại có ngôi,
Tây Phương Cực Lạc Khùng ngồi tòa sen”.***

Và Ngài cũng nói rõ ai Thầy ai Tố:

***“Thầy Khùng trò lại hóa điên,
Khùng Điên mấy tháng tình riêng ai ngờ”.***

2.- Điểm thứ hai là sau thời gian giáo Đạo, Đức Giáo Chủ được: ***“Lôi âm sắc lệnh đòi rày hỏi han”.*** Ngài đi bằng chơn thân, còn sắc thân của Ngài vẫn còn ở tại Tổ Đình Hoà Hảo, tiếp tục độ chúng:

***“Xác trần để lại làng Hòa,
Lời thăm bốn phía Ngọc tòa ta lui”.***

Về Giáo lý thì trong nội dung, Ngài có lược giải Bát Chánh Đạo, một pháp tu căn bản của Đạo Phật, do Đức Phật lưu truyền đến ngày nay. Hành giả nhờ đó mà không lạc vào tà thuyết dị đoan.

3.- Điềm thứ ba, Đức Giáo Chủ còn cho biết Ngài cũng có trách nhiệm khuyến hóa nhân sanh miền Bắc Việt Nam. Song Ngài chỉ đi bằng hóa thân và khi đến đó Ngài mang hình tướng bằng một cụ lão, cư ngụ tại làng Đồng Thạnh, bảy giờ là tỉnh Bắc Giang:

*“Lấy tâm lấy trí xét soi,
Thầy đi dạy Bắc thử coi lẽ nào.
Thôi thôi dân chớ hùng hào,
Khùng từ Bôn đạo tẩu đào Bắc đô”.*

CHÁNH VĂN

1. *“Tháng năm mười tám rõ ràng,
Cùng xóm cuối làng ai cũng cười reo.
Xuống trần nhằm buổi nạn eo,
Gẫm trong dân sự còn nghèo chữ tu”.*
- 4.

LƯỢC GIẢI :

Khởi nguyên từ ngày 18 tháng 5 năm Kỷ Mão (1939) Đức Huỳnh Giáo Chủ khai sáng Đạo PGHH. Lúc bấy giờ người Pháp đang đặt ách thống trị trên đất Việt Nam, dân chúng phân đông hấp thụ theo nền văn minh vật chất của Âu Tây. Nên khi nghe Ngài đem nền Đạo cũ của nước nhà để giáo hóa, ai ai cũng reo cười chế nhạo.

Hơn nữa, Đức Thầy ra đời nhằm thời Hạ nguơn Mạt pháp, tâm trí con người quá mê mờ, nền Đạo đang đà xuống dốc nên sự tu của dân chúng còn rất yếu kém.

CHÚ THÍCH :

DẶN DÒ BÔN ĐẠO: Tiếng của bậc thầy dặn bảo lại đệ tử hay con cháu trước khi đi đâu.

THÁNG NĂM MUỖI TÁM: Hiểu xuôi câu văn là ngày 18 tháng 5, ngày Đức Thầy khai sáng Đạo PGHH.

XUÔNG TRẦN: Nghĩa của chữ lâm phạm hay giáng trần. Ý chỉ người từ cõi siêu thoát vãng lịnh Phật Trời xuống khai Đạo độ đời.

NAN EO: Chỉ thời pháp nạn không được tự do truyền bá giáo lý hay hành đạo.

CÒN NGHÈO CHỮ TU: Sự tu hành còn yếu ớt kém cỏi. Ý chỉ Đạo mới khai mở, dân chúng hành theo Đạo chưa có bao nhiêu, thêm gặp thời pháp nạn người ta dễ bị rơi rớt, thối chuyển.

CHÁNH VĂN

5. *“Hạ nguơn sanh chúng ám u,
Tây Phương sắc lịnh vân du Nam kỳ.
Mượn nhằm một xác nhu mì,
8. Giảng dân sáu tháng vậy thì xem sao ?”*

LƯỢC GIẢI :

Dân chúng sống trong thời Hạ nguơn mặt pháp, trí lực quá mê si tăm tối, gây tạo nhiều tội lỗi, nên sắp gây tai nạn chiến tranh tàn khốc. Do đó, Đức Thầy được Đức Phật A Di Đà và Đức Thích Ca sắc lịnh cho Ngài khai Đạo cứu dân tại miền Nam nước Việt.

Ngài tùy theo cơ pháp, chọn một thiếu niên rất trẻ, nhưng tâm tánh nhu mì chân chánh đi đứng trang nghiêm chững chạc, để đứng ngày giờ đứng ra khai hóa nhân sanh. Sau sáu tháng, Ngài hạ bút sáng tác bài giảng này.

CHÚ THÍCH :

HA NGUƠN: Xem lại Q. Thượng Tập 1/3, tr. 51.

ÁM U: Mê tối mù mịt. Chỉ cho sự mê si.

TÂY PHƯƠNG: Hướng Tây, tức cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Cũng có nơi gọi là Thiên Trước, cõi Tây Thiên Trước, cõi Phật của Đức Thích Ca .

SẮC LINH: Sắc chỉ và mệnh lệnh của cấp trên ban xuống, như sắc lệnh của vua hay Trời Phật. Chữ Tây Phương sắc lệnh ở đây, ý chỉ Đức Phật Thích Ca sắc lệnh cho Đức Thầy lâm phạm khai Đạo:

***“Sắc của A Di là Phật Tổ,
Bốn chữ xuống phạm chớ ở đâu”.***

Bằng chứng lúc Đức Thầy mới sanh ra Ngài đã có đức hạnh song toàn, nói năng chững chạc. Ngài có sẵn cử chỉ siêu nhân, và đủ biện tài trí tuệ khai hóa nhân sanh lúc mới 20 tuổi.

GIẢNG DÂN SÁU THÁNG: Tuy Ngài khai Đạo vào ngày 18 tháng 5, nhưng phải đợi tới rằm Trung Thu, tức trung tuần tháng tám, Ngài mới viết giảng dạy dân. Tính từ 15/8âl, 1939 đến tháng 2âl, 1940 (Canh Thìn), Ngài sáng tác bài Dặn Dò Bốn Đạo, tính ra đúng 6 tháng.

CHÁNH VĂN

9. ***“Rất buồn bá tánh biết bao,
Nạn nguy sắp đến mà ngao du hoài !
Viết ra giảng kệ bốn bài,
Giã từ trần thế lui hài bốn phi”.***
- 12.

LƯỢC GIẢI :

Đức Thầy xét thấy tai nạn nguy hiểm nghèo đói sắp tới một bên mà bá tánh vẫn lo ăn chơi, chẳng lo bề tu sửa.

Ngài đã viết ra bốn bài Sám Kệ lớn để dạy khắp vạn dân sớm lo tu niệm. Giờ đây Ngài sắp lên đường đi khuyến hóa nơi khác, nên sáng tác một bài để lại mang tục đề là “Dặn Dò Bốn Đạo”.

CHÚ THÍCH :

NẠN NGUY: Tai nạn nguy hiểm.

NGAO DU: Đi khắp đó đây để xem phong cảnh lạ và nhân tình thế thái ở các địa phương khác. Nhưng chữ ngao du ở đây là chỉ cho sự đi chơi (du lịch).

GIẢNG KÊ BỐN BÀI: Chỉ cho bốn quyển giảng lớn và dài mà Đức Giáo Chủ đã sáng tác vào cuối năm Kỷ Mão (1939) gồm có:

-Sám Giảng Khuyên Người Đòi Tu Niệm (Q.1).

-Kệ Dân Của Người Khùng (Q.2).

-Sám Giảng (Q.3).

-Giác Mê Tâm Kệ (Q.4).

LUI HÀI: Trờ gót, đã đi giờ sắp trở lại.

BÔN PHI: *Bôn* là chạy; *Phi* là bay. *Bôn phi* là đi nhanh cho mau tới đích. Đây có ẩn ý đi bằng chơn linh (vô hình).

CHÁNH VĂN

13. *An-Nam phong-hóa lễ-nghi,
Đòi nay văn-vật bỏ đi chẳng gìn.
Mảng lo chế nhạo chống kinh,*
16. *Chẳng toan đạo-đức mà gìn thôn hương.
Ta đây dường thể như lơn,
Cứu dân chẳng nệ nặng sưng lấm đầu.
Sáu trứng Thầy tớ dãi-dầu,*
20. *Quyết lòng truyền-bá Đạo mẫu mà thôi .*

LƯỢC GIẢI :

Nước Việt Nam ta từ trước ảnh hưởng hai tôn giáo lớn là Phật Giáo và Khổng Giáo, nên sự ăn ở lễ nghi phong hóa rất tốt đẹp. Nhưng từ khi có ngọn gió văn vật của Âu Tây tràn vào, khiến dân ta chạy theo và nền phong hóa bị xuống dốc. Họ cứ lo tham gian kinh chống lẫn nhau, chẳng còn quý trọng tinh thần đạo đức nữa.

Vì lòng từ bi, Đức Giáo Chủ muốn cứu độ chúng sanh mà Ngài ví mình như con lươn. Dù ai có chê bai biếm nhê hay đổ bùn sinh lên, Ngài cũng không màng kể.

Từ khi sáng tác Sấm Giảng để khai hóa nhân sanh, Ngài phải chịu biết bao sương gió dòn dập đến với Ngài, Ngài cũng không nài hà, chỉ quyết một lòng lo tế độ chúng sanh mà thôi.

CHÚ THÍCH :

AN NAM: Tên hiệu nước Việt Nam ta trong thời nhà Đường (Trung Hoa). Khi chiếm nước ta, họ đặt cho cái tên là An Nam Đô Hộ Phủ. Qua đời nhà Tống họ cũng kêu là An Nam Quốc.

PHONG HÓA: Phong tục và sự giáo hóa của một quốc gia. Đức Thầy có câu:

***“Tùy phong hóa dân sanh phù hợp,
Chấp bút thần tả ít bốn kinh”*** (Diệu Pháp QM).

LỄ NGHĨ: Cũng viết là *nghi lễ*. Có nghĩa là nghi thức và lễ nghĩa của nước nhà. Đức Thầy đã cảnh tỉnh:

***“Thấy sanh chúng nhiều người khờ dại,
Chẳng biết dùng phong hóa lễ nghi.
Nên ta đem Đạo đức duy trì,
Gìn tục cổ để người chẳng rở”*** (Q.4).

VĂN VẬT: Sản phẩm của văn hóa gồm có lễ vật và chế độ. Đây chỉ cho văn minh về vật chất, đối với văn minh tinh thần. Đức Thầy từng viết:

***“Bởi vì đời văn vật cạnh tranh,
Nên cầu xé cùng nhau thăm nã”***(Diệu Pháp

QM)

CHÊ NHAO: Chê bai nhạo báng với nhau.

CHỐNG KINH: Cũng viết là *kình chống*. Có nghĩa tranh hơn thua, chống chế giành giựt với nhau.

CHẲNG TOAN ĐẠO ĐỨC: Không lo lắng việc tu hành đạo đức.

THÔN HUƠNG: Làng xóm. Chỉ những người xung quanh ta.

LƯƠN: Một loài cá nước ngọt, sống trong bùn trịn, ao hồ, ruộng đồng, có mình tròn và dài trơn, màu nâu sẫm, trông rất hiền lành. Nghĩa bóng là hay chịu mọi sự cực khổ dơ bẩn. Đức Thầy ví mình như loại lươn là vì Ngài cam chịu mọi gian lao, cực khổ và tiếng đời chê bai gièm siểm, miễn sao cứu độ được bá tánh bớt khổ đau thì Ngài an lòng. Như Ngài từng thốt:

***“Tớ với Thầy nào quản thân lươn,
Muốn cứu thế sá chi bùn trịn”.***

SÁU TRẮNG: Một trắng là 1 tháng âm lịch, sáu trắng là chỉ cho sáu tháng.

Kể từ khoảng 15 tháng 8, Đức Thầy bắt đầu sáng tác những quyển sấm kinh, đến khi Ngài viết bài Dặn Dò Bốn Đạo này là đủ sáu tháng.

CHÁNH VĂN

21. ***Bồng-Lai Diên đại có ngôi,
Tây-Phương Cực-Lạc Khùng ngôi tòa sen.
Từ-bi ngọn đuốc mới nhen,***
24. ***Giả như mở cửa mà then còn cầm.
Dân tình xài-xể đập bầm,
Nào hay ta đã thương ngâm sanh-linh.
Xác trần Ta mở oai thịnh,***
28. ***Đạo mâu truyền pháp thịnh-linh không hay.***

LƯỢC GIẢI :

Đoạn giảng trên Đức Giáo Chủ cho biết: Hai Thầy trò Ngài xuống trần khai Đạo, tuy ông đệ tử tự xưng là Diên hay Đại, nhưng ông đã có sẵn ngôi vị ở cảnh Tiên, đây chỉ ông Cử Đa đã chứng đạo, là Tiên Trưởng ở núi Tà Lon. Còn ông Khùng là Đoàn Phật Sư, tức là Đức Phật

Thầy Tây An. Tuy Ngài xưng là Khùng, song ngôi vị của Ngài đã có sẵn ở Tây Phương Cực Lạc.

Nền Đạo của các Ngài mới khai mở, như ngọn đuốc mới nhen nhúm chưa sáng tỏ lắm. Cũng như Ngài mới mở cửa mà tay còn cầm then gài, cánh cửa mới hé chưa mở hoát ra được. Cũng vì thế mà người ta còn chê bai biếm nhẽ, nhưng các Ngài không màng kể, bởi họ đâu có hiểu lòng các Ngài thương khắp sanh linh.

Ngài cũng tiết lộ cho chúng sanh biết Ngài đã dùng uy lực tinh thần của lời nói mà âm thầm trao truyền chánh pháp, đệ tử ít ai hiểu được.

CHÚ THÍCH :

BÔNG LAI: Còn gọi Bông Hồ, một trong ba hòn đảo ở biển Bột Hải: Bông Lai, Phương Trượng và Doanh Châu. Đây chỉ cảnh Tiên, nơi tiêu diêu thoát tục.

ĐIÊN DAI: Hiệu của ông Cử Đa (Ngọc Thanh) tức là đệ tử của Đức Phật Thầy Tây An.

TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC: Cảnh Cực Lạc ở cõi Tây Phương của Đức Phật A Di Đà.

KHÙNG: Hiệu của ông Thầy, tức Đức Phật Thầy Tây An.

TỪ BI: Là hai trong bốn đại đức của chư Phật. Có nghĩa ban vui cứu khổ. Song chữ Từ bi ở đây là chỉ cho Đạo Phật (đạo Từ Bi).

OAI THINH: Uy lực của lời nói, tức lời pháp giáo của Đức Thầy...

TRUYỀN PHÁP THÌNH LĨNH: Cách truyền pháp âm thầm của ông Thầy và người đệ tử. Đức Thầy luôn nhắc nhở về sự truyền pháp này:

... “Thần thơ lại gặp Đức Thầy Bửu Sơn.

Cúi đầu Diên tỏ nguồn cơn,

Động lòng bác ái ra ơn dạy truyền.

Thấy Diên tâm tánh quá thiêng’,

Nội trong sáu khắc biết liền thiên cơ”.

CHÁNH VĂN

29. *Trớ-trêu con tạo thầy-lay,
Lôi-Âm sắc lệnh đòi rày hỏi-han.
Cúi đầu tâu trước Phật đàng:*
32. *“Lê dân ngoan-ngạnh xóm làng cừ-khôi.
Đầu đuôi tâu lại khúc nô,
Một trăm mới dựng ổi thối mười người !
Mảng lo cao thấp ngạo cười,*
36. *Bởi chưng trần-hạ biếng lười không lo”.*
- Di-Đà nghe tấu buồn xo,
38. Vạn dân bá-tánh dẫn-đo nhiều bề.*

LƯỢC GIẢI :

Đoạn giảng qua, ý cho biết Đức Thầy đã có sắc lệnh của Đức Phật A Di Đà và Đức Phật Tổ để lâm phạm độ thế, song nay lại được các Ngài đòi về dạy việc.

Trước mặt chư Phật, Ngài quì trình bày: Hiện giờ dân chúng quá nghinh ngang hung ác, trong số 100 chỉ dạy được 10 người thức tỉnh mà thôi.

Hễ thấy ai tu hành đạo đức thì họ biếm nhẽ chê cười, cho rằng lo tu thân hành đạo chỉ thấy cực khổ thêm. Đức Di Đà cùng chư Phật nghe rất buồn lòng cho bá tánh.

CHÚ THÍCH

TRỚ TRÊU: Ranh mảnh, né tránh, tráo trở . Người ta hay dùng những chữ *lắc léo hay các có, trớ trêu* để than trách. Đức Thầy viết: *“Lắc léo hóa công bày tấn kịch”.*

THÀY LAY: Chịu đựng, gánh lấy công việc không phải của mình.

LÔI ÂM: Một ngôi chùa có tên là Lôi Âm Tự tại Linh Thử Sơn, nơi Đức Phật Thích Ca lúc tại thế thường ngự thuyết pháp.

KHÚC NÔI: Hoàn cảnh, sự tình.

MỘT TRĂM MỠI ĐẶNG ỚI THÔI MƯỜI NGƯỜI: Lúc Đức Thầy còn khai Đạo tại Tổ Đình Hòa Hảo, một hôm, Ngài kêu ông xã Bộ ở Châu Đốc và ông Huỳnh Hữu Phi ở Phú Lâm hỏi: “Tổng số tín đồ trong tỉnh Châu Đốc được bao nhiêu ?” Ông xã Bộ đứng lên trả lời: “Bên phần Châu Phú và Châu Đốc khoảng 2.500 người. Còn bên Tân Châu, Hồng Ngự và các xã cù lao thì phần ông Huỳnh Hữu Phi kiểm soát, chẳng biết được bao nhiêu, thưa Thầy”.

Đức Thầy liền nhìn ông Hai Phi ý muốn hỏi, thì ông Phi đứng lên thưa:

-Bạch Thầy ! Phần tín đồ ở các quận bên này khoảng độ non ba ngàn. Đức Thầy liền nói:

-Kể chung như được năm ngàn đi. Nhưng nữa sau còn chừng năm trăm thôi !

Ông xã Bộ hỏi tiếp:

-Sao vậy Thầy ?

-Vì tu không bền chí nên bị rơi rớt lần lần chớ sao!

Nghe nói, ai cũng trầm ngâm suy nghĩ chớ chẳng hỏi gì thêm nữa!..

TRẦN HẠ: Cũng như chữ *Thiên hạ*, chỉ chung cho mọi người đang sống cảnh hạ giới này.

DI ĐÀ: Tức là Đức Phật A Di Đà, Giáo Chủ cõi Cực Lạc. Cũng như Đức Phật Thích Ca là Giáo chủ đạo Phật ở cõi Ta Bà. Đức Huỳnh Giáo Chủ có được sắc lệnh của hai vị Phật này xuống trần khai Đạo, nên nay Ngài mới được về hỏi việc.

CHÁNH VĂN

39. *Làm sao cửa Phật dựa kè,
Hung-sùng tàn-ác khó bề dạy khuyên.
Thầy Khùng Trò lại hoá điên,*
42. *Khùng điên mấy tháng tình riêng ai ngờ !*

*Tượng xưa dấu cũ còn mờ,
Khùng lo tìm kiếm bến bờ mà nương.
Nói cho bốn-đạo đặng tường,
46. Dạy dân nào có gạt lường chi dân.*

LƯỢC GIẢI :

Thầy trò Đức Thầy tấu trình đến đây có lời than: Dân tình hung ác khó dạy như vậy thì làm sao về đặng cửa Phật ?

Trong thời gian khai Đạo, ông Thầy giả dạng là Khùng, còn ông trò (tức đệ tử) thì giả như người Điên. Nhưng bá tánh đâu có ngờ đây là các bậc Phật Tiên giả dạng độ đời.

Hai Ngài đã giải rõ: Không chỉ lần này mà từ trước tới giờ, hai Ngài đã có nhiều lần khai hóa và còn lưu để bao nhiêu dấu tích về tiền thân của Đức Phật Thầy và Đức Cử Đa. Các Ngài mới thống trách trong bốn đạo chẳng chịu tìm cội xưa gốc cũ để hướng về cảnh Tiên Phật. Vì quá xót thương dân chúng, các Ngài mới dạy tận tường như vậy, chớ nào ai có gạt lường bá tánh đâu mà nghi ngờ.

CHÚ THÍCH :

“TƯỢNG XƯA DẤU CŨ CÒN MỜ, CHẶNG LO TÌM KIẾM BẾN BỜ MÀ NUỜNG”.: Những dấu tích xưa của Đức Phật Thầy Tây An và ông cử Đa còn lưu lại như: Các bài vị Đoàn Phật Sư và những hình thức ở chùa Tây An Cổ Tự, Tây An Cổ Tự (có gốc mục lên chồi) và các bài vị của Đức Phật Thầy Tây An còn lưu lại ở Tây An Tự núi Sam. Ngoài ra, còn quyển Sám truyền về Đức Phật Thầy cũng như những dấu vết ông Cử Đa tu Tiên được chứng quả ở núi Tà Lơn.

Đức Thầy đặt câu hỏi cho các môn như đệ tử. Tại sao không lo tìm kiếm mà nương theo cho đến bờ bến ?..

ĐẶNG TƯỜNG: Được thấu đáo tường tận.

CHÁNH VĂN

47. *Chim ô đà dựa cầu Ngân,
Người Xưa trở gót mấy lần ai hay.
Đời này chưa vẹn thảo ngay,*
50. *Thì là khó thấy mặt mày người Xưa.
Dạy đời nào quản nắng mưa,*
52. *Ước mong bá-tánh sớm wa tu-hành.*

LƯỢC GIẢI :

Theo văn chương Việt Nam, hễ mỗi khi có chim Ô thước đứng dựa bên cầu sông Ngân, là báo tin những người có duyên lành với nhau thì luôn gặp gỡ nhau để dìu dắt cho đến ngày trùng phùng hội ngộ. Song người đời nay phải thảo ngay trọn vẹn mới mong gặp lại người xưa. Bằng không, khó được kết quả.

Đức Thầy ra đời hóa Đạo dù gặp nhiều nắng mưa cay đắng, Ngài cũng chẳng ngại, miễn cho bá tánh vạn dân đều biết thức tỉnh tu hành là tốt.

CHÚ THÍCH :

CHIM Ô: Loài chim quạ, lông đen.

CẦU NGÂN: Còn gọi cầu Ô Thước, do chim quạ kết thành cầu bắc qua sông Ngân Hà. Điển tích: Chức Nữ và Ngưu Lang, được nhà Trời thương tình cho kết làm vợ chồng, sau đó sanh ra lười biếng nên bị đày , ly cách bởi sông Ngân Hà. Mỗi năm, khi đến đêm trừ tịch, mừng 7 tháng 7, nhờ chim quạ nối đuôi nhau làm thành cầu, hai người mới được gặp nhau.

CHÁNH VĂN

53. *Đục trong bốn cuốn ngọn ngành,
Khuyên đời trau-triã chữ lành cho xong.
Con người có Tổ có Tông,*

56. ***Học hay chữ-nghĩa sao không phượng-thờ?
Hiếu trung truyện tích sờ-sờ,***
58. ***Người đời phải biết phượng-thờ mẹ cha.***

LƯỢC GIẢI :

Vừa qua, Đức Thầy đã sáng tác bốn quyển giảng. Ngài phân tách trong, đục, hư, nên, tốt, xấu rất rành rẽ để khuyên bá tánh nên trau sửa cho mình được trọn lành.

Sống trong đời ai cũng nhờ ông bà dòng họ mới có mình. Vậy làm người phải biết kính nể mến yêu.

Bao nhiêu mảnh gương trung hiếu đã lưu lại trong sách sử từ xưa đến nay, bổn phận làm con phải lo phụng dưỡng thờ kính cha mẹ cho tròn câu hiếu đạo.

CHÚ THÍCH :

BÓN CUỐN: Chỉ bốn quyển giảng Đức Thầy đã viết trong sáu tháng qua.

TRONG ĐỤC: Tốt và xấu, sạch và dơ.

TRAU TRIA: Cũng gọi là *trau tria*. Nghĩa của chữ *tu*, tức là tu sửa trau dồi cho thân tâm trở nên tốt lành. Đức Thầy đã viết:

***“Trau tria nhục thể tìm cội cũ,
Chùi rửa tim gan một tác lòng”.***

Và:

***“Thấy chúng sanh trau tria mặt mày,
Chớ chảng chịu trau tâm tria tánh”***(Q.4)

TỔ TÔNG: *Tổ* là ông bà, *Tông* là dòng họ. Chỉ cho ông bà dòng họ từ trước.

HIẾU TRUNG: Tôn kính và bảo dưỡng cha mẹ gọi là *Hiếu*. Trung thành với vua (quốc gia dân tộc) gọi là *Trung*, do từ câu “*Trung quân vương, Hiếu phụ mẫu*”. Đức Thầy luôn nhắc nhở:

***“Hiếu trung lòng chớ vội quên,
Sống lo trọn Đạo thác lên Tiên đài”.***

CHÁNH VĂN

59. *Từ đây ta mắc bôn-ba,
Đời chơn ra Bắc đặng mà dạy khuyên.
Vạn dân nên trọng Phật Tiên,*
62. *Để người lời dạy đọa riêng một mình.
Bắc, Nam chờ đợi cuối Thìn,*
64. *Sẽ lo vận chuyển thân hình xác ta.*

LƯỢC GIẢI :

Đoạn giảng trên Đức Thầy cho biết, từ đây Ngài chẳng những có trách nhiệm khuyến hóa dân chúng miền Nam mà còn có phận sự giáo Đạo miền Bắc nữa. Vậy mỗi người nên kính trọng Phật Tiên, tất sẽ được nhiều hạnh phúc, nếu khinh thường lời giáo huấn ấy sẽ bị khổ thân sau này.

Đức Thầy cũng cho biết vào khoảng cuối năm Canh Thìn (1940), Ngài sẽ được Trời Phật vận chuyển thân xác ra khỏi vòng kèm kẹp của người Pháp tại nhà Thương Chợ Quán.

CHÚ THÍCH :

BÔN BA: Xuôi ngược các nơi, rày đây mai đó, khi nơi này khi nơi khác, ra Bắc vào Nam không yên một chỗ: “*Bôn Bắc tẩu Nam cam khổ rồi*”.

VAN DÂN: Do chữ *muôn dân*, chỉ toàn dân.

BẮC NAM: Miền Bắc miền Nam nói chung, toàn cõi Việt Nam.

CUỐI THÌN: Chấm dứt năm Canh Thìn (1940).

CHÁNH VĂN

65. *Viết thêm một khúc ngâm-nga,
Dặn dò bỗn-đạo vậy mà mấy trương.
Ta dầu có cách thôn-hương,*

68. *Vạn dân cứ chữ hiền-lương mà làm.
Thích-Ca còn phé tước hàm,*
70. *Lầu cao cửa rộng mà ham tu-hành.*

LƯỢC GIẢI :

Viết đến đây, Đức Thầy muốn dừng lại, song còn sáng tác thêm một đoạn ít lời nữa. Từ đây dù Ngài có xa cách quê hương (Thánh địa Hòa Hảo) nhưng khuyên trong vạn dân bá tánh cứ y theo hai chữ hiền lương mà hành trì.

Ngài nhắc lại cho mọi người cùng nhớ Đức Thích Ca khi xưa tuy giàu sang vinh hiển, chức tước quyền uy, song Ngài vẫn dứt bỏ để lo tu hành, tìm ra chánh Đạo cứu khổ vạn loại chúng sanh.

CHÚ THÍCH :

BỒN ĐẠO: *Bồn* là thuộc về mình, *Đạo* là đạo giáo. Đạo giáo mà mình đang theo. Đây là tiếng của một vị thầy gọi các đệ tử. Đức Thầy viết:

“Trong bồn đạo từ đây kim chỉ”.

Hoặc là:

“Bồn đạo ơi hãy rán sửa mình”(Q.4).

MÁY TRƯỞNG: Máy trang giấy.

THÔN HƯƠNG: Làng xóm, quê hương mình.

THÍCH CA: Họ của Phật. *“Họ Thích Ca từ đây cũng ngõ”*. Đọc cho đủ là Đức Thích Ca Mâu Ni. Ngài tên thật là Sĩ Đạt Ta, con của vua Tịnh Phạn và Hoàng hậu Ma Da ở xứ Ấn Độ. Lớn lên, Ngài lìa bỏ cung vàng ngói báu, vợ đẹp con ngoan để đi tu. Sau chứng quả hiệu là Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng là Giáo Chủ đạo Phật trên toàn cõi Ta bà.

CHÁNH VĂN

71. *Phật, Tiên dụng kẻ lòng thành,
Đạo chơn thì ít ai hành thiệt tâm.*

74. *Trí phàm như chốn sơn-lâm,
 Dạy dân như phá rừng cầm cho dân.
 Nào đâu dân có biết ân,
 Mạnh rồi tưởng Phật vái Thần làm chi.
 Đây này lời lẽ rán ghi,*
78. *Thương đời nên mới làm thi khuyên đời.*

LƯỢC GIẢI :

Xưa nay, người tu hành phải thật tâm thành ý mới được sự tiếp độ của Phật Tiên. Nhưng ngược lại nhà tu thì đông mà kẻ thật tâm tu niệm lại ít. Tâm trí của mỗi chúng sanh đa số là tạp nhạp, nay nghĩ thế này, mai nghĩ thế khác, như đám rừng đủ các loại cây: Chạ, đóc, tốt, xấu lẫn lộn.

Do đó, Đức Thầy khuyên dạy các môn đồ như phá đám rừng để lọc hết số cây đóc chạ ra và dung dưỡng những cây tốt quý cũng như tuyển chọn người hiền để lập nên cõi đời Thượng nguơn Thánh đức.

Thế mà ít người nghĩ đến ân nghĩa ấy. Đức Thầy cũng kêu gọi mọi hành giả hãy rán ghi nhớ lời Sám Thi để thực hành theo.

CHÚ THÍCH :

LÒNG LẠNH: Tâm thành thật ngay chánh.

ĐẠO CHƠN: Con đường ngay chánh.

SƠN LÂM: Rừng núi. *Phá rừng cầm* là phá rừng núi cây cỏ gai góc, dọn cho sạch để mở đất làm ruộng rẫy. Ý chỉ dẹp hết lòng tà quấy nơi thân tâm của mình.

RÁN GHI: Rán mà ghi nhớ, đừng quên. Đây có ý dặn dò những lời Sám Thi của Đức Thầy đã dạy, phận tín đồ hãy rán ghi nhớ mà thực hành theo đừng để xao lãng.

CHÁNH VĂN

79. *Ra đi dặn lại ít lời,*

- Khuyên trong bốn-đạo vậy thời rán nghe.
 Dầu ai tài phép bày khoe,
 82. Ham linh ham nghiệm sợ e mang nghèo.
 Lựa cho phải cột phải kèo,
 Phải vai phải vế mà theo kéo làm.
 Ngọc kia ẩn dạng khó tâm,
 86. Chơn nơi chơn chánh khỏi lâm khổ hình.*

LƯỢC GIẢI :

Trước khi ra đi, Đức Thầy dặn dò bốn đạo kỹ lưỡng, hãy rán mà nghe và ghi nhớ, vì từ đây các tà đạo ra đời họ bày ra bùa chú thính linh khoe khoang cổ cố bên ngoài gạt gẫm mọi người mà lợi dụng. Ngài dạy rằng dầu họ có linh nghiệm thế nào cũng đừng nghe theo, lúc nào cũng giữ lòng chánh tín mạnh tin nơi tâm của mỗi chúng ta. Tâm ta đều có sẵn Phật tánh và trí vô sư, nếu giữ lòng chơn chánh thanh tịnh thì Phật trí hiện bày. Còn cái gì khoe khoang bày vẽ bên ngoài, đều giả tạo gạt lường, nêu chúng ta tin theo sẽ bị khổ thân sau này. Bởi:

*“Chúng nó xuống khuyên răn nhiều chỗ,
 Dùng phép màu lòe mắt chúng sanh.
 Ai ham linh theo nó tập tành,
 Sa cạm bẫy khó mong sống sót”.*

Bởi vì tánh Phật ai cũng có, giờ đây còn tiềm ẩn nơi tâm tư của mọi người.

Nếu dùng tâm mà tìm tâm mới gặp, còn tìm tâm bằng hình tướng bên ngoài thì không bao giờ đạt được. Cũng như người cất nhà, ông thợ đã sắp đặt cột kèo xiên trính đầu đây đều ăn khớp, vừa đúng thước tắc với nhau mà người đứng ra ráp lại sai trật thì cái nhà ấy bị gãy đổ. Vậy Đạo Phật là chánh Đạo mà ta ham linh, tu theo đạo tà, tất phải có hại thôi.

Đức Thầy đã tận tình dạy bảo:
“Ta chẳng phải dùng lời chuột ngót,

*Mà làm cho dân chúng say mê.
Nẻo chánh tà biện luận nhiều bề,
Cho bá tánh tìm nơi cội gốc.
Lựa cho phải kèo xưa danh mộc,
Đừng để làm thợ khéo sơn da.
Thì sau nầy gặp lúc phong ba,
Đông gió lớn cột kèo khỏi gãy”.*

CHÚ THÍCH :

TÀI PHÉP: Pháp thuật tài năng của các ông, các bà phù thủy tu luyện theo ngoại đạo mà được như: Bùa chú, lên đồng lên xác, sai đậu thành binh, soi căn nói tương ứng, đoán số mạng, luyện thiên linh và bày binh bố trận. Phần đông là các người tu núi, bị sai lạc đạo Tiên mà ra. Đức Thầy từng cho biết:

*“Địa Tiên tài phép đa đoan,
Phi đao bửu kiếm mê mang mắt trần”.*
Đức Thầy thường khuyên khắp bá tánh:
*“Ai mà ta dạy chẳng gìn,
Thì sau đừng trách mắt tình yêu đương.
Bàn môn tài phép nào tường,
Kêu trời dậm đất vậy thì dạ rân.
Nói cho bốn đạo liệu toan,
Chớ theo tả đạo mà tan xác hồn.
Nó làm nhiều phép nhiều môn,
Bùa mê thuốc lú mê hồn chúng sanh.
Thành binh sai đậu cũng rành,
Nếu tin thời mắc tan tành về sau.
Bây giờ bắt luận người nào
Không dùng của thể sắc màu cũng không.
Nói cho bốn đạo rõ lòng,
Ấy là chơn chánh mới hòng vinh vang”.*

Vào khoảng mùa Hè năm Canh Thìn có ông Nguyễn Chi Diệp ở xã Hòa Hảo và ông Út Trác ở xã Mỹ Hội Đông đến xã Nhơn Nghĩa (Cần Thơ) viếng Đức Thầy và hỏi thêm một việc:

- Bạch Thầy ! Hôm Ngài bị người Pháp đòi đi đến nay ở xã Bình Thủy phía trên Long Xuyên có một ông Đạo mới ra đòi trị bệnh cũng giống như Thầy. Người ta tới lui rất đông, nhưng chẳng biết ông Đạo ấy tà hay chánh ? Nhờ Thầy phân giải giùm để anh em tín đồ khỏi bị lầm lạc.

Đức Thầy không trả lời ngay ông Đạo ấy chánh hay tà mà Ngài vừa nói vừa cầm viết, viết lên mấy dòng chữ như sau:

“Từ đây sắp tới, không riêng về ông Đạo đó mà bất luận là ai ra đòi độ thế, nếu:

- *Còn ăn tiền bạc là tà !*
- *Còn dùng màu sắc là tà !*
- *Còn lên xuống và xưng hô Thần Thánh là tà !*
- *Còn bỏ tóc xả để đầu đanh là tà !”*

(Thuật theo lời ông Út Trác)

Nhận Xét:

Xưa nay, hễ có Phật ra đời khai hóa nhân sanh thì luôn luôn có ma theo dõi để phá rối người tu Phật. **“Phật ma, ma Phật mới ra vỡ tuồng”**.

Hay nói cách khác, thời nào mà tà ma ngoại đạo lộng hành gạt người mê tín và nhiều hại lẽ dân thì Phật Tiên cũng lâm phạm khai thông chánh đạo, dẹp tan tà thuyết để giác tỉnh chúng sanh trở về con đường chánh tín. **“...bởi đời này pháp môn bế mạc, Thánh đạo trần vu. Người tâm trí tối đen, đời lầm Ma Vương khuấy rối. Ta là một trong các vị cứu đời ấy. Ai liễu đạo nơi quốc độ nào thì cũng trở về quốc độ ấy mà trợ tế nhân dân”**.

Hoặc là:

“Thời kỳ này nhiều quỷ cùng ma,

***Trời mở cửa Quỷ Vương xuống thế,
Nên Ta mới ra tay cứu tế,
Kéo chúng sanh bịnh khổ quá chừng”.***

Trong số quỷ ma hay tà đạo theo phá PGHH hiện nay, cũng như thời Đức Thích Ca có lục sư ngoại đạo và ma Ba Tuần theo chống báng phá hoại Đạo Phật. Nên khi PGHH gặp pháp nạn liền có kẻ ra đời cũng thuyết đạo, cũng trị bịnh na ná như Ngài, làm cho người tu phân vân không biết đâu tà đâu chánh.

Do đó, ông Diệp và ông Trác mới đến Nhơn Nghĩa hỏi Đức Thầy:

“Có ông Đạo trên Long Xuyên vừa mới ra đời, trị bịnh gần giống như Ngài, nhưng không biết ông ấy tà hay chánh ?”

Sở dĩ Ngài không phân biệt ông Đạo đó mà nói chung tất cả vì Ngài biết chẳng phải chỉ có một người đó mà còn có nhiều người, nhiều nơi khác nữa, nên Ngài chỉ cho toàn thể một ý thức căn bản để nhận ra: đâu tà đâu chánh. Và ai có tin nghe theo Ngài, cũng phải là chánh tín chớ đừng tu mê tín.

Điểm thứ nhất, Ngài nói: ***“Còn ăn tiền bạc là tà !”*** Nếu nhìn về hình thức bên ngoài của hai ông Đạo tà và chánh giống nhau khó phân biệt. Nhưng bên trong của phái tà thì lợi dụng tiền bạc còn phía chánh thì thật tâm độ đời bất vụ lợi. Cũng như hai ông quan có hình thức và chức vụ giống nhau, nhưng ông ăn hối lộ còn một ông lại thanh liêm thì rất dễ nhận ai tốt ai xấu. Để sáng tỏ hơn, thử đọc lại đoạn giảng của Đức Thầy:

***“Bây giờ bắt luận người nào,
Không dùng của thế sắc màu cũng không.
Nói cho bốn đạo rõ lòng,
Ấy là chơn chánh mới hòng vinh vang”.***

Điểm thứ hai: ***“Còn dùng màu sắc là tà !”*** Màu sắc ở đây phân ra ba loại:

a)-Loại có màu: Xanh, đỏ, trắng, vàng...chỉ cho hạng đồng bóng, lên xác cô Năm, cô Mười...Họ thích mặc hàng lãnh nhiều màu sắc sặc sỡ, khi lên xác làm bệnh thì đội khăn nhiều màu, dài năm thước, buộc người ta tin theo phải cung ứng các thứ đó cho họ.

b)-Loại có hình tướng, đối với vô tướng (vô vi). Đây chỉ cho các ông tu hành theo sắc tướng thanh âm, như các thầy nhun bông chuyên đi làm đám, tụng kinh mướn...không đúng chơn lý của Đạo Phật. Kinh xưa bảo:

*“Sắc tướng thanh âm chư ngoại giáo,
Chơn truyền cụ thất Đạo nan thành”.*

c)-Loại sắc đẹp của người Nam hay Nữ. Đây chỉ các ông đạo còn lợi dụng hoặc đam mê nữ sắc.

Tóm lại, nếu thấy nhà tu nào còn ô nhiễm các loại màu sắc như trên đều là không chơn chánh.

Điểm thứ ba: **“Còn lên xuống hay xưng hô Thần Thánh là tà !”** Đây chỉ hạng thượng xác cõi đồng, tức là những người xác tướng, các cô đồng, bà bóng, thầy phù thủy làm bịnh bằng cách có vô xác ra xác, coi bói soi căn, cầu hồn, đoán số mạng hoặc dùng bùa chú trừ ếm và sát sanh cúng tế quỷ thần.

Điểm thứ tư: **“Còn bỏ tóc xõa để đầu danh là tà !”** Tức chỉ những thầy tu hay làm ra vẻ đạo mạo bên ngoài, như: Bỏ tóc xõa dài không bới, hoặc không chải gỡ lâu ngày tóc đan lại giống hình cái mào. Hoặc đi không mang dép, bước nói gót, đi chữ đĩnh, không ngó qua lại...Họ thường tự xưng đã tu luyện lâu năm: Từ non này động nọ vừa xuống núi để cứu thế độ dân khiến bá tánh hiểu lầm các ông đạo ấy khổ hạnh cao, công phu luyện đạo không ai bằng liền chạy theo rần rộ. Chẳng ngờ trong thân tâm của các ông ấy vẫn còn ô nhiễm danh lợi tình như hàng thế tục. Hạng người này phần nhiều là tu sai lệch Đạo Tiên. Vọng tưởng hóa độ mà ra, cũng là một trong lục sư ngoại đạo từ trước còn lại.

Để cho mọi người khỏi bị làm lạc theo tà sư ngoại đạo, Đức Thầy dặn dò cẩn kễ: ***“Cho được tránh những điều ấy, trước khi thờ, học Đạo nào hay theo ông Thầy nào, ta hãy suy gẫm phán đoán kỹ càng chừng hiểu biết rõ ràng ta sẽ hành theo Đạo ấy, Thầy ấy. Chẳng được như vậy dầu mình có theo Đạo rất chánh đáng ông Thầy rất thông minh cũng chẳng có ích chi cho mình cả”***.

Tóm lại, bốn điểm Đức Thầy dạy ông Diệp và ông Trác trên đây là một qui định tất yếu cho tín đồ sau này để lọc lừa tà chánh.

CHÁNH VĂN

87. *Ách trời nạn nước thành-linh,
Người hung cứ mãi chống kình với Ta.
Theo tài học cũ nô-m-na,*
90. *Hỡi ai trí-thức tầm mà cạn sâu.
Lúc này chưa thể ngồi lâu,
Tách đời chôn khác ngõ hầu dạy răn.
Tín-đồ cùng các chư-tăng,*
94. *Từ rày sắp đến nói năng chọn lời.
Bớt phiến bớt nảo cuộc đời,*
96. *Rán nghe lời dạy vậy thời hành y.*

CHÚ GIẢI :

Thời nay, tai trời ách nước xảy ra thành linh ít ai biết trước được. Thế mà kẻ hung ác còn kình chống với người tu. Đức Giáo Chủ ra đời đem nền đạo đức của ông cha từ trước dạy dỗ chúng dân.

Vậy ai là người trí thức hãy rán suy tầm cho rõ thấp cao sâu cạn mà lựa chọn. Từ đây, Đức Giáo Chủ không thể ngồi yên một chỗ mà thường đi đây đi đó khuyên dạy nhân sinh. Ngài kêu gọi các chư tăng và môn đồ hãy rán cẩn ngôn trong việc nói làm cho được hiền lành, dứt đi sự buồn khổ để lo thực hành y theo lời giáo huấn của Ngài.

CHÚ THÍCH :

ÁCH TRỜI NAN NƯỚC: Nạn dân ách nước hay thiên tai địa ách. Đó là do nghiệp nhân chính mình đã tạo ra từ trước, giờ đây bị trả quả:

***“Thiên số định cùng chưa mãn hạn,
Nên phải còn bận mãi ách nần tai.”***

THÌNH LĨNH: Việc xảy ra bất ngờ.

HOC CŨ: Lối học lễ nghi đạo đức thời xưa.

NÔM NA: Là loại chữ riêng biệt của người Việt Nam ta, gốc từ chữ Hán (Tàu) biến dạng ra. Nôm cũng gọi là Nam là một thứ tiếng thông dụng của người Việt. Người ta dùng nguyên chữ Hoa, hoặc lấy hai ba chữ ghép lại, để đọc và viết theo tiếng nói riêng của người Việt. Ý chỉ dùng thứ tiếng nước nhà. Chữ Nôm thêm vào chữ Na, là ý nói lời văn mộc mạc chơn thật cho dễ hiểu.

TRÍ THỨC: Người có học thức và hiểu biết.

TÍN ĐỒ: Những người có một tín ngưỡng, theo một tôn giáo; trong đạo Phật, chỉ các thiện nam tín nữ tại gia.

CHU TĂNG: Do chữ *Tăng già* (Phạn ngữ *Sangha*). Trong Trí Độ Luận Bồ tát Long Thọ chia chư tăng làm 4 hạng: 1. Ác dương tăng: hạng ần dương nương Phật, 2. Vô tu tăng: hạng đội lốt nhà sư, không thật tu hành, 3. Hữu tu tăng: hạng có tu có cải sửa, 4. Chân thật tăng: hạng tu hành chơn chánh, thông suốt kinh điển, hành trì tinh tấn, đáng liệt vào hàng Tăng bảo. Đức Thầy từng kêu gọi:

Cả tiếng kêu cùng khắp chư tăng,

Với tín nữ thiện nam Phật Giáo.

Nên cố gắng trau thân gìn đạo,...

...Hiệp cùng nhau truyền bá Kinh lành.

Làm cho đời hiểu rõ thình danh,

Công đức Phật từ bi vô lượng”.

CHÁNH VĂN

97. **Đạo màu bát-chánh rán ghi,
Thứ nhất chánh-kiến việc chi xem nhìn.
Luận bàn chơn-ly cho mình,**
100. **Chuyện chi xét đoán xảo tinh mới là.
Thứ nhì chánh-mang vậy mà,
Việc làm do lệnh tâm hồn khiến sai.
Thứ ba tu-duy bằng nay,**
104. **Các điều tưởng nhớ thẳng ngay mới mau.
Thứ tư chánh-nghiệp mặc dầu,
Nghề chi thì cũng ngộ hầu làm ngay.
Tà gian tánh ấy tù đày,**
108. **Của người tham-những nghề nầy chó ham.
Thứ năm tinh-tấn hội-đàm,
Sạch trong kỹ-lưỡng mà làm mới ngoan.
Thứ sáu chánh-ngữ liệu toan,**
112. **Nói năng điều chánh thì an chó gì !
Thứ bảy chánh-niêm vậy thì,
Khi cầu khi nguyện chuyện gì thành tâm.
Thứ tám chánh-định chó làm,
Từ-bi hai chữ đứng nằm chó quên.
Ngồi đâu cũng định mới nên,**
118. **Đừng cho công việc hó-hênh với người.**

LƯỢC GIẢI :

Bát Chánh Đạo là Pháp tu rất huyền diệu sâu kín, hành giả hãy rán ghi nhớ:

Thứ nhất là Chánh Kiến: khi muốn giải quyết vấn đề gì phải dùng trí thông minh của mình mà xét đoán cho thấu đáo đúng với sự thật (chơn lý) mới khỏi bị lầm lạc.

Thứ nhì là Chánh Mang: mỗi người dùng trí huệ tâm thần điều khiển sắp đặt cuộc sống cho được trong sạch đúng đắn.

Thứ ba là Chánh Tư Duy: lúc nào hành giả cũng giữ tư tưởng mình cho ngay thật chân chánh.

Thứ tư là Chánh Nghiệp: mọi sự sinh hoạt trong đời sống đều cần lương thiện, bỏ dứt tánh tà vậy tham gian điều xấu.

Thứ năm là Chánh Tinh Tấn: dạy ta lúc nào cũng giữ đức tin vững chắc, chuyên cần, sáng suốt trong sạch, để có Chánh tín, dù ai có cuốn lôi cám dỗ cũng không lay chuyển được.

Thứ sáu là Chánh Ngữ: lời nói chơn chánh, không vi phạm các điều ác: lưỡng thiệt, ý ngôn, ác khẩu, vọng ngữ, lúc nào cũng nói năng chơn chánh hiền lương, đức hạnh và thanh bai tao nhã.

Thứ bảy là Chánh Niệm: tưởng những điều chân chánh tốt lành, mỗi khi cầu nguyện lễ bái đều phải giữ cho được nhứt tâm thành ý, bỏ hết những tư tưởng xằng xiên tà khúc.

Thứ tám là Chánh Định: định tưởng hay suy gẫm chân chánh, tức là phải dùng trí huệ xét suy cho thấu đáo. Cái nào là Từ Bi giác ngộ thì nuôi dưỡng, cái nào là phiền não sân si thì diệt trừ. Mỗi lúc đi, đứng, ngồi, nằm hay mọi sự sinh hoạt, uống ăn ngủ nghỉ, lục căn đối với lục trần tâm vẫn như như bất động, tất đạt được Đạo quả.

CHÁNH VĂN

119. *Hành y thì đáng vàng mười,
Tùy lòng tùy sức của người đời nay.
Tu-nhơn hiền-hậu cũng hay,*
122. *Dạy đời phải viết ngày rày cho tinh.
Rút trong các luật các kinh,
Tùy lòng không ép làm in giảng này.*
125. *Thấp cao các bậc chớ chầy,
Kẻ ngu người trí nghe Thầy dạy khuyên.
Sớm khuya bá-tánh cần chuyên,*
129. *Nghe lời dạy bảo cảnh Tiên dựa kể.*

LƯỢC GIẢI :

Đoạn giảng trên Đức Thầy cho biết nếu ai thực hành y theo Bát Chánh Đạo thì vàng mười cũng khó đổi được. Nhưng cũng tùy theo tâm đức mà tu nhiều ít gì cũng tốt. Nếu người tu chỉ có lòng nhơn thương xót mọi người mà tùy phương giúp đỡ cũng được kết quả sống đời Nguơn Thượng.

Vì lòng quá thương xót sanh linh, Đức Thầy mới viết giảng nhủ khuyên bá tánh một cách tinh tường. Lời lẽ của Ngài tuy vắn tắt, nhưng Ngài đã rút trong các Kinh, Luật, Luận của Phật Thánh chỉ dạy. Ngài cũng không ép nài một ai, tùy theo sự cao thấp trí ngu của mỗi người mà giáo hóa, miễn mọi người biết siêng năng hành y theo lời dạy của Ngài thì sau này được về cảnh Tiên Phật.

CHÚ THÍCH :

VÀNG MUỖI: Vàng 10 tuổi, vàng y và tốt hơn các thứ vàng bạc khác: “*Vàng 10, bạc bảy, thau ba*”. Đây chỉ cho người tu đắc Đạo là cao quý hơn hết.

CHO TINH: Cho rõ ràng trong sạch.

CÁC LUẬT CÁC KINH: Nói cho đủ là: Kinh, Luật, Luận. Xưa, Đức Phật và Bồ tát thuyết ra vô số lời lẽ để giáo độ chúng sanh, gom lại làm ba phần là: Kinh, Luật, Luận khuyên dạy môn đồ.

CHÁNH VĂN

129. *Ít lâu ta cũng trở về,
Khuyên cùng bốn-đạo chớ hề lãng-xao.
Trì lòng chớ có nóng-nao,*
132. *Từ đây nhơn-vật mòn hao lần-lần.
Mấy lời nhắn lại ân-cần,
Bốn-đạo xa gần nghĩ cạn mới hay.
Tu-trì nguyện-wớc cầu may,*
136. *Thượng-Nguơn hồi phục là ngày an-cư.*

LƯỢC GIẢI :

Đoạn giảng qua, Đức Thầy dặn dò bốn đạo. Ngài chỉ ra đi ít lâu sau sẽ trở lại diu dặt môn đồ. Vậy khuyên mỗi người chớ nên xao lãng đường tu. Và nên gìn giữ chặt dạ, cho dù gặp hoàn cảnh khó khăn thử thách cũng chẳng khờn lòng nao núng. Từ đây rất nhiều tai biến xảy ra khiến cho khắp xa gần, người và vật phải hao hót lần lần.

Vậy những lời dặn bảo của Đức Thầy các bốn đạo hãy suy xét cho cùng tận mới thấu hiểu lời nói sâu xa của Ngài.

Ngài cũng không ngớt khuyên chúng ta rán gìn giữ tu sửa để đến ngày lập lại cuộc đời Thượng nguơn sẽ được may mắn thụ hưởng cảnh an cư lạc nghiệp.

CHÚ THÍCH :

ÍT LÂU: Thời gian rất ngắn, không lâu xa lắm.

LÃNG XAO: Cũng viết là xao lãng, tức là lơ đãng, không thận trọng, siêng năng chu đáo.

NÚNG NAO: Cũng viết là nao núng. Có nghĩa là sợ sệt, xúc động, bán tín, bán nghi, bối rối lo lắng muốn thôi bước. Đức Thầy có câu:

“Lời tà sư ngoại Đạo gieo vào.

Cho nhưn sanh trong dạ núng nao,

Chẳng gìn chặt gương xưa mạnh mẽ”.

ÂN CẦN: Siêng năng lo lắng, nhắc nhở đến luôn.

NGHĨ CAN: Xét nghĩ cho cùng tận hết ý.

CẦU MAY: Cầu cho được may mắn được việc. Nghĩa chữ *cầu may* ở đây là chắc chắn được việc, thành công.

THƯỢNG NGUƠN: Xem lại chú thích tại Q. Thượng Tập 1/3, tr. 51.

AN CƯ: Ở yên.

CHÁNH VĂN

137. *Học câu hỷ-xả đại-từ,
Nói gương nghĩa-sĩ dạ tư chớ gàn.
Bôn Nam tấu Bắc tảo-tần,*
140. *Chúng-sanh rán nhớ thì gàn cùng Ta.
Xác trần Ta đã rời xa,*
142. *Bá-gia ở lại vậy mà bình-an.*

LƯỢC GIẢI :

Sáu câu Giảng trên Đức Giáo Chủ dạy môn đồ học và thực hành bốn đại đức của chư Phật là: Từ, Bi, Hỷ, Xả và thi hành công hạnh Bồ Tát (Đại Sĩ), dẹp bỏ lòng vị tư nhân ngã.

Ngài có trách nhiệm hóa độ khắp bốn phương, không phân biệt Đông Tây hay Nam Bắc. Nếu tín đồ nào ghi nhớ lời dặn bảo tất sẽ được gàn Ngài. Và đến đây Ngài cho biết phần chơn linh (Pháp thân) có lời từ giã bá tánh để Ngài trở về yết kiến Chư Phật.

CHÚ THÍCH :

HỖ XẢ ĐẠI TỪ: Cũng gọi là Từ, Bi, Hỷ, Xả, tức là Tứ Vô Lượng Tâm hay bốn Đại Đức của Chư Phật.

NGHĨA SĨ: Nghĩa là làm việc phải, đúng với chơn lý, hay bố thí giúp đời. Sĩ là người tu Phật, có tinh thần tự giác, giác tha theo hạnh chư Phật, Bồ Tát.

DA TU: Lòng tư riêng vị kỷ.

XÁC TRẦN: Xác thể con người. Trong mỗi con người có hai phần: Xác thể và tâm hồn. *Xác thể* là xác thân do tứ đại hợp thành; *Tâm hồn* là tinh thần, là thần thức, linh hồn, pháp thân. Tức là cái thấy nghe hay biết và Phật tánh của mình. Tâm hồn ví như ông chủ nhà, xác thân như cái nhà. Cái nhà hư, ông chủ nhà đi ra ngoài cất cái khác, rồi cái khác nữa.

CHÁNH VĂN

143. *Kìa-kìa anh hổ hò khoan,
Tình lang về mắt hổ-hang mặt-mày.
Sớm lo sắp đặt luyện tài,*
146. *Phật Trời phân định mặt mày mới xinh.
On trên lượng rộng thình-thình,
Tù-bi khuyến dạy mặc tình nghe không.
Giống hiền như thể gieo bông,*
150. *Nhụy đơm thơm phức màu hồng xuê-xang.*

LƯỢC GIẢI :

Thời Pháp thuộc có nhiều người theo làm việc cho Pháp để hưởng bổng lộc quyền uy. Họ theo Pháp như một tình nhân không rời ra được. Một khi người Pháp mất quyền thì họ phải tủi hổ, như người thất nghiệp.

Đức Thầy khuyên người dân Việt hãy sớm tu luyện tài năng, đức hạnh kịp đến ngày Phật Trời phân định sẽ được hưởng sự vinh quang. Lòng từ bi của Phật rộng lớn vô biên lúc nào cũng lo cứu độ, mặc tình chúng sanh nghe không tự ý. Bằng biết lo gieo giống hiền lành như thể trồng hoa thì sau này sẽ trở hoa kết trái thơm tho vinh diệu vô cùng.

CHÚ THÍCH :

HỔ HÒ KHOAN: Một điệu hát ở miền Bắc, thường là hát tập thể vừa để cho ăn rập, vừa lấy sức mạnh. Cổ thơ có câu: “*Ghe bầu dọn dẹp kéo neo,*

Máy chú bạn chèo bắt cái hò khoan”.

Nghĩa bóng là chỉ cho sự khoe khoang tự đắc. Ý chỉ cho những người làm việc theo Pháp hay vênh vang tự đắc (ta đây). Nhưng khi bị tủi hổ thì hết khoe khoang lớn lối.

CHÁNH VĂN

151. *Dân ta dòng giống Tiên-bang,
Chớ đâu có giống ngô-ngang hung-sùng.
Mặc tình bá-tánh có dùng,*
154. *Ai muốn nghe Khùng chép lấy mà coi.
Lấy tâm lấy trí xét-soi,
Thầy đi dạy Bắc thử coi lẽ nào ?
Thôi thôi dân chớ hùng-hào,*
158. *Khùng từ bốn-đạo tâu dào Bắc-đô.*

*Hòa-Hảo, lối tháng 2 năm Canh-Thìn (1940).
(Chép theo bản chánh do ông Nguyễn-Chi-Diệp giữ)*

LƯỢC GIẢI :

Đây là đoạn kết của bài “**DẶN DÒ BỐN ĐẠO**”. Đức Thầy luôn nhắc khuyên cho mọi người nhớ lại, dân tộc Việt Nam ta trước kia là dòng giống Tiên Rồng. Người dân rất hiền lương đức hạnh, chớ đâu có ngô ngang hung ác như bây giờ. Nay chúng ta nữa nào đánh mất điều tốt đẹp hiền lành ấy mà hãy nhớ lại để trở về với quê xưa cội cũ của chính mình. Ngài cũng ân cần khuyên nhắc một lần nữa, nếu ai thấy lợi ích trong quyển giảng này thì hãy chép mà xem coi học hỏi để thi hành theo, bằng không tùy ý. Phần Ngài hiện giờ phải đến miền Bắc để giáo hóa nhân sanh.

CHÚ THÍCH :

TIÊN BANG: Nước Tiên. Dân tộc chúng ta trước kia con Vua Lạc Long Quân và Bà Âu Cơ “*Dòng giống Tiên Rồng*”. Nên Đức Thầy từng nói:

*“Giống nòi thiết cốt rồng tiên,
Mà nay lạc mất gương hiền nơi đâu
Và : “Cũng gốc người Thượng Đế xuống trần
Quày đầu nghe tiếng chuông ngân,
Trở về nơi cũ cho gân Phật Tiên”.*

Bài 13. << DIỆU PHÁP QUANG MINH >>
(Khùng Điền Tự Cảm Tác)
(SGTVTB 2004, tr. 337- 345)

XUẤT XỨ :

Vào ngày mùng 10 tháng 4 năm Canh Thìn (1940), cùng một lúc với bài “Tạm Ngưng Lý Lễ”, Đức Giáo Chủ PGHH sáng tác bài **Diệu Pháp Quang Minh**.

Bài giảng này chính tay Ngài cảm hứng mà viết và đề tựa. Đức Giáo Chủ dùng bút hiệu rất khiêm nhượng, thay vì phải xưng danh như thế này thế nọ, đành này Ngài lại dùng bút hiệu là của ông Khùng và ông Điền cảm hứng viết ra. Thực ra Ngài đã dùng trí huệ và giáo pháp cao siêu màu diệu để giác tỉnh người đời; do đó, bài giảng được mang ý nghĩa: Ánh sáng của Trí tuệ (tức Diệu Pháp Quang Minh).

VĂN THỂ :

Đây là một bài vận văn (văn vần), thể thất ngôn trường thiên, loại khuyến tu và thuyết giáo, dài 244 câu. Khởi đầu bằng câu: **“*Giờm trí huệ từ bi chớp nhoáng*”** và chấm dứt bởi câu: **“*Thôi già thế ước mong đời thanh*”**.

CHỦ ĐÍCH :

Đức Thầy cho biết Ngài có sứ mạng vâng lệnh Đức Thế Tôn (Phật Thích Ca) khai Đạo cứu đời bằng đường hướng “**Học Phật Tu Nhân**” cho thích hợp với căn cơ và tập quán của chúng sanh thời hiện đại. Pháp môn này rất dễ tu, dễ chứng đắc.

NỘI DUNG :

Ngài hướng dẫn theo phương cách tu không quá chú trọng ở hình tướng mà chỉ mang sắc thái người cư sĩ tại gia: vừa tu Nhân, vừa học Phật và tu Phật:

-Về Tu Nhân là vẹn gìn trung hiếu tiết nghĩa, đền đáp “tứ đại trọng ân” để hoàn thành phận sự trong Đạo làm người.

-Về Học Phật - Tu Phật là trì hành đúng theo chánh pháp vô vi của Đức Phật Thích Ca khi xưa đã truyền dạy:

“Nội quang cảnh tâm vô kỳ vật.

Đường đạo đức bước đi từ nấc,

Ngoại quang hình bất chấp kỳ hình”.

Đề ra khỏi sanh tử đến cõi vô sanh bất diệt:

“Tâm vô vi kiếm cảnh Niết Bàn”.

BỐ CỤC :

Đây là một bài giảng gồm đủ văn chương và đạo lý mà Đức Giáo Chủ viết có lớp lang thứ tự hẳn hoi. Để cho môn đồ có đủ vật liệu xây dựng một tòa lâu đài đạo pháp đồ sộ bền chắc, như một kiến trúc sư, Ngài chuẩn bị đủ mọi vật liệu cần thiết. Chúng ta có thể tạm phân ra làm 3 phần chánh và 24 tiểu đoạn:

1. *Phần Khai đề:*

Đoạn 1: Từ câu 1 đến câu 4.

2. *Phần Chánh đề* (từ đoạn 2 đến đoạn 23) :

Đoạn 2: từ câu 5 tới câu 12.

Đoạn 3: từ câu 13 tới câu 20.

Đoạn 4: từ câu 21 tới câu 28.

Đoạn 5: từ câu 29 tới câu 36.

Đoạn 6: từ câu 37 tới câu 44.

Đoạn 7: từ câu 45 tới câu 56.

Đoạn 8: từ câu 57 tới câu 64.

Đoạn 9: từ câu 65 tới câu 68.

Đoạn 10: từ câu 69 tới câu 76.

Đoạn 11: từ câu 77 tới câu 84.

Đoạn 12: từ câu 85 tới câu 96.

Đoạn 13: từ câu 97 tới câu 108.

Đoạn 14: từ câu 109 tới câu 116.

Đoạn 15: từ câu 117 tới câu 128.

Đoạn 16: từ câu 129 tới câu 144.

Đoạn 17: từ câu 145 tới câu 156.

Đoạn 18: từ câu 157 tới câu 168.

Đoạn 19: từ câu 169 tới câu 180.

Đoạn 20: từ câu 181 tới câu 192.

Đoạn 21: từ câu 193 tới câu 208.

Đoạn 22: từ câu 209 tới câu 220.

Đoạn 23: từ câu 221 tới câu 232.

3. *Phần Kết luận:*

Đoạn 24: từ câu 233 tới câu 244.

CHÁNH VĂN

1. ***Gương trí-huệ từ-bi chớp nhoáng,
Bóng quang-âm ngày tháng dập-dồn.
Ta thừa vưng sắc lệnh Thế-Tôn,***
4. ***Khấp hạ-giải truyền khai Đạo pháp.***

LƯỢC GIẢI :

Đoạn này có ý nói trí tuệ của Phật của Thầy sáng suốt vô cùng tận. Còn ngày giờ trong trời đất cũng xoay chuyển mau lẹ không dừng. Hiện nay Đức Thầy vì vâng sắc lệnh của Đức Thế Tôn lâm phạm chuyển khai nền Đạo pháp, cứu độ chúng sanh.

CHÚ THÍCH :

TRÍ HUỆ: Cũng gọi là *trí tuệ*. Phạm ngữ là *Prajnà*, có nghĩa sáng suốt, thông đạt cả sự lẫn lý. Sở dĩ ví trí huệ như lưỡi gương là vì nó có tánh cách sắc bén, chặt đứt cội phiền não (tham, sân, si):

***“Trí huệ dứt xong rồi quả báo,
Lo gì cửa Phật chẳng chen vào”.***

TỪ BI: Hai trong bốn đại đức của chư Phật, có nghĩa hiền lành thương xót. *Trí huệ từ bi* là trí sáng suốt thương xót chúng sanh của Đức Phật:

**“Tiếng kệ từ bi quá diệu trầm,
Diệt lòng tham vọng diệt thính âm”.**

CHỚP NHOÁNG: Tia chớp sáng rực lên như luồng điện một cách mau lẹ, vượt nhanh hơn ánh sáng của lửa thường :

**“Luồng thanh điện chớp qua như chớp.
Chuyển căn tiền nhắc lớp người xưa”.**

BÓNG QUANG ÂM: Bóng sáng và tối. Ý chỉ cho ngày và đêm.

DẬP DÒN: Ý chỉ ngày giờ, năm tháng qua rất mau lẹ. Cứ dồn dập tới tấp, hết ngày này sang qua ngày khác.

THỂ TÔN: Một trong 10 danh hiệu của Phật. Có nghĩa cả thế gian đều tôn vinh và cung kính Ngài:

**“Ngài là vua Pháp tột cao,
Khấp trong ba cõi chẳng sao sánh tày.
Tiên, người đồng kính đạo Thầy,
Cha lành hết cả bốn loài chúng sanh”.**

HA GIẢI: Cũng gọi là *hạ giới*, tức là cảnh giới chúng sanh đang sống.

CHÁNH VĂN

5. *Tùy phong-hóa dân-sanh phù-hạp,
Chấp bút thần tả ít bốn kinh.
Bồi luật trời mở rộng thính-thính,
Tri phong-võ bất kỳ chuyển kiếp.
Giống Hồng-Lạc kim-chi ngọc-diệp,
Nay đổi đời nhiều sự thấp hèn.
Từ ngàn xưa Phật-pháp gài then,*
12. *Nên ít kể tu-hành đức Đạo.*

LƯỢC GIẢI :

Đức Thầy tùy theo phong tục và sự giáo hóa của nhân sanh hiện tại mà Ngài viết ra Kinh Giảng cho phù hợp với trình độ mỗi địa phương để thiết hành và để chứng đắc.

Dân tộc Việt Nam xưa kia rất hiền lương tốt đẹp như cành vàng lá ngọc. Nhưng vì thời nay đã đổi lại thấp hèn như xấu.

Kể từ sau ngày Đức Lục Tổ Huệ Năng bật truyền y bát tới nay, ấy gọi là Pháp môn bế mạc, cửa Đạo càng gần như bị đóng cửa. Người tu phần đông chạy theo âm thanh sắc tướng, nên rất ít kẻ tu hành đúng chơn lý và chứng đắc.

CHÚ THÍCH :

PHONG HÓA: Phong; tập tục; Hóa: văn hóa giáo dục. Nghĩa rộng là cách thức ăn ở phù hợp với nền văn hóa và thuần phong mỹ tục của một nước.

DÂN SANH: Đời sống của dân chúng.

BÚT THẦN: Chỉ lời của Đức Giáo Chủ nói ra như có thần hóa vì nó xoay chuyển được cuộc diện hay tâm hồn con người, từ xấu ra tốt, từ thấp hèn trở nên đứng đắn, như Ngài đã viết:

***“Huoi bút thần dẹp lũ cáo xà,
Loài độc địa toan trừ dứt nọc”.***

Hoặc là:

***“Miệng nhích môi đầy văn tao nhã,
Hạ bút thần thơ đã đề khai”.***

TẢ ÍT BỐN KINH: Sáng tác ra một số Kinh Giảng để giáo hóa chúng sanh.

LUẬT TRỜI MỞ RỘNG: Luật trời đất (như luật nhân quả) mệnh mông rộng khắp mà chi phối chẳng lọt một ai cả:

***“Luật nhân quả thật là cao viễn,
Suốt cổ kim chẳng lọt một ai”.***

PHONG VÕ: Mưa và gió. Ý chỉ thời tiết vận chuyển trong trời đất xoay đảo không ngừng.

GIÓNG HỒNG LẠC: Chỉ dòng giống của dân tộc Việt Nam, bắt đầu từ họ Hồng Bàng với với thủy tổ là vua Lạc Long Quân (thế kỷ 29 TCN).

KIM CHI NGOC DIỆP: Cảnh vàng lá ngọc. Ý chỉ dân tộc ta khi xưa sự ăn ở và nếp sống rất đạo đức tốt đẹp, quý báu như cảnh vàng lá ngọc.

TỪ NGÀN XƯA: Từ xa xưa, chỉ từ thời Đức Lục Tổ Huệ Năng bật truyền y bát (y bát của Phật không còn trao truyền tiếp nối trên thế gian nữa) giống như cái nhà bị đóng cửa. Do đó, người tu hành ít ai đắc đạo.

CHÁNH VĂN

13. *Ta cũng tỏ đôi lời khờ khạo,
Ngắm cảnh đời tâm nào bắt cuồng.
Hiệu Diên Khùng ban rải dư muôn,*
16. *Khùng đạo-đức Khùng câu tuyệt-diệu.
Khùng toán biết âm-dương kết-liễu,
Khùng huyền-cơ Khùng Đạo Thích-Ca.
Huoi bút thần đẹp lũ cáo-xà,*
20. *Lòai độc-địa toan trờ dứn nọc.*

LƯỢC GIẢI :

Đức Thầy luôn nói những lời khiêm nhường, lúc nào cũng tỏ ra mình là người khờ khạo ngu dốt để tìm phương tiện giác tỉnh quần sanh. Bởi vì Ngài quá thương xót chúng sanh nên luôn luôn lo lắng tìm phương cứu độ.

Tuy hình tướng bên ngoài giả dạng Diên Khùng, song lời ý Pháp của Ngài thốt ra toàn những lời cao sâu mâu diệu. Bởi Ngài đã thông đạt sự vận chuyển và sự liên kết của cơ tạo hóa tới đây sẽ ra sao và giáo pháp mâu diệu của Đức Phật mà nhà tu thành đạt như thế nào.

Ngài cũng có bốn phận đẹp trừ tận gốc những loài ác hung phiến nảo bằng ngọn bút thần của Ngài để đưa chúng sanh sang bờ giác.

CHÚ THÍCH :

TÂM NẢO BẤT CUÔNG: Trí óc muốn điên lên hay tâm trí bán loạn. Nhưng chữ cuông ở đây là do chữ cuông sĩ tức là một người rất sáng suốt mà giả dạng “điên khùng” chớ chẳng phải là khùng điên thật.

DU MUỐN: Hơn một vạn, đây chỉ con số thật nhiều, đếm chẳng xiết.

CÂU TUYẾT DIÊU: Tuyết là hay hơn hết, chỉ cao tuyết hơn hết trong mọi lãnh vực.

***“Huyền Pháp thâm trầm thơm bất tuyết,
Vô vi chánh Đạo hồi người ôi !”***

KẾT LIỄU: Kết là nhiều thành phần liên hợp lại, như chữ đoàn kết. Chữ *kết liểu* ở đây có ý chỉ Đức Giáo Chủ biết rõ sự sắp đặt bộ máy âm dương của Trời đất cho đến ngày kết cuộc.

TOÁN BIẾT: Cũng gọi là *đoán biết*. Có nghĩa đoán biết công việc sắp xảy ra. Đây là một ngữ pháp trong Kinh Dịch. Như thời Tam Quốc có Khổng Minh, lúc còn ngồi trong thảo am, ông đoán biết vận mạng của nước Tàu trước và sau 100 năm. Còn tại Việt Nam ta có cụ Trạng Trình lúc ở tại Bạch Vân am, cụ cũng đoán biết vận mạng nước nhà 500 năm sau. Đức Thầy viết:

***“Ngày nay xe lét xe lôi,
Đúng lời truyền sấm của hồi đời Lê.
Là năm Rồng, Rắn, Ngựa, Dê.
Chúng sanh thế giới ê hề thầy phơi.
Trạng Trình truyền sấm mấy lời,
Ngày nay dân chúng vậy thời rán tri”***

HUYỀN CƠ: Huyền: sâu kín, màu nhiệm; Cơ: guồng máy. Máy vận hành của tạo hóa rất màu nhiệm, cơ

mật. Đức Thầy từng nói: “*Câu Đạo lý cơ huyền khó kiếm*” hoặc là : “*Thiên cơ Đạo lý để lòng mới thôi*”.

CHÁNH VĂN

21. *Noi tục cổ xác Khùng để tóc,
Phải đưa chen tập tánh ông cha,
Mong dương-trần tỉnh giấc Nam-Kha,*
24. *Trừ vật-dục trì chơn bất hoại.
Cặp mắt Thánh dòm xem tứ hải,
Thương hồng-trần mượn xác tái-sanh.
Bởi vì đời văn-vật cạnh-tranh,*
28. *Nên cấu-xé cùng nhau thăm-não.*

LƯỢC GIẢI :

Đức Thầy cho biết, vì Ngài muốn noi theo phong tục của ông cha từ xưa, nên xác thể Ngài để tóc. Ý chỉ Ngài muốn khuyên dân chúng nên gìn giữ bản sắc dân tộc, chớ nên bắt chước theo nền văn minh vật chất của Âu Tây mà bị tha hóa, mục đích là để gìn giữ biểu dương tinh thần yêu nước của mình. Ngài còn khuyên môn đồ chớ nên đam mê theo vật chất phù hoa, vì những thứ đó đều là ảo ảnh gạt lờng, như giấc mộng Nam Kha vậy thôi. Hãy nên gìn giữ cái tâm chơn thật của chính mình cho được trường tồn vĩnh cửu.

Đức Giáo Chủ còn cho biết từ nhiều tiền kiếp Ngài đã tu hành chứng Đạo, nay dùng cặp mắt Thánh nhìn khắp bốn biển, thấy chúng sanh sắp vương tai khổ, nên nay tái sanh để tùy phương cứu độ.

CHÚ THÍCH :

TỤC CỔ: Nếp sống và sự ăn ở đúng theo phong tục cổ truyền của nước ta.

GIÁC NAM KHA: Xem lại CT tại tr. 182 trong bài Tỉnh Bận Trần Gian, Tập này.

TRỪ VẬT DỤC: Trừ lòng ham muốn vật chất: danh, lợi, tình.

TRÌ CHƠN: Gìn giữ cái tâm chơn thật.

CẶP MẮT THÁNH: Cặp mắt của chư Phật Thánh đã tu hành chứng đắc (La-hán, Duyên-giác, Bồ-tát, Phật). *Mắt thánh* là chỉ cho thiên nhãn thông.

TỨ HẢI: Bốn biển, chỉ cho khắp thế giới năm châu.

TÁI SANH: Sanh trở lại hoặc chuyển kiếp lại. Nghĩa bóng là nói Đức Thầy vì có bản nguyện và sứ mạng nên chuyển kiếp trở lại độ chúng, như Ngài từng viết:

***“Lòng yêu sanh chúng luân chuyển kiếp,
Dạ ái dương trần đối xác thân”.***

VĂN VẬT: Văn minh và vật chất.

THÂM NÃO: Đau đớn sâu khổ.

CHÁNH VĂN

29. ***Sá chi kẻ ngu-si khinh-ngạo,
Vì trên đời nhiều hạng khác nhau.
Đấng trung-thần dạ ngọc ước-ao,***
32. ***Người bội-phản ghét-vơ đạo-lý.
Khùng cảm mến truyền câu hỏi vị,
Thà làm hiền mà biết non-sông,
Điên như Ta Diên giống Tiên Rồng,***
36. ***Điên gỡ ách xích-xiềng thế tục.***

LƯỢC GIẢI :

Ở đời, có lắm kẻ quá mê si, hễ thấy ai có đạo đức thì khinh chê nhạo báng. Đức Giáo Chủ không màng kể, ấy vì họ không thấu hiểu đạo đức là gì !

Hơn nữa, người đời tâm trí tánh tình chẳng đồng nhau. Có người thì luôn trung thành với ông cha Thầy Tổ, có kẻ lại phản bội Đạo nhà Tổ quốc, chẳng ưa gì Thầy Tổ.

Đức Thầy rất cảm mến những bậc trung thành ngay chánh, biết trở về con đường đạo đức hiền lành. Thà làm

lành mà biết tưởng nhớ đến non sông Tổ quốc, Đức Giáo Chủ tuy giả dạng Diên Khùng, nhưng lúc nào Ngài cũng yêu thương nòi giống để tùy phương cứu gỡ đất nước thoát khỏi vòng xiềng xích của dòng đời và thiện tín thoát ly cảnh khổ.

CHÚ THÍCH :

SÁ CHI: Chẳng kể chi, chẳng ngại gì chuyện đó.

NGU SI: Ngu muội chẳng biết gì.

KHINH NGAO: Khinh chê nhạo báng.

TRUNG THẦN: Người tôi dân có lòng trung cang nghĩa khí.

DA NGOC: Lòng dạ tốt đẹp đối với mọi người. Từ trong gia đình đến xã hội luôn có lòng đạo đức, đúng với lẽ phải, được người đời quý trọng như vàng ngọc.

BỘI PHẢN: Người không trung thành với Tổ quốc, với dân tộc, với Thầy Tổ, bạn bè, ấy cũng gọi là người hay phản phúc. Ví dụ: Trò phản thầy, tớ phản chủ, tôi dân hay mãi quốc cầu vinh. Đức Thầy từng diễn tả cảnh trạng ấy:

“Gẫm nhiều người bội bạc thâm ân,

Nào kể chi là Đạo Quân Thần.

Tôi giết chúa, con đành sát phụ.

Lúc nguy cơ tớ mong hại chủ,

Trò giết Thầy tội ấy đáng không ?

Thêm chồng giết vợ, vợ giết chồng,

Niềm huynh đệ cùng nhau xâu xé.

Cũng hiếm lúc con còn giết mẹ,

Giành của tiền cốt nhục giết nhau.

Tranh lợi danh giết lẫn đồng bào,

Tình nhân loại phân chia yếm bách”.

HỒI VI: Trở lại con đường tốt đẹp hay ngôi vị cũ tốt đẹp của chính mình.

ĐIÊN NHƯ TA ĐIÊN GIỐNG TIÊN RỒNG: Đức Thầy nhắc đến vua Lạc Long (rồng) và bà Âu Cơ (tiên).

Hai người sản sanh giống dân Việt Nam ta, nên gọi là giống Tiên Rồng. Đây là lời Vua Lạc Long nói với bà Âu Cơ: “Ta là giống Rồng, còn Bà là giống Tiên không thể ăn đời ở kiếp với nhau mãi được !” Nên bà dất 50 người lên non tu hành, sau thành Tiên. Còn ông thì dất 50 người xuống biển làm vua cai trị nước Nam ta (bấy giờ có tên là Văn Lang), trị vì được 18 đời vua Hùng Vương, kéo dài 2622 năm, kết thúc là vua Hùng Vương thứ 18 (268 TCN).

Xưa nay, văn chương thường nhắc đến hai chữ Tiên Rồng hay Rồng Tiên là ý muốn nói đến Tổ Tiên của dân tộc Việt Nam.

XÍCH XIỀNG THỀ TỤC: Người bị sợi dây trời trần trong cõi phàm tục sanh tử luân hồi khó mà thoát ly ra được. Đây có ý nói tuy Đức Thầy giả hiệu là Khùng Điên, nhưng lòng Ngài lúc nào cũng quyết đem dân tộc Việt ra khỏi vòng nô lệ của ngoại bang (về mặt đời) và chúng sanh thoát cảnh luân hồi sanh tử (về mặt đạo).

CHÁNH VĂN

37. *Chuông Linh-Khứu ba hồi giục-thúc,
Đờn Lô-i-Âm khởi điệu êm tai.
Con lành duyên khá trở gót hài,*
40. *Điền quyết chí dất người lánh tục.
Đạo mở cửa bày câu minh-mục,
Nước ma-ha tưới tắt lòng phàm.
Cõi Trung-Uơng luân chuyển phương Nam,*
44. *Mở hội Thánh chọn người trung-hiếu.*

LƯỢC GIẢI :

Đức Thầy cho biết Ngài đem nền giáo lý của Đức Phật Thích Ca từ chùa Lô-i-Âm và núi Linh Khứu ra giáo hóa chúng sanh. Ngài kêu gọi những ai có duyên lành với Phật Pháp hãy sớm quay về nẻo Đạo để thoát ly cảnh khổ.

Ngài vạch rõ đường lối tu hành trước mắt mọi người và dùng Phật Pháp (nước ma-ha) tưới tắt lòng tham, sân, si, thù hận trong mỗi chúng sanh để thoát khỏi vòng khổ đau sanh tử.

Đức Thầy cũng nói rõ từ trước tới giờ, vị trí trung ương của Phật giáo là Thiên Trúc (Ấn Độ). Thời gian sau, sang qua Trung Hoa. Rồi sẽ luân chuyển qua phương Nam (tức nước Việt) để qui hội các bậc Hiền Thánh, lập ra đời Thượng Nguơn Thánh Đức. Vậy chúng ta còn chờ chi nữa mà chẳng phát tâm tu thân hành đạo.

CHÚ THÍCH :

LINH KHỨU: Còn gọi là Linh Thứu (Gradhakuta),. Đây là quả núi có hình giống con chim thúu (chim ô, chim kên kên), nơi Phật đã từng ngụ và thuyết pháp. Phiên âm từ tiếng Phạn là Kỳ-Xà-Quật sơn, cũng được gọi là Kê-Túc sơn (quả núi có hình giống con gà trống) hoặc Linh sơn. Kinh “Diệu Pháp Liên Hoa” được Phật thuyết tại đây. Linh Thứu Sơn còn để chỉ xứ Phật hay chỗ Phật ngụ. Đức Thầy nay cũng từng bảo: **“Ta vì vung sắc lệnh ngọc tòa, Đền Linh Khứu sơn trung chịu mạng”**. (GMTK, Q.4)

LÔI ÂM: Tên của một ngôi chùa tức Lôi Âm tự. Lôi âm cũng chỉ tiếng đờn tức đờn Lôi âm. Ý chỉ tiếng giáo pháp của Phật thuyết rất thanh bai tao nhã, màu diệu thâm trầm khiến người nghe cảm nhận như tiếng đờn. Đức Thầy có câu:

**“Lôi Âm giục khởi tiếng đờn
Thất sơn dây loạn là cơn hiểm nghèo”**
(Thiên Lý Ca)

Hoặc:

**“Lôi Âm Tự đường đi chưa đến,
Nên giữa chừng kẻ mến người khinh”**.
(Xuân Hạ Tác Cuồng Thơ)

LÀNH DUYÊN: Thương nói *duyên lành*. Ai có kết duyên lành với Phật pháp thì sớm muộn gì cũng phát tâm tu hành hướng về Phật quả.

Xưa, có một hành giả chỉ một thời gian ngắn mà được chứng quả. Các đệ tử bạch hỏi Phật về lý do. Phật trả lời: Hành giả này trước kia là một cư sĩ, có lòng kính tin nơi Phật, nghe tiếng người niệm Phật niệm Kinh rồi niệm theo. Một hôm, ông vào rừng đốn củi bị cọp rượt, ông vừa niệm Phật vừa leo lên cây, cọp bỏ đi. Ông tiều không bị cọp hại, sống và lo tu hành nên nhanh chóng đạt thành Phật quả.

LÁNH TỤC: Lìa khỏi nơi phạm tục.

MINH MỤC: *Minh* là sáng, *Mục* là mắt. Đây nói Đức Thầy mở Đạo để vạch con đường sáng trước mắt cho mọi người thấy rõ mà tu hành, khỏi bị lầm lạc.

MA HA: Phạn ngữ: *Mahâ*, nghĩa là lớn (đại), nhiều (đa). Nói *nước Ma-ha* là chỉ nước pháp tam muội (chánh định), có diệu năng rửa sạch lòng trần dơ bẩn: **“Nước Ma Ha tưới tắt lòng phạm”**.

Ma ha hoàn là chỉ trí tuệ bát nhã ví như con thuyền đưa người vượt khỏi bờ mê:

**“Ma Ha hoàn nhữ đã dọn rồi,
Lèo lái trương buồm chớ thả trôi”**.

Hoặc là:

**“Biển trần sóng cuộn lao xao,
Xông thuyền Bát Nhã lướt vào một phen”**(Tự Thán).

CÔI TRUNG ƯƠNG: Chỗ giữa, chỗ trung tâm. Xưa nay, hễ nơi nào có chư Phật Thánh ra đời thì nơi ấy trở thành Trung Ương Thánh Địa. Như khi xưa, Đức Phật Thích Ca xuất hiện thì tại xứ trung Ấn Độ trở thành Thánh Địa. Rồi đến thời Đức Đạt Ma Tổ Sư, Ngài thấy duyên Phật Pháp ở đây không còn thanh hành nữa liền chuyển đến Trung Hoa thì Trung Hoa trở thành Trung Ương Thánh Địa. Trải qua sáu đời Tổ tương truyền ở Trung Hoa,

đến đời nhà Trần, đạo Phật nước ta bắt đầu phát triển và dần tới thời Đức Phật Thầy Tây An với Bửu Sơn Kỳ Hương, cho đến nay là thời Đức Huỳnh Giáo Chủ ra đời mở Đạo Phật Giáo Hòa Hảo. Diễn biến tới đây sẽ đưa nước Việt Nam ta thành cõi Trung Ương của Đạo Phật như Đức Huỳnh Giáo Chủ đã xác định:

**“Nước Nam Việt nhằm cõi Trung Ương,
Sau sẽ có Phật Tiên tại thế”.**

Hoặc là:

**“Luôn từ ngày Tăng Sĩ xa nhà,
Đều uất kết tâu qua cùng Thượng Đế.
Ngày vâng chỉ đạo lai trần thế,
Cõi Trung Ương nhằm đất nước Việt Nam.
Chọn một chàng tuổi trẻ tục phàm,
Mượn tay gã, tờ hoa Thần hạ bút”.**

(Trao Lời cùng Ông Táo)

CHÁNH VĂN

45. **Tử vì nước còn ghi linh miếu,
Thác vì đời thanh-sử danh bia.
Mũ cánh chuồn, đai giáp, mang hia,**
48. **Tuy thô-kịch mà tâm chánh-trực.
Nước văn-minh chê đồ ấy nực,
Mảng trau-tria xác thịt thanh-bai.
Cảnh dương-trần khó sánh Bồng-Lai,**
52. **Về Tiên cảnh say mùi rượu Thánh.
Chén quỳnh-tương gác điều gai ngạnh,
Vui tinh-thần bày biện cuộc cờ.
Khi thừa-nhàn trở giọng ngâm thơ,**
56. **Bày thi phú than qua thời-thế.**

LƯỢC GIẢI :

-Đoạn giảng trên, Đức Thầy cho biết: Xưa nay những người chết vì nước non dân tộc, cứu nguy đồng bào

Tổ quốc đều được sử sách ghi biên, miếu son thờ phượng. Và người xưa tuy cách ăn mặc có hơi thô kịch, song lòng dạ rất ngay thẳng chánh chơn.

-Ngược lại, các nước văn minh sống theo vật chất phù hoa, chê bai lối sống thời xưa ô dề chật nực, chỉ lo ăn diện cho trơn láng hờ hang, bỏ hết lễ nghi phong tục của ông cha từ trước.

-Đức Giáo Chủ còn cho biết nếp sống theo cảnh dương trần hiện tại, không sao bằng cảnh sống nơi Bồng Lai Tiên Cảnh, tức Ngài muốn chỉ đời Thượng nguơn Thánh đức sắp tới đây. Nơi ấy sẽ đầy đủ vật liệu của các Tiên gia:

***“Bồ đào rượu Thánh trà Tiên,
Muôn năm cộng lạc chúa hiền tôi trung”.***

-Người sống trong cảnh này chẳng còn hơn thua, tranh chấp hay giành giật gây gổ lẫn nhau, ngày đêm sống vui vẻ với văn chương thi phú.

CHÚ THÍCH :

TỬ VÌ NƯỚC, THÁC VÌ ĐỜI: Chết để bảo vệ Tô quốc quê hương, đồng bào chủng loại, không lo riêng tư cho cá nhân mình.

LINH MIẾU: Cái miếu hoặc đình (đền thờ) người ta xây cất để thờ phượng những bậc có công cứu nước giúp đời, tại các địa phương thường có. Hằng năm cúng tế để cầu nguyện cho quốc thái dân an, bá tánh an cư lạc nghiệp. Trong các cuộc lễ cúng tế trên người ta luôn đọc lại tiêu sử và sự nghiệp của các Ngài để nhắc nhở dân chúng tưởng nhớ noi theo gương hạnh tốt đẹp đó. Đức Thầy có câu:

***“Trăm năm ghi tạc miếu son,
Trung quân ái quốc hỡi còn danh bia”.***

(Viếng Làng Phú An)

THANH SỬ: Cũng gọi là sử xanh. Thời xưa, người ta chưa làm được các thứ giấy. Chỉ dùng cật tre xanh mà chép sử nên gọi là sử xanh hay thanh sử:

***“Tiếng roi lại Bình Ngô sát Đát,
Sử xanh còn ngào ngạt hương thơm”.*** (Gọi Đoàn)
***“Dở sử xanh Nam Việt mà coi,
Gương Trưng Triệu còn roi muôn thuở”.***

(Gọi Đoàn Phụ Nữ)

MŨ CÁNH CHUỒN: Cái mào các quan hồi xưa đội để đi làm việc, có hai cánh hai bên như hai cánh con chuồn chuồn.

ĐAI GIÁP: Các quan lính thời xưa khi đi đánh giặc có mang đai giáp quanh mình để che thân. Họ mang cả giáp đồng giáp sắt và giáp thiết nữa (thiết giáp), tên bắn trúng cũng không lủng.

HIA: Như đôi giày, có hai mỏ nhọn lên, các quan lớn vào chầu vua đều có chân mang hia.

THÔ KỊCH: Ô dè kịch cợt, nhìn thiếu trang nhã.

CHÁNH TRỰC: Ngay thẳng, lòng ngay thẳng trước sau như một. Đức Thầy có bảo:

***“Ngay thẳng hiếu trung trang hiền thảo,
Kim thời bá tánh gọi ngu si”.***

BÔNG LAI: Xem lại chú thích tại tr. 138 Q. Thượng Tập 1/3.

RƯỢU THÁNH: Rượu của chư tiên dùng, nấu bằng trái bồ đào, uống vào chẳng bị say như rượu thường ở cõi trần gian. Đức Huỳnh Giác Chủ từng bảo:

***“Bồ đào rượu Thánh trà Tiên,
Muôn năm cộng lạc chúa hiền tôi trung”.***

CHÉN QUỲNH TƯƠNG: Quỳnh: tên một loại ngọc đẹp; tương: một loại nước uống. Đây chỉ một loại rượu thánh đựng trong chén ngọc. Đức Thầy: ***“Đặng chung cùng một tiệc quỳnh tương.”***

THỪA NHẬN: Rảnh rang thông thả, chẳng có việc gì phải lo âu sâu khổ.

TRÔI GIÔNG NGÂM THƠ: Cảnh của chư tiên ở, lúc nào cũng thanh thoi nhàn hạ, ít có việc chi trói buộc bận rộn nên thường ngâm nga những lời thi phú. Thi phú của các Ngài thường dùng lời lẽ thức thời, giác chúng, hoặc tiên tri những việc sắp xảy ra, như Trần Đoàn tiên ông ngâm thơ cho biết Triệu Khuông Dẫn sắp lên ngôi báu:

*“Vận khí xoay vần lối hiệp tan,
Huỳnh bào đập cật vững âu vàng.
Trần gian từ đấy ã vô sự,
Ta trở về ngôi mới ngủ an”.*

Và thơ của cụ Trạng Trình ở Việt Nam ta, lúc nhàn rỗi ở Am Bạch Vân ông có ngâm nga trên 500 bài thơ phú để giác đời và tiên tri thời cuộc, trong đó có tiên tri trận thế chiến thứ hai bùng nổ mà nay Đức Huỳnh Giáo Chủ có nhắc lại:

*“Ngày nay xe lét xe lôi,
Đúng lời truyền sấm của hồi đời Lê.
Là năm Rồng, Rắn, Ngựa, Dê,
Chúng sanh thế giới ê hề thầy phôi.
Trạng Trình truyền sấm mấy lời,
Ngày nay dân chúng vậy thì rún trì”*(SGQ.3)

Sau này, đến giữa năm Kỷ Mão 1939 (trước trận đệ nhị thế chiến), Đức Huỳnh Giáo Chủ nói tiếp thêm:

*“Mèo kêu bá tánh lao xao,
Đến chùng rông rắn máu đào chĩnh ghê.
Con ngựa lại đá con dê,
Khắp trong trần hạ nhiều bề gian lao.
Khỉ kia cũng bị xáo xào,
Canh khuya gà gáy máu đào mới ngưng”*(SG Q.1)

CHÁNH VĂN

57. *Xuống dương-gian thân Diên nào nệ,
Chôn hồng-trần đuốc huệ liền khai.
Cho nam-nhi sửa mặt râu mày,*
60. *Hàng phụ-nữ giỏi câu trịnh-liệt.
Rán bắt chước những trang tuấn-kiệt,
Gái anh-hùng xưa có Trưng-Vương.
Đuổi quân Tàu cứu vớt quê-hương,*
64. *Rửa xong hận thù chồng độc trả.*

LƯỢC GIẢI :

Đoạn giảng vừa qua, Đức Giáo Chủ nói rõ: Ngài lâm phạm khai Đạo, dùng đuốc huệ cứu dân, dù thân Ngài có chịu gian lao cực khổ cũng chẳng nài hà, miễn làm sao cho hàng nam nhi nữ kiệt biết giác tỉnh tu hành.

Nam thì rạng rỡ phận mày râu. Nữ thì vẹn tròn câu tứ đức để rạng rỡ mặt mày cho non sông Tổ quốc, ấy là Ngài được an lòng.

Ngài kêu gọi hàng thanh niên, nam nữ hãy bắt chước gương xưa, như hai bà Trưng, là trang nữ nhi anh hùng đã thể hiện tinh thần báo đáp nợ nước thù nhà. Bà Trưng vừa đền nợ nước vừa báo thù chồng mà đánh đuổi quân xâm lăng Tô Định ra khỏi bờ cõi, giành lại nền độc lập cho nước nhà. Hiện giờ sách sử còn ghi biên, miếu son tạc để.

CHÚ THÍCH :

RÂU MÀY: Cũng gọi là *mày râu*, nghĩa của chữ *nam nhi*. Chỉ cho chí khí của phận mày râu nam tử.

TRINH LIỆT: Trung trịnh và tiết liệt, chỉ cho giới nữ không làm điều hư thân mất nết.

TUẤN KIỆT: Người tài giỏi và có tiết liệt hơn kẻ khác.

ANH HÙNG: Cũng viết là hùng anh. *Anh* là vua các loài hoa; *Hùng* là vua các loài thú. Nghĩa bóng là

những người tài giỏi có chí khí lớn hơn người. Đức Thầy có câu:

***“Lúc giặc xâm lăng mưu thống trị,
Anh hùng đâu xá cảnh gian lao”.***

Hoặc là:

***“Nam Việt anh hùng đức khí hào”. Và:
“Khí thiêng liêng sông núi nhiệm mầu,
Un đức giống anh hùng vang bốn bể”.***

TRUNG VƯƠNG: Trung Nữ Vương, tức hai bà Trưng Trắc và Trưng Nhị. Hai bà là hai chị em ruột, con của một quan Lạc Tướng, người ở làng Hạ Lôi, huyện Mê Linh, tỉnh Phúc Yên. Quân Tàu đô hộ nước ta, dùng chánh sách khắc nghiệt đối với dân Việt. Họ sai Tô Định giết ông Thi Sách là chồng của bà Trưng Trắc.

Vì muốn bảo vệ dân tộc, đền nợ nước và trả thù chồng, bà Trưng Trắc cùng em là Trưng Nhị đứng lên chiêu tập anh hùng khởi nghĩa đánh giết được Tô Định vào năm 40 TCN. Dân chúng tôn hai Bà lên ngôi, xưng là Trưng Nữ Vương. Hai bà làm vua được 3 năm. Sau vì binh ít thế cô nên bị thua Mã Viện ở Cẩm Khê, hai bà nhảy xuống sông Hát Giang mà tự sát vào ngày mùng 6 tháng 2 năm Quý Mão. Hàng năm dân chúng đều có cúng tế hai Bà rất trọng thể, gương trung liệt của hai Bà còn xán lạn khắp năm châu.

CHÁNH VĂN

65. ***Xưa Châu-Xáng thanh-long phải tá,
Ngăn Su-Đồ dựng cứu Ngũ-Viên.
Nói cho đời rõ biết Khùng-Điên,***
68. ***Điên vận bĩ điên câu ái-quốc.***

LƯỢC GIẢI :

Bốn câu giảng trên, Đức Thầy nhắc lại thời Thập bát phân vương (bên Tàu), có Châu Xáng mượn thanh

long đao của Quan Công ngăn Thượng Su Đồ để cứu Ngũ Viên Thiệu. Mặc dù Châu Xáng tài kém hơn Thượng Su Đồ nhưng vì có lòng tốt muốn cứu người, thêm được sự gia hộ của các bậc Thần Thánh nên ngăn được giặc và cứu Ngũ Viên Thiệu thoát nạn.

CHÚ THÍCH :

CHÂU XÁNG: Người Trung Quốc vào thời Thập bát phản vương. Lúc thất thời đang trốn củi dựa mé rừng, ông bỗng nghe tiếng quan binh la hét bèn leo cây cao nhìn xuống thấy Thượng Su Đồ đang cỡi ngựa rượt theo Ngũ Viên Thiệu. Ông Viên Thiệu vừa đeo con vừa chống giặc sắp chết tới nơi, ông bèn tuột xuống chạy vào miếu Quan Công gần đó lấy cây thanh long đao mà Châu Xương đang ôm phò Quan Công. Ông chạy ra đón đường Thượng Su Đồ miệng hét vang như sấm nổ. Thượng Su Đồ thấy bộ mặt của Châu Xáng có vằn vện giống hình sắc của Châu Xương, nên giựt mình, tưởng mạng Châu Xáng chưa chết nên có Châu Xương hiện hình về hỗ trợ. Su Đồ liền ra lệnh lui binh, khiến Viên Thiệu được thoát chết.

SU ĐỒ - NGŨ VIÊN: Su Đồ tức Thượng Su Đồ là một lãnh tướng của bạo chúa Tỳ Dương Đế trong thời Thập bát phản vương bên Tàu. Ngũ Viên tức Ngũ Viên Thiệu, con của một lãnh tướng khác của Tỳ Dương Đế; vị tướng này đã bị Tỳ Dương Đế giết chết vì có sự bất hòa. Do đó, Tỳ Dương Đế sợ Ngũ Viên Thiệu báo thù cha nên phong tướng Thành Đô làm Vô địch tướng quân cầm quân vây đánh Ngũ Viên Thiệu. Ngũ Viên Thiệu thể cô nên đóng cửa thành cố thủ, vợ ông nhảy xuống giếng tự tử để chồng khỏi bận bịu khi thoát thân. Rồi, thể cùng lực tận nên Viên Thiệu phải đai con nhỏ trước ngực phá vòng vây mà chạy về hướng Thượng Su Đồ đang trấn giữ. Thượng Su Đồ giục ngựa đuổi theo Viên Thiệu. Trong thế lâm nguy, Châu Xáng đã xuất hiện cứu thoát Viên Thiệu.

PHẢI TÁ: Phải mượn.

VẬN XẤU: Vận xấu. Thời vận còn xấu chưa hanh thông tốt đẹp.

CHÁNH VĂN

69. *Viết một ngọn lười này một tác,
Đem Đạo lành ban rải nơi nơi.
Mảng chờ trông bá-tánh thanh-thời,*
72. *Khấp bốn biển liên dây hòa-hảo.
Rừng bác-ái diên đời biển-ảo,
Diên như ta vì Đạo vì dân.
Diên tu cầu Quân thánh rải ân,*
76. *Cho bốn biển dân lành được hưởng.*

LƯỢC GIẢI :

Đức Giáo Chủ dùng ngọn viết và một số lời lẽ đem nền Đạo bủa khắp bâng dân bá tánh. Ngài cũng mong đợi sẽ có một thời mà khắp bá tánh trong bốn biển năm châu đều được hưởng cảnh thái bình an lạc và mỗi người đối xử với nhau đều được hiếu hòa thuận thảo.

Ngài còn cho biết lòng bác ái của Ngài thường lo cho khắp chúng sanh bao la vô bờ bến. Cuộc đời sắp tới đây sẽ biến đổi lạ lùng. Ngài giả “diên” ở đây là vì quyết phổ biến đạo mẫu để cứu khổ toàn dân và Ngài cũng thiết tha cầu nguyện với bậc Thánh chúa sớm bủa nhuần ân đức cho nhân loại khắp mười phương cùng thừa hưởng.

CHÚ THÍCH :

VIẾT MỘT NGON LƯỜI NÀY MỘT TÁC: Cây viết và một số lời ý. Nghĩa bóng là ám chỉ sự nghiệp văn chương và giáo lý.

THÀNH THỜI: An nhàn thông thả.

LIÊN DÂY HÒA HẢO: Giáo lý Phật Giáo Hòa Hảo được truyền bá khắp bâng dân bá tánh. Ý chỉ một cảnh sống có mối liên hệ thuận thảo hiền hòa.

VÌ ĐẠO VÌ DÂN: Vì Tổ quốc và Đạo pháp.

QUÂN THÁNH: Bậc Thánh chúa hay Thánh vương. Đó là vị đã tu hành chứng quả Bồ Tát song vì bản nguyện mà chuyển kiếp trở lại độ đời. Đây chỉ Đức Minh Vương.

CHÁNH VĂN

77. *Điên đẹp gác âm-thinh sắc-tướng,
Tâm vô-vi kiếm cảnh Niết-Bàn.
Thuyền từ-bi thẳng cánh lướt sang,*
80. *Qua Đông-độ vớt người hữu đức.
Bể ái-hà gươm linh sớm dứt,
Lòng bồ-đề sắt đá dăm kình.
Cả tiếng kêu lớn nhỏ đệ-huynh,*
84. *Nơi chí ấy sửa sang thời-thế.*

LƯỢC GIẢI :

Tuy Đức Giáo Chủ giả vờ là người “điên” nhưng mục tiêu của Ngài là tìm cách dẹp bớt âm thanh sắc tướng để phục hưng chánh pháp vô vi của nhà Phật, đưa chúng sanh mau đạt đến cứu cánh Niết bàn an lạc.

Vì bản nguyện vị tha mà Ngài cỡi thuyền từ bi trở lại Đông Độ, tức cỡi chúng ta đang sống, để cứu vớt những ai hữu tâm chí đức. Cho nên Ngài khuyên khắp môn đồ hãy dùng “gươm linh” tức trí huệ siêu mầu chặt đứt lòng luyến ái cõi trần mà nuôi dưỡng hạt giống giác ngộ (Bồ Đề) để đạt đến chỗ bất sanh bất diệt.

CHÚ THÍCH :

ÂM THINH SẮC TƯỚNG: Âm thanh là những thứ trông mờ chuông đầu, các thứ đờn kèn tụng tán ca hát

v.v...Sắc là màu sắc xanh, đỏ, trắng, vàng và sắc người, hay làm cho người ta mê nhiễm, tức những hình tướng đẹp xấu, mập ốm, thô mịn,...Đó là thanh trần hay sắc trần. Nhà tu nếu còn ô nhiễm một thứ nào cũng khó thành đạo. Bởi: *“Sắc tướng thanh âm chư ngoại giáo, Chơn truyền cụ thất đạo nan thành”*. Hoặc:

“Nhược dĩ sắc kiến ngã,

Dĩ âm thanh cầu ngã.

Thị nhân hành tà đạo,

Bất năng kiến Như Lai”.

(Bằng dùng sắc mà ra mắt ta,

Lấy âm thanh mà cầu ta.

Thiệt là người hành tà đạo,

Không thể thấy được Phật).

NIẾT BÀN: Xem lại chú thích tại tr. 77-79 Q.

Thượng Tập 3/3.

THUYỀN TỪ BI: Nói tắt là *thuyền từ*, cũng gọi *thuyền đạo*. Ý chỉ lòng từ bi ví như chiếc thuyền có diệu năng chở chúng sanh rời bờ mê sang bến giác. Đức Thầy còn nói:

“Khấp trong bá tánh đều lai tỉnh,

Bước xuống thuyền từ đến cửa không”. Và:

“Thả thuyền từ bến giác nâng niu,

Kẻ hiểu đạo mau mau bước xuống.

ĐÔNG ĐỘ: Các nước ở hướng Đông (Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên,...).

BỀ ÁI HÀ: Do câu: *“Tình thiên dục hải”* (Tình cảm mênh mông như trời, lòng dục rộng lớn như biển). Kinh Phật: “Nước mắt của chúng sanh từ xưa đến nay góp lại nhiều hơn nước biển đại dương”. ‘*Bề ái hà*’ là chỉ lòng thương yêu dính mắc nhau quá rộng lớn.

CHÁNH VĂN

85. *Trời quá buổi chinh-chinh vừa xế,*

- Chờ ít lâu cũng lặn về Tây.*
Lúc huỳnh-hôn đèn trí soi đầy,
 88. *Tìm nẻo thẳng đi về Cực-Lạc.*
Điên đàm-luận ít câu dốt nát,
Mong chị anh bàn-bạc thế-nào ?
Lời văn thô ý-kiến chẳng cao,
 92. *Nội quang-cảnh tâm vô kỳ vật.*
Đường đạo-đức bước đi từ nác,
Ngoại quan hình bất chấp kỳ hình.
Phải bền lòng chặt nẻo sắt đing,
 96. *Rán kiếm chữ bất sanh bất diệt.*

LUỢC GIẢI :

Đoạn giảng này Đức Thầy muốn nói cuộc thế chuyển xoay hết sáng rồi đến tối và ngược lại. Ở đây ý muốn nói thời Hạ nguơn mặt pháp thì tà chánh lẫn lộn. Nhà tu hãy dùng ánh sáng trí tuệ mà tìm đường ngay nẻo thẳng để đi về cõi an vui tịch tĩnh (Cực Lạc).

Đức Thầy rất khiêm nhường cho rằng lời của Ngài là thô dốt, chỉ muốn gợi ý để mọi người cùng bàn bạc suy gẫm mà chọn con đường chơn chánh để đi.

Ngài nói trong chơn tâm của mỗi người lúc nào cũng rỗng rang thông sáng, không hề dính mắc hay chứa đựng một vật gì, ở Thánh không thêm, ở phàm không bớt.

Vậy hành giả nào muốn thấu suốt đến chỗ kỳ diệu đó, phải tuân tự bền lòng chặt dạ, ráng tu tiến từ nác một để quyết thành công đắc quả.

CHÚ THÍCH :

TRỜI QUÁ BUỔI CHINH CHINH VỪA XẾ: Hồi xưa chưa có đồng hồ, người ta chỉ căn cứ vào bóng mặt trời mà biết giờ giấc làm việc. Mặt trời xế bóng thì thì biết sắp hết ngày, vào chiều tối (oàng hôn).

HUYNH HÔN: Hay *hoàng hôn* tức lúc chạng vạng.

ĐÈN TRÍ: Đèn trí huệ.

NẼO THĂNG: Đường ngay chánh. Chỉ chánh đạo.

CỰC LẠC: Xem lại chú thích tại tr. 15, Q. Thượng

Tập 2/3.

DỐT NÁT: Ít học, ít hiểu biết văn chương chữ nghĩa.

Ý KIẾN CHẶNG CAO: Kiến thức còn cạn hẹp thấp thời.

NỘI QUANG CẢNH: *Nội* là bên trong; *Quang* là sáng tỏ; *Cảnh* là cảnh vật. Nghĩa bóng ý nói trong tâm của người chứng đạo lúc nào cũng sáng suốt, lầu lầu không hề dính mắc hay chứa chấp một vật nào, dù là vô vi hay hữu vi. Ở đây chỉ cho bản lai tâm “bản lai vô nhứt vật”.

Đức Lục tổ Huệ Năng khi nghe kinh Kim Cang tới câu “*Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (Nên trụ tâm vào chỗ vô sanh), Ngài liền hoát nhiên đại ngộ và thốt kệ rằng:

“Nào dè tánh mình vốn sẵn thanh tịnh,

Nào dè tánh mình vốn chẳng sanh diệt.

Nào dè tánh mình vốn chẳng động lay,

Nào dè tánh mình vốn sẵn đầy đủ.

Nào dè tánh mình hay sanh muôn pháp”.

BƯỚC ĐI TỪ NẮC: Từng nấc một tiến lên. Ý chỉ cách tu tiệm giáo. Đôn giáo chỉ dạy: “*Trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật*” nhưng trên đường hành trì thì phân đông hành giả phải tu tiệm mới kết quả chắc chắn, không bị vấp ngã:

Mình chậm rãi mà tròn đạo ngời,

Còn hơn người tu xới tu bừa.

Giữ chánh tâm bước nấc hạ thừa,

Từ chỗ ấy mới đưa trung thượng”.(TS)

NGOẠI QUAN HÌNH BẤT CHẤP KỶ HÌNH: Bên ngoài thì quán xét mọi hình tướng cảnh vật nhưng tâm thì chẳng hề dính mắc một cảnh vật nào. Nghĩa là nhà tu hành làm các việc từ thiện, giúp đời, tuy quán biết mọi cảnh vật

lành dữ, có không, động tịnh,... ngũ uẩn, lục căn, lục trần, lục thức đều thấy biết rõ ràng, nhưng tâm vẫn như như bất động...Vẫn tu, vẫn học, vẫn chứng đắc mà không chấp mình có tu, có học, có chứng đắc. “*Thật tế lý địa, bất nhiễm nhưt trần, Vạn hạnh môn trung, bất xả nhưt pháp*”.(Nhà tu đúng theo lý pháp của Đạo thì tâm không ô nhiễm một mảy trần nào cả, nhưng đối với muôn hạnh lành trong thế gian thì chẳng bỏ một hạnh nào hết).

SẮT ĐÌNH: Hai vật cứng rắn bền chắc không gì làm hư rã. Nhà tu cứ bền lòng như vậy chắc chắn sẽ thành công trên bước đạo. Đức Thầy khuyên:

***“Bền lòng giữ dạ sắt đĩnh,
Đừng phai đừng lợt thân mình thanh thời”.***

(Viếng Làng Mỹ Hội Đông)

BÁT SANH BÁT DIỆT: Nghĩa của chữ Niết bàn.
(*Niết* là bát sanh; *Bàn* là bát diệt).

CHÁNH VĂN

97. *Chúng-sanh mê nên đem pháp thuyết,
Giải thoát rồi pháp bất khả dùng.
Nương gia-đình kính trọng cội thung,*
100. *Lo nưng-đỡ trong ngày tuổi hạc.
Thân Điên Khùng thế-gian tạm xác,
Chén rượu nồng chẳng uống mà say.
Say lê-mê lét-mét tối ngày,
Say đạo-pháp say mùi hương khói.*
105. *Biết chừng nào chúng-sanh vượt khỏi,
Bể ái-hà rút bỏ vụn lau.
Say như xưa nhằm lúc Huỳnh-Bào,*
108. *Trần-Di ngủ say câu thành-tựu.*

LƯỢC GIẢI :

Vì sanh chúng đang ngụp lặn trong sông mê bể khổ, nên Đức Giáo Chủ quá thương xót phàm trần tạm dùng

giáo pháp giác tỉnh quần sanh. Giáo pháp ấy ví như chiếc bè, hay đèn đuốc, thuốc hay để đưa người từ bờ mê sang bên giác, giúp cho người bệnh được lành, kẻ mê si sanh trí huệ.

Ngài chỉ áp dụng giáo lý ấy trong thời gian giáo huấn và hành trì xong rồi cũng buông xả chớ không bám víu vào một phương tiện nào, kể cả Thầy trò đều được an vui giải thoát.

Điểm trước tiên là Ngài dạy môn đồ phải làm tròn cái đạo làm người, tức là báo ân tổ tiên cha mẹ. Song song với sự niệm Phật làm lành, diệt trừ phiền não để giải thoát sanh tử.

Lúc lâm phạm, Ngài rất say mê đạo pháp, cũng như người chưa hề nếm rượu mà vẫn say. Bởi Ngài say vì lẽ cơ huyền đạo lý, vì quyết lòng cứu độ quần sanh ra khỏi bờ sanh tử mà thôi. Ngài giáo hóa nhơn sanh với quyết tâm và ước vọng cho đến khi nào giữ sạch lòng luyện ái trần duyên sanh tử, như: Huỳnh Bào Triệu Khuông Dẫn và Trần Hi Di ngũ thuở trước (xem chú thích bên dưới).

CHÚ THÍCH :

PHÁP BÁT KHẢ DỪNG: Pháp là một trong ba ngôi quý báu: Phật, Pháp, Tăng. Xưa, sau khi đắc đạo, Đức Phật thuyết ra vô số lời lẽ để giáo hóa chúng sanh. Đó gọi là giáo pháp hay kinh kệ. Sau các đại đệ tử của Ngài kết tập lại thành ba tạng: Kinh, Luật, Luận để tiếp tục truyền bá khắp chúng sanh. Giáo pháp là phương tiện, ví như thuyền bè, đèn đuốc hoặc thuốc hay.

Thuyền bè để đưa mình qua sông. Thuốc để trị hết bệnh, đèn đuốc giúp cho biết lối đi. Nhưng khi mọi việc hoàn thành thì khỏi cần dùng nữa. Pháp như thuyền bè đến bến khỏi cần giữ. Vì thế Đức Giáo Chủ dùng câu giảng kệ đó: “*Giải thoát rồi pháp bát khả dùng*”. Nghĩa là khi hành giả muốn vượt bờ mê sang bên giác nên phải nhờ giáo

pháp làm phương tiện đó để đi; đến khi đạo quả viên thành thì buông xả không cần chấp mắc hay bám víu nữa.

CÔI THUNG: *Thung* cũng gọi là cây *tòng* có đặc tánh sống lâu. Trong văn học cổ gọi *Thung* đường để chỉ người cha, là ý chỉ công sanh thành dưỡng dục. Đức Thầy *tùng* nói:

***“Lo bề cục dục cội thung,
Nghe lời Thầy dạy việc chung của đời”.***

(Viếng Làng Mỹ Hội Đông)

TUỔI HAC: Tuổi cao, tuổi đã già.

SAY NHƯ XƯA NHẪM LÚC HUỲNH BÀO:

Huỳnh bào là áo vua mặc, thường có đủ màu sắc và thêu rồng vàng. Do câu chuyện Trần Kiều binh biến và Triệu Khuông Dẫn lên ngôi ở Trung Hoa.

Bấy giờ có ba người kết bạn với nhau là Sài Vinh, Triệu Khuông Dẫn và Trịnh Ân, về sau làm nên nghiệp lớn. Sài Vinh được làm vua, hai người kia cùng phò tá. Về sau xảy ra cuộc Trần Kiều binh biến khiến Sài Vinh chết. Quan quân bàn thảo: Con của Sài Vinh còn nhỏ tuổi, không đủ sức cầm quyền nên tôn Khuông Dẫn lên nối ngôi. Vì tình nghĩa bạn thâm giao, Khuông Dẫn chẳng nỡ nhận, nhưng quan quân đồng lập kế, phục rượu cho Khuông Dẫn rồi lấy áo “huỳnh bào” mặc cho Khuông Dẫn rồi khiêng để nằm trên lâm sàng. Chừng tỉnh dậy thì việc đã lỡ nên Khuông Dẫn đành chịu làm vua.

Đoạn này ý nói khi vận thời đã đến dù việc chẳng tốn công bao nhiêu cũng vẫn thành quả.

TRẦN DI: Trần Di tức Trần Hi Di tiên sanh hay Trần Đoàn lão tổ. Ông là một vị tiên ẩn cư trên núi Tây Nhạc Huê Sơn thuộc huyện Huê Lâm, tỉnh Thiểm Tây (Trung Hoa). Ông tu đắc được pháp Long Thiên (đi thiếp), ông cũng là một tay cao cờ nổi tiếng. Một hôm, ông gặp Triệu Khuông Dẫn, lúc còn lưu lạc đó đây, hai người cùng rủ nhau đánh cờ ăn thua bằng quả núi Tây Nhạc. Trần

Đoàn vốn biết Khuông Dẫn sau này làm nên sự nghiệp (làm vua) mới ra điều kiện: Nếu ông thua thì ông chung tiền, bằng Khuông Dẫn thua thì phải giao núi Tây Nhạc cho ông.

Triệu Khuông Dẫn thăm nghĩ núi ấy của quốc gia, nào phải của riêng ta, ông liền bằng lòng ký giấy để được vào cuộc. Tuy Khuông Dẫn chơi cờ rất hay nhưng làm sao địch lại Trần Đoàn. Vì thế ông bị thua luôn mấy bàn. Sau khi được thiên hạ, Triệu Khuông Dẫn mới vỡ lẽ, đành phải giao núi cho Trần Đoàn. Trước đó gặp thời loạn lạc nhiều nhưng trong đời Ngũ quý, Trần Đoàn ngủ luôn mấy năm mới tỉnh dậy. Nhằm lúc Triệu Khuông Dẫn mới lên ngôi, hiệu là Tống Thái Tổ, ông liền cỡi lừa đi ngoài chợ, vừa uống rượu vừa vỗ tay cười lớn và ngâm lên bài thi:

*“Vận khí xoay vần nổi hiệp tan,
Huỳnh bào đắp cát vững âu vàng.
Trần gian từ đấy đà vô sự,
Ta trở về ngôi ngủ mới an”.*

CHÁNH VĂN

109. *Quyết đưa chúng về nơi non Thửu,
Tạo Lu-bồng ngô hội quân Tiên.
Khương Tử-Nha sông Vị còn phiến,*
112. *Câu không ngạnh chờ non phụng gáy.
Thuyền bát-nhã ta cầm tay lái,
Quyết đưa người khởi bến sông mê.
Nên phải đành mang lột làm hề,*
116. *Mặc bá-tánh khen chê cũng phải.*

LƯỢC GIẢI :

Đức Thầy giáo độ nhơn sanh với quyết tâm làm sao diu dắt mọi người được đến cảnh Phật, tức về đến Linh Thửu Sơn. Bằng không được vậy cũng về đến chốn Lu bồng để cùng chư thần tiên châu mừng chúa Thánh.

Khương Tử Nha xưa kia lúc chưa gặp thời nên phải ngồi nơi sông Vị mà câu cá. Song ông câu với một lưỡi câu không ngạnh. Khi Võ Kiệt phát giác ra, vua Võ Vương mới hay được và đến rước ông về phong làm soái tướng. Rồi sau, ông mới đứng ra điều khiển cuộc Phong Thần và cầm đầu 800 chư hầu khắp nước Trung Hoa.

Về phần giác tỉnh quần sanh thoát vòng mê khổ thì Ngài quyết lái con thuyền Bát nhã, tức là trí tuệ siêu mầu để đưa rước chúng sanh. Ngài phải mang lột làm hề, đó là giả dạng nửa hư nửa thật để đánh lạc hướng người Pháp cho tiện bề giác chúng độ đời, dù cho người đời có khen hay chê cũng mặc.

CHÚ THÍCH :

NON THỨU: Cũng gọi là Linh Thứu Sơn hoặc Linh Sơn. một hòn núi giống hình con chim thứu (chim ô, kên kên) ở trung xứ Ấn Độ, nơi đó Đức Thích Ca thường ngự để thuyết pháp độ sanh. Đức Thầy có câu:

***“Ta vì vưng sắc lịnh ngọc tòa,
Đền Linh Thứu Sơn trung chịu mạng”.***

LƯ BÔNG: Một cái đài, người ta cất nơi cao ráo, sạch sẽ để chư Tiên hội trên đó. Đức Giáo Chủ từng viết:

***“Các nơi Tiên trường đầu đầu,
Lư bông hội hiệp đồng châu Thánh vương”.***

(Xuân Hạ Tác Cuồng Thơ)

KHƯƠNG TỬ NHA SÔNG VỊ CÒN PHIÊN: Khương Tử Nha cũng gọi là Khương Thượng hay Thái Công Lữ Vọng. Ông sanh đời mạt Thương, đầu nhà Châu, một trong 12 người học trò của Nguơn Thi Thiên Tôn ở núi Côn Lôn. Sau vâng lịnh Thầy xuống giúp nhà Châu hưng binh phạt Trụ lập nên cơ nghiệp nhà Châu 800 năm trị vì thiên hạ.

Lúc mới xuống núi, vì chưa gặp thời, Thầy Nguơn Thi có dặn dò lời tiên tri, phải chịu thời gian nghèo túng suốt 10 năm:

*“Mười năm nghèo túng áo còn bầu,
Phải gượng mua vui chó chát sầu.
Ngồi đá Bàn Khê câu đợi vận,
Chờ xe vương giả rước về hầu.
Tám mươi lẻ nửa mang đai ngọc,
Chín chục dư ba buộc ấn hầu.
Mậu ngũ hội đàm trăm trấn phục,
Phong thần chín tám bốn xuân thu”.*

Thời gian 10 năm đó, Khương Thượng phải ngồi câu cá tại sông Vị. Vì câu thời vận nên ông chỉ câu bằng lưỡi câu ngay ra không có ngạnh.

CHỖ NON PHỤNG GÁY: Từ xưa, hễ thời loạn lạc thì chim phụng hoàng không xuất hiện. Còn thời thái bình có Thánh Chúa ra đời thì có chim phụng gáy lên chào mừng Chúa Thánh. Như thời vua Nghiêu và vua Thuấn, người ta nghe tiếng chim phụng gáy vang ngoài đồng nội. Nhưng tới đời vua Võ thì chim phụng ẩn mất. Đến đời mạt Thương sắp hết chuyển sang đời Châu Võ Vương thì chim phụng hoàng lại gáy trên núi Kỳ Châu để báo tin Thánh Chúa sắp xuất hiện:

*“Xưa mạt Thương, phụng gáy non Kỳ,
Bởi Võ Vương đáng bực tu mi.
Nay trở lại khác nào đời trước”.*

CHÁNH VĂN

117. *Chí quân-tử lòng nhơn vạn đại,
Đốc làm sao rõ mặt tang-bồng.
Nghiêng hai vai gánh nặng non-sông,*
120. *Vót trăm họ làm-than bể khổ.
Vĩ như loại sanh-cầm hồ thố,
Còn thương nhau lại huống chi người.*

124. *Đưa hai lòng sao chẳng hổ-người,
Đáng thùa-thẹn với cây cùng cỏ.
Dấu bút tích tuôn bay theo gió,
Học sách chỉ phỉ báng ông cha.
Thấy dân tình xem Giảng ngâm-nga,*
128. *Lão xót dạ đôi lời trần-tố.*

LƯỢC GIẢI :

Đoạn giảng trên, Đức Giáo Chủ cho biết người quân tử luôn có đức độ rộng lớn, hay thương người mền vật, giúp đỡ bốn phương. Và, lúc nào cũng bảo vệ non sông tổ quốc, cứu khổ muôn loài khỏi cảnh lầm than đói rách.

Đến như hai loài thú là chồn và thỏ là vật nhỏ mà khi thỏ chết, chồn còn rầu rĩ khóc than, huống chi loài người có tánh linh hơn muôn vật, nữ nào làm ngơ trước cảnh khổ đau của mọi người hay sao? Nếu ta chẳng có lòng thương yêu nòi giống chắc phải thùa thẹn với cây cùng cỏ.

Và nếu đã làm người mà đôi xử nhau không thật tâm thành ý lại còn thẹn hơn nữa. Kinh sách xưa còn ghi để biết bao tấm gương tốt đẹp mà nay dân chúng lại nữ bỏ lãng không nương theo thật là điều đáng thương hại, đáng thống trách.

Đức Thầy còn than, thấy có nhiều người khi xem kê giảng cứ ngâm nga chớ chẳng tìm hiểu nghĩa lý để hành theo. Ngài rất xót dạ đau lòng nên trình bày hết sự thật ra cho mọi người được rõ.

CHÚ THÍCH :

CHÍ QUÂN TỬ: Chí khí rộng lớn. Đức Thầy có câu: *“Chữ đại hung đại lực từ bi,
Vậ mới trang quân tử nam nhi”*. Hay: *“Quân tử tùy thời hơi xúc bước,*

Tiểu nhơn ý sức mạnh pha xông”.

LÒNG NHƠN VAN ĐAI: Lòng nhơn từ rộng lớn, hay thương xót cả vạn loại chúng sanh.

TANG BÔNG: Nói cho đủ là *tang bông hồ thi*. *Tang* là cây dâu, *bông* là cây cỏ bông. Theo văn chương xưa, hễ trong nhà sanh con trai thì người ta dùng *cung bằng cây dâu, mũi tên bằng cỏ bông*, đem ra sân bắn lên trời, xuống đất và bốn phương. Ý nói con mình có chí khí lớn, sau lớn lên sẽ vùng vẫy khắp bốn biển năm châu. Đức Thầy từng tỏ ý chí đó:

***“Tuy thân Thầy lướt cuộc gió sương,
Mà thỏa chí tang bông hồ thi”.***

RÕ MẮT TANG BÔNG: Ý dạy người con trai (phận nam nhi) lớn lên phải làm sao cho rạng mắt nở mày tỏ tiên nòi giống và thân tộc họ hàng..

LÂM THÂN: Cơ cực vất vả.

SANH CẦM HỒ THỎ: Hai loại sanh vật gồm chồn và thỏ.

TRẦN TỐ: Cũng gọi là *tố trần*. Có nghĩa trình bày một sự việc gì ra cho rõ sự thật. Trong Giác Mê Tâm Kệ, Đức Thầy có viết:

***“Nên phải tạm mượn cây ngòi viết,
Đem Đạo mầu như hạn cho mưa.
Đặng tố trần tâm ý Người Xưa,
Chữ thậm thâm trong kinh Phật giáo”.***

CHÁNH VĂN

129. ***Đức Khổng-Thánh người sanh nước Lỗ,
Ngài còn xưng cuồng quynh giả hồ.
Sá chi lời đạo-chích tục thô,***
132. ***Kẻ ngu xuẩn khi người nhân-đức.
Danh hiền-sĩ non sông náo-nức,
Giả như hồi Chiến-Quốc Xuân-Thu.
Thầy Mạnh ra dùng đạo châu-du,***

136. *Lúc thập bát chư-hầu rối loạn.
Bực Thánh-nhơn công-lao chẳng chán,
Huống chi ta nào dám than-van.
Thấy đời mê chưa rõ Phật-đàng,*
140. *Nên tỏ ý khắp nơi đặng biết.
Coi ai có chứa bầu nhiệt huyết,
Dùng Đạo mầu cứu vớt sanh-linh.
Nếu để chờ sấm nổ vang thình,*
144. *E bá-tánh ăn-năn đã muộn.*

LƯỢC GIẢI :

Đoạn giảng trên Đức Giáo Chủ nhắc câu chuyện Đức Khổng Tử thời Xuân Thu Chiến Quốc ở Trung Hoa. Sau khi châu du nhiều nơi, Ngài sáng lập nên đạo Nho dạy dân chúng ăn ở hiền lành, luân thường đạo lý, nhân nghĩa hiếu trung. Thế mà bọn đạo chích còn khinh chê nhạo báng. Nhưng Ngài không màng kể, miễn sao cho tròn cái đạo làm người.

Học thuyết của Ngài truyền rộng khắp nơi trong bá tánh. Các hiền sĩ bốn phương đều nô nức tìm cầu học hỏi. Tới đời của Tử Tư thì Ngài Mạnh Tử ra đời nối tiếp và được người đời tôn là Á Thánh.

Hai Ngài và các nho sĩ truyền bá nền Đạo gặp nhiều gian khổ khó khăn song vẫn bền lòng kiên nhẫn, chẳng hề nản lòng chán mỏi, “*bởi đạo cứu khổ đời mới lập ra*”.

Người xưa còn như vậy, huống chi thời nay chúng sanh đang ngụp lặn trong khoảng đời Hạ nguon mặt pháp, Đức Giáo Chủ và những người có nhiệm vụ cứu đời lẽ nào dám than van hay sao ?

Vì lẽ chúng sanh quá mê nhiễm cõi hồng trần, Đức Thầy mới quyết khai sáng nền Đạo. Rọi ánh từ quang kêu gọi những ai là người có nhiệt tâm để cùng Ngài truyền bá giáo lý siêu mầu cứu vớt sanh linh. Nếu người đời chẳng chịu thức tỉnh tu hành, để đến ngày sấm nổ thay đổi địa

cầu, lập lại cõi đời Thượng nguơn Thánh đức thì dù có hỏi cái ăn năn cũng chẳng kịp.

CHÚ THÍCH :

CUÔNG QUYỀN GIẢ HỒ: *Cuông*: ngây dại; *quyền*: thân thuộc; *giả*: vay mượn, dối trá; *hồ*: thế ư ? Làm ra vẻ ngây dại để che mắt người khác.

ĐẠO CHÍCH: Kẻ trộm cắp.. Sách Mạnh Tử có câu: “*Chích chi đồ giả*”(Kẻ trộm cắp là bọn người đạo chích). Đến nay người ta cũng còn gọi kẻ trộm cướp là *đạo chích*.

NGU XUÂN: Ngu dốt đàn độn.

HIỀN SĨ: Bậc hiền tài đức hạnh, có học vấn hơn người:

***“Hiền sĩ bao giờ cũng ngóng trông,
Chùng nào hưng phục cõi trời đông.
Lẽ đâu tạo hóa riêng cay nghiệt,
Đầy sắc mãi chi giống Lạc Hồng”.***

CHIẾN QUỐC XUÂN THU: Cuối đời Xuân Thu, trước đời nhà Tần, nước Tàu chia ra làm 7 nước mạnh, gọi là *thất hùng* (Tề, Sở, Yên, Triệu, Hàn, Tần, Ngụy). Họ đánh nhau từ năm 403 tới năm 221 TCN. Thời này được gọi là thời Xuân Thu Chiến quốc (cũng gọi là thời Đông Châu Liệt Quốc).

THẦY MẠNH: Tức Thầy Mạnh Tử, là vị á Thánh. Ông tên thật là Mạnh Kha, tự là Mạnh Tử, sanh vào ngày mùng 2 tháng 4 năm thứ tư đời Liệt Vương nhà Châu (372 TCN . Thân phụ là Thích Công Nghi, hiền mẫu là Cừ Thị, thuộc dòng công tộc Mạnh Tôn. Tương truyền mẹ ông chiêm bao gặp mây ngũ sắc phủ quanh trên bụng mà thọ thai sanh ra ông. Ông mồ côi cha từ thuở lên 3, nhờ hiền mẫu hết lòng dạy dỗ.

Đời tư của ông lúc còn nhỏ có nhiều thay đổi lạ thường. Một hôm, nhà lán giềng có người chết, ông dự đưa đám tang trở về rồi bắt chước đóng hòm đem chôn cất,

khóc than kẻ lẻ lẽ như có người chết thật vậy. Thấy thế, mẹ ông lấy làm lo nên dời nhà đi nơi khác. Lúc ở gần lò heo, hằng ngày ông thấy người ta làm thịt heo, mới hỏi mẹ: *“Người ta làm thịt heo chi vậy mẹ?”* Bà mẹ vui cười nói đùa với con: *“Người ta làm heo cho con ăn đấy”*. Mạnh Tử tưởng thật mừng rỡ rong chơi khoe cùng bạn bè là mình sắp được ăn thịt heo. Mẹ ông suy nghĩ lấy làm hối hận vì đã nói dối con nên bà bèn mua thịt heo cho con ăn thật. Mạnh Tử thấy người đồ tể sáng sớm bắt heo làm thịt, heo kêu eng éc ông cũng bắt chước, lấy cây đũa hình con heo, và cũng dùng dao đâm họng heo; miệng kêu eng éc như đâm heo thật vậy. Mạnh mẩu thấy vậy sợ con hư mà dời nhà đến gần trường học. Ngày ngày thấy trẻ nhỏ cắp sách đến trường, ông liền xin mẹ cho đi học. Bà thấy vậy mà mừng thầm: *“Ở đây con ta có thể làm nên sự nghiệp.”*

Nhưng một hôm Mạnh Tử lại bỏ học trốn về nhà chơi. Vì muốn cảnh tỉnh con, bà vội lấy dao cắt khung cử đang dệt và bỏ đi. Ông kinh hãi quì xuống hỏi mẹ:

-Thưa mẹ ! Vì có gì mẹ lại cắt khung cử.

Bà đáp:

-Nghề dệt là chấp nối từng sợi tơ mới làm nên tấm lụa. Sự học của con cũng thế, hôm nay con trốn học thì khác nào khung cử mẹ đang dệt bị cắt lìa ra thành vô dụng.

Ông hối hận quyết một bề lo học, không còn trốn lánh và bê trễ nữa.

Nhờ sự dạy con khéo léo ấy mà ông trở nên bậc hiền tài, về sau tạo được sự nghiệp vẻ vang, người đời sùng ngưỡng.

Trong Tam Tự Kinh có câu: *“Tích Mạnh mẩu, trạch lân xử, tử bất học, đoạn cơ trừ”*. Nghĩa: Xưa, bà Mạnh Mẩu, chọn nhà láng giềng để ở, con chẳng học, bà cắt khung cử. Sách Tam Tự kinh phần yếu giải có chép:

“Tích xưa mẹ Thánh huấn nhi,

*Dọn nhằm chỗ ở dất đi ba lần.
Có khi trẻ chẳng ân cần,
Minh ngòi không dẹt cắt chẵn mà thề.
Từ sau cứ học một bề,
Phong làm Á Thánh thành nghề rất ngoan”.*

CHÁNH VĂN

145. *Giảng với kệ ra đà bốn cuốn,
Ít có người khám rõ cơ-huyền.
Ta dừng tay chờ đợi lệnh Thiên,*
148. *Đức Ngọc-Đế xử phân cho chúng.
Đêm dài-dặn cạn dầu tim lụn,
Chẳng thấy ai tìm kiếm bóng trăng.
Để làm cho mích bụng chị Hằng,*
152. *Nơi cung nguyệt chờ trông mồn dạ.
Thiếu chi kẻ đặng chim bẻ ná,
Hiếm bao người đượ cá quên nôm.
Ưu đồ ngon dứt nhét đầy mồm,*
156. *Chẳng thềm kể cha hiền trông đợi.*

LƯỢC GIẢI :

Từ sau ngày 18 tháng 5 năm Kỷ Mão (ngày Đức Giáo Chủ khai sáng nền Đạo) đến trước ngày người Pháp bắt Ngài, Ngài đã sáng tác đượ 4 quyển Sám thi kệ giảng. Trong đó hàm chứa biết bao cơ thâm huyền diệu mà ít ai khám phá ra đượ Vì thế, Ngài phải dừng tay để chờ Đức Ngọc Đế xử phân coi lẽ nào. Ngài còn cho biết cõi đời Hạ nguon Mặt pháp sắp đến ngày tàn như đêm dài sắp mẫn và ngọn đèn sắp hết dầu, tim đã lụn. Thế mà ai kia chưa chịu tìm kiếm ánh sáng của mặt trăng (chỉ ánh đạo) để nương theo. Điều đó khiến cho những bậc có trách nhiệm khai Đạo cứu đời chẳng hài lòng, vì đã mỗi lòng trông đợi mà chưa có nhiều người quày đầu hướng thiện.

Ngài cũng thông trách những kẻ chẳng nhớ câu tục ngữ: “*Đặng chim bẻ ná, đợc cá quên nôm*”. Mãi say mê theo sự ăn sang, mặc sướng vinh hiển quyền uy mà nỡ quên đi ân nghĩa của ông cha, Thầy Tổ đang trông đợi mình.

CHÚ THÍCH :

GIẢNG VỚI KÊ RA ĐÀ BỐN CUỐN: Số Sám Giảng của Đức Giáo Chủ sáng tác từ sau ngày 18 tháng 5 năm Kỷ mao đến nay có rất nhiều bài, nhưng quan trọng nhất là chỉ trong vòng 35 ngày (từ trung tuần tháng 8 tới 20 tháng 9 năm Kỷ mao, 1939) mà Ngài viết bốn quyển Sám kê lớn, vừa dài, vừa rộng sâu, hàm chứa rất nhiều ý nghĩa mâu diệu sâu kín như:

1.-Sám Giảng Khuyên Người Đòi Tu Niệm, Quyển Nhất, dài 912 câu, văn lục bát.

2.-Kê Dân Của Người Khùng, Quyển Nhì, dài 476 câu, văn thất ngôn trường thiên.

3.-Sám Giảng, Quyển Ba, dài 612 câu, văn lục bát.

4.-Giác Mê Tâm Kê, Quyển Tư, dài 846 câu, văn thất ngôn trường thiên.

KHÁM RÕ: Khám xét hiểu biết tường tận.

CÓ HUYỀN: Cũng gọi là *huyền cơ*, có nghĩa thiên cơ mâu diệu sâu kín. Trong bài Sứ Mạng, Đức Thầy có viết: “*Đến trung tuần tháng tám Ta cùng Đức Thầy mới tá hiệu Khùng Điên, mượn bút mực tiết lộ lấy thiên cơ..*” và: “*Đạo hạnh huyền cơ khuyên đó kiếm, Chẳng vậy sau này khó thành thời*”.

LINH THIÊN: Sắc lệnh của Trời cõi trên), tức luật xoay chuyển của tạo hóa. Đức Thầy từng nói: “*Thiên cơ thế giới đà biến chuyển*”, hay là: “*Máy diệu huyền chuyển lập hội Long Hoa, chọn những đấng tu hành cao công quả để ban cho xứng vị xứng ngôi, người đủ các*

thiện căn để giáo truyền Đại Đạo, định ngôi phân thứ gây cuộc hòa bình cho vạn quốc chư bang”.

ĐỨC NGOC ĐẾ: Đức vua cõi Trời..

CAN DẦU TIM LỤN: Cây đèn hết dầu tim bị cháy lụn sắp tắt. Ý nói đời Hạ Nguơn sắp dứt để lập lại đời Thượng nguơn, nhân loại đang chìm trong bóng tối.

BÓNG TRĂNG: Ánh sáng của mặt trăng chỉ cho ánh sáng của nền đạo.

MỊCH BỤNG CHỊ HẰNG: Chị Hằng là chỉ ánh sáng của mặt trăng. Ý nói chư Phật cũng như Đức Thầy đem trí huệ (Đạo) phổ hóa mọi người, nhưng ít người nghe theo, nên các Ngài phải mỗi lòng mong đợi.

ĐẶNG CHIM BÈ NÁ, ĐẶNG CÁ QUÊN NÔM: Có nhờ ná mới bắt được chim, nhờ nôm mới bắt được cá,. Đây ý chỉ người làm được việc rồi lại quên ơn hoặc loại bỏ người đã giúp việc cho mình. Nghĩa bóng: Chỉ cho những người bội ơn bạc nghĩa.

ƯA ĐỒ NGON ĐỨC NHẾT ĐẦY MÔM: Chỉ sự tham lam tiền của, vật thực. Đây ám chỉ kẻ tham lam phụ bạc công ơn tổ tiên cha mẹ hay nòi giống quê hương. Đức Giáo Chủ từng thống trách những người ấy:

*“Phụ ông cha làm lắm thói bạo cường,
Giành ăn uống ganh em cùng ghét cháu.
Trời sanh muôi là loài thường hút máu,
Cũng lắm người mượn kể ấy dung thân”.*

CHÁNH VĂN

157. *Trương-Ban-Xương đành quên nhơn-ngôi,
Nữ phụ phàng vua Tống-Khâm-Tôn.
Xem truyện xưa mà bắt hết hồn,*
160. *Góm cho kẻ thay lòng đổi dạ,
Gã Tân-Cối ít ai còn lạ,
Dụng mưu thần giết thác Nhạc-Phi.
Thương trung thân ghét nịnh mặt lý,*

164. *Dám thiết kế hại tôi lương-dồng.
Thuở Hiến-Đế có nhà họ Đổng,
Cũng chuyên quyền muốn tiếm giang-san.
Nhờ Tư-Đồ thiết lập Liên-hoàn,*
168. *Nghiệp nhà Hớn mới an một lúc.*

LƯỢC GIẢI :

Trong mười hai câu giảng trên Đức Giáo Chủ nhắc đến sử nước Tàu, có ba người tà gian nịnh tặc:

1.-Thừa tướng Trương Ban Xương sanh đời vua Tống Khâm Tôn.

2.-Vợ chồng Tần Cối cũng sanh đời Tống.

Họ dùng đủ mưu thần chước quỷ giết hại hai cha con Nhạc Phi và các anh hùng cứu nước. Hai người kẻ trên là kẻ quên ân bội nghĩa phản nước phản dân, cầu vinh mãi quốc.

3.-Người thứ ba là Đổng Trác sanh đời Hớn mạt, đời vua Hiến Đế, là một kẻ gian hùng, háo sắc, hãm hại tôi trung. Sách sử dân tình luôn chê bai nhòm gớm. Những kẻ nói trên đã ăn lộc vua hưởng quyền lợi chúa mà đành quên ơn bội nghĩa. Xưa nay sách sử kêu ca than oán. Nhắc đến những tấm gương xấu ấy, người thời nay đáng lẽ phải xa lánh, thế mà có lắm kẻ đòi bắt chước:

*“Trời sanh muỗi là loài thường hút máu,
Cũng lắm người mượn kế ấy dung thân”.*

(Bài Không Buồn Ngủ)

CHÚ THÍCH :

TRƯƠNG BAN XƯƠNG: Là một kẻ gian nịnh của hai đời vua Tống Vi Tông và Tống Khâm Tôn bên Tàu. Lúc nước Trung Hoa suy yếu loạn lạc, vua Vi Tông mở khoa thi chọn kẻ hiền tài ra giúp nước. Trương Ban Xương gốc ở Hồ Quảng (Huỳnh Châu) làm quan đến chức Thừa tướng. Ông ăn hôi lộ của Tiểu vương Lương Sài Quế nên

khi Nhạc Phi ứng thí, Xương lập mưu hại Nhạc Phi bỏ giáo trường về quê.

Gặp lúc nước nhà loạn lạc, quân Kim Phiên thừa dịp sang đánh phá. Khi quân Ngột Truật - Thái Tử nước Phiên đem quân qua khỏi Huỳnh Hà, kéo gần đến Kinh thành, Xương xúi vua Khâm Tôn rằng:

-Bây giờ giặc đã kéo đến bên thành, không còn cách nào khác hơn là Chúa Thượng phải sắm lễ vật cho nhiều để cầu hòa. Có thể giang san nhà Tống này mới được tồn tại.

Vua Khâm Tôn quát tháo:

-Thuở nay có ông vua nào cầu hòa như vậy không?

Ban Xương đáp:

-Ngày xưa, Hán chúa gã Chiêu Quân, Đường Vương dâng công chúa. Nay chẳng qua Bệ hạ ngộ biến tòng quyền cứu cấp cho qua thời gian này thôi. Vậy Bệ hạ hãy nghe theo hạ thần dâng cho chúng một xe vàng ròng, gấm lụa, mỹ nữ và heo, dê, trâu, rượu đầy đủ ắt Kim Phiên sẽ nhận mà lui quân.

Vua Khâm Tôn vì tánh khí nhu nhược và muốn cứu an nên đổi giận làm vui đành chấp thuận. Thế là cuộc cống hiến bắt đầu.

Khi dâng lễ vật đến nơi, chúng tướng Kim phiên động lòng tham, chặn lấy hết của cải không thông báo cho Ngột Truật hay, nên vua Khâm Tôn phải vợ vét của kho hai lần nữa để hiến dâng.

Ban Xương mang lễ vật sang cống hiến lần thứ ba, may mắn gặp mặt Lang Chúa Kim bang. Trương Ban Xương bày tỏ nguyện vọng:

- Tôi cảm đức uy danh của Lang Chúa nên đã lập kế làm cho Tống trào hao tài tổn của. Sơn hai lần trước mang đến lại bị các vị kia thu hết, nay đem lễ vật này nữa, tính đã bap hen.

Ngột Truật ngợi khen rồi rích:

-Ta khá khen nhà ngươi có lòng tốt với ta.

-Bẩm Lang Chúa ! Nếu Lang Chúa chẳng chê lão phu này ngu muội, lão xin hiến dâng kế mọn, tất Tống trào sẽ về tay Lang Chúa. Nếu được vậy, tôi sẽ gạt vua Tống đem Thái Tử dâng cho Lang Chúa. Chừng ấy Lang Chúa muốn gì mà chẳng được.

Một cuộc đấu thương lại diễn ra, em của Khâm Tôn là Điện hạ Hoàn được đưa đến dinh Phiên, nhưng mới tới cửa lại phải chết vì tên quân cận vệ của Ngột Truật.

Trương Ban Xương lại hiến kế khác, bắt Khương Vương Triệu Cấu hiến dâng, và sau cùng xúi vua Khâm Tôn đem hết các bài vị của Tiên Vương hiến dâng thờ nơi Thái Miếu dâng hiến, rồi thừa cơ áp bắt nhà vua nạp cho Phiên Kim.

Vua Khâm Tôn bị cầm tù nơi giếng lạn tại Ngũ Cốc Thành, nơi vùng sa mạc hoang vu và chết dần mòn ở đó.

Trương Ban Xương được Ngột Truật phong cho chức Sở Vương nhưng sau cùng bị Ngột Truật bắt làm dê chém chết để tế cờ. Một đời của tên gian thần mãi quốc cầu vinh được kết liễu !

NHẠC PHI: Truyện Nhạc Phi Diễn Nghĩa có chép: Vào đời Tống Vi Tông, có người tên là Nhạc Phi, tự là Bàn Cử ở huyện Thang Âm, phủ Tương Châu, tỉnh Hà Nam, vốn là Hộ pháp Thần kỳ Đại Bàn Kim Si Minh Vương giáng sanh.

Thuở nhỏ, Nhạc Phi được mẹ là bà An Nhon và ông Châu Đồng (là thầy dạy học). Hai người hết lòng dạy ông nghề văn nghiệp võ. Ông lớn lên kết bạn cùng Thang Hoài, Trương Hiễn, Vương Quới, Ngưu Cao. Khi nghe Tống trào mở khoa thi chọn nhơn tài đẹp giặc, anh em Nhạc Phi liền vào ứng thí, nhưng bị các quan giám khảo là Trương Ban Xương và Trương Tuấn, Vương Đạt ăn hối lộ của Sài Quế. Họ thấy Nhạc Phi giữa giáo trường tỉ thí và

giết Sài Quế. Ban Xương nổi giận đuổi bọn Nhạc Phi về quê mang theo nhiều ân oán.

Mãi đến vua Khâm Tôn bị vua Kim Phiên bắt, Khương Vương Triệu Cấu tìm cách trốn thoát khỏi dinh Phiên trở về tức vị, hiệu là Tống Cao Tôn, Nhạc Phi mới được vua triều về kinh dẹp giặc.

Lúc ra đi, mẹ ông sợ con vì sự nông nổi không trung thành cùng vua nên thịch vào lưng ông bốn chữ “*Tận Trung Báo Quốc*” để ông ghi nhớ. Từ chức Thống Chế, Nhạc Phi làm đến phó Nguyên Soái rồi Ngũ Tinh Đại Nguyên Soái, Võ Xương Khai Quốc Công Binh Bộ Thượng Thư Đại Nguyên Soái, lập nhiều chiến công hiển hách, gây dựng cơ nghiệp Tống trào đang hồi mạt vận.

Quá tận trung với vua, ông bị gian thần Tần Cối mạo chiếu vua triệu ông về Kinh giam vào ngục cùng với con ruột là Nhạc Vân và con nuôi là Trương Hiến, sau cả ba đều bị giết tại Phong Ba Đình. Ông hưởng thọ 39 tuổi.

Tần Cối vốn là Tân khoa Trạng Nguyên, theo bảo giá Triệu Vương (Điện hạ Hoàn) sang làm con tin bên Ngột Truật (thái tử Kim). Lúc Triệu Vương chết, Ngột Truật bắt Tần Cối đem luôn về Phiên Quốc. Nhờ khéo lòn cúi đầu lụy, Tần Cối được sống sót, song bị đày làm tội tớ cho một tên tiểu Phiên. Thời gian sau, Ngột Truật trước khi hưng binh lần thứ ba đánh Tống trào, cho người tìm Tần Cối rồi ưu đãi và thả Tần Cối về nước làm nội ứng. Tần Cối về nước được vua Cao Tông ban chức Lễ bộ Thượng Thư, vợ y cũng được ban chức Nhị phẩm phu nhân, từ đây, Cối bắt đầu tự tung tự tác trong triều đình.

Lúc Nhạc Phi đánh binh Kim Phiên thua chạy, tính đánh róc qua Huỳnh Long Phủ (Kinh thành Kim Quốc) để rước vua Khâm Tôn về nước thì Tần Cối ton hót với vua bảo Nhạc Phi phải giải giáp binh mã rồi sau đó dùng 12 tấm kim bài triệu Nhạc Phi về trào giam vào ngục, lén cho người dẫn ra Phong Ba Đình giết chết.

Giết Nhạc Phi xong, Tần Cối còn xúi vua bắt hết gia quyến Nhạc Phi đày ra Vân Nam để mượn tay kẻ khác giết chết cả bọn. Song nhờ hào kiệt bốn phương hết lòng ủng hộ nên gia quyến Nhạc Phi được an toàn.

Tần Cối đã hại Nhạc Phi, nhưng số tôi trung vẫn còn nhiều. Tần Cối bèn soạn chiếu giả để triệu hết bọn tôi trung cùng giết một lần mà trừ hậu hoạn. Song vừa mới soạn thảo bản văn chưa xong, kế Cối thấy hôn cha con Nhạc Phi hiện đến, Tần Cối hồn phi phách tán, chết giắc. Bắt đầu từ đó, vợ chồng Tần Cối mang lấy bệnh ung thư phát bói, chẳng bao lâu thì chết.

Về sau, người ta cho tạc tượng hai vợ chồng Tần Cối mang gông và xiềng cả hai chân trước mộ Nhạc Phi kê bên có một cái dùi, cho ai có đến viếng mộ thì dùng cái dùi ấy đánh vào đầu vợ chồng Tần Cối, ý để bêu xấu kẻ ác gian, đến chết cũng còn bị sự cực hình đau khổ.

NHÀ HỌ ĐÔNG: Tức là Đông Trác. Sinh thời Hậu Hán và là một tay gian hùng, chuyên quyền cả ba đời vua : Linh Đế, Thiếu Đế, Hiến Đế quyết chiếm cho được ngôi vua.

Đông Trác hiệu là Trọng Dĩnh, người xứ Lũng Tây, vùng Lâm Thao, trước là quan Thái Thú quận Hà Đông. Vốn là kẻ bất tài, song nhờ khéo dua nịnh đem bạc vàng đút lót cho bọn Thập Thường Thị nên hắn được thăng quan tiến chức rất mau. Từ Thứ sử Tây Lương thăng lên Hiến Quân, kế được thống lĩnh hơn 20 vạn quân, trấn giữ xứ Tây Châu. Càng lên cao, hắn càng kiêu ngạo, tham lam, độc ác, và giết người không gớm tay.

Trác bày mưu hiến ngựa Xích thố, mua chuộc Lữ Bố giết Đinh Nguyên và đem Bố về làm con nuôi, để mưu đồ cướp ngôi vua Hiến Đế. Song nhờ có quan Tư Đồ Vương Doãn bày mưu với con gái là Điêu Thuyền thi hành liên hoàn kế. Lúc đầu gả Điêu Thuyền cho Bố, sau đưa sang Đông Trác để cho cha con ghen tị giết hại lẫn nhau.

Sau cùng Lữ Bố giết được Đổng Trác, giúp cơ nghiệp nhà Hán an được một thời.

CHÁNH VĂN

169. *Cảnh gian-nan như Lưu-Hoàng-Thúc,
Qua ở nhờ Viên-Thiệu dung thân.
Quan-Công Hầu gìn chặt nghĩa-ân,*
172. *Vượt năm ải về thăm huynh-trưởng.
Kể nghĩa-khí thiên kim vạn lượng,
Lữ nịnh-thân sách-sử nào khen.
Xem tích xưa thẹn với bóng đèn,*
176. *Đời lắm kẻ đầu trâu mặt ngựa.
Coi sự sống như Tiên nửa-nửa,
Mê mỗi thơm như cá lục-châu.
Sao chẳng lo thức-tỉnh quày đầu,*
180. *Cho khỏi thẹn với người thiên-cổ.*

LƯỢC GIẢI :

Vào thời Hón mặt, có ba anh em kết nghĩa là Lưu Bị, Quan Công và Trương Phi. Lưu Bị, Trương Phi sau khi thất thủ thành Hạ Bì phải chịu cảnh gian nan vất vả. Lưu Bị qua ở nhờ với Viên Thiệu, còn Quan Công phò hai người chị dâu chạy thẳng lên núi Thỏ Sơn tạm trú, Trương Phi tưng thế phải chạy thẳng Mang Đĩnh để lánh nạn. Tào Tháo cho quân vây Quan Công chặt chẽ, Quan Công quyết phá vòng vây mấy phen cũng ra không được. Tào Tháo thấy Quan Công có tài liền cho Trương Liêu ra dụ hàng, nhưng Quan Công giữ đúng lòng ân nghĩa đối với Lưu Bị và Trương Phi.

Khi nghe được tin Lưu Bị ở bên Viên Thiệu, Quan Công liền treo ấn, vượt qua năm cửa ải và chém sáu tướng của Tào Tháo để sum hiệp với Hón trào.

Xưa nay sách sử thường ca ngợi lòng nghĩa khí của Quan Công dù cho có ngàn vàng cũng không sánh được.

Còn kẻ tham lam, gian tà nịnh tặc sách sử đều khinh khi cười nhạo.

Người trí mỗi lần đọc tới kinh sách truyện thơ đều bắt hổ thẹn cho số người còn tham gian bội phản. Họ chỉ biết sống sung sướng là vinh hiển cuộc đời. Lúc nào họ cũng coi tiền bạc như miếng mồi thơm béo chẳng khác các loài cá tham ăn mà chẳng biết thú hôi bản thú.

Đức Giáo Chủ luôn luôn kêu gọi những người ấy hãy sớm thức tỉnh quày đầu kéo hổ thẹn với người xưa.

CHÚ THÍCH :

LƯU HOÀNG THỨC: Lưu Hoàng Thúc, tức Lưu Bị, là chú của vua Hiến Đế đời Hớn mạt. Thuở ấy, Trung Quốc chia thành ba nước (tam thân đình túc): Bắc Ngụy (thuộc Tào Tháo), Đông Ngô (thuộc Tôn Quyền), Tây Thục (thuộc Lưu Bị), tranh chấp giành giựt lẫn nhau. Ở Tây Thục, Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi kết nghĩa tại vườn đào rồi mộ binh dẹp giặc.

Cầm đầu Thục Hán là Lưu Bị. Ông tên thật là Huyền Đức vốn dòng dõi Trung Sơn Tỉnh Vương Lưu Thắng, tức dòng vua Hiến Cảnh nhà Hán. Ông là con của Lưu Hoàng, cháu của Lưu Hùng. Thân phụ ông thi đỗ Hiếu Liêm và có ra làm quan nhưng chẳng may mất sớm.

Lưu Bị mồ côi cha từ nhỏ, thờ mẹ rất có hiếu, nhà nghèo nhưng không vì thế làm nản lòng ham học của ông, mặc dù hằng ngày phải may dếp, dệt chiếu làm kế sinh nhai. Nhà ông ở thôn Lô Tang, có một cây dâu rất lớn, cành nó đâm ra rất xa, trông như chiếc lọng . Nhiều người trông thấy cây kỳ dị nói rằng: Nhà này ắt sanh quý tử. Lúc nhỏ, ông thường đến gốc cây dâu đùa giỡn và nói chơi rằng:

-Tao sẽ làm Thiên tử ngồi trên cỗ xe có tàng lọng như cây này.

Chú ông là Lưu Nguyên Khởi nghe vậy thường rầy la, song thấy Lưu Bị có chí khí nên Lưu Nguyên Khởi cho đi du học.

Lớn lên, Lưu Bị có hình tướng khác thường, mình cao tám thước, hai tai lớn chằm vai, hai cánh tay dài dưới gối, mắt sáng như bạch ngọc, môi đỏ tợn thoa son. Tánh tình khoan hòa ít nói, mừng giận không lộ ra nét mặt. Gặp lúc Huỳnh Cân đang gây rối, ông cùng Quan Công và Trương Phi kết nghĩa dưới vườn đào, thề nguyện sanh tử chi giao. Ba anh em kết nghĩa này có công dẹp giặc Huỳnh Cân nhưng không được trọng dụng nên sang Từ Châu trú ngụ, sau nhân việc Đổng Trác lộng quyền nên 18 trấn chư hầu đồng tôn Viên Thiệu lên làm minh chủ để dẹp Đổng Trác nhưng bất thành vì các chư hầu không đồng tâm hiệp lực. Sau đó, ông hợp với Tào Tháo giết được bè lũ Lữ Bố nên triều đình thăng thưởng. Nhân đó, vua Hiến Đế mở quyển “Tôn tộc thế phở” ra, xem vai vế thì thấy Lưu Bị là chú vua nên gọi là Hoàng thúc (danh từ Lưu Hoàng Thúc được gọi từ đây) và phong ông là Tả Tướng Quân Nghi Thành Đình Hầu. Về sau Tào Tháo lộng quyền, ông bất phục mà kết hợp các dũng tướng và được Khổng Minh Gia Cát Lượng làm quân sư trợ giúp mưu kế thao lược dựng nên nước Tây Thục, một trong 3 nước trong thời Tam Quốc bên Tàu.

VIÊN THIỆU: Lúc bấy giờ Tào Tháo cậy công lộng quyền, tự xưng làm Thừa Tướng, lấn áp quyền vua, nên Lưu Bị và các tướng hợp nhau trừ Tháo. Nhưng việc bất thành, về sau Lưu Bị nhờ Viên Thiệu hưng binh đánh Tào Tháo để trả thù. Tháo đánh không lại phải nhờ Quan Công (lúc phò nhị tẩu phải về ở với Tào Tháo) ra trận giết hai tướng Nhan Lương, Văn Xú phá tan quân Viên Thiệu. Nhờ ra trận mà Quan Công biết Lưu Bị ở với Viên Thiệu nên từ quan về tìm huynh trưởng. Ba “anh em kết nghĩa” gặp lại nhau mưu đồ đại sự từ đó.

QUAN CÔNG HẦU: Tên thật là Quan Vũ, tự là Thọ Trường, sau đổi là Vân Trường, người ở đất Giải Lương, tỉnh Hà Đông. Ông nổi tiếng là bậc trung cang, nghĩa khí đệ nhất đời Tam Quốc.

Vân Trường cùng Lưu Bị, tức Lưu Huyền Đức (dòng dõi nhà Hán) với Trương Phi (tức Lưu Đức) kết bạn và thề nguyện sanh tử với nhau. Nhân đẹp giặc Huỳnh Cân (khăn vàng) có công mà không được thăng thưởng lại bị bọn Thập Thường Thị đòi tiền hối lộ, ba người tức giận trốn về. Về sau Lưu Bị chiếm giữ Từ Châu tạm trú. Tào Tháo lúc ấy cậy công lộng quyền xưng là Thừa Tướng lấn áp quyền vua Hiến Đế, kéo hai chục vạn quân tiến đánh Lưu Bị ở Từ Châu; Lưu Bị thế yếu cho người sang cầu viện với Viên Thiệu. Thiệu không chịu phát binh tiếp cứu. Đang đêm, Lưu Bị cùng Trương Phi đem binh cướp trại Tào Tháo. Vì lầm mưu phục kích của Tháo, anh em Lưu Bị thất bại phải phá vòng vây mà chạy. Lưu Bị chạy về Thanh Châu nương náu cùng Viên Thiệu, còn Trương Phi chạy thẳng lên Mang Địch Sơn lánh nạn. Quan Công lúc đó đóng binh ở Hạ Bì thành. Tào Tháo đem binh đến đánh rồi giả thua chạy ra xa, Quan Công vô tình xua quân đuổi theo, Tháo thừa cơ chiếm Hạ Bì thành rồi đem binh vây bọc tứ phía. Quan Công thấy nguy vội phá vòng vây chạy lên núi Thỏ Sơn tạm nghỉ. Tháo lại đem binh bao vây bọc dưới chân núi. Quan Công phá mấy lần nhưng không thoát được, quá kiệt lực ông định tuân tiết để gìn lòng trung nghĩa với Lưu Bị.

Tào Tháo thấy ông vũ dũng và nghĩa khí hơn người nên sanh lòng cảm mến, sợ ông tự tử sẽ mất đi một anh hùng, bèn sai Trương Liêu lên dụ hàng. Quan Công nhứt định thà chết vì chánh nghĩa chứ không hàng Tào. Trương Liêu giải bày:

-Anh đã thề nguyện sanh tử với Lưu, Trương, nay anh chết đi sẽ mắc ba trọng tội, còn nếu ra hàng sẽ có ba điều lợi lớn.

Quan Vân Trường quát mắt hỏi:

-Ba điều tội ra sao?

-Một là Lưu Hoàng Thúc (tức Lưu Bị) mộng lớn chưa thành, nay lại lưu lạc chẳng biết ở đâu. Nếu còn, ắt sau này ông cũng cần dùng kẻ nghĩa dũng. Song lúc đó không có anh thì Hoàng Thúc sẽ thiếu kẻ kiện tướng, mộng lớn sẽ không thành. Hai là Hoàng Thúc phó thác gia quyến cho anh, nay nếu anh chết thì không ai bảo vệ, ắt phụ lòng tin của huynh trưởng. Ba là anh võ dũng siêu quần, lại không phò nhà Hán để lưu danh thanh sử mà đi liều chết với Tào Công phỏng có ích gì ?

Nghe vậy, Vân Trường dịu giọng hỏi:

-Còn ba điều lợi thế nào ? Xin kê luôn ta nghe thử.

-Nay tứ phía đều bị vây, nếu anh chống cự e sơ thất, chỉ bằng tạm đầu Tào Công để nghe tin tức Hoàng Thúc, nếu biết người ở đâu sẽ đến mà tìm. Như thế, một là bảo vệ được nhị tẩu, hai là chẳng phụ lời thề ước, ba là dành được cái thân hữu dụng để giúp nhà Hán. Ba điều ấy mong anh xét lại.

Quan Công nói:

-Nay ta có ba điều giao ước, chẳng biết Thừa Tướng có bằng lòng hay không. Nếu khứng chịu thì ta sẽ qui phục, bằng thiếu một trong ba điều, ta quyết chọn lấy cái chết mà thôi. Một, đầu nhà Hán chớ không đầu Tào Công, vì ta cùng Hoàng Thúc đồng nguyện giúp nhà Hán. Hai là lấy bổng lộc của Hoàng Thúc mà cấp cho nhị tẩu ta và không một ai được bén mảng đến chỗ trú ngụ của nhị tẩu. Ba là khi nghe anh ta ở đâu phải lập tức cho ta đến đó, dầu đường xa ngàn dặm.

Trương Liêu về bẩm lại, Tào Tháo bằng lòng. Quan Công bèn phò nhị tẩu theo Tào Tháo cùng về đến Hứa

Xương. Tào Tháo dọn tư dinh cho ông ở, ông chia làm hai ngăn, bên trong để nhị tẩu ở, cho mười tên quân canh giữ, còn ông ở ngăn ngoài. Tào Tháo muốn cho Quan Công cùng nhị tẩu ở chung nhà cốt để Quan Công loạn nghĩa quân thân, anh em nghi kỵ chia rẽ lẫn nhau, chùng đó Tào Công ngồi không hưởng lợi và Quan Công bị kẹt sẽ ở lại phò Tào Tháo mãi mãi. Nhưng Quan Công đốt đuốc ngồi xem sách Xuân Thu suốt đêm, canh chùng cho nhị tẩu ngủ. Tào Tháo muốn mua chuộc ông, bèn dắt vào triều yết kiến vua Hán, được Hiến Đế phong làm Thiên Tướng Quân. Cách vài ngày lại thiết tiệc mà đãi ông, tiệc tan lại tặng đồ trang sức, nhưng ông đều giao lại cho nhị tẩu cất giữ. Cứ ba ngày ông vào ngăn cửa hỏi thăm sức khỏe nhị tẩu. Tháo biết được càng nể phục lắm. Nhân thấy ông có bộ râu dài rất đẹp, Tháo liền lấy gấm bông may vải cho ông bọc râu. Vua thấy thế gọi ông là Mỹ Nhiệm Công (ông râu đẹp). Tháo lại lấy ngựa Xích thố của Lữ Bố ngày trước mà ban cho ông và tặng hai chục mỹ nữ, nhưng ông chỉ nhận ngựa còn gái đẹp dâng cho nhị tẩu.

Thấy Tháo hết lòng kính trọng mình nên ông tìm cách trả ơn ông. Nhân Viên Thiệu, Nhan Lương và Văn Xú đem binh đánh Tào Tháo. Binh Tào thua mãi, ông bèn xin ra trận đánh phá binh Viên Thiệu, giết Nhan Lương, Văn Xú và được vua Hán Đế phong làm Hán Thọ Đình Hầu.

Nhờ ra trận, ông dò được tin Lưu Bị hiện tạm trú ở Hà Bắc với Viên Thiệu. Ông liền vào từ tạ Tháo. Tháo không tiếp, ông viết thư nhờ người trao hộ và đem hết vàng bạc mà Tháo đã cho từ trước mà niêm phong lại và treo án trên xà nhà rồi phò nhị tẩu ra đi. Tháo thấy ông quá cương quyết nên kính phục vội vã đến tiễn ông.

Thấy Tháo một lòng kính nể ông, nên các tướng dưới quyền của Tháo đâm ra bất mãn, ngăn chặn các cửa ải không cho đi nên ông buộc lòng phải đánh phá. Ngang

ải Đông Linh giết Khổng Tú, đến Lạc Dương giết Hàn Phúc, Mạnh Thân, tới Nghi Thủy quan trấn ải là Biện Hỷ cho quân phục xung quanh chùa định ám hại ông, nhưng bị ông sát hại hết cả. Đến Huỳnh Dương, đang đêm Quan Thái Thú Vương Thực đến đốt trại, nhờ có mật báo, ông thoát nạn và giết chúa tướng một cách dễ dàng. Khi đến Hoạt Châu bị Tần Kỳ ngăn trở cũng bị ông giết chết. Tính ra ông đã vượt qua năm ải và chém hết sáu tướng, nên người đương thời có câu khen tặng ông: “*quá ngũ quan, ông trăm lục tướng*”..

Sau những lúc bôn ba lưu lạc, Quan Công gặp lại Trương Phi và Lưu Bị. Anh em cùng nhau đồng mưu đại sự. Ông giúp Lưu Bị nhiều chiến công oanh liệt. Nhưng dẫu tài trí có phi thường, nhưng cũng không vượt qua nghiệp số, nên sau ông bị Lữ Mông, tướng của Tôn Quyền, dùng câu liêm móc giật chân ngựa té xuống mà bắt. Con ông là Quan Bình thấy cha bị bắt, nóng lòng chạy tới cứu cũng bị bắt luôn.

Lữ Mông giải hai cha con ông về cho Tôn Quyền. Quyền thương bậc trung cang nghĩa khí nên cho người dụ hàng mà không nỡ giết. Quan Công khảng khái đáp:

-Ta cùng Lưu Hoàng Thúc kết nghĩa tại vườn đào thê cùng sống chết, quyết lòng phục hưng cơ nghiệp nhà Hán. Nay ta bị bắt xin lấy cái chết để đền ơn tri ngộ cùng huynh trưởng ta mà thôi, chớ đem danh lợi khuyên dụ ta vô ích.

Tôn Quyền nghe vậy, biết không thể phủ dụ được, lại sợ gương trước khi ông ở với Tào Tháo, nên truyền xử trảm cả hai cha con. Lúc đó Quan Công mới 58 tuổi.

Bởi lòng trung cang nghĩa khí như vậy, nên sau khi chết, Quan Công được hiển thánh và đến suối Ngọc Tuyền thọ giáo với Trí Giả Thiên Sư và sau chứng quả Già Lam Quan Đế.

NGHĨA KHÍ: Khí tiết của bậc anh hùng. Thấy kẻ hoạn nạn thì ra tay giúp đỡ, gặp việc bất bình thì đem thân đỡ nâng can thiệp. Như trường hợp Quan Công có đặc điểm là ân đền, nghĩa trả và không giết người dưới ngựa.

KẺ NGHĨA KHÍ THIÊN KIM VAN LƯƠNG: Là ý nói người có lòng nghĩa khí quý báu như ngàn vạn lượng vàng còn mãi trong sử sách. Trong Nang Thơ Cẩm Tú, Đức Thầy có viết: ***“Tiết trung lương hiếu nghĩa rạng ngàn”***.

LŨ NINH THẦN: Bầy tôi gian tà nịnh tặc, vì tham lợi cá nhân mà nỡ hại dân hại nước (mãi quốc cầu vinh).

NGƯỜI THIÊN CỖ: Người xưa, người đã từ trần một trăm năm về trước và đã có lòng ưu dân ái quốc, được ghi vào sử sách để dạy dân từ trước tới giờ.

ĐẦU TRÂU MẶT NGỰA: Theo Kinh sách xưa thì kẻ đầu trâu mặt ngựa là quỷ sứ ở cõi âm phủ. Mình và tay chân là người mà cái đầu lại giống con trâu hoặc ngựa. Nghĩa bóng là chỉ cho phường vô lại, chẳng biết thương người, chỉ lo sao được lợi ích riêng mình là được.

CÁ LUC CHÂU: Chỉ cho các loại cá tham ăn mê mồi bất kể là thơm thúi, sạch dơ, như cá sát hoặc cá út sống trong sông chẳng hạn, hễ nơi nào có động nước là chúng đến. Nghĩa bóng là nói kẻ tham mê quyền lợi, sâu dân một nước. Trong bài Bạc Liêu, Đức Thầy có nói:

***“Lung- chung bèo dạt thân hành đạo,
Bị lũ a-dua cá út thiêu”***.

CHÁNH VĂN

181. ***Cấp-Cô-Độc là nhà bá hộ,
Còn đành lòng bố-thí xả thân.
Chữ vinh-hoa phú-quí chẳng cần,***
184. ***Miễn hiếu đạo hơn là châu-báu.
Chẳng sớm lo chần-chờ sợ Lão,
E sau này tâm-não đoạn-trường.***

188. *Lũ gian-hùng mang lấy họa-wong,
Trời đất xử những người bội phản.
Phải chỗi dậy nương dầy hùng-tráng,
Chữ đại-hùng đại-lực từ-bi.
Vậy mới trang quân-tử nam-nhi,*
192. *Thân độc vẹn hai câu ngay thảo.*

LƯỢC GIẢI :

Trong đoạn giảng trên, Đức Thầy nhắc lại truyện ông Cấp Cô Độc là một trưởng giả giàu có, sanh đồng thời với Đức Phật Thích Ca. Ông có lòng kính tin Tam Bảo và bố thí cao độ. Ông thường đem vàng bạc nuôi kẻ neo đơn cô quạnh và xây cất Kỳ Viên Tịnh Xá để Phật có nơi thuyết pháp hóa độ chúng sanh. Sau cả nhà đều tu hành chứng quả. Cho đến bây giờ Kinh sách vẫn còn chép ghi sử nghiệp của ông mãi mãi.

Đức Thầy kêu gọi bá tánh sớm thức tỉnh tu hành, nếu mãi e dè nghi hoặc sợ Ngài, tất sau này phải gánh chịu nhiều nỗi đau thương gian khổ. Bởi tới đây Trời Phật sẽ phân xử, giáng tai nạn cho kẻ gian hùng, hại dân hại nước.

Ngài kêu gọi khắp chư môn Phật tử hãy sớm trở dậy nương theo ánh sáng *Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi* của Phật để xứng đáng là người trượng phu quân tử và cũng để gìn tròn bốn phận hiếu trung ngay thảo.

CHÚ THÍCH

CẤP CÔ ĐỘC ; Tên của nhà trưởng giả giàu có sanh đồng thời với Đức Phật Thích Ca. Tên tộc của ông là Tu Đạt Đa (Sadatta).

Chữ “Cấp Cô Độc” có nghĩa là “Chẩn tế bản phạp, cấp chư cô độc” (nuôi giúp những người nghèo túng, trợ cấp những kẻ neo đơn cô quạnh). Hôm nọ có dịp đi buôn qua Vương Xá Thành, ông ghé lại Tịnh Xá Trúc Lâm để

nghe Phật thuyết pháp. Sau khi nghe pháp, ông chứng quả Tu Đà Hoàn.

Lòng tin tưởng Phật pháp phát lên cao độ, ông liền trình với Đức Phật cho ông xây cất một Tịnh xá để Phật thuyết pháp và có nơi an cư nhập hạ cho chư Tăng. Được Phật chấp nhận, ông trở về hỏi mua miếng vườn của Thái tử Kỳ Đà. Hai bên với sự đồng ý là người mua đem vàng lót tới đâu thì người bán giao đất tới đó.

Cấp Cô Độc đem vàng lót hết đất trong vườn cây của Thái Tử, nhưng còn các gốc cây không lót được. Ông đang đứng suy nghĩ phải làm sao lót cho giáp hết. Thái Tử thấy vậy tưởng lầm ông còn tiếc của, nên nói:

-Ông bằng lòng thì mua, bằng sợ hao vàng thì thôi, của tôi còn của tôi.

Cấp Cô Độc mỉm cười đáp:

-Chẳng phải tôi tiếc của mà đang suy nghĩ phải chớ kho vàng nào đem lót cho vừa. Nói rồi, ông cho người tiếp tục chớ vàng đến lót. Thái Tử thấy vậy cũng phát tâm hoan hỉ, nói:

-Thôi ! Tinh thần ngưỡng mộ Phật pháp của ông đã đáng kính rồi. Còn lại chỗ trống các gốc cây thì để phần tôi đóng góp.

Do đó, về sau ai ai cũng ca ngợi là “Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên” (Vườn sân Tịnh Xá là của Cấp Cô Độc, còn các cây cao rợp mát là của Thái tử Kỳ Đà).

Từ đó, các bài thuyết pháp của Đức Phật phần lớn là xuất phát tại đây và liên quan đến các phương cách tu tại gia Cư sĩ.

Về sau, hai ông bà Cấp Cô Độc và ba người con đều tu chứng quả.

BÁ HỘ: Nhà giàu có lớn.

BỐ THÍ: Bỏ là rải ra, thí là cấp cho. Đem vật sở hữu của mình trợ cấp cho kẻ khác gọi là bố thí. Bố thí có 3

cách: Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí. Xem lại chi tiết tại tr. 177-179, Q. Thượng Tập 2/3.

CHÀN CHỜ SỢ LÃO: Trừ trừ giải đãi vì nghi sợ Đức Thầy gạt gẫm.

HÙNG TRÁNG: Sức mạnh mẽ có đủ hùng lực.

ĐẠI HÙNG - ĐẠI LỰC - TỪ BI: Ba từ ngữ này đề tán tụng công đức của Phật: Dám lìa bỏ thành quách, thê tử đi tu (chí Đại Hùng), hàng phục được Ma Vương dưới cội Bồ Đề (chí Đại Lực), sau khi đắc Đạo, không nỡ nhập Niết Bàn mà vẫn trụ thế giáo độ chúng sanh (chí Đại Từ Bi).

QUÂN TỬ: Người có phẩm hạnh cao khiết, tài năng vượt trội hơn kẻ khác. Đó là mẫu người lý tưởng của nho giáo.

NGAY THẢO: Do câu “Ngay cha thảo chúa” (Trung quân vương, hiếu phụ mẫu). Trung chánh ngay thật với vua, hiếu thảo cùng cha mẹ.

CHÁNH VĂN

193. *Đời cũng lắm bao người giá áo,
Nương bả vinh nhiều hạng túi com.
Thấy dân ngu trong dạ sẵn hờm,*
196. *Quyết kiếm thế đặng toan lừa-dối
Ngọn bút sắt chỉ đường người tối,
Gậy kim-cang đưa chúng lên đàng.
Kíp nương theo trực chỉ Tây-phang,*
200. *Đến Cực-lạc tìm nơi an-dưỡng.
Dẹp cây cáo dùng cây thiên-trượng,
Lánh ta-bà cõi thế đua chen.
Được vinh-hoa khinh-bĩ kẻ hèn,*
204. *Bạn phản bạn như người Bùi-Kiệm.
Trên mặt đất hạng người ấy hiếm,
Thấy Tiên mù xô xuống giữa dòng.
Nhìn Trịnh-Hâm Lão bắt mủ lòng,*

208. *Than cận-kê kêu dân sớm tỉnh.*

LƯỢC GIẢI :

Đức Giáo Chủ nhận xét trong đời có lắm kẻ giá áo túi cơm tức ăn hại của dân chúng, chẳng có công sức gì ích lợi đối với mọi người. Hễ thấy ai ngu khờ hơn mình thì chòm hòm tìm cách dối trá để thủ lợi.

Vì lòng thương xót sanh linh, Đức Giáo Chủ mượn ngòi bút sắt thay thế cho bút lông như trước để viết ra Kệ giảng, vạch con đường sáng suốt cho mọi người bước theo nẻo Đạo. Đó là phần sự tướng, còn phần lý tánh thì Ngài dùng lòng cứng rắn như kim cương để diu nhọn sanh qua bề khổ. Ngài cũng khuyên khắp môn đồ Phật tử nương vào lòng cương cường ấy tiến thẳng về Tây Phương Cực lạc.

Về ngoại cảnh thì Ngài cũng dùng sức mạnh của tinh thần định huệ mà dẹp tan chướng ngại, vượt qua bước gian truân khổ hải. Còn về nội tâm, Ngài dùng sức thiền định để phá trừ dục vọng vô minh mà đạt quả Bồ Đề Chánh Giác, hầu lìa cảnh Ta bà thống khổ.

Ngài cũng nhắc lại tác phẩm Lục Vân Tiên của cụ Đồ Chiểu. Trong đó, có đề cập tới Bùi Kiệm và Trịnh Hâm là hai người bạn không tốt, tìm mưu độc hại bạn Lục Vân Tiên, ngày kết cuộc phải bị trả quả một cách đốn đau như xấu.

CHÚ THÍCH

GIÁ ÁO TÚI CƠM: Cái giá máng áo và cái túi đựng cơm, không giúp đỡ gì được ai. Nghĩa bóng chỉ cho hạng người vô tích sự. Ví dụ: Phờng giá áo túi cơm chỉ biết ăn hại bá tánh.

NGON BÚT SẮT: Ngòi viết bằng sắt. Thời xưa, dân ta và người Trung Hoa dùng bút lông và nghiên mực để viết chữ lên giấy. Thời Pháp thuộc thì dùng ngòi bút sắt

và bình mực. Tất cả đều chỉ cho sự nghiệp văn chương, Đức Thầy có câu:

***“Bút lông đẹp với đĩa nghiên,
Thế vào bút sắt cùng viên mực tròn”***.(Hoài Cổ)

GÂY KIM CANG: Cây gậy làm bằng kim cương, một loại đá quý cực rắn chắc. Ý chỉ lòng cứng rắn không gì làm lay chuyển được.

CÂY CÁO: Hai loại thú rừng cùng một loại với chồn. Chỉ chung các loài thú rừng, hay phá ruộng rẫy mùa màng. Nghĩa bóng chỉ vọng tâm phiền não làm cho người tu không thể yên tâm hành đạo.

THIỆN TRƯỞNG: Cũng gọi là *Tích trượng*, tức là cây gậy của các Thiền sư, nghĩa bóng chỉ giáo pháp của chư Phật. Đức Thầy khuyên môn đồ:

***“Quay về cội phúc đường chân Đạo,
Phật pháp thiên na dốc thực hành”***.

TA BÀ: Xem lại tr. 62, Q. Thượng Tập 2/3.

VINH HOA: Xem lại tr. 233, Q. Thượng Tập 1/3.

BÙI KIÊM, TRINH HÂM: Hai nhân vật trong tác phẩm “Lục Vân Tiên” của cụ Đồ Chiểu, hư cấu ra để diễn tả người đời, tình bạn không tốt. Hai người thừa cơ hại Lục Vân Tiên rốt cuộc đều bị nghiệp quả báo đền.

CHÁNH VĂN

209. ***Viết ít câu cho đời ngâm vịnh,
Phận tài sơ xin hãy thứ tha.
Yêu non-sanh trở giọng hùng ca,***
212. ***Tạm nghiên bút vẽ tranh thế tạo.
Trong bá-tánh nhìn xem châu-đáo,
Chớ vội-vàng chê Lão ngu-si.
Rạch lang-tâm những đũa vô-nghì,***
216. ***Nhắc sơ tích người xưa trong sử.
Khuyên bá-tánh vạn dân gìn-giữ,
Lão chúc cầu thiên-hạ thái-bình.***

***Đứng trung cang hành thiện truy kinh,
220. Mong trên dưới cùng nhau thảo-thuận.***

LƯỢC GIẢI :

Đức Giáo Chủ dùng lời khiêm nhượng rằng Ngài tài sơ trí siển song cũng nói ít lời cho mọi người xem coi học hỏi và có chỗ nào không vừa ý xin hãy thứ tha.

Bởi lòng yêu sanh chúng nên Ngài mượn giấy mực và ít lời kệ cơ, vẽ thành một bức tranh đời mà tạo hóa sắp diễn ra để khắp vạn dân tìm xem học hiểu.

Ngài nhủ khuyên bá tánh nên đọc hết qua kệ giảng và tìm hiểu cho thấu đạt nghĩa lý trong đây rồi sẽ quyết định. Chớ nên phê phán một cách vội vàng hời hợt. Bởi vì Ngài nhiệt tình đem tiếng nói tự đáy lòng để vạch rõ tâm địa xấu ác của bá tánh hiện nay cho mọi người hiểu rõ. Đồng thời Ngài cũng nhắc lại những truyện tích trong Kinh sách thời xưa cho mọi người được nhớ mà chừa bỏ những thói hư tật xấu, gìn giữ mà học các tấm gương thiện lương trung hiếu. Ngài cũng ước mơ cho khắp thế giới đều hưởng sự thái bình an lạc và mong ước mọi dân tộc đều biết thương yêu thuận thảo đoàn kết lẫn nhau trên đường tâm cầu chơn lý.

CHÚ THÍCH :

TAM NGHIÊN BÚT VẼ TRANH THỂ TẠO:

Mượn tạm bút mực và giấy viết họa lên bức tranh của cảnh trần sắp xảy ra mà do người đời tạo nhân từ xưa, giờ đây sắp đến ngày hưởng quả:

“Nhìn vạn vật cuộc đời ngao ngán,

Bởi hoàn cầu thù oán cứ gây.

Vẽ hình rồi lại vẽ mây

Vẽ tranh Thiên tạo Bông Lai cảnh tình.

Lại thêm vẽ phù sanh cõi tạm

Dắt hồn người hắc ám khỏi mang”.

(Đền Làng Nhon Nghĩa, Cần Thơ)

XEM CHÂU ĐÁO: Xem xét một cách xác đáng tận tường.

RACH LANG TÂM: Rạch là vạch ra. Lang tâm là lòng lang dạ sói. Ý chỉ Đức Thầy hiểu rõ lòng xấu xa sai quấy của mọi người mà chỉ dẫn cách cải sửa.

VÔ NGHĨ: Vô nghĩa, không có tình nghĩa.

TRUNG CANG: Ngay thẳng, cương trực.

TRUY KINH: Theo dõi tuy tầm để hiểu rõ kinh kệ.

CHÁNH VĂN

221. *Đã thấy lộ cơ trời báo ứng,
Diệt loài gian tà kiếm con Tiên.
Nợ hồng-trần tức-trái tiền-khiên,
Ta quyết dẹp cứu nàn dương-thế.*
225. *Nói chỉ đức Hoàng Thang luật chế,
Đòi không hay những việc xa vời.
Gặp cơn mưa ta hãy cho tưới,
Lúc hạn nắng từ-bi giúp nón.*
229. *Cảnh thế-tạo càng ngày thôn-môn,
Giống vi-trùng thường đục phổi tim.
Đến cơn đau phương thuốc phải tìm,*
232. *Gặp Biển-Thước, Hoa-Đà lai thế.*

LƯỢC GIẢI :

Trong đoạn giảng trên, Đức Giáo Chủ cho biết cơ tận diệt sắp diễn ra để chọn lọc hiền còn dữ mất, dân chúng khắp nơi phải chung chịu: Nào thế chiến thứ hai, nào thiên tai địa ách sắp xảy ra liên tiếp.

Đây là do lòng bạo ác của số người gieo nhân, giờ đây phải chịu luật quả báo trùng phạt:

*“Luật trời báo ứng nhân tiền,
Khắp trong thiên hạ đảo huyền từ đây”.*(SG, Q.1)

Vì thế, những người có trách nhiệm cứu dân độ thể như Đức Thầy giờ đây trở lại khuyến hóa nhân sanh, đồng gieo nhân từ thiện để kịp vượt qua thời kỳ chọn lọc.

Trong công cuộc lập đời tân, Đức Giáo Chủ khuyên mọi người có bốn phận noi theo chí đức của vua Thành Thang đời Hạ Kiệt thuở trước (Trung Hoa), để thi hành cho đúng đức độ của đạo làm người: nhân, hiếu, tiết, nghĩa song toàn. Chính đó là cái nhân tạo nên cảnh đời Thượng ngươn Thánh đức sắp tới.

Cảnh đời chúng ta đã tạo và đang sống sẽ bị tiêu hoại trong một ngày gần đây. Sự biến chuyển để lập đời mới giống như cơ thể có bệnh đang bị các vi trùng từ bên ngoài xâm nhập, cộng với bên trong đang hư hoại, khiến ngũ tạng của ta phải đau đớn. Đức Thầy khuyên ai muốn thoát ly cảnh hưởng ấy phải tự xét mình: Nếu bệnh về bên ngoài, tất phải tìm bác sĩ, danh y giỏi để điều trị. Còn đối với tâm bệnh (dục vọng phiền não) thì phải tìm cho được Tiên y, Phật dược, như hai vị thần y đời Xuân Thu và Tam Quốc (Biển Thước, Hoa Đà) rồi hành y theo lời dạy của các Ngài mới mong kết quả.

CHÚ THÍCH :

CƠ TRỜI BÁO ỨNG: Cơ trời là máy trời, báo ứng là đáp lại, trả lại. Đây là chỉ cho luật báo ứng giữa nhân và quả. Nghiệp nào sanh quả nấy: nghiệp lành hưởng quả lành, nghiệp ác tất mang quả dữ. Đức Giáo Chủ từng cho biết:

***“Luật trời báo ứng nhân tiên,
Khắp trong thiên hạ đảo huyền từ đây”***.(SG, Q.1)

Và:

***“Luật nhân quả thật là cao viễn
Suốt cổ kim chẳng lọt một ai”***.(KT,Q.5)

Hoặc là:

“Đời xưa quả báo thì chầy,

Đời nay quả báo một giây nhĩn tiền”.(SG, Q.3)

DIỆT LOẠI GIAN: Cơ chọn lọc của Trời Đất: tiêu diệt số người hung ác, chọn kẻ hiền lành, những con Tiên cháu Phật để lập lại đời tân. Đức Thầy diễn tả cơ chọn lọc hiền còn dữ mất ấy như sau:

***“Diệt kẻ quấy lọc lừa dân lương thiện.
Mong Tạo hóa sắp xong tuồng cổ điển,
Đặng nhơn sanh kiến cảnh thái bình hòa”.***

(Không Buồn Ngủ)

NỢ HỒNG TRẦN: Nợ thế, nợ trong cõi trần gian. Người sống trong cõi hồng trần ai ai cũng đều có vương nợ và phải đền trả. Ví như: Nợ đời gia đình chồng vợ, con cái... Nợ Tứ ân, nợ Tam nghiệp. Đức Thầy khuyên:

***“Tu đền nợ thế cho rồi,
Thì sau mới được đứng ngôi tòa sen”.***

TÚC TRÁI TIỀN KHIÊN: Nghiệp nợ do mình gây tạo kết cấu oan trái rất nặng nề đã gây tạo từ nhiều kiếp trước, giờ đây đã đến lúc (chín mùi) phải chịu báo ứng. Đức Thầy có câu:

***“Những nổi tiền khiên gây lảm nợ,
Đời này trả dứt mới mong cầu”.***

(Cho cô Hai Gương, Cần Thơ)

Còn món nợ đặc biệt nữa là nợ vì chúng sanh và Đạo pháp. Như Đức Phật Thầy Tây An đã nói:

***“Nợ tiền khiên Bồ Đề giống trước,
Vẹn một mình mới vẹn ba phân”.***

Đức Thầy nay cũng nói rõ:

“Nợ cùng bách tính hũy còn vương”.

Câu này, Đức Thầy có dụng ý cho biết ai muốn độ mình và cả chúng sanh thì trước phải trả dứt nghiệp nợ oan khiên nói trên mới mong kết quả.

CHÍ ĐỨC HOÀNG THANG: Tâm hành và chí đức hay chí khí của vua Thành Thang. Vua Thành Thang trước kia là một chư hầu của vua Thương, họ là Từ Thị, hiệu là

Thiên Át hay Thành Thang, mình cao 9 thước (thước Tàu hồi đó). Ông là người có đức nhân từ đức hạnh.

Một hôm vua Thành Thang đi du ngoạn ngoài thành thấy dân đánh cá lưới chim. Bủa lưới đủ bốn mặt xong, họ khẩn vái: “*Con nào từ trên trời đi xuống, dưới đất chun lên, từ bốn phương tới hãy đều vào lưới ta*”. Vua Thang nghe vậy liền than: Như vậy thì dân chúng bắt hết cá chim hay sao ? Ngài liền ra lệnh những người ấy dỡ hết ba mặt lưới và bảo các thợ săn nguyện vái lại: “*Con nào muốn qua thì qua, muốn lại thì lại, ở trên trời sa xuống, ở dưới đất chun lên, muốn ra cứ chạy ra. Con nào đứt mạng thì vào lưới ta.*”. Các nước chư hầu nghe vậy đồng khen Vua Thang là người có nhưn đức, biết thương yêu cả chim muông điều thú. Và về sau, người đời thường truyền miệng: “*Mở lưới Thành Thang*” ý muốn nhắc lòng nhưn đức của vua Thành Thang.

Về sau, vua Thành Thang rước được một bậc kỳ tài ẩn sĩ, tức là ông Y Doãn ở đất Hữu Sần về giúp. Thấy bậc hiền tài, vua Thành Thang đem dâng cho vua Kiệt. Vua Kiệt không dùng nên ông Y Doãn trở về hợp chư hầu phò vua Thang đem quân vào bắt vua Kiệt đày ra đất Nam Sào, nay thuộc tỉnh An Qui.

Nhà Hạ bị diệt từ đó. Vua Thành Thang đuổi Hạ Kiệt xong, lên ngôi Thiên Tử, đóng đô ở đất Bạc, lấy hiệu là nhà Thương. Vua Thang họ Tử Thi cũng gọi là dòng vua Huỳnh Đê. Nhà Thương trị vì được 661 năm truyền đến vua Bàn Canh thì dời đô qua đất Bạc và đổi hiệu là nhà Ân...

HOÀNG THANG LUẬT CHẾ: Hoàng Thang là ông vua nhưn từ đức hạnh, đã bỏ luật của thời Hạ Võ và chế luật pháp mới hợp với lòng dân, tạo nên cảnh đời an lạc suốt con cháu, truyền suốt 661 năm. Chế độ luật pháp của vua Thành Thang tóm lược như sau:

1.-*Chánh Thất Tiết*: Trên thì vua phải phân đoán luật nước công bình cho bá tánh. Dưới các quan phải thẩm xét cho được ngay thẳng để dân chúng được nhờ.

2.-*Nữ Tiết Hạnh*: Không được bắt gái đẹp sung vào cung vua, và các cô gái hạnh nét luôn giữ nghiêm chỉnh không nên học thói lăng loàn.

3.-*Dân Thất Chức*: Kêu gọi và giúp đỡ dân thất nghiệp, lo cho đời sống khỏi bị đói khó nghèo khổ.

4.-*Bảo Thờ Hành*: Không được ý mình quan lớn hiếp đáp quan nhỏ, mà phải đối xử bình dân và biết thương yêu lẫn nhau như con đờ.

5.-*Sung Cung Thất*: Từ vua đến dân, nhà cửa đều như nhau không phân biệt. Nếu có tiền, dân quan vẫn được quyền xây cất nhà cao cửa rộng như nhau.

6.-*Phàm Phụ Xương*: Những kẻ nịnh bợ quan thần đều bị sa thải (cách chức hết). Chỉ chừa lại các quan thanh liêm chánh trực mà thôi.

Nhờ các điều luật chế đó mà vua Thành Thang huấn luyện các chư hầu và cả nước đều đối xử thái bình an lạc hơn 6 thế kỷ (661 năm) bắt đầu từ năm 1783 TCN.

Do đó, giờ đây Đức Thầy cũng khuyên các nhà cầm quyền hiện tại: Muốn cho nước mình được an cư lạc nghiệp, nên noi theo chí đức của vua Thành Thang mà thành lập nền pháp trị công minh trong nước.

CHO TÔI: Tôi là áo mưa, tức áo che mưa. Xưa, người ta kêu áo che mưa là áo tôi. Đây nói người hảo tâm hay giúp người qua cơn khi gặp trời mưa rét lạnh.

TỪ BI GIÚP NÓN: Khi gặp cơn nắng hạn thì giúp nón để bớt cơn nóng bức.

Vậy thành ngữ “*cho tôi giúp nón*” là ý nói người có lòng nhơn (từ bi) thường cứu khổ cứu nạn cho người lúc nguy khốn.

CẢNH THẾ TẠO: Cảnh đời hay thế giới con người đang sống với mọi sự sang hèn vui khổ là đều do nghiệp của loài người đã gây tạo từ trước mà xuất hiện ra.

CÀNG NGÀY THỎN MỎN: Ý nói quả địa cầu chúng ta đang sống mỗi ngày một mòn dần đến khi hoại hẳn.

GIÓNG VI TRÙNG: Từ ngữ này chỉ chung các vi sinh vật rất nhỏ bé phải dùng kính hiển vi mới thấy được, thường hay gây bệnh cho con người. Nghĩa bóng là chỉ cho những người gian tà hung ác hay quậy phá sanh vật và vũ trụ hoặc do thiên tai địa ách, chiến tranh đói đau, khổ nạn đều do tâm và nghiệp của con người gây tạo giờ đây phải chịu báo ứng.

PHƯƠNG THUỐC PHẢI TÌM: Ý nói bịnh do vi trùng phá hoại ngũ tạng, phải tìm cho được danh y thánh dược (như Biển Thước, Hoa Đà). Còn căn bịnh do luân hồi quả báo thì phải tìm đến Đức Phật và chư Bồ Tát rồi thực hành theo lời chỉ dạy của các Ngài mới mong kết quả.

BIỂN THUỐC: Là tên một vị thánh y (Trung Hoa), được mọi người tôn là Thánh Tổ trong nghề làm thuốc, vì ông có thuật cải tử huồn sanh. Ông sanh đồng thời với Hiền Viên Huỳnh Đế.

Thời Đông Châu Liệt Quốc có người tên Trần Hoàn tự là Việt Nhân rất thông y học. Ông ngụ tại đất Lư Thông nước Tề nên được người ta gọi là Lư Y. Sau đó Trần Hoàn có một quán xá, đôi đũa rất tử tế với một bậc dị nhân là Trường Tranh Quân. Tranh Quân cảm ơn hậu liền tặng cho Trần Hoàn một viên thuốc uống vào thấy được mọi việc xảy ra, dầu tà ma quỷ quái cũng thấy được. Nhờ đó, khi xem mạch, Trần Hoàn thấy rõ ràng ngũ tạng lục phủ của người bịnh. Ông chữa bịnh càng được nổi tiếng thêm và về sau ông được người đời tặng cho danh hiệu là Biển Thước Tiên sinh, để gọi Trần Hoàn cũng như Biển Thước tái sanh.

Trong lúc ông sang chơi bên nước Quắc, gặp Thái tử bên nước ấy ngộ cảm mà chết, được ông cứu sống lại. Nhờ đó Biền Thước (Trần Hoàn) nổi danh là một y sĩ có tài cải tử hườn sanh. Chính Biền Thước vào yết kiến vua Tề Hoàn Công, đã đoán bệnh ba lần mà vua Tề không nghe theo, quả nhiên sau khi Biền Thước rời khỏi nước Tề, vua Hoàn Công bị bệnh mà băng hà.

HOA ĐÀ: Ông là người đời Đông Hán ở đất Tiểu quận, nước Bái, tức là nguyên quán nổi tiếng về nghề làm thuốc, giỏi về thuật châm cứu, lại biết rành về khoa mổ xẻ. Trong đời, ông đã cứu được nhiều người bệnh nguy ngập.

Kẻ nào đau trong ngũ tạng, lục phủ khó chữa thì Hoa Đà cho uống một thang “ma phế” khiến cho người bệnh mê man như chết, rồi dùng dao bén mổ bụng ra, lấy thuốc rửa tạng phủ mà người bệnh không hề đau đớn. Sau đó, ông lấy thuốc xịt vào và lấy kim vá lại, độ vài mươi hôm hay một tháng, người bệnh sẽ khỏi. Chữa bệnh nào, Hoa Đà cũng tỏ ra am hiểu tường tận về căn bệnh ấy rồi cho uống thuốc hoặc châm cứu,...hễ ông mó tay vào bệnh nào thì bệnh đó sẽ khỏi ngay tức khắc. Nhưng đặc biệt nhất là khi ông trị vết thương cho Quan Công trong lúc Quan Công vây Phàm Thành, vì không đề phòng bị quân Tào Nhân bắn tên độc trúng cánh tay mặt không cử động được. Hoa Đà xem vết thương xong cho biết:

- Mũi tên này có tẩm thuốc ô dầu rất nguy hiểm, nếu không chữa sớm thì cánh tay sẽ hỏng. Tuy nhiên, lối chữa này đau đớn lắm, chỉ sợ Tướng công ghê rợn mà thôi.

-Chữa cách nào mà ghê rợn vậy ?

-Bây giờ phải tìm chỗ kín đáo, chôn một cây cột thật chắc, phía trên xuyên một vòng sắt lớn để lồng cánh tay Ngài vào đó, dùng giây thừng buộc chân vào cột, lấy cái khăn chùng kín đầu lại. Sau đó, tôi mới dám dùng dao nhọn rạch da, khoét đi chỗ thịt làm độc, gọt thẳng vào chỗ

bị bắn, nạo hết chỗ xương ngầm độc, lấy thuốc xịt vào và dùng chỉ khâu lại sẽ khỏi ngay.

Quan Công nói:

-Tương gì khó chớ việc như vậy cần gì phải đóng cọc với vòng cho thêm phiền.

Nói rồi ông sai quân bày tiệc thiết đãi, uống được mấy chén rượu rồi chia tay cho Hoa Đà mổ. Hoa Đà lại bảo ông hãy lấy khăn che mặt cho khỏi ghê. Quan Công bật cười bảo:

-Ông cứ tự nhiên!

Thấy Hoa Đà còn phân vân, Quan Công sai quân hầu bày bàn cờ, mắt chăm chú vào bàn cờ, tay trái đánh cờ, tay mặt đưa cho Hoa Đà mổ một cách tự nhiên.

Hoa Đà cầm dao thật sắc, sai quân nâng cái chậu lớn ở phía dưới cánh tay để hứng máu, Hoa Đà nhắc lại lần nữa, Quan Công bảo:

-Cứ việc mổ xẻ tự tiện, mình không phải là hạng tâm thường đâu.

Hoa Đà đưa mũi dao rạch toạt lần da bên ngoài, khoét bỏ miếng thịt hồng, gọt thẳng vào tận xương thì thấy chỗ xương ấy đã xanh xám lại. Hoa Đà đưa đầu lưỡi dao gọt và nạo mạnh, tiếng kêu nghe rợn tóc gáy, mọi người đều xanh mặt không dám nhìn. Nhưng Quan Công vẫn thản nhiên ngồi uống rượu nhắm thịt, dùng tay chỉ bàn cờ và cười nói tự nhiên như không có chuyện gì xảy ra, mặt không lộ vẻ đau đớn. Một lúc sau máu chảy đầy cả chậu. Hoa Đà đã nạo sạch chỗ xương ngầm độc, liền dùng thuốc xịt vào chỗ mổ, lấy chỉ khâu lại.

Khi Hoa Đà làm xong thì Quan Công cười và nói to lên với các tướng:

-Cánh tay ta đã co duỗi được rồi, không còn thấy đau đớn nữa. Ta chưa hề thấy ông thầy thuốc nào giỏi như thế này. “Tiên sinh quả là Thần y”.

Hoa Đà vội đáp:

-Cả đời làm thuốc, tôi chưa thấy ai gan đến thế. Tướng quân quả là Thiên thần. Nói xong, ông để lại cho phương thuốc trị liệu và dặn phải tịnh dưỡng trong 100 ngày thì bệnh sẽ lành hẳn. Nói rồi ông từ giã ra đi, không nhận món gì, dầu Quan Công hết lòng cảm lại.

CHÁNH VĂN

233. *Kim với cổ nhìn xem thế-hệ,
Sợ có ngày hoạch tội ư thiên.
Nẻo đục trong cạn tổ cơ-huyền,*
236. *Mực đã cạn lòng yêu chẳng mẫn.
Ai coi qua xin đừng bỏ lãng,
Gắng công-trình vạch lá tìm sâu.
Nay dương-trần gặp buổi mưa ngâu,*
240. *Phải sớm hứng giọt sương Đông-hạ.
Điên như-nghĩa điên vì Đạo cả,
Thôi chào đời khép cửa buồn duyên.
Có thiện-căn sớm lại cửa thiền,*
244. *Câu niệm Phật chờ ngày chung cuộc.*

*Nam-mô Định-Tâm Vương Bồ-Tát Ma-Ha Tát.
Hòa-Hảo, ngày 10-4 năm Canh-Thìn.*

LƯỢC GIẢI :

Đoạn giảng trên, Đức Thầy khuyên môn đồ hãy bình tâm xét nghiệm: Hành động con người từ thế hệ xưa đến nay, những tấm gương tu thân hành đạo, hư nên tốt xấu mà học đòi hay xa lánh. Nếu không được vậy, e có ngày phạm tội với Trời Đất. Tới đó dầu ta có xin tha thứ cũng khó đặng.

Những điều đục trong tốt xấu như thế nào, cho đến cơ mầu diệu của Trời Đất, Ngài cũng phân tách một cách sáng tỏ trong bài giảng này. Viết đến đây Ngài sắp dừng

bút, nhưng lòng thương khắp bá tánh vạn dân vẫn chưa hết.

Vậy ai có xem qua xin đừng thờ ơ quên lãng mà hãy nghiên cứu xét suy từ chữ để tìm ra lý nghĩa tu hành. Hiện tình, chúng sanh rất may mắn gặp lúc Đức Thầy ra đời mở cơ phổ hóa đạo màu, ví như đem nước cam lồ tưới mát cho hoa kiểng được tươi nhuận. Vậy chúng ta còn chần chờ chi nữa mà chẳng lo húng lấy nguồn Giáo lý ấy để làm hành trang trên đường sang đất Phật.

Đoạn kết của bài “**Diệu Pháp Quang Minh**” : Ngài nhắc lại danh từ Điên một lần nữa để môn đồ lưu ý. Tuy Điên nhưng Điên vì nền nghĩa nhân đạo đức chó chẳng phải là Điên thật. Đó là Ngài muốn đối phương bớt ngờ vực làm trở ngại sự hoằng pháp và cũng thức tỉnh số người hay chê bướng chê càng ít chịu suy xét cho thấu đáo.

Sáng tác đến đây Ngài tạm dừng bút, u buồn cho số phận của mình: Việc hoằng pháp lợi sanh còn nhiều trở ngại. Tiếng kêu gọi sau cùng là người có thiện căn thiện chí hãy sớm tỉnh ngộ trở về với gốc lành cội cũ và rán làm lành niệm Phật, tu tâm dưỡng tánh cho đến ngày chung cuộc, để được hưởng cảnh huy hoàng của ngày Thượng nonơn Thánh đức sắp tới đây.

CHÚ THÍCH :

KIM CỔ: Xưa và nay. Đây có ý chỉ dạy hành giả phải suy xét cho kỹ chuyện thời xưa và hiện nay để lập thân hành đạo. Như Ngài thường kêu gọi:

**“Đời phải biết suy kim luận cổ,
Thông cơ đồ dựng nghiệp Thánh Hiền”.**

THẾ HỆ: Thế là đời; Hệ là một hệ thống có quan hệ với nhau. Nghĩa chung là thời đại cùng một số tuổi xấp xỉ ngang nhau, như thế hệ cha hay thế hệ con cháu, hoặc là chỉ số người và sinh vật sống trong cùng một thời hay cùng trong giai đoạn, từ xưa đến nay.

HOẠCH TỘI Ư THIÊN: Xuất phát từ câu Tục ngữ của chư Phật Thánh: “*Hoạch tội u thiên nhi thiện đảo giả*” (Đã phạm tội với Trời Đất, dầu có cầu xin cũng khó được).

NẸO ĐỤC TRONG: Hai con đường, một đi vào chỗ nhơ xấu tội lỗi, hai là đi đến chỗ trong sạch chơn chánh thanh khiết. (Đường tà nẻo chánh).

***“Chọn bến nước rủi may trong đục,
Nếu chần chờ lục đục trở chơn”.***

CAN TỔ CƠ HUYỀN: Cạn tổ là bày nói rõ, rất rõ ràng. Cơ huyền: Việc cao sâu mầu diệu trong bộ máy tạo hóa. Hiểu chung hết câu có nghĩa: Từ việc đục trong hư nên tốt xấu cho đến thiên cơ đạo lý, Đức Giáo Chủ cũng nói hết cho chúng sanh rõ:

***“Việt Thiên cơ Khùng tử hết tron,
Cho trần hạ tường nơi lao lý”.***

MỤC ĐÃ CẠN: Bình mực đã sắp hết . Ý nói Đức Thầy viết bài giảng đến lúc sắp dừng bút.

LÒNG YÊU CHĂNG MẢN: Tâm thương xót chúng sanh để ban vui cứu khổ cho muôn loài lúc nào cũng chứa chan không hết, không nản lòng thối chí:

***“Lòng yêu sanh chúng luân chuyển kiếp,
Dạ ái dương trần đổi xác thân”.***

BỎ LÃNG: Quên lãng, bỏ qua không siêng năng với công việc đang làm. Ở đây ý nói đến việc tu hành giải đãi lơ là.

VẠCH LÁ TÌM SÂU: Vạch lá cành trong thân cây đã trồng để bắt sâu bọ ra. Có 2 nghĩa: (1) Như làm rẫy, trồng hoa, kiểng phải bắt hay diệt hết sâu bọ rầy mò mới kết quả. (2) Những phiền não vọng tâm hay quấy phá tâm trí ta, khiến tu không thành đạo. Cho nên, Đức Thầy bảo mỗi hành giả nên nhìn kỹ vào tâm mình để lọc hết vô minh phiền não ra. Và phải cố gắng siêng năng thật hành, không nên nản lòng thối chí.

Đức Giáo Chủ thường nhắc nhở:

***“Lúc làm rẫy rủi nhiều sâu bọ,
Rời ngăn ngừa bỏ giống hay sao ?”***

Nên Ngài thường khuyên khích:

***“Giết cho sạch những loài sâu bọ,
Giống hại người lúc bỏ rẫy trồng”.***

Nếu chúng ta siêng năng kỹ lưỡng tu trì thì ắt đặng:

“Huệ tâm khai ngữ chuyển huyền thông”.

MƯA NGÂU: Mưa nhỏ hột thưa vào tháng bảy. Từ này liên hệ với điển tích Ngưu lang Chúc Nữ. Chúc Nữ là cháu gái của một vị Trời chuyên nghề canh cửi; Trời thương tình gả Chúc Nữ cho Ngưu Lang, vốn là một chàng chăn trâu. Sau khi lấy chồng, Chúc Nữ sanh lười biếng việc canh cửi nên bị Trời phạt cách ly chồng bởi sông Ngân Hà và chỉ cho vợ chồng gặp nhau mỗi năm một lần vào đêm thất tịch (mùng 7 tháng 7) nhờ đàn quạ mang đá làm cầu. Khi trùng phùng, vợ chồng ôm nhau khóc, nước mắt đầm đề chảy xuống hạ giới thành những giọt “mưa ngâu”.

GIOT SƯƠNG ĐÔNG HẠ: Giọt sương giữa mùa Đông và mùa Hạ rất mát mẻ như nước cam lồ, nên dụ cho nguồn Giáo lý của Phật pháp. Đông Hạ là giữa mùa Xuân và mùa Hè (Hạ). Còn ngày rằm tháng 8 là giữa mùa Thu. Ngày Đức Giáo Chủ bắt đầu viết Sám Giảng Kệ Kinh, mùa Thu có mưa phùn mát mẻ, do điển tích “Mưa Ngâu” (Ngưu Lang Chúc Nữ trùng phùng nhau). Cho nên trong giáo lý PGHH chỉ mùa Thu có nguồn mưa pháp như nước cam lồ tưới cho các gốc lành (thiện căn) được sum sê nảy nở. Như Đức Thầy từng cho biết:

“Giảng nảy ra cuối mùa Thu,

Dạy ăn dạy ở chữ tu vương tròn”. Và:

***“Đến trung tuần tháng tám Ta cùng Đức Thầy
mới tá hiệu Khùng Điền, mượn bút mực tiết lộ lấy thiên***

ơ truyền cho kẻ xa gần đều rõ biết hầu ăn năn cải hóa làm lành..”.

BUỒN DUYÊN: U buồn cho số phận của riêng mình. Lúc mới ra đời phổ hóa chúng sanh chưa được hạnh phúc. Đức Thầy lại phải lâm vòng Pháp nạn, khiến cho người tu gặp nhiều trở ngại

THIÊN CĂN: Căn lành. Xem lại tr. 48 Q. Thượng Tập 1/3.

CỬA THIÊN: Cửa Đạo. Ý chỉ cho đạo Phật.

NIỆM PHẬT: Niệm sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật. Ý chỉ khuyên người lo niệm Phật làm lành (tu theo Tịnh Độ Tông). Chuyên lo làm lành niệm Phật để cầu Đức Phật A Di Đà tiếp độ vong linh mình sang cảnh giới an lành trong sạch (Cực Lạc) của Ngài. Đây ý khuyên mọi người lúc nào cũng giữ tâm tinh tấn Niệm Phật và làm lành, để tiến đến chỗ trọn lành trọn sáng.

CHUNG CUỘC: Kết cuộc (mãn tuồng). Nghĩa bóng là Đức Giáo Chủ khuyên môn đồ Phật tử nên ăn nhứt niệm Phật làm lành cho đến ngày kết cuộc sẽ biết ai còn ai mất.

NAM MÔ ĐỊNH TÂM VƯƠNG BỒ TÁT MA HA TÁT: Đây là danh hiệu của vị Bồ Tát Đẳng Giác đã có đại nguyện để cứu độ chúng sanh nhiều đời nhiều kiếp. Ngài có thể nguyện giúp cho các hành giả, trước khi sáng tác hay đọc tụng Kinh giảng nên niệm đến danh hiệu của Ngài thì Ngài sẽ giúp cho tâm tánh an định, nội ma phiền não đều tan biến vượt qua các chướng ngại cản ngăn thử thách.

Do đó, khi sáng tác xong bài “*Diệu Pháp Quang Minh*” chính Đức Thầy cũng niệm danh hiệu “Bồ Tát Định Tâm Vương” và Ngài cũng có dụng ý hướng dẫn tín đồ hành theo.

Bài 14. SA ĐÉC

(SGTVTB 2004, tr. 345-351)

XUẤT XÚ:

Khoảng cuối năm Kỷ Mão (1939) và đầu năm Canh Thìn (1940), nhà cầm quyền Pháp ra lệnh cho hai viên quận trưởng Tân Châu và Chợ Mới theo dõi Đức Thầy từ ngày mới khai Đạo tới giờ, để tìm lý do bắt Ngài, nên họ tổ chức rình rập hạch hỏi đủ cách.

Sự theo dõi kéo dài mãi đến ngày 12 tháng 4 năm Canh Thìn (1940), họ mới bắt Ngài đem lên tỉnh Châu Đốc. Hai giờ sau đó, họ đưa Ngài luôn đến tỉnh Sa Đéc, làm việc hạch hỏi suốt hai ngày. Đến đêm thứ ba nhằm ngày rằm tháng 4 năm canh Thìn, tức là đêm xét hỏi sau cùng, viên cò tên BAZIN, chánh chủ sở mật thám Sa Đéc mời Ngài ngồi ghé đối diện y. Đầu tiên, y chỉ bốn quyển Sám Giảng mà y xem như là tang chứng để sẵn trên bàn và hỏi:

-Bốn quyển sách này có phải do ông viết ra chăng ?

Đức Thầy đáp:

-Đúng là của tôi viết.

Viên Cò hỏi tiếp:

-Vậy thì hiện giờ ông hãy viết trước mặt tôi và mọi người đang ở đây một bài tương đối như vậy, có được không ?

Đức Thầy gật đầu rồi ngồi xây mặt ra phía trước. Ngài vừa viết vừa đọc lớn cho mọi người cùng nghe. Suốt hai tiếng đồng hồ, ai nấy nghe qua đều ngạc nhiên thán kính: Chưa từng thấy ông Thầy nào tài đức như vậy. Do đó, bài giảng này được mang tựa là **“SA ĐÉC”**.

VĂN VÂN:

Đây là một bài văn vân, thể thơ thất ngôn trường thiên, lối khuyên tu (thuyết giáo), dài 172 câu, khởi đầu bằng các câu:

“Nhìn cuộc thế bộn bề sóng dấy,

Cửa thiền môn còn hỡi khóa then”.

Và chấm dứt bởi các câu:

***“Trong bá gia tìm đạo quá mòn,
Thôi già thế ước mong đời thanh”.***

Chủ đích Đức Giáo Chủ muốn diễn tả định luật: bi-hoan, ly-hiệp và sự gian lao khổ khó của những người có trách nhiệm đang hoằng truyền Phật pháp.

NỘI DUNG:

Đây là một bài giảng đặc biệt, lời văn có lúc thì kiên cường có lúc mềm mỏng dẻo dai, có khi lại lâm ly thấm thiết. Trước nhứt Ngài bày tỏ ý chí của mình đang đương đầu với thời Pháp nạn:

***“Cơn dông tố mịt mù bụi cát,
Chẳng nao lòng của Đấng Từ Bi”.***

Kế đó, Ngài bày tỏ tâm nguyện và lòng bác ái xót thương dân chúng và tìm phương cứu khổ cả vạn loại chúng sanh, nên trước sự thành bại Ngài chẳng nao núng lòng. Ngài phát nguyện gánh chịu mọi đau khổ cho chúng sanh:

***“Muốn lập đạo có câu thành bại,
Sự truan chuyên của khách thiền môn.
Khấp sáu châu nức tiếng người đôn,
Ta chịu khổ, khổ cho bá tánh”.***

CHÁNH VĂN

1. ***Nhìn cuộc thế bộn-bề sóng dậy,
Cửa thiền-môn còn hỡi khóa then.
Nương xứ xa tạm viết với đèn,***
4. ***Tỏ tâm sự của người liễu Đạo.***

LƯỢC GIẢI:

Tuy sống trong cảnh đất nước bị người Pháp đô hộ, Ngài bị họ bắt đi điều tra xét hỏi khó khăn, nhưng lòng Đức Giáo Chủ vẫn luôn nhớ đến cảnh sanh linh đồ thán,

do cuộc đệ nhị thế chiến đang xảy ra, cũng như thuyền đang gặp sóng to gió lớn..

Đề cứu dân cứu nước, Đức Thầy ra mở Đạo. Trên đường sứ mạng, Ngài phải dừng chân lại bởi người pháp ngăn giữ. Nhân dịp nhà cầm quyền Pháp bắt dẫn Ngài xuống Sa Đéc, Ngài mượn giấy mực của họ để bày tỏ tâm trạng của người đã chứng đắc đạo quả thị hiện cứu đời.

CHÚ THÍCH :

CUỘC THẾ: Cuộc đời, mọi cảnh vật, chung trong thế giới loài người. Đức Thầy có câu: ***“Cuộc thế trau dồi mượn tác hơi”***.

BỜN BỀ SÓNG DÂY: Nhiều việc rối rắm như biển đang dậy sóng. Đây chỉ cho cuộc thế chiến thứ II sắp xảy ra, dân chúng gặp nhiều tai nạn sắp đưa đến.

CỬA THIÊN MÔN: Cửa Đạo hoặc cửa chùa.

KHÓA THEN: Cái then gài cửa đang bị khóa chặt. Ý chỉ nền Đạo bị người Pháp ngăn chặn chưa được truyền bá rộng.

LIỄU ĐẠO: Đắc đạo hoặc chứng đạo.

CHÁNH VĂN

5. *Sách có chữ thâm ân dục báo,
Phận làm người hiếu-thảo noi gương.
Ấy chẳng qua là đạo luân-thường,
Chớ Phật Thích lìa quê ngàn dặm.
Non tuyết san rú-rừng thăm-thẳm,
Đem thân phàm tâm đạo siêu-sanh.
Đến ngày nay còn rạng lấy danh,
12. *Khắp bốn biển dân lành sùng bái.**

LƯỢC GIẢI :

Đức Giáo Chủ khai hóa nhân sanh với tôn chỉ Học Phật Tu Nhân. Phận tu Nhân tức thực hành Nhân đạo, đức

hiếu thảo đứng đầu. Còn về học Phật và tu Phật, hãy noi theo gương của Đức Thích Ca thuở xưa. Vì muốn cứu khổ chúng sanh, Ngài đã bỏ thành quách, lìa vợ đẹp con ngoan vào non Tuyết Lãnh chịu cực khổ gian lao, tìm ra chánh đạo để độ rỗi chúng sanh. Gương hy sinh tầm đạo ấy đã cách đây hơn 2.500 năm mà hiện giờ cả bốn biển năm châu, người người vẫn còn sùng kính.

CHÚ THÍCH:

THÂM ÂN DỤC BÁO: Muốn đáp ân sâu (của tổ tiên cha mẹ). Sách Thánh dạy: *Công cha sanh ta, ơn mẹ nuôi ta, thương thay công ơn cha mẹ sanh để và nuôi dưỡng ta cho được lớn khôn rất cần cù lao khổ.*

LUÂN THUỜNG: Giềng mối của Đạo làm người, gồm có *Ngũ luân và Ngũ thường*. *Ngũ luân* là đạo vua-tôi, cha-con, chồng-vợ, anh-em, bè-bạn. *Ngũ thường* là 5 mối thường hằng, gồm có: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.. Đức Thầy từng dạy: **“Luân thường nặng nợ phải vai mang”**. Và: **“Ngũ luân lễ nghĩa năm hằng, Tam cương trung trực người rằng ngu si”**.

PHẬT THÍCH: Đức Phật Thích Ca, cũng chỉ đạo Phật, phát xuất từ xứ trung Ấn Độ (Népal ngày nay), cách đây trên 2.500 năm, Giáo Chủ là Đức Thích ca Mâu Ni Phật.

NON TUYẾT SAN: Cũng gọi là núi Tuyết thuộc dãy núi Hy Mã Lạp Sơn rất cao, quanh năm tuyết phủ giá lạnh, ít ai dám tới. Thế mà Đức Thích Ca vẫn lên đây tu hành chứng quả.

ĐẠO SIÊU SANH: Đạo lìa khỏi sanh tử, đạt Niết Bàn. Đức Thầy đã xác định: **“Niết Bàn tịch tịnh là đường vô sanh”**.

BỐN BIỂN: Bốn biển lớn trong quả địa cầu: Thái Bình Dương, Bắc Băng Dương, Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương. Đây chỉ cho toàn thế giới.

CHÁNH VĂN

13. *Muốn lập Đạo có câu thành bại,
Sự truân-chuyên của khách thiên-môn.
Khắp sáu châu nức tiếng người đồn,*
16. *Ta chịu khổ, khổ cho bá-tánh.*

LƯỢC GIẢI :

Xưa nay, bất cứ mọi sự việc gì có tổ chức hình tướng đều phải bị chi phối bởi định luật thành bại. Nhưng sự xấu ác gian xảo thì trước thành sau bại. Còn các điều tốt lành chơn chánh, như những người có đạo đức thì phần nhiều là trước bại sau thành.

Song sự thành bại ấy có khác nhau, hễ việc xấu ác thì khi thất bại bị mất luôn danh thể sự nghiệp và mạng sống. Còn việc tốt lành thì khi thành công thì thành công luôn vĩnh cửu. Đức Thầy đã xác định rõ:

*“Bại rồi, thành lại nên tuồng,
Vạn dân hưởng được nước nguồn Ma ha”.*

Đến như PGHH hiện tình đang gặp cảnh truân chuyên khổ khó nhưng chỉ trong giai đoạn mà thôi. Ngài đã có bản nguyện gánh chịu muôn ngàn khổ khó cho cả vạn dân nên khi PGHH được phổ hóa khắp đại đồng thế giới thì mọi người mới đồn đãi ngợi khen. Đó không phải là việc ước mơ, mà *“Quyết cứu đời dùng đạo phổ thông”* và: *“Khắp bốn biển liên dây Hoà Hảo”*.

CHÚ THÍCH :

LẬP ĐẠO: Khai mở nền Đạo.

TRUÂN CHUYÊN: Khó nhọc vất vả, như người đi thuyền bị sóng gió, nhồi dập làm lắc lư, phải chống đỡ rất khó khăn khổ nhọc. Ở đây chỉ cho PGHH đang đối đầu với thời kỳ Pháp nạn.

SÁU CHÂU: Chỉ sáu tỉnh (sáu châu) ở Nam Việt dưới thời nhà Nguyễn (Pháp thuộc): Biên Hòa, Gia Định,

Định Tường, Long Hồ, An Giang và Hà Tiên. Sau đó, sáu tỉnh phân ra 20 tỉnh. Đây chỉ chung miền Nam Việt (Nam Kỳ Lục Tỉnh). Đức Thầy từng nói:

**“Lục châu Ta đạo bằng nay,
Thấy trong lê thứ quá dài gian nan”.**

CHÁNH VĂN

17. **Tiếng gọi đời sông mê hầy lánh,
Chạm lợi quyền giàu có cạnh-tranh.
Bước chông gai đường đủ sỏi-sành,**
20. **Đành tách gót lia quê hương đã.
Ta cũng chẳng lấy chi buồn-bã,
Bởi sự thường của bực siêu-nhơn.
Dầu gian-lao dạ sắt chẳng sờn,
Miễn sanh-chúng thông đường giải-thoát.
Con đông-tổ mịt-mù bụi cát,
Chẳng nao lòng của đấng từ-bi.
Vì Thiên-đình chưa mở hội thi,**
28. **Nên Lão phải phiêu-lưu độ chúng.**

LƯỢC GIẢI :

Đức Giáo Chủ dùng giấy trắng mực đen kêu gọi khắp vạn dân sớm lìa khỏi sông mê để bước lên bờ giác. Muốn thế, mỗi người đừng ham luyến, tranh đấu vì lợi danh quyền tước,

Trên đường truyền Đạo, dù có đầy đầy gai chông sỏi đá song Ngài chẳng bao giờ nản lòng thối chí. Nay Ngài lại phải tách rời quê hương để gánh chịu bao tai ách, Pháp nạn.

Với sự trạng vừa xảy ra Ngài chẳng buồn lòng, bởi vì Ngài xem đó là việc thường của bực siêu hơn đã quyết tâm cứu đời. Với Ngài, miễn sao cho vạn loại chúng sanh thông hiểu con đường giải thoát.

Người Pháp bắt lưu đày Ngài ví như Ngài đang phải đối đầu trước một cuộc phong ba bão tố. Nhưng lòng Từ Bi chẳng hề làm Ngài nao núng trước cảnh huống ấy. Vì ngày thi công đức chưa tới nên Ngài phải chấp nhận một cuộc phiêu lưu để cứu độ chúng sanh.

CHÚ THÍCH :

SÔNG MÊ: Nói đủ là “*sông mê bể khổ*”, nơi chúng sanh đang sống, đối với “*giác ngộ*”, bờ giải thoát của chư Phật. Đức Thầy từng cho biết: “*Thoàn Bát nhã Ta cầm tay lái, Quyết đưa người khỏi bến sông mê*”.

Hoặc là: “*Bến giác bờ mê, mê phải tránh*”.

SỎI SÀNH: Sỏi là đá vụn hay đất hàm, sành là miên chén tộ bằng sành đập bể. Xưa, người ta thường dùng rải lên các con đường bị lầy lội. Chữ sỏi sành ở đây là chỉ con đường truyền Đạo cứu đời của Đức Thầy gặp nhiều khó khăn nguy hiểm, chưa được trơn láng êm xuôi:

“*Trải qua một lúc sỏi sành,*

“*Trung Ương hòa hiệp mới dành lòng đây*”.

SIÊU NHƠN: Con người vượt người thường. Ý chỉ những người có đủ tài đức hơn người thường, tức các bậc Phật Thánh đã liễu Đạo, đắc Đạo.

DA SẮT: Lòng cứng rắn như sắt thép không một hoàn cảnh thử thách nào làm khòn mẻ lay chuyển được.

THIÊN ĐÌNH: Triều đình trên trời.

MỞ HỒI THI: Khai mở cuộc thi cử. Về trường đời thi cử một hay 2, 3 năm là có một lần thi văn chương tài lực để chọn bậc hiền tài ra giúp nước trị dân. Bây giờ, có khác, vì triều đình trên Trời tất phải thi theo định luật của vũ trụ, tức luật nhân quả, hiền còn dữ mất, để lập lại đời tân.

PHIÊU LƯU: Bay trôi khắp đó đây. Ý nói hiện giờ Đức Thầy phải lưu hành khắp nơi nơi để giáo độ chúng sanh.

CHÁNH VĂN

29. *Kẻ ác đức cho rằng nói túng,
Nó ngờ đâu lòng Lão yêu đương.
Xe rô xăng vọt chạy bãi-buôn,
Đến khuấy dạng tình thương náo-nức.
Khấp bá-tánh chớ nên bực-tức,*
34. *Bởi nạn-tai vừa mới vẩn-vương.
Chón liên-đài bát-ngát mùi hương,
Nhờ chỗ ấy mới thi công-đức.
Dạy con cả nào đâu than cực,
Tiếng làm Thầy phải nặng đôi vai.
Việc khó-khăn lắm lúc khô-hài,*
40. *Ấy cũng bởi thầy-lay ông Tạo.
Ông nhồi quả cho người hành Đạo,
Lúc nguy-nản thối chí cùng chẳng ?
Nếu bền lòng vị quả cao thẳng,*
44. *Chẳng chặt dạ bỏ lẩn Phật-Thánh.*

LƯỢC GIẢI :

Những người hung ác khi nghe Đức Giáo Chủ nói người Pháp bắt Ngài đem đi vừa qua, chỉ là cơ thử thách, thì họ cho rằng Ngài nói túng để chữa thẹn. Chớ họ đâu có ngờ lòng Ngài quá yêu sanh chúng, nên nhân dịp này cũng giúp cho Ngài có đủ phương tiện phổ độ chúng sanh nhiều hơn.

Hôm ấy (rằm tháng Tư) xe của nhà chức trách Pháp rô máy chớ Ngài đi, khiến cho các môn đồ phải đau lòng bực tức. Ngài nghĩ âu cũng là một nạn tai cho Ngài mà cũng là một cuộc thử thách vậy thôi.

Vì lòng Từ Bi và trách nhiệm giáo hóa chúng sanh nên Ngài chẳng hề than van hay cảm thấy cực khổ. Ngài chỉ thương xót môn đồ như cha thương lo đùm bọc các con đang gặp hồi tai biến.

Do đó, Đức Giáo Chủ khuyên các môn đồ nếu bèn lòng kiên chí thì sau này được gia tăng phẩm vị. Bằng thiếu đức tin, thôi chí nản lòng, buông bỏ đạo đức ắt sẽ chịu muôn điều tai khổ.

CHÚ THÍCH :

BỰC TỨC: Bực bội tức tối làm cho lòng xao xuyên lo nghĩ.

LIÊN ĐÀI: Đài sen, nơi chư Phật ngự. Đây chỉ cho ngôi Tam Bảo hay các tự viện.

CÔNG ĐỨC: Công năng, đức hạnh. Kinh Thắng Mang nói: “*Ác tận ngôn công, thiện mãn viết đức*” (Diệt hết điều ác là công, đạt đến chỗ toàn thiện gọi là đức).

CON CÁ: Chỉ khắp hết môn nhơn đệ tử, không phân biệt cao thấp, trí ngu, nghèo giàu,... Ngài đã từng viết:

***“Đâu đâu bá tánh cũng con lành,
Thầy dạy cho đều khắp chúng sanh”.***

NẶNG ĐÔI VAI: Hai bên vai đều chịu nặng nề hết. Nghĩa bóng chỉ bốn phận làm Thầy phải chịu trách nhiệm nặng nề.

KHÔI HÀI: Chuyện vui, chuyện đáng buồn cười. Đức Thầy ngụ ý nói: Vì lòng từ bi, Ngài mới ra đời khai Đạo cứu đời, thế mà có kẻ chê bai và ám hại. Chuyện đó thật đáng buồn cười:

“Thoảng cười thế sự nhân tình quá đen”. Hoặc là:
***“Nực cười cho lũ sói muôn,
Đem điều cay nghiệt phá tuồng Thuần Nghiêu”.***

THÀY LAY: Việc không phải của mình mà gánh lấy, chen vào.

ÔNG TẠO: Chỉ đấng Tạo Hóa (Hóa Công). Ý nói luật trời đất rất sâu kín mâu nhiệm, người đời khó hiểu đặng.

Thành ngữ “*Thầy lay Ông Tạo*” xưa nay người ta thường dùng để thống trách bâng quơ khi mà việc không vừa ý mình. Đức Thầy từng dùng: “*Trở trên con tạo thầy lay*”, hoặc là: “*Trở trên tạo hóa ông bày trò chua*”.

NHỒI QUẢ: Một trong 5 cách bị quả báo: Hiện báo, sanh báo, hậu báo, *nhồi báo* và dư báo.

Đây là loại quả báo thứ tư: Có nghĩa khi mình đã tạo nhân trong nhiều kiếp trước, bây giờ thay vì phải trả nhiều lần, nhưng nay vì do động lực của tâm hạnh mà phải trả dồn một lần cho mau hết.

CHÁNH VĂN

45. *Chón Phật-đường rán trau đức-hạnh,
Phải bền lòng mới rảnh trần-ai.
Chuyện cao siêu Phật-pháp còn dài,*
48. *Khó gặp chữ không không mà có.
Lúc trồng rẫy rủi nhiều sâu bọ,
Rồi ngẩn-ngơ bỏ giống hay sao ?
Nấu lọc rành mới biết vàng thau,*
52. *Ai thật tánh ai người giả đạo.
Tiếng sấm-sét bên tai xóc-xáo,
Cả muôn người ngờ-ngáo hỏi-han.
Nay thân Thầy cũng dựng bình-an,*
56. *Khuyên bốn-đạo đừng than lắm tiếng.*

LƯỢC GIẢI :

Đức Giáo Chủ khuyên các nhà tu hành đã phát tâm kính tin Tam Bảo thì hãy rán lo trau dồi tâm đức cho được thanh tịnh tinh minh. Cứ bền lòng mãi mãi ắt sau này sẽ chấm dứt được cảnh đau khổ như xấu. Trên đường tầm cầu Đạo pháp, ai muốn tiến tới chỗ chơn không bất hoại, hãy kiên tâm bền chí, không để một vi tế phiền não nào chi phối thì sẽ đạt kết quả như ý.

Người làm ruộng rẫy, khi bị sâu bọ quậy phá thì lo bắt sâu sửa nhánh thì ruộng rẫy không bị thất thoát. Còn nhà tu hành thì phải chăm sóc miếng ruộng tâm, loại trừ vọng tâm phiền não, để tâm trí mình được an nhiên tự tại, tất huệ như hiện bày.

Người tu hành thanh lọc thân tâm để nhận chánh trừ tà cần kiên nhẫn giống như kẻ đem chì thau sắt vụn cho vào lò nấu lọc để chọn vàng và loại chì thau ra vậy. Cái tin người Pháp bắt Đức Thầy mang đi vãng đội như sấm sét. Ngài viết bài Sa Đéc để báo tin cho bốn đạo được an lòng vì Ngài hiện vẫn được bình an, khuyên môn đệ đừng hoang mang xao xuyên.

CHÚ THÍCH :

PHẬT ĐƯỜNG: Cũng nói *Phật đàng*. Nhà hoặc nơi thờ Phật, đường về cõi Phật.

**“Ngày nay sớm đến Phật Đàng,
Tu cầu chư Phật cứu an linh hồn”**. Hoặc là:
“Trẻ già lớn nhỏ Phật đàng yên thân”.

TRẦN AI: *Trần*: bụi bặm; *Ai*: đau thương. Cõi thế gian đầy bụi bặm thống khổ. **“Rảnh trần ai”** là tu hành giữ sạch nợ hồng trần để được giải thoát an vui. Đức Thầy từng khuyên:

**“Nợ trần con sớm liệu toan,
Nghĩa ơn trọn vẹn mới an tâm lòng”**. Và :

**“Trần ai chỉ có thú phong lưu
Tranh đấu thành ra mãi oán cừu”**. Hoặc là :

**“Nợ hồng trần tức trái tiền khiên,
Ta quyết dẹp cứu nàn dương thế”**.

CAO SIÊU PHẬT PHÁP CÒN DÀI: Giáo pháp của nhà Phật rất sâu, màu diệu vô cùng tận, chẳng phải nhìn vào mặt văn từ ngôn ngữ mà thấu đạt được.

KHÓ GẶP CHỮ KHÔNG KHÔNG MÀ CÓ: Đây là nói đến cái lý sắc không hoặc cái lý chơn không bất

hoại. Bản thể của vạn hữu vốn là *chơn không*, cho nên Bát Nhã Tâm Kinh nói: “*sắc chẳng khác gì không*”. Và lại, từ cái *chơn không*, hiện ra mọi cảnh vật hoạn sắc cho nên nói: “*không chẳng khác gì sắc*”. Tuy nói là chẳng khác nhưng hai tiếng *không* và *sắc* vẫn còn. Để khỏi bị thiên chấp, trong “Bát Nhã Tâm Kinh”, Phật có giải: “*Sắc tức thị không, không tức thị sắc*” (Hoạn sắc tức là chơn không, chơn không tức là hoạn sắc). Nghĩa là nói ngoài cái hoạn sắc, không có cái chơn không, ngoài cái chơn không cũng không có cái hoạn sắc (cảnh vật hữu vi).

Khi ngộ được lý “Sắc Không”, Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ có viết:

*“Tòng vô hiện hữu, hữu vô không,
Hữu hữu vô vô tất kính đồng.
Phiền não bỏ đề nguyên bất nhị,
Chân như vọng niệm tổng giai không”*.
(Từ không bày có, có hoàn không,
Có có không không rốt cũng đồng.
Phiền não bỏ đề không tướng khác,
Chơn như vọng niệm thấy đều không.)

Như thế, sắc chất và chân không cũng chỉ cùng một tâm thể, như sóng và nước. Vậy câu “**kiếm chữ sắc không**” là nói thấu đạt cái “bản thể”, cái “chân như thật tướng” của chính mình. Đức Thầy từng dạy:

“Hãy tìm kiếm cái không mới có”.(SG, Q.2). Và:
“Sắc không không sắc chớ lia xa”. (Tỉnh Bạn TG)

Tu phải tìm học nghiên cứu cho chính xác, rồi cố gắng thực hành theo mới thâm nhập được. “*Tùng văn tu tu đắc nhập tam-ma-địa*”.(Phải nương theo Văn Huệ, Tư Huệ và Tu Huệ để vào cảnh giới thanh tịnh). Đức Thầy có dạy:

*“Quay về cội phúc đường chân đạo,
Phật pháp Thiền na dốc thực hành”*.

PHẬT TÁNH: Cái tánh chơn thật nơi mỗi chúng sanh đều có. Phật tánh còn có nhiều tên gọi khác như:

Chon tâm, Bỏ lai diện mục, Chủ nhơn ông, Như lai tạng,
Không tánh, Không tướng, v.v...

SĂM SÉT: Tiếng nổ lò sáng trên nền trời báo tin
trời sắp có mưa. Nghĩa bóng là chỉ cho tin tức quan trọng
xảy ra làm cho ai nấy phải hoang mang lo sợ.

CHÁNH VĂN

57. *Tuy xa đường có lời luận-biện,
Bồi bút thần bay luyện khắp nơi.
Ngọc nhờ lau ngọc mới rạng ngời,*
60. *Kim mài giữa kim kia mới bén.
Người làm phải như tầm trong kén,
Có muôn tơ bao bọc ấm thân.
Sách có câu “Minh đức tân dân”,*
64. *Được thủ trụ huyền khai nứt khiếu.
Ta còn thương, thương trò liệu-điều,
Chớ cũng mừng được dịp phổ-thông.
Đắc Đạo rồi cứu vớt Tổ-Tông,*
68. *Cũng như Phật xuất gia thuở trước.*

LƯỢC GIẢI :

Từ xã Hòa Hảo đến tỉnh lỵ Sa Đéc tuy không xa lắm, nhưng Đức Giáo Chủ đoán biết người Pháp sẽ đem Ngài đi luôn cả thời gian dài đặc nên khó mà về thăm nhà được. Ngài phải mượn “bút thần” đưa lời lẽ của Ngài về hăm viếng khắp nơi.

Hòn ngọc vốn sáng nhưng để lâu không lau chùi ắt không chói rạng được. Kim được mài giữa thì mới trở nên sắc bén. Tâm trí người cũng thế, phải được trau giồi luôn thì mới sáng tỏ. Ví như loại tầm nhờ muôn tơ bao bọc, người làm lành thì kẻ ác hung cũng khó bề xâm hại được.

Đức Không Tử xưa có dạy: “*Người hành đạo khi đến bậc đại học, phải làm sao cho đức mình được sáng, dân được mới và đạt đến chỗ tột lành*”. Theo đạo Phật,

nhà tu khi cái tâm không còn chỗ để trụ vào, tất nhiên cái ánh huyền quang sẽ khai mở vô cùng tận. Đức Thầy đã dung thông các phương cách hành đạo của Tam giáo (Phật, Nho, Lão) viết ra đoạn giảng này.

Đức Giáo Chủ thương xót tín đồ còn đang lừng chừng toan tính trên đường tu học, chưa thấu đạt lý đạo trong khi Ngài bị người Pháp câu thúc, đày đi nơi này nơi nọ. Nhưng Ngài cũng mừng là có dịp đem chánh pháp ban rải khắp đó đây.

Nơi gương Đức Phật Thích Ca sau khi tu đắc Đạo đã độ được vua cha Tịnh Phạn và cả dòng họ Thích đều giác ngộ tu hành kết quả. Người tu hành đắc đạo nào cũng cứu vớt được tổ tông như thế.

CHÚ THÍCH :

LUẬN BIỆN: Cũng gọi là *biện luận*, luận giải bàn bạc cho ra lý lẽ phải trái, hư nên, tốt xấu. Đức Thầy nói:

***“Ta là kẻ tu hành thiện kiến,
Xét thế trần luận biện đôi điều”.***

BÚT THẦN: Cây bút và lời lẽ của các bậc siêu nhân khi nói ra đều mang lợi ích cho mọi người nên gọi là bút thần.

**NGỌC NHỜ LAU NGỌC MỚI RẠNG NGỒI,
KIM MÀI GIỮA KIM KIA MỚI BÉN:** Hạt ngọc nhờ được luôn lau chùi thì mới sáng, cây kim thường được mài giữa thì mới sắc bén. Cũng thế, người tu không siêng năng gội rửa, lọc lừa tánh mê xấu thì trí huệ không thể mở mang. Ngài từng dạy:

***“Trí hiền tâm đức chùi lau,
Ra công lọc kỹ thì thau ra vàng”.*** (SG, Q.3) Và:
***“Trau tâm luyện tánh cho mình,
Chuyên lo niệm Phật sửa mình cho trọn”.*** (K.Th).

MINH ĐỨC TÂN DÂN: Đây là một câu chữ trong sách Đại Học của Đức Khổng Tử. Nói đủ là “*Đại học chi*

đạo tại mình đức, tại tâm dân, tại chỉ u chí thiện” (Người tu học đạt đến Thánh đạo thì trước phải làm cho tâm mình được sáng, dân chúng được mới và đưa họ đến cuộc sống lành mạnh.).

THỦ TRỤ: *Thủ:* giữ, *Trụ:* cầm. Cầm giữ. Nghĩa bóng: nhiếp tâm. Chữ *Trụ* nhắc ta nhớ đến câu kinh rất nổi tiếng trong Kim Cang Kinh: “*Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (Nên không trụ vào đâu mà sanh ra cái tâm kia. Ý nói: Nên để cái tâm trống không, đừng dính mắc vào đâu cả thì sẽ sanh ra cái tâm thanh tịnh, tức chơn tâm). Đức Lục Tổ Huệ Năng khi xưa vừa nghe đến câu kinh này mà hoát nhiên ngộ Đạo. (BHT).

HUYỀN KHAI NHỨT KHIẾU: *Huyền khai:* khai mở một cách mâu nhiệm; *Khiếu:* cái lỗ. Ý nói: Cái chỗ vô sư trí (bát nhã trí) sẽ được khai mở một cách mâu nhiệm.

LIỆU ĐIỀU: Liệ lượng toan tính.

PHỔ THÔNG: Phổ biến để thông suốt. Đức Thầy đem nguồn Giáo pháp phổ biến khắp nơi cho mọi người đều thông suốt.

TỔ TÔNG: Ông bà dòng họ đời trước.

CHÁNH VĂN

69. *Các bực Thánh châu-lưu nhiều nước,
Nghèo thầy Nhan bầu nước đai cơm.
Tuy cơ-hàn mà được danh thơm,*
72. *Hơn phú-quí ngồi ôm bả lợi.
Quá sung sướng rồi quên đạo ngôi,
Thì khác chi loài thú rừng săng.
Vật hổ-lang đâu biết đạo hàng,*
76. *Chỉ có biết ngủ ăn, ăn ngủ.
Khi đói mỗi mặt mày sù-sụ,
Chạy quơ quào vật nhỏ đặng ăn.
Đến chết thầy đầy lũ ruồi lẩn,*
80. *Bu nút thịt của loài bạo ác.*

LƯỢC GIẢI :

Các bậc Phật Thánh xưa kia sau khi đắc đạo đều đem giáo thuyết truyền bá khắp nơi để cứu đời. Như Ngài Nhan Hôi (đệ tử ưu tú của Đức Khổng Tử) tuy nhà nghèo chỉ sống với một bầu nước một đai com mà giữ tròn đạo hạnh, danh thơm lưu để ngàn thu, còn hơn người giàu sang chạy theo vinh hoa phú quý mà để tiếng đời sau chê trách.

Những kẻ giàu sang bạc ác, sống sung sướng mà quên đạo nghĩa thì chẳng khác gì loài thú cầm, suốt đời chỉ biết có ăn với ngủ, không làm điều gì lợi ích cho ai.

Những kẻ ấy khi chết xác thể chỉ làm mồi cho ruồi lẳng bu nút, linh hồn bị đọa lạc trên đường mê, tiếng đời nhắc đến ai cũng nhạo chê phỉ báng.

CHÚ THÍCH :

BỰC THÁNH: Các bậc Thánh triết như Đức Thích Ca, Khổng Tử, Lão Tử, ...

CHÂU LƯU: Châu là khắp nơi; Lưu là chảy. Di hành khắp đó đây.

THẦY NHAN: Tức thầy Nhan Hôi hay Nhan Uyên, học trò ưu tú nhất của Đức Khổng Tử. Ông sinh tại nước Lỗ (Trung Hoa) vào khoảng 514-543 TCN, bẩm tính rất thông minh và hiếu học. Ông có tiếng học một hiểu mười, vô cùng đức hạnh, không bao giờ để phạm lỗi lần thứ hai. Nhà nghèo, chật chội, ông thường vui sống với sự ăn uống khắc khổ đạm bạc: một túi com, một bầu nước lã. Nhan Hôi mới 29 tuổi, tóc đã bạc hết, năm 31 tuổi thì tạ thế. Đức Khổng Tử vô cùng thương tiếc khóc than. Nhan Hôi được xếp một trong 10 vị hiền triết nổi tiếng của Trung Hoa. Trong đạo Nho, ông chỉ đứng sau Đức Khổng Tử.

ĐẠO HẰNG: *Đạo*: con đường phải; *Hằng*: thường. Những phép tắc thường hằng trong đời sống đạo đức rất

cần phải tuân giữ. *Đạo hằng* ở đây chỉ đạo Ngũ thường: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

***“Ngũ luân lễ nghĩa năm hằng,
Tam cương trung trực người rằng ngu si”.***

(Đề Chơn Đất Bắc)

CHÁNH VĂN

81. ***Đạo mà biết mùi thơm bát-ngát,
Rút bụi trần mặn lạt thầy ai.
Chữ Nam-mô trì giải giữ chay,***
84. ***Chay được tánh chay tâm mới quý.
Trong Đạo Phật quá nên huyền-bí,
Chỗ tâm-thần tọa vị nơi thân.
Muốn cho nên khuya sớm chuyên cần,***
88. ***Lòng chí nguyện sở cầu Phật Thánh.***

LƯỢC GIẢI :

Cái đạo mà có hương vị thơm tho cao quý chính là cái đạo đã rũ sạch trần ai, không bận tâm đến sự khen chê của người đời.

Đã quyết chí tu hành, trì chay, giữ giới, niệm Phật, nhà tu cần phải đạt đến *chay tâm* chớ chẳng phải ăn chay ở hình thức bề ngoài mà gọi là đủ.

Đạo Phật vốn rất cao siêu huyền bí. Nhà tu không chỉ tu hình tướng bề ngoài mà thông hiểu được. Cái thần hồn, trí huệ, sắc tướng vốn hòa đồng chung một thể tánh. Muốn thành công đắc quả, cần phải tinh tấn hành trì khuya sớm với lòng thiết tha tin tưởng nguyện cầu hướng về Phật Thánh.

CHÚ THÍCH :

NAM MÔ: Xem lại CT tại tr. 81-82 Q. Thượng, Tập 1/3.

TRÌ GIẢI: Gìn giữ giới luật đừng cho sai phạm. Người Phật tử mới vào đạo thì bắt đầu giữ Ngũ giới, rồi 18 giới; hàng Tỳ kheo có 250 giới, Tỳ kheo ni có 348 giới,... Đức Giáo Chủ PGHH hiện nay thì dạy môn đồ giữ 8 giới gồm trong “Tám điều răn cấm”. Ngài nhắc nhở:

**“Gìn giới cấm sửa tâm ô tạp,
Niệm Phật thì phải dẹp lòng tà”.**

CHAY TÁNH CHAY TÂM: Hình thức *ăn chay* nói chung trong đạo Phật là không ăn loài hữu tình, có mạng sống, có tri giác.. Còn *chay tánh chay tâm* thì có ý nghĩa cao siêu hơn. Không chỉ ăn chay bằng thân, khẩu mà phải ăn chay cả ý: giữ lòng từ bi, nhơn đức. Nghĩa là phải luôn luôn giữ tâm thanh tịnh, thương người, giúp đời, dẹp hết sân si, phiền não nhiều hại mình lẫn người.

HUYỀN BÍ: Sâu kín màu nhiệm không thể dùng mắt phàm phu mà thấy được.

CHỖ TÂM THÂN TỌA VỊ NƠI THÂN: Cái thần hồn, linh tánh trí tuệ, sắc thân của mỗi người đều hòa đồng với nhau cùng một thể. *Thể* là chơn tánh (không tánh) bất sanh bất diệt, từ *thể* sanh ra *tướng* tức là sắc thân hình tướng, nhờ có sắc thân hình tướng mà thể hiện được cái *sinh hoạt diệu dụng* cứu độ chúng sanh, cải hóa xã hội loài người,...Câu giảng này ý chỉ Thể, Tướng, Dụng là 3 mặt của vạn hữu không bao giờ tách rời nhau.

*“Trong cây có trái hoa,
Trong tâm có Phật Đà.
Chớ thấy bằng nội tướng,
Phải thấy bằng tâm ta”.* (TS).

CHÁNH VĂN

89. **Đuốc thiền-lâm phương Đông chói ánh,
Đắt hồn người vượt khỏi sông-mê.
Dầu cho nay xa cách Sở, Tề,**
92. **Sau Thầy tớ gặp nhau Phật-cảnh.**

- Ước trăm họ nhẹ mình có cánh,
 Đồng bay về Cực-Lạc một đàn.
 Thì thân Thầy hết phải gian-nan.*
96. *Đâu có chịu mang câu nhạo báng,
 Nói thì nói chờ ngày thấp-thoáng,
 Dòm êm trời thì cứ ra tay.
 Quyết chèo thoàn đến chốn Bồng-Lai,*
100. *Mới ngồi-nghỉ tấm thân của Lão.*

LƯỢC GIẢI :

Đuốc huệ Phật giáo đang chiếu sáng phương Đông để dắt chúng sanh vượt sông mê trở về bến giác. Dầu cho ngày nay Thầy trò có xa cách nhau nhưng sau sẽ gặp nhau nơi Phật cảnh.

Đức Giáo Chủ mong khắp bá tánh đều tu hành dứt nghiệp trần mê để nhẹ nhàng sớm siêu thăng Lạc quốc. Bảy giờ, Thầy trò mới thoát khỏi cảnh gian nan lao khổ và cũng thoát được cảnh người đời nhạo chê phỉ báng.

Ngày tháng trôi qua mau lẹ nên cứ gặp thuận duyên thuận cảnh thì Ngài liền ra tay cứu đời. Ngài đã quyết định đưa chúng sanh cho đến cảnh Bồng lai thanh tịnh thì mới cho thân Ngài an nghỉ.

CHÚ THÍCH :

ĐUỐC THIÊN LÂM: Đuốc từ bi trí huệ của nhà Phật.

PHƯƠNG ĐÔNG CHÓI ÁNH: Chỉ chung vùng Đông Á đang được chiếu sáng (bởi đuốc thiên lâm).

DẮT HÒN NGƯỜI: Dắt dắt linh căn thần thức người.

VƯỢT KHỎI SÔNG Mê: Qua khỏi sông mê bể khổ. Nghĩa bóng: qua khỏi cảnh sanh tử luân hồi.

SỞ VÀ TÊ: Hai nước chư hầu của nhà Châu (Trung Quốc) cách nhau rất xa rất hiểm trở . Chỉ cho sự ngăn cách không gian rất khó gặp nhau.

BÔNG LAI: Còn gọi là Bông Hồ, một trong 3 hòn đảo ở biển Bột Hải (Bông Lai, Phương Trượng, Doanh Châu). Ý chỉ cảnh Tiên, nơi tiêu diêu thoát tục. Đức Thầy viết: “*Nam nhi hữu chí kiến Bông Lai*”.

CHÁNH VĂN

101. *Lúc Tam-Tạng Tây-phương quyết đáo,
Bị loài yêu làm bạo lẫm phen.
Đức từ-bi phải lộ trắng đen,*
104. *Lôi-Âm tự cũng đi đến chốn.
Đi dọc đường yêu tinh làm hỗn,
Thấy Đường-Tăng thơm thịt muốn ăn.
Nhờ môn-đồ Bát-Giải, Sa-Tăng,*
108. *Với Đại-Thánh Tê-Thiên cứu vớt.
Lòng sáu chữ nhớ không có sót,*
110. *Thì nạn tai cũng thoát như không.*

LƯỢC GIẢI :

Pháp sư Tam Tạng đã vâng lệnh vua Đường Cao Tôn (Trung Hoa) đến Thiên Trúc (Ấn Độ xưa) thỉnh Tam tạng kinh điển đem về Trung Quốc để phiên dịch truyền bá giác ngộ chúng sanh. Trên đường đi, cả thầy lẫn trò đã phải đương đầu biết bao tai nạn, nào yêu tinh cọp cáo, nào giặc cướp cản ngăn,...Song, nhờ lòng Từ Bi, chí cương quyết mà Ngài đã vượt qua khỏi chướng ngại để đi đến đích. Cho nên, sáu chữ Di Đà niệm không ngưng nghỉ thì tai nạn nào cũng đều qua khỏi được.

CHÚ THÍCH :

TAM TẠNG: Đường Tam Tạng tên thật là Trần Vĩ, con thứ tư của Trần Huệ ở huyện Hầu Thị, Châu Lạc

Xuyên (Trung Hoa). Ngài sanh năm Khai Hoàng thứ 16, đời vua Văn Đế nhà Tùy (569).

Vốn là một người thông minh xuất chúng, từ thuở bé lại được thân phụ giảng dạy Hiếu Kinh từ năm Ngài lên 8 tuổi nên về Nho học Ngài có một trình độ khá cao. Ngài thường tới lui chùa Tịnh Độ ở Lạc Dương để nghe người anh làm Hòa Thượng ở chùa giảng dạy kinh Phật. Những buổi giảng làm Ngài nghe say mê và đã ảnh hưởng rất nhiều cho cuộc sống tu hành của Ngài sau này. Và Ngài cũng bắt đầu có xu hướng nghiên cứu về Phật Giáo.

Năm 13 tuổi, Ngài chính thức xuất gia tu học với Pháp Minh Hòa Thượng và được sư phụ đặt pháp danh là Huyền Trang. Từ đó, Ngài tận tâm nghiên cứu Kinh điển. Khi nghe có Tăng sư nào đức hạnh và kiến giải sâu xa thì Ngài đến cầu học. Không bao lâu, Ngài nổi tiếng là người học vấn uyên thâm, biện thuyết thông suốt. Pháp sư Đạo Cơ, một cao tăng thời bấy giờ, đã nói về Ngài: *“Ta đi qua các giảng đường khá nhiều mà chưa thấy một sư trẻ tuổi nào thâm ngộ Đạo pháp như thế này.”*

Năm Ngài 34 tuổi (có chỗ chép 28 tuổi), ở phụ cận kinh đô Trường An gặp nạn mưa đá mất mùa, dân chúng đói khổ, nhà vua ra lệnh cho dân chúng di cư tản mát đến các miền phong phú mà sống, Ngài thừa cơ hội đó làm cuộc Tây du sang Ấn Độ.

Trải qua 128 nướ (?) lớn nhỏ, với bao sự gian nguy trên đường đi, như vượt qua những phong hỏa đài, nạn giặc cướp, sa mạc Qua Bích (Gobi), tuyết sơn ... Ngài phải chịu đói khát, bị bắt bớ tù đày có khi suýt vong mạng.

Suốt 17 năm ở Ấn Độ, gót chân Ngài lưu hành khắp đó đây tu học tại các đại tự. Nhất là ở ngôi chùa Na Lan Đa (Nalanda). Nơi đây được sư trưởng Giới Hiền Luận Sư truyền giới Duy Thức cho Ngài.

Còn theo truyện Tây Du Ký, thì Đại Thánh Tề Thiên vốn là một “thạch hầu”, do tảng đá thọ khí âm

duyên sanh ra. Ông lớn lên, tìm ra động Thủy Liêm trên Hoa Quả Sơn, nên được bày khi tại đây tôn làm chúa động, cầm đầu cả đàn rồi tự xưng là Mỹ Hầu Vương.

Sau Thạch Hầu vượt biển tâm Tiên cầu đạo trường sanh, được Bồ Đề Tổ Sư thân nhận làm đệ tử, đặt tên là Tôn Ngô Không, và truyền cho thất thập nhị huyền công (72 phép thần thông biến hóa) và pháp “cân đầu vân”, nhảy một cái đi xa 10 muôn 8 ngàn dặm. Khi thành tài, Tôn Ngô Không trở về luyện tập bày khi, phân làm đội ngũ như người. Ngô Không xuống biển Đông Hải lấy trụ sắt trấn biển của vua Đại Võ ngày trước làm thiết bảng, rồi xuống Long cung bồi sỏ từ cửa loài hầu, Thượng Đế chọn người tài có công học đạo nên triệu về phong chức Bật Mã Ôn. Sau rõ chức đó hèn mọn, Tề Thiên bỏ về xưng là Tề Thiên Đại Thánh. Ngọc Hoàng phải chiều ý phong chức cai quản vườn Đào tiên. Đến mùa đào chín, ông trộm ăn gần hết cả vườn; bà Tây Vương Mẫu lập hội Vườn Đào, ông lén vào ăn mấy món ngon hết, còn lấy trộm thuốc kim đơn của Thái Thượng Lão Quân. Thượng Đế nổi giận cho Thiên binh, Thiên tướng vây đánh bắt được đem về nhốt vào lò bát quái của Thái Thượng Lão Quân đốt 49 ngày đêm. Ông sợ lửa bèn ẩn trong cung Tôn bị khói nung thành mất nửa tròng vàng. Sau ông ra khỏi đó, liền loạn Thiên cung đánh tới Linh Tiêu Bửu Điện. Ngọc Hoàng kinh hải cho thỉnh Phật Tổ Như Lai đến. Phật hóa phép đê Tề Thiên dưới Ngũ Hành Sơn trọn 500 năm.

Phản Đường Tăng, vào đời Đường Thái Tôn có Trần Giang Lưu là con quan trạng nguyên Trần Quan g Nhụy và bà Ân Ôn Kiều, xuất gia từ thuở nhỏ, được Pháp Minh Hòa Thượng đặt Pháp danh là Huyền Trang.

Sau vua Đường muôn cầu siêu cho các cô hồn thác oan vì chiến tranh vừa qua nên tuyển lựa trong tăng chúng thấy Ngài Huyền Trang tài đức vẹn toàn. Vua truyền thiết lập trai đàn thỉnh Ngài thuyết pháp và thí thực cúng cô

hồn. Khi ấy, Phật Bà Quan Âm vâng lệnh Phật Thích Ca sang Đông Độ (Trung Quốc) lựa người sang thỉnh Kinh bên Tây Vực (núi Khứu Linh), có lẫn vào thính chúng nghe kinh. Nghe xong, Phật Bà cho vua tôi nhà Đường biết: Kinh này thấp lăm, không thể cứu được cô hồn, nay Phật có ba tạng kinh ở chùa Lôi Âm nước Thiên Trúc bên Tây Thiên, mới độ nổi vong hồn. Nói xong Phật Bà để lại một bài Kệ rồi biến mất. Bài Kệ ấy như sau:

*“Tổ cùng Chúa Đại Đường,
Kinh tại bên Tây Phương.
Dặm đã xa mười vạn,
Đường thêm lẻ tám ngàn.
Kinh cao về nước cả,
Hồn quỉ khỏi thành oan.
Ai có công đi thỉnh,
Ngày sau hóa Phật vàng”.*

Huyền Trang nghe xong, tình nguyện thân hành sang Tây Phương thỉnh ba tạng Kinh đem về Trung Quốc. Vua Thế Tôn liền kết làm anh em với Ngài và đặt cho Ngài là Tam Tạng Quốc Sư. Đoạn, Ngài từ giả vua và khởi hành.

Trải bao gian nan khổ khó, vượt bao đường xá chông gai vất vả, Tam Tạng bị yêu bắt ăn thịt mấy người tùy tùng. Còn Ngài nhờ Thái Bạch Kim Tinh cứu thoát. Sau có Lưu Bá Khâm cứu khỏi nạn bị thú dữ bao vây và đi đến Ngũ Hành Sơn gặp Tề Thiên; Tề Thiên xin hỏi cải qui y Tam tạng và nguyện theo Thầy đi thỉnh Kinh. Tam Tạng ưng chịu và lên chót núi gỡ lá bùa của Phật Tổ. Tề Thiên ra khỏi núi và được Tam Tạng đặt hiệu là Hành Giả. Vì Tề Thiên tánh còn sân hận không nghe lời Tam Tạng, nên Phật Bà bắt niền chiếc “kim cô” lên đầu. Mỗi khi Tề Thiên làm trái lời thì Tam Tạng niệm thần chú, kim cô sẽ bóp siết vào làm cho tề thiên nhưc đầu thấu ruột gan, chịu không nổi mà một lòng theo Thầy, không dám trở lòng.

Khi đến suối Ứng Thần núi Xà Bàn, con ngựa chở Tam Tạng bị con rồng nuốt mất. Tề Thiên đánh mãi không bắt lại được, sau nhờ Phật Bà Quan Âm bắt con rồng này hóa ra ngựa long cu, chở Tam Tạng đi thỉnh Kinh để chuộc tội. Thầy trò lại đội tuyết dầm sương chẳng nài khổ cực đi đến xứ Cao Lão gặp Trư Cang Liệp ở núi Phước Lăng (vốn là Thiên Bồng Nguyên soái, vì mắc tội nên Ngọc Hoàng đày đội lột con heo). Tề Thiên Đại Thánh bắt được Trư Cang Liệp dẫn đến xin qui y và được Tam Tạng đặt hiệu là Bát Giới - Phật Bà có đặt Pháp danh cho y là Ngộ Năng từ trước.

Đến đây, ba Thầy trò Đường tăng đồng lên đường. Một hôm đi ngang qua Huỳnh Phong Lĩnh, Tam Tạng bị chúa yêu là Huỳnh Phong bắt định ăn thịt. Tề Thiên, Bát Giới đánh không lại chúa yêu nên phải cầu Linh Khiết Bò Tát xuống thấu y về núi. Thoát nạn rồi, Thầy trò đề hùe nhắm hướng Tây thẳng tiến. Đi đến sông Lưu Sa, gặp con thủy quái rất dữ chặn ngang sông lại định bắt Tam Tạng ăn thịt. Nguyên con Thủy quái này vốn là Quyện Liêm Tướng quân, vì mắc tội làm bê chén lưu ly của Ngọc Hoàng nên bị đày làm Thủy quái ở sông Lưu Sa. Tề Thiên và Bát Giới vây đánh; Thủy quái đánh không lại phải lặn xuống sông mà thoát. Tề Thiên phải cầu với Quan Âm. Phật Bà cho Huệ Ngạn xuống bắt Thủy quái theo làm đệ tử Tam Tạng. Đường Tăng liền đặt tên cho Thủy quái là Sa Tăng - Phật Bà có đặt cho y Pháp danh là Ngộ Tịnh từ trước.

Bây giờ, Thầy trò gồm 4 người đồng nhắm hướng Tây trực chỉ. Chúa yêu ở các động nghe Tam Tạng là hậu thân của Kim Thiên Tử, đệ tử thứ hai của Phật Tổ mắc đọa, tu đã 10 kiếp, nếu ai ăn đặng một miếng thịt của Ngài sẽ trường sanh bất tử, nên các yêu tranh nhau đón bắt. Song nhờ có các đệ tử hết lòng bảo hộ và nhờ Tam Tạng tâm tư lúc nào cũng tưởng nhớ Phật nên đều lần lượt thoát qua các nạn tai. Đến đò Lăng Vân, Tam Tạng bỏ xác phàm

tại đây, rồi lên núi Linh Sơn vào chùa Lô Âm thỉnh được ba tạng: Kinh, Luật, Luận đem về Đông Độ cầu siêu cho các cô hồn, giác ngộ bá tánh. Xong xuôi, Ngài trở về Tây phương đắc quả Phật hiệu là Chiên Đàn Công Đức Phật. Tính qua bao gian khổ nguy nan, Ngài Tam Tạng phải thọ khốn đến 81 lần (tiêu biểu cho 81 món phiền não gồm có nội, ngoại ma).

Ngài Huyền Trang trở về cố rạng rỡ vinh quang: 175 bộ kinh Phạn ngữ gồm 1.335 quyển được Ngài phiên dịch và chú thích rành rọt, giúp Phật Giáo có cơ phát triển lên cao.

Ngài mất vào giữa đêm mùng 5 tháng 2 năm 664 tại Ngọc Hoa Cung hưởng thọ 69 tuổi có chỗ chép 63 tuổi, để lại bao sự mến thương cảm kích của vua Đường Cao Tôn và tăng lữ cùng đại đa số tín chúng.

CHÁNH VĂN

111. *Khó tìm cho gặp chủ-nhơn-ông,
Còn ẩn ánh nơi vòng sanh-chúng.
Ai mê tâm nghe qua không phủng,
Rán suy tầm đặng mở tánh linh.
Lòng ngộ rồi chẳng đợi nhiều kinh,*
116. *Thì cũng thấy bỗng lai diện mục.*

LƯỢC GIẢI :

Từ xưa đến nay trong giới tu hành, ít ai tìm thấy “Chủ nhờn ông” (Phật tánh, Chơn tâm) của chính mình. Phật tánh không hiện được chính vì do vô minh che phủ. Đẹp được vô minh thì Phật tánh sẽ hiển lộ.

Còn mê tâm (vô minh), ta phải cần cố gắng học hỏi (suy tầm) tu tập. Khi đã ngộ đạo thì không cần đến nhiều kinh sách nữa cũng thấy được “chủ nhân ông” (bỗng lai diện mục).

CHÚ THÍCH :

CHỦ NHƠN ÔNG: Ông chủ nơi tâm mình. Đây chỉ Chơn tâm, Phật tánh,...Theo kinh Phật giải: Mỗi người đều có trí vô sư, tức là Phật tâm. Ông Phật thật này có từ đời vô thủy và hiện hữu đến vô chung (tức không có lúc sanh, không có lúc diệt). Như câu: “*Có một vật không sinh mà có, không tạo mà nên, không lập mà thành*”. Đức Giáo Chủ PGHH xác định trong quyển “Khuyến Thiện” như sau:

**“*Các chúng sanh đều có như Ta,
Bị vô minh vọng tưởng vạy tà.
Nên quay lộn Ta Bà cõi khổ*”.**

SANH CHỨNG: Cũng gọi là *chúng sanh*, gồm có bốn loài: Thai, noãn, thấp, hóa.

-Loài sanh bằng *bào thai*.

-Loài sanh bằng *trứng*.

-Loài sanh *nơi ẩm thấp*

-Loài *hóa sanh*, như: Rệp nước hóa sanh ra chuồn chuồn, rết gạo hóa thành lươn.(?).

MÊ TÂM: Tâm mê muội, tâm chưa giác ngộ. Nghĩa bóng: Chỉ tâm còn dính mắc hình tướng sắc màu, vô minh che phủ, chưa nhận ra chơn lý.

SUY TÂM: Suy xét và tầm kiếm. Nghĩa bóng: Tra cứu, xét nét, thật hành, đúng theo lẽ phải. Hoặc thật hiện theo pháp: Văn, Tư, Tu để mở trí sáng.

BỒN LAI DIÊN MỤC: Còn gọi là Bồn lai tâm, tức là Tâm Phật của chính mình. Kinh dạy: Nếu tâm giác ngộ là Phật, còn tâm mê muội là chúng sanh.

Thuở xưa, Đức Lục Tổ ở xứ Lãnh Nam vốn là người không biết chữ Một hôm Ngài đi đón củi đổi gạo gặp một Sa Môn đọc kinh Kim Cang đến câu: “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”, thì Ngài liền giác ngộ. Ngài đến quy y với Ngũ tổ Hoàng Nhẫn, ngày ngày tạp dịch, giã gạo tại chùa Huỳnh Mai. Sau 8 tháng, Ngài được Ngũ Tổ bảo hãy

vào nhà sau mà kín đáo truyền pháp. Ngũ Tổ cũng lấy kinh Kim Cang giảng nghĩa cho ông nghe, và cũng đến câu: “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” ông liền đại ngộ. Vì thế, ông thốt lên bài Kệ như sau:

*“Nào dè tánh mình vốn sẵn thanh tịnh,
Nào dè tánh mình vốn không sanh diệt.
Nào dè tánh mình hay sanh muôn pháp,
Nào dè tánh mình vốn sẵn đầy đủ,
Nào dè tánh mình vốn luôn trong sạch”.*

CHÁNH VĂN

117. *Lần thứ chót gọi lời kêu thúc,
Thầy nhắc cho bổn-đạo rõ lòng.
Chừng ơn trên ban được Lục-Thông,
Thầy mới được Tây, Đông du-thuyết,
Thâu cho được con long úc-nghiệt,*
122. *Thì khắp nơi mới biết mến yêu.*

LƯỢC GIẢI :

Theo lịch trình diễn tiến của lý tam ngươn, hiện thời là đời mạt hạ: “*Hạ ngươn nay đã hết đời, Phong ba biến chuyển đổi đời gia cang*”. Đức Giáo Chủ lâm phạm đây là lần chót, như Ngài minh định: “*Nên kiếp chót này đây há lại tiếc chi thân phạm tục. Song vì tình cốt nhục tương thân cũng ủng hộ chở che cho xác phạm bớt nỗi cực hình*”.

Ngài nhắc cho mọi người hiểu biết để tự lo liệu hoạch định chương trình tu tiên cho kịp chuyển đồ chiều..

Tuy nhiên cơ trời biến chuyển có khi chậm, khi mau. Đức Giáo Chủ phải “*Ấn nhĩn hoài chờ đợi vận hanh thông*”. Ngày giờ nào Trời Phật ban bố cho Ngài có đủ sáu phép thân thông, chừng đó Ngài mới thỏa lòng mong ước, chu du độ chúng.

Cơ trời vận chuyển đến đúng thời kỳ con long nghệt xuất hiện tại sông Vàm Nao, nó hoành hành dữ dội đến đại bác súng đồng cũng không hàng phục nổi. Chừng đó cả nhơn loại đều hoang mang mong mỗi một vị cứu tinh xuất hiện để tiêu phục con độc long cho yên bá tánh. Đức Giáo Chủ PGHH mới đứng lúc trở về và thi hành bốn phận hàng phục con sấu dữ. Và danh tiếng Ngài chói rạng nghìn thu, dân chúng đều phục tùng nể kính.

CHÚ THÍCH :

LỤC THÔNG: Sáu pháp thần thông.

1-*Thiên Nhãn Thông*: Mắt thấy mười phương không bị vật gì ngăn cản.

2-*Thiên Nhĩ Thông*: Tai nghe suốt tám giới thập phương không bị vật gì làm trở ngại.

3-*Túc Mạng Thông*: Biết các kiếp quá khứ, vị lai của mình và của chúng sanh.

4-*Tha Tâm Thông*: Biết rõ ý niệm nơi người khác..

5-*Thần Túc Thông*: Đi lại mười phương chớp nhoáng.

6-*Lậu Tận Thông*: Diệt hết phiền não, không còn một mảy ô trược. Đức Giáo Chủ minh định:

“Ngày nào đắc được lục thông,

Vớt hồn cha mẹ Tổ Tông bảy đời”.

DU THUYẾT: Dùng tài hùng biện đi châu du thuyết giảng. Xưa có nhà hùng biện là Tô Tần, tỵ Quý Từ, người Đông Châu, lúc chưa gặp vận đi du thuyết khắp nước Trung Hoa, không có nơi nào trọng dụng. Suốt ba năm trường, tiền bạc xài hết, áo hồ cừ rách nát, thân hình tiều tụy xơ xác. Sau thời cơ đưa đến, nhờ dùng pháp “hợp tung” hiệp sáu nước: Triệu, Hàn, Ngụy, Yên, Tề, Sở chống cự với nước lớn là Tần, mang ấn sáu nước danh tiếng lẫy lừng. Ở đây Đức Thầy ví Ngài sau này cũng như Tô Tần vậy.

LONG ÁC NGHIÊT: Là con rồng dữ. Lịch sử Phật Giáo đã chứng minh hai dữ kiện: Một của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hai của Đức Lục Tổ Huệ Năng.

Lúc Đức Phật còn sanh tiền, có lần Ngài đến động của ông Ca Diếp, buổi ban đầu dùng lửa tam muội thiêu đốt hang động và thu phục con rồng tại đây. Ông Ca Diếp mới đầu không cho. Nhưng Đức Phật quả quyết đến chung ngụ với rồng để thu phục con long ác nghiệt và chú nguyện cho rồng ấy thoát xác.

Thuở Đức Lục Tổ Huệ Năng lưu cư tại chùa Bửu Lâm, thuộc tỉnh Thiều Châu (Trung Hoa) gần chùa có con rồng dữ ở dưới cái hào rất sâu, thường làm mưa làm gió và tác hại dân chúng quanh vùng.

Một hôm, rồng hiện hình lớn lên, làm cho sóng nổi, nước dâng trào, mây giăng tối mịch. Các môn đồ sợ hãi, Đức Lục Tổ nghe báo bước ra xem, nạt rồng: *“Người có thể hiển hiện ra hình lớn, chớ không biến lại hình nhỏ được. Nếu người là bậc thần thông thì biến hóa lớn, nhỏ cho ta xem”*.

Rồng hụp xuống, một phút sau thu hình nhỏ lại, nhảy khỏi mặt hồ. Tổ Sư liền mở bình bát ra thách rằng: *“Nhà người có dám chui vào bình bát của lão tăng không?”*.

Rồng tự hăm hờ chui vào, nhưng sau đó hết phương vùng vẫy.

Tổ đem bình bát về chùa thuyết pháp cho rồng nghe, nó liền côi lột đi mất. Bộ xương rồng dài 7 tấc, đầu đuôi sừng cẳng đều có đủ, để lưu lại chùa làm kỷ niệm. (bộ xương này lưu giữ cho đến năm Kỷ Mão, niên hiệu Chí Chánh, bị nạn binh lửa lạc mất).

CHÁNH VĂN

123. *Chúng-sanh nên tầm quạt ba-tiêu,
Chữa hỏa-diệm nơi tâm cho tắt.*

*Thì đạo-hạnh ngày kia mới đắc,
126. Chớ chứa hờn đũa dữ ích chi.*

LƯỢC GIẢI :

Con người ai ai cũng đều có “hòn núi lửa” (hỏa diệm) trong tâm. Nó ẩn sâu dưới màng vô minh; bình thường thì nó lặng yên, nguội lạnh. Khi có việc làm nào làm ta phật ý hoặc quá sức chịu đựng thì nó bùng cháy. Khi bùng cháy, nó không còn kiêng nể ai, dù đó là người thân hoặc kẻ lạ. Như con thú dữ sắp bắt được mồi, nó vồ chụp, nó thét gào, nó đay nghiến, ... miễn sao được thỏa dạ mới thôi. Chúng sanh vì nó mà tan nhà nát cửa, đất nước vì nó mà phải đảo điên, thiên hạ, thế giới vì nó mà xâu xé nhau, gây cảnh chiến trường máu rơi, thịt đổ, tan nát cuộc đời. Nó không bao giờ dự định trước để cho ta chuẩn bị cách đối phó. Trong Q. 5 (Khuyến Thiện) Đức Giáo Chủ PGHH còn diễn tả các đoạn sau đây:

*“Lửa trong tâm chẳng đốt mà lừng,
Nổi lôi đình đâu có định chừng,
Cho ta biết mà toan giữ trước.
Tánh sân nộ thường làm bạo ngược,
Nên loài người ở cõi thế gian
Giận hờn nhau thù oán đầy tràn,
Mới có cuộc tranh tài đấu lực.
Hơn tự đắc, khoe khoang, đồng sức,
Phải bị người hiềm khích ghét ganh.
Thua hổ người làm chuyện bất lành,
Gây nghiệp dữ oan oan tương báo.
Trong cơn giận kể gì hơn đạo,
Tỷ như con cọp dữ trên rừng.
Gặp thịt toan cấu xé tung bưng,
Phân từ mãnh mới là thỏa dạ”.*

Muốn chữa “hỏa diệm” nơi tâm, phải dùng đến “quạt ba tiêu” (tức 3 phương pháp căn bản) để đối trị. Đó

là : *khoan dung, nhẫn nhục và từ bi*. Ba phương pháp này cũng xuất phát từ từ trong tâm. Vì vạn vật do tâm tạo: “*Tâm sanh chủng pháp sanh, tâm diệt chủng pháp diệt*”.

***“Diệt được nó tâm trần thông thả,
Ta thường nên tập tánh khoan dung.
Thiệt hành đi đừng có ngại ngại,
Tha thứ kẻ lỗi lầm ngu xuẩn.
Và nhẫn nhịn đừng ham tranh luận,
Khởi mắt lòng tất cả mọi người.
Tánh thuần lương vẽ mặt vui tươi,
Vậy mới đáng tìn đồ Phật Giáo.
Nay ta đã quy y cầu Đạo,
Gây gổ là trái thuyết từ bi”***

CHÚ THÍCH :

QUẠT BA TIÊU: Truyện Tây Du ký kể: Thầy trò Tam Tạng đi thỉnh kinh đến chơn núi Thúy Vân thì khí trời trở nên nóng nực lạ thường; và được gặp một cụ già mách bảo: Phía trước có hòn “*Hỏa Diệm Sơn*”, ngày đêm lửa cháy hừng hực nên tiết ra sức nóng dữ dội. Nhưng quý ông không có con đường thứ hai để tránh đi ngang qua đó. Lúc đó lại có một người bán bánh đi vừa tới, Tôn Ngộ Không bước đến thăm hỏi:

-Ở vùng này khô hạn và nóng bức làm gì có lúa nếp để làm bánh ?

-Sở dĩ vùng này có lúa nếp là nhờ Thiết Phiến Công Chúa ở núi Thúy Vân có cây quạt phép “*Ba tiêu*”. Quạt lần đầu thì tắt lửa, quạt lần nữa thì có mưa.

Tôn Hành Giả thỉnh ý Thầy rồi đăng vân đến núi Thúy Vân. Sau bao lần chiến đấu vất vả, và cuối cùng nhờ Như lai, Bồ tát trợ lực mà hàng phục được vợ chồng Ngưu Ma Vương. Tôn Hành Giả được bà Thiết Phiến Công Chúa trao cho quạt “*Ba Tiêu*” để dập tắt “*hỏa diệm*”.

Nghĩa bóng: Chính nhờ Phật pháp mà chúng sanh diệt được tính nóng nảy trong tâm.

CHÁNH VĂN

127. *Phận tu-hành tai gác mặt lý,
Chịu cay đắng của người sang-sốt.
Lòng sâu riêng hãy nên nguôi bớt,
Đừng thở-than bận đến lòng Ta.
Để cho Thầy đi đạo ta-bà,*
132. *Đặng dạy kẻ đường xa chưa rõ.*

LƯỢC GIẢI :

Bổn phận hành giả trên bước đường tu là phải tập nhẫn nhục. Dầu miệng thế có lắm điều trêu chọc, cay đắng đủ điều cũng kiên tâm nhịn chịu: “*Chịu cay đắng tu hành mới giỏi*”.

Người tu phải đặt lòng vị tha cao cả lên hàng đầu. Vì đó là chí nguyện thiêng liêng của Phật, của Thầy Tổ. Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên môn đồ hãy xóa đi tình yêu thương nhỏ hẹp, riêng tư giữa sư đệ. Có thế, Ngài mới yên tâm dân thân trong gió bụi trên cõi ta bà để khuyến dạy người đời.

CHÚ THÍCH :

TAI GÁC MẶT LÝ: Gác bỏ ngoài tai những chuyện thế sự, gương mặt trở nên lầm lý, chịu đựng tiếng đời mai mỉa, kể sang người sốt. Nghĩa bóng: nhẫn nhịn các tiếng thị phi nguyện rửa để an phận lo tu hành. Đức Thầy sách tấn: “Phải nhẫn nhục chờ người cở tích trở lại và Phật Trời phân định cho ta”.

TA BÀ: Còn gọi là Sa Bà, Phạn ngữ: Saha. Dịch nghĩa: *kham nhẫn, đại nhẫn*. Cõi chúng sanh đang sống, cõi mà hành giả phải nhẫn nhục, chịu đựng các khổ não

mới có thể tiến tu được. Cổ nhân có câu: “*Ta bà khổ, Ta bà khổ, Ta bà chi khổ thùy năng số*”.

Đức Huỳnh Giáo Chủ bảo:
“*Ta bà khổ, Ta bà lắm khổ*”.

CHÁNH VĂN

133. *Nay rừng bụi có người mở ngõ,
Thì noi theo dấu thỏ đàng dề.
Giục vó cu nhiều nổi thăm-thê,
Dạy sanh-chúng cho rồi mới rảnh.
Cũng hiếm kẻ nghinh-ngang cường-ngạnh,
Ôi ! kẻ sao cho hết thói đời !
Mãi say-sưa theo cuộc vui chơi,*
140. *Nên kiếp kiếp đời đời lên xuống.*

LƯỢC GIẢI :

Rừng núi vốn âm u rậm rạp nay đã có người đứng ra khai đường dẫn lối. Người tu chỉ đi theo dấu chân của người trước là đến đích tương đối dễ dàng.

Đức Huỳnh Giáo Chủ trên đường truyền giáo trong lúc người Pháp tìm cách cản trở, rồi còn giục thúc Ngài phải bôn ba đây đó, không cho Ngài được rảnh rang thông thả. Nhưng Ngài thệ nguyện không chùn bước, mượn hoàn cảnh lưu đày này đổi lại cuộc vân du giáo đạo, miễn sao làm tròn sứ mạng mới là toại chí an lòng.

Tuy nhiên, con người giữa buổi Hạ nguơn, dữ nhiều lành ít, ngộ ngang cường ngạnh đủ điều, ít ai hướng về nẻo thiện mà lo trau tâm sửa tánh. Ngài cất tiếng buồn than cho thói đời và Ngài xác định: Lòng dạ con người đời nay chỉ biết đua chen theo con đường ăn chơi, sa ngã vào chỗ hư hèn nên mãi mãi phải chịu luân hồi lên lên, xuống xuống.

CHÚ THÍCH :

DẤU THỎ ĐÀNG DÊ: *Dấu thỏ*: Con thỏ đi qua để lại dấu. *Đàng dê*: Do chữ *dương trường*, đường cong queo khúc khuỷu như ruột dê. Nghĩa bóng: Chỉ giáo lý nhà Phật rất tinh tế, sâu kín huyền diệu, phải tìm hiểu một cách chính xác để khỏi lạc vào tà đạo.

GIUC VÓ CU: Tiếng gió ngựa phi nhanh. Nghĩa bóng: Trên bước đường bôn ba khắp mọi nơi phải chịu nhiều vất vả.

NGHINH NGANG, CƯỜNG NGẠNH: *Nghinh ngang*: Ngang tàng bướng bỉnh, không phục tùng ai; *Cường ngạnh*: Cường: mạnh mẽ. Ngạnh: Gai góc, u nần. Nghĩa bóng: chỉ hạng người hung hăng bất trị. Xã hội đời nay thiếu gì hạng người đó. Đức Huỳnh Giáo Chủ đã xác định:

“Hung đồ cường nghịch một hồi cười reo.

Đâu đây mà có hùm beo,

Khéo bày bá láp nghe theo làm gì”.

SAY SỬA: Say đắm triền miên không bao giờ dứt. Đức Thầy có câu: *“Cớ sao đời còn mãi say sưa”.*

CHÁNH VĂN

141. *Suối Tiên Thánh đổ ra cuộn-cuộn,
Tràn ruộng đồng gieo giống mới nên.
Kẻ vô-tình chẳng có chí bền,
Phải sa-ngã theo nơi mộng-ảo,
Giác mộng vàng dựng truyền đại-đạo,*
146. *Cảnh vô sanh lòng bạo mà mê.*

LƯỢC GIẢI :

Trên đường hoằng pháp, lời giáo pháp của Đức Tôn sư tuôn ra như suối đổ, làm thấm mát cõi lòng nhân thế, số người quy y thọ giáo rất đông, nhưng người tu thật tâm thì ít, còn người chạy theo hình thức quá nhiều. Chỉ được một thời gian hành đạo gặp nhiều khó khăn, kẻ vô tình phải

chùn chân thối bước, sa ngã theo đường danh nẻo lợi, vật dục kim tiền.

Nếu người tu chân chánh, đầy lòng vị tha thì luôn luôn được Trời Phật ủng hộ. Các Ngài thị hiện trước mắt bằng thực tế, hoặc báo mộng trong giấc ngủ, hoặc mượn tay trước tác thi thơ Sấm Giảng.v.v...Như trường hợp của cậu hai Trần văn Nhu, ông Ba Thới (thế hệ BSKH)...và gần nhất là ông Thanh Sĩ, một môn đệ Đức Huỳnh Giáo Chủ được Phật truyền Pháp nhiều lần. Cuộc đời của Ngài là cả một sự nghiệp hưng truyền Phật pháp PGHH từ quốc nội cho đến quốc ngoại.

Vả lại, Niết bàn là cõi tịch tịnh an nhiên, hoàn toàn trong sạch, dù người tu hay không tu khi được trông thấy thực tế, hoặc trong giấc mộng, hay trong kinh điển, cả thấy đều say mê triu mến. Nhưng người sâu duyên thì được đại ngộ, kẻ kém duyên phải chịu nhiều vất vả khó mà nhận được chơn lý.

CHÚ THÍCH :

SUỐI TIÊN THÁNH: *Suối*: Dòng nước chảy qua rừng núi. *Tiên*: Bậc tu trên núi đã chứng đắc, có phép thuật và trường sanh bất lão. Đức Thầy cho biết: **“*Thơ với phú Thần Tiên giáng bút*”**. *Thánh*: Bậc đã chứng đắc hoàn toàn giác ngộ, không còn ô nhiễm trần tục. Đức Thầy xác nhận: **“*Cư trần bất nhiễm là người Thánh*”**. *Suối Tiên Thánh*: Là lời thuyết pháp của Tiên Thánh đổ ra cuồn cuồn như suối chảy, không phút nào ngưng và có giá trị thực tiễn, đưa người từ bờ mê sang qua bên giác, thành công chắc chắn. (Chú ý: SGTVTB 2004 ghi: **“*Suối Tiên thanh*”**).

CUỒN CUỒN: Chạy uốn khúc, nước bắn lên tung tóe, cuộn vòng triền miên.

TRẦN RUỘNG LÒNG: *Trần*: Đầy ra ; *Ruộng Lòng*: Cũng gọi là *ruộng tâm* hay *tâm điển* , chỉ tâm từ bi

của hành giả. *Trần Ruộng Lòng*: là đầy tràn tâm từ bi giác ngộ.

VÔ TÌNH: Không có tình cảm. Nghĩa bóng: Chỉ cho người kém duyên đạo pháp.

SA NGÃ: Rơi rụng, dính mắc vào chỗ hư hèn.

MỘNG ẢO: Mơ mộng ảo huyền. Nghĩa bóng: Mơ mộng việc tục trần, đam mê danh, lợi, tình.

GIÁC MỘNG VÀNG ĐẰNG TRUYỀN ĐAI ĐẠO: Giác chiêm bao thấy được điềm lành. Ông Trần Văn Nhu (con Đức Cố Quán Trần Văn Thành) trong khi thập tử nhất sinh, ông nằm trên chiếc võng bồng té khuy xuống bộ ván, rồi liệm đi suốt ba ngày. Bữa thức, ông tự nhiên ngồi dậy và cho biết: trong mấy ngày rày ông được Đức Phật Thầy Tây An truyền Đạo và chỉ rõ việc vị lai. Từ đó, ông bắt đầu thuyết giảng đạo lý và mang con ấn BSKH (của Đức Phật Thầy đã giao cho Đức Cố Quán trước kia) tiếp tục hoằng truyền đạo pháp, sau trở thành bậc liễu ngộ trong thập nhị hiền thủ (12 vị đệ tử lớn) của Đức Phật Thầy Tây An.

VÔ SANH: Không còn sanh diệt, chỉ cảnh niết bàn tịch tịnh an nhiên.

CHÁNH VĂN

147. *Mùa nước tràn ngập cả điền đê,
Đến nước hạ đồng khô cỏ cháy.
Cuộc gian-nan năm qua đã thấy,
Luận việc đời cũng khúc lớn rồng.
Khi dậy thì tràn cả bờ sông,*
152. *Lúc khô hạn đi đồng khao-khát.*

LƯỢC GIẢI :

Căn cứ vào thời tiết và địa dư thì miền Nam chịu ảnh hưởng mực nước lên xuống hai mùa rõ rệt. Đông Xuân thì nước hạ thấp dần đến lúc cạn kiệt, đồng ruộng

khô khan, cỏ cháy. Nhưng từ độ cuối Hè sang Thu nước cứ dâng cao mãi ngập cả ruộng đồng, đê điều trắng dã. Nguyên nhân là do dòng sông Mê Kông bắt nguồn từ Tây Tạng chảy xuống.

Bàn luận việc đời kiếp sống con người cũng thế, cũng có lúc lớn ròng, khi thịnh khi suy, lúc may lúc rủi. Khi lên, lên tận chín tầng mây. Khi xuống, xuống tận đáy ao hồ. Đó là lẽ thường tình của kiếp nhân sinh thế sự.

CHÚ THÍCH :

ĐỒNG KHÔ CỎ CHÁY: Ruộng đồng cần cỏi, nứt nẻ, cây cỏ héo xào có thể đốt cháy.

GIAN NAN: Khó khăn nguy hiểm.

KHAO KHÁT: Thèm muốn gặt gao. Đức Giáo Chủ bày tỏ tâm nguyện: “*Đi tới đâu giúp người khao khát*”.

CHÁNH VĂN

153. *Biết làm sao lên lưng bạch hạc,
Bay cả trời tỏ ý từ-bi.
Khắp thế-gian con thảo phục qui,*
156. *Chầu trước bệ cha hiền Ngọc-Đế.*

LƯỢC GIẢI :

Vì sống trong vòng kèm kẹp của Thực dân Pháp, xác thân ĐHGK phải chịu lưu đầy đây đó, không được tự do như cánh chim bằng tung bay khắp cả bốn phương trời, nên Ngài ước mong đất nước sớm hòa bình, toàn dân hát khúc khải ca đồng qui trước bệ ngọc của Đức Ngọc Đế hoặc vua Thánh Đức đời Thượng nguơn sắp đến. Như các Tiên ông được sống cuộc đời thanh thoi nhàn nhã, muốn sao tùy ý, “*Ngao du tứ hải dạo khắp Tiên bang cảnh an nhàn của người liễn Đạo muôn ngày vô sự, long sạch phàm tâm, sao chẳng ngồi nơi ngôi vị hưởng quả bồ đề trường thọ mà còn len lõi xuống chốn hồng trần, đặng*

*chịu cảnh chê khen ? Vì lòng từ ái chứa chan, thương
bánh tẻ tới hồi tai họa. Phật Vương đã chỉ rõ máy diệp
huyền chuyển lập hội Long Hoa, chọn những đấng tu
hành cao công quả để ban cho xứng vị xứng ngôi, người
đủ các thiện căn để giáo truyền Đại Đạo, định ngôi phân
thứ gây cuộc Hòa Bình cho vạn quốc chư bang”. Cũng
vì sứ mạng thiêng liêng như trên mà Phật Trời chưa đến
ngày phân định, nên Đức Thầy phải chấp nhận thân cá
chậu chim lồng, túi hổ thê thôi, thật ra muốn thoát khỏi
vòng cương tỏa ấy cũng rất dễ dàng, như Ngài xác định:*

*“Ngày vui tươi cũng đã ló bóng,
Có sao đời còn mãi say sưa ?
Không tìm thấy đặng hưởng phúc thừa.
Ngày lập Hội tay vin cành quế.
Trau thân phận rạn danh hiệu để,
Thỏa dạ Thầy nơi chốn mây rồng”.*

CHÚ THÍCH:

BẠCH HẠC: *Bạch*: trắng; *Hạc*: chim hạc. Tương truyền chim hạc sống đến 1.000 năm. Hạc trắng ngày xưa thường được các vị Tiên trưởng cỡi.

TỪ BI: *Từ* là hiền lành; *Bi* là thương xót. *Từ Bi* là hai trong bốn đức của chư Phật (từ, bi, hỷ, xả). Như Đức Thầy đã khẳng định: *“Từ bi buộc chặt cõi lòng”*.

NGỌC ĐẾ: Vua Trời.

CHÁNH VĂN

157. *Gấm vinh-nhục sanh trong thế-hệ,
Tuồng xưa kia sắp đặt đã lâu.
Phải chuyển-xây trái đất một bầu,*
160. *Đặng lừa-lọc con Tiên cháu Phật.
Gồm một nơi sửa-sang tiêm-tất,
Xử phân người cùng vật thưởng phong.
Cho dương-trần rõ luật Thiên-công,*

164. *Có Địa-ngục Thiên-đường hay chẳng.*

LƯỢC GIẢI :

Sự nhục vinh trong trần thế xét kỹ đều do Hóa công sắp đặt. Thế hệ này qua, kế thế hệ khác tiếp, từ một đơn vị nhỏ hẹp, đến cái bao la trù tượng cũng đều nằm trong bộ máy tuần hoàn.

Cơ vận chuyên của trời đất rất huyền diệu, kẻ phàm nhơn không lường tính kịp. Khoảng thời gian từ vô thủy đến vô chung luôn luôn được chuyển biến qua ba thời trong một chu kỳ: Thượng, Trung, Hạ. Cũng gọi là lý Tam nguơn. *Thời Thượng nguơn* là thời Thánh đức, *Trung nguơn* là thời ăn no mặc ấm hưởng nhàn; đến *Hạ nguơn* thì lòng dạ đố dòi nham hiểm luôn phải đấu tranh giành sự sống. Hạ nguơn cũng là thời chọn lọc lành còn dữ mất, Phật Tiên Thân Thánh lâm phạm tìm kiếm người lương thiện để lập lại hội thi (tội trừng, công thưởng) cho con người và vạn vật trên quả địa cầu. Luật này rất là công bằng chánh trực không hề tư vị một ai.

Muốn thấy hiện thực luật tuần hoàn, trời đất sắp đặt tới đây, ta phải ráng lo tu để được sống sót hầu chứng kiến cảnh Đức Tôn Sư PGHH “*Trên đài cao gọi các linh hồn*”. Chừng đó kẻ dương trần mới thấu rõ bộ luật của hóa công, và rành phân cảnh Thiên đàng, Địa ngục.

CHÚ THÍCH :

THẾ HỆ: Thời đại có những mối liên lạc ràng buộc với nhau, từ thế hệ này qua thế hệ khác. Đức Thầy có câu: “*Kim với cổ nhìn xem thế hệ*”.

SẮP ĐẶT: Cơ trời đã định sẵn.

CHUYỂN XÂY: Vận chuyển xây vắn.

LỰA LỌC: Lựa chọn đúng chuẩn.

SỬA SANG: Sắp đặt lại cho tốt hơn. Đức Thầy bảo: “*Phận làm người thũng thỉnh sửa sang*”.

TIÊM TẮT: Cũng gọi là *tưm tắt*. Thứ tự chu đáo.
XỬ PHÂN: Xét rõ để giải quyết. Đức Thầy khuyên: “*Phận làm cha mẹ xử phân lẽ nào*”.(SG, Q.3).

DUƠNG TRẦN: Cảnh bụi bặm ở cõi chúng sanh đang sống. Đức Thầy mong mỏi:

“*Ước sao mình như cuội trên trăng,
Đặng soi khắp cả dương trần*”.(Thu Đã Cuối).

THIÊN CÔNG: Tài khéo léo của máy trời.

ĐỊA NGỤC: Tiếng Phạn: Niraya, Naraka, phiên âm: Nê-lê-giả, Na-lạc-ca. Nơi giam giữ tội nhân khi có trọng tội phải chết xuống âm phủ. Đức Thầy cho biết: “*Mê muội ác hung về địa ngục*”.

THIÊN ĐƯỜNG: Cõi trời. Đức Thầy phân định: “*Địa ngục cũng tại tâm làm quấy, Về Thiên Đàng tâm ấy tạo ra*”.

CHÁNH VĂN

165. *Các chúng-sanh rời yên-lặng,
Suy cho tường rồi sẽ biện-minh.
Con vui tại từ tạ Thiên-Đình,
168. Cho phép Lão tổ-trần đôi lẽ.*

LƯỢC GIẢI :

Tất cả mọi người mọi giới, sau khi nghe lời Đức HGC bình phán bộ máy tuần hoàn, cách xử phân của trời đất, sự lựa chọn con Tiên cháu Phật của cha hiền Ngọc Đế, và đâu là Thiên đàng và đâu là Địa ngục thì hãy yên lặng nghĩ suy cho tường tận rồi mới biện minh cho đúng lẽ thật.

Nhân lúc vui vẻ Đức HGC xin phép với Đấng Thiên Đình cho Ngài bày tỏ tâm niệm tường trình công việc ở thế gian, đồng thời Ngài tỏ lời cảm ơn và từ tạ các đấng Thiêng liêng.

CHÚ THÍCH :

BIÊN MINH: Nói cho rõ ràng, làm sáng tỏ lẽ phải trái.

THIÊN ĐÌNH: Thiên:Trời; Đình: Nơi vua tôi gặp nhau. Triều đình ở trên trời.

TỔ TRẦN: Là sẵn sàng bày tỏ một việc gì.

CHÁNH VĂN

169. *Lời Thầy dạy thật là cặn-kẽ,
Bao nhiêu tình bác-ái góp tom.
Trông bá-gia tìm Đạo quá mòn,*
172. *Thôi già thế ước-mong đời thạnh.*

NAM-MÔ A-DI ĐÀ PHẬT

Sa Đéc, đêm rằm tháng 4 Canh Thìn.

(Đức Thầy viết bài này trước mặt một số đông người, trong đó có vài phân-tử muốn thử coi sau khi bị đời khỏi quê-quán Ngài còn đủ tinh-thần chăng).

LƯỢC GIẢI :

Để kết luận bài SA ĐÉC, Đức Tôn Sư PGHH nhấn mạnh rằng lời Thầy dạy trong đây thật là tỏ tường cặn kẽ. Bao nhiêu tình bác ái nhũ khuyến Ngài đã dành sẵn đều tom góp vào đây.

Trên đường phiêu lưu độ chúng, Ngài nhận thấy nam nữ tu hành tìm Đạo khá khổ nhọc, vậy bỗn đạo chớ nản lòng. Viết đến đây, Ngài già biệt mọi người và cũng ước mong cho tất cả sống cảnh thanh bình thạnh thái.

CHÚ THÍCH :

CẶN KẼ: Kỹ lưỡng tỉ mỉ.

BÁC ÁI: Bác: rộng lớn; Ái: yêu thương. Lòng yêu thương rộng lớn. Đức Thầy có câu: ***“Bác ái xả thân tâm Đạo chánh”***.

BÁ GIA: Trăm nhà. Ý chỉ mọi người.

ƯỚC MONG: Mong muốn được như ý.

QUÁ MÒM: Quá kiệt sức mòn mỏi.

Bài 15. **NANG THƠ CẨM TÚ**

(SGTVTB 2004, tr. 366-373)

XUẤT XỨ:

Trên bước đường truân chuyên truyền Đạo, tâm thân Đức Huỳnh Giáo Chủ phải rời xa quê hương, lưu lạc xứ người. Vì nghĩ đến đấng sanh thành và tình sư đệ nay chia tay cách biệt, chẳng biết ngày nào mới được trùng phùng nên Ngài cất tiếng than và tỏ cho mọi người biết: Âu cũng là sự sắp đặt của hóa công, chớ lòng Ngài không muốn vậy. Nhưng ***“Tuy thân Thầy lướt cuộc gió sương, Mà thỏa chí tang bồng hồ thủy”*** và: ***“Càng đi càng biết nhiều nơi, Càng đem chơn lý tuyệt vời phổ thông”***.

Hôm ấy nhằm ngày 29/5 năm Canh Thìn, nhà đương cuộc Pháp dời Ngài đến làng Nhơn Nghĩa (Xã No). Đức Giáo Chủ sáng tác bài: **“Nang Thơ Cẩm Tú”** để nói lên ý chí tự tin và tài thao lược của đấng giác ngộ.

VĂN THỂ:

Đức Giáo Chủ PGHH viết bài này bằng thể thất ngôn trường thiên, lời thuyết giáo, dài 214 câu.. Khởi đầu bằng câu: ***“Trời thanh lạng gió đưa hiu hắt”*** và chấm dứt

bởi câu: **“Muôn năm cộng lực chúa hiền tôi trung”**. Hai câu chót viết theo thể lục bát bằng lối ngâm

NỘI DUNG:

Đức Huỳnh Giáo Chủ nói lên nỗi lòng héo hắt xa quê hương, lìa cha mẹ, ly cách Thầy trò. Nhưng đây là cơ thử thách để tỏ rõ tấm lòng của bậc trượng phu có nao núng cùng chăng ? Rồi Ngài bày tỏ chí khí của bậc anh hùng mang một hoài bão to tát: **“Lấp biển vá trời”**, dựng lên thời thế liệt oanh. Sau cùng, Ngài cầu chúc bá tánh hưởng cuộc đời vui tươi hạnh phúc đồng hát khúc khải ca, muôn nhà thanh thái.

CHỦ ĐÍCH:

Đức Huỳnh Giáo Chủ mong mỗi tín đồ và toàn dân nước Việt nuôi chí quật cường lên để **“Phá tan óc tinh thần nhu nhược”** và **“Ấn nhân hoài chờ đợi vận hanh thông”**. Sau đó, Ngài kêu gọi tinh thần đoàn kết không phân biệt Bắc Nam rồi Ngài đôn cử những bậc anh hùng để kích thích lòng nghĩa khí của những trang tuấn kiệt, noi theo gương hạnh của người xưa trong sách sử.

CHÁNH VĂN

1. ***Trời thanh lặng gió đưa hiu-hắt,
Ngồi thơ phòng thân bắt lạnh-lùng.
Gấm xác trần còn cách cội thung,***
4. ***Đâu có được giữ mừng quạt gió.***

CHÚ THÍCH :

NANG THƠ: *Nang*: cái dĩa, bao, túi; *thơ*: bài văn vần. .Bao hay túi đựng thơ văn. Nghĩa bóng: Bài văn tiên đoán vận mệnh tương lai được để lại cho hậu thế.

CẨM TÚ: *Cẩm*: gấm; *Tú*: thêu. Sự đẹp đẽ như gấm thêu. Nghĩa bóng: Văn chương hay đất nước đẹp đẽ như gấm thêu.

HIU HẮT: Nhè nhẹ. Ôn Như Hầu có câu: “*Trái vách quế gió vàng hiu hắt*”. Đức Thầy cũng diễn tả: “***Gió hiu hắt bên rờng quạnh quẽ***”.

LANH LUNG: Lạnh lẽo. Nghĩa bóng: Không có vẻ ân cần sốt sắng. Đức Thầy cũng bảo: “***Lạnh lòng mây bạc bị luồng giông***”.

CỐI THUNG: *Cội*: gốc rễ. *Thung*: loài cây sống lâu, biểu tượng người cha (thung cội huyền già), cha già.

GIỮ MỪNG QUẠT GIÓ: Rung mừng cho sạch bụi bặm, quạt mạnh để đuổi muỗi mòng. Nghĩa bóng: chăm lo săn sóc cha mẹ già yếu.

LƯỢC GIẢI :

Vào một ngày giữa mùa hè, trời trong thanh lặng, cảnh vật nên thơ, gió đưa hiu hắt khiến lòng lữ thứ hoài cảm bao mỗi tâm tư. Đức Thầy ngòi một mình đối diện với bóng đèn khuya, chợt nhớ đến đến hoàn cảnh ly hương mà lòng Ngài bắt lạnh lùng chua xót. Gẫm lại xác này do cha mẹ sanh ra trăm cay nghìn đắng mới được nên người, giờ đây phiêu lưu gió bụi cách biệt song thân, cái ân sanh thành ấy biết chừng nào đền đáp được. Âu cũng là số mạng trời tru. Nghĩ rất buồn thay cho số phận!

CHÁNH VĂN

5. *Con mừng vui nào ngờ lữ ó,
Vội bay ngang rồi xót đi luôn.
Chữ ngậm-ngùi lụy ngọc ứa tuôn,
Nào phải giống chim muông điểu-thú.
Lìa quê-hương quên câu nghĩa cũ,
Bởi xác phàm hấp thụ đã lâu.
Cuộc lung-tung rối-rắm trời Âu,
12. Nên còn ngại bước đường trở gót.*

CHÚ THÍCH :

LỮ Ó: Lữ: bầy. Ó: Chim ó. Bầy chim ó. Nghĩa bóng chỉ cho bọn thực dân Pháp.

NGÂM NGÙI: Thương nhớ trong lòng không lộ ra. Bùn ngùi xúc động.

LUY NGOC: Luy: nước mắt; Ngọc: quý báu. Ý chỉ bậc vương giả. Nước mắt của kẻ giàu sang hay người con gái đẹp. Đức Thầy có câu: ***“Tiếng than lụy ngọc nhỏ tràn”***.

CHIM MUÔNG ĐIỀU THÚ: Các giống chim và thú vật. Trong Cung Oán có câu: ***“Kìa điều thú là loài vạn vật”***.

QUÊ HƯƠNG: Nơi mình sinh ra. Đức Thầy có câu ***“Quê hương rày đã dậm tràng sơn xuyên”***.

HẤP THU: Nhận chịu lấy, thu nhận vào.

LUNG TUNG: Loạn xạ, không có thứ tự. Đức Thầy có câu: ***“Áu Á lung tung nhuộm máu đào”***.

TRỜI ÂU: Cũng gọi là trời Tây. Chỉ cho Châu Âu, châu này gây nên cuộc Đệ nhị thế chiến (1939-1045).

LƯỢC GIẢI :

Cuộc trùng phùng giữa thân quyền và tớ-thầy chưa được hả hê, bỗng nhiên hung tin bất ngờ đưa đến, rồi người Pháp dùng áp lực bắt buộc lưu đày Ngài đi nhiều nơi, khiến xác thân Ngài phải chịu vầy vò đau khổ và phải chịu cảnh lia quê hương một cách đột ngột không một lời từ giả. Ngài buồn tủi xác thể con người chớ nào phải loài cầm thú chi mà bọn thực dân đối xử quá nhẫn tâm. Ôi ! Cuộc nhân tình thế thái nào ai khôn lường trước được.

Quê hương là nơi chôn nhau cắt rốn, nghĩa sanh thành dưỡng dục cù lao, tình Thầy tớ ruột rời tơ vò, ân nghĩa mặn nồng như chim liền cánh, cội liền cành thế mà nay phải chịu cảnh chia ly cách biệt. Ôi ! Có cái khổ nào bằng cảnh:

“Người mình thương bỗng lại chia lia,

***Khi khóc than nước mắt đầm đìa.
Lúc trông nhớ ruột tằm chua xót”.***

Tạo hóa nữ bầy chi lắm điều chua cay quá nhỉ !

Lại nữa cuộc chiến cứ bùng nổ lung tung khắp bầu trời Âu Á làm cho nhân loại điêu linh trong cơn binh lửa, làm trở ngại bước đường về. Thế nên Đức Tôn Sư PGHH phải đành chấp nhận thực tế phũ phàng quên câu nghĩa cũ.

CHÁNH VĂN

13. ***Tiếng riêng than tai nghe thanh-thót,
Trăm ngàn nhà bỗng-đạo ước mơ.
Con lạc cha con hồi u-ơ,***
16. ***Thầy xa tớ ngẩn-ngơ thương mến.
Ngóng trông chờ vận-thời đưa đến,
Đặng chung cùng một tiệc quỳnh-tương.
Cây ngô-đồng hứng vẻ đượm sương,***
20. ***Cho chim phụng mặc tình sè múa.
Cảnh sum-vầy mây lành bay tủa,
Cả trời Nam lưới bủa thiên-la.
Chữ Thánh Hiền mới được nôm-na,***
24. ***Ta thỏa chí hô-hào trung-nghĩa.
Giống hiền xưa bây giờ mới tủa,
Đốc chờ ngày bông trở thơm tho.
Tuy ngày nay chưa được ấm no,***
28. ***Sau được dựa nơi non nhược thủy.***

CHÚ THÍCH :

THÀNH THÓT: Trong trèo, rõ từng tiếng một. Trong Cung Oán Ngâm Khúc có câu: “*Giọt ba tiêu thanh thót cầm canh*”. Ý nói: Lời thở than chua xót của bỗng đạo khắp nơi đều được Đức Thầy nghe rõ từng tiếng.

ƯỚC MƠ: Mong mỗi hy vọng, Đức Thầy có câu: “*Ước mơ thế giới lân Hoà Hảo*”.

U Ơ: Nói không rõ tiếng. Ông Nguyễn Thanh Tân có câu: « *U ơ bầy bướm hời chờ xuân.* »

NGÂN NGỖ: Kinh ngạc, lầy làm lạ. Nghĩa bóng: Không còn thiết sự đời nữa.

« *Ngày đầu nhiều kẻ còn mơ,*

Trì chơi ít bịnh ngán ngo xóm riêng. » (ĐT)

VẬN THỜI: Khí số xoay vận theo diễn tiến của thời gian. Đức Thầy xác định:

« *Vận thời luân chuyển đưa Ta tới,*

Tới chốn nhà thương dưỡng bịnh điên. »

TIỆC QUỲNH TƯƠNG: *Quỳnh*: tên một loại ngọc; *Tương*: nước dùng để uống. Tiệc của các Tiên gia đãi Thánh chúa và chư Tiên họp ăn mừng các ngày đại lễ. Đức Thầy có câu:

“*Chén Quỳnh Tương gác điều gai ngạnh,*

Vui tình thân bày biện cuộc cờ.

Khi thừa nhàn trôi giong ngâm thơ,

Bày thi phú than qua thời thế”.

CÂY NGÔ ĐỒNG: Loại cây to, gỗ nhẹ, thường dùng làm đàn, cứ đến mùa Thu thì lại trụi cành. Tương truyền: Nơi nào có cây ngô đồng tức có chim phụng đến đậu. Nghĩa bóng: Cây quý. Cổ thi có câu: “*Ngô đồng nhất điệp lạc, thiên hạ cộng tri thu*”.(Ngô đồng một lá rụng rơi, Ai ai cũng biết cảnh trời sang thu).

ĐUỘM SƯƠNG: *Đuộm*: Thấm thía; *Sương*: Hơi nước ở trong không khí, ban đêm hoặc buổi sớm mùa lạnh thường đọng lại trên cây cỏ. Đuộm hơi sương lạnh. Nghĩa bóng: Thỏa lòng mong muốn.

CHIM PHỤNG: Chim phượng hoàng. Con trống là “phượng”, con mái là “hoàng”; loài chim này có mình hạc, mỏ gà, mắt người, cổ rắn, hàm én, lưng rùa, đuôi cá, lông ngũ sắc. Loài chim chẳng phải cây ngô đồng thời không đậu, chẳng phải cây trúc thời không ăn. Phụng hoàng là giống chim đem lại điềm lành (điều lành). Khi nào phụng

hoàng ra đời thì có Thánh nhân xuất hiện. Loại chim này là một trong bốn con vật linh thiêng: Long, lân, qui, phụng. Đức Thầy có câu:

**“Trên non Tiên vắng vắng tiếng Phụng hoàng,
Phật Tiên Thánh an bang cùng định quốc”.**

SÈ MÚA: *Sè*: giương cánh ra; *Múa*: thể hiện những động tác mềm mại, liên tiếp biểu hiện những tư tưởng tình cảm. *Sè múa*: Cử động đôi cánh và hai chân ăn nhịp theo điệu khúc tình tiết xúc động. Nghĩa bóng: Biểu hiện tình tiết thỏa mãn của lòng mong muốn.

SUM VẦY: Đoàn tụ hội hiệp, Đức Thầy có câu:
“Trên cùng dưới sum vầy một buổi”.

MÂY LÀNH: *Mây*: Đám hơi nước trong khí quyển ngưng lại, lơ lửng trên bầu trời.; *Lành*: thiện mỹ, tốt tươi. Nghĩa bóng: Có Trời Phật che chở.

TRỜI NAM: Chỉ cho nước Việt Nam. Đức Thầy có câu: **“Trời Nam sớt ruột chờ con đỡ”.**

THIÊN LA: *Thiên*: trời; *La*: lưới. Do câu: “*Thiên la địa võng*”, *lưới trời lồng lộng*. Nghĩa bóng: Luật trời hay luật nhân quả. Đức Thầy có câu: **“Ly kỳ thiên định dĩ thiên la”.**

THÁNH HIỀN: Bậc Thánh và bậc Hiền. Nho học cho rằng trong nhân loại có ba hạng người: Sinh nhi tri (không học mà biết) đó là bậc *Thánh nhân*; học nhi tri (học thì biết) đó là bậc *Hiền nhân*; học nhi bất tri (học mà vẫn không biết) là hạng người *ngu muội*. Đức Thầy có câu:

“Thánh hiền chẳng biết sao vừa lòng dân”.

NÔM NA: Do thành ngữ: “*Nôm na là cha mách què*”. Theo lối nôm thì được cấu tạo như sau. Thí dụ: Chữ “*Biết*” (còn gọi là *Biệt*). Khi đọc là *Biết*, khi đọc là *Biệt*, tùy theo chỗ đứng của nó. Trong Kiều có câu: “*Thấy chàng đau nỗi biệt ly*”. Và câu “*Thoát trông nàng đã biết tình*”. Nghĩa bóng: Dùng chữ nghĩa để lờ đời. Đức Thầy

có câu: ***“Theo học cổ nôm na ít tiếng, Làm nhiều điều xao xuyên hơn tâm”***.

NÔM: Tiếng thông dụng của người Việt Nam xưa. *Chữ Nôm* đối với *chữ Nho*. Chữ Nôm hoặc dùng nguyên chữ Nho, hoặc lấy hai ba chữ Nho ghép lại để đọc theo tiếng nói của người Việt. Ví dụ: Túc cầu nói nôm na là bóng đá. Nghĩa rộng: Dùng tiếng nước nhà. Đức Thầy có câu: ***“Ngày nay ta cũng nôm na”***, theo mỹ ý toàn câu: Dùng chữ nghĩa Thánh Hiền xưa, nay Đức Thầy tạm gượng ép thành chữ nghĩa để viết ra Sám Giảng cho người Việt chúng ta xem.

HỒ HÀO: Hồ: kêu gọi; Hào: la lớn. kêu gọi kích động mọi người cùng làm một việc trọng đại.

TRUNG NGHĨA: *Trung*: hết lòng với vua, với nước; *Nghĩa*: làm theo chánh nghĩa hoặc theo lẽ phải. *Trung Nghĩa*: Hết lòng phò tá với dân với nước theo con đường chánh nghĩa. Dù có hy sinh tánh mạng chẳng nao lòng. Đức Thầy có câu:

“Thương những người trung nghĩa vẹn toàn”.

GIÓNG HIỀN XƯA: *Giống*: hột giống. *Hiền xưa*: hiền nhiều kiếp trước. *Giống hiền xưa*: Giống lành sẵn có trong tâm của mỗi chúng sanh. Do câu sách Thánh: ***“Nhơn chi sơ, tánh bản thiện”***(Người mới sanh, tánh vốn lành). Nghĩa rộng: Hột giống Phật tâm mình xưa kia đã bị vùi lấp, ngày nay mới bắt đầu tĩa lại.

THƠM THO: Mùi hương dễ chịu bay loan tỏa khắp nơi. Nghĩa bóng: Việc hợp với đạo lý khiến mọi người ưa thích làm theo. Đức Thầy sách tấn: ***“Thơm tho gia trụ danh đề Tổ Tông”***.

ÂM NO: Đầy đủ về vật chất. Ví dụ: *Xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc*. Truyện Kiều có câu: ***“Tay không chưa dễ tìm vành âm no”***.

NHƯỚC THỦY: Tên một con sông ở về cực Tây nước Tàu . Sách “Sơn Hải Kinh” có nói về nước sông ấy

có tính rất yếu, không đỡ nổi hột cải. Nghĩa rộng: Ý chỉ cảnh Tiên nơi thoát tục.

LƯỢC GIẢI :

Sau cái hung tin bất ngờ, đồng đạo trẻ già phải chịu cảnh “con xa cha, Thầy lạc tổ”, trăm người như một, não nuột sàu bi, khó đứng khôn ngồi, lệ ứa thâm mi, dường như cắt đau từng khúc ruột. Ôi ! Không có cái khổ nào bằng cái khổ “*kẻ ở người đi*”. Nhưng rồi lần lượt thời gian cũng trôi qua, ai cũng đều trông ngóng vận thời đưa đến trong một ngày gần đây, tổ thầy đồng sum họp “***Phải ngóng chờ cho phụng gặp kê, Ấy thời đại thánh tiên trở mặt***”.

Đề cùng xiết chặt tay nhau dự hội Quỳnh Tương nơi miền Bảy Núi: “***Trên non Tiên vắng vắng tiếng phụng hoàng, Phật Tiên Thánh an bang cùng định quốc***”.

Chùng đó nhà nhà đều không đóng cửa, ngoài đường cửa rơi không có người lượm. Chim phụng gáy đầy ngoài đồng nội. Cây ngô đồng mọc đầy đường, cành lá tốt tươi, hoa trở bốn mùa thơm ngát. Đó là cảnh “***Bốn biển một nhà Cha, Phật, Thánh***”. Khắp cả trời Nam đều có mây lành bay tủa, các bậc Thần Tiên đều lâm phạm, quảng phép màu: Trên bố trí thiên la, dưới quảng địa võng, bao bọc khắp thành trì miền Bảy Núi. Thật là cảnh an nhàn vui đẹp chưa từng thấy.

Chùng đó nên Đạo Thánh mới được rạng rỡ và gương trung nghĩa được danh bia khắp chốn. Giá trị của người tu được nâng cao tột bậc. Bao nhiêu ước vọng hoài mong trong nhiều tiền kiếp do Đức Huỳnh Giáo Chủ nung nấu từ ngàn xưa rồi đây sẽ trở thành hiện thực. Hoa từ bi sẽ nở rộ khắp trời Nam, mọi nhà, mọi giới, mọi hồn linh đều được hoan ca vui khúc khải hoàn. Tuy rằng hiện giờ thân xác Thầy phiêu lưu trôi giạt, như cánh bướm không định hướng, toàn dân chưa được ấm no. Nhưng ngày sau

chắc chắn sẽ được tròn nguyện ước trên cảnh non bồng nước nhược.

CHÁNH VĂN

29. *Đây trưng bày khuyên gìn cang-kỷ,
Đờn những câu tử-mĩ rung hồn.
Cho người lành dạ ái bất nôn,*
32. *Cúi đầu trước quy-y Phật-Pháp.
Quản chi thân bị mưa, nắng táp,
Nơi sang giàu ảm-áp mặc ai.
Vẽ cho dân lập chí râu mày,*
36. *Phá tan óc tinh-thần nhu-nhợc.
Thân nặng nề như chim ô-thước,
Quyết làm xong cầu đá sông Ngân.
Nên chăng màng báu ngọc châu trân,*
40. *Miễn con thảo nhuần ân Thánh-Đế.*

CHÚ THÍCH :

TRUNG BÀY: Trưng: Chứng cứ. Bày: Phô trương. Nghĩa rộng: Có bằng chứng rõ rệt. Đức Thầy có câu: “*Trưng bày tích cũ đành rành*”.

CANG KỶ: Còn gọi là *Cương kỷ*. Trật tự và quy luật của một quốc gia. *Cang*: giềng mối. Theo quan niệm xưa, xã hội Á Đông lấy *Tam cang* (Quân thân cang, Phụ tử cang, Phu thê cang) và *Ngũ thường* (Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín) làm trọng. Đức Thầy có câu: “*Loạn luân cang kỷ bất từ bất lương*”.

TỬ MĨ: Phân ra nhiều phần nhỏ, rất chi li.

RUNG HỒN: Làm xao động tâm hồn. Tiếng đàn có cảm xúc rung động trái tim của các đối tượng.

ĐA ÁI: *Dạ*: lòng. *Ái*: yêu. *Dạ ái*: Lòng yêu thương sẵn có nơi tâm hồn nhân đạo của con người.

BẮT NÔN: Bắt nôn nóng làm nhanh lên. Ý khuyên: Làm người nên phải nhanh chóng quy y phật pháp.

MƯA NẮNG TÁP: Nói cho đủ “*nắng táp mưa sa*”. Ý chỉ cảnh gian truân vất vả, gây bao nỗi cực nhọc. Ca dao có câu:

*“Mưa xuân lác đác vườn đào,
Công anh đắp đất ngăn rào trồng hoa.
Ai làm gió táp mưa sa,
Cho cây anh đổ cho hoa anh tàn”.*

ÂM ÁP: Âm: Không lạnh, không quá nóng, dễ chịu. Nghĩa bóng: Thỏa mãn về vật chất lẫn tinh thần.

LẬP CHÍ: Nuôi dưỡng ý chí để đạt mục đích.

RÂU MÀY: Nghĩa chữ *Tu mi*. Chỉ người đàn ông. Đức Thầy có câu: “**Sống sanh ra phận râu mày**”.

TINH THẦN: *Tinh:* Cái gì thuộc về linh hồn (trái với vật chất). *Thần:* Phần thiêng liêng sáng suốt của con người. Nói chung chỉ về phần tâm hồn. Đức Thầy có câu: “**Lấy tinh thần hiệp vén nút mây**”.

NHU NHƯỘC: *Nhu:* mềm mỏng. *Nhược:* Yếu đuối, mềm mại. Tục ngữ: *Lấy nhu để thắng cương*. Đức Thầy có câu: “**Gìn tâm nhu nhược chờ vận đến**”.

CHIM Ô THUỐC: Ô thuốc còn gọi là cầu Ngân do chim quạ kết thành cầu bắc qua sông Ngân hà. Do điển tích Chức Nữ và Ngưu Lang: Kẻ dệt vải, người chăn trâu. Cả hai đều siêng sản, Thượng Đế thương tình cho kết làm chồng vợ. Nhưng khi có đôi bạn sanh ra lười biếng, nên bị đày, lấy sông Ngân làm ranh giới. Hằng năm chỉ đến đêm trừ tịch (mùng 7 tháng 7), khi chim quạ nối đuôi nhau thành cầu, hai người mới được gặp nhau. Đức Thầy có câu:

*“Chim ô đà dựa cầu Ngân,
Người xưa trở gót cho gần người nay”.*

Ở đây, Đức Thầy ví mình như chim Ô Thước, chúng sanh nhờ lập công bồi đức ngày sau được gặp lại Ngài.

CẦU ĐÁ SÔNG NGÂN: *Cầu đá*: cầu bằng đá. Tương truyền: Chim quạ đội đá bắc cầu qua sông Ngân. *Sông Ngân*: Nghĩa của chữ *Ngân hà*, tức con sông *bạc*, danh từ dùng gọi con đường trắng ở về phía đông trên nền trời, người ta đặt tên là *Ngân hà* hay *Thiên hà* tức là con sông trên trời. Thành ngữ Việt Nam có câu: “*Trăm năm thề chẳng lòng phàm, sông Ngân đưa bạn cầu Lam rước người*”, và trong thơ có câu:

“*Đêm đêm trong dãy ngân hà,
Chuỗi sao tinh đầu đã ba năm tròn.
Đêm mòn mà dạ chẳng mòn,
Tào Khê nước chảy vẫn còn trơ trơ*”.

BÁU NGỌC CHÂU TRÂN: *Báu ngọc*: ngọc ngà châu báu. *Châu*: hạt trai. *Trân*: quý. *Châu trân*: hạt trai quý báu. *Báu ngọc châu trân*: Đồ quý giá bằng ngọc ngà châu báu được người đời trân trọng.

CON THẢO: Người con hiếu thảo.

NHUẬN ÂN: Gọi nhuần ân đức.

THÁNH ĐẾ: Ông vua đặc quả Thánh. Đức Thầy có câu: “*Rày gặp mưa nhuần ân Thánh Đế*”.

LƯỢC GIẢI :

Đức Huỳnh Giáo Chủ ví lời Sám Giảng như một bản đàn thâm diệu. Ngài rung động đê mê để đánh thức bao tâm hồn có căn lành sớm quay về nẻo giác. Giữ gìn thuần phong mỹ tục, kỷ cương của tôn giáo, lo tu hành tiến thẳng về cảnh Tiên Phật.

Ngài chẳng ngại chi thân bị sóng dập gió vùi, chẳng màng đến cảnh giàu sang phú quý của thế nhân, miễn làm sao chúng sanh biết tu thân lập mạng tỏ ra chí khí trượng

phu, dũng mãnh tiến xa trên đường giải thoát, đánh tan đầu óc nhu nhược.

Mang lấy thân phàm rất là nặng nhọc, hơn nữa bị cảnh lưu đày, nhưng ý chí vùng lên không bao giờ chùn bước. Ngài quyết làm như loài chim Ô thước lập xong cầu đá lấp ngang dãy Ngân hà cho Nguru Lang Chức Nữ gặp nhau. Lòng Thầy như thế đó, biết trò có đủ khả năng, tròn công đức, đủ điều kiện gặp gỡ trùng phùng như chàng Nguru, ả Chức hay chăng ? Trên đường truyền giáo, miễn sao tròn chí nguyện, thành công tốt đẹp, hoàn thành nhiệm vụ để nhà nhà no ấm được gọi nhuần ân đức của Thánh Vương, còn tấm thân của Đức Thầy không màng chi báu ngọc châu trân.

CHÁNH VĂN

41. *Đứng anh-hùng dựng nên thời-thế,
Sá chi loài trùn đế nhỏ-nhen.
Vội đem lòng cượng-ly ghét ghen,*
44. *Thêm cùng bớt tiếng kèn lời huyễn.
Chốn âm-ty nguru đầu, mã diện,
Đang trông ngày tới số bắt hồn.
Cõi âm thần bệnh sái dịch ôn,*
48. *Chờ mãi phước ra tay bẻ họng.*

CHÚ THÍCH :

ANH HÙNG: Anh là vua các loài hoa; Hùng là vua các loài thú. Nghĩa bóng: Chỉ cho những người tài giỏi an bang tế thế. Theo sách Vương Thông cho biết: “*Tự trị giả anh, tự thắng giả hùng*” (Tự biết mình là anh, tự thắng mình là hùng). Nguyễn Công Trứ có câu: “*Anh hùng khi gặp cũng khoan tay*”.

TRÙNG ĐẾ NHỎ NHEN: Con trùng con đế sống ở dưới đất rất là nhỏ nhen.

CƯỢNG LÝ: Chống lại lẽ phải.

GHÉT GHEN: Vừa ghét vừa ghen kẻ hơn mình.

TIẾNG KÈN LỜI QUYỀN: Do thành ngữ “*Giọng kèn giọng quyền*”, lời dẹt thêm bớt không trung thực. Đức Thầy có câu: “*Tiếng quyền tiếng kèn mặc ý bá gia*”.

ÂM TY: Cõi âm phủ. Tục truyền vua Tần Quảng Vương ngự trị tại đây, xét việc lành dữ của chúng sanh để tra tấn và hành phạt.

NGUỒU ĐẦU MÃ DIỆN: Đầu trâu mặt ngựa, chỉ cho quỷ sứ dưới cõi âm ty.

CÔI ÂM THẦN: *Âm*: cõi người chết. *Thần*: Buổi ban mai, cõi người sống.

BINH SÁI ÔN DỊCH: Bệnh dịch tả, còn gọi là bệnh thời khí. Bệnh này ngày xưa thường hay ói, tả tử vong rất cao. Người ta bảo nhau là bệnh ôn dịch do trời đất ban cho. Ông Sư Vãi có câu:

“*Chết mà chẳng thấy trời trần,
Là kêu ôn dịch hay mang khốn nghèo*”.

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng bảo:

“*Bệnh ôn dịch cũng đừng mời thỉnh*”.

LƯỢC GIẢI :

Là đáng anh hùng trong trời đất, có bản lĩnh cao cường tạo nên thời thế, nghĩa là có khả năng thay thế cuộc diện: từ *thua* bại trở thành *thắng* lợi, nên những ghét ghen cượng lý, thêm bớt, tiếng kèn lời quyền chỉ là lẽ tầm thường, nhỏ nhen ích kỷ, không đáng bận tâm. Chí lớn của Đức Huỳnh Giáo Chủ đâu phải là như thế.

Cái đáng sợ là lưỡi hái của tử thần, những dịch bệnh âm binh, những cảnh trừng phạt của nguồu đầu mã diện nơi chốn âm ty. Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên chúng sanh nên trực nhận xác thân vô thường, coi việc sanh, lão, bệnh, tử là trọng.

CHÁNH VĂN

49. *Cửa Tiên-bang hãy còn khóa công,
Nhà cha xưa cửa đóng then gài.
Con nào hiền thì vẹn thảo ngay,*
52. *Đưa ngõ-nghịch một mai dứt cỏ.
Nhìn gương kiến sao không biết hổ,
Lũ gian thần nào biết Tổ-Tông.*
55. *Làm âu-sầu một góc trời Đông,
Bị miệng sói thổi lông tìm vít.
Văn cang-thường đem ra bày trích,*
58. *Vạch chỉ lời cổ tích người xưa.*

CHÚ THÍCH :

TIÊN BANG: Nước Tiên hay cõi Tiên. Đức Thầy khuyên dạy:

*“Theo Ta đến chốn Tiên bang,
Đặng coi các nước hội hàng Năm Non”.*

Nghĩa bóng ám chỉ nước Việt Nam sau này quý báu như cảnh Tiên.

KHÓA CÔNG: Đóng công lại. Nghĩa bóng: chưa đến thời kỳ.

NHÀ CHA XƯA: Nhà cửa của đấng cha lành trước kia.

CỬA ĐÓNG THEN GÀI: Nhà chưa mở cửa, then còn gài chặt. Nghĩa bóng: chỉ thời kỳ chưa có vua chúa xuất hiện.

THẢO NGAY: *Thảo*: bảo dưỡng. *Ngay*: Ngay chánh. Hết lòng bảo dưỡng cha mẹ và trung thành với dân với nước.

NGÕ NGHỊCH: Ngang tàng nghịch ngợm, xem mọi người không ra gì.

ĐỨT CỎ: Bị chặt cỏ. Nghĩa rộng: Bị chết một cách thảm khốc.

GUƠNG KIẾN: Gương lũ kiến: loài vật biết kết đoàn và tận tình giúp đỡ nhau đến tận cùng, lúc nào cũng tha mọi về đây tổ để có no đủ cho cả đàn.

LŨ GIAN THẦN: Nói đủ “*Gian thần nịnh tặc*”. Bày tôi gian nịnh, ham sống sợ chết, a dua theo quyền thế, bợ đỡ để mua quan bán chức.

ÂU SÀU: Lo lắng buồn phiền. Đức Thầy có câu: “*Lòng ta thương chúng luống ưu sầu*”.

TRỜI ĐÔNG: Một vòm đất ở phía đông, gồm có nhiều quốc gia: Việt Nam, Cam Bốt, Ai Lao, Thái Lan...

THÔI LÔNG TÌM VẾT: Vạch lưng chim, thú vật để tìm vết thương, vết sẹo. Nghĩa bóng: Bới móc tìm chỗ xấu của người khác để chê bai, chỉ trích.

VĂN CANG THƯỜNG: *Văn*: chữ nghĩa lời văn. *Cang*: giềng mối. *Thường*: Thường hằng. Bốn phạm thường hằng của người: nam thì có Tam Cang, Ngũ thường, nữ thì có Tam tòng, Tứ đức (theo quan điểm thời xưa của người Á Đông).

Tam Cang: Quân thần Cang, Phụ tử Cang, Phu thê Cang.

Ngũ thường: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

Tam tòng: Tòng phụ, Tòng phu, Tòng tử.

Tứ đức: Công, Dung, Ngôn, Hạnh.

BÀI TRÍCH: Bài bác, chỉ trích để gạt bỏ ra.

CỔ TÍCH: Truyện xưa tích cũ. Những di tích lịch sử từ xưa lưu truyền lại.

LƯỢC GIẢI :

Theo cơ thiên định, luật hằng chuyển của lý Tam nguyên, nay là thời mạt pháp, người tâm trí tối đen, đời lắm ma vương khuấy rối. Nhà Tiên của Thánh của ông cha ta trước kia, tức dòng giống Tiên bang còn cửa đóng then gài, chưa đến thời Minh Vương xuất thế, trị chúng để thế giới bình an.

Hôm nay, đứa con nào biết hướng thượng, qui ngưỡng về Tông Tổ xưa cũng như cha lành của nước Việt Nam sau này là thuận với lẽ Trời. Nếu hiện tại biết lo tu hành, thảo cha ngay chúa, hiếu đễ cha mẹ sẽ được sống sót đến ngày lập Hội và được vinh Tông diệu Tổ. Ngược lại, đứa con nào ngỗ nghịch thì sẽ bị luật Thiên đình trừng phạt, khó mong sống sót.

Đây là gương kiến: tuy mang thân súc vật nhỏ nhoi, nhưng chúng biết sống vầy đoàn, nhường nhịn từ miếng ăn, chung sức bảo vệ tiếp sức lẫn nhau đến cùng. Huống chi ta, được mang thân người, linh hơn muôn vật sao chẳng chịu học đòi theo mà còn làm trái lại: a đua theo lũ nịnh thần, hại dân bán nước, làm tay sai cho bọn Thực dân, quên đi nền luân lý cổ truyền của dân tộc Á Đông đã có trên bốn ngàn năm văn hiến.

Bọn Tây Dương quen lối sống hùng hổ, xâm lấn cõi bờ các nước nhược tiểu, làm tan nát cuộc đời và gieo biết bao hận thù truyền kiếp với chúng dân Đông Nam Á. Chúng ta còn lạ gì lũ giặc đó nữa.

Nền luân lý Tam cương, Ngũ thường của Thánh nhân xưa là giếng mối căn bản nhứt, các bậc Thánh triết đã truyền thừa qua nhiều thế hệ kế vẫn khai lai, ảnh hưởng toàn cõi Trung Hoa lan dần qua Đông Nam Á. Các bậc tiền nhân Việt Nam ta nhờ thấm nhuần giáo lý Khổng, Mạnh giữ vẹn nhân luân, phụng hành trung hiếu và giữ an bờ cõi một cách đặc lực.

Thế mà hôm nay lũ nịnh thần lại thổi lông tìm vết, đem bài bác biếm nhẽ người xưa. Nghĩ thật buồn cười cho bọn chúng.

CHÁNH VĂN

59. *Nghĩ vì đâu có cuộc giày bừa,
Cho lẩn-lóc những người mới tỉnh.
Phải chi Phật lấy ngay bình tịnh,*

62. *Rưới cho trần được tỉnh chút tâm.
 Mãi để câu vi diệu thâm thâm,
 Cho sanh-chúng rừng lâm khó mở.
 Được gió nhẹ ngò đầu dễ thở,
 Bỗng đông luồng âm khí nặng-nề.
 Phải ngóng chờ cho phụng gặp kê,*
68. *Ấy thời đại Thánh Tiên trở mặt.*

CHÚ THÍCH :

GIÀY BÙA: Chà đạp một cách không thương tiếc.

LĂN LÓC: Từng trải qua, từng nếm qua. Ví dụ: lăn lóc trong cuộc đời. Đức Thầy có câu: “*Dù cho lăn lóc rần kiên trinh*”.

BÌNH TỊNH: Còn gọi *Tịnh bình*, tức bình đựng nước cam lồ. Theo truyền thuyết xưa, Phật Bà Quan Âm thường sai Hồng Hải Nhi theo hầu và cầm tịnh bình, trong chứa nước cam lồ, và nhánh dương liễu, khi hữu sự rưới xuống trần gian cứu độ người lâm tai nạn. Đức Thầy có câu: “*Khẩn bái Quan Âm trút tịnh bình*”.

VI DIỆU: *Vi*: nhỏ nhặt, huyền bí; *Diệu*: tốt đẹp. Đã đến chỗ tốt đẹp tinh tế.

THÂM THÂM: *Thâm*: rất; *Thâm*: Sâu xa. Hết sức sâu xa. Đức Thầy có câu: “*Thâm thâm đây đó niềm liên ái*”.

RỪNG LÂM: Núi rừng trùng điệp, khó tìm lối thoát hiểm. Đức Thầy có câu:

*“Rừng lâm cây đá thấy ngày nay,
 Mà ruột Năm non có các-đài”.*

MÃI ĐỂ CÂU VI DIỆU THÂM THÂM, CHO SANH CHỨNG RỪNG LÂM KHÓ MỞ: Ý nói: nên đạo Phật rất cao sâu huyền diệu. Như câu: “*Đạo Phật diệu diệu thâm thâm, Dầu mà tận thế ngàn năm vẫn còn*”.

Thật vậy, Đạo Phật gồm có pháp hữu và pháp vô. Nếu lấy bên hữu không, cũng chẳng được. Ngược lại, nếu

chấp bên vô cũng chẳng rời. Có lúc phải dùng hữu và có lúc phải dùng vô. Hơn nữa, có lúc còn phải dụng quyền, có lúc dụng thiệt, có lúc dụng đốn và có lúc dụng tiệm. Cho nên, kẻ mới phát tâm không sao hiểu thấu nguồn gốc của Đạo.

Kinh Phật thường ví nền Đạo như đám rừng, nếu lạc vào rừng, ta thiếu duyên lành thì khó kiếm nẻo ra. Mặc dù thế, nếu hành giả thật chân tu và sâu duyên cùng Phật pháp sẽ tìm được lối thoát một cách dễ dàng.

GIÓ NHẸ: Tiếng gió đưa nhẹ nhẹ. Nghĩa bóng: Chỉ lúc chính sách thực dân để lặng êm cho Đức Tôn Sư PGHH bành trướng nền Đạo.

ÂM KHÍ: Âm: thuộc về cõi chết. Khí: hơi khí lạnh lẽo, nặng nề như từ cõi âm đưa lại. Nghĩa bóng: Tin di đời Đức Giáo Chủ như sét đánh bên tai, dự báo như một luồng âm khí nặng nề đưa đến.

PHỤNG GẶP KÊ: Phụng: chim phụng (ám chỉ Đức Thánh Vương); Kê: gà. Nghĩa bóng: Chúa Thánh sẽ gặp tôi hiền. Ấy là thời đại Phật, Thánh, Tiên trở mặt.

LUỢC GIẢI :

Xét nghĩ: Không biết nguyên do vì đâu có cuộc giày bừa của quân đội Pháp, làm cho đất nước ta bị bệnh binh đao tang tóc, số người mới quy y Phật pháp phải một trận “thất điên bát đảo”, đạo tâm lung lạc.

Đức Huỳnh Giáo Chủ ước chi Phật dùng nước cam lồ rưới xuống trần gian cho sanh chúng gọi nhuần ân đức, tỉnh tâm, cải tà quy chánh lo tu hành..

Nguồn chơn lý của đạo Phật từ ngàn xưa đến giờ vốn rất cao thâm huyền diệu. Khi thì cao tận trời xanh, khi thì thấp la đà mặt đất; khi rộng thì lan khắp bốn biển năm châu, khi nhỏ thì như hạt tiêu hạt cải. Hơn nữa, khi quyền, khi thiệt, lúc đốn, lúc tiệm, làm cho người ít thiện căn khó

mà nắm vững. Ví như kẻ đã lạc vào rừng khó tìm được nẻo ra.

May mắn thay, vào thời mạt pháp chúng sanh được Phật Trời ân xá bớt tội căn, và được chư Phật sắc lệnh cho Đức Thầy giảng trần khai Đạo là điều diễm phúc. Nhưng thật tế lại khác, giặc Pháp ngang nhiên tác oai, tác quái làm cho nền Đạo bị ngưng trệ, và tẩm thân của Đức Huỳnh Giáo Chủ phải xa cách môn đồ mà dẫn thân trên đường gió bụi. Có thể nói, cảnh huống đó như một cơn lốc dữ dội đưa đến nền đạo PGHH, nhưng đó chẳng qua tại lẽ trời.

Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên nên: ***“Đội cơ thiên địa xây vắn đến, Chờ cuộc phong lôi đổi vận lành”***. Trông đúng ngày chim phụng gáy, đó là ngày Đức Thánh Vương ra đời, có đủ Phật, Thánh, Tiên lâm phàm trợ trưởng lập lại cuộc đời tân. Theo truyền thuyết xưa, đời Ngũ Đế bên Trung Hoa trị vì thiên hạ, chim phụng xuất hiện đầy đồng nội. Đến đời Võ Vương thì chim phụng gáy ở chót núi Kỳ Sơn. Nếu cuộc thế xoay vắn đúng lúc, qua khỏi khúc quanh lịch sử, mai sau chim phụng và gà có ngày được gặp mặt nhau tại trung tâm điểm miền Nam Việt Nam. Suy ra, giữa tín đồ và Đức Tôn Sư PGHH hoàn cảnh sau đây cũng na ná như vậy.

CHÁNH VĂN

69. *Càng nhìn dân lòng tơ siết chặt,
Đau chi bằng đau khúc đoan-trường.
Ước sao mà thuận gió buồm trương,*
72. *Đò bát-nhã rước tôi lương đồng.
Ngày vui tươi cũng đà ló bóng,
Có sao đời còn mãi say-sưa ?
Không tìm Thầy đặng hưởng phước thừa,*
76. *Ngày lập hội tay vin nhành quế.
Trau thân phận rạn danh hiệu để,
Thỏa dạ Thầy nơi chốn mây rồng.*

80. *Đừng chia lia Bắc tổ Nam tông,
Chỉ biết giống Lạc-Hồng Thượng-cổ.*

CHÚ THÍCH :

ĐOAN TRƯỜNG: Đứt ruột. Chuyện hết sức bi thảm và khổ cực, khiến đến tan nát cõi lòng. Sách Sử ký xưa có ghi lại câu chuyện: Vua Hứa Tinh Vương và quần thần đi săn đến một vùng núi nọ gặp hai mẹ con khi đột đang chuyền nhảy trên cành. Hứa Tinh Vương lấp tên bắn cả hai. Khi mẹ nhờ lanh tay nên bắt tên kịp, khi con yếu đuối nên bị trúng tên. Hứa Tinh Vương sai người trèo lên cây lôi khi con xuống và vác xác khi con đi. Lúc đó khi mẹ rất đau lòng, từ trên cây buông tay rớt xuống đất. Quân lính bắt cả hai đem về trào làm thịt. Khi mổ bụng cả hai mẹ con khi thì thấy khi con tuy bị tên nhưng ruột vẫn còn nguyên vẹn, còn khi mẹ tuy không bị tên nhưng ruột đứt từng đoạn, trông thật là thảm não. Hứa Tinh Vương trực nhận được hoàn cảnh đó, ông rất buồn ngùi cảm động, tự hối hận đáy lòng. Bắt đầu từ đó, ông ra lệnh cấm chỉ đi săn. Và thời gian sau ông bỏ ngôi tự nguyện xuất gia, chỉ trong một kiếp đó, Hứa Tinh Vương được đắc đạo. Ở đây, Đức Thầy muốn xác định: Lòng Đức Tôn Sư nhìn cảnh chia ly giữa tình thầy tớ hiện giờ đứt từng đoạn ruột như khi mẹ vậy.

THUẬN GIÓ: Xuôi theo chiều gió thổi. Nghĩa bóng: Đồng một quan niệm, một đường lối hay một chí hướng.

BUỒM TRƯỞNG: Cũng gọi là *trương buồm*, mở buồm cho bọc gió.

ĐỒ BÁT NHÃ: Cũng gọi là *bát nhã thoàn*. *Bát nhã* tức là trí huệ, một trong sáu pháp Ba la mật của chư Bồ Tát thường hành, có diệu năng đưa người từ bờ mê sang qua bến giác. Bát nhã là một từ đặc dụng trong Phật pháp, bao gồm nhiều ý nghĩa từ thấp đến cao:

Văn tự Bát Nhã: Sự sáng suốt thông hiểu lý nghĩa màu nhiệm trong kinh điển đạo Phật, do học rộng, nghe nhiều sưu tập mà đạt.

Quán chiếu Bát Nhã: Cái trí thấu suốt phân biệt các pháp do tịnh lự tư duy mà mở thông.

Thật tướng Bát Nhã: Cái linh trí sáng suốt sẵn có của mọi người (trí vô sư).

LƯƠNG ĐỒNG: *Lương*: cái rường nhà. *Đồng*: cái đòn tay nhà. Rường và đòn tay là hai bộ phận quan trọng (không thể thiếu được) trong căn nhà. Nghĩa bóng: Kẻ bày tỏ quan trọng của đất nước. Đức Thầy bày tỏ:

“Liên hoa đua nở nụ cười,

Rước tôi lương đồng chào người chơn tu”.

VUI TƯƠI: Vui vẻ tươi tỉnh và phấn chấn. Thí dụ: Không khí vui tươi của ngày hội.

LỒ BÓNG: Nổi lên, nhô ra. Bóng: hình dạng. Lồ bóng: lộ hình dạng cho thấy rõ.

SAY SỮA: Say đắm triền miên. Đức Thầy bảo: ***“Say sưa chuyện cổ nhắc chừng đời”.***

PHƯỚC THỪA: *Phước*: Tốt đẹp may mắn. *Thừa*: dư. *Phước thừa*: Trôi Phật ban bố phước đức thừa sức.

TAY VIN NHÀN QUẾ: Chỉ đỗ đạt, thành công. Trong sách “Tam Tự Kinh” có chép: Ngày xưa, ở đất Yên Sơn có nhà họ Đậu, là người phẩm hạnh hiền đức, thông minh học rộng biết nhiều. Gia đình khá giả, hạ sanh được năm người con. Ông Đậu giáo huấn các con đều nên người, ai cũng chuyên cần học tập, nên về sau *đều thi đỗ được bổ làm quan nơi triều chính*. Thật là một gia đình gương mẫu, đời sau sách sử ghi biên, văn gia ca ngợi. (*Đậu Yên Sơn ngũ chi đan quế*).

HIẾU ĐẸ: Có lòng kính trọng cha mẹ và hòa thuận với anh em trong gia đình.

MÂY RÒNG: Nghĩa chữ Long Vân. Ròng gặp mây thì tha hồ vùng vẫy. Nghĩa bóng: Tôi chúa gặp nhau tở

thầy sum họp, thi cử đỗ đạt. Đức Thầy có câu: **“Gắm đây đến cuộc mây rồng chẳng xa”**.

BẮC TÔ NAM TÔNG: Bắc Nam cùng chung giống con Hồng cháu Lạc.

LAC HỒNG: Còn gọi là Hồng Lạc, tức chỉ họ Hồng Bàng bắt đầu từ Lạc Long Quân, vị vua đầu tiên nước Việt Nam. Gọi chung Hồng Bàng và Lạc Long Quân là “Hồng Lạc”, tức tổ tiên người Việt Nam. Cổ thi có câu: *“Nhớ câu ngọc bốn thủy nguyên, Cháu con Hồng Lạc lưu truyền ngàn xưa”*, và Đức Thầy cũng bảo: **“Quyết chí nâng niu giống Lạc Hồng”**.

THƯƠNG CỔ: Còn gọi là Thương nguon (thời xa xưa). Thời con người còn ăn lông ở lỗ. Đức Thầy có câu: **“Huòn lai Thượng Cổ mới bình yên”**.

LƯỢC GIẢI :

Càng nhìn dân, lòng từ của chư Phật càng ruột thắt tơ vò. Thảm cảnh cha xa con, Thầy lạc tứ diển ra trên thật tế thật phũ phàng đứt ruột. Kẻ đi người ở bụi ngùi, giọt lệ ướt đầm bờ mi, dầu ta lòng gan sắt đá cũng không nén được tức tử. Thật là cảnh đoạn trường chưa từng có trên lịch sử Việt Nam.

Dù thế, Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng ước mong sao trên đường phiêu bạt được thuận gió xuôi buồm, thuyền chèo mát mái. Con thuyền Bát nhã của Ngài được tự do đưa rước những tôi lương đồng, chào đón những kẻ chân tu để qui hồi cựu vị.

Đức Tôn Sư PGHH cho biết thêm ngày lập Hội nơi miền Bảy Núi cũng không còn xa lắm, sắp lộ dạng nay mai. Cớ sao đời cứ mãi say sưa trụ lạc, không chịu quay về nền xưa nếp cũ tìm gặp Đức Thầy để tiến xa trên đường tu tỉnh, hầu hưởng được ân thừa của Trời Phật ban bố và ngày thi cử được chiếm bảng vàng.

Một lần nữa, Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyến khích nhơn sanh lo lập thân hành đạo cho tròn vẹn kiếp con người, làm rõ ràng đũa con hiếu thảo và tỏ rạng danh Thầy trong ngày đại hội Long Vân sắp đến.

Tinh thần đạo Phật vốn chủ trương đoàn kết, tương trợ lẫn nhau như con một cha, không phân biệt đông, tây, nam, bắc, bên bờ. Vì sao ? Vì toàn thể dân tộc Việt Nam vốn phát sinh từ gốc Lạc Long Quân họ Hồng Bàng, thượng cổ thời đại.

CHÁNH VĂN

81. *Tai nghe chi những câu ái-ố,
Lòng từ-bi chớ cố lời gièm.
Đạo hiểu rồi ngon tợ gói nem,*
84. *Tuy côi thể lấm-lem trần-tục.
Mây ganh hờn đầy lòng nghi-ngút,
Giữ dạ trong đờng đục mới mầu.
Thân bản tăng mặc bộ sồng nâu,*
88. *Cuộc thiên-lý một bầu đều hãn.
Đến kỳ thi danh Thầy chạm bảng,
Trên đài cao gọi các linh hồn.
Nay ngu khờ len-lỏi hương-thôn,*
92. *Sau đức Đạo tiếng đồn bốn biển.*

CHÚ THÍCH :

ÁI Ó: Ái: thương. Ó: ghét. Thương ghét.

LÒNG TỪ BI: Từ: hiền lành; Bi: thương xót. Từ Bi là hai trong bốn đại đức của chư Phật (Từ, Bi, Hi, Xả). Ý nói: Người Phật tử lúc nào cũng điều luyện, tâm thương xót tất cả muôn loài, không dính mắc lời gièm siểm của người đời, vì đó là tánh xấu xa ích kỷ.

GỎI NEM: Gói là thức ăn được trộn nhiều thứ như: Cá thịt, đậu hủ, các thứ rau, giấm, chanh. Nem: Thức ăn làm bằng thịt, vỏ bưởi...trộn lẫn với các thứ gia vị khác,

gói bằng lá chuối, lá dứa để vài ba bữa lên men chua mới sử dụng. Người xưa thường nói: “*Nem công chả phượng*”. *Gỏi nem* là hai thức ăn ngon, thích khẩu mọi người. Nghĩa bóng: Đạo đức vốn hợp với lý lẽ chân thật, được mọi người tôn kính chấp nhận. Đức Thầy đã so sánh: “**Mùi đạo diệu gỏi nem khó sánh**”.

LÁM LEM: Dính dơ nhiều.

TRẦN TỤC: *Trần*: bụi bặm. *Tục*: nơi mọi người đang ở. Cõi đời đầy bụi bặm mà chúng sanh đang sống. Đức Thầy có câu: “**Lánh nơi trần tục học hành đường Tiên**”.

GANH HÒN: *Ganh*: ghen. *Hòn*: giận dữ. Cụ Nguyễn Du có câu: “*Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*”.

NGHI NGÚT: Bốc cao lên cuồn cuộn, lan tỏa khắp nơi. Đức Thầy có câu: “**Hương đăng nghi ngút lễ vọng cầu**”.

BÀN TẶNG: *Bàn*: nghèo. *Tặng*: thầy tu. Tiếng các thầy tu tự xưng một cách khiêm nhường. Đức Thầy có câu: “**Quỳ đầu hướng thiện bàn tăng dất dùm**”.

SÔNG NÂU: *Sông (sùng)*: Giống cây có lá dùng để nhuộm màu đen. *Nâu*: loại cây leo, có trái màu dà sẫm để làm thuốc nhuộm. Nghĩa bóng: Người quy y đầu Phật. Trần Tế Xương có câu: “*Cửa Phật quanh năm vẫn áo sông*”. Và Truyện Kiều có câu: “*Nâu sông từ bện màu thiên*”. Ông Thanh Sĩ cũng cho biết:

“*Những bộ áo sông nâu đầu vắng,
Se súa đồ xinh xắn lựa the*”.

THIÊN LÝ: *Thiên*: ngàn. *Lý*: dặm. Nghìn dặm. Nghĩa bóng: Rất xa xăm, rất dài.

CHẠM BẢNG: *Chạm*: đụng nhẹ vào vật gì. *Bảng*: vật có mặt phẳng thường bằng gỗ, dùng để viết hoặc dán nội dung thông báo vào đó cho người xem. *Chạm bảng*: ghi khắc tên tuổi những nhân vật có công trạng với nước

vời dân hay Đạo pháp. Ở đây Đức Thầy cho biết: Ngày hội thi sắp đến, thanh danh Ngài được khắc ghi trên bảng vàng.

LINH HỒN: Xem lại CT tại tr. 384, Q. Thượng, Tập 3/3.

LEN LÔI: Chen mình vào giữa đám đông, hoặc chỗ khó đi một cách vất vả. Đức Thầy có câu: **“Ta thương đời len lõi xuống trần”**. Ở đây, Đức Thầy muốn nói: Ngài giả người khờ khạo để len lõi tận thôn quê hẻo lánh dạy đời.

HƯƠNG THÔN: Xóm làng. Đức Thầy có câu: **“Hương thôn bốn đạo lo âu mỗi giềng”**.

LƯỢC GIẢI :

Tại người biết Đạo phải luyện tập không cho phật ý khi nghe tiếng huyền lời gièm hay tiếng nịnh hót. Vì người tu đây lòng bác ái vị tha, từ, bi, hỷ, xả. Được thế, mới đúng đường chơn lý Phật gia.

Gỏi nem là thực phẩm ngon nhất trong buổi tiệc, là món cao lương từ thành thị đến thôn quê. Cái lý đạo, nếu chúng ta nắm bắt được và hành trì theo, còn ngon hơn gỏi nem nữa. Mặc dù chúng ta đang sống trong cõi tục trần, đầy bùn trịn, nhưng người hiểu Đạo sẽ được vươn lên khỏi chất ô trọc bợn nhơ.

Cái tâm ganh hờn ghét ngó, nếu chúng ta còn chất chứa trong lòng, sẽ cao vút tận chín tầng mây, đòi đòi kiếp kiếp chuyển luân trong cõi thế để trả cái nghiệp oan oan tương báo. Là Phật tử, ta phải luôn luôn tiêu diệt chúng, bằng cách: **“Giữ dạ trong đòng đục mới màu”**. Nghĩa là phải bỏ tất cả lòng ham muốn, tánh kiêu ngạo, tật đố, gièm siểm, dua nịnh, ích kỷ, tư tâm, sự gây gổ mê đắm trong bê đục tình và sự phiền não nó làm cho não loạn cõi lòng.

Bản thân Đức Giáo Chủ hiện giờ tuy bên ngoài khoác bộ sồng nâu của người chơn Phật tử nhưng Ngài vẫn là một cao đệ của Đức Phật Tổ Thích Ca xưa kia, nên

cuộc sinh hóa vận hành trong trời đất của vũ trụ cần khôn Ngài đều biết rõ, và biết một cách chính xác.

Tuy hiện giờ, Đức Huỳnh Giáo Chủ giả đại giả ngu vào lòn ra cúi, ở trong hang cùng ngõ hẻm. Nhưng sau này Ngài sẽ là một vị an bang xuất chúng, phò trợ Đức Thánh Vương ở thời Thượng nguơn tới đây. Chừng đó thanh danh Thầy sẽ rạng rỡ khắp năm châu rồi Ngài sẽ hoàn thành sứ mạng: **“Chọn những đấng tu hành cao công quả ban cho xứng vị, xứng ngôi. Người đũ các thiện căn để giáo truyền đại đạo, định ngôi phân thứ, gây cuộc hòa bình cho vạn quốc chư bang”**. Và Ngài sẽ hoàn toàn đắc đạo, tiếng đồn vang xa bốn biển.

CHÁNH VĂN

93. ***Giảng với sấm ra tài sửa kiểng,
Kệ cùng ca lựa tuyển con lành.
Tuy là Ta không thể sanh-thành,***
96. ***Nhưng thương hết ra tài dạy-dỗ.
Đòi phải biết suy kim nghiệm cổ,
Thông cơ-đồ dựng nghiệp Thánh Hiền.
Ta quyết lòng rút nợ oan-khiên,***
100. ***Cứu bá-tánh khỏi nơi lao-khổ.***

CHÚ THÍCH :

GIẢNG VỚI SẤM: Giảng: giải thích cho hiểu rõ; bài vận văn khuyến tu. Sấm: những lời dự đoán tương lai do những câu truyền khẩu hay sách xưa để lại.

SỬA KIỂNG: Sửa cây cảnh cho có giá trị và trồng các loại hoa quý hiếm. Nghĩa bóng: Lo trau dồi đạo hạnh hằng ngày được trở nên tốt đẹp. Đức Thầy có câu:

***“Biết lo sửa kiểng trồng huê,
Thơm tho gia trụ danh đề tổ tông”***.

KÊ CÙNG CA: Kệ: là một thể văn trong Kinh Phật. Thường cứ một thiên Kinh thì có một bài Kệ, để tán thán

hoặc tóm ý đoạn Kinh đó. Như trong quyển Khuyên Thiện, Đức Tôn Sư PGHH sáng tác hai bài Kệ: “**Tiếng kệ từ bi...**” và tiếng kệ “**Đêm thanh**”. Và trong kinh Pháp Bửu Đàn, Đức Lục Tổ có viết bài kệ phá tướng: “**Bồ đề bốn vô thọ...**” hay sư Thần Tú viết bài Kệ chấp tướng như sau: “**Thân thị bồ đề thọ...**” Ca: những bài vận văn ca tụng công đức hay giáo pháp của chư Phật, như bài “**Chứng Đạo Ca**” trong kinh Phật.

LỰA TUYỂN: Lọc lựa, kén chọn. Đức Thầy có câu: “**Hội triều đình các quan lựa tuyển**”.

SANH THÀNH: *Sanh:* đẻ ra, nuôi dưỡng và dạy dỗ cho nên người. *Thành:* thành công. Nghĩa bóng: chỉ công ơn cha mẹ. Đức Thầy có câu: “**Ham công danh quên chữ sanh thành**”.

DAY DỠ: Chỉ dạy, dỗ dành. Ở đây Đức Thầy muốn nói: Ngài không bỏ rơi một chúng sanh nào dù: ngu hoặc trí, lười biếng hoặc siêng năng. Nếu ai có căn duyên quày đầu hướng thiện đều được độ tận, được đùm bọc đến nơi đến chốn.

SUY KIM NGHIÊM CÔ: Xét chuyện nay nghĩ đến chuyện xưa.

CƠ ĐỒ: *Cơ:* nền móng. *Đồ:* mưu tính. Sự nghiệp vững chắc. Đức Thầy có câu: “**Chừng nào thấy được cơ đồ**”. Ý Đức Thầy muốn nói: Muốn an bang tế thế phải thông hiểu binh thư đồ trận, đầy thao lược mới dựng nên thời thế, cơ nghiệp của Thánh Hiền. Như ông Khương Tử Nha giúp nhà Châu dựng nên cơ nghiệp, trị vì suốt 800 năm, hoặc Trương Tử Phòng (Trương Lương) phò trợ Lưu Bang thống nhất lãnh thổ Trung Hoa dựng nên cơ nghiệp nhà Hán (202 TCN), xây dựng đất nước thanh bình, toàn dân an cư lạc nghiệp suốt thời gian dài.

THÁNH HIÊN: Xem lại CT tr. 382 trên.

OAN KHIÊN: *Oan:* oan ức. *Khiên:* tội lỗi. Bị kết tội một cách oan ức. Ở đây ý Đức Thầy cương quyết một

lòng rút sạch oan trái, dầu cho giặc Pháp kết án oan ức hay lưu đày, Ngài vẫn bình tâm cứu an bá tánh, đồng lo tu hành giải thoát khỏi cảnh ta bà thống khổ này.

BÁ TÁNH: Trăm họ. Chỉ cho tất cả mọi người.

LAO KHỔ: Cực nhọc, lao đao khổ sở. Ý nói: Còn mắc trong vòng ràng buộc của hóa công và giặc Pháp.

LƯỢC GIẢI :

Kệ giảng và sám cơ được Đức Huỳnh Giáo Chủ ra công viết và sửa chữa rất dày dặn. Nó có công năng đưa hành giả từ phàm phu thành Phật Thánh. Dầu Ngài không sanh dưỡng chúng dân nhưng lòng thương hết mọi người nên quyết ra công dạy dỗ, dìu dắt họ. Làm người, ta cần phải biết nghiệm suy những gương kim cổ, phải học tập để lâu thông thạo lược, dựng lại cơ nghiệp đạo đức của Thánh Hiền để vừa dân giúp nước.

Đức Huỳnh Giáo Chủ dù là tăng sĩ độ đời, nhưng lúc nào cũng nguyện đem hết lòng phụng sự tổ quốc. Ngài nguyện đưa con Hồng cháu Lạc ra khỏi gông cùm của giặc ngoại bang, cứu độ dân sinh khỏi vòng binh lửa và quyết giải nợ tiền khiên túc trái trong nhiều đời nhiều kiếp mà Ngài đã vương mang.

CHÁNH VĂN

101. *Gà lôi sớm mượn oai tố-hộ,
Có một ngày rút lột hổ-hang.
Nhu hiền hòa nhược ắt thắng cương,*
104. *Đời cùng Đạo bi hoan, ly hiệp.
Tám lòng thành gian-truân chó khiếp,
Đức từ-bi tiếp-dẫn linh-hồn.
Nén hương nguyện cầu với Phật-Tôn,*
108. *Ban phước-huệ cứu nàn dương-thế.*

CHÚ THÍCH

GÀ LÔI: Loại gà có thân hình cao, trông giống như con công, người ta thường nuôi để lấy thịt.

TỐ HỘ: Nghĩa bóng: Con gà lôi mượn oai của con công để làm uy với đồng loại; ý nói mượn uy danh, hay tay của người khác để ra oai với mọi người.

HỒ HANG: Xấu hổ. Ca dao có câu:

*“Làm người sao chẳng hổ hang,
Thua em kém chị xóm làng cười chê”.*

Ý nói: Mình mượn uy người hay tay chân của người khác, một khi đổ bể hay lộ mặt nạ, rớt lốt khoác bề ngoài, rất là xấu hổ.

NHU HIỀN HÒA NHƯỢC ẤT THẮNG CANG:

Nhu: mềm mỏng; *Hiền*: đức hạnh, trung hậu; *Hoà*: thuận thảo, biết tiến thoái trong việc xử thế tiếp vật; *Nhuộc*: mềm yếu. Lấy nhu để thắng cương, lấy mềm mỏng, hiền hòa, nhu nhược để thắng lòng cứng cõi của đối phương. Trường hợp Lưu Bang thắng Hạng Vũ xưa là chứng tích điển hình. Hay Tư Mã Ý thắng kẻ Khổng Minh trước kia, cũng là tấm gương ít có. Hôm nay, ĐHGK học theo gương hạnh của tiên nhân để thắng giặc Pháp.

ĐỜI CÙNG ĐẠO BI HOAN, LY HIỆP: Ý nói việc đời, việc Đạo đều diễn biến theo định luật: buồn vui, tan hiệp. Hay nói một cách khác: bỉ, thái, cùng, thông. Nghĩa bóng: Đời hay Đạo đều nằm trong lý vô thường: hết buồn đến vui, hết tan đến hiệp. Ý khuyên con người sớm tỉnh mộng trần gian và kiên tâm chịu đựng những hoàn cảnh khổ khó, rèn đức ý chí cương cứng bất khuất để đạt những thành quả tốt đẹp.

TÂM LÒNG THÀNH: *Lòng*: nghĩa của chữ tâm.

Thành: thật thà, chất phác. Đức Thầy có câu:

*“Đầu ngưỡng vọng đất trời mình chứng,
Tâm lòng thành quyết dựng Đạo đời”.*

Ở đây ý nói: Lòng thành đã toát ra, dù nhọc nhằn, lao khổ cách nào không bao giờ sờn lòng thối chí. Tục ngữ có câu:

*“Mũi tên dòn hết tâm thành,
Bắn vào đá cứng, tan tành như chơi”.*

GIAN TRUÂN: Gian nan, khó khăn khổ sở. Đức Thầy có câu: ***“Gãm trong thế sự còn đầy gian truân”.***

CHỚ KHIẾP: Không khiếp sợ.

ĐỨC TỪ BI: Chỉ Đức Phật

TIẾP DẪN: Nhận dẫn dắt, rước đưa. Khi nói : *Đáng Tiếp Dẫn* thì từ này còn chỉ vị *“Tiếp Dẫn Đạo Nhơn”* tức Đức Phật A Di Đà, vị Phật có sứ mạng tiếp dẫn các vong hồn có thiện duyên về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc.

NÉN HUƠNG NGUYỄN: Nén hương cầu nguyện oai linh chư Phật cứu giúp chúng sinh.

PHẬT TÔN: Tiếng tôn xưng đối với Đức Phật Tổ Thích Ca. Đức Thầy có câu: ***“Lão đây vâng lệnh Phật Tôn”.***

PHƯỚC HUỆ: *Phước*: những điều may mắn tốt đẹp đưa đến, do nhân lành đã gieo từ trước. *Huệ*: sự thông minh thấu suốt mọi lẽ, do công tu đẹp sạch vô minh phiền não mà đạt được. Phước Huệ cũng chỉ hai phương pháp tu trì: phước đức và trí tuệ; ai hành đủ hai môn đó mới có đủ điều kiện để trở thành bậc Chánh Giác.

CỨU NẠN: Cứu hết tai nạn.

DƯƠNG THẾ: Cõi chúng ta đang ở.

LƯỢC GIẢI :

Làm người ở đời phải sống thật với chính lòng mình, không nên vay mượn oai của kẻ khác để hù dọa đồng loại; nhứt là mượn oai của ngoại bang, vì chúng không bao giờ để yên cho ta hưởng thụ. Chúng ta đời đời nhớ câu Tục ngữ *“Hết xôi, rồi việc”* để răn lòng. Đã mang

thân gà lôi, có hình sắc như giống công, chớ nào phải thật công đầu mà mượn oai công hù dọa đồng loại. Nếu ta cứ mượn oai của người khác, không sớm thì muộn sẽ lòi mặt nạ giả. Chừng ấy thật là xấu hổ.

Trên phương diện đời hoặc Đạo, chúng ta phải lấy bài học “*Nhu thắng cương, nhược thắng cường*”. gương của Lưu Bang thắng Hạng Vũ, Tư Mã Ý thắng kế Khổng Minh để làm bài học gối đầu giường.

Về sách sử cũng như thật tế, cuộc đời: bi hoan, ly hiệp thường diễn ra trong xã hội loài người. Hết vui tới buồn, hết thịnh tới suy, hết hiệp rồi tan; đó là tính vô thường của hóa công vậy.

Lòng thành là điều kiện tất yếu để hoàn thành công việc đời hoặc Đạo, có nó chúng ta mới không khiếp sợ trước gian truân thử thách của trường đời. Các chư Phật hằng nguyện tiếp dẫn chúng sanh về cảnh giới Cực Lạc, nếu ta có đủ tấm lòng thành. Và Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng là một vị cứu tinh trong nhơn loại; Ngài luôn luôn có bản nguyện với mười phương chư Phật độ rỗi và ban phước huệ cho cả chúng sanh trong thế giới Ta Bà để được giải thoát tai nạn và lo tinh tấn tu hành đến ngày công viên quả mãn.

CHÁNH VĂN

109. *Nhớ thuở nhỏ nhờ ơn bông-bé,
Nay được nên vai-vế trưởng-thành.
Ngẫm cuộc đời hai chữ trực-thanh,*
112. *Thân hành Đạo vang danh khắp chốn.
Nhưng ngặt nỗi gặp đời hỗn-độn,
Câu quân-thân phụ-tử rã-rời.
Khuyến tu hành hao sức tổn hơi,*
116. *Chẳng hề mở miệng ra than trách.*

CHÚ THÍCH :

BÔNG BÉ: Bông con và bé cháu. Tục ngữ có câu “*Tay bông, tay bé*”. Nghĩa bóng: Chịu đựng vất vả.

VAI VẾ: Hai vai và hai vế. Đủ bộ phận của người thành nhân. Nghĩa rộng: Đủ tay chơn bộ hạ.

TRƯỞNG THANH: Lớn khôn. Từ 18 tuổi trở lên là trưởng thành. Dưới 18 tuổi trở xuống là vị thành niên.

TRƯỚC THANH: *Trước (trọc):* đục bản. *Thanh:* trong sạch. Nghĩa bóng: Sự đê hèn thấp kém và sự thanh cao trong sạch.

HỖN ĐỘN: *Hỗn:* lẫn lộn. *Độn:* rối loạn. Cuộc đời lộn xộn chưa phân định tà chánh, chúa tôi, ai cũng giành nắm quyền hành trong tay. Ví như đời “Thập Bát Phần Vương” bên Trung Hoa hay thời loạn “Mười Hai Sứ Quân” trong lịch sử nước ta. Ở đây Đức Thầy ví thời Pháp thuộc cũng giống như hai thời loạn vừa kể trên.

QUÂN THẦN: *Quân:* vua. *Thần:* tôi. Vua tôi. Đây chỉ bày tôi không còn kính mến vua nữa.

PHỤ TỬ: *Phụ:* cha; *Tử:* con. Tình nghĩa cha con. Ý chỉ bỏ hết lễ nghĩa luân thường đạo lý.

RÃ RỜI: Chia ra từng mảnh vụn. Cảm thấy nát rời vì mệt mỏi. Câu “*Quân thần phụ tử rã rời*” ý nói: Giữa tình vua tôi, thầy tớ, cha con, chồng vợ không còn thắt chặt như xưa nữa. Mạnh ai nấy lo chiếm đoạt giềng mối để làm của riêng.

TU HÀNH: *Tu:* sửa. *Hành:* làm. Đức Thầy có câu:

“Bồi chữ tu liền với chữ hành,

Hành bất chánh người đời mới nói”.

HAO SỨC TỒN HƠI: *Hao sức:* tổn sức lực. *Tồn hơi:* giảm lần hơi thở. Ý nói: Tổn kém sức lực và mòn lần kiếp sống.

THAN TRÁCH: Than van trách phận.

LƯỢC GIẢI :

Nhớ lại thuở ấu thơ nhờ ơn cha mẹ sanh để ẵm bồng, ân cần dạy dỗ cho mình được nên người, công lao thật là rộng lớn. Ca dao có câu:

*“Công cha như núi Thái sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”.*

Hôm nay mình được trưởng thành, làm nên danh phận trong xã hội là do sự khó nhọc của tổ tiên cha mẹ mà ra.

Suốt cuộc đời nếu đem ra suy gẫm tường tận nó chỉ nằm trong hai lẽ *“trước và thanh”*. Trước thì miệng thế chê bai biếm nhẽ. Thanh sẽ được người đời ca tụng nhắc nhở đến luôn. Và nhưt là “chơn Phật tử” sẽ được thế gian lưu truyền mãi mãi, thanh danh sẽ lan rộng khắp bốn biển năm châu, như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ xác định:

*“Ta bầy giờ tu niệm tâm thường.
Sau danh thế sự hương khắp chốn”.*

Nhưng ngặt nỗi sanh bất phùng thời, chưa gặp vị chơn chúa, nên cuộc đời đảo lộn, không ra thể thống gì cả: Giữa tình cha con, chồng vợ, giữa nghĩa kim bằng, ân thầy trò và vua chúa, không còn trật tự như xưa nữa; tất cả đều rã rời tan nát. Thật là một thời đại suy thoái chưa từng thấy trong lịch sử Việt Nam.

Đức Tôn Sư PGHH ra đời dạy Đạo dùng đủ lời lẽ giải bày, hao sức tổn hơi và chịu nhiều gian khổ, nhưng Ngài không bao giờ mở miệng ra than trách. Vì sao ? Vì mang lấy sứ mạng, vì vĩ nghiệp của đấng cha lành trong tam cõi, vì muốn phục hưng nền đạo pháp bị bóp méo sự thật, vì muốn phò trợ Đức Thánh Vương trong tương lai, và vì muốn chọn người có đủ thiện căn để giáo truyền Đại Đạo trong thời Thượng nguơn sắp đến, nên Ngài tự nguyện *“Ta chịu khổ, khổ cho bá tánh”*,

CHÁNH VĂN

117. *Hãy bỏ dứt tánh tình kiêu-cách,*

- Các con lành khá chọn ngay đường.
Tuy thân Thầy lướt cuộc gió-sương,
120. Mà thỏa chí tang-bồng hồ-thỉ.
Câu trượng-phu là trang nghĩa-sĩ,
Chữ anh-tài của đấng trung-lương.
Phận tu hành đạm bạc rau tương,
124. Miễn cầu được an-khương bốn bể.*

CHÚ THÍCH :

TÁNH TÌNH KIÊU CÁCH: Tánh tình tự cao tự đại, kiêu căng tự đắc. Nghĩa bóng: Tự cho mình là hay là giỏi hơn người. Đức Thầy có câu: **“Giết sanh vật đầy lòng kiêu cách”**.

NGAY ĐUỜNG: Còn gọi *đàng ngay, nẻo thẳng*. Con đường ngay thẳng, chơn chánh đúng theo đạo lý. Nghĩa rộng: Đúng chơn lý, đúng lẽ phải, đúng đối tượng và hợp thời đại.

GIÓ SƯƠNG: *Gió*: Luồng không khí chuyển động từ vùng có áp suất cao đến vùng có áp suất thấp, thường gây cảm giác mát hoặc lạnh. *Sương*: hơi nước gồm những hạt màu trắng, rất nhỏ làm đọng lại trên cây cỏ vào ban đêm hoặc buổi sớm mùa lạnh. Nghĩa rộng: Chỉ sự chịu đựng vất vả gian lao trong cuộc đời xông pha gió bụi.

TANG BỒNG HỒ THỈ: *Tang*: cây dâu; *Bồng*: cỏ bông; *Hồ thỉ*: cung tên. Bên Trung Hoa có tục lệ, khi sanh người con trai thì dùng gỗ bằng cây dâu, tên bằng cỏ bông bắn ra bốn hướng để cầu chúc đứa bé ngày sau lớn lên vùng vẫy dọc ngang, lập công danh hiển hách. Ông Nguyễn Công Trứ có câu:

*“Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc,
Nợ tang bông vay trả, trả vay”*.

TRUÔNG PHU: Người đàn ông giỏi giã, đầy đức hạnh. Chỉ người có chí lớn. Đức Thầy có câu:

“Trượng phu chí cả dọc ngang,

Đạo trong bốn biển mới trang Thánh Hiền”.

NGHĨA SĨ: Nghĩa: lẽ phải hợp đạo lý. Sĩ: người có học thức. Người có học thức giỏi, ứng xử hợp với đạo lý và có chí khí hơn người.

TRUNG LƯƠNG: Trung: ngay thẳng chơn chánh. Lương: lành. Tôi trung lương chánh trực. Đức Thầy có câu: ***“Trung lương chánh trực dựa kê đài mây”.***

AN KHƯƠNG: An: yên ổn; Khương: vui vẻ, tráng kiện. An khương: được yên vui, tận hưởng điều lành.

BỐN BIỂN: Còn gọi bốn biển, gồm có: Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương.. Chỉ chung những đất nước trên thế giới loài người chúng ta đang ở trên quả địa cầu.

LƯỢC GIẢI :

Người tu cần bỏ dứt tâm lòng tự cao tự đại. Nó là tâm ngã mạn; nó có từ ngày tạo thiên lập địa và là bản tánh hằng hữu của chúng sanh. Con người cũng vì nó luân chuyển trong sáu nẻo luân hồi. Là phật tử, chúng ta nên chọn con đường chơn chánh, đúng chơn lý đạo Phật, đúng chánh pháp vô vi, đúng chân truyền của chư Tổ, chư Sư mới thỏa nguyện vọng người tâm sư học đạo. Trong thời này, tà chánh còn lẫn lộn khó phân.

Tuy xác thân Thầy hiện giờ chịu lắm phong ba bão táp, sự kềm kẹp của người Pháp, nhưng đó chẳng qua tại lẽ trời. Vả lại nhờ nó mà Thầy được luân lưu khắp chốn, thỏa chí tang bồng của đấng trượng phu quân tử:

***“Càng đi càng biết nhiều nơi,
Càng đem chơn lý tuyệt vời phổ thông”.***

Hơn nữa, người anh hùng phải đặt mình vào chốn hiểm nguy không cho mềm lòng nản chí, kẻ trượng phu phải vùng vẫy hiên ngang, mới là trang tuấn kiệt. Người Pháp đặt Ngài vào hoàn cảnh khó xử, nhưng tâm thân Ngài đã hiển cho trần thế, nên xem đó là cơn thử thách,

phải vượt qua tất cả những chướng ngại gai chông để tỏ rõ chí khí anh tài của trang lương đồng nước nhà:

*“Lò cừ nung nấu sự đời,
Bức tranh vãn cấu vẽ người tang thương”.*

Trên đường lập thân hành đạo, Đức Tôn Sư PGHH sanh sống rất là đạm bạc, ngày hai bữa cơm tương là đủ. Ngài không đòi hỏi gì khác nữa, chỉ có tâm hồn hướng thượng và cầu mong cho bá tánh được an khương bốn bề, nhà nhà được lạc nghiệp, phát bồ tâm tu tiến đến ngày chung cuộc.

CHÁNH VĂN

125. *Rung chuông lành bằng muôn tiếng kệ,
Gọi hồn người hành thiện truy kinh.
Ra khuyên dân hện có sơn-minh,*
128. *Dù bá-tánh hứa câu thệ-hải.
Miễn tâm được hư-vô tồn-tại,
Sống ở trần hối-cải tiền phi.
Sống làm sao vẹn chữ tu-mi,*
132. *Sống vùng-vẫy râu-mày nam-tử.*

CHÚ THÍCH :

CHUÔNG LÀNH: *Chuông:* Vật được đúc bằng hợp kim đồng, lòng rỗng, miệng loe tròn, phát ra tiếng trong và ngân dài khi kéo, rung. *Lành:* Hiền lành. *Rung chuông lành:* Rung chuông thức tỉnh việc làm lành để mọi người trở lại con đường quang minh chánh đại vì tiếng chuông có công năng tỉnh giác người còn mê ngủ. Nghĩa bóng: Kinh giảng so sánh như tiếng chuông, vì Kinh giảng có diệu năng thực tế, bằng ngôn ngữ im lặng, bằng tiếng nói tự đáy lòng, bằng vô vi pháp, hữu tướng, vô tướng: “**Rung chuông lành bằng muôn tiếng kệ**”. Đức Tôn Sư PGHH mượn tiếng chuông ngân để bộc lộ giáo pháp hữu vi, vô vi thật tướng của Thiên na. Ngài rung chuông lành bằng

muôn tiếng kệ giảng để đưa tâm hồn chúng sanh lạc lỏng chơ vơ trở về Chánh pháp nhãn tàng, Niết bàn diệu tâm của Phật tổ Thích Ca Mâu Ni tự nghìn xưa, hôm nay đành quên lãng: **“Đờn tây rồi lại đờn đông, Trách trong bá tánh gặp sông quên nguồn”**. Tiếng kệ ấy nói lên chánh pháp vô vi, thật tướng của Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni trao cho ông Ma Ha Ca Diếp tại Hội Linh Sơn: **“Đạo vô vi của Phật ân cần, Noi theo chí Thích Ca ngày trước”**. Ngài còn ví Kệ giảng như tiếng đàn, nhưng đàn không dây không phím: **“Lắng tai nghe rõ tiếng đờn, Không dây không phím oán hờn cũng không”**. Qua đó, chúng ta thấy Ngài rung chuông bằng Kệ Giảng, bằng giáo lý biệt truyền, bằng bản đàn tại chùa Lô Ím trên non Linh Thúu.

**“Chuông Linh Thúu ba hồi giục thúc,
Đờn Lô Ím khải diệu êm tai”**.

Ta hãy lắng nghe tiếng chuông để cho tâm hồn ta lâng lâng thoát tục. Ta nghe Kinh giảng để lòng ta hành thiện truy kinh, hầu tìm hiểu nghĩa, làm theo đặc đạo.

Thật vậy, Kinh giảng có công năng hơn tiếng chuông chùa. Chuông chùa chỉ làm cho ta vui bao niềm tràn tục, vui chớ không đoạn lìa hết được. Và lại, Kinh giảng đưa ta nhận chân cuộc đời là khổ hải, danh-lợi-tình là xiềng xích trói buộc con người vào hố sâu tội lỗi. Ngày trước, ta không biết nên ta đắm mê, hôm nay, ta đã giác ngộ nên tự đoạn lìa. Thế nên Đức Tôn Sư PGHH rung chuông lành bằng muôn tiếng kệ, chớ không rung bằng tiếng chuông chùa, thật là linh diệu biết bao.

HÀNH THIÊN TRUY KINH: Làm việc thiện và truy tầm kinh điển. Dụng ý Đức Huỳnh Giáo Chủ đưa hành giả từ chỗ mới phát tâm tu thân hành thiện đến chỗ truy tìm nghĩa lý để tiến xa trên đường Phật pháp. Hành thiện không chưa đủ, vì nó mới là bước sơ cơ, ta còn phải truy kinh để mở mang trí tuệ. Đây là pháp Học Phật Tu Nhân căn bản mà mỗi tín đồ PGHH không thể thiếu được.

Kinh kệ vốn là chìa khóa nhập môn để mở rộng kho tàng pháp hải, là kim chỉ nam đưa người tu không lầm đường lạc hướng, nên Đức Huỳnh Giáo Chủ dùng đưa tín đồ nắm vững những then chốt và yếu lý của Đạo.

SƠN MINH: *Son*: núi. *Minh*: thề nguyện. Do thành ngữ “*son minh hải thệ*” (non thề biển hẹn). Lấy non thề nguyện để chứng thật thân tâm của lòng mình.

THỆ HẢI: Lấy biển làm chứng lời thề nguyện. Dụng tâm hành giả ngưỡng mong đất trời chứng giám: lấy núi non làm điểm tựa, lấy sông biển làm căn cứ cho lòng thành của con người đứng trong vũ trụ.

HƯ VÔ: *Hư*: trống rỗng. *Vô*: không. Giữa khoảng trống không trên bầu trời. Nhưng trong khoảng không đó có thiên hình vạn trạng biến hóa khôn lường. Tâm được *hư vô* là tâm không dính mắc, không ô nhiễm, không điên đảo vì ngoại cảnh chi phối. Đức Thầy ước mong *tâm hư vô* đó vẫn tồn tại mãi với thời gian, với không gian vô cùng, vô tận, vô thủ, vô chung. Và bản tâm đó sẽ được trời đất, núi non, sông biển chứng minh cho lòng phát thệ của Ngài.

HỐI CẢI: *Hối*: ăn năn. *Cải*: Sửa đổi. Ăn năn lỗi lầm và tự nguyện sửa đổi.

TIỀN PHI: *Tiền*: trước. *Phi*: sai trái. Điều sai quấy trước kia đã gây nên.

SỐNG Ở TRẦN HỐI CẢI TIỀN PHI: Con người sống trong trần phải biết tự giác, cải sửa những lỗi lầm mình đã gieo tạo từ nhiều kiếp trước. Có thể mới là đáng sống, đáng mặt anh hùng sanh trong vũ trụ. Vì bản thân chúng ta vốn do vô minh sanh ra, rồi hành động cho đến lão tử nên người biết Đạo, như Đức Thầy, phải hối cải những lỗi lầm trước. Ngài khuyên chúng ta hãy ghi nhớ trong lòng để cải sửa, những hành vi đen tối đã gây tạo.

TU MI: *Tu*: râu; *Mi*: lông mày. Nghĩa rộng: Bạc tu mi nam tử (người đàn ông, con trai) Đức Thầy có câu:

“*Hiền thân sách sử nêu ghi,*

Miếu son tạc để tu mi trung thân”.
VÙNG VÃY: Tung hoành khắp nơi.

LƯỢC GIẢI :

Đức Tôn Sư PGHH rung chuông lành bằng muôn lời Kệ giảng, bằng chứng Ngài đã sáng tác kho tàng Thi Văn Giáo Lý toàn bộ. Đó là chìa khóa để mở bản tâm thật tướng, vô tướng trong xác thể con người.

Ngài kêu gọi những linh hồn có thiện duyên phải nhứt tâm hành thiện và truy tầm Kệ giảng để tìm hiểu nghĩa đặng hành theo mới là đắc Đạo:

***“Chuyên chú nghĩ suy từ nét dấu,
Cố công gìn giữ tánh thuần lương”.***

Ngài dạy Đạo, khuyên dân, thề có biển non chứng giám. Ngài cũng dắt dìu mọi người xin nguyện cùng biển cả chứng tri, trời đất có thấu chẳng tâm lòng thành của Ngài !..

Bản tâm của con người vốn vô hình vô ảnh, nhưng nó ẩn chứa tiềm tàng muôn hình vạn trạng. Có khi hữu, có khi vô, có lúc quyền, có lúc thiệt, có khi đốn, có khi tiệm. Nó vốn linh diệu vô cùng tận. Nên ví nó giống khoảng trống của không gian, u minh, huyền ảo, trường cửu với thời gian, không phải là xác thể của con người. Vì nó vốn hư vô nên ngoài xác thân ta lại không có nó. Thật là mâu nhiệm biết bao !

Làm thân con người phải biết cách sống: Sống sao tâm hồn thông thả an vui. Sống phải biết ăn năn những lỗi lầm của mình đã gây tạo trong nhiều kiếp đã qua. Sống phải biết vùng vẫy vươn lên cho rõ chí khí đấng râu mày nam tử. Sống làm cho vẹn chữ tu mi, mới xứng đáng con người sinh trong vũ trụ.

CHÁNH VĂN

133. ***Tự như nhiên oai-phong thiên-tứ,***

- Bút thần-linh mượn mực tay đề.
E dương-trần công việc trẽ-bê,*
136. *Nên giục-thúc nhơn-sanh cày cấy.
Dụng Bá-Nha lên dây đờn khảy,
Lo cho đời quên vóc ốm gầy.
Ngày hằng mong gặp hội Rồng-mây,*
140. *Xanh men-mét cũng thầy thọt xác.
Đi tới đâu giúp người khao-khát,
Ngặt giếng sâu khó múc mau đầy.
Trong suốt ngày làm việc lây-quây,*
144. *Dùng giấy, mực trung bày đạo-đức.*

CHÚ THÍCH :

TỰ NHƯ NHIÊN: *Tự*: chính mình; *Như*: giống như, như là; *Nhiên*: vậy. Không rõ duyên do vì sao mình muốn như vậy.

OAI PHONG: *Oai (uy)*: sức mạnh. *Phong*: dung mạo thái độ. *Oai phong* là dung mạo thái độ uy dũng.

THIÊN TỬ: *Thiên*: trời. *Tử*: ban cho. Trời ban cho.

THẦN LINH: *Thần*: Những gì có tính cách thiêng liêng. *Linh*: hiển hiện. Những gì có tính linh hiển làm cho người ta nhận biết.

DƯƠNG TRẦN: *Dương*: cõi dương. *Trần*: bụi. Cõi chúng sanh đang sống. Đức Thầy có câu:

*“Ước sao mình như cuội trên trăng,
Đặng soi khắp cả dương trần”.*

TRẺ BÊ: Còn gọi là *bê trẽ*. Chễnh mảng phóng túng, không theo lẽ lối qui củ

GIUC THỨC: Giục giã thúc hối làm việc gì cho mau xong.

NHƠN SANH: *Nhơn*: người. *Sanh*: sinh ra. Chỉ chung mọi người cùng sống chung trong quả địa cầu, không phân biệt màu da tiếng nói.

CÀY CẦY: Làm ruộng nói chung, Nghĩa bóng: Sốt sáng tu hành.

BÁ NHA: Xem lại điển tích “Tri Âm” tại tr. 157-159 Tập này và chữ “Đòn Bá Nha” tại tr. 265-267 Q. Thượng Tập 1/3.

HỘI MÂY RỒNG: Nghĩa của chữ *Hội Long Vân*, ngày xướng danh những người đỗ đạt. Cổ thi có câu: “*Mong con gặp hội Rồng Mây với người*”.

Ngoài ra, còn có nghĩa: Hội tôi chúa trùng phùng. Cổ thi có câu:

“*Trời sinh trời chẳng phụ nào,
Long Vân gặp hội anh hào ra tay*”.

MEN MÉT: Da màu xanh nhợt nhạt, yếu ớt.

KHAO KHÁT: Thèm muốn gặt gao. Đức Thầy có câu: “*Lúc khô hạn đi đồng khao khát*”.

LÂY QUẦY: Cũng viết *loay hoay*. Làm nhiều việc, hết việc này đến việc khác, quây quần tối ngày. Ở đây Đức Thầy muốn nói Ngải bận rộn nhiều việc: Nào trị bệnh độ đời, nào thuyết pháp độ đời, nào viết Sám Giảng độ đời,...

TRUNG BÀY: *Trung*: chứng cứ. *Bày*: phô trương, kết đặt. Nghĩa rộng: Sắp xếp có bằng chứng rõ ràng. Đức Thầy có câu: “*Trung bày tích cũ đành rành*”.

ĐẠO ĐỨC: *Đạo*: Con đường hợp lẽ phải, đúng chơn lý, sát thực tế, đạt đến chỗ tuyệt đối. *Đức*: Tâm đạt đến chỗ tốt lành. *Đạo Đức*: Con đường đưa hành giả tiến đến chỗ tốt đẹp, từ thể xác đến tâm hồn, một lối đi rất quang minh chánh đại để lòng mình hướng về chân thiện mỹ. Đức Thầy có câu:

“*Việc đạo đức bất cần thói thẳng,
Chữ tu hiền ngay thẳng lẫn hồi*”.

LƯỢC GIẢI :

Tự nhiên Đức Tôn Sư PGHH được thiên phú oai lực phi thường để tự sáng tác bốn quyển Giảng một cách mau lẹ như ngọn bút thần.

Ngài sợ chúng sanh chệnh mảng công việc cày cấy ruộng nương, cũng như chăm bón ruộng lòng nên hằng giục thúc mọi người sốt sắng lo làm ăn và lo tu hành chơn chất.

Bá Nha xưa có tài đờn tuyệt diệu không ai sánh bằng. Ông tự mãn rằng trong khắp thiên hạ khó tìm cho được bạn tri âm. Nhưng rồi ông gặp Tử Kỳ, câu nghi vấn của ông được giải tỏa. Đức Huỳnh Giáo Chủ mượn tài đờn của Bá Nha lồng vào giáo pháp bằng lời Kinh tiếng Kệ. Ngài **“Đờn những câu tử mĩ rung hồn”**, Ngài **“Lo cho đời quên vóc óm gầy, Xanh men mét cũng thân thịt xác”**. Mục đích cầu mong mọi người mau gặp hội Rồng Mây, mới thỏa nguyện vọng của mình.

Ngài càng đi càng giúp đồng bào giải cơn khao khát, hưởng trọn niềm vui phấn chấn tu hành. Nhưng ngặt nỗi giếng nhà quá sâu, khó múc nước đủ để cung cấp cho quá nhiều người mê muội. Dù vậy nhưng Ngài không chùn chí khí hiên ngang: Hết trị bệnh độ đời, hết thuyết pháp khuyên tu đến tiếp tục viết Sám thi độ chúng. Ngài làm việc suốt ngày cho việc “Hoằng pháp lợi sanh”.

CHÁNH VĂN

145. ***Biết bao giờ gái trai tỉnh thức,
Trẻ cùng già đồng hiểu Phật gia.
Nương hùng-phong trở giọng cuồng-ca,***
148. ***Ca cuộc thế ca câu khuyh-đảo.
Buổi nhập tiệc trải qua tràng pháo,
Khỏi mịt-mù vắng xác đầy đường.
Cuộc đời nay như ngựa buông cương,***
152. ***Khó dừng lại vó cu lụp-bụp.***

CHÚ THÍCH :

TÌNH THỨC: *Tình*: Hiểu biết; *Thức*: Biết. Bồng nhiên tỉnh ngộ hiểu biết. Nghĩa bóng: Chỉ lúc con người được giác ngộ. Đức Thầy có câu: **“Mau thức tỉnh tu thân kéo trễ”**.

PHẬT GIA: Nhà Phật, đạo Phật. Đức Thầy có câu: **“Nền đại đạo lưu thông khắp cả,
Bậc Tiên hiền đều trọng Phật gia”**.

HÙNG PHONG: *Hùng*: mạnh mẽ. *Phong*: bộ dạng., dáng vẻ. *Hùng phong*: dáng dấp mạnh mẽ.

CUÔNG CA: *Cuông*: ngay đại, điên khùng; *Ca*: còn gọi là hát, giọng ngâm nga cao thấp. *Cuông Ca*: Ca hát theo lối ngâm đại, không có bài bản. Nhưng chữ *cuông ca* ở đây được Đức Thầy dùng với dụng ý giả làm bộ dạng điên khùng, ca hát líu lo làm cho người Pháp không để ý đến Ngài.

CUỘC THỂ: Còn gọi là *cục thể*. Cuộc diện hay cảnh trạng trong đời.

KHUYNH ĐẢO: *Khuynh*: nghiêng; *Đảo*: xô ngã. Làm cho nghiêng ngã, sụp đổ. Đức Thầy có câu: **“Xua nước đã bao lần khuynh đảo”**. Hoặc: **“Thấy nhơn gian khuynh đảo tổ bày”**.

NƯỞNG HÙNG-PHONG TRỒI GIỌNG CUÔNG CA, CA CUỘC THỂ CA CÂU KHUYNH ĐẢO: Đức Thầy giả dạng khùng điên để ẩn sau sức mạnh của thời thế mà mạnh dạng hát ca những bài có nội dung yêu nước, yêu dân nhằm đánh thức một số người đang ngủ vùi dưới ách thống trị của người Pháp. Ngài diễn ca: **“Cuộc đời ly loạn bất an”**, kể báo cho chúng dân biết đất nước lâm nguy, đang trải qua nhiều cảnh hãi hùng, đưa đến khuynh đảo cuộc diện ở ngày mai.

MIT MỤ: Xa xôi, mù mịt. Không thấy gì. Đức Thầy có câu: **“Con đông tổ mịt mù bụi cát”**.

VÓ CU LỤP BỤP: *Vó cu*: còn gọi là *vó câu*, ý nói móng con ngựa to chạy rất nhanh; Truyện Kiều có câu: “*Vó câu khắp khênh, bánh xe gập ghềnh*”. *Lụp Bụp*: Tiếng vó ngựa phi nhanh, chỉ nghe tiếng *lụp bụp* nện trên đường.

LƯỢC GIẢI :

Đạo Phật là một nền Đạo vô cùng huyền sâu màu nhiệm và thật tế đưa chúng sanh tới bờ giải thoát, thế mà thời nay ít có người tỉnh thức, biết nương theo giáo lý để tu hành.

Đức Tôn Sư PGHH phải giả dạng khùng điên để ẩn lánh sau sức mạnh của giặc Pháp mà hát lên những bản hùng ca có nội dung yêu nước, yêu dân để thức tỉnh số người vong bản. Ngài ca hát về sự đời áo nã năm châu, cuộc thế xoay vần và đất nước bị khuynh đảo, dẫn đến cảnh biến thiên sụp đổ ở ngày mai.

Trong cảnh thanh bình, việc đốt pháo vẫn thịnh hành trong mỗi buổi tiệc hoặc mỗi cuộc lễ để giúp buổi hội họp tăng phần long trọng, phấn khởi. Cảnh vui tươi có xác pháo văng tung tóe đầy đường sá nay không còn nữa.

Cuộc diện nước Việt Nam ngày nay, dưới ách thống trị của người Pháp, thiếu vắng người lãnh đạo, chẳng khác ngựa phi không cương nên khó mà dừng chân ngơi nghỉ.

CHÁNH VĂN

153. *Mặt nước biển lô-nhô lặn-hụp,
Chim đua bay, cá lại tranh môi.
Ngọn thủy-triều nô-nức sục-sôi
Bầu trái đất một phen luân-chuyển.
Ta là kẻ tu-hành thiểu kiến,
Xét thế-trần luận-biến đôi điều.
Chớ đâu nào bày việc trở-trêu,*
160. *Muốn giác-tỉnh người mê trở lại.*

CHÚ THÍCH :

LÔ NHÔ LẶN HỤP: Mặt nước biển do sóng mà khi cao khi thấp, cứ thế liên tiếp không lúc nào ngừng. Nghĩa rộng: chỉ sự chinh chiến kéo dài.

THỦY TRIỀU: Con nước biển lên xuống.

NÔ NỨC: Háo hức, hăm hở. Đức Thầy có câu: **“Nô nức nhau kiến thiết quốc gia”**.

SỤC SÔI: Dâng trào cao ngọn.

LUÂN CHUYỂN: *Luân*: bánh xe; *Chuyển*: xô dịch, quay. Nghĩa bóng: Luân hồi chuyển kiếp, còn trong vòng sanh tử. Đức Thầy có câu: **“Khổ, khổ thương đời luân chuyển kiếp”**.

TU HÀNH: *Tu*: sửa; *Hành*: làm. Chấp nhận cải sửa việc xấu và làm theo việc lành, việc phải. Đức Thầy có câu: **“Bồi chữ tu liền với chữ hành, Hành bất chánh người đời mới nói”**.

THIỆN KIẾN: *Thiện*: ít; *Kiến*: nhìn thấy. *Thiện kiến*: kiến thức, ý kiến nông cạn. Tiếng khiêm nhường dè dặt trong phát biểu, viết lách. Ví dụ: Theo thiện kiến của tôi,...

THỀ TRẦN: Còn gọi là *trần thề*. *Thề*: đời; *Trần*: bụi. Cõi đời đầy bụi bặm.

LUẬN BIỆN: Bàn luận giải bày. Bàn luận giải bày cho rõ ràng một vấn đề còn khúc chiết.

TRỐ TRÊU: Né tránh ranh mãnh. Sự tráo trở né tránh. Đức Thầy có câu: **“Trố trêu tạo hóa ông bày trò chũa”**. Hoặc: **“Chi bằng ta bỏ lối trố trêu”**.

GIÁC TỈNH: *Giác*: biết; *Tỉnh*: hiểu biết tỉnh táo. Nghĩa rộng: Được giác ngộ, hết mê lầm.

LƯỢC GIẢI :

Cả thế giới đang phải chịu cảnh bom rơi đạn lạc, ba đào sóng dậy triền miên: **“Chim đua bay cá lội tranh**

môi”. Nước lớn hiệp đáp nước nhỏ, quốc gia này sát phạt quốc gia kia, gây nên cảnh máu rơi thịt đổ chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại.

Lúc biến thiên ,ngọn thủy triều cứ dâng cao, nước văng tung tóe, sức nóng dữ dội. Quả địa cầu phải một phen luân chuyển, thay đổi toàn diện: đất đai, sông biển, núi non, luôn cả loài người và vạn vật.

Đức Tôn Sư PGHH tỏ lời khiêm nhường, Ngài là người ít hiểu biết, trí thức nông cạn, tu hành thấp thỏi. Nhưng xét cuộc thế trần trong ngày biến thiên sắp đến, lòng Ngài bất xót thương nên bàn luận điều hơn lẽ thiệt cho dân chúng tỉnh trí tu thân.

Mục đích chính của Đức Huỳnh Giáo Chủ ra đời là để giác tỉnh người mê trở lại con đường lành. Ngài không phải hạh người thù dật trở trêu: **“Nói xiên xỏ cũng không no béo”**, vậy chúng dân nên mạnh tin để tiến xa trên đường về chân thiện mỹ.

CHÁNH VĂN

161. *Mong sanh-chúng học điều thông-thái
Rèn tâm lành bác-ái trau-tria.
Hành đạo thiên cấp-cấp sớm khuya,*
164. *Lòng thương chúng khuyên-răn đủ thể.
Mà nào khác chợ trua đồ ế,
Bán rẻ-rẻ ít kẻ hỏi mua.
Mảng lo theo lối mới tranh-đua,*
168. *Lại bỏ ngón se-sua học-thức.
Thân hèn-yếu lại vô năng-lực,
Chẳng tìm nơi thuốc nhiệm sửa gân,
Miệng toàn lời bắt chước chúa Tần,*
172. *Muốn chôn sống anh-tài nhu-sĩ.*

CHÚ THÍCH :

THÔNG THÁI: Hiểu biết rộng rãi hơn người. Đạo Phật gọi là *thế trí biện thông*. Đức Thầy có câu:

***“Học chữ nghĩa cho thông cho thái,
Đặng xuê xang dài các xe tàu”.***

BÁC ÁI: Bác: rộng lớn; Ái: thương yêu. Lòng thương yêu rộng lớn. Đức Thầy có câu: ***“Bác ái xả thân tâm đạo chánh”.***

TRAU TRIA: Dồi mài, sửa soạn cho tốt đẹp. Đức Thầy có câu: ***“Măng trau tria xác thịt thanh bai”.***

CẤP CẤP: Gấp gáp.

SỐM KHUYA: Còn gọi *khuya sớm*. Tỉnh táo ngày đêm. Nghĩa bóng: Tích cực với công việc. Đức Thầy có câu: ***“Khuyên ai khuya sớm gắng chuyên cần”.***

HÀNH ĐẠO THIỀN CẤP CẤP SỐM KHUYA:
Yếu lý của PGHH là *“Thiền Tĩnh song tu”*. Nhưng chỗ này Đức Tôn Sư PGHH tuyên dương Pháp môn Thiền, là pháp tu tự lực: “Tự mình đắm mê, tự mình giác ngộ”. Đây là pháp tối thượng thừa dành độ những bậc thượng căn, thượng trí. Vào thời Phật Thích Ca còn trụ thế, lần đầu tiên đi giác chúng, Phật đem pháp Thiền này độ năm anh em ông Kiều Trần Như. Chỉ sau một thời pháp, năm người đều đắc quả A-la-hán. Và từ đó Phật, Pháp, Tăng có đủ. Đây chính là pháp “Tứ Đệ” và “Bát Chánh đạo”. Đức Tôn Sư PGHH tuyên dương như sau:

***“Thiền lâm Phật Thích thuở xưa kia,
Non Tuyết rền ra Bát chánh kia.
Phổ hóa dân lành trong khắp chúng,
Hoàn cầu bốn biển khắc danh bia”.***

Và từ đó, y bát được Tổ Tổ tương truyền, trải qua 33 đời, từ Ấn Độ sang Trung Hoa (27 đời ở Ấn Độ + 6 đời ở Trung Hoa – Tổ Bồ Đề Đạt Ma là Tổ thứ 28 ở Ấn Độ và là Tổ thứ nhất ở Trung Hoa), rồi lại bật truyền sau đời Đức Lục Tổ Huệ Năng. Pháp thiền tại Việt Nam trong hệ phái

Bửu Sơn Kỳ Hương có vị Giáo tổ là Đức Phật Thầy Tây An:

*“Thọ truyền giáo đạo Thích Ca,
Mùi Thiền tâm ấn phép nhà nhiệm thay”.*

Nay lại đến Đức Huỳnh Giáo Chủ:

***“Đạo vô vi của Phật ân cần,
Nói theo chí Thích Ca ngày trước”.***

Ngài khuyên hãy kíp kíp rán hành đạo Thiền, suốt cả ngày đêm, không phân biệt giờ khắc. Vì đó là pháp môn tối diệu.

KHUYÊN RĂN: Khuyên lon, răn bảo.

RẺ RẺ: Rẻ mặt, rẻ như bèo. Thí dụ: Món hàng này bán rẻ rẻ.

MÀ NÀO KHÁC CHỢ TRƯA ĐỒ Ế, BÁN RẺ RẺ ÍT KẺ HỎI MUA: Đây là ĐHGHC dùng lối văn ẩn dụ, so sánh ngầm, tỷ dụ ngầm. Ngài ví giáo lý như món hàng đem vào chợ bán rẻ rẻ, ngồi đến trưa mà chẳng có ai đến mua. Thật là buồn cười cho số phận. Vì quá yêu đời nên lặn lội xuống trần đặng chịu cảnh chê khen. Ngài đem giáo lý nhiệm mầu, có công năng cứu vớt và đưa con người từ một chúng sanh mê tối sa đọa tiến về bến giác siêu cao, thoát đọa trầm luân, thế mà ít người ân cần han hỏi.

TRANH ĐUA: Giành giựt hơn thua.

SE SUA: Khoe khoang bằng việc làm, điệu bộ với áo quần đẹp, tiền bạc nhiều. Đức Thầy có câu: ***“Se sua nói nói cười cười”.***

HOC THỨC: Trí thức thu nhận được qua quá trình học tập.

HÈN YẾU: Yếu ớt, không can đảm.

NĂNG LỰC: Khả năng đủ để thực hiện tốt một công việc.

BẮT CHƯỚC: Làm theo một cách rập khuôn máy móc.

CHÚA TẦN: Chúa nhà Tần là Tần Thủy Hoàng (221-206 TCN): Sau khi gồm thu lục quốc (Yên, Hàn, Triệu, Ngụy, Tề, Sở) liền thống nhất nước Trung Hoa, bãi bỏ chế độ phong kiến, xây Vạn lý Trường thành, trở thành ông vua độc tài chuyên chế nổi tiếng ở Phương Đông. Ông dùng chánh sách bạo ngược để cai trị dân, hầu hết sĩ phu đều bắt phục nên ông đốt kinh sách của Thánh hiền và chôn sống học trò. Nói đến Tần Thủy Hoàng là nói đến chánh sách cai trị gắt gao tàn bạo. Đức Thầy có câu: **“Bổn hay đâu nghi ngút khói vua Tần”**.

ANH TÀI: Tài đức hơn người, xuất sắc nhiều mặt. Đức Thầy có câu: **“Chữ anh tài của đấng trung lương”**.

NHU SĨ: Còn gọi là *Nho sĩ*, chỉ các học trò của Đức Khổng Tử hoặc chỉ người theo Nho giáo. Đức Thầy có câu: **“Nhu sĩ lương hiền thêm cảm mến”**.

LƯỢC GIẢI :

Đức Huỳnh Giáo Chủ mong tất cả chúng sanh cố gắng học hiểu thông thái về mặt đời cũng như đạo. Nhứt là trau luyện tâm từ bi bác ái càng ngày càng mở rộng thêm ra, cho duyên Bồ đề in sâu vào tâm khảm.

Hằng ngày phải lóng sạch phạm tâm, trở về với bản lai thanh tịnh, phải sống thật với lòng mình từ giây, từ phút không kể đêm ngày để tiến xa trên bước đường giải thoát. Đức Thầy vì quá thương xót chúng sanh nên dạy khuyên đủ lẽ.

Nhưng với Thế kỷ XX vừa qua, số người thật tu quá ít, Đức Thầy ví việc đạo đức như món hàng đem ra chợ bán, ít thấy ai hỏi mua, chẳng khác bán chợ trưa đồ ế. Người đương thời cứ chạy theo lối sống mới tranh đua xa hoa trụy lạc của người phương Tây. Và lại tuyên truyền rằng: Người Âu Mỹ văn minh hơn mình, toàn là dân học thức.

Đức Tôn Sư PGHH xác định, bản thân của người Việt chúng ta phân đông hèn yếu, và thiếu khả năng học hỏi, sao chẳng tìm phương thuốc thật hay điều trị, trước sửa gân cốt cho thân khỏe mạnh, sau điều luyện khối tinh thần cho mạnh mẽ đặng chung lưng đoàn kết, xiết chặt tay nhau chờ thời cơ hưng hóa nước nhà. Có sao lỗ miệng phân đông nói a dua theo giặc Pháp, bắt chước bọn Tây Dương, bọn họ chủ trương cảm dỗ nhồi sọ cho dân ngu để dễ bề cai trị. Họ lại theo chánh sách nhà Tần **“Quyết chôn sống anh tài nhu sĩ”**. Vậy toàn dân Việt Nam hãy mau thức tỉnh.

CHÁNH VĂN

173. *Nhưng mắc phải từ-bi lập chí,
Lược cùng thao, thao lược vẹn hai.
Của Thần Tiên đã sắp sẵn bày,*
176. *Nhờ ơn mọn giúp thêm chí cả.
Miệng nhích môi đầy văn tao-nhã
Hạ bút thần thơ đã đề khai.
Khó làm cho Hiền-Thánh lung-lay,*
180. *Chỉ tưới nước vun phân cây quý.*

CHÚ THÍCH :

TỪ BI: Xem lại CT tại tr. 39 Q. Trung.

LẬP CHÍ: Nuôi dưỡng ý chí để đạt mục đích.

LƯỢC THAO: *Thao*: cách dụng binh, gồm có: văn thao, võ thao, long thao, hổ thao, báo thao và khuyển thao; *Lược*: mưu kế, gồm: thượng lược, trung lược và hạ lược. *Lược thao hay thao lược*: chỉ người có mưu trí đảm đang, giỏi xoay sở. Ví dụ: Hấn là một tay thao lược.

THẦN TIÊN: *Thần*: là bậc trung cang nghĩa khí, đầy lòng yêu nước thương dân, sau khi chết thường hiển linh. Đức Thầy có câu: **“Dầu không siêu cũng đặng về Thần, Nhờ hai chữ trung quân ái quốc”**. *Tiên*: là bậc

thoát tục, sống an nhàn tự tại, thường “*ngao du tứ hải, đạo khắp Tiên bang, cảnh an nhàn của người liễu đạo*”. Thần Tiên là các vị thường trợ giúp những người mắc nạn và nhiều lúc phò trợ Thánh Vương.

TAO NHÃ: Phong lưu tao nhã, lịch sự. Thí dụ: Văn chương tao nhã. Người phong lưu tao nhã.

BÚT THẦN: Cũng gọi là *thần bút*. Bút của các vị thần, cây bút siêu hình có sức màu nhiệm trên các bậc văn nhân thi sĩ.

MIỆNG NHÍCH MÔI ĐẦY VĂN TAO NHÃ, HẠ BÚT THẦN THƠ ĐÃ ĐỀ KHAI: Miệng của Đức Thầy nói ra đầy văn chương tao nhã của nhà khoa bảng. Ngài có khả năng thuyết pháp thao thao bất tuyệt. Với 107 vị trí trong vòng 2 tháng khuyến nông khắp Nam kỳ Lục tỉnh, Ngài thuyết không nơi nào giống nơi nào, đề tài đều khác nhau và Ngài không cần luận trước. Một nhà viết báo Nam Kỳ lúc đó phê bình tài diễn thuyết của Ngài: “Vô địch giải quán quân về môn diễn thuyết”. Đến tài viết lách chỉ trong vòng 2 tháng Ngài viết bốn quyển Giảng dài, mỗi quyển trung bình 700 câu. Điểm đặc biệt là viết một mạch, không bôi xóa. Thử hỏi có ai viết được như vậy chăng ? Đây chẳng phải bút thần là gì ?

HIỀN THÁNH: *Hiền*: Người có tài đức phẩm hạnh cao; *Thánh*: Bậc tài đức phẩm hạnh cao quý, được thể nhân ca tụng tôn thờ khi sống cũng như lúc đã chết. Đức Thầy có câu:

***“Chữ xúc pháp treo gương Hiền Thánh,
Tránh sáu đường cũng dựng về Thần”.***

LƯỢC GIẢI :

Đức Huỳnh Giáo Chủ là bậc đệ tử cao cả của Đức Từ phụ Thích Ca Mâu Ni. Ngài luôn luôn nuôi chí và lập chí, tài kiêm văn võ, thao lược vẹn hai: Chẳng những Ngài

có công phục hưng nền đạo Phật, mà còn có sứ mạng phò tá Đức Thánh Vương trong ngày Thượng nguyên lập Hội.

Đây là công việc sắp bày của các đấng Phật Tiên. Các Ngài nung nấu chí khí thêm cho Đức Huỳnh Giáo Chủ. Thế nên, Ngài dùng tài biện luận thao thao bất tuyệt để thuyết giảng hoằng khai chánh pháp. Và dùng ngọn bút thần sáng tác kệ giảng thơ văn bằng ngôn ngữ Việt, lưu truyền hậu thế.

Người Pháp lưu đày Đức Tôn Sư PGHH đến bao lâu đi nữa cũng không làm nao núng chí quyết tâm cao cả của bậc Hiền Thánh. Trái lại, càng vun quén cho cây Bồ đề đạo hạnh của Ngài thêm sung túc.

CHÁNH VĂN

188. *Thêm mắc phải tay chàng Nhạc-Nghị,
Cận Thầy xưa định việc an dân.
Tiết trung-lương hiếu-nghĩa rạng ngàn,*
188. *Ông Bàn-Cử mẹ ghi chạm thịt.
Luận sơ-sơ cho dân rõ tích,
Để chờ ngày hoán võ hô phong.
Ban cho đời thoát chữ cay-nồng,*
188. *Nay giục thúc câu quân tu ký.*

CHÚ THÍCH :

NHẠC NGHỊ: Người thời Chiến quốc, làm tôi nước Triệu, thuở nhỏ ông luyện tập tinh thông binh pháp. Ở Triệu ông bị gièm pha, bèn sang Ngụy, cũng chẳng được tin dùng nên phải sang nước Yên. Lúc Tề Mân Vương bạo hành dân ác, ông đi du thuyết các nước Tần, Hàn, Triệu, Ngụy và Yên, được năm nước này phong làm Thượng Tướng Quân, kéo quân sang đánh nước Tề. Vào đến Lâm Tri (kinh đô nước Tề) tịch thu rất nhiều vàng bạc châu báu đem về Yên. Liên tục trong 6 tháng, Nhạc Nghị chiếm 72 thành của Tề Vương. Vì được Yên Chiêu Vương

rất mực tin dùng nên ông bị kẻ khác ganh tị. Sau khi Yên Chiêu Vương băng hà, thái tử Nhạc Tư lên kế vị xưng là Yên Huệ Vương. Nhạc Tư nghe lời bọn đua nịnh gièm siểm, nghi ngờ Nhạc Nghị có mưu tạo phản bèn tước hết binh quyền, khiến ông phải đào tị về nước Triệu. Vua Triệu biết Nhạc Nghị là người hiền tài nên trọng dụng, cho Nhạc Nghị ở Quan Tân gọi là Vọng Chư Quân. Nhạc Nghị đứng ra liên kết giữa Yên và Triệu, tạo sự hòa hiếu lẫn nhau nên về sau Nhạc Nghị được Yên và Triệu phong làm Khách Khanh. Cuối đời, ông mất ở Triệu quốc.

THÊM MẮC PHẢI TAY CHÀNG NHẠC NGHỊ, CÂN THẦY XƯA ĐỊNH VIỆC AN DÂN: Ý nói chánh sách của quân Pháp mắc phải tay ĐHGHC nên không sao tiến triển được. Ngài ví mình như Nhạc Nghị thuở xưa, học đủ binh thư đồ trận, tiến thoái dễ dàng và biết liên hiệp Nhựt để tạo thanh thế, xoay chuyển nước cờ chiếu bí, Ngài có đủ tài thao lược, định việc an dân cho dân tộc Việt.

TRUNG LƯƠNG: Tôi trung lương chánh trực. *Trung*: ngay thẳng chơn chánh. *Lương*: lành, thiện.. Đức Thầy có câu: **“*Chữ anh tài của đấng trung lương*”**.

HIẾU NGHĨA: Hiếu hạnh và tiết nghĩa. *Hiếu*: bảo dưỡng và tôn kính cha mẹ. Kinh Minh Thánh dạy: “*Hiếu từ chi phụ thân: Cư tắc chí kỳ kính, Dưỡng tắc chí kỳ lạc. Bịnh tắc chí kỳ ưu, Tang tắc chí kỳ ai, Tế tắc chí kỳ nghiêm, Cố bất ái kỳ thân, Như ái tha nhân giả, vị chi bội đức*”.(Người con hiếu thờ cha mẹ, lúc ở tôn kính rất mực, khi nuôi hết lòng vui, khi bệnh phải lo lắng hết lòng, khi để tang phải hết lòng buồn, khi tế thì rất mực nghiêm trang, cho nên không yêu cha mẹ mà yêu người khác là trái đức vậy). *Nghĩa*: việc làm hợp với lẽ phải..

BẢN CỬ: Bí danh là Nhạc Phi, ông sinh vào đời Tống Vi Tông, quê ở huyện Thang Âm, phủ Tương Châu, tỉnh Hà Nam (Trung Hoa).

Thưở nhỏ ông mồ côi cha, mẹ là bà An Nhơn cho theo thụ giáo với ông Châu Đồng, học nghề văn nghiệp võ. Bảy giờ Tống Vi Tông mở khoa thi chọn hiền tài, Nhạc phi và bằng hữu đi thi. Quan giám khảo là Trương Ban Xương, Trương Tuấn và Vương Đạt, trước đó đã ăn hối lộ của Sài Quế. Nhạc Phi ở giữa đấu trường hạ được Sài Quế nên bọn họ tìm cách đuổi Nhạc Phi về quê.

Trong lúc chưa gặp vận, gia trạch hàn vi, có lần bạn là Vương Tá tự động giới thiệu mua chức cho Nhạc Phi với lũ giặc Động Đình Hồ. Khi nghe biết câu chuyện đó, Nhạc Phi giận tím môi, nhưng đã nhận Vương Tá làm em nuôi, ông đành lặng thinh im tiếng. Do có sự xảy ra như thế nên mẹ là bà An Nhơn biểu Nhạc Phi nằm dài, rồi bà vạch lưng lấy mũi nhọn xăm vào lưng khắc bốn chữ “*Tận Trung Báo Quốc*”. Do đó, sử sách và Đức Tôn Sư PGHH có ghi lưu : “**Ông Bàn Cử mẹ ghi chạm thịt**”.

Sau đó, giặc Kim Phiên xâm loạn bắt vua Tống Khâm Tôn làm tù binh ở dưới giếng lạn. Khương Vương Triệu Cấu trốn thoát được, về tức vị lên ngôi là Tống Cao Tôn. Nhạc Phi được triệu về Kinh dẹp giặc. Lúc đầu được vua phong Thống Chế, sau có công được thăng chức phó Nguyên Soái, rồi đặc cách Ngũ Tinh Đại Nguyên Soái, và Võ Xương Khai Quốc Công Binh Bộ Thượng Thư Đại Nguyên Soái. Ông là người tận trung với Tống trào, lập nhiều công trận, sau bị gian thần Tần Cối mạo chiếu Vua, triệu ông về Kinh giam vào ngục, rồi lén giết ông tại Phong Ba Đình, lúc Nhạc Phi mới 39 tuổi. Bàn Cử (Nhạc Phi) là một tấm gương trung lương hiếu nghĩa hiếm có trong lịch sử Trung Quốc.

LUẬN SƠ SƠ: Luận sơ qua một lượt. Thí dụ: Sáng ra điềm tâm sơ sơ hết mấy chục bạc.

HOÁN VÕ HỒ PHONG: *Hoán*: gọi mời; *Võ*: mưa. Một pháp thuật để gọi mưa hú gió.

CAY NỒNG: *Cay*: đắng cay. *Nồng*: hơi nóng xông lên, tỏa lan ra. Sự cay đắng sâu đậm. Đức Thầy có câu: **“Buồn ai châm chít chữ cay nồng”**.

GIỤC THỨC: Giục giã thúc hối làm việc gì cho mau xong.

TU KÝ: Ở nhờ, tạm nhờ nơi khác. Đức Thầy có câu: **“Hò thiên tiểu ẩn quân tu ký”**.

LƯỢC GIẢI :

Chống chánh sách cai trị của người pháp, Đức Huỳnh Giáo Chủ ví mình như tướng Nhạc Nghị thuở xưa, đủ tài thao lược, an bang tế thế để định quốc an dân. Hơn nữa, cũng như Nhạc Phi (Bàn Cử)- người được mẹ khắc vào lưng 4 chữ “*Tận Trung Báo Quốc*”- Ngài luôn luôn nêu cao bản lĩnh trung lương chánh trực.

Tích xưa truyện cũ được Ngài luận sơ cho dân biết rõ rằng Ngài hiện giờ ẩn nhẫn để chờ dịp lành đưa đến hầu hoán vũ hô phong (gọi mưa hú gió), đem tài trai ra phụng sự tổ quốc.

Chung cuộc, Ngài muốn ban tặng cho đời thoát cảnh đắng cay gian khổ, mọi người được hưởng một mùa xuân an lạc. Hiện giờ, Ngài phải nương nhờ tạm ẩn nơi quân Nhựt để chờ thời vận hanh thông ra tay cứu nước.

CHÁNH VĂN

189. *Ngày nào mà Phật Tiên tọa vị,
Ấy thời lai bình trị muôn dân.
Khắp các nơi chư quốc xưng thân,*
192. *Trong bốn biển chúng dân lạc-nghiệp.
Theo dõi gót người xưa mới kịp,
Vùng mây lành ngũ sắc hào-quang.
Phật, Thánh, Tiên, Đông-Độ lướt sang,*
196. *Miền Nam-địa phân chia đẳng cấp.*

CHÚ THÍCH :

TOA VI: *Toa*: ngôi; *Vi*: thứ, hạng. Ngôi thứ địa vị được giành sẵn cho.

BÌNH TRỊ: Cai quản ở trong vùng, trong nước được yên ổn. Đức Thầy có câu: **“*Đậu Thân bình trị trong ngoài âu ca*”**.

MUÔN DÂN: Người sống chung trong đất nước.

CHU QUỐC XUNG THẦN: Nhiều nước láng giềng xung là bày tôi, đồng tôn trọng nước Việt Nam làm minh chủ.

BÓN BIÊN: Xem lại CT tr. 411 Tập này.

LAC NGHIỆP: *Lac*: vui; *Nghiệp*: nghề. Việc làm vui vẻ, làm ăn thanh vượng. Đức Phật Thầy có câu: **“*An cư lạc nghiệp phước vô biên*”**.

NGƯỜI XUA: Bạc tiền nhân. Nghĩa bóng: Bạc đã nhiều lần chuyển kiếp độ đời, như trường hợp của Đức Phật Thầy Tây An (1849-1856), Giáo Tổ hệ phái Bửu Sơn Kỳ Hương. Đức Thầy nhắc lại:

“*Chim ô đà dựa cầu Ngân,*

“*Người xưa trở gót mấy lần ai hay*”. Hoặc:

“*Đời này chưa vẹn thảo ngay,*

“*Thì là khó thấy mặt mày người xưa*”.

NGŨ SẮC: Năm sắc: xanh, đỏ, trắng, vàng, đen.

HÀO QUANG: *Hào*: lông mày; *Quang*: sáng. Nơi chon mày của Phật có những sợi lông màu trắng, phóng ra ánh sáng nên gọi là hào quang, một trong 32 tướng hảo của Phật. Đức Thầy có câu:

“*Mắt nhìn thấy thân thông biến hóa,*

“*Đức Di Đà hiện chóa hào quang*”. Hoặc:

“*Hào quang chư Phật rọi mười phương*”.

PHẬT THÀNH TIÊN: *Phật*: Bạc đã hoàn toàn giác ngộ; *Thánh*: Bạc “sinh nhi tri” (không học mà biết), có học thức uyên bác, ăn ở hợp với đạo lý, được người đời kính trọng; *Tiên*: người tu trên núi có chứng đắc pháp thuật.

Phật, Thánh, Tiên: Ba quả vị cao cả của Phật giáo, Nho giáo và Tiên giáo, thường được nhắc trong sách sử.

ĐÔNG ĐỘ: Chỉ các nước ở Phương Đông (Trung Hoa, Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản,...), đối với Tây Độ (Ấn, Hồi,...)

NAM ĐỊA: Địa phận miền Nam Việt Nam (ám chỉ sáu tỉnh miền Tây thời Pháp thuộc).

ĐẰNG CẤP: Thứ bậc, các hạng người trong xã hội.

LƯỢC GIẢI :

Đức Tôn Sư PGHH xác định: Ngày nào các đảng Phật Tiên đều qui hồi cựu vị là đến lúc chúng dân các nước được thái bình an lạc. Đó cũng chính là ngày khắp các nơi đều xưng thần, đồng tôn nước Việt Nam làm minh chủ. Trong bốn biển không còn cảnh tàn khốc vì chiến tranh bom đạn, giống như thời Nghiêu Thuấn trở lại.

Muốn được hưởng cảnh thái bình như trên, toàn dân phải theo dõi gót người xưa, nghĩa là hiện giờ phải lo thức tỉnh tu hành mới mong kịp chuyển đồ chiều. Chư Phật Thánh Tiên sẽ hiện hào quang lướt sang vùng Đông Độ và đất nước Việt Nam sẽ là nơi có cuộc Hội phân chia đẳng cấp, lập lại đời Thượng ngươn Thánh đức.

CHÁNH VĂN

197. *Nước cờ mới nay đã khởi sắp,
Trở tài hay biển lập non đời.
Dưới cùng trên ảm-đạm khí trời,*
200. *Cả thế-giới mưa hòa gió thuận.
Tạo nền móng Thánh-quân đặt vững,
Nơi triều-ca gây-dựng tôi hiền.
Giờ mắc câu thiên lý vị nhiên,*
204. *Nên còn dãi thiên oai nẩy lịnh.*

CHÚ THÍCH :

ÂM ĐẠM KHÍ TRỜI: *Âm*: Sắc đen sậm; *Đạm*: nhạt. *Âm đạm*: một màu sắc lờ mờ tối, buồn thảm.. *Khí trời*: không khí, nơi cần thiết cho sự sống còn. Đức Thầy có câu: **“Tiết trời âm đạm mật mù gió mây”**. Hoặc:

“Xuân sang âm đạm ánh dương mờ”.

THÊ GIỚI: *Thê*: đời; *Giới*: Đất đai. Tiếng gọi chung ám chỉ các nước trên toàn cầu, nơi chúng sanh đang sống.

MƯA HÒA GIÓ THUẬN: Mưa gió thuận chiều. Nghĩa bóng: Cảnh đời an lạc, trên dưới thuận hòa, đất nước âu ca.

THÁNH QUÂN: Vua Thánh. Chỉ vị Thánh Vương thời Thượng nguyên Thánh đức.

ĐẶT VỮNG: *Đặt*: sắp đặt có nền nếp; *Vững*: chắc chắn. *Đặt vững*: Sắp đặt qui củ chắc chắn.

TRIỀU CA: *Triều*: triều đình, nơi vua tôi hội họp; *Ca*: khúc hát. Nơi chúa tôi họp mặt để bàn việc triều chính.

GÂY DỰNG: Xây dựng lập thành, dạy dỗ giúp đỡ hoàn thành công việc.

TÔI HIỆN: Nghĩa của chữ *hiên thân*, bày tôi hiện đức, dám sống chết với vua với nước. Như Tiết Nhơn Quý đời Đường, Phạm Lãi đời Việt Vương Câu Tiễn...Đức Thầy có câu:

“Hiên thân sách sử nêu ghi,

Miếu sơn tạc để tu mi trung thân”.

THIÊN LÝ VI NHIÊN: Lễ tự nhiên của trời đất là như vậy.

CÒN ĐÃI: Còn chờ đợi.

THIÊN OAI NẤY LỊNH: *Thiên oai*: Uy linh của Thượng đế. Nghĩa bóng: Uy quyền của nhà vua. Đức Thầy có câu: **“Vi lộ thiên oai bảo giác dân”**; *Nấy lịnh*: Xuống lịnh. Chờ đợi oai trời xuống lịnh.

LƯỢC GIẢI :

Ngày Phật Tiên phân định cho cuộc đời tân sắp đến là do cơ tạo hóa sắp đặt, ví như bàn cờ được sắp nước mới. Nước cờ mới hiện nay đang khởi sắp, tức là cuộc đời Thượng ngươn Thánh đức đang vén màn. Chư Phật, Tiên, Thần, Thánh dùng thần thông dời non lấp biển, cảnh trí thiên nhiên đều theo định luật của hóa công mà xoay chuyển thời thế. Chừng đó, dưới cùng trên đồng tiết ra màu trời ảm đạm do không khí vận hành, và pháp thuật của Tiên Phật hóa hiện. Và qua giờ phút thê lương đó, cả thế giới bắt đầu mưa hòa gió thuận. Số người sống sót đồng một lòng, một ý chí như nhau: Phò trợ Thánh Vương và tu hành tinh tấn đến ngày công viên quả mãn.

Bực Thánh Vương lo kiên thiết cơ đồ và đặt nền móng vững chắc tại triều ca, gây dựng bày tôi hiền đức để củng cố đất nước thành một đất Thánh.

Và lại hiện giờ còn chờ oai lực của Trời đất phân định đúng ngày giờ năm tháng mới thi hành mạng lệnh thiên cơ. Vậy chúng dân nên ần nhẫn đợi thời.

CHÁNH VĂN

205. *Tổ tình đời ít câu cung thỉnh,
Mong khán-quan vào cửa xem tuồng.
Cỏ cùng cây điều-thú chim-muông,*
208. *Nhơn với vật huồn lai bổn-tánh.
Đó mới biết ai là Phật Thánh,
Ai thảo-hiền ai lỗi đạo nhà.
Đồng hát câu phụ-tử khải-ca,*
212. *Chúc trăm họ muôn nhà thanh-thới.*

CHÚ THÍCH :

CUNG THỈNH: Mời một cách kính cẩn.

KHÁN QUAN: Xem coi.

XEM TUÔNG: Xem coi tuông tích. Nghĩa bóng: Xem ngày lập Hội giống như xem tuông hát. Nhưng nó thật tế và cụ thể hơn.

ĐIỀU THÚ: Chim và thú. Đức Thầy có câu: “**Nào phải giống chim muông điều thú**”.

CHIM MUÔNG: Nói chung các giống chim.

HUỒN LAI BỒN TÁNH: Trở về tánh bản lai, tức tánh nguyên thủy của mình thuở trước. Theo kinh điển cho biết: Mỗi người đều có tánh bản lai, vốn thanh tịnh hằng hữu. Bản tánh của chúng sanh đang bị vô minh che mờ. Nếu nay chúng ta phá được mây vô minh, ánh sáng trí huệ của tánh này sẽ hiển bày tức khắc.

THẢO HIỀN: Hiếu thảo và hiền lành.

LỖI ĐẠO NHÀ: Lỗi đạo ông bà cha mẹ của mình. Nghĩa bóng: Chỉ những kẻ nịnh hót a dua theo giặc Pháp, bỏ hết luân thường đạo nghĩa nước nhà.

PHỤ TỬ: Đạo cha con.

KHẢI CA: Bài hát thắng trận, khúc ca khai hoàn.

TRĂM HO: Nghĩa của chữ *bá tánh*. Ý chỉ tất cả mọi người.

MUÔN NHÀ: Khắp mọi nhà.

THẠNH THỐI: Thối lai thịnh vượng. Chỉ thời buổi hưng thịnh hay cái thế đang hưng, đang mạnh, làm ăn phát đạt dễ dàng.

LƯỢC GIẢI :

Để kết thúc bài “Nang Thơ Cẩm Tú”, Đức Tôn Sư PGHH cung thỉnh mọi người, mọi giới nên chuẩn bị các yếu tố cần thiết (tu tâm sửa tánh) để vào cửa xem tuông. Tân tuông đó chính là cuộc diện thế giới sẽ diễn ra tới đây để lập lại thời Thượng nguyên thánh đức.

Đạo Phật chỉ dạy tất cả chúng sanh không phân biệt người hay vật đều có cùng chung thể tánh như nhau. Nhưng ai trở thành hiền nhơn, Phật thánh, ai phải sa đọa

thành chim muông cầm thú là đều do chính mình gây tạo mà thôi.

Lời chúc cuối cùng mà Đức Tôn Sư PGHH gửi đến mọi người là mong sao tất cả đều bình an thịnh vượng và nhà nhà trên dưới cùng ca khúc ca vui mừng an lạc.

CHÁNH VĂN NGÂM

*Bồ-đào rượu thánh trà tiên,
Muôn năm cộng lạc chúa hiền tôi trung.*

Nhon-Nghĩa, ngày 29-5 Canh-Thìn.

CHÚ THÍCH :

BỒ ĐÀO: Rượu được chế biến từ trái nho. Tương truyền: Các vị tu Tiên thường nấu rượu bồ đào để đãi khách quý. Rượu bồ đào có đặc tánh: uống không say, uống nhiều càng bổ, không phải độc hại như các loại rượu ở thế gian làm. Nói đến bồ đào mỹ tửu là nói đến cuộc sống ở cảnh Tiên.

RƯỢU THÁNH TRÀ TIÊN: Rượu trà của các bậc Thánh Tiên dùng. Các Tiên ông thường hay tụ họp nhau đánh cờ, ngâm nga thi phú, tiêu khiển bằng rượu trà. Ngụ ý: Con người thoát tục, không mến công danh phú quý. Rượu Thánh trà Tiên còn có ý nghĩa chỉ tình bạn đậm đà, bình đẳng gắn bó, không phân biệt thân sơ, sang hèn.

CHÚA HIỀN TÔI TRUNG: *Chúa hiền:* Nhà vua nhơn đức, biết chiêu hiền đãi sĩ, trọng vọng người có công, tận tâm giúp kẻ nguy nạn; *Tôi trung:* Bày tôi một dạ trung thành với vua, với nước, hết lòng phò tá, chẳng ngại gian nguy. Tục ngữ có câu: “*Trung thần bất sự nhị quân*” (người tôi trung không phò hai chúa). *Chúa hiền tôi trung:* Chúa Thánh, tôi hiền hết lòng gắn bó bảo vệ dân lành và che chở non sông bờ cõi.

LƯỢC GIẢI :

Hai câu chót diễn tả cảnh thanh bình nhàn hạ của đời Thượng Nguơn Thánh Đức. Thầy tớ, chúa tôi họp nhau đàm luận đạo mầu, ngâm nga thi phú, thưởng thức trà Tiên rượu Thánh.

Đó là cảnh thái bình an lạc chưa từng thấy ở cõi thế gian. Muôn năm mới có một lần chúa hiền tôi trung cùng nhau vui thú.

Vậy ai là kẻ lanh trí thức thời, hãy cố gắng tu hành, làm tròn đạo nghĩa để sau này được có mặt trong cảnh giới đó.

**HẾT QUYỂN HẠ
TẬP 1/2**

CHỈ DẪN TRA CỨU (INDEX)

B

Ba ngàn thế giới, 41
Bàn Cử, 430
Bao biếm, 77,168
Bát nhã, 62
Bệ ngọc các lân, 93
Bể ái hà, 287
Bi động, 21
Biển Thước, 328
Bịnh sái ôn dịch, 390
Bóng thỏ, 172
Bôn phi, 239
Bồ đào, 438
Bố đức, 226
Bố thí, 217, 225
Bồng lai, 211, 222, 242
Bồn lai diện mục, 361
Bùi Kiệtm - TrịnhHâm, 321

C

Càn khôn, 44
Cang kỷ, 386
Cầm tú, 378
Cần triêu, 229
Cấp Cô Độc, 317
Cầu đá sông Ngân, 388
Cầu Ngân, 246
Cây ngô đồng, 382
Cây cáo, 321
Chay tánh, 353

Chàng ray, 34
Chánh kỷ hóa nhơn, 64
Chẳng phê, 96
Châu Xáng, 284
Chén quỳnh tương, 280
Chi lan, 126
Chí đức Hoàng Thang, 325
Chiến quốc Xuân Thu, 299
Chim ô thước, 387
Chim phụng, 382
Cho toi, 327
Chỗ tâm thần, 353
Chờ non phụng gáy, 295
Chơn lý, 186
Chủ nhơn ông, 361
Chúa Tần, 426
Chuyển thân, 203
Chư nhu, 56, 106
Chưa hân, 61
Chữ dạ, 52
Cỏ lan, 91
Cổ ngữ, 23
Cội thung, 101, 292, 379
Công đức, 344
Công khanh, 47
Cột đồng nhà Nam, 74
Cơ huyền, 9,12,167, 302
Cơ thâm họa diệc, 16
Cúc dục, 152
Cuồng quỳên giả hồ, 299

Cương thường, 181

D Đ

Di Đà, 244

Dĩ đạo tràng, 13

Dĩ thiên la, 24

Diêm phù, 220

Diệm hồng liên, 169

Diệu pháp, 203

Đá vàng, 19

Đào nguyên, 128

Đạo chích, 299

Đạo diệu, 164

Đạo đức, 12, 20

Đạo lý, 14

Đảo huyền, 17

Địa ngục, 200, 375

Điên, 18

Đò bát nhã, 397

Đoạn trường, 391

Đốc phủ sứ, 156

Đông độ, 287, 434

Đời cùng, 15

Đòn Bá Nha, 94

Dư huệ, 234

Dựng mười hai, 82

G

Ganh hiền ghét ngõ, 99

Gậy kim cương, 321

Gia vô bổ hộ, 80

Giác, 190

Giác Nam Kha, 182

Gió kếp mưa đơn, 144

Giọt sương đông hạ, 334

Giục vó cu, 369

H

Há khan, 14

Hà tiên, 72

Hạ nguon, 66

Hành thế lữ, 170

Hào quang, 433

Hiếu nghĩa, 97

Hoa Đà, 329

Hóa công, 133

Hoán võ hô phong 431

Hoàng Thang luật chế,
326

Hồ binh, 163

Hội Mây Rồng, 418

Hội tị, 177

Hội vị, 274

Hồng Lạc, 83

Hón đàn, 147

Hườn lai bốn tánh, 337

Hườn lai thượng cổ, 17

Huyền cơ, 271

Huyền khai nhứt khiếu,
350

Hư vô, 415

K

Khoa tràng, 79

Khùng Điên, 128

Khương Tử Nha, 294

Kiến huyền vi, 97

Kiến Tiên bang, 12

Kiểm Tiên, 149
Kim ngọc nan tri, 96
Kim Sơn, 21

L

Lạc nhân, 173
Lam kiều, 229
Lão giả..., 24
Lão sĩ, 177
Lê thứ, 32
Liệu diệu, 350
Liễu đạo, 338
Linh hồn, 69
Linh Khứ, 276
Linh miếu, 279
Linh quang, 132
Long ác nghiệt, 364
Long đình, 163
Long Hoa, 67
Lôi Âm, 77, 243, 247
Lời ngọc, 58
Luân thường, 339
Lục thông, 363
Lụy, 14
Lư bông, 294
Lương đồng, 398
Lương túc, 231
Lưu Hoàng Thúc, 310
Lý sắc không, 346

M

Ma ha, 157, 277
Mã song phi, 170
Mãng, 133

Mắt thánh, 204
Mây Rồng, 50, 398
Mèo mã, 46
Minh đức tân dân, 349
Minh mục, 277
Mộ khan thần tỉnh, 228
Một giáp, 79
Mưa ngâu, 334
Muời ngàn năm lẻ, 75

N

Não tâm tràng, 168
Nghịch chướng, 181
Nghịch duyên, 116
Ngoại quan hình, 289
Ngọc ẩn non Côn, 52
Ngọn bút sắt, 320
Ngộ thân ca, 234
Ngụ ngôn, 171
Nguồn bạch thủy, 61
Ngút mây, 70
Nhà họ Đồng, 308
Nhạc Nghi, 429
Nhạc Phi, 306
Nhơn Hoàng, 73
Nhược thủy, 384
Non Tần, 100
Non Thử, 294
Non tuyết san, 339
Nội quang cảnh, 289
Nôm, 384
Núi truông, 54
Núi vàng, 18

O Ô

Oai thỉnh, 243

Ô Ngân, 143

Ông bang, 218

P

Phải tá, 285

Pháp bất khả dùng, 291

Phật nhi, 101

Phật tánh, 347

Phật Thầy, 70

Phật Tổ, 142

Phế Đạo, 116

Phổ tế, 205

Phước huệ, 407

Q

Quá mồm, 377

Quan Công Hầu, 312

Quan quách, 197

Quạt ba tiêu, 366

R

Rạch lang tâm, 323

S

Sạ duon, 144

Sách Trung Dung, 131

Sáu trắng, 241

Sắc không, 185

Sắc thỉnh, 162

Sâm Thương, 133

Sở và Tề, 355

Sơn minh, 415

Suối Tiên Thánh, 370

Sư Đồ - Ngũ Viên, 284

T

Ta bà, 367

Tá quốc an bang, 86

Tà tâm, 60

Tà tây, 151

Tam Tạng, 355

Tam thập lục nhơn, 75

Tang bồng, 297

Tang bồng hồ thi, 411

Tảo tần, 228

Tay vin nhành quế, 398

Tăng sư, 28

Tâm thần, 105

Tâm trí, 11

Tây phương, 25

Tham tá, 156

Thầy lay, 243

Thâm ân dục báo, 339

Thậm khổ đa, 23

Thần, 115

Thập bát chư hầu, 14

Thất kỳ vọng tưởng, 65

Thầy Mạnh (Tử), 299

Thầy Nhan (Hồi), 351

Thê thái, 165

Thế tôn, 268

Thệ hải, 415

Thích Ca, 249

Thích Đạo, 34

Thiên cơ, 17

Thiên địa diệt gian..., 16

Thiên đường, 375
 Thiên lý, 59
 Thiên lý vị nhiên, 435
 Thiên oai...435
 Thiên Tào, 62
 Thiên trước, 27
 Thiên tứ, 417
 Thiên võng, 62
 Thiên trượng, 321
 Thiện nam, 207
 Thời lai vận bi, 166
 Thủ trụ, 350
 Thương hải tang điền, 16
 Tiệc quỳnh tương, 382
 Tiên bang, 45
 Tiên Phật, 10
 Tiên trưởng, 20
 Tiền nông, 218
 Tiền phi, 415
 Tín nữ, 207
 Tỏa bút, 61
 Toán biết, 271
 Tổ hộ, 406
 Tợ lửa lò, 53
 Tơ tóc, 181
 Trà đình, 164
 Trai đàn, 29
 Trần Di, 292
 Trần thế, 9
 Trần tô, 297
 Tri âm, 158
 Tri kỷ, 160
 Trí sĩ, 182
 Trục tiên khoa, 24
 Trung ba mặt, 39
 Trung Vương, 283
 Trương Ban Xương, 304
 Trương loan, 151
 Trương phu, 411
 Tu ký, 432
 Tu mi, 48, 108, 415
 Tu rị, 207
 Túc trái..., 325
 Tuổi hạc, 292
 Tứ mục điều, 66
 Tử thần, 194
 Tước hàm, 58
 Tường vân, 149
U
 U minh, 13
V
 Vàng mười, 134
 Vãng lai, 164
 Văn vật, 240
 Vận bĩ, 285
 Viên Thiệu, 311
 Viễn lự cơ hàn, 147
 Vó cu lụp bụp, 421
X
 Xá phước, 28
 Xảo hia, 218
Y
 Yên thử ẩm hà, 74

PHƯƠNG DANH ẨM TỔNG đợt 5
(Tiếp theo Quyền Trung)

1. Nguyễn Thị Phương Thảo (CA)	\$20
2. Ẩn danh (Santa Ana, CA)	\$20
3. Trịnh Thị Trang (CA)	\$20
4. Nguyễn Hữu Hạnh (WA)	\$30
5. Trần Nhi (CA)	\$100
6. Trọng & Hoa (CA)	\$100
Tổng thu đợt 5 :	<u>US\$290</u>

KẾT TOÁN

Phần Thu

Đợt 1 :	\$12,456.64
Đợt 2 :	\$1,341.16
Đợt 3 :	\$990.00
Đợt 4 :	\$660.00
Đợt 5 :	\$290.00
Tổng Thu :	<u>US\$15,737.80</u>

Phần Chi :

Đợt 1 :	\$2,429.90
Đợt 2 :	\$2,200.00
Đợt 3 :	\$2,987.32
Đợt 4 :	\$2,759.37
(Ăn phí Quyền Trung: \$2,250 + Shipping: \$509.37)	
Tổng Chi :	<u>US\$10,376.69</u>

Tồn Quỹ: \$15,737.80 - \$10,376.69 = **US\$5,361.11**

SÁM GIẢNG THI VĂN TOÀN BỘ CHÚ GIẢI

Tái bản lần 1 tại Hoa Kỳ, năm Nhâm Thìn, 2012, PL 2556.

Cho phép sử dụng tác quyền để ấn tống ở Hoa Kỳ do Cụ Bùi Văn Truyền, bảo huynh của cố Soạn giả Thiện Tâm.

Đại diện Ban Ấn Tống: Nguyễn Văn Mậu (San Jose, CA), tel: 408-504-9848. Đánh máy và layout: Nguyễn Văn Hiệp (Sacramento, CA), tel: 916-731-8331. Hiệu đính: Văn Thế Vĩnh (Gaithersburg, MD), tel: 240-506-8736